

Nét Chấm Phá Của Bức Điều Khắc Truyền Thân

Nguyên Tác: *A Chinese Mosaic*

Bette Bao Lord

Bản Dịch: Phan Lê Dũng

Mục Lục

LỜI NGƯỜI DỊCH

CHUYỂN TIẾP

BĂNG TRẮNG, BĂNG ĐỎ

NỮ DIỄN VIÊN

NGƯỜI HỌC GIẢ

GÃ HỀ

CỤU CHIẾN BINH CỦA CUỘC VẠN LÝ TRƯỜNG CHINH

DU HỌC SINH HỒI HƯỞNG

HÒN GẠCH

NGƯỜI KÝ GIẢ

NÔNG GIA

NGƯỜI TIỂU THƯỜNG

Kẻ KHẨN CẦU

BẠCH KHUYẾN

CÁN BỘ

NGƯỜI HOẠT NÁO VIÊN

NHỮNG BỨC CHÂN DUNG

NHỮNG CHUYẾN RA ĐI

SỐ MỆNH

CHIẾC ĐIỀU ĐUÔI DÀI

ĐIỆP KHÚC

Lời Người Dịch

Khi nghe hai chữ Trung Hoa có lẽ chẳng có người Việt Nam nào tránh khỏi vấn đề bị đánh động phải suy tưởng ít nhiều. Sự suy tưởng đó nếu chẳng là những vấn đề sôi bỏng của thời sự như những vấn đề nội trị của Trung Hoa, những quan hệ ngoại giao giữa Trung Hoa và các nước khác thì cũng là những vấn đề văn chương như những bài thơ cổ thi Trung Hoa vẫn nổi tiếng ngàn đời phóng khoáng.

Đề tài Trung Hoa với người Việt Nam có thể là một đề tài chính trị cận đại như vấn đề Thiên An Môn, như vấn đề Đánh Tư Sản Mại Bản ở Chợ Lớn, có thể là một đề tài chính trị đã qua như phong trào Trăm Hoa Đua Nở, như cuộc Vạn Lý Trường Chinh và cũng có thể xa vời như những vần thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ hoặc Bạch Cư Dị. Sau bao nhiêu cuộc thăng trầm của lịch sử số phận của Trung Hoa dường như đã đi đôi với số phận của Việt Nam và người Việt Nam dường như lúc nào cũng nhìn vào số phận Trung Hoa để rút ra những bài học quý giá về cả các cách nhân sinh quan xử thế lẫn các đòn phép chính trị của người dân Trung Hoa. Đã không biết bao nhiêu thế hệ Việt Nam mang ảnh hưởng Trung Hoa nếu không về phương diện này thì cũng là về phương diện khác, đồng ý với Trung Hoa, bài xích Trung Hoa, vọng ngoại như Trung Hoa, ăn mặc kiểu Trung Hoa, tôn thờ Trung Hoa, khinh bỉ Trung Hoa nhưng có lẽ chưa có thế hệ nào bỏ qua Trung Hoa bao giờ. Yếu tố địa lý đã khiến người Việt Nam cảm thông nền văn hóa Trung Hoa chẳng khác nào như cảm thông chính nền văn hóa Việt Nam.

Trong quá khứ, người Việt Nam đã bị buộc phải hiểu Trung Hoa để giữ tình hữu nghị, bị buộc phải hiểu Trung Hoa để rút ra những giải pháp có thể đem áp dụng vào những quốc sách để giải quyết các vấn đề khó khăn trong nước, bị buộc phải hiểu Trung Hoa để có thể tiên liệu được những đòn phép của Trung Hoa mà giữ vững được nền độc lập. Qua những giai đoạn hiểu biết bắt buộc truyền đời đó, có lẽ sự hiểu biết của người Việt Nam đã trở thành một thứ phản xạ tự nhiên đến độ gần như ai cũng xem chuyện hiểu Trung Hoa là lẽ đương nhiên.

Tuy thế, người Việt vẫn thường hiểu Trung Hoa như một đối tượng chứ ít khi nhìn Trung Hoa như đang nhìn trực tiếp vào những sự suy tưởng của chính mình. Rất ít khi người Việt Nam đặt thẳng câu hỏi Trung Hoa là gì? Trung Hoa suy nghĩ ra sao? Trung Hoa cần phải giải đáp chính những vấn đề khó khăn của họ thế nào? Những câu hỏi này thường là những câu hỏi lớn quá, bao quát quá và có lẽ ngay cả chính người Trung Hoa cũng chưa thể trả lời đích đáng.

Không biết bao nhiêu thế hệ Trung Hoa đã vật vã để trả lời câu hỏi Trung Hoa. Câu giải đáp của Khổng Tử, của Tần Thủy Hoàng, của Tôn Dật Tiên,

của Tưởng Giới Thạch, của Mao Trạch Đông, của Đặng Tiểu Bình, của... Mỗi câu giải đáp là mỗi lần các thế hệ Trung Hoa ngã gục. Chiến quốc, Xuân Thu, Chiến Tranh Quốc Cộng, Cách Mạng Văn Hóa, Cách Mạng Đổi Mới nhảy vọt. . . Câu chuyện Trung Hoa dường như không bao giờ biến đổi, tất cả những suy nghĩ về Trung Hoa lúc nào cũng âm ỉ, không dồn dập, nhưng vẫn xoáy tròn như những cơn trốt nhỏ cứ lãnh đãng ở tất cả mọi nơi và bất cứ lúc nào cũng có thể quện lại thành những cơn lốc, cơn bão quện theo hàng vạn con người quật quã trong độ xoay chuyển. Những cơn bão đó thỉnh thoảng lại đột xuất ra ngoài như chiến tranh Á Phiến vào cuối đời Thanh, như chiến tranh Quốc Cộng trong thế chiến thứ hai, như những chuyến đi đêm ngoại giao của Chu Ân Lai với Kissinger nhưng đa số những cơn bão tố ghê gớm đó vẫn hoành hành âm ỉ bên trong nội địa Trung Hoa. Đối với thế giới bên ngoài Trung Hoa vẫn ngàn đời bí ẩn, thế giới bí ẩn đó được phác họa lại trong Nét Chấm Phá của Bức Điều Khắc Truyền Thần bằng câu chuyện kể của một thiếu phụ Trung Hoa.

Người kể là một cô bé sang Hoa Kỳ vào lúc tám tuổi và có dịp trở về Trung Hoa với cương vị phu nhân của một đại sứ Hoa Kỳ. Bà về Trung Hoa ngay từ lúc đầu khi Hoa Kỳ bắt đầu bình thường hóa các quan hệ ngoại giao với Trung Hoa và rời Trung Hoa vào lúc phong trào biểu tình ở Thiên An Môn kết thúc.

Câu chuyện mở đầu bằng câu chuyện của một tù nhân dùng một cái chai để đánh dấu sự hiện hữu của chính mình. *“Ừi chẳng có gì để làm, anh thường nhặt những mảnh kim loại óng ánh thường rớt ra mỗi khi người ta cắt kim loại để bỏ vào một cái chai. . .”* Ấn tượng tù tội được diễn tả thật đột ngột bằng những câu văn thật ngắn và rồi kết thúc thật nhanh. Cả câu chuyện dường như chỉ chiếm trọn vài hàng. Câu chuyện đó dừng lại để trở thành tâm sự người kể, chia hai để mô tả những cảnh tượng khác biệt giữa hai thế giới, một Đông Phương, một Tây Phương, chia hai để diễn tả hai quãng đời trái ngược, một quá khứ, một hiện tại, chia hai để diễn tả hai cảm tưởng của tâm hồn, một suy tư, một hồi niệm và rồi bất thành linh người kể bước ra ngoài để trở thành người nghe.

Từng người Trung Hoa bắt đầu kể chuyện, câu chuyện của người thầy giáo bị đầu tố trong cuộc cách mạng văn hóa, câu chuyện của người nữ diễn viên bị ép giữa hai mặt của một cuộc đời, câu chuyện của một học giả tìm nguồn sống bằng tài liệu, câu chuyện của người bác sĩ giải phẫu bị bẻ tay, câu chuyện của người sinh viên ưu tú đánh thầy. Tất cả đều được kể lại bằng những khúc hồi tưởng, bằng những câu nói thật mộc mạc, chân thành. Tất cả đều là những người bình thường bị bắt buộc phải đương đầu với những nghịch cảnh khác thường. Cuộc đời của họ gần như đi đôi với nhịp điệu xô đẩy thất thường của các cuộc cách mạng, các phong trào nhảy vọt, của các kế hoạch ba năm, năm năm. Tất cả đều là những người mang cảm giác tội lỗi. Cuộc đời của họ chẳng khác nào những sợi giây thòng lọng cứ thắt dần, thắt dần. Thỉnh thoảng cũng có những ánh chớp loé lên nhưng gần như tất cả cuộc đời của những người kể đều là những quãng đời nhọc nhằn, tuy thế họ không hề than van. Họ vẫn âm thầm chấp nhận. Có lẽ bốn ngàn năm ảnh hưởng của Khổng, của Lão, của Phật đã khiến họ sẵn sàng chấp nhận tất cả. Ưu tư của họ nếu có chẳng thì

cũng chỉ là về những thế hệ sau. Họ muốn bảo tồn những cái họ cho là đáng bảo tồn nhưng không còn giá trị gì đối với xã hội của con cháu họ. Họ muốn con cái họ thông cảm những vấn đề chẳng ai thông cảm họ nhưng con cháu họ chẳng muốn nghe *“con cái cho bố mẹ chúng nó là những người đại dột.”* Tâm hồn bình lặng của họ có lúc trong sáng như mặt nước Đại Hồ nhưng có lúc lại sâu thẳm quanh co chẳng khác nào bức tường Vạn Lý Trường Thành. Ngay cả những lúc nói chuyện họ cũng chẳng thể nói trực tiếp. Họ mượn những cuộn băng để tránh phải kể chuyện trực tiếp. Có thể là họ sợ bị chính quyền truy nã một khi câu chuyện của họ được viết ra mà cũng có thể họ đã quên mình trong câu chuyện, câu chuyện của họ vượt lên trên câu chuyện của một cá nhân để trở thành câu chuyện điển hình của từng giai cấp. Tất cả đều kể bằng hai quan niệm, vừa đem kinh nghiệm điển hình của bản thân để làm cho câu chuyện linh động và sát với cuộc sống, vừa bỏ qua tên tuổi để cho câu chuyện có tính cách đại biểu chứ không phải là câu chuyện của riêng một cá nhân.

Song song cùng quyền vào lời kể của những câu chuyện ghi lại là câu chuyện gia đình của người kể. Cuộc đời của người kể cứ vòng quanh và xoáy dần vào quá khứ. Câu chuyện của chính bản thân, của người em ruột bị bỏ lại ở Trung Hoa, câu chuyện họ nội qua người cô, người chú, câu chuyện họ ngoại qua những người dì, người cậu đi ngược lại đến thế hệ trước, thế hệ trước nữa và thế hệ trước nữa. . . Câu chuyện đôi khi nghiệt ngã như tấm hình nội tổ của người kể bị Vệ Binh Đỏ gạch mặt, đôi khi thăng thốt như câu chuyện hài cốt của bà nội người kể trong chỗ thờ không còn bức di ảnh, đôi khi bàng hoàng như mảnh mộ bia của ông ngoại người kể bị xéo đi trong khi ngôi mộ bị san bằng. Dường như người kể trở về Trung Hoa để cố tìm hiểu chính ngay cả cuộc đời mình *“Tôi thấy một người đàn bà ngoại năm mươi đang đi giữa...”* Dường như ở đâu người kể cũng tìm. Người kể nhìn vào chính những suy nghĩ của mình, nhìn vào những cuộc sống bên ngoài, nhìn qua đôi mắt khách quan, nhìn bằng đôi mắt chủ quan, nhìn sang bên, nhìn về phía trước, phía sau. Đôi khi người kể nhận diện được mình phần nào qua câu chuyện của một người em họ *“Nếu là tôi chắc tôi đã không đủ can đảm để chôn cất bà ngoại được như ý!”* Đôi khi người kể xuất thân đến gần như tiếp xúc được với những mối dây vô hình ràng buộc với tổ tiên: *“Ông ngoại tôi an nghỉ ở Tô Châu, mộ ông nằm dưới bóng mát của một bụi trúc... Phiến đá đó là di tích, của ông ngoại tôi, của chúng tôi, của cội nguồn gia tộc. Chính nhờ vào phiến đá đó mà những thế hệ sau này dù không còn nói được tiếng Trung Hoa, dù trông không còn giống người Trung Hoa vẫn có thể nhìn vào đấy để cảm thấy những cảm giác cội nguồn của mình như tôi đã cảm thấy khi đứng trước mộ ông ngoại chiều nay...”*

Tất cả những câu chuyện kể lại đều có dính dáng ít nhiều đến chính trị, đều được mở đầu bằng chính trị. Có lẽ tất cả những phong ba trong cuộc sống của những người kể đều bị các động cơ chính trị thúc đẩy. Chính trị hiện diện một cách lạ lùng như thể vừa ở bên trong mà cũng vừa ở bên ngoài câu chuyện. Chính trị hiện diện chẳng khác nào những thực tế xảy ra trong đời sống Trung Hoa, chẳng khác nào những nét điêu khắc đang khảm, tạc khuôn mặt Trung Hoa. Có lúc chính trị thôi thúc chẳng khác nào kêu gọi người dân Trung Hoa vùng lên, có lúc chính trị lại đứng dừng, lạnh lùng như đòi hỏi

người dân Trung Hoa phải chấp nhận những gì nằm trong tầm với. Các chương sách lồng vào nhau thật là kỳ lạ. Đề tài của những cuộc đời của hai người, của nhiều người của từng người mà dường như vẫn chỉ là câu chuyện của một người. Nếu không có những mảnh ngoặc () đánh dấu đôi khi người đọc không thể phân biệt được câu chuyện nào là câu chuyện của chính bản thân người kể, câu chuyện nào là câu chuyện người kể được nghe và ghi lại. Câu chuyện miên man dường như chẳng bao giờ kết thúc, đoạn nào cũng chỉ là những đoạn chỉ mới vừa được phác họa và còn cần được kể rõ chi tiết thêm. Người kể đã lồng câu chuyện của mọi người vào câu chuyện của gia tộc nhà mình, lồng câu chuyện gia tộc của mình vào câu chuyện chính trị của toàn thể Trung Hoa. Chuyện kể vừa là ký sự, vừa là tâm sự vừa là lịch sử viết lại bằng những cuộc đời của những người Trung Hoa đã sống như thế trong hàng thế kỷ.

Câu chuyện không khỏi khiến người đọc phải gọi lại những chiến dịch tẩy thanh tất cả những phần tử quốc gia của Việt Minh dưới thời kháng Pháp, gọi lại những chuyện tố khổ bạo tàn trong các cuộc cải cách ruộng đất ở Việt Nam vào những năm 1954–1955, gọi lại những thảm cảnh tù tội sau năm 1975, gọi lại những chuyện hão huyền mơ vọng của những con người đã mù quáng vì sự xô đẩy của các ý thức hệ. Câu chuyện tuy là những câu chuyện thật viết hoàn toàn trong khung cảnh hiện tại mà vẫn pha đậm những nỗi xót xa khiến người đọc không khỏi lúc thì nhớ đến chuyện Ăn Cơm Chứa của Bình Nguyên Lộc, lúc thì cảm thấy nổi bâng khuâng trong chuyện Những Bước Chân của Lỗ Tấn hoặc cảm thấy những bế tắc không lối thoát của những nhân vật trong chuyện Kalfka.

Tất cả những câu chuyện kể bùng ra như những mảnh vụn của một trái phá, thoát nhìn thì dường như mỗi mảnh bay đều bay về một hướng hoàn toàn độc lập và khác hẳn nhau nhưng nếu nhìn kỹ thì dường như tất cả những mảnh vụn đó đều phụ thuộc vào chiều hướng nguyên thủy ban đầu của trái phá trước khi chưa nổ. Quỹ đạo của những mảnh vụn li ti đó là những nét điều khắc tạo nên hình ảnh truyền thần của khuôn mặt Trung Hoa.

Vienna, 11/1/1992
Phan Lê Dũng

CHUYỂN TIẾP

T HỨ BẢY NGÀY 15 THÁNG 4, 1989...HỒ DIỆU BANG, CỤU TỔNG BÍ THƯ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN QUA ĐỜI.

Vào lúc tôi viết lại câu chuyện này thì người kể chuyện cho tôi vẫn còn bị tù. Câu chuyện của anh ta như sau: Để giết thời giờ, một tù nhân đã cố nhặt những mảnh vụn kim loại óng ánh trong những đồng rác sau mỗi lần quét

chỗ làm việc. Những mảnh kim loại này là những mảnh rất nhỏ thường hay rớt ra mỗi khi người ta cắt kim loại. Anh ta bỏ những mảnh vụn kim loại đó vào một cái chai. Nhiều năm sau, khi được thả, vì chẳng còn gì để mang theo nên anh ta mang theo những mảnh kim loại vụn đó để đánh dấu những năm tháng rỗng rã trong tù.

Về nhà, anh vẫn sống theo thời khóa biểu của một tù nhân, y như thời khắc giờ tù đã định khi anh còn trong ngục. Vì đã quá già, anh không còn làm việc được nữa. Hàng ngày anh vẫn đi bộ trong những khoảng cách vạch sẵn hết như lúc anh còn trong ngục — Bốn bước tiến, bốn bước lùi, bốn bước tiến rồi bốn bước lùi.

Rồi để giết thời giờ, ngày nọ anh đập vỡ cái chai để đếm thử xem anh đã nhặt được bao nhiêu mảnh kim loại vụn. Đập xong cái chai anh bật khóc — Giữa những miếng mảnh chai ngổn ngang, đồng sắt vụn đã rỉ ra và ăn liền vào nhau thành hình cái chai.

Tôi sắp sửa rời Bắc Kinh. Sau ba năm sống cuộc đời của một phu nhân đại sứ Hoa Kỳ ở Trung Hoa, cuộc sống của tôi cũng đầy ắp mâu thuẫn chẳng khác gì những mâu thuẫn truyền đời của Trung Hoa. Tôi vừa làm việc, vừa không làm việc. Tôi vừa thay đổi lại vừa không thay đổi. Tôi vừa có đầy dẫy bạn bè, vừa đơn độc. Tôi vừa có danh vọng lại vừa bị nghi ngờ. Tôi vừa là kẻ bàng quan lại vừa là người trong cuộc. Trong khoảng thời gian đó, tôi chưa bao giờ vui hơn mà cũng chưa bao giờ buồn hơn.

Trước khi những mẩu chuyện ở Trung Hoa vượt quá tầm nhận định của tôi hoặc thay đổi tôi trở thành một thứ khuôn mẫu cứng nhắc, tôi muốn tổng hợp tất cả mọi sự kiện để tìm hiểu xem đâu là căn nguyên của sự mâu thuẫn. Tôi chẳng thể làm được điều này ở Trung Hoa. Dĩ nhiên những vấn đề phức tạp của Trung Hoa không cho phép tôi được rảnh rang để có thể tổng hợp được những mẩu chuyện đó. Trung Hoa lúc nào cũng náo nhiệt, lúc nào cũng lủ lượt không ngừng, hết chuyện này lại đến chuyện khác. Trung Hoa lúc nào cũng đầy ắp hình ảnh đáng viết. Gần như đời sống của mỗi người Trung Hoa là một câu chuyện. Ở Trung Hoa, ngay cả cuộc sống của tôi cũng đã quá phức tạp. Tôi cần có cả không gian lẫn sự yên tĩnh. Tôi cần trở về Hoa Kỳ.

Nhà tôi, đại sứ Winston Lord, cũng vì một lý do riêng nào đó, đã quyết định từ chức từ mùa hè năm trước. Tuy thế ông vẫn còn ở lại cho đến khi vị tân tổng thống gửi một đại sứ mới sang thay thế.

Vào trưa ngày 15-4-1989, giữa lúc chúng tôi đang sửa soạn cho buổi tiệc cuối để từ giã bạn bè thì tòa đại sứ điện thoại cho biết tin ông Hồ Diệu Bang qua đời. Nhà tôi đã có lần gặp cựu Tổng Thư Ký Hồ Diệu Bang ở Trung Nam Hải. Trung Nam Hải là một vùng biệt lập dành riêng làm khu cư ngụ cho giới lãnh đạo Trung Hoa. Trong những vùng biệt lập đó, giới lãnh đạo sống cuộc đời vương giả chẳng khác nào những vua chúa thời xưa. Rất ít khi họ bước ra khỏi phạm vi của những bức cấm thành cao ngất. Riêng tôi thì vẫn chưa gặp Hồ Diệu Bang bao giờ.

Hồ Diệu Bang đã mất hết quyền lực từ năm 1987. Ông bị Đặng Tiểu Bình cất chức dưới áp lực của nhóm bảo thủ. Hồ Diệu Bang là một trong những người hiếm có trong giới lãnh đạo Trung Hoa. Ông đã sống đúng với con người thật của ông. Và chính vì thế nên ông đã vượt quá những khuôn khổ giới hạn của Đảng. Ông chấp nhận tình cảm. Ông có đam mê và là một con người ly kỳ. Dáng người Hồ Diệu Bang nhỏ thó, thấp hơn cả người đỡ đầu ông là Đặng Tiểu Bình. Tuy thế, người ông lúc nào cũng đầy ắp năng lực. Ông di chuyển liên liên nên trông ông lúc nào cũng như người đang nhảy. Có lúc trông ông gần như đong đưa trên đầu của những cơn lốc thời sự. Có lần ông đã lên tiếng đề nghị Trung Hoa bỏ đua để dùng nĩa cho hợp vệ sinh. Một lần khác, ông đã chỉ trích tham nhũng ở những tầng lớp cao nhất của chính quyền.

Những cá tính của ông vừa làm người Trung Hoa thích ông mà đồng thời cũng làm cho chính họ xa ông. Thực ra vấn đề cải cách ở Trung Hoa đã tiến hành kể từ cả thập niên trước nhưng nói chung, phản ứng của người dân Trung Hoa đối với vấn đề cải cách vẫn chưa có gì rõ rệt. Một mặt, họ kinh tởm những bộ mặt đạo đức giả của giới lãnh đạo, nhưng mặt khác họ lại quen với những quan niệm rằng nếu đã là người lãnh đạo thì ít nhất cũng phải có được một tư cách nhất định nào đó của người lãnh đạo. Kể từ thời Tần Thủy Hoàng cho đến thời Mao chủ tịch thì tư cách của người lãnh đạo phải là cương quyết, cứng rắn và trang nghiêm. Tư cách lãnh đạo này đã hẳn không hợp với tính tình của Hồ Diệu Bang.

Vì biết rằng người Trung Hoa không có cảm tưởng rõ rệt về Hồ Diệu Bang, tôi đã cố gắng không để tin tức Hồ Diệu Bang ảnh hưởng buổi tiệc tối của chúng tôi hôm đó. Khi quyết định dấu tin Hồ Diệu Bang, tôi đã quên rằng chết là một sự hoàn mỹ. Đây là một quan niệm cơ bản của rất nhiều nền văn hóa, nhất là nền văn hóa Khổng. Văn hóa Khổng lúc nào cũng coi trọng vấn đề tư cách. Tư cách vốn chỉ là những hình thái bên ngoài và lúc nào cũng có thể thay đổi chứ chẳng phải bất biến như những bản chất thật tiềm ẩn bên trong con người. Khổng Tử là một triết gia đặt nặng vấn đề tư cách. Ông cho rằng tư cách chính là sự biểu hiện của con người và lý luận rằng bất người ta cùng một lúc phải thay đổi cả bản chất lẫn tư cách là đòi hỏi quá nhiều. Chỉ cần giữ được tư cách là đủ. Bởi vậy, người Trung Hoa lúc nào cũng xem trọng nghi lễ. Vì tang lễ là nghi lễ cuối cùng, họ thường làm tang lễ cực kỳ trọng thể. Tuy họ đang sống trong một thế giới chuộng ý thức hệ và xem trọng ý tưởng như thế giới ngày nay mà người Trung Hoa vẫn xem trọng tang lễ. Dĩ nhiên, nếu Trung Ương Đảng có thể nhắm mắt làm lơ cho phép dân chúng tổ chức đám tang của Hồ Diệu Bang thật trọng thể theo đúng phong tục Trung Hoa thì đây là một cơ hội cho sinh viên có dịp thành thực phát biểu cảm tưởng. Đã hẳn là giới sinh viên, thực sự có hảo cảm với một người lãnh đạo thiết tha với vấn đề cải cách, nhất là khi người đó lại bị nhóm bảo thủ dồn ra khỏi chính quyền. Họ muốn mượn dịp tang lễ để tưởng niệm Hồ Diệu Bang và cũng để chứng tỏ sự lo lắng của họ đối với đất nước nữa. Các sinh viên trẻ đã mượn dịp tang lễ để tuyên dương với thế giới bên ngoài rằng Hồ Diệu Bang chính là vị anh hùng của phong trào dân chủ. Như thường lệ, khách đến dự tiệc giã từ của chúng tôi hôm đó vẫn đến sớm hơn giờ mời. Đây là một tập tục

của người Trung Hoa khác hẳn với thói quen thích đến hơi trễ của người Hoa Kỳ. Tập tục này phát xuất là do những nhu cầu cần thiết của đời sống hàng ngày ở Trung Hoa. Thông thường thì trong những buổi tiệc riêng của chúng tôi, dù tôi có sửa soạn trước bao nhiêu đi nữa, tôi cũng vẫn trễ. (Nhà tôi thì lại có mặt đúng giờ gần như không sai một phút. Có lẽ đây là một trong những sự kiện chứng tỏ câu ngạn ngữ thông thường — Người Trung Hoa thay đổi để thích ứng, người Hoa Kỳ thì khăng khăng giữ chặt lấy tập tục của mình.)

Tối nay quang cảnh cũng chẳng có gì khác hơn thường lệ. Tuy rằng tôi đã xuống nhà sớm hơn nửa tiếng, mà một nhóm nhà văn đã tề tựu trước trong căn phòng mà chúng tôi vẫn gọi là phòng mừng 4 tháng 7. Có lẽ ngoài ngày 4 tháng 7 ra, chúng tôi chưa bao giờ dùng đến căn phòng đó. Trong những dịp Lễ Độc Lập thì đại đa số quan khách thường ăn uống và chuyện trò ngoài vườn trong khi ông đại sứ và những quan khách cao cấp trong giới chức Trung Hoa tề tựu ở phòng 4 tháng 7 để gia nhân tiện bề phục dịch. Đây là một tập lệ của địa phương mà cả tôi lẫn nhà tôi đều ghét. Chúng tôi khó thể tưởng tượng rằng ngay trong một xã hội không giai cấp như xã hội Trung Hoa mà nạn phân biệt giai cấp vẫn còn phổ thông.

Tôi vừa mới bắt chuyện với nhóm nhà văn thì họ đã ngỏ lời khen cách phục sức của tôi ngay. Hôm đó tôi mặc áo chèn dài màu đỏ. Đây là màu thường phục của những công chức cao cấp của các đế quốc. Cách phục sức của tôi vào ngày nhà tôi từ chức do đó hơi có vẻ chua chát. Sau khi khen cách phục sức của tôi thì nhóm nhà văn lại tiếp tục bàn luận. Liệu có nên làm bộ trưởng hay không? Đây là vấn đề của một nhà văn ở Thiên Tân. Nhà văn này đã nghe phong phanh rằng có thể ông sẽ được chọn làm Bộ Trưởng bộ văn hóa. Thế là lại một lần nữa, những ý tưởng mâu thuẫn về vấn đề tham–chính của người Trung Hoa trở thành đề tài bàn luận. Người Trung Hoa vẫn coi chính trị là cao quý hơn tất cả và họ đã ví cơ nghiệp chính trị như *“những nấc thang của danh vọng.”* Nhưng kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1949, khi Mao Trạch Đông đứng trên ngưỡng cửa ban công Thiên Bình và tuyên bố rằng Trung Hoa đã được giải phóng thì tham–chính lại trở thành một vấn đề nguy hiểm. Rất ít khi những nhân vật tham–chính được trở về với đời sống an bình. Kể từ ngày đó, nhiều chính trị gia đã bị hạ nhục hoặc đối xử tệ hơn cả hạ nhục nữa. Ở Trung Hoa, nghệ thuật được đưa ra nào phải là một thứ nghệ thuật vị nghệ thuật? Nghệ thuật được đặt ra chẳng qua chỉ để ca ngợi đường lối của Đảng ở một giai đoạn nào đó. Vì thế, cái gì được hoan hô hôm nay có thể là những cái cần phải loại bỏ ngày mai.

Tôi cho ý kiến người bạn rằng nếu được chọn làm Bộ Trưởng Văn Hóa thì anh nên nhận. Tôi nói rằng dù sao thì cương vị Bộ Trưởng Văn Hoá cũng hợp với một nhà văn có thiện chí và tha thiết với giới văn nghệ sĩ hơn là một nhân vật của Đảng đưa ra hoặc là một con ông, cháu cha nào đó của những người trong trung ương Đảng. Anh ta gật đầu miệng chậm rãi nở một nụ cười gần như toe toét. Tôi hơi nhúm mày vì bất chợt cảm thấy rằng có lẽ anh ta đang tơ tưởng ngầm đến những quyền lợi và tiền bạc đi đôi với chức vụ đó. Anh ta vừa nhíp ngón tay vừa nhắc nhở tôi rằng trước đây đã có lần tôi khuyên anh ta nên tham gia vào Đảng. Sau đó anh ta hỏi rằng lời khuyên đó bây giờ có nên thực hiện hay không? Tôi đỏ mặt. Trước khi đến Bắc Kinh, tôi thường nghĩ

rằng thay đổi Đảng từ phía trong chẳng những chỉ là một cách đặt vấn đề thực tiễn mà còn là một trong những cách an toàn nhất nhất để tiến hành cải cách. Sau này, tôi không còn lạc quan như trước nữa. Sự nghi ngờ của tôi phát xuất từ chính những bạn bè của tôi đã tham gia vào Đảng. Nếu chính họ cũng chưa lạc quan thì tôi còn dám dựa vào đâu để lạc quan?

Trong khi những nhà văn khác bắt đầu bàn luận về đề tài Đảng cần phải được ưu đãi giới cầm bút thì tôi và nhà văn của vùng Thiên Tân tách dần ra khỏi đám đông. Vì chẳng biết bao giờ mới có dịp gặp lại nhau, tự nhiên chúng tôi cùng đồng ôn lại chuyện cũ. Chúng tôi kể lại những cảm tưởng trong các cuộc gặp gỡ ban đầu và đưa dần đến chuyện tại sao anh ta lại trở thành một trong những người bạn đầu tiên của tôi ở Trung Hoa.

Tôi rời Thượng Hải vào năm 1946 vào lúc tám tuổi. Hai mươi bảy năm sau tôi lại trở về Trung Hoa để khám phá một mối liên hệ đã gắn bó với tôi gần như vĩnh cửu. Vì rằng bất kể họ có đi xa đến đâu hoặc đi bằng lộ trình nào thì người Trung Hoa vẫn chẳng thể chạy vượt ra khỏi cái bóng của những thế hệ cha anh. Những cái hố trống trải trong tôi bỗng nhiên được đông đầy khi tôi trở về nguyên quán. Tôi nghe những câu chuyện của họ hàng kể lại và cố tưởng tượng cuộc sống của mình nếu còn ở Thượng Hải. Khi đi từ Quảng Châu tới Tây An, tôi đã nhận thấy được một khuôn mặt mới của Trung Hoa và gặp nhiều họ hàng già trẻ thân thích. Tuy rằng mỗi khi gặp lại họ hàng là mỗi lần có những buổi tiệc hội ngộ nồng nặc, tôi vẫn không thể ngờ trước được rằng mình lại có thể tìm được những người bạn thân hiếm có trong đời ở Trung Hoa.

Năm tôi trở lại là năm 1973, lúc đó ở Trung Hoa dân chúng vẫn còn bị cuộc cách mạng văn hóa ám ảnh. Một vài người thân trong họ vẫn không dám gặp tôi. Đa số mọi người đều cố tránh gặp riêng người Hoa Kỳ. Họ lo sợ nếu lỡ tiếp xúc với người Hoa Kỳ mà chẳng may vì vấn đề gì, họ bị chính quyền truy vấn thì chẳng ai có thể chứng minh rằng họ vô can. Tôi biết rõ sự sợ sệt của họ khi chính mắt nhìn thấy hai người cô tôi đi đâu cũng cần thận nắm tay nhau, dù chỉ là đi ở trong phòng. Kể từ đó, tôi thể sẽ tự kềm chế những cách tiếp xúc hoặc bộc lộ tình cảm một cách tự nhiên trước công chúng một cáchá trực tiếp kiểu Hoa Kỳ.

Thế nhưng trong ngày cuối cùng ở Thiên Tân, sự tò mò kích thích đã khiến tôi quên cả dè dặt. Hôm đó, tôi chợt nhìn thấy một người Trung Hoa cao vượt khổ đi ngang nhà cô tôi. Khi người đó đi khỏi, tôi hỏi một người hàng xóm xem ông ta là ai. Người hàng xóm trả lời rằng người đó vừa là một lực sĩ nổi danh, vừa là một nghệ sĩ có tài và vừa là một nhà văn. Thế là tôi quên hết tất cả những lời đã tự hứa cần phải tự kềm chế. Tôi mời anh ta đến ăn cơm tối, mà quên hẳn rằng sự hấp tấp của tôi có thể dẫn đến nhiều chuyện không hay. Dù sao thì trước khi ông Kissinger giả vờ đau bụng để cùng nhà tôi đến gặp Thủ Tướng Chu Ân Lai, giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa cũng đã trải qua hai thập niên nghi kỵ. Hơn nữa, những người Hoa Kỳ thông thạo Hoa Ngữ và lại có liên hệ nhiều đến Đài Loan như tôi thường là bị nghi ngờ hơn cả. Tuy thế những phản ứng của một nhà văn lúc nào cũng là những phản ứng khó đoán và anh ta nhận lời.

Chúng tôi cùng nhau nói chuyện ở một tiệm ăn. Món vịt Bắc Kinh hôm đó chẳng khác nào một bữa ăn tinh thần. Chúng tôi bàn về sách vở, về nghệ thuật, về vấn đề cũ, mới. Cả hai chúng tôi đều ngạc nhiên về những chuyện kỳ lạ đã xảy ra trong đời mình. Tôi kể rằng trước đây tôi định sẽ theo học ngành Hóa, nhưng tình cờ trong một cuộc nói chuyện với một chủ công ty xuất bản qua một buổi tiệc tôi nhận lời viết quyển Tuần Trăng Thứ Tám, một quyển tiểu thuyết viết về đời người em út của tôi ở Trung Hoa. Anh bạn Trung Hoa kể rằng khi tốt nghiệp trung học xong, anh chưa bao giờ mơ ước trở thành một nhà thể thao chuyên nghiệp, nhưng tình cờ khi xem một đội tuyển bóng rổ tập dượt ở công viên, anh bỗng được người huấn luyện viên của đội tuyển đó chú ý. Chuyện tình cờ này khiến anh trở thành một trong những tuyển thủ của đội bóng lừng danh.

Câu chuyện của chúng tôi đã khiến những người thân trong họ hàng tôi cười rộ. Tuy thế, tôi cảm thấy rằng dường như họ đã cố che dấu nước mắt sau những tiếng cười. Người nào hầu như cũng đã phải chịu đựng những cơn thịnh nộ của các đội Vệ Binh Đỏ trong năm đầu của cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Những vết thương đó vẫn chưa hoàn toàn lành hẳn. Và khi nhắc lại những chuyện tình cờ thì dù những chuyện đó có hài hước đến mấy cũng khó khiến họ tránh khỏi xúc động.

Để đối đãi tài, tôi cho mọi người xem ảnh. Trong lúc vội vàng tôi quên rằng trong bức hình có cả con chó của gia đình. Tôi vẫn muốn dấu hẳn điều này. Con chó của gia đình tôi ăn thịt bò hàng ngày, được bác sĩ khám bệnh cẩn thận hàng năm và còn được huấn luyện để học khỏi làm phiền lòng hàng xóm. Đối với những người Trung Hoa phải lo toan từng miếng ăn, miếng uống mỗi ngày thì cuộc sống của con chó và gia đình tôi thật chẳng khác gì cuộc sống xa hoa đọa lạc của những bà hoàng thời cổ. Tôi vừa bối rối, vừa luống cuống, chẳng biết nói gì cho hợp. Người bạn tôi mỉm cười: *“Chị đừng nên để tâm đến những chuyện nhỏ nhặt đó chứ! Người ta ở đâu mà chẳng như nhau? Có lần tôi cũng có nuôi một con chim hót. Mỗi bữa ăn bà có biết là miếng ngon nhất để phần cho ai trước không?”*

Anh bạn tôi quả chẳng những là người tài hoa mà còn là người tâm địa thật hiền lành và đáng quý.

Khi bữa tiệc tàn, anh nói rằng anh sẽ vẽ cho tôi một bức họa.

Tôi mơ tưởng ngay đến một bức họa thanh thoát nào đó và lòng thấy nao nao.

Anh bạn nói thêm: *“Nhưng bà phải hứa rằng bà sẽ quay lại để nhận bức tranh và xem thêm phong cảnh Trung Hoa.”*

Nghe anh nhấn nhủ, bỗng nhiên tôi cảm thấy hồi hộp.

Hai năm sau anh bạn viết thư báo rằng: *“Bức họa đã hoàn tất.”* Bức thư đến thật đúng lúc. Tôi và nhà tôi sắp cùng Ngoại Trưởng Kissinger sang Bắc Kinh công du.

Nhưng tình hình chính trị ở Trung Hoa lúc đó đang căng thẳng. Người chủ xưởng thiết lập mối giao hảo với Hoa Kỳ là Thủ Tướng Chu Ân Lai sắp sửa qua đời vì bệnh ung thư. Nhân vật ông đỡ đầu là Đặng Tiểu Bình đang mất quyền lực và nhóm Giang Thanh đang nắm hết thực quyền. Trong lần công du đó, khung cảnh tiếp đón phái đoàn công du của chúng tôi thật là lạnh lùng và tôi không được phép đến Thiên Tân.

Năm sau, nạn động đất ở Thiên Tân làm 200,000 người thiệt mạng. Bạn tôi viết rằng tất cả những đồ đạc trong nhà anh đều bị ướt hoặc vỡ nhưng riêng bức họa của tôi thì vì anh ta cất ở trong một cái hộp thiếc đựng bánh bích qui nên vẫn còn nguyên.

Tôi cho rằng đây là vấn đề số mạng. Cho tới lúc đó, tôi vẫn nghĩ rằng bức họa chẳng qua chỉ là một thứ quà cảm ơn để đáp lại bữa tiệc tôi mời anh ta. Họa sĩ Trung Hoa vẫn thường cho bạn bè những bức họa của họ thay vì đem bán. Trước đây ở Hồng Kông, một người đầu bếp trong nhà bà cố tôi đã tìm cách để đòi một họa sư nổi danh phải đổi mỗi bữa ăn lấy một bức tranh. Gia đình tôi kể lại rằng vị họa sư đó lý luận thật khiêm nhường: *"Kể ra thì có gì là không công bằng? Chẳng qua tôi chỉ đánh đổi công sức của tôi với công sức của anh ta thôi mà!"*

Năm 1979, khi tôi trở lại Trung Hoa thì nạn động đất đã qua, Đặng Tiểu Bình đang mở rộng cải cách và nới rộng ngoại giao với thế giới.

Bạn tôi trông có vẻ mập ra. Tôi cũng vậy. Nhưng tình bạn của chúng tôi vẫn chẳng hề thay đổi. Đã đến lúc tôi có dịp được nhìn bức họa. Anh bạn mở nắp hộp bánh bích qui trông như thể một hộp đựng banh tennis và kéo ra một bức tranh lụa cuộn tròn. Vợ anh cầm một đầu, và anh từ từ mở dần bức họa. Tôi sững sờ vì ngạc nhiên. Bức tranh là một bức họa phỏng theo bức danh họa Cảnh Bờ Sông Trong Tiết Thanh Minh của Trương Sĩ Điện, một họa sư đời nhà Tống. Qua biết bao nhiêu thế kỷ, bức danh họa đó đã được các họa sĩ tài danh đời sau phỏng lại. Những nét vẽ tài tình của bạn tôi đã phỏng lại cả từ những nét nhạt mờ của màu sắc lẫn những nét biến ảo kỳ diệu đã khiến bức họa trở thành một trong những bức danh họa bậc nhất trong suốt tám thế kỷ.

Bức họa bắt đầu từ phía ngoại thành nơi những người buôn bán đang cõng lừa ra chợ và những nông dân đang đi bộ qua những cánh đồng sang cảnh những nhà quyền quý uống trà ngoài hiên cho đến cảnh những người phu đang khuân hàng từ các bến tàu.

Một đám đông đang tụ họp ở xung quanh nơi một chiếc cầu gọi là Cầu Vòng. Phía dưới là một chiếc thuyền buồm đang bị vướng cột buồm vào thành cầu. Ngược giòng phía trên, những người chèo trên một chiếc thuyền khác đang ra sức chèo, cố đổi hướng để khỏi gây ra tai nạn. Khách bộ hành trên cầu và trên bờ đang ra sức hô hoán chỉ bảo cách chèo.

Dọc theo hai bên vệ đường, hàng quán bày bán đủ mọi thứ. Trong các cao

lâu khách đang đứng hóng gió ngoài các ban công. Những rặng liễu xanh trải thành những hàng dài tít tắp. Dọc bờ sông những xe đẩy, xe bò đang cùng chậm rãi đi theo những khách nhàn du. Thấp thoáng có cả bóng các con lợn cùng đi xen lẫn.

Đường vào thành phố bắt đầu bằng một chiếc cổng thành trạm trổ. Một đàn lạc đà đang kéo một đoàn xe đi vào, cờ bay phất phới. Một nhà nho đội nón rộng vành và ba người theo hầu đang bàn chuyện quốc sự cùng những vài ông quan mặc trường bào. Ở một chỗ khác, một đám đông đang lắng nghe một ông thầy mãi võ giảng giải cạnh một người kể chuyện đang diễn lại những tích xưa. Xa xa là cảnh những người gánh nước đang mức nước giếng. Trong một tiệm cung, khách mua cung đang giương thử những cây cung bày bán. Có cả cảnh một người thợ hớt tóc đang hớt tóc và cảnh những ông thầy bói đang xem quẻ.

Cảnh vẽ gồm hơn 500 người. Một khung cảnh sống được lồng vào mười thước lụa.

Tôi nhìn chăm chăm vào bàn tay khổng lồ đang cầm bức họa rồi nhìn vào những đám người nhỏ nhắn với những khuôn mặt sống động trông nhỏ tựa những trái lựu trong bức họa, lòng cảm thấy vừa kính phục người họa sĩ, vừa băn khoăn vì thấy rõ rằng mình quả không xứng đáng với món quà tặng lớn đến như thế. Khi biết thêm rằng bạn tôi đã họa bức họa vào những tối anh rảnh, tôi lại càng cảm thấy mình không xứng đáng hơn nữa. Vì phòng vẽ chỉ là một căn phòng tí hon, thiếu ánh sáng và cũng là nơi anh và vợ con anh vừa ăn vừa ngủ nên mỗi lần vẽ anh không thể vẽ quá một phân vuông. Chính vì vậy nên thời gian vẽ bức họa mới lâu đến thế.

Anh chỉ vẽ có hai bức họa kiểu này. Bức trước là để Trung Hoa bán cho Bảo Tàng Viện của Anh Quốc đổi lấy hàng nhập cảng. Tuy rằng anh vẫn vẽ, nhưng không còn vẽ những bức họa tỉ mỉ loại này nữa. Vì sự tỉ mỉ của những bức họa như vậy đòi hỏi anh phải vận dụng mắt quá nhiều.

Tôi nói: “*Anh phải cho phép tôi đền đáp lại bằng một cái gì đó...?*”

Bạn tôi đáp ngay: “*Có chứ! Tôi xin bà treo ngay bức họa trong nhà. Có thể thì tôi mới cảm thấy thích thú vì biết rằng ở Hoa Kỳ sẽ có người xem được bức họa của tôi vẽ cảnh Trung Hoa.*”

Kể từ đó, mỗi khi có khách ghé thăm gia đình chúng tôi, tôi cũng đều dẫn khách ngay vào phòng ăn trước để xem bức họa Tiết Thanh Minh. Còn cách nào để tỏ lòng hiếu khách hay hơn là cho khách xem một món quà đánh dấu sự chân thành của tình bạn?

Vì đắm chìm trong những hình ảnh của quá khứ, tôi không để ý đến người bồi của tòa đại sứ đang bưng khay rượu đi mời cho đến khi anh ta hắng giọng. Tôi mời người bạn cũ một ly bia. Đây là món giải khát anh thích nhất. Anh ta gật gù, hài lòng vì tôi vẫn còn nhớ được món uống sở thích của anh. Chúng tôi vẫn cố cười. Người Trung Hoa thường thích nhắc lại chuyện cũ. Đầu óc

vẫn còn đầy ắp chuyện cũ, chúng tôi lại hỏi nhau những câu hỏi đã hỏi. Và câu hỏi cũng chẳng cần phải hoàn toàn trọn vẹn:

“Ông có bao giờ nghĩ rằng....?”

Bạn tôi trả lời trước: *“Không, thưa bà đại sứ...”*

“Không, thưa ngài bộ trưởng...”

Khách dự tiệc bắt đầu đến mỗi lúc một đông. Tổng số có đến ngoài trăm. Chỉ có vài người biết nói tiếng Anh, nhưng nhà tôi lại có thể thông cảm được tất cả. Tuy ông là một người Hoa Kỳ thuần túy và kiến thức của ông chỉ là một nhúm Quan Thoại vụn vặt, ông vẫn hòa đồng được với người Trung Hoa bằng một sự gần gũi gần như vượt qua cả bức tường ngôn ngữ. Người Trung Hoa vẫn nổi tiếng là có thể hiểu được người đối diện mà không cần phải dùng đến ngôn ngữ. Họ thường trông mặt nhà tôi để đoán ý và họ tin tưởng nhà tôi bằng những linh tính riêng của họ. Đây là một điều tôi chưa bao giờ hiểu được. Trong một xã hội tự hào về truyền thống dân tộc và nghi kỵ người ngoại quốc như ở Trung Hoa đây quả là một chuyện ly kỳ hiếm có.

Đa số khách của chúng tôi đều đã nhiều lần gặp nhà tôi nên tôi không còn bị trách móc gì về việc thiếu bốn phạm với chồng vì không chịu bỏ thời giờ dạy nhà tôi tiếng Tàu. Hầu như cũng chưa có ai coi đó là lỗi của nhà tôi. Nói đúng ra thì trách nhiệm phải là trách nhiệm của chính chánh phủ Hoa Kỳ.

Khi chúng tôi đính hôn, tôi vẫn chưa phải là công dân Hoa Kỳ. Theo luật lệ của Bộ Ngoại Giao nơi nhà tôi làm việc thì tôi phải chứng minh được rằng khi lập gia đình với nhà tôi ngoài vấn đề yêu thương thuần túy, tôi không còn mục đích nào khác. Vấn đề đồng ý của gia đình đôi bên không phải là vấn đề trở ngại. Thật ra thì dường như bất kỳ ai muốn lập gia đình với các nhân viên trong giới ngoại giao Hoa Kỳ đều phải đi qua một cuộc thẩm vấn thanh lọc. Đây cũng không hẳn là chuyện hoàn toàn vô lý. Vì rằng có ai dám quả quyết rằng tôi chẳng phải là một trong những người đàn bà có ý đồ như nữ gián điệp Mata Hari?

Tôi được một nhà chức trách cao cấp của Hoa Kỳ phỏng vấn. Người phỏng vấn tôi là một nhân viên bệ vệ, đeo kiếng thật dày. Ông ta tự xưng là nhân viên Szluc. Khi cuộc phỏng vấn bắt đầu, ông Szluc chăm chú xem xét những tập hồ sơ thật dày có đề tên tôi ngoài mép, rồi nói: *“Nếu cô bị rút cuộc phỏng vấn này thì chẳng ai có thể thay đổi sự tình được nữa. Ngay cả Tổng Thống cũng không thể lật ngược quyết định của tôi. Cô có hiểu rõ không?”*

Rõ chứ. Thực sự thì tôi cũng chẳng để ý gì đến người phỏng vấn. Tôi vẫn cho rằng ông ta chẳng qua chỉ là một thí dụ điển hình về vấn đề thiếu hiểu biết thông thường của những nhân viên hành chánh. Tôi không hề lo lắng vì quả thật chẳng còn việc gì đáng lo. Tôi đã được những người đi trước cho biết rằng nếu tôi nói tiếng Anh rõ ràng, tôi có trả thuế đầy đủ, tôi không có quá khứ tội phạm và tôi biết Tổng Thống Hoa Kỳ đương nhiệm là ai thì mọi chuyện đều xong.

Những người đi trước tôi đều sai. Trong suốt hai tiếng, ông Szluc liên tục hỏi tôi những câu hỏi vừa khó khăn, vừa bí hiểm. Vardis Fisher là ai? Rượu *“Cocktail Death in the Afternoon”* pha bằng những thứ nào? Điệu Mazurka và điệu Pavane khác nhau ra sao? Nói tên thủ đô của các quốc gia phía tây Phi Châu theo thứ tự của 13 thuộc địa đầu tiên.

Sau cùng ông Szluc đưa ra câu hỏi quan trọng nhất. Ông khuyên rằng tôi nên trả lời thật cẩn thận dù có phải mất thêm hai tiếng nữa cũng không sao. Ông hỏi: *“Nếu tôi không đồng ý sự thành hôn của cô và ông Lord thì cô sẽ làm gì?”*

Câu hỏi đó khiến tôi hơi bực. Tôi quạt lại: *“Ông Winston Lord có thể tìm được một chỗ làm việc khác chứ không thể tìm được một người bạn đời khác y hệt như tôi.”*

Cuối cùng ông Szluc đồng ý để chúng tôi thành hôn. Tuy thế, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cho chúng tôi biết những chính sách có liên quan đến những công tác tương lai của nhà tôi. Những chính sách đó là những chính sách mà Bộ Ngoại Giao vẫn thường áp dụng mỗi khi các nhân viên Ngoại Giao thành hôn với người ngoại quốc. Tòa đại sứ cho biết sự nghiệp của nhà tôi sẽ bị giới hạn vì lý do an ninh quốc gia. Vì gia đình tôi vẫn còn người thân ở vùng đại lục Trung Hoa và những sự liên hệ trực tiếp về nghề nghiệp của ông thân tôi với Đài Loan, nhà tôi sẽ không bao giờ được quyền tham gia vào việc thiết lập các chính sách của Hoa Kỳ với Trung Hoa.

Bởi thế nên nhà tôi không muốn bỏ thời giờ để học một thứ ngôn ngữ mà lý do gia đình khiến ông không bao giờ có dịp dùng tới. Tôi cũng cảm thấy hối hận rằng tôi đã không ép buộc nhà tôi học với lý do là nhà tôi nên học dù chỉ là học để cho riêng tôi mà thôi. Tuy rằng văn phạm tiếng Tàu rất đơn giản, tiếng Tàu chỉ có rất ít âm — khoảng độ 420 âm và tùy thuộc vào cách phát âm mà biến đổi nghĩa. Các cách phát âm *“ngang,” “cao giọng,” “uốn giọng,”* hoặc *“trầm”* đều có nghĩa khác nhau. Hơn nữa, vì tiếng Tàu không phải là kiểu chữ cái viết bằng mẫu tự La Tinh nên học chữ Tàu phải cần vận dụng trí nhớ rất nhiều để nhớ các mặt chữ. Khi sang Hoa Kỳ, tôi đã bỏ mất tính nhẫn nại. Chính vì thế nên mỗi khi nghĩ rằng về vấn đề phải ra công để giúp nhà tôi học cho thông suốt tiếng Tàu tôi lại ngần ngại. Cứ mỗi lần nghĩ lại vấn đề dạy nhà tôi học tiếng Tàu tôi lại tấm tắc tiếc rằng mình đã đánh mất một đức tính nhẫn nại đáng quý nhưng cũng mừng thầm rằng có lẽ nhờ tôi không ép nhà tôi phải học tiếng Tàu mà cuộc sống gia đình của chúng tôi bớt đi được rất nhiều căng thẳng.

Lúc này đang trong buổi tiệc cuối cùng của gia đình chúng tôi, tôi để mặc nhà tôi hòa đồng với những người khác và đi từng bàn để giã từ. Ở Trung Hoa phần đông những bạn bè thân thường ngồi chung với nhau. Người Trung Hoa, khác hẳn với người Hoa Kỳ, ít thích kết giao với những bạn mới. Bạn thân cũ lúc nào cũng dễ tin tưởng hơn. Bạn mới thì khó ai chắc được: Trong cuộc cách mạng văn hóa vừa rồi việc bạn bè tố cáo lẫn nhau vẫn còn rành rành; thận trọng đã trở thành một thói quen. Tuy thế, tôi vẫn chưa quen

được với cảnh một người bạn thân của tôi thường xuyên khuyên cáo tôi một cách thành thực rằng tôi phải để ý để phòng một người bạn thân khác.

“Coi chừng đó, người đó sẽ khai lại tất cả với công an.”

“Phải cẩn thận, người đó không thật lòng gì đâu.”

“Phải để ý, người đó lúc nào cũng lợi dụng tình bạn.”

“Phải thận trọng, người đó hay tiết lộ những chuyện kín”

“Phải coi chừng, người đó là ăng-ten.”

Chính vì thế nên tôi thường cố ý tránh không xếp đặt chỗ ngồi cho khách trừ phi phép xã giao bắt buộc.

Sau khi dùng bữa tối, một số bạn bè trong các bàn của nhóm *“hát xướng”* và *“sân khấu”* bắt đầu trình diễn và rồi thì cũng như những bữa tiệc khác, người nào thích khiêu vũ thì khiêu vũ, người nào thích chuyện trò thì lại tiếp tục chuyện trò. Tôi và nhà tôi thì vừa khiêu vũ, vừa trò chuyện. Quan khách ồ ạt hưởng ứng khi cả hai chúng tôi cùng bước ra sàn để khiêu vũ một bản Disco với người nhà. Trong suốt buổi tiệc, gần như lúc nào khách cũng đòi chúng tôi đứng chung để chụp hình kỷ niệm. Ai cũng đem theo máy hình.

Tôi bỏ qua không đề cập gì đến việc phải nói những câu giả từ. Chuyện từ giả thường làm tôi ray rứt. Tôi nói với bạn bè rằng đây không phải là một cuộc giả từ vĩnh viễn. Chỉ riêng nhà tôi phải quay về với bộ Ngoại Giao trong vòng một tuần. Tôi sẽ theo nhà tôi đến Singapore ba ngày, sau đó tôi sẽ đổi giấy thông hành của tôi, nguyên là giấy thông hành cho các nhân viên ngoại giao và gia đình, thành giấy thông hành của một thường dân rồi lại bay về Trung Hoa để ở thêm một tháng nữa. Đài phát thanh CBS của Hoa Kỳ đã nhờ tôi làm chuyên viên tham khảo cho cuộc họp thượng đỉnh Nga-Hoa sắp đến. Họ sẽ tham khảo tôi về các bài viết có liên quan đến *“đề tài nhân sự”* trong văn hóa Trung Hoa và về các vấn đề có liên quan đến tiến trình của các phong trào cải cách.

Tuy thế, tôi và nhà tôi sẽ cùng đến phi trường lần cuối theo thể thức của một gia đình đại sứ. Cảm tưởng của tôi về chuyến giả từ chỉ là những cảm giác thường tình tuy đã cũ mèm nhưng vẫn đúng: Tôi có cảm tưởng như chúng tôi chỉ mới lên chiếc xe Cadillac của tòa đại sứ lần đầu... Trời đã vào gần giữa đêm. Bầu trời tháng mười đêm đó thật trong. Ánh trăng chiếu mờ ảo qua những rặng liễu dọc theo đường ra phi trường. Chúng tôi khó thể tưởng tượng rằng mình đang ở Trung Hoa và đang ở ngay Bắc Kinh. Tôi và nhà tôi bỗng nhiên cùng nắm tay nhau.

Kể từ lúc tổng thống Reagan bắt đầu nghĩ đến việc cử nhà tôi làm đại sứ Trung Hoa cho đến khi nhà tôi thực sự nhậm chức thì thời gian chờ đợi dài hơn một năm trường. Sáu tháng để hoàn tất thủ tục tài chính và an ninh, bốn tháng để Tòa Bạch Ốc chính thức công bố tin tức bổ nhiệm, ba tháng rưỡi để một tiểu ban của Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện bắt đầu nghe điều trần về

vấn đề bổ nhiệm. Sáu tuần sau nữa để chờ một buổi thuyết trình khác cho riêng Thượng Nghị Sĩ Jesse Helms. Và rồi một tuần cuối để các nghị sĩ bỏ phiếu. Sau đó chờ Thượng Viện thông qua với kết quả: 87 phiếu thuận; 7 phiếu chống.

Khoảng thời gian đợi chờ dài đằng đẳng đó vẫn chẳng khiến tôi bớt ngỡ ngàng khi người tài xế chở chúng tôi về nơi cư ngụ ở số 17 Quang Hoa Lộ đã gọi nhà tôi là ông đại sứ. Tôi vẫn chưa thể tin được là giấc mơ tôi chưa từng dám mơ đã trở thành sự thực — Tôi đang trở về quê hương với tư cách là vợ của một vị đại sứ Hoa Kỳ. Trong chuyến xe đưa chúng tôi hôm đó tôi còn nhớ là mình đã thắc mắc rất nhiều chẳng hiểu sao đường như chiếc xe chở chúng tôi cứ có những tiếng động kỳ quặc phía sau. Sau cùng, tôi nhìn ra góc phải phía ngoài xe: Ngọn cờ Hoa Kỳ đang tung bay tạo nên những tiếng phàn phật liên hồi theo nhịp di chuyển.

Gần như ai cũng đã có lần suy nghĩ về những sự lựa chọn mà họ đã bỏ qua: Một công việc nào đó, một ngôi trường nào đó, một người yêu nào đó. Nhưng riêng tôi thì lại có thể biết rành rọt những yếu tố quyết định đường hướng của đời mình. Tôi biết những yếu tố đó cả về bề mặt lẫn bề sâu. Tôi biết rõ cả năm cả tháng, cả ngày giờ của hôm xuất hành. Tôi nhớ rõ cả chiều của luồng gió mát đã thổi vào mũ áo của chúng tôi ngày hôm đó.

Đối với tôi thì những chuyến xuất hành của những người di dân, dù trong một chuyến xuất hành vòng quanh quả địa cầu hoặc chỉ là một bước qua khỏi làn ranh giới cũng vẫn khiến người đi khác hẳn với những người còn ở lại. Những kinh nghiệm viễn hành đó bao gồm từ cả những cái nhỏ nhặt như những điệu lên trầm xuống bổng của những ngôn ngữ mới cho đến những sự thích nghi kỳ lạ của một người đi xa đối với những tập tục mà họ chưa bao giờ thấy. Chúng tôi đã tuyên thệ trung thành trước ngọn cờ trong các buổi lễ nhập tịch ở các tòa án vừa xa lạ, vừa gần gũi. Chúng tôi phải suy nghĩ về những điều mà người bản xứ chưa bao giờ đặt câu hỏi và rồi phải giơ tay để tuyên thệ rằng chúng tôi chấp thuận.

Tuy chính nhà tôi mới là người đã tuyên thệ một lòng tận tụy khi nhậm chức, ngay trong đêm nhà tôi nhậm chức, tôi cũng đã tự hứa sẽ hết sức xứng đáng với vai trò đại biểu cho quê hương thứ hai của tôi. Việc được bổ nhiệm làm đại sứ ở Trung Hoa là một thành quả của một nỗ lực mà nhà tôi đã hết sức phấn đấu để đạt được. Nhưng đối với riêng tôi thì đây là một sự thành toàn của một câu trả lời mà tôi đã có lần nói với một người bạn học Hoa Kỳ cùng lớp trong 23 năm về trước. Chúng tôi cùng tự nguyện sẽ cố hết sức để xúc tiến các quan hệ ngoại giao giữa Trung Hoa và Hoa Kỳ vào ngay lúc các quan hệ ngoại giao này đóng vai trò quan trọng nhất.

Sau ba năm phấn đấu, giờ là lúc chúng tôi sắp sửa quay lại Hoa Kỳ. Trong suốt khoảng thời gian vừa qua, chúng tôi đã có dịp chứng kiến một trong những cuộc thí nghiệm táo bạo nhất của lịch sử: Một cuộc thí nghiệm làm thay đổi cuộc sống của một tỉ người. Đặng Tiểu Bình đang cố chuyển Trung Hoa ra khỏi con đường cực đoan và giáo điều để trở về với những lý tưởng thiết thực. Ông đã kêu gọi thiết lập bang giao với thế giới và thiết lập các quan

hệ ngoại giao với Hoa Kỳ.

Ngay trong giai đoạn lịch sử này, nhờ vào cương vị của một gia đình đại sứ, chúng tôi đã có dịp cộng tác với các giới chức cao cũng như thấp của Trung Hoa để thiết lập các mối quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia. Tuy rằng trong thời gian chúng tôi phục vụ, giữa hai quốc gia vẫn còn những vấn đề khó khăn và căng thẳng, nhưng đây vẫn là một khoảng thời gian đặc biệt. Khoảng thời gian đó trùng đúng vào thời điểm mà cả chính phủ lẫn tư nhân đang mở rộng vòng tiếp xúc. Thời gian này cũng chính là lúc du khách đến Trung Hoa ồ ạt và những thoả ước trao đổi giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa đang tiến đến cao độ.

Trong thời gian đó, tôi và nhà tôi cũng đã có dịp tiếp xúc trực tiếp với người dân Trung Hoa. Sự chịu đựng của họ đã làm chúng tôi xúc động sâu xa. Họ là nạn nhân của buổi giao thời, khi những nền văn hóa cũ chưa hề bị bỏ hẳn mà nền văn hóa mới cũng chưa đủ thời gian bám rễ. Họ sống trong những giới hạn của cuộc sống Trung Hoa. Giới hạn vì sự khan hiếm tài nguyên và cơ hội tiến thân. Giới hạn vì những triết lý cổ truyền đặt gia đình lên trên cá nhân, đặt sự hòa thuận lên trên sự bình quyền, đặt kỷ cương lên trên vấn đề cải cách. Giới hạn vì những giáo điều của cộng sản đã đặt Đảng lên trên tất cả mọi thứ khác.

Tôi tự hỏi chẳng hiểu có còn một giai đoạn nào khác có thể cho phép chúng tôi đóng góp thời giờ và năng lực một cách quý giá như những năm chúng tôi cố gắng để gây dựng mối giao hảo ở Trung Hoa hay không?

Trời đã quá nửa đêm. Buổi tiệc giã từ đã kết thúc. Chúng tôi lên lầu để về phòng riêng, mang theo từng đồng quà tặng. Trong những số quà tặng là một sổ băng mà bạn tôi đã thâu lại những câu chuyện của đời họ cho tôi vì tôi chẳng còn thời giờ để tiếp xúc với họ nữa. Đây là những món quà đắt nhất ở Trung Hoa và là những món quà quý nhất dành cho một người viết văn như tôi. Những cuốn băng bạn tôi gửi tặng là những mẫu chuyện trọn vẹn của đời họ. Những mẫu chuyện hãy còn tinh nguyên và chưa hề bị kiểm duyệt.

CHUYỂN TIẾP
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

BĂNG TRẮNG, BĂNG ĐỎ

THỨ HAI NGÀY 17 THÁNG 4, NĂM 1989...SINH VIÊN TRONG CÁC ĐẠI HỌC Ở BẮC KINH ĐEO BĂNG ĐEN VÀ TREO BÍCH CHUÔNG ĐỂ TƯỜNG NHỒ HỒ DIỆU BANG VÀ KÊU GỌI DÂN CHỦ.

Trong ngày tang lễ cô tôi, tôi và nhà tôi đã sửa soạn kỹ để phòng những cơn gió lạnh thổi vào trong những căn nhà xi măng không có lò sưởi, nhưng đến giờ thì tôi lại hối hận rằng mình đã mặc áo lông. Bất kể là tôi đứng im đến đâu, cái băng đen đeo tay cứ tuột xuống. Tôi chẳng biết làm cách nào để giữ

cho nó đứng nguyên.

Những người đến đưa tang có đến cả trăm. Trừ bốn người họ hàng đứng cạnh, thì hết thấy những người khác đối với tôi đều là người lạ. Trước khi tang lễ chính thức cử hành, đám đông cứ nhìn chăm chặp vào chúng tôi. Họ cũng giống như những người Trung Hoa khác khi mới gặp một gia đình chồng Mỹ vợ Trung Hoa như gia đình chúng tôi lần đầu. Những cái nhìn của họ không phải do ác cảm hoặc thù hằn mà hoàn toàn do tò mò. Thông thường thì tôi chỉ cần cười mỉm cũng đủ để họ thấy ngượng và bỏ đi sự tò mò nhưng tôi cố ý làm lơ. Tôi giả vờ chăm chú như thể đang để tâm vào những vấn đề khác chung quanh.

Căn phòng nơi tang lễ cử hành hình chữ nhật vuông vức và hoàn toàn trống trải. Trên tường là những vòng hoa treo thành từng lớp. Những vòng hoa chia làm ba khổ, khổ lớn, khổ vừa và khổ nhỏ. Đây là những bó hoa mà các chỗ tang ma thường cho thuê. Vòng hoa gắn chặt luôn vào tường, chỉ có miếng vải trắng thắt ngang là có thể thay đổi. Mỗi khi có đám tang khác, người ta chỉ cần kéo đi miếng vải và gắn vào một miếng vải mới có tên mới là xong. Đám táng cô tôi bắt đầu vào lúc 9 giờ và gần như bó hoa nào cũng có miếng vải trắng để tên rủ xuống. Giá thuê các bó hoa thường là khá đắt, nhưng người ta vẫn cố thuê vì sợ mất mặt. Ngoài ra còn có một toán nhân công lo việc ma chay do chính phủ đài thọ. Cô tôi không muốn lễ táng gì linh đình, nhưng vấn đề tang lễ, cũng chẳng khác gì nhiều vấn đề khác ở Trung Hoa, ý kiến cá nhân không phải là yếu tố quyết định chính.

Vì chẳng thể tránh ánh mắt của những người đến đưa Tang mãi được, tôi nhìn lại và khẽ gật đầu chào một cụ già đang chống gậy. Tôi hỏi người em họ xem ông lão là ai. Em tôi nói nhỏ tên ông lão và rồi nhẹ giọng hãnh diện nói thêm rằng ông lão là một trong những người bạn đầu tiên của cô tôi và cũng là thầy giáo của bà. Tôi nhận ra ông lão là một trong những học giả nổi tiếng trong thập niên 1930. Quả thật sự hiện diện của ông ta là một niềm vinh hạnh cho cô tôi. Theo lẽ thì ông không cần phải đến. Nhất là khi thời tiết lạnh lẽo như thế và tuổi ông cũng đã quá cao nên dù ông không đến cũng chẳng ai phiên trách gì.

Ông lão gật đầu chào lại tôi. Trông ông lão áo trong áo ngoài dày gần như độn mà vẫn không tránh khỏi run. Dưới chân ông mang một đôi giày vải mỏng. Nhìn ông lão giữa trời giá rét, tôi muốn mời ngay ông đến chỗ khách sạn của tôi dùng một ly trà nóng để cùng trò chuyện. Có rất nhiều điều khiến tôi thắc mắc. Tôi đứng giữa đám đông với muôn vàn câu hỏi. Tôi muốn biết rõ lai lịch của tất cả những người đến tham dự tang lễ. Trong số những người đứng đó người nào mới thực sự là bạn của cô tôi? Ai là người lăng mạ cô tôi trên các bích chương? Ai đã lên án cô tôi? Ai đã đánh đập bà? Ai là người của các đội Vệ Binh Đỏ?

Tất cả những người lạ đều đứng trang nghiêm và im lìm. Khung cảnh không khỏi làm tôi khó chịu. Khi nhìn họ tôi tự hỏi không hiểu họ đang nghĩ gì? Tại sao họ lại đến đây? Bao nhiêu người đã được lệnh đến đây chỉ vì trong đám táng này có ông đại sứ Hoa Kỳ? Những người nào là những người thực

sự đến đưa tang? Những người nào là những người đến chỉ để lương tâm bớt đi phần nào cắn rứt? Tại sao tôi lại nghĩ về họ hơn là về người quá cố?...

Cô Má là nhân vật đối nghịch với người em út San San trong quyển truyện tôi viết về đời San San khi trước. San San không hề biết rằng dì A Di không phải là mẹ ruột cô cho tới khi cô 13 tuổi. Sau khi biết được sự thật, lúc nào cô cũng tìm cách gặp lại cha mẹ ruột. Cuối cùng thì ngay cả Cô Má cũng không ngăn được cô. Trước đây, vì không dần được những cơn giận dữ của một người trẻ tuổi, San San đã kể cho tôi nghe lòng dạ ác độc của Cô Má. Chính Cô Má đã triệu tập tất cả các họ hàng xa gần ngồi lại để đưa ý kiến về vấn đề không nên để San San rời Trung Hoa. Tất cả mọi người đều lần lượt nêu lên ý kiến, nhưng chẳng ai nói gì về chuyện San San nên ở lại vì tình máu mủ.

Người thì khuyến cáo: *“Đừng làm kẻ phản bội.”*

Người thì khuyên răn: *“Một người Trung Hoa yêu nước không có lý do gì để sang Hoa Kỳ.”*

Người thì kết tội: *“Nơi đó là thành trì của đế quốc.”*

“thành trì của hủ hóa”

“thành trì của bọn hiếu chiến.”

“Hoa Kỳ không phải là chỗ của một người thiếu nữ tốt như cô.”

“Đây mới là chỗ của cô.”

Cô Má nhất định không nghe lời San San nài nỉ. Cô không tin ngoài mục đích tìm gặp cha mẹ ruột lý do của San San không đáng ít nhiều gì đến vấn đề chính trị. Chính Cô Má còn dọa sẽ khai báo những toan tính ra đi của San San với nhà nước. Cô Má không cần đoái hoài gì đến việc liệu em ruột của mình có còn dịp để gặp lại người con gái út nữa không.

Lần cuối ông thân tôi gặp Cô Má là năm 1946. Đầu năm đó, ông được chánh phủ Trung Hoa Quốc Gia cử sang Nữ Ước làm việc. Thông thường thì những nhân viên ngoại giao phục vụ ở ngoại quốc vẫn phải để gia đình ở lại trong nước, nhưng ông thân tôi từ chối sang Hoa Kỳ nếu gia đình không cùng sang với ông. Bộ ngoại giao cố khuyên ông chấp nhận. Họ bảo rằng nhiệm sở ở Nữ Ước chỉ là nhiệm sở tạm của ông trong vòng hai năm mà thôi. Ông thân tôi trả lời: Mức lương của chính phủ không cho phép ông sống ở Nữ Ước thanh thoi dù thời hạn sống đó chỉ là một năm. Hơn nữa, đối với ông, dù cuộc sống có đầy đủ đến mấy mà không có gia đình thì ông vẫn chẳng an tâm làm việc. Thấy ông thân tôi khẳng khái một mực chối từ, Bộ Ngoại Giao Đài Loan đành chấp thuận yêu cầu của ông. Sáu tháng sau mẹ tôi, tôi và người em kế tôi là Cathy cùng sang Nữ Ước. Ban đầu thì gia đình tôi dự định chỉ cho mình tôi đi theo vì lúc đó chỉ có tôi là đủ lớn để có thể học tiếng Anh trong một khoảng thời gian ngắn như thế. Nhưng khi chúng tôi sửa soạn hành lý để sang Nữ Ước thì Cathy cũng gói quần gói áo theo. Thấy thế, mẹ tôi không nỡ để em tôi ở lại. Ngày gia đình tôi rời Trung Hoa, San San vẫn

còn quá bé. Phải chỉ lúc chúng tôi sửa soạn, cô cũng biết gói quần gói áo như Cathy thì gia đình tôi đã không bị chia lìa trong suốt 17 năm.

Chúng tôi không định tâm ở lại Hoa Kỳ, nhưng chúng tôi vừa rời Trung Hoa thì cuộc nội chiến Quốc-Cộng diễn ra ngày càng quyết liệt. Và vào năm 1949, khi Mao Trạch Đông đánh bại phe quốc gia thì chẳng còn ai nghĩ gì đến việc trở về. Thế là San San bị kẹt lại luôn ở Thiên Tân. Mãi cho tới năm 1972, San San mới có dịp hội ngộ với gia đình tôi. Ngay trong đêm cô đến, San San đã tuyên bố rằng cô không bao giờ tha thứ cho Cô Má. Lúc đó, chính tôi cũng có cùng ý nghĩ như cô.

Năm 1973, khi tôi được mời sang thăm Trung Hoa, tôi định sẽ tìm gặp tất cả họ hàng trừ Cô Má. Nhưng ông thân tôi hết sức khẩn cầu. Ông một mực bắt tôi phải gặp Cô Má và tôi nhận lời.

Khi xe lửa đến Thiên Tân, tôi không hề cảm thấy hồi hộp như những lần xe dừng trước đây khi tôi đến thăm họ hàng ở các tỉnh khác. Tôi vẫn giữ lời hứa với ông thân, nhưng tôi cũng nhất định sẽ không đối xử với một người đã đặt lý tưởng cách mạng lên trên gia đình như những người họ hàng khác. Tôi rất hài lòng là mình đã sắp đặt để đến Thiên Tân vào lúc ban đêm. Hơn nữa, tôi còn định sẽ chỉ ở Thiên Tân khoảng hai ngày. Trong hai ngày đó thì thay vì tìm cách viện dẫn lý do này, nọ để ở lại với họ hàng lâu hơn như ở những nơi khác, tôi sẽ tìm mọi cách để đi thăm các chỗ nuôi heo, các xí nghiệp sản xuất và những bức tranh vẽ diễn tả sự vĩ đại của cuộc cách mạng cộng sản Trung Hoa. Nếu đã đi xem tất cả mọi nơi xong mà vẫn còn thời giờ để phải gặp Cô Má thì tôi sẽ tìm cách tế nhị trình bày cho bà ta biết rõ sự suy nghĩ của tôi về bà.

Lúc xe dừng, tôi vẫn còn suy tưởng và cơn hần học cứ khiến cảm tôi đưa mãi ra phía trước. Bỗng nhiên có ai nắm chặt tay tôi kéo mạnh xuống. *“Con trông giống mẹ con y hệt như lúc cô ấy lên đường sang Mỹ. Mà phải giống chứ lẽ nào khác được. Năm nay con 35 tuổi phải không? Mẹ con lúc đó cũng chỉ nhỏ hơn con bây giờ có 3 tuổi...”*

Tôi không thể tin được mắt mình. Cô Má trông giống bố tôi như tạc. Giống kể từ cả nụ cười hóm hỉnh, từ dáng đứng khang kiện, cho đến cả cung cách cầm điều thuốc với vẻ bất cần của bố tôi khi hút thuốc. Cô tôi cứ vồn vã thân nhiên như thể chúng tôi đã thân nhau từ lâu rồi.

Cô chỉ giới thiệu tôi thật qua loa tôi với hai nhân viên chính Phủ đứng bên cạnh rồi kéo ngay tôi ra cửa, miệng vẫn tiếp tục câu chuyện ban đầu. Chân cô tôi cứ bước thoăn thoắt như gió. Tôi nhìn lại hai nhân viên chính phủ để xem họ phản ứng thế nào khi bất thần bị bỏ rơi như thế. Họ vẫn còn đứng im như tượng. Mặt họ đầy vẻ ngỡ ngàng. Trông họ lòng tôi bỗng nhiên ấm lại! Đây là lần đầu tiên tôi thấy một người hành động ngang nhiên không kể gì đến pháp luật. Cô tôi chẳng những quên hẳn một mà cả hai nhân viên của chính phủ đang đứng cạnh bà.

Bỗng dưng tôi lớn tiếng cười ha hả. Và cô tôi cũng ha hả cười theo. Chúng

tôi cùng khoác tay nhau bước thẳng vào bóng đêm hiên ngang chẳng khác nào hai chàng ngự lâm pháo thủ...

Giờ thì Cô Má không còn nữa. Ký ức tôi bỗng nhiên bị tiếng âm thanh rè rè của tiếng micro cắt đứt. Cách chỗ chúng tôi đứng vài thước, một người lo ma chạy đang loay hoay gắn dây micro và điều chỉnh âm thanh. Tôi cũng chẳng hiểu họ gắn micro để làm gì. Rồi những tiếng rè rè phát ra cùng những tiếng gì khác mà tôi đoán là tiếng nhạc. Thay vì làm tăng thêm không khí thiêng liêng của buổi tang lễ thì tiếng rè rè của cuộn băng cũ lại làm cho buổi lễ có vẻ loè loẹt và nặng phần hình thức. Tiếng nhạc phát ra khiến người nghe bị phân tán tinh thần và khó thể suy nghĩ gì nhiều về người quá cố. Cô em họ tôi nắm chặt tay tôi và tôi cũng giữ chặt tay cô cho đến khi cuộn băng chấm dứt. Cô em họ tôi nước mắt đầm đìa.

Cô Má lúc nào cũng ghét nước mắt, nhất là nước mắt của người khác khóc cho cô. Tuy thế, trước khi đi tôi cũng đã cẩn thận chuẩn bị sẵn một ít khăn giấy phòng ngừa. Tôi đưa cho cô em họ một chiếc để thấm nước mắt.

Một người đàn bà bước đến micro và bắt đầu đọc điệu văn từ một mảnh giấy viết sẵn. Giọng bà ta thật lớn, như thể bà đã quen nói chuyện không cần micro trước đám đông. Những câu diễn văn của bà nghe thật văn hoa nhưng vẫn chẳng dấu được hết vẻ dừng dừng. Tôi bắt đầu chú ý nghe bài điệu văn kỹ hơn. Tuy những câu điệu văn nghe có vẻ đượm phần xúc động, chẳng hiểu sao tôi vẫn có cảm tưởng như tất cả đều là những câu sáo ngữ đã được soạn sẵn từ trước. Những câu điệu văn đó thật chẳng khác nào những vòng hoa đang treo hờ hững trên tường. Cảnh đọc điệu văn thật chẳng khác gì cảnh thuê vòng hoa, chẳng qua cũng chỉ để cho đúng với khung cảnh tang lễ. “...*Trong quá khứ, đã có lần cụ Bao bị tố cáo nhầm, nhưng sau đó cụ đã được khoan hồng. Nhà nước đã phục hồi cả tài sản lẫn danh dự cho riêng cá nhân cụ cũng như cho gia đình cụ để gia đình cụ tiếp tục là gia đình của một công dân đáng kính của một nước xã hội chủ nghĩa vĩ đại...*”

Tôi không thể nghe thêm được nữa và bắt đầu thả mặc cho suy tư trôi dạt vào quá khứ. Tôi nhớ lại một bữa điểm tâm trong năm 1973 khi tôi và Cô Má đã thân nhau. Hôm đó, cả hai chúng tôi đều không cảm thấy mệt mỏi hoặc đói. Chúng tôi cùng hăng say nói chuyện. Thời gian chúng tôi gặp nhau lúc đó quả thật quá ngắn.

Tôi kể cho cô tôi nghe về chuyến thăm Thượng Hải của tôi từ lúc đầu tuần. Tôi bảo rằng: “*Quả thật chuyến sang Thượng Hải của con lần này chẳng khác nào một giấc mơ cô ạ. Con không thể ngờ mình lại có thể ăn mừng sinh nhật thứ 35 ở ngay Trung Hoa cùng với họ hàng thân thích.*”

Cô tôi cười: “*Cháu đoán thử xem ngày cô 50 tuổi thì cô ở đâu?*”

Tôi chịu, không thể đoán được. Cô tôi cứ một mực bắt tôi phải đoán chẳng khác nào một đứa trẻ đang sung sướng khi bắt người khác phải đoán cho bằng được bí mật của mình.

Tôi đoán: *“Cô đang ăn tiệc.”*

“Sai.”

“Cô đang nghỉ mát.”

“Sai.”

“Thôi đúng rồi: Lúc đó cô đang xem kịch! Bố có lần bảo cháu là cô thích xem kịch lắm.”

“Gần đúng.”

“Có lẽ nào lại cô đang ở trên sân khấu đóng kịch hay sao?”

Cô tôi trả lời: *“Không hẳn, cô đang cất cánh.”*

Thấy tôi không hiểu, cô tôi giải thích thêm: *“Phải rồi cháu ạ. Cô đang cất cánh đơn độc một mình. Cất cánh trên một tuồng sân khấu khổng lồ. Xung quanh cô là hàng vạn sinh viên đang biểu tình. Họ gọi cô là con quỷ cái lòng dạ ác độc chẳng khác nào rắn rết. Họ bắt cô chụm hai chân lại với nhau, ấn mặt cô xuống ngang tầm hông và bẻ quặt tay cô đang ra phía sau về phía hai bên như thể hai cánh máy bay. Tư thế cất cánh đó cháu. Và cô cứ đứng nguyên trong tư thế đó suốt tám tiếng trong ngày sinh nhật của cô.”*

Cô tôi kể chuyện giọng đều đều thật bình thường, vừa kể vừa mỉm cười.

Tôi không ngăn được nước mắt.

Thấy thế, cô tôi nói to gần như hét. *“Cô cấm cháu không được khóc. Cháu không có quyền nhỏ một giọt nước mắt nào cả. Cháu phải nhớ cháu là con của anh cô. Người của giòng họ ‘Bao không bao giờ biết khóc!’”*

Nghe cô nhắc đến truyền thống gia đình, tôi không còn tự chủ được nữa. Nước mắt tôi cứ thế trào tuôn.

Cô Má chẳng kể gì đến sự yếu đuối của tôi. Cô vẫn tiếp tục kể: *“Lúc đó có lẽ cô đã bật cười khi nhớ lại ngày đó là ngày sinh của cô. Thấy cô cười như thế chúng nó giật mình. Chúng nó dựng cô dậy rồi đi xung quanh cô, nhìn kỹ thử xem cô có còn tỉnh táo hay là đã điên rồi. Thấy thế cô lại buồn cười hơn nữa. Cô cứ cười luôn miệng. Chúng nó bối rối không hiểu phản ứng ra sao. Rồi có đứa nào đó hô to: “Cúi đầu xuống, gập mặt xuống.” Những đứa khác bắt đầu hô theo. Cô chẳng còn làm gì hơn được...”* Rồi cô hơi ngừng lại. Giọng cô thẳng đuột khô khan: *“Thế là cô lại đứng chụm thẳng chân lại, cúi gập mình xuống...”*

Tôi đưa tay nắm tay cô. Cô rút tay về, mắt lại sáng lên như cũ và tiếp tục hỏi tôi: *“Rồi cháu có biết sau đó ra sao không?”*

Tôi lắc đầu.

Cô tiếp: *“Thì cũng như những người Trung Hoa bình thường khác. Cô cũng quen đi. Thật đó cháu ạ. Cô còn tập để có thể ngủ ngay trong tư thế cất cánh nữa. Thật ra họ có đưa cô lên sân khấu bao nhiêu lần đi chẳng nữa thì cũng có khác nhau gì đâu? Lần nào cô cũng có thể ngủ được. Nhưng nếu cháu thật sự muốn biết thì cô cũng chẳng dấu diếm. Cô không bao giờ quen được cháu ạ. Cháu có biết tại sao không hả cháu?”*

Tôi vẫn tiếp tục lắc đầu.

“Ừ cô vẫn có thể ngáy ngay trong khi cất cánh nên cô lại đâm lo rằng chuyện ngáy có thể đưa đến nhiều chuyện không hay khác.”

Tôi rũ ra cười ngay trong khi mặt còn đầm đìa nước mắt.

Đây mới chỉ là phần đầu câu chuyện của cô. Cô còn bị đám vệ binh đồ nhốt vào tủ đựng chổi quét sân trường suốt sáu tháng. Đầu cô bị hót theo lối âm dương, một nửa đầu trọc lóc trong khi nửa kia vẫn còn tóc y nguyên. Mỗi buổi sáng học sinh trong trường bắt cô phải tuột quần, phải quì, đặt một thanh sắt nung đỏ lên ống chân cô rồi từng đưa thay nhau nhảy lên. Mỗi buổi trưa cô phải tự làm bản kiểm thảo. Món ăn thường ngày của cô trăm ngày như một: Hai nhúm bắp cứng như than.

Tôi hỏi một câu hỏi mà về sau tôi đã hỏi đi hỏi lại nhiều người Trung Hoa khác.

“Như thế làm sao mà cô sống nổi? Cháu chắc không thể nào sống nổi đâu cô.”

Rồi cô tôi cũng trả lời hệt như những câu trả lời của những người Trung Hoa khác khi tôi hỏi họ về sau: *“Cũng sống được cháu à. Nếu cháu lâm vào cảnh không còn chọn lựa gì được thì cháu cũng phải chấp nhận sống thế chứ sao?”*

“Có bao giờ cô nghĩ đến chuyện tự tử không?”

“Ừ, lúc đầu thì cũng có...” Cô tôi nói nhỏ, rồi ngắt nhẹ câu nói mặt hơi cúi xuống. Khi cô tiếp tục, giọng cô có vẻ quyết liệt. Dường như mỗi chữ đã được cô suy nghĩ kỹ để đưa ra cho thật đúng với sự thử thách mà cô đã phải vượt qua. *“Thực ra thì cô vẫn có thể chịu đựng được những sự đánh đập. Cái mà cô không thể chịu được là sự nhục nhã. Trong mấy ngày đầu, cô đã nhiều lần tự hỏi mình còn cố sống để làm gì nữa chứ?”*

“Rồi một hôm vào buổi sáng thành trưởng toán vệ binh đồ bảo cô dọn phòng đựng chổi cho sạch; sau khi cô dọn sạch sẽ xong, thành trưởng toán vệ binh đồ bảo cô vứt bỏ hết chổi rơm cũ trong phòng cô để thay rơm mới. Cô mừng không thể tưởng. Cô phải dùng những đồng rơm trong chổi của cô để làm mọi chuyện — Để thấm nước tiểu, để dấu phân, để ngủ. Đồng rơm hôi thối vô cùng mà chổi của cô cũng chẳng có ánh mặt trời chiếu vào để hong cho nó khô. Mỗi khi cửa tù khóa lại, chổi tù biến thành một chỗ vừa hôi thối, vừa tối tăm chẳng khác nào một đồng phân ngựa khổng lồ. Cô cũng hôi thối chẳng kém.”

“Cháu không thể tưởng tượng là cô mừng đến độ nào khi nghe tin mình được thay rơm. Cô vội vàng ôm từng đồng rơm đi vút. Khi cô dọn xong thì một cọng rơm cũng không còn. Nhưng đợi mãi chẳng thấy thằng trưởng toán vệ binh đỏ trở lại. Tối đó vẫn chẳng thấy bóng dáng nó đâu, cô chẳng còn cách nào khác ngoài cách lăn thẳng ra thêm xi-măng để ngủ. Sáng sau, khi thức dậy, người cô tê cứng không cử động được. Rồi cô nghĩ rằng, chẳng sao. Sớm hay muộn thằng trưởng toán vệ binh đỏ cũng phải trở về thôi.”

“Cuối cùng, vào ngày thứ ba, chính thằng trưởng toán vệ binh đỏ lại đến mang đồ ăn cho cô. Cô cố hỏi thật lễ phép rằng đồng rơm anh hứa sao chưa thấy? Nó vung tay liên tiếp đấm thẳng vào mặt cô rồi bảo ai cho phép mày nói. Mày không còn bất cứ một thứ quyền gì cả! Nói xong nó lại đấm thẳng vào mặt cô rồi đóng sập cửa lại.”

“Lúc đó tự nhiên cô không còn cảm thấy đói, thấy lạnh hoặc thấy đau đớn gì nữa cả. Cô chỉ còn thấy sôi máu vì giận. Ngay lúc đó cô đã thề rằng mình không thể nào chết được. Bất kể là cô có bị đánh đập thế nào, cô có bị sỉ nhục thế nào thì cô cũng phải sống. Cô thề sẽ sống để chờ đợi bất kể tháng năm. Cô phải sống để chờ một ngày nào đó khi đời sống không còn điên đảo, khi mặt trời trở lại chiếu sáng trên cao để mọi người có thể thấy được cô là một giáo sư chứ không phải một con quỷ cái đáng phi nhổ như người ta đã gán cho cô.”

“Việc ăn uống lúc đó trở thành khó khăn bội phần. Những cái đấm của thằng trưởng vệ binh đã khiến răng cô lung lay. Cô không còn nhai được. Nhưng nếu cô không ăn thì chắc chắn cô sẽ chết đói. Thế là cô vặt lấy một ít bắp nhè nhẹ bỏ vào miệng. Cô cứ ngậm những hạt bắp như thế cho đến khi nó trở thành mềm rồi cố nuốt vào. Rồi cô lại vặt ra một dúm bắp khác và tiếp tục ăn như thế cho đến khi không còn một hạt bắp nào cả. Ăn như vậy thì phải ăn thật lâu mới hết được chỗ bắp.”

Nước mắt tôi lại trào ra. Thấy thế, Cô Má vội nói một câu bình luận chung chung để tránh cho tôi khỏi khóc.

“Nhưng mà có gì đâu. Cô có biết bao nhiêu là thời giờ và cách ăn kiểu nhi đồng không rằng đó cũng là một cách giết thì giờ rất tốt.”

Vào một ngày năm 1979, khi tôi đang cùng Cô Má bách bộ trong công viên thì có một thanh niên đi ngang cúi đầu chào cô thật lễ phép: *“Chào giáo sư Bao ạ. Thưa giáo sư có khoẻ không?”*

Cô Má gật đầu chào lại.

Khi anh ta đi qua, cô hỏi tôi: *“Cháu có biết ai đó không?”*

Tôi trả lời: *“Không thưa cô, cháu làm sao biết được?”*

“Anh ta là người trưởng toán vệ binh đỏ lúc trước đấy.”

Tôi lập tức chạy theo. Cô tôi giữ chặt tôi lại. Tôi muốn xiết cổ người

trưởng vệ binh để trả thù cho cô. Cô tôi cười. *“Quên hết đi cháu à. Quá khứ vẫn chỉ là quá khứ thôi. Chẳng phải lỗi tại cô mà cũng chẳng phải lỗi tại anh ta. Ai cũng là nạn nhân cả. Thời cuộc nó thế mà cháu. Biết làm sao mà tránh để khỏi trở thành nạn nhân...”*

Cô em họ lại choàng tay ôm tôi. Người đàn bà đọc điệu văn đã chấm dứt bài điệu. Người ta bắt đầu kéo bức màn phía sau lưng chúng tôi sang hai bên. Trên chiếc bàn thờ con con gắn trên tường có một bức di ảnh của cô tôi. Bên cạnh có một bó hoa của tôi và nhà tôi thay mặt họ hàng ở cả Trung Hoa và Hoa Kỳ gửi đến.

Chúng tôi cùng cúi mình trước bức di ảnh ba lần.

Đã đến lúc chúng tôi vào phòng quần áo quan cô tôi bên cạnh. Tôi nhủ thầm rằng mình phải can đảm nhưng tôi biết rằng mình khó thể tự chủ. Một lần nữa gia đình tôi lại cùng đứng sát bên nhau. Từng người đưa tang đến nối tiếp theo nhau bước vào. Họ ngừng lại trước cỗ quan lộng kiếng để tỏ lòng kính ngưỡng với người quá cố. Người nào cũng bắt tay chia buồn với chúng tôi và nói rằng họ sẽ cầu nguyện cho chúng tôi có thêm can đảm để vượt qua sự đau buồn.

Tôi nghe như đâu đây mơ hồ có tiếng thân thuộc của Cô Má, giọng nói vẫn in hệt như lúc Cô Má kể lại những thảm cảnh ngày cô 50 tuổi: *“Cháu ơi, cháu phải nhớ rằng cuối cùng thì ngay cả kẻ thù hằn cô nhất cũng phải nhận rằng cô không phải là người dễ khuất phục.”*

Khi tới phiên tôi đến chào người quá cố, tôi tiến lên cạnh chiếc áo quan quan cô tôi và cúi đầu ba lần để chào thăm một người đàn bà quật cường hiếm có. Thảm cảnh của Cô Má không phải là cảnh tượng duy nhất. Gần như người nào tôi gặp ở Trung Hoa cũng đều trải qua những thảm cảnh tương tự. Dĩ nhiên cũng có vài người chỉ nói qua loa về những thảm cảnh của Trung Hoa trong thập niên 1966–1976. Họ là những nhân viên cao cấp của nhà nước và bị buộc phải lấy chuyện cải cách làm vấn đề chính mỗi khi có người ngoại quốc. Họ thường hay bàn về tương lai tươi sáng hoặc về cải cách chứ chẳng hề dả động gì đến những lỗi lầm của đảng trong quá khứ. Nhưng có nhiều người khác chẳng cần lên tiếng mà vẫn diễn tả được tất cả sự khủng khiếp của các thảm cảnh trong những năm đó. Chẳng hạn như con trai của Đặng Tiểu Bình. Anh ta bị Vệ Binh Đỏ đẩy ra khỏi cửa sổ từ tầng lầu thứ ba. Chỉ cần nhìn vào chiếc xe lăn của anh người ta cũng đủ hiểu rõ cả.

Tất cả những thảm cảnh của cuộc Cách Mạng Văn Hóa đều xảy ra trong những phong trào mang danh nghĩa của vị lãnh tụ tối cao. Tất cả những thảm cảnh đó xảy ra đều do sự tin tưởng mù quáng mà tất cả những thanh thiếu niên Trung Hoa đã cống hiến cho vị lãnh đạo tối cao. Tất cả những thảm cảnh đó xảy ra chỉ để nhấn mạnh vấn đề tác phong của những kẻ tôn thờ chủ nghĩa Mao: Không bữa bãi, Không hủ hóa, Tuyệt đối tuân hành lệnh trên. Lao động và tuân theo chỉ thị. Chỉ cần một mũi kim nhỏ cũng đủ thúc đẩy con người của chủ nghĩa Mao lao vào cuộc giải phẫu hoàn toàn vững tin. Tất cả sự trang bị cần thiết chỉ là một quyển sổ tay ghi lại lời bác dạy. Với quyển sổ tay đó, con

người của chủ nghĩa Mao tin rằng nếu anh ta có thể thấu triệt những lời bác dạy thì tự khắc anh sẽ vừa thông thạo thiên văn, vừa nắm được căn cơ của thời tiết, mùa màng để trồng trọt và cùng lúc đó lại vừa trở thành một lực sĩ thể thao giỏi.

Hẳn nhiên dù sự việc có là thế nào đi nữa thì vị chủ tịch tối cao vẫn phải là chủ tịch cho đến ngày cuối — Hẳn nhiên chủ tịch vẫn được tôn thờ bằng tất cả những sách vở của thế kỷ hai mươi ghi lại rằng ông là một nhà lãnh đạo có tài và thấy xa. Trong khi đó, tất cả những người phải chịu đựng thảm cảnh dưới quyền của nhà lãnh đạo đang được tôn thờ vẫn còn tiếp tục chịu đựng. Truyền thuyết thần thánh của người Trung Hoa vẫn cho rằng những vị thần nắm giữ vận mệnh con người của Trung Hoa cũng suy nghĩ và hành động chẳng khác gì những người phàm trần. Những vị thần đó chẳng công bằng mà cũng không liêm chính. Chẳng những thế, người Trung Hoa còn cho rằng những chuyện hành xử trên trời cũng chẳng khác những chuyện hành xử dưới thế là bao. Cõi trời chẳng qua cũng chỉ là một xã hội với bộ máy hành chánh cực lớn giống hệt dưới trần. Một khi nhân vật nào đã được chọn làm người lãnh đạo thì họ chẳng bao giờ bỏ qua phong tục bắt dân quỳ lạy hoặc đối xử với dân như những phạm tội đen không hơn, không kém.

Những con tốt của Mao Trạch Đông trong cuộc tranh quyền là những đội vệ binh đỏ. Và cơn ác mộng của những con tốt đó vẫn còn tiếp diễn. Mặc dù thời gian khắc khổ của cuộc đấu tranh sinh tồn đã qua và họ không còn phải sống cuộc đời sắt thép như những năm hãy còn chiến đấu mà họ vẫn bị ký ức của những năm chiến đấu ám ảnh.

Hầu hết tất cả các bạn bè của tôi trong lứa tuổi cuối ba mươi, đầu bốn mươi đều đã có thời gia nhập vệ binh đỏ. Thực sự thì họ không thể chối bỏ được quá khứ của họ. Gần như tất cả những người Trung Hoa có quá khứ trong sạch và trung thành với đảng đều được cấp cho một tấm bằng đeo tay đỏ. Họ đã mang những tấm bằng tay đó một cách hãnh diện chẳng khác nào những đứa bé ở trường Trung học ở Hoa Kỳ vẫn thường mặc áo thêu huy hiệu của các đội thể thao trường mình.

Đầu tiên tôi vẫn chưa đo lường được tầm mức hãnh diện của họ. Làm sao mà những người sâu sắc, tình cảm, thông minh như những người Trung Hoa tôi đã cùng sống trước đây lại có thể mù quáng đến độ xem chuyện sỉ nhục công khai các bậc phụ huynh, chuyện mang những tờ bích chương ngớ ngẩn điếu qua đường phố, chuyện cạo nửa bên đầu những người hàng xóm, chuyện báo cáo gia đình và bạn bè, chuyện xông vào nhà người lạ, chuyện đối xử tàn nhẫn với cả người già lẫn phụ nữ hoặc chuyện chém giết là những chuyện đáng để hãnh diện?

Trong suốt cả ba năm ở Trung Hoa tôi vẫn không thể nào hiểu được, nhưng tôi vẫn tin lời tất cả bạn bè khi họ nói rằng thật ra họ chỉ có tội mù quáng chứ không hề có tội bất nhân. Từ thuở ấu thơ họ đã bị nhồi sọ rằng chỉ có vị chủ tịch mới biết rõ con đường nào là con đường vinh quang tốt đỉnh cho cả nhân dân lẫn đất nước. Họ đã được dạy để tin vào tập thể thay vì biết tự nhận xét cho chính mình. Phẩm giá của họ được phán xét dựa trên chủ

nghĩa Mác Lê và nhất là chủ nghĩa Mao. Họ sống trong một thế giới tăm tối, và chẳng biết gì hơn là những điều mà những nhân vật phụ tá của Chủ Tịch đã dạy họ. Họ thật sự tin rằng Hoa Kỳ là hang ổ của kỳ thị và đế quốc, tin rằng người Đài Loan nghèo đến mức họ phải ăn cả lá chuối. Họ tin rằng Trung Hoa là một quốc gia đứng đầu thế giới và là niềm mơ ước của tất cả các công nhân. Họ là những người đầy nhiệt huyết và còn quá trẻ.

Chính vì thế nên khi Mao Trạch Đông kêu gọi họ vào quân đội, họ một lòng tự nguyện. Họ tôn thờ Bác. Họ nhất loạt tuân theo những điều Bác dạy. Họ hy sinh tất cả những gì trước mắt để bắt tay vào việc thay đổi thế gian.

Tuy tôi thực lòng tin tưởng sự thành tâm của những bạn bè Trung Hoa, tôi vẫn chẳng thể nào không nghi ngờ những điều họ nói. Gần như bất cứ người vệ binh đỏ nào cũng nói rằng họ chưa hề dùng bạo lực dù cho ngay cả trong lúc họ đang giận dữ hoặc sợ hãi. Chẳng hiểu họ có thực lòng mong tôi tin họ hoàn toàn hay không? Hay họ đang mong tôi chấp nhận một sự giả dối mà chính lòng họ cũng biết là tôi đã hiểu rõ sự giả dối đó? Phải chăng họ đã quên lời cảnh cáo thường xuyên rằng: Cuộc Cách Mạng Văn Hóa là một cuộc luân hồi mà tất cả những người trong cuộc sẽ phải lần lượt đóng cả vai đao phủ thủ lẫn vai phạm nhân phải lên đoạn đầu đài? Phải chăng họ mong rằng sự thân thiện và lễ phép sẽ khiến tôi bỏ qua vai trò của họ trong tấn thảm kịch Cách Mạng Văn Hóa? Tôi chắc họ phải hiểu rằng không nhà văn nào có thể bỏ qua sự thật. Có lẽ họ cũng hiểu rằng việc tôi cố tìm hiểu sự thật không có nghĩa là tôi đang phê phán họ. Gần như trong tất cả mọi câu chuyện giữa tôi và họ lúc nào tôi cũng mở đầu rằng nếu sống trong giai đoạn kêu gọi của Mao Trạch Đông thì một người hiểu động như tôi chắc chắn đã hưởng ứng tham gia vào các phong trào kêu gọi chẳng khác gì họ. Sự thực thì họ cũng hiểu rõ sự thông cảm của tôi đối với những người trẻ tuổi đã bị lý tưởng lừa dối, miễn là... Tuy nhiên, gần như tất cả đều thú nhận: *“Vâng, chính tôi cũng có thấy nhiều người bị đánh đập, nhưng tôi chưa bao giờ đánh đập ai cả.”* Làm sao tôi có thể tin lời họ khi chính các nạn nhân đã tố cáo đích danh những người đã đánh đập họ. Cũng có thể là chính sự phủ nhận của các phạm nhân đã nói lên một sự thực nào đó khác.

Và nếu quả thật thế thì họ chẳng chối từ để bệnh vực cho họ. Chính họ đã chân thành vượt mức khi kể lại chuyện của cả chính bản thân họ lẫn guồng máy chính phủ. Nhiều người đã kể cho tôi những bí mật họ chưa bao giờ kể cho bất kỳ người nào khác. Chính họ còn cho phép tôi thâm lại những cuộc phỏng vấn của tôi với họ hoặc bất cần để ý các máy ghi âm được đặt ngấm trong tòa đại sứ có thâm lại những cuộc nói chuyện của họ hay không. Lúc nào họ cũng tin rằng ở nơi cư ngụ của một vị đại sứ thì đã hẳn phải có đặt máy nghe lén. Và máy nghe lén của chánh phủ Trung Hoa chứ không phải chính phủ Hoa Kỳ. Chỉ có một vài người cẩn thận đã dùng ám hiệu để chỉ trích những nhân vật lãnh đạo mà họ đề cập. Một ngón tay trở chỉ vào cằm để chỉ nốt ruồi ám chỉ Mao Trạch Đông; tay xuôi, eo gιο cao ám chỉ Đặng Tiểu Bình; *“Thái tử”* ám chỉ con của Đặng Tiểu Bình; hai tay giơ lên theo kiểu đánh golf ám chỉ Bí thư đảng Triệu Tử Dương; *“Đông chí bất tài”* ám chỉ Thủ Tướng Lý Bằng.

Trong số hàng trăm người vệ binh đỏ kể chuyện, chỉ có hai người thú nhận rằng họ dùng vũ lực. Khi thú thực như thế, ngoài vấn đề muốn chứng tỏ lòng chân thành, họ còn có một mục đích khác. Họ muốn ghi lại mãi mãi những tấn thảm kịch của cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Họ tin rằng những kinh nghiệm của họ có thể sẽ giúp những thế hệ tương lai tránh được những lỗi lầm tương tự. Họ cho rằng có lẽ không có người Trung Hoa nào sống ở đại lục có thể viết lại tường tận tất cả những thảm cảnh của cuộc Cách Mạng Văn Hóa; vì quả tình nếu những tác phẩm được viết có thoát khỏi sự kiểm duyệt của chính tiềm thức người viết thì trước khi được phép cho in, những tác phẩm đó cũng không thoát khỏi mạng lưới kiểm duyệt của nhà nước.

Họ muốn tôi viết một quyển sách để ghi rõ lại mọi sự. Cũng giống như nhiều người Trung Hoa khác, họ tin rằng phương pháp gián tiếp bao giờ cũng là một phương pháp vẹn toàn. Nếu sách của tôi được in và đọc ở nước ngoài thì chắc chắn là người Trung Hoa sẽ có dịp dịch ra để đọc. Trái lại, nếu chính người Trung Hoa bản xứ viết thì chẳng những quyển sách sẽ bị kiểm duyệt mà còn bán không chạy nữa. Ngược lại bản dịch thường ít bị kiểm duyệt và dễ trở thành những quyển sách bán chạy.

Trong hai người vệ binh đỏ thú thực là họ đã dùng vũ lực với tôi thì một người là sử gia. Chính sử gia đó đã bỏ ra suốt 10 năm để ghi lại những biến động của cuộc Cách Mạng Văn Hóa nhưng những tài liệu đó vẫn chưa xuất bản. Ông đã thu thập được cả trăm hồ sơ cá nhân của những người sống trong giai đoạn đó nhưng tất cả những tài liệu thu thập được vẫn còn nằm trong xó tủ. Mặc dầu vậy, sử gia này vẫn không chịu đổi nghề. Sở dĩ ông vẫn khẳng khái với nghiệp viết sử chẳng phải vì ông mong trở thành một sử gia vĩ đại. Ông chưa buông bỏ nghiệp viết sử chẳng qua chỉ vì ông lo rằng người ta sẽ quên cuộc Cách Mạng Văn Hóa, nếu không quên do chính phủ bưng bít, thì cũng quên vì xã hội đồng lòng muốn quên.

Ông có rất nhiều lý do để giữ vững lập luận của mình. Một quyển sách sử đã xuất bản, viết về thời gian của những giai đoạn Cách Mạng Văn Hóa vừa bị tịch thu vì số lượng bán quá cao đã khiến giới lãnh đạo bảo thủ của Trung Hoa lo lắng. Một quyển hồi ký đã in rồi phải đình lại trong suốt nhiều năm sau. Cuối cùng mãi tới khi phong trào chống tiểu tư sản năm 1987 bắt đầu lắng xuống quyển sách mới được phép cho phát hành. Những sáng tác văn chương hiện đại của Trung Hoa gần như chỉ bao gồm toàn chuyện ngắn; đề tài Cách Mạng Văn Hóa gần như bị trường học loại ra khỏi chương trình. Chẳng có nạn nhân nào viết được cuốn hồi ký nào cả. Và ngay cả khi một văn hào cột trụ như Ba Kim tình nguyện đem biếu bản quyền các tác phẩm của ông cho một viện bảo tàng tưởng nhớ cuộc Cách Mạng Văn Hóa, chính quyền vẫn ngoảnh mặt làm lơ.

Lúc người bạn sử gia của tôi thú nhận rằng ông đã dùng vũ lực trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa, lòng tôi vẫn chưa hoàn toàn tin hẳn. Tôi không thể tưởng tượng bạo lực có thể tiềm tàng trong một con người hiền hòa như ông. Ông nói năng thật là nhỏ nhẹ. Người ông trông toát ra vẻ xanh xao và yếu đuối vẫn thường thấy ở những nhà nghiên cứu thường xuyên ở luôn trong thư

viện. Chẳng những thế, trông ông còn có dáng rụt rè như một người lúc nào cũng sẵn sàng rút lui vào những kệ xấp sách thay vì chiếm lấy một chỗ ngồi trong phòng đọc sách mỗi khi đông người. Chính ông đã xin một đôi đĩa khi chúng tôi cùng nhau ăn trưa để khỏi phải làm tôi để ý đến sự vụng về của ông khi dùng nĩa. Phải chăng mắt tôi không còn đủ sáng suốt để nhận rõ vấn đề hay trực giác của tôi không còn linh động?

“Lúc ông dùng bạo lực là lúc nào?”

“Ngoài sân vận động.”

“Ông dùng bạo lực với ai?”

“Với người thầy thân nhất của tôi. Chúng tôi rất thân nhau và chính thầy tôi cũng nói tôi là học sinh xuất sắc nhất của ông.”

“Tại sao ông lại dùng bạo lực với thầy ông?”

“Vì thầy tôi bị đảng lên án là phản cách mạng và bị dẫn đi quanh chẳng khác nào một con vật. Tất cả các bạn đồng lớp đều chửi mắng ông ta. Lúc đầu tôi chỉ giả vờ mấp máy môi theo đám đông. Sau đó tôi thấy bạn bè từ từ chuyển hướng nhìn từ phía thầy tôi sang tôi. Tôi biết chắc rằng họ đang cố ý dò xét xem tôi có thực sự hưởng ứng hay không. Chính sự chú ý của họ đã khiến tôi hưởng ứng theo.”

“Tôi vừa cố nhìn thẳng mặt thầy mình vừa muốn ông ta nhìn thẳng vào tôi. Tôi muốn nhìn cho rõ để có thể nhận chân sự gian manh của một kẻ có thể giả mạo thành người thầy mà mình quý mến. Nhưng thầy tôi không nhìn thẳng tôi. Ông cứ vừa bước đi, vừa cúi mặt trước đám đông. Càng lúc tôi càng cảm thấy nôn nóng và bức bối. Tôi cần thầy tôi trả lời. Mục đích chính của ông là gì? Vì sao ông lại tìm cách gần gũi tôi trong một thời gian dài đến thế?”

“Càng ngày tiếng la hét càng dữ dội. Tôi có cảm tưởng đám đông đang nhìn về hướng tôi để chờ đợi câu trả lời. Tôi tự nhủ: Không thể nào để họ lột băng đỏ của mình được. Không thể được.”

“Rồi bất thần tôi chợt hiểu. Tôi hiểu tại sao thầy tôi cứ thúc đẩy tôi đọc sách ngoại quốc nhiều thêm, tìm hiểu lịch sử quá khứ nhiều thêm để trở thành học giả — ‘Đúng rồi, chính ông ta còn lập luận để bênh vực các tác phẩm phong kiến, những ‘mầm mống ung độc.’ Chắc chắn là ông đã cố lung lạc tôi, cố thay đổi để tôi trở thành khác với những bạn bè xung quanh, cố thay đổi để tôi cũng trở thành một thành phần phản cách mạng. Rõ ràng là vì thế nên ông mới mời tôi đến nhà để cùng ăn thịt vịt với ông khi tôi không được bầu vào Hội Thanh Niên. Vịt là một món xa xỉ. Làm sao ông ta có thể có tiền để đãi một sinh viên? Thôi đúng rồi, ông đã lấy tiền của cha mẹ ông là những thành phần địa chủ. Đã bao nhiêu lần ông cho tôi xem những bức ảnh trong ví của gia đình ông chụp trước những tòa nhà hai tầng to lớn. Khi thầy tôi bước qua mặt tôi lần nữa, tôi bắt đầu la hét chẳng khác gì những người khác trong đám đông.”

“Rồi thì những lãnh tụ sinh viên bắt đầu vây quanh và đánh thầy tôi. Thầy

tôi không hề chạy. Ông cũng chẳng hề kêu la. Ông chỉ âm thầm quỳ xuống chẳng khác nào một tội nhân, hai tay ôm mặt để che đôi mắt kính. Càng ngày càng có nhiều sinh viên đánh đập ông ta, cho đến khi tôi cảm thấy ông quả thật không còn là người thầy mà tôi hằng quý mến nữa. Tôi đứng yên chết trân một mình.”

“Rồi bỗng nhiên tôi cảm thấy một cảm giác lạ lùng xâm nhập chẳng khác nào có một hấp lực vô hình đang đẩy tôi về phía trước. Hấp lực vô hình đó mãnh liệt đến độ tôi không còn tự chủ được nữa. Càng lúc tôi càng tiến đến gần chỗ thầy tôi quỳ cho tới khi chính tôi cũng trở thành một trong những người vừa hò la vừa xô đẩy.”

“Khi đã tiến được đến chỗ thầy tôi thì tôi đã gần như một người say. Chân tay tôi đã rã rời, nhưng tôi cố gắng lấy hết sức bình sinh nhắm mắt lại và giờ tay lên.”

“Khi tôi mở mắt ra thì đám đông đã giải tán tự lúc nào. Giữa vận động trường vắng vẻ chỉ còn mỗi mình tôi lạc lõng. Tôi nhìn xuống chân thì thấy giấy đã tuột cả giấy. Lúc cúi xuống để cột lại dây giấy, tôi thấy trên mặt đất có những mảnh kiếng và một góc của tấm hình màu nâu đen.”

Tôi hỏi: Sau đó ông có còn gặp lại thầy ông không?

“Không. Lúc dạy tôi thầy tôi đã già lắm. Khi cuộc Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt thì thầy tôi mất rồi.”

“Thế ông có cố tìm cách gặp lại thầy ông không?”

“Có, tôi có tìm thầy tôi vào khoảng tám năm sau, khi hạn lao động của tôi đã mãn và tôi được phép trở về quê cũ. Trong những ngày tôi còn lao động ở tít phía bên trong Mông Cổ, cứ mỗi lần về đêm thời gian lại dài đằng đẳng. Vì chẳng có gì để làm nên tôi vẫn ôn lại những bài học tôi đã học với thầy tôi và ra sức đọc những quyển sách mà thầy tôi cho. Sau này, khi nhà nước cho phép đại học mở khoa thi thì tất cả những học sinh bị gửi đi lao động đều được quyền dự tuyển. Tôi đã đậu rất cao và được quyền chọn trường để học. Tôi muốn gặp thầy tôi để báo cho thầy tôi biết tôi đã được nhận vào trường đại học Bắc Kinh, nguyên là trường cũ của thầy tôi.”

“Ụợ thầy tôi còn nhớ tôi. Khi bà mời tôi vào nhà, tôi nhìn thấy bức di ảnh của thầy tôi trên tường có bọc vải lụa đen. Tôi không muốn ở lại lâu, nhưng dĩ nhiên tôi chẳng thể đi ngay. Bà mời tôi uống trà và rồi cứ thế kể chuyện thầy tôi. Bà cứ kể đi kể lại là thầy tôi luôn nhắc nhở tôi và nhiều lần thắc mắc chẳng hiểu tôi ở đâu. Thầy tôi còn nói rằng ông rất hãnh diện có được một học sinh xuất sắc như tôi.”

BĂNG TRẮNG, BĂNG ĐỎ
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Nữ Diễn Viên

T HỨ BẢY NGÀY 22 THÁNG 4, NĂM 1989...HÀNG CHỤC NGÀN SINH VIÊN BIỂU TÌNH Ở THIÊN AN MÔN ĐÊM TRƯỚC CHỐNG LẠI LỆNH GIẢI TÁN CỦA CẢNH SÁT. TRONG KHI LỄ TUỞNG NIỆM HỒ DIỆU BANG CHÁNH THỨC TIẾP DIỄN Ở GẦN TÒA ĐẠI SẢNH NHÂN DÂN, THÌ CÁC SINH VIÊN LẠI TỤ HỢP Ở THIÊN AN MÔN ĐỂ TUỞNG NHỚ ÔNG.

Năm 1985, lúc đến Trung Hoa, cả tôi lẫn nhà tôi đều mong Đặng Tiểu Bình giữ được ngôi vị lãnh đạo. Năm đó, tờ Times cũng mong Đặng Tiểu Bình giữ được ngôi vị lãnh đạo và chọn Đặng Tiểu Bình làm nhân vật thời sự quan trọng nhất năm. Từ những nước tư bản phú cường, những quốc gia không còn tin vào những khuôn mẫu Nga Sô, cho đến tất cả những quốc gia đang thí nghiệm với vấn đề cải cách và quan trọng hơn cả là ngay chính những người Trung Hoa ai ai cũng mong Đặng Tiểu Bình giữ được ngôi vị lãnh đạo chẳng kém gì chúng tôi.

Khoảng một năm sau đó, hàng chục ngàn sinh viên ở hàng chục thành phố lớn bắt đầu xuống đường. Họ biểu tình để yêu cầu chính phủ tiến hành các phong trào cải cách mau hơn. Trong tất cả những bạn bè tôi quen đang nằm trong giới cầm quyền, kể cả những người đang thiết tha với các phong trào cải cách, tôi chưa hề thấy ai ủng hộ những nỗ lực xuống đường của các sinh viên lúc bấy giờ.

Hết thảy các bạn tôi đều sợ chiến thuật xuống đường sẽ dẫn đến những chuyện không hay. Họ hoàn toàn im lặng.

Sự im lặng của họ chẳng hề khiến tôi ngạc nhiên. Trong quá khứ, người Trung Hoa đã trả giá quá đắt mỗi khi đưa ra ý kiến; vì thế đối với họ sự chịu đựng đã trở thành một phản ứng tự nhiên. Thói quen của cuộc sống đã khiến họ chỉ còn biết chịu đựng và chờ đợi những hậu quả kinh hoàng nhất. Phản ứng của họ thật chẳng lấy gì làm khác phản ứng của các nạn nhân đã phải chịu quá nhiều đau khổ qua các nạn hỏa tai. Cứ mỗi khi nhìn thấy người nào đó bật diêm là họ lại rùng mình. Sau khi phải trải qua quá nhiều cơn ác mộng, người Trung Hoa chẳng còn dám mơ mộng gì nữa.

Sự tiên đoán của các bạn tôi hoàn toàn đúng. Chiến thuật xuống đường của sinh viên quả nhiên dẫn đến những hậu quả bất lợi. Hồ Diệu Bang đã bị chính phủ làm áp lực bắt phải từ chức khi ông lên tiếng ủng hộ giới sinh viên. Song song với việc làm áp lực bắt Hồ Diệu Bang từ chức, chính phủ cũng đồng thời phát động một chiến dịch toàn quốc để tận diệt các phong trào tư tưởng tiểu tư sản.

Tại sao giới sinh viên lại đợi đến hai năm sau khi Trung Hoa đã tuyên bố cải cách để thay đổi ý kiến? Theo lẽ thường tình thì họ phải cẩn thận hơn mới phải. Nhưng lần này, thay vì nhẫn nại đợi chờ, họ đã quyết định xuống đường.

Nếu sự thay đổi ý kiến của họ quả có lý do thì lý do đó ắt phải nằm trong giai đoạn chuyển tiếp của hai năm ở giữa. Có thể họ xuống đường vì đã mất

hết hy vọng mà cũng có thể họ xuống đường chính vì họ mới tìm lại được hy vọng.

Đây vừa là giai đoạn tuyệt vời nhất, vừa là giai đoạn đen tối nhất, vừa là giai đoạn có nhiều ý tưởng lý kỳ nhất, vừa là giai đoạn có nhiều ý tưởng ngu độn nhất, vừa là giai đoạn của tín ngưỡng, vừa là giai đoạn của vô thần, vừa là thời đại của ánh sáng, vừa là thời đại của tối tăm, vừa là mùa xuân của hy vọng, vừa là mùa đông của thất vọng.

Tôi trích đoạn mở đầu quyển Câu Chuyện của Hai Vùng Phố Thị của nhà văn Charles Dickens để diễn tả lại bầu không khí đêm “*Xuân Trung Quốc*.” Tất cả những sự mâu thuẫn vừa diễn tả đều hiện diện trong cùng một lúc. Sự khác biệt nếu có chăng cũng chỉ là những sự khác biệt trong quan niệm của những người quan sát mà thôi.

Đã hẳn các quan sát viên có thể chọn rất nhiều lăng kính khác biệt để suy diễn ảnh hưởng của đêm “*Xuân Trung Quốc*” đối với xã hội Trung Hoa, nhưng cho dù họ có nhìn lại bằng con mắt của một chứng nhân đang hồi tưởng lại những biến động của cuộc Cách Mạng Văn Hóa, hoặc qua lăng kính suy luận để phân tích ảnh hưởng của đêm “*Xuân Trung Quốc*” đối với những biến cố tương lai, hoặc nhìn bằng bất kỳ cách nhìn nào khác đi chăng nữa thì tất cả các quan sát viên cũng đều phải cùng đồng chấp nhận một điều: Giai đoạn “*Xuân Trung Quốc*” là một giai đoạn đáng nhớ nhất. Trong giai đoạn này giới lãnh đạo đã đưa ra một chính sách cải cách để tìm cách giao dịch với toàn thể thế giới. Giới lãnh đạo cũng đã nhiều lần khẳng định mục tiêu cải cách của họ trong các cuộc họp đại hội đảng. Các phong trào cải cách đã khiến cuộc sống của đa số dân chúng được nâng cao lên ít nhiều, nếu không về phương diện vật chất thì cũng là về phương diện tinh thần. Tổng sản lượng nông nghiệp tăng, lương bổng tăng, các mặt hàng tiêu thụ gia tăng cả về khối lượng lẫn về phẩm chất. Đời sống dân chúng tương đối tự do và dễ thở hơn.

Tuy trong giai đoạn này, đời sống của người dân Trung Hoa đã được nâng cao rất nhiều, nhưng khi nói đến những vấn đề tương lai chẳng hạn như tuần tới hoặc vài năm tới thì họ lại cho rằng Trung Hoa sắp tiến đến giai đoạn đen tối. Họ vẫn phàn nàn mỗi khi nói chuyện với nhau.

Riêng tôi thì cho rằng có phàn nàn tức là đã có tiến triển. Đã nhiều thế kỷ, Trung Hoa sống dưới nền văn hóa Khổng. Lúc nào họ cũng được dạy phải cúi mình trước bậc trưởng thượng và chính quyền, dù cho bậc trưởng thượng hoặc chính quyền có vô lý đến mấy đi nữa cũng vậy. Sau những thập niên của chế độ Mao, họ lại phải dấu hết những cảm tưởng của mình đối với tất cả mọi người, kể cả những người thân thuộc.

Vậy mà trong giai đoạn này những câu chuyện lại hoàn toàn khác trước. Đã cả thế kỷ qua, người Trung Hoa lúc nào cũng ấp ủ mỗi hy vọng rằng thế nào rồi đây Trung Hoa cũng sẽ trở thành vững mạnh, tân tiến và chiếm lại được ngôi vị của một đại cường quốc như ở các thế kỷ trước. Người Trung Hoa cũng đã thay đổi chính phủ nhiều lần cốt để đạt được mục tiêu đó. Trung Hoa cũng đã nới rộng tiếp xúc với thế giới Tây Phương, đã gửi học sinh sang

Tây Phương du học, đã đem kỹ thuật của các nước khác du nhập vào nước mình.

Tuy thế, chưa bao giờ người Trung Hoa lại có được những phương tiện tối tân để giao dịch như lúc này. Chưa bao giờ họ có được những phương tiện, chẳng hạn như chỉ cần bấm nút là thấy rõ những quốc gia bên ngoài. Trước đây, thế giới bên ngoài chỉ là một thế giới trừu tượng trong những văn từ đã được giới lãnh đạo chọn lựa cẩn thận để đưa ra. Nhưng giờ đây, thì ở ngay cả những vùng hẻo lánh nhất người ta cũng có Ti Vi. Đây là một phương tiện thật là mới lạ và chính vì thế, nên phương tiện đó cũng là một sức mạnh vô hình khó thể đo lường. Nếu ngay cả một quốc gia đã cởi mở về cả báo chí lẫn xã hội như Hoa Kỳ mà còn bị các đài truyền hình giao động thì khó ai có thể đo lường chính xác mức độ giao động của màn ảnh truyền hình đối với một nước từ trước tới nay vẫn bế quan tỏa cảng và bưng bít như Trung Hoa. Những hình ảnh trên màn ảnh Ti Vi đã khiến cho người xem thấy rõ sự khác biệt của những thực tế chính trị và kinh tế với những điều tuyên truyền của đảng trong quá khứ. Chính vì thế nên hy vọng của người Trung Hoa bỗng nhiên tăng lên rất nhiều so với thời gian trước đây.

Song song với những sự hy vọng đó, khi Đặng Tiểu Bình lên tiếng đả kích những chính sách của đảng trong quá khứ và ủng hộ các chính sách cởi mở của đảng trong thời gian hiện tại còn khiến người dân Trung Hoa hy vọng nhiều thêm. Chính những yếu tố vừa kể đã hòa hợp khiến cho người dân Trung Hoa bớt ngần ngại khi cần phát biểu ý kiến, nhất là khi có đông đủ bạn bè.

Tôi có cái may là làm bạn được với nhiều người Trung Hoa. Đây là những điều họ nói với tôi trước “Ngày Ủng Dậy”:

Nông dân, nguyên là những người mà mức thù thập đã tăng gấp ba trước đây, bắt đầu than phiền rằng tình hình chưa ổn định. Tuy họ quả thật có đủ tiền để xây nhà mới, tự do bán các nông sản hoặc có thể rời đồng ruộng để làm việc trong các cơ xưởng. Nhưng trong mọi giai đoạn, lúc nào người khác cũng có thể ăn chặn ít nhiều của họ — Người hàng xóm phía cuối đường bắt họ phải trả tiền khi họ chở hàng đi ngang; những viên bí thư xã tìm cách giữ lại phân bón để đổi lấy ân huệ có lợi cho họ; những người bí thư phường đưa ra những tiêu chuẩn khối lượng nông sản mà họ phải bắt buộc bán cho nhà nước với giá thật thấp. Lúc này, những người nông dân vẫn thường đùa rằng ít nhất thì khi địa chủ bóc lột họ, họ cũng còn có đủ cơm cháo qua ngày và có thời giờ để chăm sóc con cái.

Tuy mức lương công nhân đã tăng gấp đôi khi trước mà họ vẫn than phiền rằng các cơ xưởng không có mức lương tiêu chuẩn rõ rệt và nhất định cho mỗi công việc. Thế thì tìm công việc mới tốt hơn, để làm gì? Nếu không có chỗ quen biết hoặc không có quà cáp thì những cơ xưởng của họ ít khi cho phép họ chuyển. Như thế, công nhân — nhất là những công nhân có khả năng nhất và chuyên cần nhất, lại là những người mà các cơ xưởng cố tìm cách để giữ lại. Hơn nữa những công nhân thường phải chu toàn nhiệm vụ của mình ở xưởng. Bởi vì dù muốn, dù không thì đây vẫn là những công việc nghề nghiệp chính thức của họ. Nạn mua chuộc do đó xảy ra gần như ở khắp mọi

nơi. Chẳng hạn như nếu chỉ nói riêng về các dịch vụ vận chuyển thì những người tài xế vận tải thường tìm cách mua chuộc những tài xế xe buýt; những người tài xế xe buýt thì tìm cách mua chuộc những người tài xế xe hơi, và những người tài xế xe hơi thì lại tìm cách mua chuộc những người tài xế tắc xi. Chính vì thế mà chẳng ai lấy làm lạ khi dân chúng bắt đầu than phiền, nếu không than phiền về phương tiện chuyên chở thì cũng là than phiền về giá cả chuyển vận. Họ vẫn đùa rằng chỉ có một thứ ở Trung Hoa không lên giá là Đặng Tiểu Bình.

Ngay cả giá tiền chính thức cũng tăng gấp đôi, nhưng dân chúng vẫn bảo rằng con số đó không phản ánh đúng sự thực. Một gia đình thông thường phải chi tiêu hơn phân nửa mức lương gia đình vào việc ăn uống. Chẳng những thế, dân chúng còn thấy rằng càng ngày họ lại càng phải mua nhiều thứ khác ở các chợ trời nơi giá cả tăng hơn 25%. Trong khi đó thì tiêu chuẩn giá cả chính thức của thị trường lại được ấn định dựa trên giá trị của những vật dụng khan hiếm hoặc không cần thiết. Thay vì bán hàng hóa theo giá nhà nước thì càng ngày càng có nhiều tiệm chỉ bán những hàng hóa theo giá ấn định của nhà nước cho các khách hàng nào sẵn lòng mua các vật dụng ế hoặc tồn kho của họ. Thay vì bán sản phẩm theo giá qui định cho mỗi địa phương thì càng ngày lại càng có nhiều hãng sản xuất bán những hàng hóa của địa phương ra các vùng khác. Dĩ nhiên, chính phủ chẳng thể tìm được cách nào để đối phó hữu hiệu với những chuyện ngoắc ngoéo như vậy.

Và riêng giới nhà giáo thì tuy lúc này không còn phải chịu đựng những cơn thịnh nộ của vệ binh đỏ nữa, mà họ vẫn phàn nàn về tất cả những vấn đề khó khăn thường xuyên của các nhà giáo, và đôi khi họ còn phàn nàn cả về những điều không mấy liên quan đến vấn đề giáo dục nữa. Vì giáo dục không phải là một vấn đề thương mại nên trường học thường không có đủ tiền để xây nhà cho các giáo chức. Chính vì thế nên những giáo chức không cùng sống với gia đình thường phải lấy các căn nội trú trống làm chỗ ở. Thường thì mỗi ngày họ lại ngủ ở một phòng khác nhau. Vấn đề khó khăn nhà cửa khiến họ khó thể lập gia đình. Chẳng những thế, vấn đề này lại nghiêm trọng hơn vì người Trung Hoa vẫn thường xem chuyện lập gia đình như một bốn phận bắt buộc.

Thực ra, vấn đề khó khăn nhà cửa cũng là một vấn đề khó khăn chung cho tất cả những người sống ở thị thành. Thông thường thì trong mỗi thành phố lúc nào cũng có khoảng 30% dân số phải sống chen chúc trong những chỗ ở chật chội diện tích không quá khổ một cái giường. Có lẽ điều làm họ khó chịu hơn cả là trong khi họ phải sống chật chội như thế thì quanh họ vẫn còn đầy những căn phòng hầy còn bỏ trống trong các chung cư. Mỗi đêm các cụ già vẫn thường đỗ cháu bằng cách chỉ vào những căn phòng trống thiếu hẳn ánh đèn bảo rằng: "*Cháu xem đó, thế nào rồi ông cũng tìm cho cháu được một căn phòng mà.*" Gần như ở nơi nào cũng có nạn nhà trống vì các nhân viên cao cấp của chính phủ thường tìm cách lấy lòng nhau bằng cách để dành các phòng trống cho những người thân của nhau. Vấn đề tiền phòng không phải là vấn đề quan trọng — Tiền phòng thường được chính phủ cho trợ cấp thêm. Các chức sắc lớn tuổi lúc nào cũng có thể nhin đi một vài gói thuốc để dành tiền giữ chỗ ở cho các con cháu của họ.

Tuy lúc này giới trí thức đã được nhà nước sủng ái và không còn bị kết án hoặc đối xử tàn tệ như trước nữa nhưng họ vẫn phàn nàn rằng họ chẳng thể ăn chữ mà sống. Mức lương của họ thấp đến độ một người thợ hớt tóc có thể cắt tóc với một số lương gấp đôi số lương của một bác sĩ giải phẫu. Một người thợ may ở mặt đường có thể làm gấp đôi số lương một kỹ sư công chánh kiến thiết cầu cống. Đã đành rằng giới trí thức vẫn muốn được mọi người trọng vọng, nhưng họ cũng muốn chính quyền giúp họ giải quyết các khó khăn tài chánh.

Những nhân viên hành chánh trong các cơ xưởng, tuy đã được cho quyền rộng rãi hơn bất cứ lúc nào trước đây lại than rằng dù quyền lực của họ quả có tăng, nhưng họ lại phải bỏ gần hết thì giờ vào việc giải quyết những xích mích của công nhân, phải đương đầu với những vấn đề của các văn phòng tiểu ban và vào những người thiết lập kế hoạch ở Bắc Kinh. Họ phàn nàn rằng những nhân viên quản trị ở Hoa Kỳ có nhiều lợi điểm hơn họ — Những nhân viên Hoa Kỳ chỉ cần chiều lòng khách hàng là đủ còn họ thì vừa phải chiều lòng cả chủ xưởng lẫn hàng hà sa số các cô, các bà lớn.

Tuy chính phủ đã bãi bỏ luật cấm kinh doanh và cho phép giới tiểu thương tự do buôn bán mà những người trong giới tiểu thương vẫn phàn nàn về những khó khăn của các thủ tục giấy tờ hành chánh. Một trong những trường hợp vừa xảy ra là một người trong giới tiểu thương đã phải tìm cho đủ 128 chữ ký, vị chi là 128 văn phòng hành chánh trước khi được quyền chính thức kinh doanh. Hơn nữa, nộp đơn chẳng qua cũng chỉ là một phần của quá trình. Đầu tiên thì người xin đơn phải tìm cách để có được tấm đơn. Điều này có nghĩa là phải có chút ít quà để biếu người này, người nọ để lấy được đơn cho chóng. Thế thì quà gì? Theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ thì những món quà đút lót đó cũng chẳng có gì nhiều — Một cây thuốc Marlboro, một xâu bia Thanh Đảo hoặc chút ít cam quýt trái mùa. Tuy thế, đối với những người Trung Hoa làm lương chỉ khoảng độ 40 đồng một tháng thì đây là những món quà đáng kể. Nếu họ phải đút lót nhiều lần như vậy thì món quà tặng đó thật chẳng khác nào một chiếc áo da trầu quý báu.

Tuy giới văn nghệ sĩ đã được cho quyền tự do nhiều hơn hết so với tất cả các giai đoạn trước đây mà họ cũng lại bắt đầu than phiền chẳng những chỉ về những điều tương tự kể trên mà còn về nhiều điều khác nữa. Điều này có lẽ cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên vì rằng bất mãn, mâu thuẫn, và khủng hoảng lúc nào cũng là đề tài của các nhà văn. Một trong những điều ngạc nhiên là khán giả Trung Hoa lúc nào cũng chuộng những tác phẩm dịch thuật, và những sáng tác nghệ thuật của ngoại quốc. Có lẽ một trong những lý do chính là vì nghệ thuật Trung Hoa không còn đủ phong phú để có thể diễn tả trọn vẹn được tâm tư và cuộc sống của người Trung Hoa. Hoặc nói tóm tắt hơn thì nghệ thuật Trung Hoa không còn đáp ứng được với nhu cầu nghệ thuật của chính người Trung Hoa. Quá trình áp đặt của các ý thức hệ trong những thập niên trước đã khiến nghệ thuật Trung Hoa suy thoái, nghèo nàn, kém sâu sắc và không còn đủ linh hoạt để diễn tả được hết những sự mâu thuẫn, bất mãn và khủng hoảng của Trung Hoa. Những phong trào chống phản động, chống các mầm mống ung độc, chống Trung Dung, chống Chín

Kẻ Tham Nhũng, chống Bốn Điều Cổ Hủ, chống Khổng Tử đã giết chết nghệ thuật.

Trong các cuộc cải cách, kể cả phong trào bài trừ hủ hóa năm 1985, phong trào đánh tiểu tư sản năm 1987, tuy cũng có phong trào kiểm duyệt, nhưng kiểm duyệt phần nhiều cũng chỉ là sự kềm chế của riêng cá nhân những nhà văn Trung Hoa. Chính vì sự kiểm duyệt không mấy gắt gao nên một số các tác phẩm tuy không hoàn toàn đi đôi với chủ trương của nhà nước mà vẫn được cho in. Sau khi nhà nước bãi bỏ luật cấm ấn hành thì sách vở và tạp chí lan tràn gấp cả ngàn lần số báo phát hành trước đây và nhà nước chẳng thể có đủ khả năng để kiểm duyệt một số lượng tạp chí và sách báo lớn đến thế. Hơn nữa, các văn sĩ cũng đã học được một số cách để có thể tránh kiểm duyệt. Họ biết lúc nào nên in, lúc nào không nên. Nên in ở nhà xuất bản nào, không nên in ở nhà xuất bản nào. Trong số những văn sĩ tôi quen, có một người đã chua chát đùa rằng anh ta thật sự mong được khai trừ khỏi đảng, vì cách đó là cách hay nhất để có thể có một quyển sách bán chạy.

Riêng về lãnh vực điện ảnh và nghệ thuật thì ngoài những khó khăn vừa kể còn có những khó khăn khác. Trong khi một số các bản kịch nổi tiếng của Trung Hoa vẫn được ra mắt độc giả thì một số khác vẫn còn bị cấm. Một trong những chuyện kiểm duyệt điển hình là chuyện một nhân vật cao cấp của đảng ngủ gật ngay trong lúc đang kiểm duyệt phim. Ông ta tỉnh dậy đúng ngay vào lúc tin tức thời sự đang chiếu cảnh một người Trung Hoa gánh nước. Thấy cảnh gánh nước đang chiếu, ông bừng bưng nổi giận và tuyên bố cấm luôn cuốn phim vì tính cách xuyên tạc của cảnh gánh nước. Những người ngồi quanh đó kể cả người đạo diễn đau khổ đều im lặng. Không một ai dám chống đối hoặc thanh minh gì cả,

Tuy đảng vẫn gọi sinh viên là những lãnh đạo tương lai của quốc gia mà sinh viên vẫn phàn nàn rằng họ không có diễn đàn nào để phát biểu ý kiến mà cũng chẳng thể gia nhập vào các cơ quan của chính phủ. Khi họ lên tiếng đòi hỏi mở rộng cải cách hoặc có những chính sách cởi mở hơn, như trong mùa đông 1986–1987, thì chính phủ lại kêu gọi các bậc phụ huynh cản trở họ và lợi dụng các thành kiến giữa phụ huynh và các con em họ để loại bỏ những phong trào tương tự. Ảnh hưởng cuộc sống của sinh viên là một điều không mấy khó khăn vì ở Trung Hoa chính phủ có quyền ấn định tầm mức giáo dục, có quyền ấn định nhà cửa, công ăn việc làm cũng như nắm quyền định đoạt các cơ chế ảnh hưởng đến vấn đề chính trị, xã hội và kinh tế của mỗi công dân. Rồi giới sinh viên tự hỏi: Thế thì những người sinh viên — như đảng đã đề cao là những nhà lãnh đạo tương lai — làm thế nào để có khả năng lãnh đạo quốc gia trong khi chưa tự chủ được ngay cả cuộc sống của chính mình?

Trên lãnh vực quân sự thì giới quân nhân nguyên là những người được đào tạo ở các trường quân sự hiện đại lại bất mãn vì cương vị thứ yếu của họ. Các đội ngũ quân sự bị cắt giảm đến hàng triệu. Cương vị của giới chức quân sự trong Trung Ương Đảng bị cắt bớt và ngân sách của họ cũng bị cắt xén.

Nhiều cán bộ và công chức trung cấp phàn nàn rằng cải cách chẳng những đã chẳng đem lại lợi lộc mà còn khiến họ điêu đứng thêm. Họ đã được khuyến

cáo rằng nếu chỉ là con người thuần túy cộng sản không thì chưa đủ. Họ cần phải có đôi chút khả năng chuyên môn, nhưng họ chẳng biết làm gì hơn ngoài việc kêu gào các khẩu hiệu và nghi ngờ những người khác.

Ngay cả những viên chức cao cấp nhất nguyên là những người được đủ mọi thứ quyền mà cũng còn phàn nàn và đôi khi lại còn phàn nàn to tiếng nhất. Những nhân viên cấp dưới đang bắt họ phải đối phó với hàng loạt những vấn đề mà những người Tây Phương vẫn liệt vào vấn đề cá nhân. Chẳng hạn như tìm cách để cho một công nhân sắp sinh có thể nhập viện ở một bảo sanh viện không còn chỗ hoặc tìm cách để cho một công nhân qua đời có thể được hỏa táng ở một chỗ hỏa táng đã hết chỗ chứa thêm? Một bộ trưởng đã phàn nàn rằng ông chỉ thực sự rảnh rỗi được vài giờ rảnh mỗi tháng lúc ra sân Golf. Ngay cả trong những ngày lễ mà đám đông vẫn xếp hàng chờ đợi ngay trước cửa nhà ông. Tại sao ông không thể giúp họ đến gặp những nhân viên khác hoặc đuổi họ về? Bởi vì Bộ Trưởng lúc này chẳng còn có được những quyền lực của ngày trước để xử dụng áp lực, và cũng chẳng có đủ những sự trọng vọng đi đôi với chức vụ như những vị quan thời trước để có thể dùng lời khuyên giải những người chờ đợi. Hơn nữa, chính Bộ Trưởng cũng phải làm việc bằng cách huy động thiện chí của mọi người để có thể hoàn tất công việc dù cho chỉ là những việc đơn giản nhất.

Và thiện chí trong lúc giao thời như lúc này quả thật là một thứ khan hiếm tốt độ. Một vài người gọi thời chuyển tiếp là *“Triều đại hỗn loạn của một vì vua cuối.”* Một vài người khác sợ rằng nếu khung cảnh cứ thế tiếp diễn thì chẳng bao lâu lại quốc gia sẽ có loạn sứ quân và đất nước sẽ lại chìm trong cảnh đại loạn. Thất vọng ngày càng dâng cao.

Thấy những người bạn tôi quá bi quan, tôi khuyên họ nên nghĩ đến mặt phải, mặt trái của tất cả mọi vấn đề. Tôi nói rằng biết đâu chính những tin tức xấu lại là những những tin tức khả quan. Nếu chỉ nhìn lại lịch sử Trung Hoa trong vòng khoảng chục năm trước đây, thì có ai dám ngờ rằng dân chúng hoặc giới lãnh đạo lại có lúc dám tỏ lòng ngờ vực Mao chủ tịch, dám coi thường lệnh của Đảng, dám nghĩ, chứ đừng nói đến dám phát biểu những ý kiến khác với lời Chủ Tịch đã dạy?

Nghe tôi nhận định, họ cho rằng tôi chỉ là một người Hoa Kỳ lạc quan. Họ bảo rằng phía dưới bề mặt tôi nhìn thấy kỳ thật chẳng có gì thay đổi cả.

Cũng có thể những nhận định của họ chính xác. Tôi là một người lúc nào cũng lạc quan và thường thường sự lạc quan của tôi vẫn dẫn đến những kết quả tốt đẹp. Hơn nữa, người Hoa Kỳ rất ít khi bi quan về tương lai. Lúc nào họ cũng cảm thấy hôm nay đỡ hơn hôm qua và ngày mai chắc hẳn sẽ lại tươi sáng hơn hôm nay.

Thường thì đa số những người bạn Trung Hoa của tôi vẫn hay bi quan. Kinh nghiệm đã khiến họ hiểu rõ rằng họ ít khi đạt được kết quả mong mỏi. Tâm tư của người dân Trung Hoa dám mơ thường là những tâm tư tốt cùng cay đắng. Gần như lúc nào những giấc mơ của họ cũng bị những bàn chân lạnh lùng của giới lãnh tụ Trung Hoa đạp nát.

Vì sao cho tới mùa xuân 1989, những người Trung Hoa vẫn chẳng thể tin được rằng những phong trào cải cách của Trung Hoa quả thật là bước đầu của một sự đổi mới? Câu chuyện thương tâm của một nữ diễn viên có thể giải thích phần nào lý do thâm kín đó.

Ngày còn bé, tôi đã biết thương, biết ghét. Những sự yêu thương trong quãng đời thơ ấu của tôi không phải sự yêu thương của những bậc cha mẹ quá chiều con. Những sự phẫn uất của tôi cũng chẳng phải là sự hờn giận nhất thời của những đứa bé trong thời thơ ấu. Khi còn bé tôi đã trót hiểu những điều đáng nhẽ tôi không nên hiểu và tôi đã trót trải qua những điều đáng nhẽ tôi chẳng nên trải qua.

Tất cả những thứ đó đã trở thành một phần của cuộc đời tôi. Tôi chẳng thể nào gọi rửa hoặc mượn hương, mượn phấn để dấu đi được. Tôi cũng chẳng thể tìm được bất kỳ cách nào khác để chạy trốn. Vì là người diễn kịch nên tôi phải nhìn vào cuộc đời của chính mình để tìm cảm tưởng cho mỗi vai trò. Tôi còn biết làm gì hơn là quay về với ký ức của quá khứ? Tôi hiểu rõ sự giới hạn của mình. Mỗi khi diễn kịch là mỗi lần tôi phải đóng một vai trò khác biệt. Khi thì màn kịch đòi hỏi tôi thủ vai một thiếu phụ hoàn toàn hạnh phúc, lúc thì màn kịch đòi hỏi tôi phải thủ vai một góa phụ đau khổ khóc cảnh góa chồng. Đã hẳn tôi phải sống dối trá và cảm thấy dối trá. Quá khứ của tôi toàn là những loại tình cảm đã kết tinh từ những khuôn kịch đã được định sẵn. Ngoài những loại tình cảm đó ra, tôi chẳng còn có bất kỳ loại tình cảm nào khác.

Tuy thế, những khuôn khổ gò bó và giới hạn tình cảm của một người diễn viên chẳng phải là lý do chính thôi thúc tôi buông bỏ nghiệp sân khấu để tìm lấy một nghề nào đó khác ít đòi hỏi tôi phải vận dụng trí óc và tâm thần hơn. Cho dù cuộc sống diễn viên là một cuộc sống nhiều người vẫn thường mơ mộng, thực sự thì tôi vẫn có thể bỏ được nghề diễn xuất một cách nhẹ nhàng. Vì chỉ có cách buông bỏ nghiệp diễn kịch mới cho phép tôi tuyệt đối cắt rời với dĩ vãng.

Tôi là con một và sinh vào năm Ngọ. Tôi có đôi mắt long lanh giống mẹ, và dáng người hồng hào giống thầy tôi. Mẹ tôi là người Nam và thường làm việc ngoài công viên. Thầy tôi là người Bắc và làm việc trong thư viện. Ở nhà mẹ thường nấu nướng, khâu vá và thầy thường đọc thơ cho tôi nghe. Trước ngày nói sõi, tôi đã thuộc lòng bài thơ mà thầy tôi vẫn thích.

*Tôi chẳng cần đời
Và đời cũng chẳng cần tôi
Hai hướng đường ngược ngã hai nơi
Xin hãy giã từ nhau trong niềm hoan lạc.*

Khi tôi hỏi thầy tôi rằng câu cuối có nghĩa gì thì ông trả lời rằng “*Hạnh phúc không phải là một chữ vô nghĩa và lòng nhân không phải là ảo tưởng.*”

Lúc đó tôi chưa hiểu tại sao thầy mẹ tôi lại gửi tôi về sống với bà lúc tôi bốn tuổi. Có thể lúc đó tôi đang bị bệnh và thầy mẹ tôi vì phải luôn bận bịu

công việc nên không thể chăm sóc chu đáo được cho tôi.

Tôi vẫn nhớ những buổi đi lễ ở chùa trên núi với bà. Bà tôi đốt hương, mang cây trái và bánh kẹo lên chùa để cùng lễ với những người khác. Tôi còn nhớ hình dạng chữ Nhấn khắc ở cổng chùa và chính bà tôi cũng là người đã dạy tôi chữ viết chữ nhấn. Tuy bà tôi là người rất kín đáo về tình cảm và tuy lúc bà tôi dạy tôi viết chữ nhấn tôi hãy còn rất bé mà tôi vẫn mừng tượng cảm thấy dường như đối với bà tôi chữ nhấn có mang một ý nghĩa khác thường nào đó.

Năm lên bảy, tôi được tuyển vào đội học sinh xuất sắc và bắt đầu thấy rõ được rằng giấc mơ của tôi đang được thành toàn. Tôi yêu tất cả mọi thứ ở trường, từ bàn ghế, bảng đen cho đến những bức tam cấp. Trường học là một vương quốc trong chuyện cổ và tôi chính là một trong những nàng công chúa đẹp nhất.

Rồi chỉ một tuần sau, tôi được thông báo rằng tôi không thuộc diện học sinh của trường, tôi phải chuyển đến một ngôi trường khác, dành riêng cho con em của những kẻ “*phản động*”. Tôi chẳng hiểu “*phản động*” có nghĩa là gì và tôi cũng chẳng cần biết. Tôi chỉ cần biết thầy tôi là kẻ thù và chính vì mẹ đã lấy một kẻ phản động nên tôi đâm thù cả mẹ. Lúc nào tôi cũng được nhắc nhở về kẻ thù của mình. Radio vẫn nói đến kẻ thù. Thầy giáo ở trường vẫn dạy tôi. Mọi người đều bảo tôi rằng tiểu tư sản, phú nông, phản cách mạng và phản động đều là kẻ thù. Tôi chỉ hận mình chưa có súng để bắn chết ngay những kẻ thù đó. Sự thay đổi của con tim tôi thật là kỳ lạ, bất ngờ và tuyệt đối.

Tôi về nhà để nói chuyện thẳng mặt với mẹ. Tôi nói với mẹ rằng tương lai đời tôi thế là tan nát. Mẹ không hề chối cãi mà chỉ hỏi tôi: *Thế thì bây giờ con định làm gì?* Tôi trả lời rằng tôi chẳng muốn sống nữa. Tôi chạy băng qua phòng, trèo lên bàn và trèo lên chỗ cửa sổ. Mẹ tôi giữ tôi lại rồi nhe răng bảo tôi rằng: *Con à, con có biết không? Trong người con có một cái gì đó của chính con. Mẹ cũng chẳng biết cái đó là xấu hay tốt nữa nhưng mẹ chỉ cầu nguyện con đừng bao giờ để mất cá tính đó.*

Đêm đó, mẹ tôi xin thầy tôi cho phép bà ly dị. Thầy tôi nhận rằng chính ông đã phá hỏng tương lai của tôi và ông hứa sẽ cố gắng làm mọi chuyện để đời tôi bớt đi phần nào đen tối. Nhưng tôi vẫn hoàn toàn câm lặng, bỏ mặc thầy tôi ra đi.

Sau đó nhà tôi bị tịch thu. Chúng tôi dọn đến một chỗ ở chật chội và sống tạm bằng những khoản tiền gia đình đã dành dụm được ít nhiều khi trước. Rồi bà tôi không kham nổi cảnh sống đơn độc, lại đến ở với chúng tôi. Đêm đêm bên một ngọn đèn độc nhất, cả bà tôi, mẹ tôi lẫn tôi đều ra công khâu lại những đôi giày rách để để kiếm sống.

Thầy tôi bị xếp vào loại phản động loại ba. Những người phản động loại một đều phải vào tù. Những người phản động loại hai thì phải đi khổ sai ở Tân Cương. Thầy tôi bị bắt phải lao động cùng với các nông dân ở gần miền quê. Mỗi tháng ông chỉ được trả 32 xu, mỗi lần về nhà ông lại bỏ vào trong

hộp đựng bút chì của tôi 15 xu để dành. Tôi đưa cả cho mẹ không giữ lại xu nào. Mỗi lần thầy tôi về thăm nhà, thầy lại hỏi tôi có muốn đi chơi với thầy không? Lần nào tôi cũng lắc đầu. Mỗi lần thầy tôi mang kẹo và trái cây đến cho tôi, tôi lại tránh xa, không hề đụng gì đến. Tôi sợ bạn bè gặp thầy tôi cho tới nỗi tôi phát bệnh. Tôi xấu hổ vì thầy đến độ tôi cầu mong sao cho thầy tôi sẽ đi luôn và chẳng bao giờ trở lại nữa.

Sự tha thứ của mẹ tôi thực là vô bờ. Mẹ nhìn thấu tâm tư tôi và hiểu rõ cả những nỗi sợ hãi thâm kín nhất của tôi.

Năm tôi 12 tuổi thì cuộc Cách Mạng Văn Hóa phát động. Trước kia tôi đã không được phép mang khăn quàng đỏ của hội thiếu niên tiên phong, nay tôi lại không được phép mang băng tay đỏ của các đội vệ binh đỏ. Tôi đi qua nơi nào cũng bị bạn bè phỉ nhổ rồi từ từ tôi nhận ra sự ác độc và tàn nhẫn của những đứa bé khác cũng ghê rợn chẳng khác gì sự tàn nhẫn và ác độc của tôi đối với thầy tôi. Từ đó những sự căm hờn của tôi bắt đầu nguôi ngoai. Nhưng đã quá trễ. Thầy tôi chẳng còn được phép rời nơi làm việc để về thăm nhà.

Hai năm sau đó, có nhiều lúc chẳng hiểu sao tôi thấy mắt mẹ đọng đầy nước mắt. Mẹ thường khóc thật bất ngờ và chẳng vì một lý do nào cả.

Một đêm, trời vừa khuya, vừa lạnh, tôi chờ mãi vẫn chẳng thấy mẹ về. Tôi nong dây quần áo vào người rồi mang dù ra bến xe buýt đứng đợi mẹ. Mấy tiếng sau, bà tôi ra bến xe dục tôi về đi ngủ. Tôi cứ trần trọc mãi. Tiếng kim khâu vá áo của bà làm tôi thao thức.

Khi mẹ tôi về trời đã qua nửa đêm từ lâu. Chiếc áo khoác ngoài người mẹ tôi đã ướt sũng cho đến mức lớp áo xanh nhạt bên dưới đã lấm chấm ố màu. Mẹ tôi đã đi bộ hàng giờ ngoài mưa.

Bà tôi hỏi: “*Mày đi đâu đấy?*”

Mẹ tôi trả lời: “*Con chẳng đi đâu cả!*”

“*Mày có đi tìm ai không?*”

Mẹ tôi lắc đầu.

“*Sao mày về muộn thế?*”

“*Nhà con tự vẫn rồi!*”

Bỗng nhiên tôi thấy thầy tôi và tôi cách nhau trong một khoảng cách dài vô tận! Tuy đã xa cách lâu ngày nên tôi không còn hình dung ra được giọng nói hoặc khuôn mặt của thầy tôi nữa, nhưng tin thầy tôi mất còn làm tôi có cảm giác xa xăm hơn! Đầu óc tôi tự nhiên trống rỗng, tôi chẳng biết nghĩ gì và tự hỏi một cách vô nghĩa rằng có lẽ phải có một chỗ nào đó để tâm hồn người chết có thể an nghỉ. Trước đây tôi cũng có nhiều người bạn cùng lớp có bố tự vẫn như tôi, nhưng lúc đó đối với tôi chữ tự vẫn vẫn chẳng hề có nghĩa gì đặc biệt.

Bỗng dừng tôi chú ý trên mặt mẹ chẳng hề có một giọt nước mắt. Mặt mẹ hoàn toàn bình tĩnh, gần như thể thản nhiên, thản nhiên đến độ gần như dừng dừng.

Chúng tôi cùng lên giường nhưng chẳng ai ngủ. Vào lúc trời sáng mẹ tôi bật khóc rồi cả nhà khóc theo. Ông tôi đã qua đời trước khi tôi sinh. Giờ thì thầy tôi cũng mất. Tôi nhìn thấy rõ tương lai cuộc sống mai hậu của gia đình chúng tôi: Ba người đàn bà goá sống những cuộc đời của những nén hương tàn.

Có tiếng gõ cửa. Một người đàn ông chuyển cho tôi một cái hộp gói bằng giấy nâu và bảo rằng chúng tôi không có quyền giữ lá thư bên trong mà phải chuyển lại cho công an sau khi đọc xong. Lá thư không phải viết cho mẹ tôi mà viết cho tôi:

*Con gái thầy ơi,
Thầy xin con đừng bao giờ khinh thầy con ạ.
Thầy chẳng để lại gì cho con được cả
ngoại trừ những bài học mà có lần thầy đã dạy con:
cách làm việc
cách xử sự cho đứng đắn
cách sống ở đời.*

Ngoài bức thư ra, chỉ còn lại chiếc ví cũ của thầy tôi. Trong đó còn năm xu và một bức ảnh của gia đình. Lúc trở ra, người đàn ông nhắn rằng mẹ tôi được miễn khỏi phải làm việc hôm đó. Chẳng bao lâu sau lại có tiếng gõ cửa. Lần này thì một người bạn của thầy tôi đến để khuyên mẹ tôi đến nhà hỏa táng mà xin tro đốt xác thầy tôi. Mẹ tôi lắc đầu. Bạn thầy tôi dúm vào tay tôi 30 xu rồi bảo tôi đem cho người đốt xác để xin tro của thầy.

Mẹ soạn ra mấy bộ quần áo tốt nhất của thầy và đôi giày rạ mà thầy quý nhất. Trước đây mỗi khi rảnh thầy vẫn lôi đôi giày rạ đó ra đánh cho thật bóng trông như thể giày da.

Tôi không biết phải đi bến xe nào. Mẹ nói rằng để mẹ đưa tôi đi, nhưng chúng tôi vừa ra khỏi cửa thì một người cán bộ trong toán dân công của mẹ tôi đến để khuyên mẹ tôi rằng hôm nay là ngày mẹ phải tỏ rõ lập trường chính trị trước mặt toàn đội và mẹ lại tất tả ra đi với người cán bộ.

Tôi hỏi thăm những người lạ để tìm cách đến bến xe buýt. Xe chạy thật lâu. Trên xe chẳng có hành khách nào lớn tuổi hơn tôi và còn có nhiều người còn nhỏ tuổi hơn cả tôi nữa. Đến trạm cuối thì mọi người đều xuống. Tôi đi theo đám đông về hướng một căn nhà trông ma quái chẳng khác nào một cỗ áo quan bằng gạch khổng lồ dựng đứng trên mặt đất.

Chúng tôi ai cũng cầm từng bọc quần áo, bịch thì làm bằng ny lông mỏng, có bịch làm bằng vải thô. Cũng có một hai người mang bọc vải cầm tay giống tôi. Gói của tôi to nhất. Mẹ tôi muốn thầy tôi ăn mặc đàng hoàng.

Vì nhà nước cấm nên chúng tôi chẳng ai được phép mang bằng tang đen ở

tay.

Chúng tôi cùng xếp hàng. Cho đến trưa thì đến phiên tôi.

Một người già hỏi tên thầy tôi.

Tôi trả lời.

“Ông ta làm việc với toán nào?”

Tôi không biết phải trả lời ra sao. Chưa ai bảo gì với tôi về luật lệ lãnh tro đốt xác cả. Tôi chỉ biết trả lời rằng xác thầy tôi mới được mang từ miền quê về hôm qua.

Ông lão bảo tôi đợi. Khi ông trở lại thì trời đã về chiều. Ông hỏi tôi có mang theo đôi vợ nào không? Xác thầy tôi chẳng có giày dép gì cả và chỉ có một chiếc vớ.

Tôi đưa cho ông ta bao quần áo và 30 xu. Ông ta bảo tôi hai tuần sau quay lại để lấy tro.

“Cô phải xin giấy phép nhà nước trước khi tôi có thể đưa tro của thầy cô cho cô.” Ông ta nói thêm: *“Những người như thầy cô đều phải chịu hỏa táng tập thể. Họ không có quyền được hỏa táng riêng.”* Giọng ông lão nghe thật thản nhiên và rõ ràng như thể ông đang thông báo cho mọi người xung quanh cùng nghe, nhưng nhìn vào mắt ông lão tôi biết chính ông cũng không đồng ý với luật lệ khe khắt đó.

Tôi hỏi ông khi họ mang xác thầy tôi vào thì thi thể thầy tôi trông thế nào?

“Trông thầy cô... vẫn như thường. Ông ấy tự vẫn bằng thuốc ngủ.”

Tôi lại hỏi lại. Ông lão ngập ngừng đôi chút rồi nói thật suông đuột. *“Hai tai thầy cô đều bị cắt.”*

Tôi rời chỗ hỏa táng nhưng không về nhà mà đứng ngoài trông vào. Nhà hỏa táng là một tòa nhà cũ có trạm hình rồng trên ống khói. Thỉnh thoảng lại có một đám khói ngoằn ngoèo bốc lên đưa linh hồn của những người cha, những người mẹ, những người con về nơi an nghỉ cuối cùng.

Tôi nhớ lại nét dừng dưng trên khuôn mặt mẹ đêm trước và chột hiếu. Chết tức là giải thoát. Và sống tức là vật lộn với cuộc sống nơi vợ tổ chồng, con một mình lặn lội đi nhặt xác cha như chúng tôi trong lúc này.

Tôi nghĩ về thầy tôi... Ông phải can đảm tới độ nào để giữ vững ý tưởng rằng hạnh phúc không phải là một chữ vô nghĩa và lòng nhân chẳng phải là ảo tưởng? Vì không chịu để Đảng khuất phục, ông đã bị sỉ nhục. Vì không chịu tố cáo người khác ông đã bị xẻo tai. Vì hoàn toàn im lặng, ông đã qua đời trong niềm hoan lạc.

Tôi thế sẽ sống sao cho thầy tôi phải hãnh diện.

Ngôi nhà hỏa táng trông không còn ma quái nữa. Nơi đó không giết người mà chỉ đem sự giải thoát đến cho người quá cố.

Cho đến giờ tâm hồn tôi vẫn chưa thực sự thanh thản. Có lẽ chính vì quãng đời ấu thơ của tôi quá khác biệt. Ngày còn bé tôi không nên hiểu biết các thủ đoạn chính trị, nhưng tôi trót hiểu. Tôi không nên áp ủ một mối hận phản tự nhiên đến độ có thể cắt đứt tình phụ tử giữa thầy tôi và tôi, nhưng tôi đã trót áp ủ. Tôi không biết mẹ tôi phải làm cách nào để tôi có thể hiểu được rằng nước mắt là thứ quý nhất trên đời và tôi không nên nhỏ lệ cho những chuyện tôi làm năm lên bảy. Nhưng tôi nên biết.

NỮ DIỄN VIÊN
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Người Học Giả

THỨ TƯ, NGÀY 26 THÁNG 4, NĂM 1989... BÁO NHÂN DÂN ĐĂNG MỘT BÀI BÌNH LUẬN LÊN ÁN PHONG TRÀO SINH VIÊN XUỐNG ĐƯỜNG LÀ “PHẢN QUỐC,” “PHẢN ĐẢNG” VÀ “ĐI NGƯỢC LẠI ĐƯỜNG LỐI CỦA CHÍNH PHỦ”. BÀI BÁO GỌI PHONG TRÀO CHỐNG ĐỐI LÀ PHONG TRÀO CỦA NHỮNG BÈ NHÓM ÂM MƯU LÀM LOẠN XÃ HỘI.

Tôi chẳng biết gì hơn về người học giả ngoài giọng kể mà ông đã ghi lại trong những cuốn băng tôi nhận được. Giọng ông thật bình tĩnh nhưng vẫn đầy cảm xúc. Tôi nghĩ mãi mà vẫn không nhận ra được giọng ông. Tôi cũng không nhớ rõ là đã gặp ông lần nào chưa. Sau khi buổi tiệc già từ ở Bắc Kinh chấm dứt chẳng có nhân viên nào nhớ rõ được ai là người đã tặng tôi những cuộn băng kể về đời người học giả. Cả ba cuộn băng đều không nói gì đến lai lịch ông.

Trong đoạn cuối của cuộn băng thứ ba có đoạn nói ông 69 tuổi. Tôi giở sổ địa chỉ tra lại tất cả những người tôi đã gặp xem có nhớ được ông ta là ai không nhưng cuối cùng tôi vẫn không đoán được ông là ai.

Biết đâu vì quá chú ý vào đám đông có thể tôi đã quên ông? Nhưng chuyện đó khó thể xảy ra. Nếu đã tiếp xúc với ông, tôi chẳng thể quên băng đi tất cả mọi chi tiết được. Tuy lúc còn ở Trung Hoa tôi quả có tiếp xúc với rất nhiều người, nhưng lẽ nào một người viết văn như tôi lại có thể quên băng đi một cuộc tiếp xúc khác thường như vậy? Có lẽ ông là phụ huynh của những người tôi đã gặp? Có lẽ không phải. Người học giả có kể ông đã lập gia đình hai lần nhưng tôi không nghe ông đề cập đến bất kỳ người con nào cả. Biết đâu diện mạo trẻ trung của ông đã khiến tôi đoán nhầm tuổi thật của ông? Nhưng tôi chắc là không.

Chắc chắn là chúng tôi đã có lần gặp nhau và đã có lần nói chuyện với

nhau. Chẳng những thế mà có lẽ trong những cuộc tiếp xúc với nhau chúng tôi đã tạo cho nhau nhiều ấn tượng khó quên. Chỉ có giả thuyết đó mới phù hợp với những câu trả lời mà người học giả chuyển cho tôi qua những cuốn băng. Những câu trả lời của người học giả đích thực là những câu trả lời cho những câu hỏi mà tôi định sẽ hỏi nếu có đủ thời giờ để nói chuyện lâu với ông. Giờ đây, khi đã được nghe trọn vẹn câu chuyện của ông tôi lại có thêm rất nhiều, rất nhiều các câu hỏi khác.

Cảm giác của tôi đối với người học giả thật là một cảm giác kỳ lạ. . . Tôi có cảm tưởng mình biết ông thật rõ nhưng lại chẳng biết rõ ông cao hay thấp, mập hay gầy, cởi mở hay kín đáo, vui tính hay nghiêm nghị? Tuy nhiên qua những câu chuyện ông kể tôi lại có cảm tưởng là tôi đã gặp ông ở đâu rồi. Mỗi khi viết, tôi thường hay ngủ nhiều hơn bình thường và trong những lúc chợt tỉnh tôi mơ màng thấy rằng mình là một nhạc trưởng đang cố tìm âm hưởng qua tiếng tiếng gió rừng và tiếng vĩ cầm. Tôi ra hiệu cho nhân vật này ra trước, đẩy nhân vật kia ra sau cho tới khi nhân vật chính biến thành một vai trò nào đó gần gũi để tôi có thể biết được rõ tính nết và đời sống của nhân vật đó. Trong những giây phút mơ màng như vậy, tôi biết rõ tất cả mọi điều về nhân vật chính ngoại trừ tướng mạo. Đường như tướng mạo lúc nào cũng là những câu hỏi bí ẩn cuối cùng.

Nhưng không biết rõ tướng mạo đã đành, ít nhất tôi cũng cần biết tên người bạn học giả. Vì dù chúng tôi có phải đợi đến hàng năm, chúng tôi có phải đợi đến khi Trung Hoa thay đổi và tôi có dịp trở về để gặp lại thì tôi cũng phải biết rõ tên tuổi của người tôi muốn gặp. Nếu không biết tên, tôi biết làm cách nào để có thể tìm được người bạn cũ?

Mỗi khi con cái chào đời dường như câu hỏi đầu tiên của các bậc cha mẹ thường là: Đứa bé là con trai hay con gái? Đây là câu hỏi chung kể từ khi loài người có mặt trên trái đất, một câu hỏi của tất cả mọi người dù là ở đâu, sinh trưởng trong nền văn hóa nào, sống trong một xã hội văn minh hay hoang dã, sống ở một quốc gia giàu hay nghèo, xã hội chủ nghĩa hay không xã hội chủ nghĩa. Yếu tố Nam, Nữ còn ảnh hưởng con người hơn tất cả những yếu tố khác chẳng hạn như yếu tố di truyền, yếu tố của những môi trường sống xung quanh, yếu tố giáo dục, yếu tố sức khỏe, yếu tố kinh nghiệm, và hơn cả yếu tố thương yêu nữa.

Dù ngay cả trong những cơn ác mộng, tôi vẫn chưa bao giờ quên được rằng mình là đàn ông. Nhưng thật sự đã có lúc tôi bị buộc phải quên rằng mình là đàn ông để có thể tiếp tục sống. Sự bắt buộc đó có lẽ không hẳn là do cố ý mà là do sự thiếu hiểu biết của những kẻ đẩy dọa tôi. Ít ra thì tôi cũng cho là vậy. Mặc dù tôi đã bước vào tuổi thất tuần và bắt đầu hài lòng với mọi sự, tôi vẫn không thể nghĩ khác được. Vì nghĩ khác tức là chấp nhận một thế giới ác độc mà chính tôi cũng đã sống gần trọn cuộc đời trong đó.

Hơn 40 năm về trước, lúc tốt nghiệp đại học, tôi đã được chính phủ Trung Hoa cho phép du học ở Hoa Kỳ, nhưng tôi quyết định ở lại Trung Hoa để đóng góp công sức vào việc xây dựng một quốc gia mới. Lúc bấy giờ, cuộc nội chiến giữa hai phe Quốc-Cộng vẫn chưa ngã ngũ và cho đến cả năm sau

Cộng Sản mới chấm dứt được chiến cuộc. Tuy vậy, tôi đã biết rõ rằng trước hay sau gì thì rồi đây Cộng Sản cũng sẽ chiếm thế thượng phong và chính sự kiện đó đã khiến tôi và nhiều người Trung Hoa khác chứa chan hy vọng. Trước đó, tôi đã từng làm việc với Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Nhiệm vụ của tôi là dịch mật mã của không quân Nhật trong thế chiến thứ hai, nhưng lúc đó tôi cũng đã nhận ra rằng Trung Hoa Quốc Dân Đảng đang lui dần vào quá khứ Trung Hoa. Nạn lạm phát và tham nhũng đã khiến đại đa số dân chúng không còn ủng hộ giới lãnh đạo của Quốc Dân Đảng nữa.

Chẳng bao lâu sau, chính tôi cũng phải đặt chân vào đôi dép rạ, khoác ba lô lên lưng để tham gia phong trào cải cách ruộng đất. Tôi không phải là đảng viên của Đảng Cộng Sản, nhưng vì là một người trí thức tự nguyện, tôi vẫn tạo được những ấn tượng tốt với các đảng viên Cộng Sản. Tôi được gửi đi công tác ở một vùng nghèo nàn nhất ở Miền Nam và rồi dần dần được cử làm trưởng nhóm.

Lòng tin của những người trong đội đã thôi thúc tôi làm việc thật hữu hiệu dù là những việc trước đây tôi chưa từng làm chẳng hạn như làm ruộng. Những cán bộ như chúng tôi thường cùng ăn, cùng sống với những người dân địa phương nơi chúng tôi công tác. Cuộc sống của chúng tôi cũng giống hệt cuộc sống của các nông dân địa phương, kể từ cả miếng ăn, chỗ ở trở đi. Những bữa cơm của chúng tôi thường là những bữa cơm rau luộc và thật sự cũng chẳng khác những bữa cơm lúc tôi còn đi học là mấy. Vùng tôi công tác là một nơi thời tiết lúc nào cũng nóng như thiêu như đốt. Công việc đồng áng bao giờ cũng cực nhọc. Tôi thiếu bạn, thiếu sách vở và thiếu cả những người biết chữ nghĩa để trò chuyện. Tuy thế, tôi vẫn hài lòng, nhất là vì sự quý mến những người dân trong làng dành cho tôi.

Thật ra muốn được lòng những người dân làng ở vùng tôi công tác cũng không lấy gì làm khó khăn, tôi chỉ cần làm theo những điều Mao chủ tịch dạy. Tôi tổ chức một nhóm dân vệ để giúp dân làng phòng ngừa các bọn trộm cướp đang đầy dẫy ở khắp mọi nơi trong vùng. Tôi hạ thấp tiền lãi của những tá điền phải trả cho những người chủ nông vắng mặt. Chẳng bao lâu sau, dân địa phương đã bắt đầu hài lòng với những quy chế của xã hội mới. Họ bắt đầu cổ vũ: “*Mao chủ tịch muôn năm.*”

Trong mùa hè 1950, tôi được lệnh phải tiến hành nốt những phần còn lại của chính sách cải cách ruộng đất tức là bắt đầu phân loại tất cả những người trong làng. Đây là một việc chẳng có gì phức tạp. Tuy thế, tôi lại ngỡ ngàng vì tiêu chuẩn 5% của đảng đặt ra. Tôi không thể tin được rằng Đảng lại có thể ra lệnh cho tôi phải đưa ra đủ 5% những gia đình chủ nông. Nếu làng không đủ người để hội đủ tiêu chuẩn này thì sao? Đây chính là trường hợp của ngôi làng nơi tôi công tác. Thực ra, trong hết thảy cả làng nơi tôi công tác chỉ có một người địa chủ rất nhỏ — nhỏ cả về quyền lực lẫn tài vật.

Tuy tất cả những cán bộ khác ở những làng xung quanh đều hội đủ tiêu chuẩn 5% con số địa chủ như đã đề ra, riêng tôi lại cho rằng có lẽ sắc lệnh gửi đến cho tôi không được chính xác. Mặc dù những người có nhiều kinh nghiệm về việc thực thi các lệnh của Đảng đã khuyến cáo tôi nên thi hành

đúng những luật lệ của đảng đưa ra để tránh nguy hiểm, tôi vẫn nhất quyết không nêu thêm tên bất kỳ một người nào khác. Các bạn tôi khẩn thiết khuyên tôi: Đồng chí à, tin chúng tôi đi, chúng tôi là người hoạt động đã lâu năm rồi. Lúc nào chúng ta cũng nên theo sát với đường lối của đảng hơn là đường lối của riêng chúng ta. Lý luận của họ không lay chuyển được tôi. Tôi còn cho phân phát cho người tiểu nông ở làng một khoảng đất để gia đình ông ta có thể cấy cày, kiếm sống. Điều này còn khiến những người cùng làm việc với tôi e dè hơn. Nhưng tôi vừa hỏi tất cả các bạn vừa tự hỏi chính mình rằng: Thật ra tôi đã làm điều gì sai trái?

Một năm sau, khi phòng trào cải cách ruộng đất chấm dứt, tôi bắt đầu biết rõ câu trả lời. Tội của tôi là tội của một cán bộ đã cố tình đi ngược với đường lối của đảng. Tôi chỉ là một kẻ khéo lợi dụng thời cơ. Vì là con của một địa chủ nên chẳng những tôi chỉ thừa hưởng máu huyết mà còn thừa hưởng cả di sản tinh thần của ông thân tôi nữa. Tôi đã từng cộng tác với bọn cầm quyền quốc gia và do đó chính là một kẻ thù giai cấp. Tôi đã cố tình phá hoại những chính sách của chủ nghĩa Mao.

Thế là tôi bị bắt. Họ xiềng chân tay tôi lại. Tôi vừa mất cả tự do, vừa mất cả mối tình đầu. Vì người tôi yêu chẳng thể nhắm mắt để yêu thương một kẻ thù giai cấp.

Lúc đầu, tôi hối hận mình đã bỏ lỡ dịp không sang Hoa Kỳ. Nhưng cảm giác hối hận đó qua mau và rồi sự suy nghĩ của tôi lại chuyển hướng. Tôi tự an ủi rằng chẳng bao lâu nữa đảng sẽ có đủ sáng suốt để xem xét lại trường hợp của tôi. Đây chẳng qua chỉ là một trường hợp lầm lẫn. Vì vững tin vào chủ nghĩa cộng sản, tôi tiếp tục quảng bá những lý tưởng cộng sản ở ngay trong tù. Những người canh tù cũng không làm khó gì với tôi. Họ còn tỏ ý khuyến khích tôi lập lớp để dạy thêm những tù nhân khác đang bị giam chung với tôi. Chúng tôi cùng đọc và thảo luận những tác phẩm của Marx, của Engels và của Lenin.

Ngoài ra, tôi còn cố giữ cho tinh thần mình mẫn bằng cách cố nhớ lại những bài cổ thi. Tuy nội quy tù cấm không cho chúng tôi viết lách hoặc đụng đến giấy bút, nhưng nếu chỉ ngồi ôn thâm lại những bài cổ thi thì chẳng có gì trái với nội quy. Từ ngày còn bé, tôi đã cố học thuộc cổ thi. Kể từ đó cho đến ngày bị tù, tôi đã thuộc lòng cả mấy ngàn bài. Giờ đây tôi có thể nhớ lại những bài cổ thi đó thật dễ dàng — dễ dàng gần đến độ như tự nhiên. Tôi thấy mình chẳng những đã nhớ rành mạch những bài cổ thi mà còn nhớ tất cả những chú thích điển cố thật là mạch lạc.

Tuy tâm thần tôi vẫn vững chãi nhờ những sự vận động đầu óc, nhưng thể xác tôi lại ngày càng bị sự gông cùm làm cho suy nhược dần. Giờ đây, mỗi khi nghĩ lại những ngày bị giam tôi vẫn còn rùng mình chẳng hiểu cuộc đời tôi sẽ ra sao nếu không có người cai tù mới. Người cai tù mới là một người nông dân vạm vỡ đã quá tuổi tráng niên. Tuy tuổi tác khiến anh chẳng còn đủ sức để điều khiển trâu bò nữa nhưng anh vẫn còn thừa sức vật ngã một người đàn ông. Có lẽ nhờ những trực giác của một người đã quen nuôi gia súc nên vừa vào làm cai tù anh ta đã nhận ra nỗi khổ của tôi. Người cai tù mới hỏi

trình độ học vấn của tôi ra sao? Tôi nói tôi có hai bằng cấp đại học, một bằng nhân văn và một bằng khoa học, tôi biết nói cả tiếng Anh lẫn tiếng Nhật. Nghe xong anh ta bảo rằng những người có học vấn như tôi càng ngày càng khan hiếm, khan hiếm chẳng khác nào như mùa hạn hán thiếu mây. Người cai ngục kết luận: Chắc chắn những người như chúng tôi có thể sẽ làm được một cái gì đó ích lợi hơn. Sau đó anh ta mở xiềng rồi bế xốc tôi qua một chỗ tù khác.

Nơi nhà tù mới, không khí bớt hôi thối và sáng sủa hơn. Căn ngục mới được dành riêng cho tôi. Tôi được tự do ngồi một mình và chẳng hề bị ai quấy rầy. Những vết thương của tôi bắt đầu đóng vảy và biến dần thành sẹo.

Khi tôi đã khoẻ lại, người canh tù mới lại chuyển tôi đến một trại tù khác. Nơi đây, sau những công tác đồng áng, tù nhân được khuyến khích để có thể trình diễn văn nghệ. Tôi vui mừng vô kể vì tính tôi vốn thích ca nhạc. Một hôm, khi đội trình diễn sắp lên sân khấu thì người chơi đàn hồ cầm bị bệnh. Tôi tình nguyện thay thế và đã giữ được tiếng cho cả toàn đội trình diễn. Chẳng hiểu sao, người cai tù mới cũng biết rõ vụ này tuy rằng trong suốt thời gian ông ta là cai ngục chúng tôi chỉ nói chuyện với nhau vài câu. Lòng tốt của người cai tù mộc mạc đã khiến tôi thêm phần tin tưởng vào sự sáng suốt của đảng. Sau khi tôi chuyển vào trại mới được ít lâu thì ban kịch nghệ quyết định chọn vở tuồng Bạch Phất Cô để trình diễn. Tuy thế họ lại không tìm được người đàn bà nào để thủ vai chính. Trước đây đã có lần tôi được theo học một lớp vọng cổ và trong những vở tuồng tôi học lúc nào đàn ông cũng thủ vai đàn bà, nên ban trình diễn quyết định chọn tôi làm người hát chính.

Làm thế nào để có thể biến sân khấu nhà tù thành một thứ sân khấu chính hiệu? Đây là một vấn đề thiên nan vạn nan vào lúc đầu. Chúng tôi chẳng có y phục gì khác để trình diễn ngoại trừ những bộ quần áo tù vừa hôi vừa cũ mà chúng tôi phải mặc quanh năm suốt tháng. May thay, ban quản trị tù lúc đó lại thương tình phát cho mỗi mỗi người trong ban trình diễn một chiếc sơ mi trắng để mặc mùa hè và một bộ quần áo dạ kiểu y phục Mao Chủ Tịch để mặc vào mùa đông. Tuy những bộ quần áo cấp phát cho ban trình diễn chỉ cốt để chúng tôi có thể trình diễn trên sân khấu, nhưng tù nhân nào cũng định mặc luôn những bộ đồ phát như quần áo thường dùng hàng ngày. Tôi và hai người bạn tù khác vì thủ vai đàn bà nên không được phát những bộ đồ dạ và áo sơ mi trắng như những người khác. Cả ba người chúng tôi đều phản đối. Những nhân viên cai tù cấp trên cho rằng chúng tôi đòi hỏi quá nhiều. Có lẽ họ cho rằng chúng tôi là những bọn được voi đòi tiên nên thay vì đáp ứng sự đòi hỏi của chúng tôi, họ lại đốt hết những bộ quần áo cũ để dạy chúng tôi một bài học. Thế là chúng tôi bị buộc phải mặc những bộ y phục diễn tuồng ngay cả trong những lúc không trình diễn.

Đến ngày hớt tóc, ban quản trị tù lại cấm không cho những người thợ hớt tóc không được đụng đến chúng tôi với lý do là chúng tôi phải để tóc dài mà thủ tuồng cho đúng vai. Lần này thì chúng tôi thực sự xuống nước năn nỉ và cầu khẩn ban quản trị cho chúng tôi được phép hớt tóc. Nhưng ban quản trị lại làm lơ, một mực nói rằng họ không hề cho lệnh gì những người hớt tóc cả. Chẳng những thế, ban quản trị còn khuyến cáo rằng chúng tôi có thể bị phạt

thêm 5 năm tù nữa nếu bất tuân kỷ luật. Chúng tôi bắt đầu lo, vì dấu sao đi nữa thì chúng tôi cũng vào trại để học tập và vấn đề học tập thì cần phải có kỷ luật. Thế là chúng tôi không dám xin hớt tóc mà cũng chẳng dám tự cắt tóc.

Chẳng hiểu vì lý do gì đó mà tóc tôi lại dài nhanh hơn cả mạ ngô. Chỉ trong vòng một năm tóc tôi đã dài quá hông. Mỗi khi trình diễn xong, tôi phải cuộn tóc lại cho đỡ xấu hổ. Tôi tìm cách quấn tóc lại thành nhiều vòng, dấu tóc dưới một cái khăn rồi cột cái khăn lại cho gọn ở một bên góc đầu.

Sau mùa gặt, chúng tôi trình diễn liên tục dường như ngày nào cũng hai xuất, xuất trưa và xuất tối. Chu vi trình diễn của chúng tôi trải suốt 16 cây số quanh trại. Vì không có phương tiện di chuyển gì khác, chúng tôi phải đi bộ. Một hôm vì không chịu nổi khí nóng sôi sục của mùa hạ, tôi giật mạnh cái khăn đóng cuộn tóc để tóc xõa thẳng ra ngoài. Thế là trên đường phố, mọi người nhìn thấy một cô gái cuộn tóc dài kiểu đuôi ngựa, mặc áo hoa hòe, chân đi hài thêu đi bộ qua làng. Tôi đang đi bộ thì bỗng có một thanh niên trẻ tiến tới gần tôi, ngỏ lời trêu ghẹo một cách tục tằn. Vì tù nhân không có quyền nói chuyện với dân làng nên tôi bấm bụng im lặng tiến bước. Anh thanh niên cứ leo đẹo tiếp tục đi theo. Tôi cố đi nhanh hơn. Anh ta cũng đi nhanh hơn theo. Tôi chạy, anh ta cũng chạy theo. Bất thành linh anh ta nhảy xổ vào ôm lấy tôi, vừa hôn hít vừa vuốt ve. Tôi đâm mạnh vào người anh ta. Thế là anh ta cúi xuống, tay cầm một hòn đá, mắt lộ sát khí. Tôi lớn tiếng cầu cứu. Hai người bạn tù tôi chạy vọt tới chỗ tôi, hoa lưỡi liềm lên. Thấy thế anh ta vội vàng tháo chạy.

Tôi cảm thấy nhục nhã không biết đến đâu mà nói. Đã đành rằng tôi là một phạm nhân, nhưng nếu là phạm nhân thì người ta chỉ có quyền xử tôi bằng cách tước đoạt quyền tự do hoặc đánh đập, hành hạ tôi, nhưng họ không có quyền tước đi quyền làm đàn ông của tôi. Một phạm nhân, dù có phạm tội gì chẳng nữa, cũng chẳng thể bị trừng phạt bằng cách bị ép buộc phải sống như người khác phái.

Không thể nào chịu đựng uất ức được nữa, tôi nói với hai người bạn tù rằng tôi sẽ trốn. Họ khuyên tôi nên bình tĩnh lại. Trốn? Trốn đi đâu? Biên giới thì xa diệu vợi chẳng khác nào những ánh sao đêm. Và lại tôi biết làm gì để sống? Tôi chẳng có lấy một xu dính túi? Hơn nữa, tiền tệ lại chỉ có giá trị trong phạm vi địa phương. Chỉ cần tôi đi xa hơn ranh giới địa phương hơn một chút là đồng tiền không còn giá trị. Tôi sẽ bị bắt và sẽ bị xử hình.

Hai người bạn tôi nói đúng. Tôi chẳng có cách nào để trốn. Đất Trung Hoa tuy rộng bao la nhưng cũng hẹp chẳng khác nào hũ nút.

Thế là tôi cố tìm những cách khác để tìm một vài bộ quần áo đàn ông. Tôi chẳng có gì đáng giá để đánh đổi. Ngoài những tờ báo cũ ra gần như tôi chẳng có gì cả. Dần dần tôi nghĩ ra cách dùng những tờ báo cũ đó. Tôi cố cắt những tờ báo ra thành những mẫu hình quần áo hoặc những mẫu hình trang hoàng rồi tìm cách để đánh đổi với những người thợ may trong làng.

Hai tháng sau tôi đã làm được một đồng đủ các loại mẫu hình trang hoàng

bằng giấy báo. Hai người bạn tù tôi đồng ý kiếm thêm số củi cho tôi để tôi có thể vào làng tìm quần áo thay vì phải trèo núi để đốn củi. Trên đường vào làng, tôi cố sức hóa trang. Tôi để tóc xõa rồi lấy hoa cài thêm vào. Vừa đi thơ thẩn, vừa hát khe khẽ chẳng khác nào lúc tôi đang diễn tuồng trên sân khấu. Trong khi đi, lúc nào tôi cũng lo sợ pháp phòng rằng mình sẽ bị phát giác.

Người dân làng đầu tiên tôi gặp là một người đàn bà đang giặt quần áo trên một tảng đá cạnh một hồ nước. Tôi nhẹ nhàng tiến gần đến chỗ bà ta. Trông tôi có lẽ bà ta nhầm tưởng là một trong những nữ tù nhân ở trại tù gần bên nên thay vì tránh đi, bà lại có ý thương hại và muốn hỏi xem tôi muốn gì? Tôi nói rằng tôi phải đi bán để có tiền nuôi con. Bà ta hỏi tôi có muốn đổi những món đồ của tôi lấy gạo hay không? Tôi tìm cách giảng giải cho bà ta hiểu rằng tôi chỉ có thể dùng tiền mà thôi. Trong lúc tôi còn đang giảng giải thì lại có hai người đàn bà khác nữa cùng đến. Họ cũng đứng để nghe những câu chuyện nài nỉ của tôi. Chẳng bao lâu sau, tôi đã bán được 10 xu.

Tôi đầu tiên kiếm được trong đồng rơm gói đầu để đợi có dịp mua quần áo. Nhưng rồi thay trại bỗng có một cuộc kiểm tra bất ngờ và người cán bộ kiểm soát tìm được số tiền tôi giấu. Tôi nói dối rằng đó là tiền tôi lượm được và vì vội quay về nên tôi quên chưa trình lại. Người cán bộ nói rằng anh ta không phải là người ác độc và lần này tôi được tha, không bị báo cáo. Anh ta giữ lời, không hề khai báo và cũng chẳng trừng phạt gì tôi. Tôi chỉ bị tịch thu 10 xu mà thôi.

Trong suốt thời gian tôi bị giam, chưa ai nói rõ tôi sẽ bị giam trong bao lâu cả, vì thế tôi không hề biết trước ngày nào tôi sẽ được trả lại tự do. Công an đã bắt giam tôi mà không hề đem ra xét xử. Bởi thế khi đột nhiên nghe lệnh mình được ân xá, tôi mừng không kể xiết.

Vừa ra tù tôi nghĩ ngay đến việc cắt tóc. Lúc hớt tóc cho tôi xong, người thợ hớt tóc buột miệng khen. Trời ơi tóc đầu mà vừa mượt, mịn lại vừa dày, vừa mềm và dài thế này! Câu khen vô tình của người thợ hớt tóc khiến tôi nhớ lại chuyện cũ và đâm ra khó chịu. Tôi nghiêng rằng bước nhanh ra khỏi tiệm hớt tóc. Thấy thế, người thợ hớt tóc vội chạy theo tôi, tay giơ bím tóc tôi lên khoa khoa. Sao lại bỏ tóc đi, phí thế? Cầm đi mà bán, được tiền lắm đấy. Anh ta tròn mắt ngạc nhiên khi tôi sẵn giọng nói rằng tôi không muốn giữ bím tóc đó và sẵn lòng cho phép anh ta tùy nghi xử dụng. Sau rốt, tôi kiếm được một bộ quần áo đàn ông mặc vào rồi khoan khoái bước đi ung dung như một người đàn ông hoàn toàn tự do.

Tôi được gửi đến một cơ xưởng sản xuất mới của Trung Hoa và được giao việc làm thống kê. Việc tuy chẳng có gì cực nhọc mà chẳng hiểu sao trong vòng sáu tháng đầu tôi mệt lử. Thấy thế, người cán bộ trông coi đội sản xuất gửi tôi đến bác sĩ. Sau khi khám nghiệm bác sĩ cho biết tôi đang mắc bệnh sốt rét và bệnh đang ở thời kỳ nặng nhất.

Lúc đưa tôi vào bệnh viện, bác sĩ điều trị bằng cách cho tôi uống những liều thuốc độc cực mạnh cốt để trừ tuyệt những ký sinh trùng đang hoành hành trong cơ thể tôi. Liều thuốc độc xém giết luôn tôi. Càng ngày tôi càng

gầy. Sức lực tôi kiệt dần. Cuối cùng, sức khỏe tôi suy thoái đến độ gần như tôi chẳng còn sức để mở được mắt. Một hôm tôi đang mơ màng thì nghe hai người y tá nói chuyện về hai vụ chôn cất hôm sau. Tưởng tôi đã ngủ, họ nói rõ tên hai bệnh nhân sắp được đưa vào nhà xác. Một trong hai bệnh nhân đó là tôi. Nhưng hai người y tá đã lầm. Liều thuốc độc đã giết hết những con vi khuẩn ký sinh và tôi vẫn còn sống sót.

Ngày tôi trở lại làm việc, căn bệnh đã hoàn toàn dứt tuyệt, nhưng tôi vẫn chưa hoàn toàn khỏe hẳn. Người cán bộ tốt bụng ký giấy cho tôi nghỉ sáu tháng. Trong sáu tháng đó tôi chẳng còn biết làm gì hơn là đọc sách. Một hôm, khi đang xem báo, tôi đọc thấy ngay tại tỉnh tôi có tin đăng thiếu giáo viên. Tuy chẳng có hy vọng gì được nhận, tôi vẫn cứ nộp đơn cho vui xem sao. Ngạc nhiên thay tôi được nhận và chính người cán bộ khi trước cũng lại giúp tôi.

Trước khi đi dạy tôi có ghé về thăm gia đình, tôi không được gặp thầy tôi kể đã tám năm. Lúc này mặt thầy tôi đã nhăn, lưng thầy đã còng và tóc đã bạc nhiều. Tôi và thầy tôi vừa nhấp rượu vừa kể chuyện những năm tôi xa nhà. Thầy tôi khóc thương cho tôi. Rồi tối đến thầy tôi dặn rằng tôi phải biết đề phòng cho các anh chị tôi. Thầy dặn rằng tôi không nên về thăm nhà vì những việc tôi làm trong quá khứ có thể ảnh hưởng đến tương lai của các anh chị tôi. Tôi không cảm thấy chua xót. Tôi cũng không cảm thấy giận. Tôi gật đầu và hứa rằng tôi sẽ không bao giờ về thăm gia đình nữa.

Tôi dạy văn chương trong trường và cho đến lúc đó, năm 36 tuổi, tôi mới biết rõ nghề giáo hợp với sở thích của tôi. Tôi không còn phải chôn chặt những bài cổ thi trong yên lặng nữa. Mỗi ngày tôi có thể giảng về tất cả những nét thanh tao của các bài cổ thi ngay trước mặt học trò trong lớp. Ý tưởng của tôi không còn bị áp lực nào ràng buộc. Tôi không còn phải ngồi trong câm lặng để ấp ủ lại những chuyện khổn khó hoặc thăng trầm của cuộc đời như trong quá khứ.

Tôi vừa làm những chuyện mình yêu thích, vừa được trả lương xứng đáng.

Năm 1956, Mao Trạch Đông tuyên bố phát động phong trào “*Trăm Hoa Đua Nổi*.” Phong trào kêu gọi: “*Hãy để cho Trăm Hoa tự do Đua Nổi. Hãy để cho Trăm Trường tự do bàn luận để đả thông tất cả những sai lầm.*” Trong giai đoạn này, Mao Trạch Đông kêu gọi toàn thể các tầng lớp trí thức cùng phát biểu ý kiến để nêu rõ tất cả những sai lầm của đảng cũng như đề nghị các cách sửa sai. Qua những kinh nghiệm từng trải, tôi biết rằng mình nên hiểu là đảng lúc nào cũng đúng. Tôi cố tránh không phát biểu. Cứ mỗi khi những cuộc họp chính trị ở trường đòi hỏi các giáo viên phải đưa ra ý kiến thì tôi lại tìm cách lánh đi.

Năm 1957, Mao Trạch Đông tuyên bố phong trào chống Phản Động để diệt trừ và thanh trừng những thành phần phản quốc và không trung thành với đảng. Những kẻ phản động đó đã giả bộ thành thực để chỉ trích sự sai lầm của đảng nhưng kỳ thực là để bôi nhọ đảng. Những sự chỉ trích bất công của những kẻ đó đã nhằm mục đích làm thương tổn đảng để xây dựng lại những

mầm mống tư tưởng tiểu tư sản. 5% các giáo viên trong trường bị kết án phản động và rồi bị trừng phạt.

Tôi chẳng có gì để sợ hãi cả. Sự yên lặng không hề phản bội tôi.

Khi phong trào thanh trừng phản động gần kết thúc, tôi nhận được một lá thư của một người bạn ở một tỉnh miền Tây. Anh ta viết rằng qua cuộc thanh trừng vừa rồi, anh đã bị khai trừ khỏi đảng và bị gửi vào trại cải tạo. Tôi hết sức thông cảm với sự khổ tâm của anh. Rồi để an ủi anh bạn, tôi viết rằng biết đâu trường hợp của anh lại chẳng do một sự nhầm lẫn nào đó và có thể cấp trên đã kết án lầm anh là kẻ phản động. Biết đâu trường hợp của anh chỉ là một trường hợp rủi ro do sự nhầm lẫn của các cán bộ địa phương đối với lệnh của các cán bộ ở Trung Ương Đảng. Vì chẳng biết làm gì hơn để an ủi người bạn, tôi chỉ biết viết có thế.

Tôi nghĩ rằng những điều tôi viết trong thư thật chẳng có gì đáng chú ý, nhưng tôi lầm. Sau khi đã cẩn thận cố tránh không hề nói đụng đến một câu đáng để nghi ngờ, tôi đã tự sập mình vào bẫy. Bức thư của tôi gửi cho anh bạn đã bị người cai tù mở ra xem. Sau đó bức thư được chuyển về cho toàn thể các đồng nghiệp của tôi có dịp thấy rõ những chứng cứ của hành động phản động mà tôi vừa phạm: Cố tình xuyên tạc và gây mâu thuẫn giữa cán bộ địa phương và cán bộ trung ương. Đây không phải là một tội nặng nề như những tội lỗi mà tôi đã phạm lần trước và tôi không bị bắt giam. Nhưng một khi hành động của tôi đã bị phê bình trước công chúng thì những người xung quanh bắt đầu xa lánh tôi. Bạn bè cắt bớt sự giao thiệp. Những người tôi mới quen không còn có ý muốn kết giao. Học sinh cho rằng lời giảng của tôi không còn đáng chú ý. Những lúc tôi đi bộ ngoài phố, người ta thường vượt nhanh qua trước mặt tôi trước khi tôi có dịp chào hỏi cho đúng phép lịch sự thường tình.

Dĩ nhiên tôi chẳng còn biết chỉ trích ai hơn là chính mình. Chính tay tôi đã viết những giòng chữ đó. Dù đối với tôi những hàng chữ đó tuyệt chẳng có nghĩa gì phản động, đó không phải là vấn đề chính: Quyền phán đoán hoặc khép tội phản động là một thứ quyền hạn của riêng đảng và tuyệt đối chỉ của riêng đảng mà thôi. Cho dù khi viết lá thư đó, mục đích duy nhất của tôi có đích thực chỉ là để an ủi một người bạn đi chẳng nữa thì sự kiện đó vẫn chẳng thể nào xóa được hết mọi lỗi lầm của tôi. Vì chỉ có đảng mới có quyền an ủi. Còn những người xung quanh đang cố tìm cách lánh xa tôi ư? Họ đã làm điều gì đáng trách? Chính tôi cũng chẳng thể nói rằng tôi sẽ đối xử khác họ nếu bị đặt vào trường hợp của họ.

Một hôm, khi mua tem trong bưu điện, tôi cảm thấy lạc lõng đến độ tôi làm một điều mà từ trước tới nay tôi chưa từng làm: Tôi đánh bạo nói chuyện với một người nữ thư ký. Nụ cười và những câu trả lời thân thiện của cô làm tôi vui mừng. Tôi trở lại để mua tem nhiều cho đến nỗi số lượng tem của tôi có lẽ phải làm cho ngay cả một người sưu tầm tem ngạc nhiên. Sau đó chúng tôi lại tình cờ gặp nhau ở bến xe buýt và rồi tình cờ gặp nhau ở nhà băng, ở tiệm sách, ở chợ. Mỗi lần gặp chúng tôi lại nói chuyện lâu hơn và cuối cùng cô ta rủ tôi cùng đi xem chiếu bóng.

Tối đó quả là một tối đáng nhớ. Khi tan rập chiếu bóng trở về, mắt tôi không còn hạ thấp để nhìn vào những ổ gà, những lỗ đồng tiền và những lỗ hổng khác trên đường nữa mà ngẩng lên để nhìn thẳng vào ánh trăng — cô bạn hỏi tôi tại sao tôi không bao giờ rủ cô đi uống trà hoặc đi xem xinê bao giờ?

Tôi im lặng. Tôi muốn nói rằng tôi yêu cô.

Cô hỏi tôi rằng phải chăng vì tôi đã 40 mà cô mới chỉ 24?

Tôi lắc đầu.

Cô lại hỏi chắc có điều gì về cô mà tôi chưa nói cho cô biết.

Tôi gật đầu.

Cô hỏi tôi phải chăng còn một người đàn bà nào khác?

Lần này thì tôi trả lời gần như lớn tiếng: Không!

Cô ta hỏi phải chăng tôi đang bị nghi ngờ về vấn đề chính trị.

Tôi gật đầu.

Cô ta nói rằng điều đó không thành vấn đề.

Tôi trả lời là cô còn quá trẻ nên chưa hiểu rõ sự nghiêm trọng của vấn đề chính trị. Tôi thuật lại tất cả những lỗi lầm tôi đã phạm. Tôi thuật lại chuyện của những năm tháng tôi bị giam và chuyện tất cả những người quen biết tôi đều đang tìm cách tránh né tôi. Họ không muốn có bất kỳ sự liên hệ nào với tôi dù chỉ là những lời thăm hỏi xã giao.

Cô ta vẫn nói rằng điều đó không thành vấn đề.

Tôi nói rằng gia đình cô sẽ không bao giờ chấp nhận một người như tôi. Cô nói rằng tôi nên đến gặp gia đình cô. Lần này thì cô đúng và tôi sai. Sau đó chúng tôi thành hôn với nhau.

Cuộc sống của chúng tôi thật là bình thường, nhưng có lẽ đến ngay cả các đại thi gia thời cổ cũng chẳng thể tả hết được niềm hạnh phúc của gia đình chúng tôi. Nếu trước đây mọi người đang tìm cách xa lánh tôi thì giờ đây chính gia đình chúng tôi đang xa lánh mọi người. Căn phòng ti hon của chúng tôi đã chu cấp cho chúng tôi tất cả những vật dụng chúng tôi cần. Căn phòng đó có khả năng giữ được giấc mơ của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng chẳng thể có bất cứ thứ gì trên thế gian có thể khiến chúng tôi chia lìa nhau nữa. Công bằng mà luận thì có lẽ vẫn còn một thứ có thể chia cắt chúng tôi. Một thứ lưỡi hái tuyệt đối của mọi vật trên toàn cõi thế gian này: Có lẽ chỉ có Lưỡi Hái Thời Gian mới có thể thay đổi được cảm xúc của chúng tôi. Cả hai chúng tôi đều biết cuộc sống gia đình của mình hoàn toàn khác biệt cuộc sống của những gia đình khác. Cả hai chúng tôi đều cho rằng sự hạnh phúc

của mình chẳng phải là sự hạnh phúc đơn thuần của một đôi vợ chồng mới cưới mà chính là do một sự hạnh phúc của một niềm tin tuyệt đối về số mệnh. Cả hai chúng tôi cùng tin rằng mình đã được Thượng Đế an bài để gặp nhau từ kiếp trước.

Tôi cũng chẳng biết liệu sự thực có đúng như niềm tin của chúng tôi hay không?

Ít lâu sau, khi những người trong nhóm làm việc của nhà tôi biết được quá khứ của tôi, họ khuyên nhà tôi nên ly dị. Nhà tôi một mực chối từ. Thấy rằng không khuyên nhủ được nhà tôi, họ đuổi nhà tôi ra khỏi nhóm và chuyển nhà tôi về làm việc canh tác ở một vùng khác. Sau đó, chính tôi đã ly dị nhà tôi, nhưng nhà tôi vẫn không được trở lại làm việc ở sở cũ.

Một thời gian ngắn sau đó, đầu óc tôi bắt đầu xao lãng. Tôi không còn chú tâm vào việc dạy học được nữa. Đôi khi, ngay lúc học sinh đang trả bài, tôi bỗng đứng bật dậy đi thẳng ra khỏi lớp, không nói, không rằng. Ngày nào tôi cũng hối hả về nhà ngay sau lúc tan trường. Về nhà tôi nói chuyện với nhà tôi ngày càng nhiều. Tôi vừa nấu cơm, vừa dọn dẹp và giặt đủ quần áo cho cả hai vợ chồng.

Càng ngày tôi càng xao lãng việc dạy học. Một hôm khi đã nhận rõ rằng mình chẳng còn tâm trí để dạy học, tôi từ chức. Tôi cố tìm lấy một việc lao động tầm thường và tìm được việc kéo hàng cho những xưởng sản xuất. Nhưng ban đêm, tôi vẫn không ngủ được và tôi mệt mỏi đến nỗi chẳng còn định được hướng của những chỗ tôi cần chuyển hàng. Nhiều tối tôi về nhà mà xe chở vẫn còn đầy hàng chất cao nghều nghện. Tôi nói chuyện với nhà tôi càng ngày càng nhiều. Riêng nhà tôi vẫn chỉ yên lặng trả lời.

Bỗng một hôm sau khi ủi xong bộ quần áo của nhà tôi, tôi mặc thử vào. Đây là bộ quần áo mà nhà tôi thích nhất. Sau đó tôi đội nón và xỏ chân luôn vào đôi giày đàn bà của nhà tôi. Ăn mặc xong đầu vào đấy, tôi bước thẳng vào màn đêm. Lúc đi ngang qua chỗ rạp chiếu bóng nơi chúng tôi gặp nhau lúc ban đầu, bỗng nhiên tôi cảm thấy vui mừng tràn ngập. Tôi nhảy múa chẳng khác nào những lần tôi đã nhảy múa trên sân khấu trước đây, tóc tôi buông dài xõa xuống. Tôi hát cả những bài hát lúc tôi thủ vai con gái.

Ca múa chán, tôi dừng lại trước cửa một nhà tiêu công cộng. Tôi vừa định bước vào phòng đàn ông thì một người đàn ông đẩy tôi về hướng nhà cầu dành cho phụ nữ. Tôi bước vào nhà vệ sinh nữ và bắt đầu hồi tỉnh. Thấy tôi, một phụ nữ bên trong la lên thất thanh. Cảnh sát bắt tôi. Tôi bị kết án toan cưỡng dâm.

Thế là tôi lại được gửi vào một trại học tập khác. Lúc vào đến trại học tập tôi đã hoàn toàn kiệt lực. Thấy tôi không chu toàn hết những việc được giao phó, người cai tù cho rằng tôi có ý trốn việc. Tôi bị đày vào ngục hành phạt. Trong thời gian này Trung Hoa đang gặp thiên tai. Những thiệt hại về mùa màng khiến nạn khan hiếm thực phẩm xảy ra ở khắp nơi. Chính vì thế nên chuyện những tù nhân như tôi không được cấp phát thực phẩm đầy đủ cũng

chỉ là chuyện thường tình. Tôi vừa bị thiếu ăn, vừa bị tra tấn nên chẳng bao lâu sau tôi chỉ còn thoi thóp. Lúc này những người cai tù mới biết họ đã nhầm tưởng sự yếu đuối của tôi là biếng nhác. Họ gửi tôi vào nhà thương. Tôi nằm trong nhà thương suốt ba năm và trong suốt ba năm Trung Hoa bị khủng hoảng về thực phẩm, lúc nào tôi cũng có được ít thịt, ít cá để ăn uống qua ngày. Tôi biết ơn đảng không biết đến đâu mà nói. Tuy tôi là một tội nhân, mà tôi lại được phép dùng những thực phẩm bổ dưỡng còn hơn cả tầng lớp lãnh đạo.

Trong suốt ba năm ở nhà thương, tuy tôi không được phép rời khỏi viện và cũng chẳng có sách vở gì để đọc, tôi vẫn tiếp tục lấy văn chương để giải khuây. Lại một lần nữa tôi cố chú thích thâm trong đầu những bài cổ thi đã học thuộc. Tôi cũng sáng tác thơ. Tôi chẳng cần giấy bút mà cũng chẳng có giấy bút. Trong nhà thương, ngoài cách dùng lại những mảnh giấy báo hoặc tạp chí bẩn thỉu mà người ta vứt lại trong nhà tiêu thì chẳng còn có bất kỳ loại giấy tờ nào khác. Kỳ lạ thay, những năm khổ cực cùng tận của đời tôi lại là những năm óc sáng tạo của tôi phong phú nhất. Sự sáng tạo của tôi thật chẳng khác nào chuyện những đóa hoa sen vẫn thường mọc ở những nơi sinh lầy hôi thối nhất. Trong những năm đó, tôi đã sáng tác được một trong những bài thơ hay nhất của đời mình.

Ba năm sau tôi được phép xuất viện. Tuy vậy, tôi vẫn chưa hoàn toàn khỏe mạnh và vẫn chưa thể tự làm việc để kiếm sống được. Tôi lại xin vào một viện dưỡng lão nơi nhà nước dành riêng cho những người già và những người yếu đuối. Khẩu phần mỗi ngày của tôi là nửa ký lô rau và ít gạo xấu. Tôi xin được làm việc thêm để có thể có thêm thực phẩm và rồi được giao cho nhiệm vụ quét sân. Vì tôi cứ phải luôn luôn ngừng nghỉ mệt, công việc quét sân thường khiến tôi phải tốn hết cả ngày. Dần dà tôi có thể bình phục lại để tiếp tục công việc đồng áng. Tôi tiếp tục làm việc như thế trong suốt thời gian ở viện dưỡng lão.

Ngay khi còn ở viện dưỡng lão, tôi đã bắt đầu một công trình dịch cổ thi. Tôi cố gắng bỏ hết thời giờ để làm việc và dùng tất cả tiền bạc để mua giấy, bút, mực. Tôi để hết tâm trí, kiến thức và nhiệt huyết vào việc dịch. Công trình của tôi là một sự thử thách cực kỳ khó khăn, đã chiếm lĩnh tất cả thời gian và đầu óc tôi.

Năm 1974, phong trào chống lại 4 điều cổ hủ — Ý tưởng cổ, văn hóa cổ, phong tục cổ và thói quen cổ lại phát động. Tất cả sách vở và tài liệu của tôi đều bị đốt sạch. Tôi lại phải bỏ hết thì giờ đi dự những buổi họp kiểm thảo mà trong đó tôi là đề tài chính cho mọi người chỉ trích.

Nhưng quyền sách là đời sống của tôi. Tôi vẫn chẳng thể nào đành lòng buông xuôi tất cả. Mặc dù họ đã đốt hết cả thư viện, giấy bút, nhưng họ vẫn chưa đốt hết được ký ức của tôi và tôi lại âm thầm bí mật ghi chép. Tôi chép lại tất cả những chữ tôi đã chọn lúc trước và dấu hết những giấy tờ đó vào cái chăn bông chỗ tôi nằm.

Thường thì tôi vẫn không muốn lồng những sự kiện lịch sử vào câu chuyện

đời tôi. Có lẽ người viết nào cũng biết rằng những sự kiện lịch sử thường làm độc giả căng thẳng hơn những chuyện giả tưởng và chính vì lẽ đó mà các tiểu thuyết gia thường ít khi đưa các sự kiện lịch sử vào tác phẩm của mình. Thế nhưng thiên nhiên lại ít khi chiều lòng người và ít khi dè dặt. Năm 1976 nạn động đất lịch sử xảy ra ở Trung Hoa. Nơi dưỡng đường tôi ở chỉ có 5% những người trong viện sống sót. Tôi là một trong số 5% những người còn sống sót này. Cơn động đất vừa dứt là tôi đã lập tức nghĩ đến việc tìm lại ngay những tài liệu mà tôi đã giấu. Thế là tôi ra công đào xới. Ban ngày thì ra sức đào cùng với những đội cấp cứu cốt để cứu người. Ban đêm thì âm thầm tiếp tục đào một mình chẳng khác nào những kẻ đạo chích lén lút đào mộ. Sau không biết bao nhiêu ngày đào bới, cuối cùng tôi tìm được cái chăn bông giấu tài liệu. Cái chăn hoàn toàn ướt sũng. Tôi không dám mở các mối khâu cho tới khi tất cả mọi thứ bên trong đều đã khô ráo. Lúc những đội cứu tế đến phân phát thực phẩm và chăn chiếu, tôi chẳng xin thực phẩm hoặc chăn chiếu gì. Tôi chỉ xin được quyền giữ lại tấm chăn bông cũ. Thấy thế, những nhân viên canh giữ cho rằng trận động đất đã khiến tâm thần tôi mất quân bằng.

Đội cứu tế đã đoán sai khi thấy tôi nhất định đòi giữ tấm chăn cũ thay vì xin tấm chăn mới. Nhưng về vấn đề tôi đã khủng hoảng tinh thần thì họ đoán đúng. Càng nghĩ về những tài liệu nằm trong tấm chăn tôi lại càng lo sợ tột cùng. Tôi cứ chần chừ mãi chẳng dám mở những lớp khâu ra để xem những tài liệu bên trong đã bị phá hủy đến độ nào. Tôi cứ cố gắng trì hoãn để đốt dần thời gian. Cứ mỗi sáng tôi lại nghĩ đã đến lúc để tháo những mũi kim khâu ra để rồi mỗi tối tôi lại thấy rằng mình không đủ can đảm để làm việc đó. Thay vì bình tĩnh để đối diện với thực tế thì càng ngày tôi càng dựa vào những hy vọng thật mơ hồ để tự trấn tĩnh lấy mình. Tôi cứ đốt dần thời gian để nuôi hy vọng. Càng ngày tôi càng tìm cách chần chừ đẩy mãi ngày đợi vào tương lai. Vì chẳng thể bám vào thực tế để hy vọng, tôi chỉ còn biết bám vào ảo tưởng.

Bốn năm sau đó, tôi quyết định phải biết rõ sự thật. Tôi mở dần tấm chăn bông chẳng khác nào một người cha xấu số chờ xem mặt đứa con tàn tật bất hạnh của mình chào đời. Khi nhìn thấy những tài liệu bên trong người tôi gần như tê dại vì mừng. Tuy rằng những vết mực đã loang lổ nhưng những nét chữ vẫn còn đọc được. Tôi chép lại những bản thảo đó và còn sửa chữa lại cẩn thận gấp chục lần lúc trước nữa.

Phải đến 18 năm sau tôi mới phục hồi đủ cả về thể lực lẫn tinh thần để có thể rời nhà dưỡng đường. Lúc đó, Trung Hoa đã bước qua giai đoạn mới của Đặng Tiểu Bình. Nhờ những phong trào cải cách của Đặng Tiểu Bình, giới trí thức không còn bị liệt vào loại ăn bám như trước nữa. Cương vị xã hội đã thay đổi và giới trí thức đã được xem trọng ngang với những người lao động tay chân.

Tôi gửi công trình của tôi vào một viện nghiên cứu nổi tiếng đang tuyển lựa những thành viên mới. Tiêu chuẩn chọn lựa đòi hỏi thành viên phải có bằng đại học, thông thạo ít nhất là hai sinh ngữ và có những công trình nghiên cứu xứng đáng với tác phong của một học giả. Chẳng bao lâu sau tôi được viện báo cho biết rằng trong một cuộc tuyển lựa bao gồm 1000 thí sinh vừa qua thì tôi là một trong 44 người trúng tuyển. Những thí sinh trúng tuyển

sẽ vượt qua một kỳ sát hạch kéo dài liên tiếp nhiều ngày trước khi được làm thành viên chính thức của hội. Vì thế viện nghiên cứu khuyên tôi nên dành thì giờ để có thể tiếp xúc với ban giám khảo.

Vào hôm tôi được gọi sát hạch, cảm xúc của tôi cứ thay đổi liên liên, lúc thì hy vọng chứa chan, lúc thì hoàn toàn thất vọng. Cứ hết thất vọng lại đến hy vọng, hết hy vọng lại đến thất vọng. Sự thay đổi cảm xúc làm tôi chóng cả mặt. Có lúc tôi chắc rằng mọi sự thế nào cũng xảy ra như dự liệu. Rồi ngay sau đó tôi lại cho rằng dù có dự liệu đến mấy chẳng nữa cũng chẳng thể thay đổi được tình huống. Hơn bất kỳ lúc nào khác, lúc này tôi cho rằng số mệnh của tôi gần như đi đôi với số mệnh của Trung Hoa và chính cuộc sát hạch của ban giám khảo đối với tôi lúc này cũng là giây phút thử thách của Trung Hoa. Trong quá khứ, những kinh nghiệm của bản thân tôi cũng chính là những kinh nghiệm của cả Trung Hoa. Hôm sát hạch đầu óc tôi vô cùng bối rối. Một mặt thì tôi cho rằng Trung Hoa đã vượt qua được sự thử thách của cuộc cách mạng văn hóa và chính vì thế nên sự thử thách của tôi cũng đã chấm dứt. Nhưng mặt khác tôi lại cho rằng Trung Hoa — và cả tôi nữa, sẽ không bao giờ thoát khỏi những sự ám ảnh của cuộc cách mạng văn hóa. Lúc thì tôi lạc quan, tin tưởng rằng Trung Hoa sẽ tìm ra được giải pháp mới cho những bài toán cũ, lúc thì tôi lại sợ rằng Trung Hoa vẫn chưa bao giờ giải đáp thỏa đáng được những vấn đề khó khăn của quá khứ và cho dù Trung Hoa có cố gắng thì chẳng qua người ta cũng sẽ phải dùng lại những giải pháp cũ mà thôi.

Trung Hoa, chẳng khác nào tôi, vừa có nhiều kinh nghiệm quá mà lại vừa thiếu kinh nghiệm nhiều quá.

Cuối cùng giờ sát hạch của tôi cũng đến. Tôi ngồi đối diện với ban giám khảo và trả lời được gần như hầu hết các câu hỏi của họ. Những khi câu hỏi của họ quá phức tạp thì tôi lại hỏi những câu hỏi của tôi và đưa họ vào những vòng phức tạp chẳng kém gì tôi. Trong vòng chưa đầy hai tiếng họ đã nhận tôi làm thành viên của hội. Tôi chưa bao giờ hãnh diện hơn. Tất cả những sự học hỏi của tôi chẳng phải hoàn toàn vô giá trị. Nếu tôi vẫn còn muốn đóng góp thì ngay cả lúc này vẫn chưa có gì quá muộn. Ngày tốt nghiệp đại học, hoài bão của tôi là tìm cách để có thể đóng góp được ít nhiều. Tuy lúc này tôi đã 60 tuổi hoài bão đó vẫn là mục tiêu chính của tôi.

Trên đường rời viện, tôi muốn chia sẻ niềm vui của mình cho tất cả mọi người trên đường phố, nhưng tôi cố đè nén cảm xúc vì sợ họ cho rằng tôi điên. Hơn nữa tôi còn tự nhủ thầm rằng nếu đã là học giả rồi thì mình phải có tác phong của một học giả. Có nghĩa là tôi phải đối xử với mọi người đúng như mực thước tác phong của một học giả theo khuôn mẫu của Khổng Tử. Sau khi nhủ thầm như thế, tôi tiến bước thẳng về hướng Cấm Thành. Trong khoảnh khắc tôi thấy mình như nhập vào thế giới của những học giả, trong suốt từ tất cả những kỷ nguyên trước để tận hưởng những cảm giác sung sướng khi đạt được những mức tột cùng của con đường học vấn. Tôi bước vào Cấm Thành giữa những sân trào rộng mênh mang, giữa những mái đình vàng óng, giữa những con sứ tử đá, những chỗ trạm điêu khắc trong hoàng thành và ba ngôi đại điện đỏ chói. Thế giới trước mặt hình như đang khích lệ tôi trở lại thêm một lần nữa để đóng góp và phụng sự cho quốc gia, dân tộc.

Cơ nghiệp học giả của tôi bị đứt đoạn trước khi tôi thực sự có dịp bắt đầu. Chỉ mấy hôm sau viện trưởng viện nghiên cứu viết thư báo cho tôi biết rằng tất cả những thành viên không có tên trong đảng đều bị cấm không được đọc những tài liệu trong viện và vì thế tôi không thể tiếp tục công trình nghiên cứu được. Tuy thế, viện trưởng cũng viết rằng viện đã giới thiệu để đề cử tôi làm giáo sư dạy phụ thêm ở một trường đại học nhỏ mặc dù tôi đã quá tuổi về hưu.

Tôi đã thích nghề giáo lúc trước và giờ đây tôi lại tiếp tục. Ở ngôi trường đại học nhỏ đó, tôi gặp lại người vợ cũ. Năm năm sau thì tôi về hưu. Đảng đã bỏ phiếu để cho tôi lãnh tiền hưu trí và quyền lợi ngang với những cựu thành viên đã tham gia cách mạng. Tôi thành thực biết ơn. Tôi đã sáu mươi chín tuổi, mà vẫn còn mạnh khỏe đủ sức để làm những công việc lật vật trong nhà. Mỗi ngày tôi vẫn đi bộ qua cấm thành và cổng thành Thiên An Môn.

NGƯỜI HỌC GIẢ
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Gã Hề

THỨ NĂM, NGÀY 27 THÁNG 4, NĂM 1989... ĐƯỢC SỰ CỔ ĐỘNG CỦA HÀNG TRĂM NGHÌN NGƯỜI KHÁC HƠN 150,000 SINH VIÊN ĐÃ VƯỢT QUA VÒNG RÀO CẢNH SÁT ĐỂ TIẾN VÀO CỔNG THIÊN AN MÔN. 16 GIỜ SAU HỌ MỖI CHỊU GIẢI TÁN. HỌ GIÓ CAO NHỮNG BIỂU NGŨ CỰC LỰC PHẢN ĐỐI QUAN ĐIỂM CỦA NHỮNG BÀI BÌNH LUẬN TRONG CÁC BÀI BÁO HÔM TRƯỚC. GIỚI SINH VIÊN TUYÊN BỐ PHONG TRÀO SINH VIÊN XUỐNG ĐƯỜNG LÀ MỘT PHONG TRÀO YÊU NƯỚC.

Có lẽ cả thế giới chẳng ai biết rõ Đặng Tiểu Bình đã suy nghĩ thế nào trước, trong và sau Ngày Vùng Dậy của Trung Hoa. Một trong những câu hỏi khúc mắc và khó trả lời nhất là: Tại sao ông không chịu ra tay sớm hơn? Phải chăng ông ngần ngại chỉ vì hàng ngàn các phóng viên ngoại quốc của hàng trăm đài truyền hình đang hiện diện ở Trung Hoa lúc đó để theo dõi cuộc họp thượng đỉnh của Gorbachev? Nhưng nếu nói cho cùng thì ngay cả khi chính quyền bắt đầu đàn áp những người biểu tình, giới báo chí cũng vẫn còn ở đó và vẫn nhất loạt chú ý đến cuộc tàn sát hơn bao giờ hết kia mà?

Có người cho rằng Đặng Tiểu Bình đang chơi trò mèo bắt chuột để nhử những kẻ dè dặt như Mao Trạch Đông đã có lần đánh lừa giới trí thức để thanh trừng họ như trong phong trào “*Trăm Hoa ‘Đua Ngộ’*” năm 1956. Trong giai đoạn đó, Mao Trạch Đông đã cực lực khuyến khích giới trí thức chỉ trích đảng. Ông đã dẫn dụ được ngay cả những nhân vật dè dặt nhất xuất đầu lộ diện và rồi tung một mẻ lưới để bắt trọn tất cả bằng một chiến dịch thanh trừng phản động.

Người chỉ huy cuộc thanh trừng năm 1956 là Đặng Tiểu Bình. Phải chăng lúc này ông lại giở lại mùng cũ để sập bẫy giới sinh viên?

Phải chăng chính Đặng Tiểu Bình cũng không ước lượng đúng được tầm mức của những người chống đối?

Phải chăng ông đã không được cấp dưới tường trình những tin tức xác thực?

Phải chăng ông chỉ cần có bảy tuần để làm áp lực với giới lãnh đạo và củng cố hàng ngũ?

Có lẽ chỉ có Đặng Tiểu Bình mới trả lời được hết những câu hỏi đó.

Một trong những câu nói bất hủ nhất chứng tỏ cá tính thực tế của Đặng Tiểu Bình là:

Kể gì mèo trắng hay đen

Miền là bắt chuột không hèn thì thôi.

Chính vì quan niệm thực tế như thế nên Đặng Tiểu Bình mới xung khắc với một lý thuyết gia như Mao Trạch Đông. Câu phát biểu của Đặng Tiểu Bình chính là câu châm ngôn phản ánh các phong trào cải cách. Nhưng ngoài những ảnh hưởng đối với các phong trào cải cách, phải chăng câu châm ngôn đó còn là biểu tượng của nhiều vấn đề khác? Phải chăng câu châm ngôn đó đã nói rõ cả quan niệm chính trị lẫn con người của Đặng Tiểu Bình? Có lẽ sau khi phải đưa cả hàng ngàn đứa bé Trung Hoa xuống thế chào đời thì những vị thần trên trời đã bắt đầu chán ngấy. Bởi thế họ mới tìm cách giải khuây bằng cách cho tôi xuống thế làm một gã hề. Nhưng nếu cứ công bằng mà luận thì các vị thần cũng không lấy gì làm ác độc. Họ đã phú cho một gã hề như tôi một đầu óc lạnh lợi. Các vị thần làm thế có lẽ vì muốn mọi người dưới thế hiểu rõ rằng dù ngay cả trong lúc giải buồn họ cũng không hề có ác ý. Thế là một gã hề tự học cách diễn xuất như tôi trở thành một trong những tay hề bậc nhất. Định luật căn bản của phường hề là: Bất kể tấn tuồng có ly kỳ đến mấy, vai chính vẫn chỉ là một gã hề và không bao giờ học hỏi được thêm điều gì mới. Định luật căn bản của phường hề là: Trong tuồng hề nhân vật chính lúc nào cũng phải rớt vào những tình cảnh khó xử và những tình cảnh khó xử đó phải liên tục nối tiếp nhau. Nếu không thế thì khán giả có thể lầm tưởng tuồng hề là một tuồng bi kịch. Định luật căn bản của phường hề là: Nếu biết cách lập đi lập lại mãi một thảm cảnh thì thảm cảnh đó dần có thương tâm đến mấy cũng trở thành một trò hề.

Chẳng hạn như cảnh một nạn nhân đang cố leo thang để tìm sinh lộ. Khi anh ta bước đến gần bậc thang chót thì xảy tay rớt xuống. Đây quả là một tấn thảm kịch, nhưng nếu kẻ leo thang là một kẻ lúc nào cũng hợm mình ra vẻ ta đây mà lại phải lâm vào cảnh leo thang xảy tay rớt đi rớt lại đến sưng mắt, sưng mày thì đó lại đúng là một tuồng hài kịch. Khán thính giả lúc nào cũng tận hưởng những cảm giác khoái trá khi gã hề càng leo càng rớt, tuột áo ngoài,

áo trong, tuột cả quần và rồi tuột đến cả giày, cả vớ. Và rồi tất cả khán giả đều cùng cười khoái trá khi thấy gã hề chỉ còn lại cái quần lót và cái đồng hồ lại mồ hôi nhễ nhại leo lên cái thang quái ác.

Gã hề đó chính là tôi và cho đến ngày nay thì chính tôi cũng đã nhận rõ được rằng đời mình quả là những chuỗi ngày quái đản. Khi xảy tay lần đầu tôi vô cùng bức bối. Khi xảy tay lần thứ hai, tôi cảm thấy xấu hổ. Những lần xảy tay sau đó tôi cảm thấy bị hạ nhục. Và rồi cảm giác cuối cùng chỉ còn là đau. Giờ đây tôi đã quá quen với số phận của mình. Tôi chấp nhận vai trò làm hề chẳng khác nào chấp nhận một sự an bài của số phận. Cuộc đời tôi có lẽ chẳng có gì vui nhưng lại có rất nhiều trường hợp rất đáng buồn cười. Những chuyện buồn cười đó đã khiến tính hoạt kê của tôi ngày càng trở nên phong phú. Nếu không có tính hoạt kê phong phú đó, biết đâu tôi lại chẳng trở thành một thằng khốn kiếp nào đó tệ hại hơn?

Có lần tôi tưởng tượng lai đời mình đã hoàn toàn vững chãi. Lần đó tôi được gửi vào một trong những trường trung học nổi tiếng chỉ dành riêng cho con em của các vị lãnh đạo, khoa học gia, giáo sư và các công chức cao cấp khác của chính phủ. Tất cả ba người con của một đại tướng lừng danh ở Trung Hoa đều theo học ở ngôi trường đó. Người con út cùng học với tôi năm đầu. Đến cuối năm tôi được lên lớp còn anh ta phải ở lại. Qua năm thứ hai tôi học chung lớp với người con thứ hai của vị đại tướng nhưng việc cũng xảy ra hệt như năm trước. Năm cuối cùng tôi học chung lớp với người anh cả. Anh ta đội sổ còn tôi đứng đầu. Và rồi các nhân vật lãnh đạo bắt đầu can thiệp. Đảng chỉ trích những nguyên tắc giáo dục chỉ chú trọng vào vấn đề điểm và hoàn toàn bỏ quên vấn đề chính trị. Gia đình vị tướng là một gia đình cách mạng với những thành tích rạng rỡ. Thành tích cách mạng của gia đình tôi hẳn nhiên chẳng thể sánh bằng. Cuối cùng chính người con cả của vị tướng được vào đại học chứ không phải tôi.

Trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa cũng có vài người cố chạy trốn. Họ tìm cách bơi qua vịnh Hồng Kông. Họ vượt núi để sang Miến Điện. Họ băng rừng để sang Việt Nam. Riêng tôi lại khác. Tôi quyết định phải qua Đại Hàn. Tôi chẳng thể đi bất cứ chỗ nào khác trên thế giới. Năm 19 tuổi, tôi cho rằng mình đã học hết những điều cần học.

Những kẻ khốn nạn khác đã bơi, đã vượt núi, đã tìm cách này hay cách khác để đào thoát đều bị bắt. Riêng tôi thì không. Tôi khôn hơn. Tôi lẩn lên một chiếc xe lửa rồi trèo lên toa hành lý để trốn. Những người khác sợ hãi hoặc ít can đảm hơn có lẽ đã chết ngộp. Nhưng tôi khôn hơn. Tôi không hề hoảng hốt. Không hoảng hốt ngay cả khi có người đàn bà đi xe đã nhìn thấy tôi nằm sát ngay trên chỗ đựng hành lý — hai con mắt và tất cả thân thể tôi gói gọn trong một khoảng không gian chật hẹp chẳng khác nào một hình tượng giấy của origami. Tuy thế, tôi vẫn còn sáng suốt. Tôi đưa một ngón tay lên miệng để ra hiệu cho bà ta im. Trong suốt cuộc hành trình, bà ta không hề nhìn lên mà cũng chẳng hề lên tiếng. Bà cũng chẳng tỏ vẻ gì khác thường khi những người lính canh cầm súng trường đi ngang lối đi.

Sau khi xe lửa dừng ở Bắc Hàn, tôi nhẹ nhàng leo ra vừa cảm thấy khỏe

khoản, vừa cảm thấy vui mừng. Cuộc thử thách của tôi thế là chấm dứt. Tôi cố nhìn quanh để tìm một người anh em Đại Hàn gần gũi. Tôi tìm được anh ta ngay. Anh cười đáp trả nụ cười vui mừng của tôi. Rồi ra hiệu cho tôi đi theo. Chẳng có kẻ đào thoát nào may mắn tìm được người bạn đồng hành tốt như tôi. Chính anh bạn tốt đã chỉ cho tôi chỗ nghỉ trước khi tôi thực sự bước vào một cuộc sống hoàn toàn mới lạ.

Trong căn hầm trốn khoảng cách tuy có vẻ hơi chật nhưng ai cần đứng dậy làm gì? Tôi phải cùng ở chung với 8 người khác. Nhưng ai chẳng cần có bạn đồng hành? Chúng tôi cùng chen chúc dưới một căn hầm kín mít không cửa sổ. Nhưng ai cần ánh sáng làm gì? Chẳng phải tôi vừa mới sống dở, chết dở để trốn tránh ánh sáng rạng rỡ của Trung Hoa là Mao chủ tịch đó sao? Thức ăn được chuyển đến cho chúng tôi bằng cửa chính và thật là ngon miệng. Vâng, tôi hoàn toàn nói thực. Chẳng có hương vị gì thơm ngon hơn là những mẩu thức ăn nhỏ nhoi đối với một người đang chết đói. Tôi vẫn còn nhớ rõ những bát cháo thật loãng nấu bằng đậu xay, rau và bắp hầm nhuyễn như đó. Người chủ tiếp chúng tôi quả thật nóng tính, nhưng ông đối xử với tất cả chúng tôi rất mực công bằng. Mỗi khi có bất kỳ người nào trong chúng tôi hé miệng thì ông lại dùng dùi cui đập lên đầu tất cả. Dĩ nhiên, khi sang Đại Hàn tôi đã phải bỏ lại tất cả mồ hôi và của cải ở Trung Hoa. Nhưng có chuyến đi nghỉ mát nào đi suốt hai tuần không phải trả đồng nào mà lại không nguy hiểm?

Trong tấn kịch năm 67 đó tôi bị áp giải về Trung Hoa và bị giam gần ngót mười năm.

Trong tù người ta vẫn không cướp đi quyền đấu tranh giai cấp của chúng tôi. Tù nhân bị chia làm hai loại — chính trị phạm và tù thường. Những tù nhân chính trị là những người phản cách mạng như tôi, loại tù nhân nằm trong giai cấp thấp nhất trong tù. Những tù nhân khác là những tù nhân can tội trộm cắp, hiếp dâm và sát nhân, tất cả những phạm nhân đó đều là những người có cương vị đảng hoàng của xã hội. Chẳng hạn như có một gã thanh niên đã hiếp gần hết những đứa bé gái trong làng và có lẽ sẽ còn tiếp tục cưỡng hiếp nếu mẹ gã vẫn còn là chánh án ở làng. Nói cho cùng thì cũng có một vài kẻ hiếp dâm bị liệt vào loại tù chính trị. Đó là vì những tù nhân đó dám can thiệp vào các chính sách tuyệt hảo của chủ tịch Mao về vấn đề gửi những người trẻ tuổi có học đến học hỏi từ những nông dân ở miền quê. Họ can thiệp thế nào vào chính sách của chủ nghĩa Mao? Bằng cách cưỡng hiếp các thôn nữ.

Trong khi đang nói về đề tài hiếp dâm, một đề tài mà không có người Trung Hoa yêu nước nào bàn luận, ngoại trừ lúc có những con quỷ ngoại quốc phạm tội. Cho phép tôi nói thêm cho rõ. Cưỡng hiếp vào lúc sau này chứ không phải lúc trước... Bằng vào kinh nghiệm tù tôi biết rằng trước đây tất cả các phạm nhân cưỡng dâm đều bị xử tử ngay. Sau đó bản án giảm xuống hai mươi năm khổ sai. Nhưng vào giai đoạn cuối, ngày tôi còn ở tù thì những phạm nhân cưỡng dâm đã nhiều đến độ bản án xử tử ban đầu được giảm xuống thành ba năm tù ở. Tưởng cũng chẳng cần nói thêm rằng những con cái và họ hàng của những giới lãnh đạo trong chính phủ lúc nào cũng tha hồ phạm đi phạm lại tội hiếp dâm.

Tuy tình trạng của tôi trong ngục quả thật khổ sở, nhưng tôi vẫn khẳng định một mực không chịu thay đổi. Tôi vẫn còn nhiều hy vọng. Tôi đã chẳng quay về Trung Hoa đó sao? Chẳng đang ở Trung Hoa đó sao? Ít ra thì giờ đây mỗi khi cần mở miệng, tôi không còn phải nghe những câu chửi thề và lãnh dùi cui liên tục vào đầu. Mỗi khi tôi nói các bạn tù hiểu tôi ngay.

Nhưng. . . đừng quên rằng trong một tuồng diễn kịch lúc nào cũng phải có chữ “*nhưng*”. Vâng và tuy các bạn tù đã hiểu tôi. Nhưng tất cả những điều tôi nói với các bạn tù chính trị phạm lúc trước đã từng là cán bộ đều bị vặn vẹo và bóp méo. Những câu nói đó chẳng mấy chốc lại bị ban quản trị suy diễn và kết luận rằng kẻ phát biểu là một kẻ phản động đang dùng mật mã để thông tin. Do đó, cách tốt nhất là nên im lặng hoặc chỉ nói chuyện với những kẻ trộm cắp. Vì chẳng ai lại có dư thời giờ để ý xem những quân trộm cắp trò truyện thế nào. Bởi thế, tôi hoàn toàn câm lặng. Câm lặng cho đến khi trại giam nhận được lệnh phải xây một xí nghiệp mới. Chẳng bao lâu sau tất cả những vật liệu kiến thiết được chuyển đến. Và rồi sau đó bị bỏ xó cho đến độ gần như đã biến thành đồ phế thải. Sự thực thì những người cai ngục mù chữ còn chưa biết đọc nữa chứ đừng nói gì đến việc đọc những bản thiết kế để xây dựng xí nghiệp. Tôi cũng không biết đọc đồ án thiết kế nhưng những vị thần đã cho tôi một bộ óc khác người cơ mà? Và nếu vừa làm vừa học thì cũng chẳng đến nỗi nào cho lắm. Chắc chắn là chẳng thể nào chán hơn là chẳng có việc gì để làm. Tôi đồng ý rằng trong sự chán chường vẫn có những ưu điểm. Chẳng hạn như khi bạn đang thanh thoi trên núi nghỉ ngơi một mình. Nhưng loại nhàn tản tôi đang nói đến là một loại nhàn tản khác hẳn, một loại nhàn tản bất đắc dĩ. Một loại nhàn tản đặc biệt khi người ta bị nhốt vào một chỗ hỗn tạp và phải ở chung chỗ với những người hoàn toàn độc ác. Nếu bị ép phải nhàn tản như thế thì có lẽ có một việc gì đó để làm cũng đỡ hơn. Bởi vậy, tôi tình nguyện đứng ra trông coi công việc xây cất xí nghiệp.

Lần này thì những người cai ngục không còn tự ái. Họ có vẻ hài lòng.

Chính tôi cũng hài lòng. Chỉ có ba cách để tù nhân có thể làm vừa lòng cấp trên để được tự do: Nhận tội, tố cáo người khác hoặc lãnh một trách nhiệm đặc biệt nào đó của nhà tù giao phó. Tôi không chịu nhận bất cứ lời tố cáo nào. Tôi cũng không chịu tố cáo người khác. Và do đó tình nguyện điều khiển việc xây cất là giải pháp cuối cùng mà tôi có thể chọn. Vì là người kiểm soát chương trình xây cất xí nghiệp, dĩ nhiên tôi phải biết cách làm việc sao cho có hiệu quả. Chính vì vậy nên một kẻ phản cách mạng như tôi lại được giao cho một nhiệm vụ cao hơn những tù nhân ở một giai cấp cao hơn, chẳng hạn như những tù nhân trộm cắp, cưỡng dâm v.v... Có lẽ đây là chuyện hi hữu mới xảy ra lần đầu trong lịch sử của nhà tù đó. Kể từ ngày ra trường cho đến hôm đó tôi mới lại có được một ngày hãnh diện.

Khốn thay, gần như tất cả các vị thần (hoặc tất cả các đồng bào của tôi) đều không thích những kẻ tự cao. Và có lẽ chính vì thế nên họ đã cố tình lập mưu cho tôi chuốc lấy những hậu quả về sau.

Đầu tiên thì những người canh ngục bắt đầu ăn cắp những vật liệu xây cất.

Người nhận trách nhiệm giữ kho đồng thì ăn cắp đồng. Người nhận trách nhiệm trông coi gỗ thì ăn cắp gỗ đem về nhà. Và... bạn có thể đoán được mọi sự.. Trong khi đó thì tôi, một thằng hề ngờ nghệch lại tình nguyện đứng ra để nhận lãnh tất cả mọi trách nhiệm trông coi công trình xây cất. Và một kẻ phản cách mạng như tôi thì phải báo cáo những việc biến thủ của cán bộ với ai? Câu trả lời thật là dễ dàng. Tôi chẳng còn gì để làm nữa trừ việc cứ nhắm mắt chấp nhận trở thành thủ lãnh của một đảng trộm cắp. Tôi cẩn thận giữ lại tất cả những hồ sơ về vấn đề xuất nhập những vật liệu xây cất.

Kể đó, để trông coi mọi việc cho được tốt đẹp, tôi phải làm việc liên tục từ ca này sang ca khác. Tôi không dám để một người khác không có trách nhiệm đứng thay tôi vì sợ người đó có thể sơ xuất hoặc xao lãng vấn đề cần phải giữ tất cả những lò nung ở nhiệt độ tối thiểu để luyện thép. Bất kỳ lúc nào, tất cả các lò luyện thép đều phải được giữ ở nhiệt độ tối thiểu là 600 độ. Nếu nhiệt độ thấp hơn vậy thép sẽ bị hỏng. Không có thép, chúng tôi chẳng thể có tiền để tiến hành việc xây cất xí nghiệp. Xưởng sẽ phải đóng cửa. Những người cai tù sẽ bị mất mặt và dĩ nhiên tôi còn mất mặt hơn nữa.

Sau rốt, để đạt chỉ tiêu, tôi chẳng thể kêu gọi những tù nhân khác phải có tinh thần làm việc hơn tôi. Bởi thế, tôi tình nguyện làm công việc nguy hiểm nhất: Sơn lại lớp vỏ ngoài của những thanh thép luyện vẫn còn ở nhiệt độ hơn 600 độ ngay lúc vừa đúc xong.

Vì quá mê làm việc, tôi đã bị đưa vào nhà thương hai lần. Thực ra, trong một môi trường làm việc thiếu thốn gần như tất cả các loại dụng cụ đặc biệt để phòng tai nạn như ở trại tù lúc đó mà tôi chỉ bị tai nạn có hai lần thì quả là vẫn còn may mắn lắm. Lần đầu vì quá mệt, nên thay vì dùng cọ để sơn những lớp sắt mỏng lên những cái khuôn cửa thép đang nóng đỏ, tôi đưa luôn cả mình vào cái khung nung đỏ. Tuy thế, nếu đem so với tai nạn kế tiếp thì đây chỉ là một chuyện rủi nhỏ. Lần thứ hai, một kiện hàng đang di chuyển bỗng rớt thẳng vào người tôi. Nếu kiện hàng này rơi vào người nào khác thì có lẽ người đó đã an nghỉ ngàn thu dưới tuổi vàng rồi. Nhưng may mắn cho tôi: Vì những vị thần hầy còn tiếc rẻ trò giải trí nên lại làm thêm một phép lạ để giữ lại gã hề. Thịt xương của tôi lại tự nhiên lành lại.

Cuối cùng tôi được trả tự do vào năm 1976. Năm đó tôi đã ba mươi tuổi. Năm 1977, đại học được phép khai giảng trở lại. Những người từ ba mươi tuổi trở xuống đều được quyền nộp đơn. Nhưng riêng tôi thì chưa. Tôi vẫn chưa hoàn toàn là một công dân tự do. Phải đến năm 33 tuổi tôi mới được phục hồi quyền công dân và được phép sống như một công dân bình thường. Tuy thế, lúc đó thì tiêu chuẩn của đại học lại hạ thấp xuống chỉ cho những người từ 32 tuổi trở xuống nộp đơn.

Vì thế vấn đề đại học hoàn toàn bị tôi cho vào quên lãng. Tôi làm việc ở bộ huấn luyện phim thuộc chi nhánh giáo dục của Bộ Nông Nghiệp và hy vọng rằng tôi sẽ được cho đi học trường đại học phát tin. Bộ Nông Nghiệp cũng hứa sẽ gửi tôi đi học nhưng sau khi tôi phục vụ ở đó hai năm thì luật lệ lại thay đổi và lại một lần nữa tuổi tôi lại cao hơn mức độ tuổi tiêu chuẩn ấn định cho các sinh viên.

Tôi cho rằng những vị thần đã trêu tôi đủ rồi và quyết định sẽ tự học điện toán. Sau khi cố gắng vượt bậc tôi viết được một bản program được dùng ở khắp các nơi trên toàn quốc. Tuy thế, vì vừa không có bằng cấp, vừa không quen biết với những chỗ lớn nên tôi vẫn chẳng được thăng thưởng hoặc tiếng tăm gì.

Nhận thấy tương lai của một người thợ chuyên môn không bằng cấp thật không có gì sáng sủa, tôi lại quyết định phải cố tự học để chiếm lấy mảnh bằng đại học mà tiến thân. Thế là tôi lại vận dụng trí óc để tự học. Trong vòng một năm tôi đã thi đậu bằng cao đẳng tương đương cho tất cả mọi môn — Anh văn, chính trị, triết, sử, kinh tế, và văn chương. Thi xong tôi lại tiếp tục cầm bằng tìm việc.

Những công sở tôi thích đều không muốn muốn tôi. Họ nói rằng họ không thể muốn một người đã có lần phạm pháp. Tuy tôi có trình bày rõ rệt rằng quyền công dân của tôi đã được phục hồi mà họ vẫn một mực xua đuổi.

Lạ lùng thay sở cũ của tôi lại chịu nhận tôi vào làm với một chỗ làm khá hơn. Chẳng những thế, sở lại bằng lòng gửi tôi vào một trường đại học vừa khai giảng để giúp tôi học lấy bằng cử nhân, nếu tôi hứa giúp họ quản trị hệ thống khách sạn của sở. Hệ thống khách sạn của sở là một hệ thống đang được sở khuyến trợ. Tất cả hệ thống điều động đều được điều khiển bằng máy điện toán. Sở còn hứa sẽ bổ tôi vào làm phó giám đốc ngày tôi tốt nghiệp và nếu giám đốc đương nhiệm về hưu, sở bảo đảm tôi sẽ được thế chỗ. Kể từ đó cho đến nay tôi đã từng làm phó giám đốc cho cả bảy bốn ông giám đốc. Cả bốn ông giám đốc đó đều là họ hàng của những người xếp cao cấp khác ở sở.

Hệ thống điện toán của sở lại là một trò cười khác. Sở đã dự định bỏ ra rất nhiều ngoại tệ để mua những loại máy điện toán tối tân nhất. Tuy thế, có lẽ vì bị trục trặc về vấn đề tài chánh nên dự định ban đầu không thành. Đã vậy, nhân viên chọn máy lại chọn máy thật là ngu xuẩn. Đa số những bộ phận cấu trúc của máy đều là những bộ phận mà các cơ xưởng chế không còn sản xuất nữa. Đã vậy, gần như tất cả những bộ phận được chuyển đến đều không phải là những bộ phận chính. Sở đã không biết cách lắp ráp những bộ phận được gửi đến, không có máy in mà cũng không còn đủ ngoại tệ để mua máy in. Bởi thế tất cả sổ sách tính toán vẫn phải làm bằng tay. Trong khi đó thì ngay trong phòng tiếp tân lại trưng bày một dãy máy điện toán trông thật qui mô nhưng kỳ thực thì là dàn máy hỏng.

Tôi cũng chẳng muốn kể thêm chi tiết những công việc ở sở. Công việc ở sở tôi thật ra cũng chẳng lấy gì làm khác những công việc của các sở khác ở Trung Hoa — Đây nạn hối đoái và nạn con ông cháu cha vẫn thường thấy ở một quốc gia không có luật pháp. Sau khi đã suy xét kỹ lưỡng về tất cả mọi vấn đề, tôi thấy rằng nếu đem so sánh đời sống tự do bên ngoài với đời sống gò bó trong tù thì đời sống trong tù quả là giản dị, an toàn và thanh bình hơn.

Nhưng các vị thần vẫn chưa chịu tha cho tôi! Họ đã cố làm cho màn kịch

trộn vui bằng cách cho tôi lấy được một người vợ thật đẹp. Khác hẳn với những người đẹp của thập niên 1980, nhà tôi chỉ đòi hỏi có hai điều kiện. Thứ nhất: Vị hôn phu phải lớn tuổi hơn cô ta. Thứ hai: Vị hôn phu phải là một người phản cách mạng. Tôi đáp ứng được cả hai điều kiện đó.

Tại sao lại phải có điều kiện phản cách mạng? Là vì, nhà tôi cho rằng chỉ có những người đó mới đáng tin cậy. Ông nhạc tôi là một bí thư của đảng. Ông là một nông dân thất học nhưng lại được giao phó trách nhiệm hướng dẫn một ủy ban nghiên cứu ở một viện nghiên cứu gồm toàn những người đã tốt nghiệp đại học. Bà nhạc tôi là một bác sĩ thảo mộc tốt nghiệp ở ngoại quốc làm việc ở ngay trong viện nghiên cứu đó. Trước ngày bà nhạc tôi đồng ý lập gia đình, ông nhạc tôi đã theo đuổi bà nhạc dai dẳng như đĩa. Đối với những người đã có mặt trong cuộc vận lý trường chinh như ông nhạc tôi thì chuyện được đảng thăng thưởng để leo dần lên những nấc thang lãnh đạo có lẽ chỉ là một vấn đề tự nhiên. Tuy thế, chuyện ông làm thế nào để thuyết phục được một người như bà nhạc tôi chịu đồng ý làm vợ quả là một thành tích lý kỳ.

Có lẽ tôi cũng nên nói rõ những quyền lợi đi đôi với những cuộc thành hôn như cuộc thành hôn của ông nhạc tôi: Nếu những cán bộ dốt đặc cán mai đang đầy dẫy trong chánh phủ, trong viện nghiên cứu, trong các lãnh vực kỹ nghệ và khoa học không được những người vợ hiểu biết chỉ bảo thì những nhân viên dưới quyền họ sẽ nghĩ sao? Ít ra thì nhờ sự chỉ dẫn của vợ cho dù không hiểu họ cũng còn biết cách làm ra vẻ hiểu biết các danh từ chuyên môn của các nhân viên cấp dưới mỗi khi cần bàn luận. Thế thì ông nhạc tôi ắt phải lấy làm hãnh diện khi được phép săn sóc cho một người vợ trí thức như bà nhạc tôi. Thế mà Vệ Binh Đỏ vẫn xông vào nhà ông nhạc tôi để kết tội bà nhạc là gián điệp. Họ có những bằng chứng hiển nhiên: Tại sao một người Trung Hoa lại bỏ ra cả chục năm trường để học tiếng ngoại quốc? Sau đó, ông bà nhạc tôi ly dị nhau.

Nhà tôi chỉ biết nói tiếng Tàu và cũng chẳng có kiến thức chuyên môn gì đặc biệt. Nhà tôi vẫn thường bảo chỉ cần kiến thức của tôi cũng đủ dùng cho cả hai người. Thấy nhà tôi chẳng đeo đuổi mộng ước gì cao xa hơn, tôi cũng vui mừng không kém. Mộng mơ là những thứ hay làm người ta khó chịu. Mà nhà tôi cũng chẳng thể giả vờ biết được điều gì hơn là những chuyện nội trợ trong nhà. Quả tình tôi cũng không biết liệu nhà tôi có biết bí thư đảng hoặc thủ tướng là ai không nữa.

Nhà tôi cũng khác hẳn với mọi người Trung Hoa khác trong nước. Chẳng bao giờ tôi nghe nhà tôi than phiền gì về nạn lạm phát. Nhà tôi chỉ tiêu đúng những khoản tiền tôi đưa. Tôi đưa ít, nhà tôi tiêu ít. Nếu tôi có đưa nhiều hơn thì nhà tôi cũng chỉ may thêm cái áo mới. Tuần nào nhà tôi cũng có mặt ở sở đủ 45 tiếng. Thực sự thì công việc ở sở nhà tôi còn chưa đủ để chiếm hết thời giờ của một người thư ký nữa chứ đừng nói đến ba người. Đây cũng là chuyện nhân nhả thường tình của một quốc gia có đến cả hàng trăm triệu người làm việc. Thỉnh thoảng tôi cũng hỏi nhà tôi sao không chịu kiếm lấy một việc khác vui hơn. Nhà tôi nói rằng nhà tôi đã quen với những việc đang làm rồi. Thấy thế, tôi cũng bỏ luôn không nhắc nhở gì nữa. Nhà tôi không phải là loại

người thích thay đổi. Và khi bà nhắc tôi đã qua đời thì nhà tôi chỉ còn biết có mỗi tôi mà thôi. Lúc nào nhà tôi cũng lo xem tôi có ăn được không? Ngủ được không? Có thích những cái áo nhà tôi mua không?

Nhà tôi vẫn vậy kể từ ngày cưới, lúc nào cũng bên cạnh tôi lúc tôi thức, quanh quẩn quanh tôi lúc tôi về nhà. Gần như không lúc nào nhà tôi không ở cạnh tôi.

Thế thì cứ thử tưởng tượng một hôm, khi về nhà không trông thấy nhà tôi, tôi đã phải sợ hãi đến độ nào? Nhà tôi có lẽ vội vã lắm cho nên không kịp đóng cả cánh cửa tủ áo. Trước đây, nhà tôi không bao giờ quên đóng cửa tủ áo. Nhà tôi cũng chưa hề cau có với tôi bao giờ, ngoại trừ một lần tôi quên không đóng cửa tủ áo. Lần đó có lẽ là lần duy nhất. Tôi nhìn vào bếp thì thấy đồ đạc lung tung trông thật bừa bãi. Lạ lùng hơn nữa là tuy tôi ngửi thấy mùi nấu nướng, mà lại chẳng thấy những thức đồ nấu đâu cả. Bàn, khay và tủ lạnh đều trống rỗng.

Tôi cố gắng tìm thử xem nhà tôi có ghi chép nhắn nhủ gì không mà chẳng thấy gì. Tôi gọi điện thoại cho gia đình và bạn bè. Họ cũng không biết nhà tôi đi đâu và khi nghe tôi kể nhà tôi hành động bất thường như thế họ cũng ngạc nhiên chẳng kém gì tôi. Sự tò mò đã khiến tôi quên bẵng tất cả những cảm giác khác, kể cả đói hoặc lo. Tôi chẳng biết phải làm gì hơn là ngồi nhìn thẳng ra cửa như thể đang nhìn vào một màn ảnh Ti Vi trống để đợi xem màn chót của một tấn kịch lâm ly.

Chỉ vài phút sau nhà tôi đã có mặt ở cửa, miệng cười hơn hở, tay kéo một chiếc xe con đẩy những bát chén dơ. Phải đợi đến lúc nhà tôi tháo cả giày ra tôi mới hết ngạc nhiên. Tôi hỏi nhà tôi đi đâu.

Nhà tôi vừa xoa xoa những ngón chân vừa trả lời: *“Công Trường Thiên An Môn.”*

Từ đó về sau, nhà tôi cứ đi đi về về như thế mỗi lần đưa cơm cho những sinh viên xuống đường ở Thiên An Môn cho đến khi quân đội tấn công vào công trường Thiên An Môn. Thế mà từ trước đến nay tôi vẫn tưởng nhà tôi chẳng còn ước mơ nào khác.

Mặc kệ các vị thần tiếp tục trêu tôi cho thỏa thích. Nhà tôi thực đúng là mẫu người lý tưởng nhất cho tôi.

GÃ HỀ
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

CỤU CHIẾN BINH CỦA CUỘC VẠN
LÝ TRƯỜNG CHINH

T HỨ TỬ, NGÀY 3 THÁNG 5, NĂM 1989... TRIỆU TỬ DƯƠNG KÊU GỌI NHÂN DÂN TRUNG HOA HÃY BÌNH TĨNH. THEO TIN TỨC TƯỜNG TRÌNH THÌ CHÍNH ÔNG CŨNG THÚC ĐẨY CHÍNH PHỦ BIỂU ĐỒNG TÌNH VỚI NHỮNG SỰ ĐÒI HỎI CỦA SINH VIÊN ĐỂ TẠO THANH BÓT THAM NHỮNG Ở CÁC GIỚI CAO CẤP CỦA CHÍNH QUYỀN.

Sau 40 năm sống ở nước ngoài, vào mùa thu 1986, ông bà cụ thân tôi lại trở về thăm Trung Hoa. Số họ hàng đến dự tiệc hội ngộ với gia đình chúng tôi bao gồm 64 người cả thầy. Con số nhỏ nhoi đó phản ánh những quyết định của chính phủ đối với đời sống của người dân Bắc Kinh, Thiên Tân, Tây An, đối với những người trong cùng thế hệ ông bà tôi, thế hệ cha mẹ tôi và thế hệ tôi.

Nếu nhìn vào buổi tiệc bằng con mắt của một người Trung Hoa nặng tình gia tộc thì ngày hội ngộ quả là một ngày đáng nhớ. Nhưng nếu nhìn buổi tiệc bằng con mắt của một người viết văn thì tôi hoàn toàn thất vọng: Chẳng có gì đáng để ghi nhận trong suốt buổi tiệc. Chẳng có nước mắt, chỉ có những nụ cười; chẳng có chuyện gì nổi bật hoặc đáng chú ý, chỉ có những câu chuyện nhỏ nhặt trong gia tộc. Đề tài của ông thân và ông chú tôi là chuyện so sánh giá vé máy bay. Đề tài của bà thân tôi và những dì tôi là vấn đề săn sóc sức khỏe và sắc đẹp. Buổi tiệc diễn ra như thể chẳng ai còn nhớ rằng đây là một buổi họp mặt đặc biệt.

Tối đó, đa số đề tài các câu chuyện trong bàn ăn là về những kỹ thuật nấu nướng. Ít ai để ý gì nhiều đến vấn đề ôn lại những chuyện đặc biệt trong những năm xa cách. Như thường lệ, ông thân tôi vẫn đứng ra kể những câu chuyện hài hước ông thường kể để giúp vui cho khách. Và bà thân tôi cũng hoan hỉ vì chương trình sắp xếp chỗ ngồi hoàn toàn êm đẹp.

Chỉ có một phút hồi hộp là lúc cả họ hàng được mời đứng ra để họa hình kỷ niệm. Vừa nghe lệnh tụ họp thì tất cả những cụ già vẫn thường chống gậy hoặc ngồi im lìm trên ghế bồng đứng vụt dậy và trở thành những con người mau mắn, tinh anh. Các cụ đứng sắp dọc thành hình hàng ngang trông chẳng khác nào một đội tuyển thủ thể thao đang dàn hàng cho đúng phép. Nhà tôi thông thả đi cạnh tôi và cũng đứng chung về phía sau với những người trẻ hơn. Bỗng nhiên mọi người phá ra cười. Những người già vừa cười vừa gật gù ra chiều đắc ý. Thấy thế nhà tôi hỏi tôi tại sao. Tôi trả lời ông chồng đại sứ rằng người ta cười là vì thấy một người không quen với phong tục gia tộc của Trung Hoa như nhà tôi mà vẫn biết tìm đúng chỗ đứng của mình.

Lúc tiệc tàn, tôi than với ông bà thân rằng buổi tiệc hội ngộ sao chẳng có gì lấy làm đặc biệt? Ông bà cụ thân tôi cùng đồng cười mỉm như thể đối với họ chính sự ngạc nhiên của tôi mới là điều khác lạ. Bà thân tôi nói rằng đây là gia đình chứ có phải là gánh xiếc đâu mà lại đòi hỏi những màn đặc biệt? Rồi để kết thúc câu chuyện bữa tiệc bà thân tôi nói thêm: Lần này trông ai cũng có vẻ già hơn trước. Đây là cá tính đặc biệt của bà cụ thân tôi. Cụ lúc nào cũng khôn khéo và hồn nhiên.

Ngay cả từ ngày còn bé, có nhiều lúc tôi thấy bà cụ thân tôi hồn nhiên đến độ tôi chỉ muốn ôm chầm lấy cụ để bế cụ như bế một đứa bé qua đường. Dường như bà cụ chẳng lúc nào hiểu rõ chuyện gì, kể cả những chuyện thông thường. Tuy thế, chẳng bao giờ tôi lại có ý chống đối bà cụ thân tôi. Ngay cả những lúc cụ đang giận dữ tôi vẫn cảm thấy buồn cười. Ngày tôi còn đi học, ngày nào bà cụ cũng nghiêm trang nhắc nhở rằng đôi vai nhỏ thó của tôi chẳng những chỉ gánh danh dự của những tổ tiên trong họ mà còn có cả danh dự của năm trăm triệu người Trung Hoa khác trên mặt đất nữa. Nhờ ơn Trời Phật lúc đó tôi chưa hiểu rõ những phương pháp giáo dục trẻ em ở Hoa Kỳ, nếu không có lẽ tính tình tôi đã bị thay đổi hoàn toàn.

Cụ không bao giờ nhắc đến em tôi, tuy rằng chẳng ai có thể nhầm lẫn cho rằng sự im lặng của cụ là sự lãnh đạm của cụ đối với con gái. Đối với cụ, có những sự kiện đã hiển nhiên đến độ chẳng ai cần phải nhắc nhở. Và cụ âm thầm chấp nhận sự đau khổ khi phải bỏ lại một đứa con ở Trung Hoa. Cụ yên lặng như thế cho đến khi được tin em tôi bị cấm không được vào đại học vì không có quá khứ cách mạng. Cụ không thể chấp nhận được cảnh em tôi bị cấm không được đến trường. Cụ tuyên bố: Nếu ở Trung Hoa em tôi không được đến trường thì phải tìm cách cho em tôi sang Hoa Kỳ. Cụ nói rằng cụ sẽ viết thư cho dì A Di. Từ ngày gia đình tôi rời Thượng Hải, dì A Di vẫn chăm sóc cô em gái tôi chẳng khác gì một người mẹ ruột. Bà cụ tôi định sẽ viết cho dì A Di rõ lý do cụ muốn em San San sang Hoa Kỳ. Cụ bảo rằng dù gì đi nữa thì San San cũng đã 17 tuổi và là người lớn rồi. Hơn nữa, San San lúc nào cũng xem dì A Di như một người mẹ. Và trong tất cả những món quà của một người mẹ dành cho một đứa con, chẳng có món quà nào lại có thể quý hơn món quà học vấn. Chính vì thế nên đây là lúc mà cả hai người mẹ nên tìm cách cho con mình có dịp đi học.

Nhưng biết làm cách nào để đưa San San sang Hoa Kỳ? Chúng tôi hỏi bà cụ. Cụ trả lời rằng chính cụ cũng không có giải pháp nào. Nhưng cụ lại gạt phắt những vấn đề thực tế cần phải lo lắng sang một bên. Cụ đã tuyên bố như thế ắt hẳn sẽ có cách. Và mọi sự diễn ra đúng như cụ tiên liệu.

Vào mùa hè 1988, cụ đề nghị chúng tôi nên tổ chức một buổi tiệc hội ngộ thứ hai ở Bắc Kinh để kỷ niệm ngày cưới của vợ chồng tôi lần ngày cưới của hai cụ. Một lần nữa buổi tiệc thành công thật mỹ mãn. Sau khi các màn trình diễn văn nghệ, đọc thơ, ca hát và khiêu vũ chấm dứt, ông bà cụ thân tôi, nhà tôi và tôi cùng ra cửa tiễn khách, sau nhà pháo bông chiếu sáng và nổ bập bùng chẳng khác nào những tràng pháo tay. Người nào cũng chúc chúng tôi tất cả mọi điều tốt lành, nhưng tôi không bao giờ quên được lời chúc của một cụ bà già nhất trong họ. Cụ bà đã gần trăm tuổi. Cụ mặc một bộ áo nhiều màu và trông hầy còn khoẻ mạnh. Tuy thế, đầu óc cụ có lẽ đã bắt đầu lẩn.

Cụ mở đầu: *“Thật là một buổi tiệc hiếm có của cả gia tộc, lâu lắm mới lại có dịp cho tất cả những họ hàng xa gần cùng gặp nhau dưới một mái ấm gia đình. .”* Nói đến đây bỗng nhiên cụ lại ngừng lại như thể có ai đang vỗ vai cụ, rồi cụ nhăn trán, nhìn sâu vào mắt bà cụ thân tôi như đang cố nhớ một điều gì và hỏi tiếp, *“Năm nay là năm nào nhỉ?”*

“Một ngàn chín trăm tám mươi tám.”

“Không, chắc là cô nhầm đấy.”

“Không, không nhầm đâu thưa cụ.”

“Nếu vậy thì bữa tiệc quả thật là chuyện đã xảy ra từ lâu lắm rồi. Chắc là vậy. Tôi nhớ. . . lâu, lâu lắm rồi đấy. Thế thì cô cũng không có ở đây. Không có mặt ở đây ngày hôm nay. Tôi cũng đâu có mặt ở đây ngày hôm nay. Chẳng qua tôi chỉ nhớ lại vậy thôi. Làm gì đã có tự do thế này đâu. Biết bao nhiêu là họ hàng và con cháu. Ôi giờ ời sung sướng thật. Ôi giờ ời nhớ lại được thế này thì sung sướng thật!”

Tôi cũng ước mình có thể cười được như những người khác trong họ và quên hẳn câu nói lẫn lộn của cụ, nhưng câu nói của bà cụ cứ mãi ám ảnh tôi mỗi khi tôi nghe bạn bè và người lạ kể lại những câu chuyện của họ trong thời gian đó. Đã bao nhiêu gia đình phải phân ly, bao nhiêu con cái phải xa bố mẹ, bao nhiêu người vợ phải xa chồng để giữ vững lập trường chính trị? Đã bao nhiêu gia đình bị chia cắt vì những chuyển lao động ở biên giới, những chiến dịch học tập, hoặc vì tù tội? Và trong thập niên vừa qua, khi những vết rạn trong gia đình vừa được trám lại phần nào thì những khoảng cách giữa các thế hệ lại lớn rộng hơn. Có thể hệ chẳng còn nhớ gì cả ngoài chuyện cách mạng, có thể hệ chỉ còn nhớ cuộc chiến tranh Hoa-Nhật, có thể hệ chỉ còn nhớ đến những cuộc nổi loạn thời Mao Trạch Đông và đa số những người trong thế hệ trẻ, thế hệ bao gồm tổng số lớn nhất trong tất cả các thế hệ vừa kể thì chỉ biết nhìn thẳng vào màn ảnh Ti Vi để so sánh cuộc sống của người dân Trung Hoa với cuộc sống của những người dân ở các quốc gia khác.

Trong suốt chiều dài của lịch sử Trung Hoa, người Trung Hoa lúc nào cũng xem nhẹ vấn đề cá nhân và đặt nặng vấn đề hy sinh. Tập tính đó đã ăn sâu vào sự suy nghĩ của họ và khiến họ có được những đức tính hiếm có như đức Nhẫn. Thực ra, ngôn từ chẳng thể dùng để diễn tả trọn vẹn được ý nghĩa của chữ Nhẫn. Chữ Nhẫn viết theo lối hình tự trông như thể hình một lưỡi kiếm đè lên trên trái tim. Đức Nhẫn cần phải được hun đúc từ bé. Chẳng những thế, đức Nhẫn còn cần được tôi luyện trong suốt cả cuộc đời. Một trong những cách tôi luyện đức Nhẫn là giữ cho được trọn sự kính trọng đối với bậc trưởng thượng.

Tôi chưa bao giờ có dịp tiếp xúc trực tiếp với những quân nhân đã tham gia cuộc Vạn Lý Trường Chinh, nhưng tôi đã quá quen thuộc với những con em của họ. Con em của họ là những người trong lứa tuổi 30 và là những người thành đạt nhất trong các lãnh vực chuyên môn. Trong số những con em của các cựu quân nhân tôi biết, có hai người đã lập gia đình. Tuy thế, khi tiếp xúc với ông thân, họ hoàn toàn chiều theo ý kiến của ông thân, kể cả từ những chuyện đơn giản nhất trở đi. Trong khi đó, con em của chính họ thì lại hoàn toàn khác hẳn. Chúng là những đứa bé sinh trong thời kỳ Trung Hoa đang theo chính sách mỗi gia đình một trẻ. Chúng được cưng chiều chẳng khác gì những vị vua con. Mặc dầu vậy, cha mẹ của những vị vua con đó vẫn mong

mỗi các vị vua con phải chu toàn bốn phận và thỏa mãn tất cả những nguyện vọng của các bậc trưởng thượng. Chẳng hiểu Trung Hoa rồi sẽ ra sao khi tất cả những mầm non tương lai vừa được nuông chiều thái quá, vừa phải mang những trách nhiệm nặng nề như thế?

Sau đây là một câu chuyện của một trong những người thuộc thế hệ con em của một cựu quân nhân đã tham gia cuộc vận lý trường chinh:

Vì đã bị đảng sa thải, và không còn là người lãnh đạo quân đội, ông có thể thức dậy trễ hơn, nhưng không bao giờ ông dậy trễ cả. Những người hầu, thiếp có thể ngủ trễ nhưng những người đã từng tham gia cuộc vận lý trường chinh như ông không thể ngủ trễ được. Sáng nào vào khoảng 5g55 ông cũng đã tắm rửa cạo râu và thay quần áo thật chỉnh tề. Ông nhìn vào gương để ngắm lại khuôn mặt khắc khổ của mình, kéo lại dây lưng cho chặt hơn và rồi vỗ mạnh vào chiếc bụng rắn chắc. Ông nghĩ thầm, cái quần mới này thật là vừa vặn! Quả không uổng công ông đã sai mụ vợ đi về mấy lượt để gã thợ may cận thị có thể sửa cho vừa đúng cỡ. Ngày nay, chỉ còn những gã thợ may già quen may quần áo cho các lão Thái Thái khó tính trước ngày giải phóng là còn may đẹp. Chúng nó may thật đáng giá đồng tiền.

Chỉ cần nghĩ chuyện mụ vợ lười biếng dám cả gan đề nghị ông may quần áo ở những chỗ đầu đường xó chợ nơi những thằng ranh con ngồi khắp cả ở vệ đường cũng đủ làm ông sôi máu. Ở đâu cũng thấy chúng nó, khắp các ngõ hẻm, trên đường phố, lúc nào cũng mua nọ bán kia. Những thằng mua đi bán lại mua đồ rẻ phía Nam bán lại với giá cao hơn ở phía Bắc. Chúng nó lúc nào cũng chỉ chú tâm vào những mối hàng tũn mủn không cần thiết. Những thằng ranh con đó cần phải được tập hợp lại và cho vào quân đội. Và quân đội sẽ biến chúng nó thành những những con người hữu ích hơn đối với xã hội. . .

Rồi ông chợt nhớ rằng quân đội không còn trong giai đoạn tuyển tân binh nữa. Quân đội đang thái hồi bớt người. Đã có khoảng một triệu người bị sa thải và chưa có triệu chứng gì cho thấy quân đội sẽ ngừng sa thải người. Ông nghĩ thầm, thế thì phải cố thắt lưng buộc bụng thêm. Mà mình bức mình chuyện đó làm gì? Đó có phải là chuyện mình đâu?

Bất chợt ông quay người vụt lại để nhìn vào tấm gương phía sau. Ông đã biết rõ quá rồi mà! Làm gì có bất kỳ dấu hiệu nào chứng tỏ ông gù; chỉ có những mụ đàn bà khốn kiếp xấu máu mới có thể đem những khuyết điểm của mình mà gán, ghép cho người khác. Làm sao con mụ đàn bà đó lại có thể tàn nhẫn đến thế nhỉ? Phải chăng mụ ngu quá nên không thể hiểu được những sự tử tế mình dành cho mụ? Những ân huệ đó nào có mới mẻ gì cho cam? Mình đã đối xử với mụ như thế ngay từ lúc đầu kia mà? Những ân huệ mình dành cho mụ đã rõ mồn một nào có kém gì cái bấu trên người mụ đâu? Mình đã cố giữ không bao giờ đi bộ chung với mụ. Nếu đi chung thì những sự tương phản nổi bật quá! Bất kỳ ai trông thấy mình đi chung với mụ có lẽ cũng phải nói thầm rằng quả là một cặp chẳng xứng đôi tí nào. Mình thì quá đẹp trai trong khi mụ lại quá xấu xí. Làm sao một người đẹp như thế lại có thể đi cùng với một người xấu như thế?

Sự thật thì ông cũng chẳng còn biết đổ lỗi cho ai hơn là chính mình. Ông nhớ lại trước ngày Giải Phóng, lúc ông còn trong quân đội, cấp trên đã quyết định lập gia đình cho ông. Quân đội tuyên bố sẽ chọn giúp ông người vợ tương lai cũng như họ đã chọn cho những quân nhân đang đang phục vụ trong quân đội lúc đó. Ông cũng là một người hiểu lẽ đời. Ông không đòi hỏi một người vợ nào quá cao về học thức để rồi người đó lại khinh bỉ ông. Ông chỉ đưa ra một điều kiện là người vợ tương lai của ông phải là một người đã tốt nghiệp trung học và trông trắng trẻo một chút.

Tuy rằng những người mai mối đã đáp ứng được lời yêu cầu của ông mà khi vừa trông thấy người vợ tương lai ông vẫn rùng mình. Tuy thế, một người đã tham gia cuộc vận lý trường chinh là một người biết trọng lời nói và ông đã ký giấy hôn thú để chấp nhận sống bên cạnh khuôn mặt xấu xí đó trọn cả cuộc đời. Ông làm thế để hy sinh cuộc đời cho những đứa con tương lai. Chúng nó phải khác ông; chúng nó sẽ bước mạnh dạn vào đời và không phải lúc nào cũng canh cánh nỗi sợ rằng có thể một ngày nào đó, vì một lý do nào đó, ở một nơi nào đó chúng sẽ phải trực diện với nỗi khổ của một kẻ không biết hết mặt chữ. Ông chỉ mong mỗi sao cho người vợ tốt nghiệp trung học có thể thay ông hướng dẫn lũ con ông trên đường học vấn để về chúng không phải khốn đốn vì chuyện học vấn như ông. Ông sẽ lo toan tất cả những điều đáng lo còn lại. Có trời đất chứng giám cho lòng ông.

Ông bước thẳng vào bếp và bật radio đúng ngay giờ phát thanh của đài VOA rồi ngồi xuống để chờ thức ăn khi cố gắng lắng nghe những tin tức để có thể khiến câu chuyện của mình thêm phần hấp dẫn. Sự quan tâm của ông đã bắt đầu chuyển hướng. Lúc này, vì không còn là nhân vật của đảng, ông lắng nghe những tin tức thế giới nhiều hơn những tin tức trong nước.

Có ai cần! Ông nghĩ thầm, tay nhặt một miếng bánh khỏi đồng thức ăn trước mặt ông. Tuy thế, ông vẫn thoáng cảm thấy một cảm giác ân hận bùng lên ngẫu nhiên. Ông đã quên không khoanh tròn tên mình trên những xấp tài liệu bí mật. . . những tài liệu đó đã nằm chết đông chờ ông. Những đồng tài liệu dày cộm đó đã chờ ông nằm ngay trong văn phòng ông suốt ngày này qua ngày nọ.

Ông cố xoay chuyển ý tưởng để khỏi phải nghĩ đến những ký ức đau buồn đó và cố để tâm vào chuyện tin tức. Ông chẳng bao giờ nghi ngờ những tin tức của đài phát thanh. Ông biết rõ tin nào là tin thật. Tuy thế, chẳng hiểu sao người cựu chiến binh vẫn không có cảm tình với những quân nhân Hoa Kỳ. Đối với ông bọn chúng chỉ là những thằng hèn nhát không hơn không kém.

Đài phát thanh đang tường trình những tin tức mới nhất về Nga. Ông nghe thật nghiêm trang. Đây mới là một quốc gia đáng kể. Hoa Kỳ chắc hẳn sẽ xốc quân mà chạy khi thấy quân đội Nga. Những thằng khốn kiếp đó chưa hề ngần ngại trước bất cứ trách nhiệm nào cả. Và chính ông, cũng chẳng quản ngại điều gì. Nếu không thì vào ngày hôm nay, 39 năm sau ngày Trung Hoa được giải phóng, nếu những con người sách vở như ông nhạc của ông còn sống chắc hẳn cũng vẫn là địa chủ và vẫn tiếp tục ra uy cùng với đám tá điền.

“Theo tin tường trình của tờ Nhân Dân Nhật Báo...”

Ông vắn sang đài khác. Ông chẳng cần nghe đài quốc nội làm gì. Nếu không có những thằng phóng viên khốn kiếp săn tin thì có lẽ giờ này ông cũng vẫn còn nắm quyền trong quân đội. Ông cảm thấy nhớ những quân nhân dưới quyền ông vô kể. Những quân nhân đó bất kỳ lúc nào cũng có thể vì ông mà hy sinh tính mạng. Họ chẳng bao giờ tỏ vẻ nghi ngờ mệnh lệnh hoặc đặt vấn đề liệu ông có thấu triệt các sự kiện hay không. Họ chẳng bao giờ đưa ra cả nghìn câu hỏi khiến ông phải bù đầu rối óc như những thằng phóng viên khốn kiếp đã hỏi ông.

Mụ vợ đang hỏi ông câu gì đó. Ông giả điếc.

Tại sao mụ không để yên cho ông? Mụ đã dục ông: Sao ông không tự mình thú nhận đi? Có gì đâu mà sợ mất? Chính báo Nhân Dân viết bằng giấy trắng mực đen rằng đảng sẽ tha thứ hết mọi lỗi lầm. Mà tiền bạc mất mát có nhiều gì cho cam?

Ông nghĩ thâm, quả thật đó mới là vấn đề đáng nói. Nếu số tiền thâm thủng là một số tiền lớn thì có lẽ vấn đề sẽ xảy ra đúng như tờ báo tiên liệu. Số tiền lớn có nghĩa là việc thâm thủng của những nhân vật cỡ lớn, vì chỉ có những nhân vật đó mới có cơ hội để biến thủ những số tiền to đến vậy. Ai lại chẳng biết những nhân vật đó lúc nào cũng biết lui, biết tới. Cho dù những nhân vật đó có thực tình thú nhận lỗi lầm đi nữa thì cuộc sống của họ vẫn chẳng có gì thay đổi. Cùng lắm là họ bị chuyển đến một chỗ làm khác và nhiều khi chỗ làm mới lại tốt đẹp hơn. Ông đã bảo mụ hàng trăm lần rằng những kẻ lúc nào cũng hô hoán chống tham nhũng cũng chính là những kẻ tham nhũng bậc nhất.

Ông không phải là những người trong tầng lớp đó. Tất cả những số tiền ông có đều không đáng gọi là tiền lẻ, không đủ để có thể đãi bạn một bữa thịt trầu hoặc dăm ba lon bia ở quán ăn. . . mà chỉ vừa đủ để những nhân vật cao cấp có thể nêu lên một trường hợp nào đó để làm vì cho những chiến dịch chống tham nhũng mà thôi. Nếu quả thật ông đã nhận tiền tham nhũng thì có bao giờ báo chí dám đăng tin ông lên khắp cả mọi nơi như thế. Họ sợ rằng họ đăng tin nhầm phải một nhân vật cao cấp nào khác.

Đã bao nhiêu lần ông giảng giải cho mụ hiểu rõ về những điều như thế? Vào năm 1988, những chuyện mờ ám biến thủ ở hậu trường nhiều đến độ gần như vô liêm sỉ. Ngay cả những người chưa tìm được cách tham nhũng cũng đã cho rằng vấn đề chỉ còn là thời gian. Sớm hay muộn gì thì những người thân trong ngạch cũng tìm được cách cho họ có miếng. Chuyện chẳng ai còn bận tâm suy nghĩ gì đến vấn đề phục vụ nhân dân là chuyện hiển nhiên chẳng khác gì chuyện phát rằm nào cũng phải thổi.

Sự phũ phàng của ý nghĩ khiến ông ăn mất cả ngon. Ông cần thêm không khí để thở. *“Chìa khóa,”* ông thét lên. Vợ ông đưa ngay cho ông chùm chìa khóa chính rồi rút lui ngay như thể biết trước thế nào cũng có chuyện lộn

xộn.

Mụ này làm quái gì vậy ta? Ông nghĩ. Rồi ông để ý chỉ thấy có 4 chìa khóa ở cửa thôi. *“Còn thiếu chìa khóa của ai?”* Ông lên tiếng hỏi thêm.

Từ góc xa nhất của căn buồng, mụ lẩm bẩm trả lời về việc thắng cả phải đổi khóa.

“Lại đổi nữa? Bảo nó đến quán ăn trưa nay.”

“Nhưng ông mới gặp nó hôm qua mà.”

“Thì đã sao?”

“Ông phải nhớ rằng lúc này nó đang có trách nhiệm với phòng thí nghiệm. Sao ông không để yên cho nó. Ông cũng biết là nó đang phải lo lắng đủ điều.”

“Cái việc con bạn quá không thể gặp bố được bắt đầu từ lúc nào vậy?” Vừa bước xuống nửa hành lang ông lại thét. *“Bảo nó mang thêm hộp tương ớt và mì trưa nay cho tôi.”*

“Nhưng...mà tương đó chỉ bán ở đâu tỉnh bên k—”

Ông đã sập cửa đánh sầm lại rồi.

Ngày những đứa con ông còn bé, hôm nào ông cũng dẫn chúng đến công viên vào khoảng 5 giờ sáng, trước lúc chúng ăn sáng và sửa soạn tới trường. Lúc đó những người về hưu ai cũng bảo những ngọn gió sáng trước lúc bình minh rất tốt cho phổi. Nghe thế, ông cũng bán tin bán nghi, nhưng khi thấy tất cả những người về hưu đều ra công viên đón gió trước lúc bình minh bỗng nhiên ông thêm phần tin tưởng. Cả năm đứa con ông đều đã học diễn xuất. Tất cả những gì giới nghệ sĩ làm, ông đều bắt lũ con ông làm giống hệt. Họ hát, ông bắt con cái hát. Họ khiêu vũ, ông bắt con cái khiêu vũ. Họ đóng kịch câm, ông bắt con cái đóng kịch câm. Họ múa kiếm, ông cũng bắt con cái múa kiếm như họ. Ông cho rằng bắt chước giới chuyên nghiệp là cách học vẹn toàn nhất. Hơn nữa, đây lại là những bài học chẳng tốn công, tốn của gì cả.

Mới đầu thì con cái ông cứ khóc như ri nhưng chúng chẳng khóc lâu. Đòn đau roi vọt lúc nào cũng dẫn đến những kết quả tốt. Ông là một người cha thiên về chiều hướng cổ. Ông quyết định phải đánh cho con nên người mới nghe.

Nhưng dạo này ông không còn ra công viên nữa. Gần như giờ nào ngoài công viên cũng đặc nghịt người vừa già vừa chán. Đa số những kẻ ngồi ngoài công viên đều là những đứa vô công dôi nghề. Lúc nào chúng nó cũng tụ tập ngoài công viên, đã chiếm hết cả chỗ ngồi mà lại chẳng có chương trình gì cho chung tập thể cộng đồng. Ông hướng thẳng về hướng xe buýt như thể sắp sửa đi làm. Cứ vài bước ông lại ngừng để ngắm những đứa bé gái đang mặc áo đầm đi xe đạp. Đây cũng là lỗi của mụ. Mụ xấu xí đến độ gần như ông đã mắc tật thích ngắm gái đẹp. Nhưng chỉ ngắm thế thôi chứ còn trong thâm tâm ông

vẫn là người biết giữ những điều đạo đức cơ bản.

Lúc đến chỗ trạm xe buýt thường trực, ông cũng vào xếp hàng. Hàng người đứng dài lê thê trông như thể một sợi thừng uốn éo cố dón vào chỗ cửa xe buýt. Thông thường thì phải tới chuyến thứ ba ông mới lên được xe. Sáng nay vì may nên ông lên được chuyến xe thứ tư. Lúc sửa soạn lên xe ông mới sờ lại túi và sực nhớ rằng ông hãy còn quên ví ở nhà. Ông giả vờ đi ngược về hướng đó, nhưng khi đi hết khu phố thì ông lại tiếp tục đi bộ dọc theo lộ trình xe buýt. Ông ngừng lại ở mỗi trạm ngừng và đi bộ mãi đến chỗ xí nghiệp nơi ông là Tổng Bí Thư trong suốt 25 năm qua.

Ông đứng ở vỉa hè đối diện để tránh gặp người quen. Chỗ ông đứng nằm ngay chỗ cửa vào của một căn chung cư nhìn vào phía cổng xí nghiệp. Ông nhìn trộm người lao công đang quét hành lang và hồi tưởng lại những biến cố trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Trong những ngày đó, chính ông, một người tổng bí thư của đảng, đã bị bắt phải quét hành lang. Ngay cả một người đã phải sống cuộc đời một kẻ ăn mày giữa những kẻ thù dã man như hoàng đế Tống Huy Tông có lẽ cũng vẫn cảm thấy chưa nhục nhã bằng, nhưng người cựu chiến binh vẫn lấy làm hãnh diện với công việc lao động của mình. Ông đã giữ những lối đi hành lang bóng nhẵn trong suốt thời gian ông giữ nhiệm vụ quét tước. Trong những mùa đông rét cắt da, trời chưa sáng, ông đã bắt đầu quét tước. Trong những mùa hạ nắng nóng như thiêu, như đốt, lúc nào ông cũng cần cù. Ông chưa bao giờ để chổi dựa quét tường để đi ra ngoài kiếm nước.

Đó là cách ông chứng tỏ cho những thằng phản loạn hiểu rõ, cho những thằng tâm cơ đen tối sẵn sàng xô ngã anh em hiểu rõ. Có ai làm việc chuyên cần hơn ông? Có ai tuân hành lệnh trên nghiêm túc hơn ông? Chỉ có những người đã từng tham gia cuộc vận lý trường chinh mới có thể làm việc chuyên cần đến vậy. Bất cứ ai khi bước qua cổng cũng phải thấy rõ rằng ông là một con người cách mạng chân chính, biết triệt để tuân hành mọi mệnh lệnh để chu toàn trách nhiệm.

Chỉ cần nghĩ về những ngày cay đắng đó cũng đủ để ông lôi cả tổ tông mẹ vợ ra mà chửi. Chính vì mẹ là con một địa chủ nên ông mới bị kết án phản cách mạng. Đó là lỗi lầm duy nhất của ông. Ông đã nghĩ đến việc ly dị mẹ như những người khác, nhưng ông sợ làm thế sẽ ảnh hưởng đến tương lai giáo dục của lũ con. Ông chẳng thể giúp chúng nó làm bài mà mẹ vợ cũng chẳng thể một mình tự bắt lũ con học cho được. Nếu ông ly dị vợ thì tất cả những năm tháng đòn vọt, giáo dục của lũ con sẽ bị xóa bỏ hoàn toàn. Cuối cùng ông quyết định gạt bỏ chuyện ly dị. Bất kể ông có phải quét bao nhiêu hành lang cũng vậy. Ông sẽ không bao giờ nghĩ đến chuyện ly dị.

Bỗng một người đàn bà bước vào tòa bin đình trông như thể nhân viên của một Ủy Ban Phường. Bà ta đưa mắt nhìn ông có vẻ khinh bỉ. Nhưng trước khi bà có dịp hỏi ông làm gì ở đó, ông kéo ra một mảnh giấy nhỏ và vừa vẽ những hình tròn, vừa mắng bà ta vì những rác rưởi và mùi hôi ở hành lang. Bà ta xanh mặt. Ông tiến lại gần hơn và hỏi thẳng "*Phường trưởng phường này là ai?*" Bà nói tên người phường trưởng. Ông cất giấy đi rồi chấp tay ra

phía sau, chẳng khác nào những người đóng tuồng trong công viên, ông cất bước.

Những người cựu chiến binh của cuộc vạ lý trường chinh khác đang đánh bài khi ông đến quán ăn. Có những tiếng chào hỏi khi ông ngồi vào chỗ thường lệ để chờ được chia một chân bài trong ván bài tới. Bỗng dưng ông nhìn thấy con cả mình đang bước nhanh trên đường phố; ông vút ngay năm tấm bài vào đồng bài bỏ, miệng nói: *“Cứ chơi đi nhá, tôi bận việc nhà một tí.”*

Những người bạn ông vẫn tiếp tục chơi và cũng chẳng tỏ vẻ gì ngạc nhiên.

Người con trưởng của ông mặc quần áo Tây Âu, trông rõ rệt là một người của thế hệ mới, một trong những người cán bộ có bằng cấp cao, đang bay đi khắp nơi để dự các buổi họp quốc tế. Ngay cả cái bọc xanh có vương ít dấu anh ta đang cầm, trông có vẻ tương phản với y phục và con người của anh nhưng càng làm cho cương vị của anh nổi bật.

“Thưa thầy, thầy muốn gặp con?”

Ông giả vờ đang để hết tâm trí vào chuyện đánh bài.

“Thầy ơi, con còn phải họp lúc một giờ mà!”

Ông không thèm ngẩng đầu lên, miệng hỏi: *“Mày có cầm cho tao lọ tương ớt không?”*

Người con trưởng của ông đưa ra chai tương, mặt lộ vẻ hớn hờ.

“Có phải loại tương tao thích không?” Ông kéo một lá bài trong tay, khoa khoa rồi lại đặt trở vào.

“Dạ, thưa thầy đúng.”

Ông xếp những lá bài lại, đập mạnh xuống bàn rồi quát to:

“Chìa khóa của tao đâu?”

Chỉ có người con trưởng có vẻ khó chịu. *“Thầy gọi con đến chỉ có thể thôi sao?”*

“Chìa khóa đâu?”

“Tuần tới con sẽ có cho thầy.”

“Đưa ngay bây giờ. Ngay bây giờ nghe rõ chưa.”

Người con trưởng thò tay vào túi áo vest rút chìa khóa ra đưa cho ông.

Người cựu chiến binh của cuộc vạ lý trường chinh chỉ xua tay chứ không thèm ngẩng mặt lên để đuổi người cán bộ trông coi văn phòng thí nghiệm của viện khoa học đi. Sau đó, ông xắn tay áo một cách hài lòng rồi tuyên bố ông

sẵn sàng tiếp tục ván bài.

Đúng 2 giờ 15, đang giữa cuộc chơi, ông buông bài, đứng dậy, vịn vẹo người cho máu huyết lưu thông rồi bước thẳng ra cửa. Những cựu chiến binh khác chẳng hề để ý gì đến ông. Hôm nay thực ra cũng chẳng lấy gì làm khác những hôm khác.

Con gái ông là một nghệ sĩ vĩ cầm cũng ở gần đây, chỉ cách khoảng mấy dãy phố và ông bắt đầu thả bộ đến đó. Nếu cô Hai có ngủ muộn thêm tý nữa thì ông cũng không muốn phá giấc ngủ của cô. Cô Hai có tính nóng giận bất thường và bướng bỉnh đến độ ông đã phải khổ với cô từ ngày cô mới ra đời. Ông không thể tưởng tượng được rằng cô Hai lại có thể là một đứa con vô ơn đến thế. Sau ngày trình diễn ở Nữu Ước, chính cô, người con máu mủ, ruột thịt của ông đã tuyên bố trước mặt ông rằng cô được huy chương vàng chính vì tài nghệ cá nhân của cô chứ chẳng nhờ vào bất kỳ một ai khác. Ông đã tổng cổ cô Hai ra khỏi nhà ngay đêm đó.

Sáng ra ông đã sẵn sàng tha thứ và cho phép cô về nhà, nhưng cô đã tự mướn một chỗ ở thuê riêng. Đây là một chuyện chưa từng có từ trước đến nay. Thế giới đã biến đổi đến độ đó rồi sao? Từ ngày cô Hai 25 tuổi, ông đã biết rằng cô có ý tự tìm lấy một chỗ ở riêng, nhưng cho đến ngày cô được huy chương vàng ý kiến đó vẫn chưa thành hình . . . Ông lắc đầu. Chỉ có một điều hiển nhiên khó thể chối cãi: Tất cả những điều cô Hai học hỏi từ ngoại quốc đều dẫn đến những chuyện không hay. Ông định kiện người giám đốc của ban nhạc đã làm gia đình ông chia cắt.

Ông mở khóa để bước vào nhà cô Hai; như thường lệ, ông kéo ra một cây bút chì và một quyển sổ ghi chú nhỏ và bắt đầu xem xét từ mé phải. Ông kéo ngón tay trở dọc theo kệ sách và dĩ nhiên như ông tiên đoán, bụi bặm bám đầy. Một điểm cần phải sửa đổi. Không phải, ba điểm cần phải sửa đổi. Có vài cuộn băng chưa bỏ vào hộp, ông tự tay bỏ vào. Đã bao nhiêu lần ông nhắc nhở con cái rằng người ta không đáng làm chủ những thứ mà mình không biết chăm sóc?

Ông nhìn thấy một bức hình của cô Hai đeo huy chương trên bàn. Mỗi lần thấy bức hình là mỗi lần ông nhăn mặt. Cái miệng mở lớn của cô trông chẳng khác nào miệng một con cá chao đang há to để đón ruồi. Tại sao cô không bao giờ nhớ lời ông dạy? Cười chỉ nên cười mỉm thôi, không nên để lộ quá bốn cái răng, môi không nên trề về phía trái mà cũng không nên trề về phía phải quá và quan trọng nhất là hàm lúc nào cũng phải ngậm chặt lại.

Tài năng của cô Hai là do cô tự mình tập luyện, thật đấy nhỉ! Tay ông vẫn còn đau vì đòn vọt để dạy cô nên người. Trong tất cả những năm đó ông đã phải lắng nghe những bản nhạc ngoại quốc the thé mà ông không hiểu, không nhớ nổi một điệu; trong tất cả những mùa hè nóng như thiêu như đốt đó ông phải chịu đựng ngồi trong một căn nhà đóng kín cửa sổ để có thể tránh cho hàng xóm khỏi phải than phiền khi con ông chơi nhạc. Tuy giận con, ông vẫn mỉm cười. Bây giờ thì những kẻ hàng xóm lắm điều kia phải trả hai quan mỗi người để xem con ông trình diễn!

Khi ông bước vào trong bếp, bỗng có một tiếng kêu thất thanh khiến ông chạy ngược trở lại phòng khách. Một đứa bé gái vụt chạy ngang qua ông, về phía cửa. Ông giữ tay cô lại.

“Cô ở trong chỗ ở của con gái tôi làm gì?”

Cô bé bốt vùng vẫy và cao giọng hỏi, *“Ông là bố của cô chủ thật à?”*

“Tất nhiên, còn cô là ai?”

“Cháu là người hầu của cô chủ.”

Nỗi kinh hoàng của một người bố đã sinh ra một đứa con gái quá lười, không muốn nấu nướng, quét dọn, dấu bí mật đời tư với bố, với bà thân và phí tiền để mướn người ở làm ông chóng mặt. Ông lão đảo rồi buông người đánh phịch xuống ghế. Ông ngồi yên lặng như thế thật lâu. Đứa bé gái rót cho ông một ly nước. Ông xua tay.

“Ông có muốn dùng trà hay không?”

“Tôi muốn cô ra khỏi nhà ngay lập tức.”

“Nhưng cháu chưa giặt quần áo—”

“Con gái tôi nên tự làm những chuyện đó. Cô hãy dọn dẹp đồ đạc rồi đi ngay đi.”

“Cháu không làm thế được. Cô chủ còn cần cháu nấu cơm tối...”

Cơm tối! Ông sẽ lo chuyện đó. Ông rút túi ra một quyển sổ nhỏ và cây bút chì rồi bắt cô nhỏ phải cho ông địa chỉ.

Cô vào bếp, quay ra với một cái túi to màu nâu và đã ra gần đến cửa khi ông giật giọng gọi lại: *“Này, đừng đi chóng quá. Có phải tất cả những đồ trong đó là của cô cả không đấy. Mở bao ra cho tôi xem!”*

Cánh cửa sập đánh sầm.

Ông thả người dọc theo ghế dài, vắt chân chữ ngũ, nhịp ngón tay vào ngón chân cái và hát bài hát của Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân. Đứa bé gái ở thuê, quê mùa đó sẽ không quay trở lại nữa.

Ông bỗng ngồi bật dậy. Nhớ con gái ông trả thù thì sao? Con bé vô ơn đó đã làm thế một lần rồi. Nó đã cắt bỏ búi tóc dày và dài mà ông ưa thích. Nếu nó thực sự lấy một cái tên nghệ sĩ nào đó khác hẳn để trình diễn trên sân khấu thì nhục biết bao? Nếu nó thay khóa mà không chịu đưa chìa khóa mới cho ông thì sao? Nếu con gái ông làm thế thì ông chẳng thể tiếp tục chơi bài với những người cựu chiến binh khác được nữa. Tất cả những người cựu chiến binh đó đều có chìa khóa để vào nhà các con của họ. Họ có thể tùy tiện đến đi, hoặc lấy bất cứ thứ gì tùy thích. Ông chẳng thể để cho bất kỳ chuyện mất

mặt nào khác xảy ra nữa. Không thể được. Ông chẳng thể nào chịu đựng hơn thế được, nhất là ở tuổi này...

Trước khi rời chỗ con gái, ông đã giặt hết quần áo và sửa soạn cơm nước tươm tất cho con gái ông. Từ giờ trở đi, ông định sẽ làm thế mãi.

Vì chẳng còn thời giờ để tiếp tục những cuộc hành trình kiểm soát như thường lệ nữa nên ông quay thẳng về nhà. Đầu óc ông lại hồi tưởng đến quãng đời quá khứ ngày các con ông còn nhỏ. Tuy cuộc Cách Mạng Văn Hóa quả có làm ông điêu đứng, nhưng quãng đời thơ ấu của gia đình ông thật êm ấm biết bao. Mỗi tối thứ hai, ông thường bắt các con ngồi quanh bàn vẽ đi vẽ lại hình chân dung Mao chủ tịch cho đến khi chúng nó có thể tự vẽ và chẳng ai có thể nhầm lẫn các bức họa đó với một người nào khác. Những tối thứ ba, ông đã bắt chúng đứng thành hàng và học các bài thơ cho đến khi tất cả đều có thể đọc chung hoàn toàn không hề sai trệch. Những tối thứ tư, ông bắt chúng nó hát... hay là bắt chúng khiêu vũ? Vì lâu quá rồi ông cũng chẳng còn nhớ nữa, tuy thế, ông vẫn chẳng nghi ngờ gì về vấn đề kỷ luật đã tạo cho chúng những bản tính tốt và khiến chúng có thể thành công rạng rỡ như ngày nay.

Cứ mỗi khi nghĩ lại quãng đời của chính ông ngày thơ ấu, ông lại cố chớp mắt cho nước mắt khỏi rơi. Ông còn nhớ mãi cảnh ngày ông là một đứa bé quê 10 tuổi, quỳ xuống lạy lục xin bố ông cho phép ông tiếp tục đi học. Những cú đá ác độc ngày đó đã làm ông gãy cả xương ngực. Bỗng nhiên ông đưa tay xoa xoa lại những chỗ đau ở ngực. Rồi ông lại nhớ đến khuôn mặt mẹ ngày mẹ ông dúm cho ông đôi bông tai vàng và dục ông trốn khỏi nhà để gia nhập quân đội Hồng Quân lúc đó đang tiến vào Diên An. Ngày đó mẹ ông còn nhỏ tuổi hơn cả đứa con út của ông lúc này. Từ đó về sau, ông chẳng bao giờ được gặp lại mẹ ông nữa.

Tối đó, sau khi ăn cơm tối xong người cựu chiến binh ngồi lặng yên, nhìn vào bức hình chụp các con ông trước ngày ông bị buộc phải quét hành lang; những khuôn mặt của các con ông trông chẳng khác nào những khuôn mặt của các vị thần trong các đền đài đang nhìn vào phạm nhân để tuyên án. Đây là lần đầu tiên, ông tự hỏi: Trong những tối đó, khi ông bắt các con viết chính tả để tập viết chữ cho đẹp, chúng có biết rằng những câu ông đọc cho chúng viết chính là những bản kiểm thảo mà ông phải nộp vào sáng hôm sau hay không? Chúng có biết chính ông là cha đẻ ra chúng nó và là một cựu chiến binh của cuộc vận lý trường chinh lại không biết viết hay không?

Vợ ông mang cho ông một ly sữa nóng và sau khi cởi giày cho ông, bắt đầu xoa chân trái cho ông chỗ viên đạn đã làm bể vụn đi một ít xương. Ông đặt bức ảnh úp mặt xuống bàn. Những cảm giác nhục nhã ông đã dồn nén quá lâu và chưa bao giờ nói ra bỗng làm ông nghẹn lời. Hàm ông tê cứng. Ông cố mở miệng mà không nói nên lời. Ông đã chịu đựng quá lâu rồi. Đã đến lúc ông nên trả lại tự do cho tâm hồn. Đã đến lúc ông nên cho một người nào đó khác biết rõ ông không biết chữ. Người cựu chiến binh già cố mỉm một nụ cười cay đắng rồi cúi xuống nhẹ đặt tay lên lưng vợ.

CỰU CHIẾN BINH CỦA CUỘC VẬN LÝ TRƯỜNG CHINH

CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Du Học SINH HỒI HƯƠNG

THỨ NĂM, NGÀY 4 THÁNG 5, NĂM 1989... HƠN 250,000 NGƯỜI XUỐNG ĐƯỜNG BIỂU TÌNH Ở THIÊN AN MÔN, TRONG SỐ NHỮNG NGƯỜI XUỐNG ĐƯỜNG ĐÓ CÓ RẤT NHIỀU SINH VIÊN DU HỌC HỒI HƯƠNG. HỌ DIỄN HÀNH Ở THIÊN AN MÔN ĐỂ CHÀO MỪNG 70 NĂM NGÀY KỶ NIỆM PHONG TRÀO SINH VIÊN.

Giới độc giả Hoa Kỳ, dù là bạn tôi, cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện hỏi xin tôi những tác phẩm tôi viết, nhưng độc giả Trung Hoa lại khác hẳn. Họ coi những yêu cầu này chẳng khác gì lời thỉnh cầu của những kẻ mộ đạo cầu xin ân điển của các thánh thần. Chính vì vậy nên tôi bị buộc phải đáp ứng những danh dự mà tất cả những độc giả không quen của tôi ở khắp nơi trong Trung Hoa có ý dành cho tôi. Mỗi tháng tôi phải mua cả hàng chục quyển Xuân Nguyệt để tặng các độc giả Trung Hoa.

Chỉ có một lần tôi được biết thêm tin tức của những người đã nhận sách của tôi. Theo tập tục Trung Hoa thì cảm ơn một cách trịnh trọng là không biết điệu vì những câu cảm ơn ngắn ngủi, cộc lốc đó sẽ làm mất đi những mối hảo cảm giữa người nhận và người gửi. Ngay cả viết thư để tỏ lòng ngưỡng mộ cũng là không phải phép. Những câu tán dương của những người không tên không tuổi thường chỉ khiến người viết trở nên lỗ bịch và làm cả người viết lẫn người nhận cảm thấy khó chịu. Tuy tôi vẫn hiểu rõ là thế nhưng những ảnh hưởng văn hóa của Hoa Kỳ vẫn khiến tôi lắm khi phẫn nộ. Đã hơn một lần tôi mắng thắm: Quái đản không tưởng được. Vì lẽ gì họ lại chẳng thèm đoái hoài gì đến việc cảm ơn? Chẳng nhẽ họ không hiểu được lẽ tự nhiên của phép xã giao?

Nhưng rồi cũng có lần ngoại lệ. Có lần tôi nhận được một lá thư dài của một du học sinh hồi hương ở Trung Hoa đã nhận sách của tôi. Lá thư thật là dài và kể lại cuộc đời của người du học sinh hồi hương hết sức sống động: Cuộc đời của tiến sĩ S_, một học giả 87 tuổi. Câu chuyện của người du học sinh hồi hương cũng lôi cuốn chẳng khác nào tình tiết của những câu chuyện trong các tác phẩm tiểu thuyết của tôi. Lá thư kết thúc bằng một câu tiếng Anh: *“Chả thế mà sách của bà bán chạy như tôm tươi!”*

Trong toàn thể bức thư, câu nào cũng phản ánh ngòi bút trang nhã của người học giả, ngoại trừ câu kết luận. Nhưng chính câu kết luận không mấy văn hoa đó lại khiến tôi tò mò. Tôi định sẽ đến tìm gặp ông mà không hẹn trước. Tôi chẳng thể gọi điện thoại vào giờ chót vì những người dân thường chỉ được phép dùng điện thoại công cộng mà thôi. Tôi chẳng thể viết thư vì vấn đề viết còn khiến mọi việc trở thành phức tạp hơn nữa. Tiến Sĩ S_ sẽ phải giải thích rõ cho ủy ban khu vực rõ tại sao lại có người, chứ chưa nói đến người đàn bà, hoặc người ngoại quốc, hoặc vợ của một ông đại sứ và nhất là

đại sứ của một nước điển hình của sự “*phóng đảng tiểu tư sản*”, lại muốn gặp một người già như ông, nhất là một người từ trước đến nay ông chưa hề khai rằng có quen biết hoặc có liên hệ ruột thịt, máu mủ gì... Đối với những người cộng sản thì những ý kiến bất ngờ của một nhà văn đã hẳn lúc nào cũng là những điều đáng ngờ nhất.

Chiếc xe Taxi thả tôi ở một ngõ cụt. Vừa xuống xe tôi đã thấy ngay những cặp mắt cú vọ của những người trong khu phố đang nhìn tôi chòng chọc. Để chứng minh là mình chẳng có gì đáng dấu điểm, tôi đưa tên và địa chỉ của Tiến Sĩ S_ cho một người đàn bà lùn, phốp pháp có nước da vàng ửng xem để hỏi đường. Xem xong, bà ta chẳng nói, chẳng rằng, đưa ngón tay sẵn sùì toàn những cục u, chỉ về phía một tòa biệt thự đồ nát lớn trông như thể một toà bin đình quốc gia cũ.

Tôi luôn miệng cảm ơn. Bà vẫn giả lơ như người điếc. Tôi định trở lại taxi để quay về nhưng lại đổi ý. Tôi sợ mọi người xung quanh sẽ nghi ngờ hơn nếu tôi ra đi bất ngờ. Suy nghĩ xong, tôi lảng lạng băng qua sân tòa biệt thự rồi bước thẳng lên chỗ cầu thang.

Lúc trước, tòa biệt thự là nơi cư ngụ riêng của một gia đình quyền quý Âu Châu. Tòa biệt thự sang trọng đó giờ đây trở thành một khu chung cư cho cả hàng trăm gia đình. Tòa nhà trông thật cũ kỹ. Ngày trước, cứ mỗi khi xem những cuốn phim lúc đất nước Hoa Kỳ vẫn còn hoang dã, tôi vẫn thường bị ám ảnh vì những chuyến hành trình sang miền Tây của những gia đình Hoa Kỳ đi tìm cuộc sống ở những vùng đất mới. Đã nhiều lần tôi nhìn những cỗ xe ọp ẹp của họ và tự hỏi nếu gia đình tôi phải sống cảnh du mục như họ thì chẳng hiểu tôi sẽ phải xoay sở ra sao? Lúc này, khi chính mắt được chứng kiến cảnh cả ba thế hệ Trung Hoa phải chen chúc để cùng sống trong một căn buồng độc nhất, tôi lại tự hỏi phải chăng cuộc sống nơi đây còn đòi hỏi người ta phải can đảm hơn cả những cuộc sống tôi đã được mục kích trong những cuộn phim lần trước? Tuy thế, tôi vẫn thấy rõ một điều hết sức hiển nhiên: Chẳng có người Trung Hoa nào lại nghĩ đến việc tự nguyện bỏ nơi cư ngụ của mình ở thành phố để về các tỉnh lẻ tìm những nơi khác rộng rãi, lương cao hoặc nhiều cơ hội hơn.

Tôi gõ cửa. Người mở cửa là một người đàn bà trẻ mặt mày nhăn nheo như bà phù thủy, đang rán cá trên một chiếc bếp ga nhỏ. “*Có cụ S_ ở nhà không có?*”

Mắt người đàn bà như xuyên thẳng qua tôi. Bà giơ tay chỉ tay về hướng một hành lang mờ mờ, nặng mùi.

Cánh cửa cuối chỉ khép hờ. Sợ rằng chuyển đến viếng bất ngờ của tôi có thể làm một người lớn tuổi như ông giật mình, tôi chuẩn bị bằng cách đứng ngoài cửa nói tiếng Anh vọng vào. “*Thưa cụ S_ ??*” Một lúc sau mới có tiếng trả lời cũng bằng tiếng Anh: “*Mời vào.*”

Tôi đẩy cửa bước vào. Một cụ già tuy hơi gù nhưng trông rất đẹp lão. Dáng dấp cụ trông có vẻ phù hợp với bộ áo gấm và chiếc mũ cánh chuồn khảm ngọc

của một vị quan hơn là chiếc áo khoác màu xanh cụ mặc. Những sợi tóc bạc của ông thật đều, chải thẳng trông rõ từng sợi đầu vào đấy.

“Chào cụ, cháu là Bette Bao Lord.”

Mắt cụ già vẫn không lộ vẻ gì ngạc nhiên.

Tôi lặp lại tên mình bằng tiếng Anh, rồi lặp lại rõ hơn bằng tiếng Trung Hoa. Tôi nói thêm rằng tôi là vợ ông đại sứ Hoa Kỳ, ông cụ đã đọc tác phẩm của tôi và cụ cũng đã viết thư cho tôi.

Cụ già gật đầu. Qua hành động của cụ tôi cảm thấy có một sự ngần ngại và rồi hình như cụ cố trấn tĩnh để vượt qua sự ngần ngại đó.

Lập tức trong thâm tâm tôi cảm thấy ân hận. Tôi tự mắng thầm mình không biết phép xã giao.

Cụ già nhìn ra chỗ cửa hé. Tiếng xào nấu đã dừng lại từ bao giờ.

Tôi giận mình chẳng có phép tàng hình để có thể biến đi ngay trong phút đó.

Một lúc lâu sau, cụ đứng dậy chào tôi và ra hiệu cho tôi ngồi vào chiếc ghế độc nhất còn lại trong phòng. Chiếc ghế gỗ gụ đó trông giống hệt như chiếc ghế cụ đang ngồi. Xung quanh căn phòng những vật di sản của gia đình cụ nằm rải rác, những mảnh giấy báo sặc sỡ loang lổ trên căn gác âm khói, những tấm màn che bằng khăn trải giường ẩm đậm không thể che hết những chiếc bình sứ trắng như ngọc, những bức màn gió đã rách, chiếc bàn mong manh, chiếc kệ sách đổ ngược, những chiếc bình cổ quý giá cũ kỹ loáng thoáng ở khắp đó đây khiến cho bầu không khí mang vẻ cô độc. Tôi tự hỏi phải chăng mình đang ngồi vào chiếc ghế dành cho cụ bà.

Dường như hiểu thấu tâm trạng tôi, cụ nói: *“Phía dưới kia là chỗ các cháu tôi ở. Đây là chỗ dành riêng cho tôi. Ở giữa là hàng ranh giới bất khả xâm phạm.”*

Tôi bật cười. Mọi cảm giác lo lắng lúc trước bỗng nhiên biến mất. Tôi nói tiếp lý do vì sao tôi muốn gặp cụ: Tôi muốn được nói chuyện trực tiếp với một du học sinh hồi hương đã từng theo học ở cả ba đại học đường Stanford, Cornell và Harvard để tìm hiểu tâm trạng của hơn 15.000 du học sinh hồi hương ngày trước. Những sinh viên du học đó được học bổng nhờ sự tài trợ của Hoa Kỳ khi Trung Hoa bị buộc phải bồi thường chiến tranh cho 11 quốc gia khác sau biến cố Loạn Quyền Phi.

Cụ đề nghị chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Trung Hoa cho tiện.

Tiện cho ai? Dĩ nhiên là không phải cho cụ. Chắc hẳn là tiện cho mục hàng xóm trông chẳng khác nào mục phù thủy trẻ tôi đã gặp lúc nãy.

Tôi cố nghĩ ra một câu chuyện bông đùa gì đó để mở đầu câu chuyện

nhưng chẳng nhớ được gì. Sự tĩnh mịch ngoài hàng hiên như ủa vào phủ lấp căn phòng.

Bất thần cụ mở ngăn kéo và rút ra một xấp ảnh. Cũ chỉ gọn gàng của cụ lúc rút xấp ảnh trông như thể thói quen đó đối với cụ đã trở thành một động tác tự nhiên. Cụ trình trọng chuyển cho tôi từng bức để xem. Hình ảnh của cụ lúc thiếu thời là hình ảnh của một thanh niên tràn đầy hy vọng, hình chụp cụ trước tòa Bạch Ốc, hình chụp cụ cạnh tượng Nữ Thần Tự Do, hình chụp cụ ở Tháp Chuông Tự Do, hình chụp cụ cạnh đền Lincoln và Jefferson. Hình chụp các con gái, con trai cụ. Có nhiều bức chụp hình cụ bà, một thiếu phụ thật đẹp và gần như chẳng có bức nào của cụ bà chụp lúc về già. Bức cuối cùng là một bức ảnh chụp lại bức họa nội tổ của cụ. Bức họa trong ảnh là bức chân dung của một người đàn ông đang ngồi, mắt nhìn thẳng về phía trước, vẻ mặt hoàn toàn bình lặng. Dáng dấp ông gầy gò, mình mặc áo cẩm bào thêu, mũ cánh chuồn có khảm ngọc trông như một vị quan. Trong bức di ảnh đó có hai làn gạch chéo hình chữ X màu đỏ ăn sâu gần như chẳng thể nào rửa đi được nữa.

Tôi nhận ra ngay rằng dấu đỏ hình chữ X là tác phẩm của Vệ Binh Đỏ, nhưng cụ vẫn làm ngơ trước vẻ thắc mắc của tôi. Chẳng còn bức ảnh nào để chúng tôi có thể xem tiếp hoặc chuyển đề tài, chỉ có sự yên lặng vụng về kéo dài cùng với tiếng đĩa chén của người hàng xóm đang ăn cơm.

“Thưa, cụ đã dùng cơm chưa?”

Cụ cười như thể đây là một câu hỏi bông đùa và đưa tay chỉ vào bức tranh cuối cùng: *“Nội tổ của tôi đây. Cụ là Thống Đốc của tỉnh Giang Tô hồi đầu triều Thanh. Nếu Tôn Dật Tiên không đột ngột từ trần thì có lẽ chính tôi cũng đã ra làm việc với chính phủ. Ông Tôn Dật Tiên chắc chắn sẽ cử tôi làm những việc phù hợp với những kiến thức tôi đã thu thập được ở Tây Phương. Ông hoàn toàn khác hẳn với những người lãnh đạo trước và sau ông. Ông không nhìn thế giới bằng nhãn quan của một con người thiên cận, hẹp hòi hoặc bằng nhãn quan của một con người phản hận vì uất ức. Chính ông cũng đã từng đi đến rất nhiều nơi trên thế giới.”*

“Ừ, kể ra nếu tôi cứ cố ngậm miệng thì có lẽ chính phủ Tưởng Giới Thạch cũng đã tìm được một chỗ cho tôi. Nhưng sau năm 1927, khi ông Tưởng mở màn phong trào Khủng Bố Trắng(1), thì làm sao tôi có thể nhắm mắt làm lơ với lương tâm...” Giọng ông nhỏ dần như thể đang bàn luận với chính mình.

Tôi ngồi lặng chờ đợi, sợ rằng những câu hỏi của tôi vào lúc này sẽ cắt đứt luồng tư tưởng của ông.

“Thật sự thì việc ấy cũng xưa quá rồi. Sau đó thì Quốc Dân Đảng chẳng còn tin tôi. Rồi thì cả Cộng Sản cũng không tin tôi—” Cụ cắt lời, rõ ràng là tuổi tác đã làm cụ mệt nhiều vì suy nghĩ. Rồi nhìn thẳng vào tôi, cụ hỏi: “Những người đã xuất ngoại như chúng ta gần như không bao giờ được tin tưởng. Tôi nghĩ..., Không, thực ra tôi biết rõ là vậy. Có đúng không?”

Tôi gật đầu.

Cụ lắc đầu. *“Nếu không có chiến tranh Á Phiến, không có giao ước nhượng địa 99 năm, không có cuộc hỏa thiêu Hạ Cung, không có vụ Chính Sách Pháo Hạm hoặc không bị các nước ngoại quốc phong tỏa thì có lẽ Trung Hoa đã có thể vượt qua mọi khó khăn để học hỏi Tây Phương như nước Nhật. Nếu không...”*

Tôi cố ý làm như không thấy cả giọng cụ lẫn tay cụ đều đã quá run rẩy.

“Nếu Trung Hoa... Có thể một ngày nào đó người Trung Hoa có thể đối xử khoan dung với những đứa con du học khác hẳn những người cù hủi như trong thế kỷ đã qua, có thể mở đường cho những đứa con đã có dịp đi xa để mở rộng tầm kiến thức, đã tình nguyện trở về vì yêu quê hương, xứ sở nghèo nàn.”

Tôi nói rằng ngày đó chắc chẳng còn xa nữa. Trong thời gian hiện tại, tuy đảng vẫn còn nghi ngờ những sinh viên du học thì nhiều người Trung Hoa khác đã thấy rõ giá trị của các du học sinh hồi hương và bắt đầu khát khao muốn được đi du học.

Cụ cười mỉm. Nụ cười thật cay đắng. *“Đúng, nhưng lý do họ muốn đi lại hoàn toàn khác. Những hôm đẹp trời, lúc tôi đến công viên, những lũ thiếu niên mặc quần đùi, áo may ô vẫn thường bu đến hỏi tôi về Hoa Kỳ. Chúng biết tôi đã từng ở đó. Chúng còn trẻ quá. Chúng nghĩ mọi sự ở Hoa Kỳ đều là thiên đường...”* Cụ ngước mặt nhìn thẳng lên trời như thể đang cố giữ cho nước mắt đừng rơi.

Rồi vì chẳng còn gì để nói, tôi hứa sẽ gửi sách cho cụ đều đặn.

Cụ gật đầu. *“Được thế thì quý biết bao. Ôi, cô không thể nào hiểu được cuộc sống của tôi đâu. Được cấp phát ba bằng danh dự tối cao từ ba đại học đường danh tiếng mà chẳng bao giờ được giao cho trách nhiệm nào thiết thực! Ôi thất vọng biết bao! Ôi tẻ nhạt biết là chừng nào! Cô không hiểu được tôi đâu!”*

Tôi muốn hỏi cụ: Sau sáu năm ở ngoại quốc, ngoài những cái giá phải trả vừa kể cụ có còn phải trả giá gì thêm nữa? Sự trả giá đó có đáng không? Vào lúc này đảng có đối đãi khoan dung với 80,000 học sinh đang du học ở ngoại quốc không? Cuộc cách mạng cộng sản ở Trung Hoa không phải là một cuộc cách mạng của các giai cấp công nhân như cuộc cách mạng Marx đã mô tả. Cuộc cách mạng Trung Hoa đã khởi đầu từ các thôn, xã ở miền quê. Cuộc cách mạng đó đã thành công trong việc thiết lập một chánh phủ của nông dân, do nông dân và vì nông dân. Nhưng giới lãnh đạo nông dân có bao giờ rộng lượng đến mức cho phép những người trí thức dù là trí thức trong hay ngoài nước thay họ nắm quyền hay không?

Có tiếng bát chén dọn cơm khua lên ở ngoài hành lang. Trời đã xế trưa, tôi chào cụ để ra về. Cụ không phản đối, chỉ nói rằng tôi ở chơi ít quá. Cụ có ý giữ tôi ở lâu thêm. Cụ vẫn giữ trọn những phép xã giao thông thường của Trung Hoa đối với một người khách, dù là một người khách gia chủ không hề mời.

Nếu không gặp bà ngoại tôi thì có lẽ ông ngoại cũng là một học sinh du học.

Ông ngoại tôi sinh năm 1895, nhằm vào năm Mùi, và là trưởng nam của một đại gia tộc. Chính vì thế nên trong nhà họ Phương ở quận Đồng Thanh trong xã An Huy bên bờ sông Dương Tử, ông là một vị thiếu gia được cưng chiều rất mực. Theo bà cụ thân tôi kể chuyện thì gia đình tôi một gia đình có tiếng hay chữ và là nơi xuất thân của rất nhiều học giả và thi gia. Tôi chưa bao giờ tin lời bà cụ thân tôi. Bà cụ thân tôi cũng giống như tôi, lúc nào cũng thêm mắm, thêm muối vào câu chuyện cho thêm phần ly kỳ. Mãi cho đến khi có dịp trở lại Trung Hoa tôi mới biết rõ rằng bà cụ thân tôi thật ra còn chưa nói đủ về họ ngoại. Ngay cả những người hướng dẫn trẻ tuổi đi cùng tôi lúc đó, tuy không mấy học thức và đã được dạy phải khinh thường tất cả những giới học thức địa chủ mà vẫn tỏ vẻ thán phục khi tôi hỏi về nhà họ Phương. Họ cũng nói như bà cụ tôi kể rằng theo tương truyền thì gia đình họ Phương đã sáng lập ra một trường phái viết gọi là trường phái Đồng Thanh, được mọi người ngưỡng mộ và đã được dùng trong khắp Trung Hoa vào triều đại nhà Thanh.

Ngay từ ngày còn bé, ông ngoại tôi đã tỏ ra thông minh vượt bậc và được chính ông thân sinh của cụ đích thân dạy dỗ. Hai bố con cụ thường ngồi đối diện trên bộ ghế gụ để luận chuyện các thức giả thời cổ và chuyện nhân sinh. Cứ hết năm này, tháng nọ khung cảnh dạy dỗ đặc biệt đó tiếp diễn, chỉ trừ những ngày đông giá là hai bố con mới thêm nhịp chân xoay những con quay bằng gỗ để giữ cho chân khỏi lạnh.

Chính vì thế nên vào năm 1912, một năm sau khi cách mạng lật đổ nhà Thanh, ông ngoại đã trúng tuyển học bổng du học trong một cuộc dự thi toàn quốc. Khi ông ngoại đến Thiên Tân thì có một biến cố khác thường khác khiến ông bỏ hẳn chuyện du học. Lúc tàu đỗ bến Thiên Tân, ông ngoại sửa soạn vào Bắc Kinh để thăm Trùng Khánh, thủ đô của đất nước kể từ đời Nguyên. Trên đường đi ông ghé vào một chỗ bàn luận văn chương. Người chủ tọa buổi nói chuyện đó là một nữ thi gia và là một trong những người nhiệt tình với các cuộc cách mạng. Nữ thi gia này đã làm ông ngoại say đắm đến độ ông đã vượt hẳn lệ luật cổ truyền và ngỏ lời kết hôn với cô. Cô nhận lời. Họ cưới nhau ngay trong tuần lễ đó. Ông ngoại tôi lúc đó 17 tuổi, bà ngoại lớn hơn ông một tuổi.

Thế là ông ngoại tôi ở lại bỏ luôn chuyện xuất dương.

Theo lời kể của tất cả những người trong họ, kể cả những người không ưa cụ, thì bà ngoại tôi là một tiểu thư chẳng những đã xinh đẹp mà còn giỏi văn chương hơn cả ông ngoại. Thủ bút của cụ bà trông vừa cương nghị, vừa uyển chuyển chẳng khác nào nét thanh tao của những ngọn trúc. Cụ bà cũng là trưởng nữ và là một người rất mực cứng rắn. Tuy rằng cụ cũng buộc chân, nhưng cụ bất chấp tiếng tăm và đau đớn, vẫn đi bơi ngoài biển và cưỡi ngựa. Đây là những thú tiêu khiển chưa từng nghe ai nói đến là dành cho đàn bà thời đó, chứ đừng nói đến một người thiếu nữ danh gia vọng tộc như cụ.

Chuyện bà ngoại tôi tự động lập gia đình khiến cho cụ cố ông giận đến nỗi cụ lại lấy thêm một người hầu thiếp nữa để hạ nhục cụ cố bà. Khi ông bà ngoại tôi cùng nhau trở về thì cả nhà họ Phương đều kinh ngạc. Nhưng dầu sao thì tất cả cũng là chuyện đã rồi. Gia đình họ Phương bị buộc phải chấp nhận người dâu mới nhưng kể từ đó lúc nào trong họ cũng xì xào lời ra tiếng vào về người đàn bà quý quái đã cảm dỗ khiến cho ông ngoại vượt khỏi cả lễ giáo cổ truyền. Nhưng vì quá yêu thương nhau, vợ chồng ông ngoại tôi hoàn toàn gạt bỏ ngoài tai những lời đồn đãi. Tuy thế, ông ngoại tôi vẫn chẳng thể nhắm mắt gạt bỏ hết mọi luật lệ cổ truyền, nguyên là yếu tố chính của xã hội Trung Hoa.

Sau khi hạ sinh bà cụ thân tôi và dì A Di, bà ngoại tôi hết sức cầu mong một mụn con trai, nhưng trời lại chẳng chiều lòng người. Vì lý do nào đó vấn đề *“thất bại”* này khiến tôi cho rằng bà ngoại qua đời rất sớm. Có lẽ ngày còn bé tôi cũng biết là có vấn đề khúc mắc gì đó. Có thể là tôi sợ quá nên không dám hỏi và rồi tự cho rằng bà tôi đã qua đời sớm trong lúc sinh nở và đứa con cũng không sống được. Có thể là tôi đã hỏi nhưng rồi tự trả lời vì bà cụ thân tôi chẳng bao giờ đã động gì đến chuyện bà ngoại — Họạ chẳng chỉ có lúc đọc một bài thơ hoặc kể chuyện bà ngoại đi bơi, cỡi ngựa. Cuối cùng tôi kết luận một cách đơn giản rằng bà ngoại qua đời quá sớm, khi bà cụ thân tôi còn trẻ và chẳng nhớ được gì nhiều.

Khi trở về Trung Hoa lần thứ ba, tôi hỏi dì A Di có bức ảnh nào của bà ngoại không? Dì buồn bã lắc đầu, kể rằng dì đã ném tất cả những bức ảnh chót của gia đình vào một nồi súp đang sôi khi dì nghe tiếng giày của vệ binh đổ lên lầu.

Nghe dì nói tôi không cầm được nước mắt. Tôi nói với dì: *“Thế là chẳng bao giờ con được biết mặt mũi bà ngoại ra sao, dì phải tả lại cho con rõ.”*

Để dỗ dành tôi, dì tả về hai tấm ảnh của bà ngoại mà dì thích nhất. Một bức chụp ngay sau ngày bà ngoại vừa lập gia đình và tấm còn lại chụp vào lúc bà ngoại 70 tuổi.”

“Dì bảo rằng bà ngoại hãy còn sống?”

“Không, bà mất rồi con à.”

“Bà mất lúc nào?”

“Bà mất vào năm 1964, hai tuần sau khi cụ cố ngoại tức là bà cụ thân sinh ra bà ngoại mất.”

“Sao lạ vậy? Con tưởng bà ngoại mất từ lúc mẹ con còn bé.” “Sao con lại nghĩ lạ vậy?”

“Con không biết. Con chỉ tự cho là vậy.... Mẹ chẳng bao giờ nói chuyện gì về bà ngoại cả.”

“Có thể là mẹ con xấu hổ đấy.”

“Sao lại phải xấu hổ hả dì?”

“Con cứ hỏi lại mẹ con thì rõ.”

“Không, con không hỏi đâu, ai lại để sau suốt bao nhiêu năm cho đến giờ mới hỏi? Dì ơi, dì nói cho con rõ đi.”

Thế là cho đến mãi giờ phút đó, năm tôi 41 tuổi, tôi mới có dịp được nghe chuyện bà ngoại dám can đảm chống lại những cổ tục truyền đời của Trung Hoa.

Khi bà ngoại không có con trai, thì ngay cả một người *“xem nhẹ gia phong”* như ông ngoại tôi cũng chẳng thể chịu đựng nổi áp lực gia tộc. Ông tuyên bố sẽ lấy thêm một người vợ lẽ. Thế là bà ngoại chẳng nói chẳng rằng, lẳng lặng cuốn gói vĩnh viễn rời khỏi gia đình nhà họ Phương.”

Nghe thế, tôi hoan hô bà ngoại hết mình. Nếu đặt trường hợp là tôi, tôi cũng hành động như thế. Dì tôi vừa lắc đầu tỏ ý phản đối sự suy nghĩ đại dốt của tôi vừa nói: *“Đừng xét đoán vội quá con à! Con tưởng bà ngoại suốt đời không bao giờ hối hận à?”*

Nghe dì nói xong tôi giật thót người, nhưng tôi cố lấy lại bình tĩnh, nhún vai tỏ vẻ thản nhiên nói rằng: *“Con mà vậy con chẳng hối hận đâu!”*

“Đừng có đại, con là một người Mỹ, lập gia đình với một người Mỹ. Con sống trong một xã hội mà vợ thay chồng đổi chẳng khác nào ngọn gió đổi chiều. Nhưng bà ngoại thì đâu có vậy được? Cụ là một người Trung Hoa, sống trong một xã hội cổ truyền. Lập gia đình thời cụ nào có phải hoàn toàn dựa vào chuyện yêu đương? Lập gia đình thời cụ thực ra là một vấn đề của đời sống. Nếu không có gia đình, không có chồng con, không có địa vị thì một người như cụ sẽ sống ra sao? Nếu mất tất cả những thứ quý giá đó thì cuộc sống của cụ chẳng qua chỉ là một chuỗi ngày tàn vô nghĩa.”

“Nhưng mà bà ngoại ra đi là quá phải rồi. Làm sao bà ngoại có thể ngẩng mặt lên được nếu ở lại khi ông ngoại lấy vợ lẽ?”

“Con hỏi sai rồi con à! Đáng nhẽ con phải hỏi làm sao bà ngoại có thể ngẩng mặt lên được nếu bà ngoại ra đi mới đúng.”

Lần này thì câu nói của dì khiến tôi suy nghĩ. Tôi tự hỏi sau đó bà ngoại có bao giờ vui trở lại được nữa hay không? Về lúc sau này, thời gian có khiến cho bà ngoại chịu đựng được những cổ tục mà những người đàn bà Trung Hoa khác đã chịu qua suốt mấy ngàn năm rồi chẳng? Khi bà ngoại bước qua các luật lệ cổ truyền để lập gia đình với ông ngoại, phải chăng định mệnh đã an bài cuộc sống của cụ phải đắng cay là thế? Hoặc giả đấy chỉ là một câu hỏi hoàn toàn không dính dấp gì với vấn đề lập gia đình và vấn đề lập gia đình phải chăng từ trước đến nay bất kể là trong xã hội nào vẫn chỉ là một vấn đề của định mệnh?

“Dì à, sau này bà ngoại có bao giờ vui lại như trước nữa không?”

Dì tôi thở dài: *“Ồ... Cụ vui trong các cơn say á phiện...”*

Tôi chợt nhớ trước thời cách mạng cộng sản thành công đã có những người đàn bà thời mới đã biết đọc, biết viết, tuy chưa biết rõ về Lenin, về Engle, chưa hiểu rõ chủ nghĩa Mao, chủ nghĩa Marx vẫn thường đi guốc cao gót đến các đồn cộng sản ở Diên An để cổ vũ phong trào giải phóng phụ nữ khỏi các cổ tục lập gia thất. Tuy thế lỗ hổng giữa lý thuyết và thực hành vẫn còn quá thâm với của họ. Rất nhiều các nhà lãnh đạo cộng sản, kể cả Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và cả Đặng Tiểu Bình đều đã lập gia đình đến hai ba lần; nếu có gì khác biệt thì điều khác biệt đó chính là họ không còn cấp dưỡng đầy đủ cho vợ con họ sau ngày ly dị. Còn những người đàn bà ở Diên An thì vẫn chung thủy tận cùng với chồng chẳng khác gì lúc trước.

Giờ đây những bài thơ bà ngoại tặng cho ông ngoại ngày hai người còn chung sống &mdash Những bài thơ mà ông ngoại đã giữ suốt đời cho đến đêm vệ binh đỏ đem đốt lại tặng thêm ý nghĩa. Buồn thay những sự hy sinh nhân danh cuộc cách mạng. Buồn thay những sự hy sinh trước bàn thờ của các hủ tục cổ truyền.

Ông thân tôi cũng là một sinh viên du học. Ông sinh vào năm 1911 nhằm năm Hợi ở tỉnh Thiên Tân, khoảng một tháng sau khi triều đại cuối của nhà Thanh sụp đổ. Lúc đó hoàn cảnh thương mại thật khốn khó bội phần cho ông nội.

Năm 11 tuổi ông nội đã bắt đầu làm thuê ở một khách sạn. Từ năm 15 tuổi, khi bắt đầu có được ít tiền, ông đã dành dụm hết mình cho đến khi có đủ vốn để lập một cửa hiệu kim hoàn nhỏ. Ông nội không phải là người có mộng lớn. Ông chẳng bao giờ thắc mắc rằng cuộc sống của mình có đầy đủ hay không. Ông chỉ biết rằng ông cần phải dành dụm. Khi ông nội lập gia đình, ông cũng bắt vợ phải cần kiệm như mình.

Ông thân tôi là con thứ ba trong nhà. Vì sinh thiếu tháng, nên khi còn bé ông thân tôi rất yếu đuối. Ngày ông thân tôi chào đời, ông nội vừa nhìn đã bảo ngay rằng có lẽ nên kiếm nhà nào khá giả đem cho đứa bé đi cho xong, chứ yếu đuối thế sợ lo không xuể. Tuy bà nội là một người chiều chồng rất mực nhưng khi nghe xong bà một mực khẳng khẳng đòi giữ lấy con. Bà nội cương quyết đến độ ông nội phải sưng sốt rồi cuối cùng thuận theo ý bà. Tuy ông nội đã đồng ý mà bà nội vẫn chưa tin hẳn. Bà làm lấy một chiếc vòng con rồi cứ thế đeo luôn ông thân tôi ngang ngực suốt cả ngày.

Có lẽ cũng chính vì bà nội tôi quá chú ý đến đứa con yếu đuối nên ông nội đâm ra ghét cả ông thân tôi. Kể từ ngày còn bé ông thân tôi đã sợ ông nội gấp cả chục lần hơn những đứa bé khác cùng lứa tuổi sợ bố. Nói cho cùng thì trong đời sống Trung Hoa từ trước đến nay, hình ảnh của người cha lúc nào cũng là một hình ảnh nghiêm khắc và kỷ luật. Nếu người mẹ là hình ảnh của tình thương thì người cha lúc nào cũng là hình ảnh của quyền uy. Một người

cha gương mẫu là một người cha nghiêm khắc, roi vọt chỉ bảo con cái đến nơi đến chốn. Ngược lại, nuông chiều con cái là làm gương xấu và quên hết trách nhiệm làm bố. Gia đình ông thân tôi cũng không thoát khỏi thông lệ đó. Bởi vậy ông thân tôi chẳng bao giờ dám quấy rầy ông nội. Hễ cứ thoáng thấy bóng ông nội trước cửa là ông thân tôi lại lẩn ngay ra đằng sau.

Vậy mà ông thân tôi vẫn nói rằng ông chưa phải là một người con gương mẫu. Trong gia đình Trung Hoa, một người con gương mẫu là một người con lúc nào cũng chăm chỉ, vâng lời cha mẹ và luôn luôn im lặng. Ông thân tôi thì lại khác hẳn. Ông thường kể lại những chuyện đụng độ với ông nội một cách thích thú. Một trong những câu chuyện đụng độ giữa ông nội và ông thân mà tôi còn nhớ là câu chuyện làm thay đổi cuộc đời ông thân và do đó đã làm thay đổi luôn cả cuộc đời của chính tôi. Câu chuyện đó chẳng qua chỉ là câu chuyện của một ổ khoá năm hào.

Ngày còn bé, ông thân tôi phải đi học khá xa nhà. Mỗi lần mùa đông giá là mỗi lần ông phải khổ sở đi bộ đến trường, nhất là khi còn phải mang theo rất nhiều sách vở. Những học trò khác thường không phải mang nặng như ông thân tôi. Thông thường họ chỉ mang theo những sách vở nào cần thiết để làm bài tập ở nhà. Những sách vở khác họ bỏ vào những tủ khóa mà nhà trường dành riêng cho học sinh. Riêng ông thân tôi thì vì không có khóa nên lần nào cũng phải mang tất cả sách vở đi về. Một hôm ông thân tôi cố thu hết can đảm để xin tiền mua khóa. Ông nội gạt phắt đi bảo rằng: *“Nếu bố có thể đi bộ để dành tiền để trả tiền học cho con thì con phải biết cố gắng mang sách vở để bố đỡ tiền mua khóa chứ.”*

Một hôm nhằm một ngày mùa đông thời tiết cực kỳ lạnh lẽo, ông thân tôi đánh liều bỏ lại tất cả những sách vở không cần thiết trong một học tủ không khóa ở trường. Hôm sau, khi ông quay lại thì đồng sách đã không cánh mà bay. Vì không dám trình bày sự thật với ông nội, ông thân tôi chỉ còn biết cố gắng học không cần sách.

Thực ra, ông thân tôi cũng chẳng phải là một học sinh chuyên cần đều đặn. Ông rất ghét việc ông nội bắt ông cứ hết giờ này sang giờ khác mài mực và tập viết chữ cho đẹp. Ông thường bỏ bê những môn học ông không thích. Ông thích bông đùa và làm trò cho mọi người cười. Ông rất mê chơi. Vì tính ham chơi cộng thêm vấn đề mất sách, khi trường gửi học bạ cuối tháng của ông thân tôi về thì kết quả thật là be bét.

Có lẽ chẳng còn việc nào khiến ông nội có thể phẫn nộ hơn khi ông nhìn thấy kết quả học tập của ông thân tôi. (Tuy là cháu, tôi cũng có thể thông cảm được nỗi khổ tâm của ông nội. Trong một thời đại khó khăn như thế mà ông nội đã cố dành dụm đủ tiền chẳng những chỉ để cho ba đứa con trai ông mà cho cả hai đứa con gái học xong đại học.) Cho tới ngày nay, mấy người trong gia đình ông thân tôi vẫn còn nhớ trận đòn ông nội đánh ông thân tôi ngày đó. Trận đòn dữ dội nhất, nếu bà nội không dọa bỏ nhà ra đi thì có lẽ ông nội đã đánh bố tôi đến thành thương tật.

Sau trận đòn lần đó, khi ông thân tôi đã đi lại được, ông bắt đầu trách oán

ông nội về vấn đề mất vở vì không có ổ khóa.

Quả tình bà nội cũng có thể tìm cách lén lút cho ông thân tôi tiền mua ổ khóa nhưng vì ông nội kiểm soát tiền bạc quá kỹ nên dù bà nội có dành dụm cách mấy đi chăng nữa cũng chẳng thể có đủ tiền mua khóa cho con. Mấy chục năm sau, khi ông thân tôi đã thành đạt, ông thường gửi tiền về phụng dưỡng ông bà nội. Mỗi lần nhận được tiền ông thân tôi gửi, Cô Má lại chia đôi số tiền đó cho ông bà nội, nếu còn hào nào lẻ cô lại cất đi, chờ cho tới khi lần gửi tiền tới khi số tiền hào trở thành số chẵn đủ để chia hai.

Ông thân tôi gửi tiền về được ít lâu thì bà nội bắt đầu hiểu được cách ông nội đánh lừa bà suốt bao năm trời chung sống. Vì biết rằng bà nội không biết xem lịch, ông nội cứ cố tình mỗi tháng đưa tiền chậm đi vài ngày. Và như thế là cuối năm, thay vì được đưa tiền 12 tháng, bà chỉ được đưa có 11 tháng mà thôi.

Thế là tất cả những nỗi cay đắng, thất vọng bà đã chịu đựng tất cả cuộc đời kể từ ngày theo chồng bỗng nhiên bùng nổ. Trong suốt năm mươi năm chung sống, chỉ trừ hai lần phản đối, lần nào bà cũng chiều theo ý chồng. Một lần vì quá giận, bà đã cố trút bớt cơn giận bằng cách lén cắt đôi con búp bê đội nón giống hình ông nội rồi đem quăng vào xó. Giờ đây bà nội tìm cách trả thù. Bà nội trả thù ông nội chẳng khác gì cách trả thù của một đứa bé. Bà quyết không nói với ông một lời nào nữa. Tuy rằng bà vẫn hầu hạ ông chẳng khác gì trước đây bà nhất định không nói chuyện với ông nội. Bà nội đã giữ trọn lời thề cho tới ngày ông nội qua đời. Trong cuộc đụng độ giữa ông bà nội có lẽ chẳng ai dám oán trách bà nội. Nhưng riêng tôi lại thấy thương hại Cô Má nhất. Vì ngoài những bốn phạm khác ra, trận đụng độ giữa ông bà nội lại khiến Cô Má phải đứng giữa làm sứ giả cầu hòa cho ông bà nội.”

Sau vụ mất sách, mất khóa và ăn đòn chí tử, ông thân tôi quyết định bỏ học luôn. Thay vì mỗi sáng cắp sách đến trường, ông thân tôi lang thang ở công viên gần tòa lãnh sự Hoa Kỳ, nơi các đội Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đóng binh, để làm quen với các binh lính ở đó. Chẳng bao lâu sau những người lính trẻ Hoa Kỳ thấy ngay rằng họ có thể nhờ ông thân tôi dẫn đi đó, đi đây và làm bớt tẻ nhạt không khí của đời lính. Thế là đôi bên cùng gặp nhau để tìm vui. Nhờ thế, ông thân tôi lại học thêm được tiếng Anh và chẳng bao lâu sau nói tiếng Anh hoàn toàn không có giọng ngoại quốc tuy ngữ vựng của ông chỉ giới hạn và mỗi khi nói ông vẫn thích dùng những chữ ngắn.

Dĩ nhiên, ông nội rồi cũng biết rõ sự thể. Sau khi dẫn cho ông thân tôi một trận đòn, ông nội tôi cho rằng phải đổi tên cho ông thân tôi thì mới mong cải số mệnh đi được. Thế là ông thân tôi nguyên tên là Minh bị đổi thành Tân để cho hợp với cuộc sống mới mà ông nội đã dự định. Sau đó, ông nội quyết định gửi ông thân tôi lúc đó 12 tuổi vào học ở một trường Tin Lành ở phía nam của bến tàu tỉnh Ninh Ba, xa Thiên Tân khoảng 400 cây số. Ninh Ba là nguyên quán của nhà họ Bao. Ở Ninh Ba, ông nội tôi nhúng người ông thân tôi ba lần xuống nước bùn lạnh cóng để chứng minh với Đất Trời rằng từ nay ông thân tôi sẽ là một con người mới. Thế là ông thân tôi ở Ninh Ba suốt năm năm cho tới ngày vào đại học.

Ông thân tôi hoàn toàn hợp với Ninh Ba. Ông học hành rất mực tấn tới. Khi tốt nghiệp kỹ sư điện ở Đại Học Giao Thông, một đại học kỹ thuật danh tiếng của Trung Hoa, ông thân tôi có đủ thứ bằng ban khen. Ông là đội trưởng đội bóng rổ và đội lặn của trường. Ông đã thắng giải hùng biện hạng nhất Trung Hoa và chính vì thế mà ông được ưu đãi có thể nói chuyện thẳng với Tưởng Giới Thạch bất kỳ lúc nào về các vấn đề quốc gia. Ông cũng đã thắng giải hùng biện Anh Ngữ trong một cuộc thi mà trong đó hai người tranh giải đứng ở hai đầu sân bóng đá, và nói vọng sang đầu bên kia để tranh luận cùng đối thủ của mình. Ông được tuyển sang tiếp tục học tại Đại Học Đường Luân Đôn.

Tất cả mọi người trong gia đình ông thân tôi đều hãnh diện, ngay cả ông nội cũng hãnh diện đến độ dù có cố làm lơ đến mấy, lần này cũng phải ráng tìm cách tặng quà cho con trai mình. Vấn đề là làm thế nào để cho quà mà không phải tốn mất đồng nào cả. Ngày ông nội tặng quà cho ông thân tôi, tất cả mọi người trong họ đều cố dụi mắt để trông cho rõ. Họ không ngờ ông nội lại có thể cho ông thân tôi một chiếc đồng hồ Thụy Sĩ? Trong tất cả những người họ hàng hiện diện hôm đó, chỉ có ông nội và sau này thêm ông thân tôi nữa là hai người biết rõ được uẩn khúc của câu chuyện: Ông nội đã cho ông thân tôi cái đồng hồ hồng trong tiệm đồng hồ của ông nội.

Chính vì đã đắm chìm trong một nền văn hóa đặt nặng nguyên tắc dạy dỗ bằng cách gằn như tuyệt đối chiều chuộng con trẻ của Hoa Kỳ nên tôi thấy cách đối xử và thương yêu của ông thân tôi đối với ông nội quả là một phép lạ nhiệm mầu. Trong suốt thời gian tôi gần gũi ông thân chỉ có một lần tôi thấy ông khóc thầm. Lần đó ông được tin ông nội qua đời. Tuy thế, tôi thật lòng cảm tạ trời phật khi thấy ông thân tôi bỏ hẳn truyền thống giáo dục cổ truyền của gia đình họ Bao. Có thể cách đối xử của ông nội đối với ông thân tôi đã khiến ông thân tôi thay đổi quan niệm đối với con cái. Có thể là ông thân tôi vốn tính chiều con hoặc giả có thể vì ông thân tôi bị ảnh hưởng của nền giáo dục Âu Mỹ, tôi không hiểu rõ yếu tố nào là yếu tố chính khiến ông thân tôi không chọn cách đối xử với con cái như ông nội, nhưng kể từ ngày tôi biết suy nghĩ cho đến giờ, tôi chỉ bị đòn có một lần ở Trùng Khánh. Năm đó tôi năm tuổi và Trung Hoa đang giữa lúc chiến tranh. Ông thân đã đánh đòn tôi chỉ vì tôi quá mê chơi và không chịu vào hố trú ẩn ngay lúc nghe tiếng keng báo động có máy bay Nhật bỏ bom. Còn thì trong suốt cuộc đời, lúc nào ông thân cũng chiều chuộng tôi hết mực.

Trước khi lên đường du học ông thân tôi gặp bà thân tôi. Và theo mọi người lúc đó thì bà thân tôi là một trong những người đẹp nhất của gia đình họ Phương. (Khổ thay — Tôi lại giống bố!) Sau khi giả vờ thúc dục ông thân tôi lập gia đình với những người con gái khác lúc đó đang để ý đến ông thân tôi, mẹ tôi đồng ý đợi ngày ông thân tôi trở về. Và khác hẳn với ông ngoại, ông thân tôi không hề bỏ lỡ chuyến tàu xuất dương. Ông ở ngoại quốc suốt ba năm mới đầu ở Luân Đôn để tiếp tục theo học cao học và sau đó ông làm việc ở Đức với hãng Siemens.

Năm 1937, sau khi trở về ông trở thành một thành viên của Ủy Ban Tài

Nguyên Quốc Gia Trung Hoa. Ông bắt đầu ngỏ lời thẳng với ông ngoại xin lập gia đình với mẹ tôi. Đã hẳn đây không phải là một chuyện cưới hỏi dễ dàng. Gia đình họ Phương là một giòng họ danh gia thế phiệt của tỉnh An Huy và chưa bao giờ nghe gì về gia đình họ Bao ở tỉnh Ninh Ba cả. Và ngay cả khi họ đã biết rõ về gia đình họ Bao, họ cũng chẳng lấy gì làm hài lòng. Tất cả những người mai mối đều cho rằng hai bên không môn đăng hộ đối. Nhưng nếu ông ngoại là người hiểu rõ số mệnh như lời đồn thì có lẽ ông đã biết rằng ông tơ bà nguyệt đã buộc chỉ hồng cho ông bà thân tôi. Chính tôi là nhân chứng của cuộc hôn nhân đẹp đẽ đó. Có lẽ chỉ có một vài gia đình thực sự có được một mái ấm hoàn toàn hạnh phúc như gia đình ông bà thân tôi.

Đám cưới ông bà thân tôi cử hành ở toà cao ốc cao nhất Thượng Hải vào ngày đầu tiên năm 1938 và tiếng nhạc sống được đệm thêm bằng tiếng dội bom của Nhật vào ngay góc phố nơi đa số người Trung Hoa cư ngụ. Chẳng bao lâu sau, ông bà thân tôi lại phải chia tay. Ông thân tôi được tạm phong hàm cấp tá trong quân đội Trung Hoa quốc dân để có thể xử dụng quyền lực trong lúc làm việc và rồi bị thuyền chuyển về đóng ở núi Hồ Nam. Ông được giao trách nhiệm thiết lập nhà máy điện, một mục tiêu oanh kích hàng đầu của Nhật còn nguy hiểm hơn cả Thượng Hải, nơi ông yêu cầu mẹ tôi ở lại.

Khi tôi chào đời, ông thân tôi không hề ở cạnh mẹ tôi mà bị kẹt lại trong núi dưới hàng lớp mưa bom liên tục của Nhật. Có lần khi chờ tiếp tế, ông thân tôi đã phải ăn chuột nướng. Một lần khác khi phải cấp cứu những người khác ông đã phải đuổi thẳng những xác chết đã bị thiêu co quắp không còn hình dạng để xe vận tải có thể có đủ chỗ mà chất. Khi đi qua những mỏm núi cheo leo, hiểm trở, ông vẫn cố hát để giữ vững tinh thần.

Mỗi lần trốn về Thượng Hải, ông thân tôi lại phải giả dạng thành dân phu thuê lao động. Tuy chưa có chuyện gì đáng ngại nhưng sự nguy hiểm lúc nào cũng chập chông và hiến binh Nhật khét tiếng tàn ác lúc đó đang ở khắp mọi nơi ngoài đường phố. Mẹ tôi quyết định không để tình trạng chia cắt vợ chồng lâu thêm.

Kỷ ức xa vời nhất của tôi là về những trận oanh tạc. Mẹ tôi đang bế tôi đi dạo. Hôm đó trời nắng và mẹ tôi đang mang dù. Có lẽ là mùa xuân hay mùa hạ. Bỗng nhiên có tiếng còi rúc lên từng hồi và rồi mọi người thi nhau chạy ủa vào các chỗ ẩn náu. Mẹ tôi đứng chết trân vì quá kinh hãi. Mọi người vẫn chạy vút qua và vì quá sợ, quên không để ý gì đến chúng tôi. Mẹ tôi cứ đứng nguyên ngay giữa đường, không nhích chân lên được. Cuối cùng bà dúi tôi vào tay một người lạ, nhờ mang tôi theo trốn cùng. Tất cả mọi người đều tìm nơi ẩn trốn, trừ mẹ tôi. Bà cứ đứng nguyên như thế giữa lúc máy bay oanh tạc cho đến khi cuộc oanh tạc chấm dứt bà mới nhấc chân lên được và đến chỗ trú ẩn để tìm lại tôi.

Sau biến cố này, ông thân tôi đồng ý tìm cách thu xếp để mang gia đình tôi cùng về Hồ Nam. Mẹ tôi cũng chẳng thèm đoái hoài gì đến tất cả những thứ còn bỏ lại, nhưng khẳng khẳng nài nỉ rằng ông thân tôi phải tìm cách mang theo cho được một cái bô đi cầu lưu động. Ông thân tôi tuy biết rằng chẳng thể nào không chiều ý vợ cho được, nhưng lại chẳng biết tìm đâu để có được

thứ cầu tiêu lưu động kỳ quặc như vậy? Thế là ông thân tôi lại phải hì hục gọt đẽo để chế ra một chiếc xô lưu động cho vợ. Trong đường làng Hồ Nam ngày hôm đó có lẽ chẳng mấy ai không thể không để ý đến khung cảnh kỳ quặc của một thiếu phụ trẻ đẹp mặc áo lụa đi cạnh một chàng mặc quần đùi suốt từ làng này sang làng khác vác theo một cái ngai to chẳng khác nào một cái lu.

Sau khi máy bay Nhật đã dội bom ngay đúng vào nhà máy điện Hồ Nam, gia đình tôi bắt đầu rút vào trong núi sâu hơn. Một trong những địa điểm này là Quế Lâm, nơi sanh em tôi. Gia đình tôi sống ngay trên một tòa khách sạn nhỏ. Ở đây tôi được gặp người Hoa Kỳ lần đầu tiên. Những người tôi gặp là những phi công chuyển đồ tiếp vận đến cho quân đội của Tưởng Giới Thạch khi quân Nhật đã chen hết các nẻo đường bộ. Họ lập trại ngay trên mặt sàn, ngủ ngay ở những đồng rơm rải rác xung quanh trong chỗ tiếp khách. Lúc đó tôi bốn tuổi. Sở dĩ tôi còn sống được cho đến ngày năm tuổi cũng là nhờ trời đất dun dủi cho con người biết đặt lý trí lên trên phản ứng của bản năng. Đây là tôi đang nói về những phi công Hoa Kỳ chứ không phải nói về tôi. Sau những phi vụ tiếp tế, vì quá mệt mỏi, các phi công Hoa Kỳ thường nằm vật ra ngủ rải rác ở khắp mọi nơi. Cứ mỗi lần họ vừa say giấc tôi lại chạy sộc sộc từ trên nhà xuống tay cầm cái chuông đã mượn được ở quầy tính tiền đi hết từ người nọ đến người kia mà lắc. May thay, tất cả những người phi công đều nằm yên, chẳng thèm đếm xỉa gì đến tôi. Chẳng ai thèm nhếch mép, hò hét, quát tháo hoặc có phản ứng gì khó chịu cả. Có lẽ tôi bắt đầu thích người Hoa Kỳ kể từ ngày đó.

Khi học lớp 5 ở trường tiểu học Brooklyn ở Нью Уорк, mỗi ngày hai buổi tôi phải theo học một khóa Anh Ngữ cấp tốc; may thay bốn tháng sau, nhờ là còn trẻ, chứ không phải nhờ thông minh, tôi đã bập bẹ được vài chữ của một ngôn ngữ kỳ lạ mà trước đây tôi nghe thật chẳng khác nào âm thanh của một người đang xúc miệng. Tôi chưa thuộc được đủ 50 chữ thổ âm của vùng Brooklyn thì cô giáo đã hỏi tôi suy nghĩ ra sao về những vấn đề to lớn đến độ mới vừa nghe xong câu hỏi tôi đã sồn tóc gáy. Lúc đó, chẳng những đã khốn khổ vì phải nghe những mẫu câu chưa quen, tôi lại còn kinh ngạc hơn khi một người lớn, mà nào có phải một người lớn thường? Một người lớn đáng kính trọng như bà cô Rappaport của tôi lại có thể hỏi tôi ý kiến về những điều chưa ai nghĩ đến nên hỏi một đứa trẻ tám tuổi mới vừa sang Hoa Kỳ như tôi lúc bấy giờ.

Tôi thật hết sức muốn ngợi khen lòng tin của cô giáo tôi vào tôi, nhưng kỳ thực thì trong tất cả những ý kiến tôi đưa ra lúc đó chẳng có ý kiến nào đáng hấp dẫn bằng những loại bánh dâu, bánh ngọt trong trường mà tôi vẫn thường vứt bỏ không ăn. Chỉ ít lâu sau tôi nhận ngay ra rằng những câu hỏi đặt ra cho chúng tôi nào phải là để tìm trị giá của những ý kiến do chúng tôi đưa ra? Điểm quan trọng chính là khuyến khích chúng tôi đưa ra ý kiến của mình. Và cho đến ngày nay tôi mới thấy rõ được trị giá khác thường của vấn đề được quyền đưa ra ý kiến. Đây là một trong những điều đáng quý nhất của đời sống tự do mà người Hoa Kỳ vẫn thường tự hào. Tôi cho rằng dù những ý kiến của đám đông có vô thưởng vô phạt đến mấy đi chăng nữa, những ý kiến đó cũng vẫn đáng quý hơn những tiếng chuông vàng của một đại đế nào đó cho dù là của một vị đại đế vĩ đại nhất đi chăng nữa.

Đối với giới lãnh đạo Trung Hoa kể từ Hoàng Đế cho tới những Bí Thư của đảng, cũng chỉ hoan nghênh ý kiến của những người phát biểu nếu những ý kiến đó trùng đúng ý họ. Và kể từ ngày Trung Hoa bị thảm bại trong chiến tranh Nha Phiến thì giới lãnh đạo lúc nào cũng muốn học hỏi để hấp thụ được những kiến thức quý báu của thế giới Âu Tây. Họ vừa ao ước làm chủ được mọi vật như những người Âu Tây lại vừa sợ những ý tưởng Tây Âu. Có lẽ vấn đề khiến họ sợ nhất là để cho dân chúng có quyền tự do phát biểu ý kiến. Nỗi ám ảnh của họ đã trở thành phản xạ. Chính vì thế nên triều đình vào cuối đời Thanh thường trừng phạt những kẻ chống đối bằng cách buộc những người này cắt tóc ngắn, mặc quần áo cụt. Nhưng cuối cùng mâu thuẫn thay, chính những sinh viên họ gửi đi du học ở nước ngoài lại tự cắt ngắn tóc và mặc quần áo ngắn chẳng khác nào những phạm nhân họ đã trừng phạt.

Những người cộng sản cũng vẫn tiếp tục bị vấn đề này ám ảnh. Tháng giêng 1987, các nhân viên của đài phát thanh không còn mặc âu phục như thường lệ nữa. Họ mặc những bộ áo chèn kiểu Mao chủ tịch để lên án phong trào chống đối của sinh viên và tuyên bố khai trừ Hồ Diệu Bang khỏi ghế lãnh tụ. Nhiều người theo dõi tin tức đã nghe tin đồn dãi về vấn đề Hồ Diệu Bang sẽ bị khai trừ nên khi tin tức được chánh thức công khai loan báo, họ không mấy ngạc nhiên. Điều khiến họ ngạc nhiên là vấn đề thay đổi y phục của những người phát tin.

Vì vậy, tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy hai người bạn cũ bỗng lại ghé thăm tôi vào lúc này. Đây là lúc cơn lốc chính trị Trung Hoa đang còn xoay chiều chuyển hướng. Sự tiếp xúc với những phần tử Âu Tây hoặc với những ý kiến Âu Tây sẽ khiến người tiếp xúc có thể gặp rất nhiều khó khăn. Lại lòng hơn nữa hai người này lại là hai người từ trước đến nay vẫn nổi tiếng thận trọng. Cả hai vừa mới từ Hoa Kỳ trở về. Họ đến để cảm ơn tôi đã cố gắng giúp đỡ để có dịp thăm Hoa Kỳ. Chuyến đi đó đã khiến họ có dịp xem rõ những gì họ vẫn thường nghĩ là người ngoại quốc không có quyền mục kích trong bất kỳ quốc gia nào. Họ đến để kể cho tôi nghe về chuyến đi của họ. Ngay ở trạm xe lửa, tôi thấy có một gã vô gia cư tay cầm một chiếc ly nhựa còn dính cà phê, đang say mê hát. Khi đến gần tôi mới thấy người hằn toát ra vẻ nghệ sĩ thì ít mà mùi hôi thì nhiều. Tôi còn ngạc nhiên hơn khi thấy khách bộ hành có vẻ chú ý đến giọng hát buồn bã của hắn. Vài người còn thọc tay vào túi kiểm tiền để cho. Khi đám đông đã đi khỏi sau màn trình diễn, tôi xin phép hỏi gã nghệ sĩ vài câu. Hắn đồng ý ngay, không chút lưỡng lự.

“Ông làm nghề này từ trước đến nay à?”

“Đâu có! Tôi thường quấy bột làm bánh và làm lương \$12 một giờ.”

“Vì sao ông không tiếp tục?”

“Tôi tự nghĩ. Tôi ghét bị đời sống gò bó. Bây giờ chẳng còn ai ra lệnh cho tôi gì nữa cả. Lúc nào thích hát, tôi hát.”

“Nhưng làm nghề ăn mày thế nhọc chết?”

“Có thể ông thấy vậy nhưng tôi thấy khác. Tôi cũng là nghệ sĩ nào có khác gì các đại nghệ sĩ khác như Michael Jackson, nhưng tôi không lấy tiền người nghe thôi. Ai thích thì trả tiền, nếu không cứ tiếp tục lên đường.”

Vài ngày sau tôi lại thấy gã nghệ sĩ ăn mày đó. Lần này tôi thấy gã đọc báo chăm chú chẳng khác nào ông ta là chủ bút của tờ báo vậy. Tôi thắc mắc chẳng hiểu vì sao gã lại chăm chú đến thế và hỏi gã chắc phải có một công việc nào đó mà gã để ý.

“Đã bảo không mà, tôi chỉ thích tự do thôi.”

“Vậy ông làm gì...?”

“Tôi chạy bộ.”

“Ông có phải người gốc Trung Đông không?”

“Không”

“Thế thì tại sao?”

“Tôi phải xem coi thằng cha Reagan múa may ra sao?”

“Tổng Thống Reagan? Ông ta có dính líu gì với ông?”

“Mẹ kiếp, ông ta đang tiêu tiền của tôi chứ còn của ai nữa. Phải không?”

Ở một trại cai nghiện tôi thấy có giòng chữ này bên trong cánh cửa.

*Bạn có quyền mua 1\$ thuốc lá
 Bạn có quyền bỏ ra 5\$ hít thuốc phiện
 Bạn có quyền bỏ ra 10\$ chích á phiện
 Bạn có quyền bỏ bê gia đình
 Bạn có quyền hủy bỏ sức khỏe
 Bạn có toàn quyền chôn vùi tuổi trẻ
 Tất cả đều là quyền tự do của bạn*

Đối với tôi bảng hiệu đó nói rõ tất cả những sự khác biệt của hai xã hội Trung Hoa và Hoa Kỳ.

Trong một quán ăn, tôi ngồi cùng bàn với một người đàn bà sùng đạo. Bà kể cho tôi nghe con gái bà bị hiệp rồi hạ sinh một đứa bé. Kể từ ngày sinh đứa bé đó đã triển miên bệnh tật và lúc nào cũng cần thuốc thang. Tiền thuốc thang bà nợ lên đến 35,000\$, nhưng gia đình bà vẫn cho rằng *“đứa bé hoàn toàn vô tội,”*

Lúc mới nghe bà ta kể chuyện xong tôi không thể tưởng tượng được làm sao người ta lại có thể nợ một món nợ lớn đến như thế. Nhưng điều còn vượt mức tưởng tượng của tôi là việc bà ta vẫn vui vẻ, yêu đời và còn nhất định đòi trả tiền cơm cho tôi nữa.

Sau đó, khi bà ta mời tôi đến nhà chơi, tôi hỏi vì sao bà không khóa cửa.

“Mọi sự đều do ý Thượng Đế. Nếu có thằng ăn trộm nào đó đến đây, tôi biết là ý định bề trên đã có lý do riêng và quyết định thế rồi.”

“Thế bà không sợ à?”

“Có chứ, tôi cũng chỉ là người thường như bao nhiêu người khác thôi. Năm ngoái, đã có một đứa bé bỏ nhà cứ quanh quẩn ở đây. Tôi mời nó uống trà và rồi rủ nó ở lại đây chung sống với chúng tôi. Chúng tôi nói hết chuyện này sang chuyện nọ. Cuối tuần đó nó quyết định quay lại với gia đình. Nó đã nghe lời tôi khuyên.”

Tôi xin phép được gặp cảnh sát ở nhiều khu vực khác biệt.

Ở một tỉnh nhỏ, một người bán hàng đã yêu cầu cảnh sát bắt một đám thanh niên. Ông ta bảo rằng chính đám thanh niên đó đã làm vỡ xập bầy hàng của ông.

“Ông có thấy rõ chúng nó đập hay không?”

“Tôi không cần thấy, tôi biết rõ là chính chúng nó rồi.”

“Nếu ông không thấy thì tôi chẳng thể bắt người ta được.”

“Nếu ông nhất định không làm gì chúng nó thì tôi phải đập cho chúng nó một trận mới được.”

“Nếu vậy tôi phải bắt ông.”

Ở Nữ Ước, có một viên cảnh sát ngấm mặc quần Jean và áo khoác. Đã nhiều lần các cô gái ăn mặc hở hang chẳng khác nào gái điếm rủ viên cảnh sát trẻ về nhà chơi.

Tôi hỏi sao ông ta không bắt hết những người đó.

“Tôi không có quyền bắt người ta chỉ vì người ta ăn mặc khác thường và mời người lạ về nhà. Tôi cũng chẳng thể bắt người ta nếu người ta hứa hẹn chuyện đàn ông, đàn bà với tôi. Tôi chỉ có thể bắt cô ta khi cô ta đòi tôi trả tiền.”

“Chắc chắn là gái điếm nào chẳng biết rõ điều đó, làm sao một cảnh sát như ông lại có thể làm lơ cho nhiều thành phần bất hảo như thế?”

“Thà là tha hết còn hơn bắt lầm một người vô tội.”

Sau đó chính người cảnh sát ngấm đó đứng cạnh một đám đông ăn mặc bẩn thỉu đang đốt lửa xoè tay hơ trên một thùng rác.

“Ở Hoa Kỳ cho phép đốt lửa ngoài đường sao ông?”

“Không.”

“Sao ông không bắt họ?”

“Họ có làm gì ai đâu? Họ chỉ hơ tay cho ấm thôi mà.”

“Nếu vậy sao ông còn ở đây nhắm chừng họ làm gì?”

“Để coi chừng nhỡ lửa có thể loang lớn ra.”

Tôi vào một tòa án để nghe một vụ kiện có liên quan đến một đứa bé 10 tuổi con của một đôi vợ chồng đã ly dị. Đứa con cứ ở với bố một tuần rồi lại ở với mẹ một tuần. Người mẹ ruột của cô bé nhất định không cho cô đeo kiếng của người mẹ kế làm cho cô. Bà mẹ kế nguyên là một bác sĩ chữa bệnh mắt. Bà mẹ ruột lý luận: “*Mắt con tôi hoàn toàn tốt, có gì đâu mà phải mang kiếng?*”

Ông bố thì lại nhất quyết xin bà mẹ đừng bắt con phải gỡ kính mỗi khi về sống với mẹ ruột. “*Con tôi, mắt yếu không có kiếng làm sao thấy đường?*”

Quan tòa kiên nhẫn nghe hai bên trình bày rồi quyết định rằng chính bác sĩ mắt của ông sẽ khám mắt cho cô bé. “*Không cần biết cô bé sống với ai, nếu bác sĩ mắt của tôi nhận định rằng cô bé cần đeo kiếng thì cô phải đeo kiếng. Nếu ông ta bảo không thì cô không cần đeo!*”

Sau đó tôi đến văn phòng quan tòa để nói chuyện thêm về hệ thống pháp luật của Hoa Kỳ. Quan tòa làm tôi sửng sốt vì sự thật thà của ông.

“*Tuần vừa rồi có một người đến đây để đòi ly dị. Ông ta bảo rằng vợ ông chỉ để chịu chần chiếu với ông mỗi tháng có một lần. Ông thử đoán xem tôi nghĩ gì lúc đó?*” Tôi chịu, không thể đoán được. “*Tôi nghĩ rằng, thế là may mắn lắm rồi còn than nỗi gì, nhà tôi thì cứ phải hai tháng mới cho tôi được một lần chần chiếu như thế!*”

Tôi đến thăm một nhà tù và nói với người cai tù rằng tôi rất ngạc nhiên khi thấy những tù nhân vẫn còn có máy hát, radio, ti vi và cả tắm ở trong chỗ tù của họ. Người cai tù bảo rằng những thứ đó là tài sản riêng của tù nhân. Nhưng khi tôi hỏi còn hồ bơi thì sao? Người cai tù giảng đi giảng lại rằng hồ bơi đó chính là do các tù nhân xây cất bằng tiền riêng của họ cho đến cả từng viên gạch xây, ống nước nhất nhất đều là tiền túi và công sức của họ. Tôi thầm nghĩ rằng ông ta giải thích tận tình như thế chắc là phải có một động cơ nào đó ngoài vấn đề hãnh diện thuần túy.

“Thuế!”

Tôi ngạc nhiên hơn bao giờ hết.

Thấy tôi ngạc nhiên, người cai tù bảo tôi: “*Ông cứ thử nghĩ xem các công dân khác suy nghĩ thế nào nếu chỉ cần một đồng thuế của họ được đem xây cất hồ bơi cho những phạm nhân cướp của giết người?*”

Trong một trường trung học, tôi hỏi ý kiến một hiệu trưởng về một vấn đề đang sôi sục ở Trung Hoa: — Yêu đương của tuổi học trò mới lớn. Ông ta không trả lời thẳng câu hỏi của tôi. Ông bảo rằng nhiệm vụ chính của ông là tìm cách cho học sinh có được một căn bản giáo dục vững chắc và ông chỉ hết sức chú tâm về mặt này mà thôi. Rồi ông dẫn tôi đến chỗ phòng y tế của trường.

Tôi hỏi: *“Trong trường sao lại có trẻ sơ sinh vậy?”*

“Mẹ của những trẻ em này là học sinh của trường. Nếu học sinh không thể đến lớp đều đặn thì làm sao có thể có được một căn bản vững chắc về giáo dục? Chính vì thế nên tôi phải tìm đủ mọi cách để học sinh có thể đến lớp đều đặn. Lý do chính của chỗ phòng giữ trẻ này là vậy.”

Sau đó tôi tham dự rất nhiều lớp học. Tôi thấy thầy giáo ngồi một cách thoải mái ở bàn, một thầy giáo khác đang đem mình ra làm đề tài bông đùa, một thầy giáo khác nữa quàng vai học trò đầy vẻ thân thiện. Chưa bao giờ trong đời sống học sinh tôi lại có dịp chứng kiến những vụ ly kỳ như thế cả.

Cuối cùng, tôi nói chuyện với một người Việt Nam khác mới đến Hoa Kỳ đã đoạt giải đánh vần hạng nhất Hoa Kỳ.

“Thế em định dùng tiền thưởng làm gì?”

“Em định dùng tiền thưởng để đi Nữ Uớc.”

Câu trả lời làm tôi sửng sốt: *“Thế em không định để ra một ít biếu bố mẹ hay sao?”*

“Tại sao phải để tiền biếu bố mẹ? Bố mẹ có tiền riêng rồi và cũng có rất nhiều cơ hội để tự mình lãnh giải kia mà?”

Tôi đến thăm một tỉnh ở biên giới Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ. Một đảng thì tôi thấy các viên chức hết sức ngăn chặn người Mễ, đảng khác tôi lại thấy các viên chức hết sức tìm chỗ tạm trú cho những người Mễ đã trốn thoát sang Hoa Kỳ. Hoa Kỳ thật là ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Có lần tôi mua một cái vé du lịch 13\$ để đi thăm Nữ Uớc bằng đường xe điện ngầm. Tôi ngạc nhiên quá đôi khi chẳng thấy có điều gì lạ xảy ra cả. Chẳng có vụ giật bóp nào. Chẳng có toa nào không có máy sưởi. Chẳng có toa nào hư. Gần như toa nào cũng có giấy trang hoàng từ đầu toa đến cuối toa. Vài toa còn mới toanh. Những toa này vừa mới ra khỏi xưởng và được sơn bằng một thứ hóa chất đặc biệt mà ngay cả những người họa sĩ sơn xịt cũng không tài nào xịt sơn cho ăn vào được.

Lạ lùng thay, lúc đó tôi lại nghĩ rằng có lẽ trước khi bộ giao thông thay hết các toa thành toa mới có lẽ một bảo tàng viện nào đó nên mua lại những toa xe điện ngầm đã được sơn để các thế hệ mai sau và khách du lịch có dịp chứng kiến những nét vẽ của các họa sĩ vô danh đã vẽ thành những lớp muôn màu

muôn vẻ trong các toa xe điện ngầm ở Nữ Ước. Có lần tôi đến thăm một người bạn sống ở Chicago. Nhà ông chứa đầy những thứ kỳ quặc ông đã sưu tầm được sau những chuyến du lịch khắp nơi trong đại lục Trung Hoa. Đến ngay cả đôi mắt của những người không hiểu nghệ thuật như tôi cũng có thể kết luận ngay rằng tất cả những món đồ ông sưu tập đều trông chẳng khác gì những thứ rác rưởi không đáng giữ. Vậy mà ông vẫn bắt cần. Tôi trách ông đã trả quá nhiều tiền cho những thứ vật vãnh như thế. Ông chẳng hề chú ý. Ông hân hoan dẫn tôi sang một phòng khác và chỉ vào một chiếc rương. “*Đây là tài sản quý báu nhất của tôi.*”

Khi mở chiếc rương ra, tôi thấy có cả hàng trăm chiếc nút áo kiểu Mao mà hiện giờ ở Trung Hoa chẳng ai còn giữ nữa. Tôi rùng mình khi nghĩ lại cảnh tượng trong những ngày cách mạng văn hóa, những đội Vệ Binh Đỏ đã đeo những nút vẽ hình Mao này khắp nơi trên ngực.

Vì sao ở Hoa Kỳ pháo bị cấm mà súng lại được phép bán ở tất cả mọi nơi?

(1) Khủng Bố Trắng (4–1927)

Vào tháng 4, năm 1927, Tưởng Giới Thạch phát động một cuộc đại tảo thanh nhằm tiêu diệt tất cả các thành phần cộng sản ở Thượng Hải. Cuộc tảo thanh được tổ chức chặt chẽ và có hệ thống với những cuộc bố ráp vô cùng gắt gao và những phương pháp tiêu diệt hết sức tàn bạo. Chẳng bao lâu sau, chiến dịch tảo thanh ở Thượng Hải lan tràn ra khắp nơi trên toàn cõi Trung Hoa và được mệnh danh là cuộc Khủng Bố Trắng. (chú thích của dịch giả).

**DU HỌC SINH HỒI HƯỞNG
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA**

Hòn Gạch

**T HỨ SÁU, NGÀY 5 THÁNG 5, NĂM 1989... CÓ TIN ĐỒN VỀ NHỮNG SỰ
BẤT ĐỒNG Ý KIẾN CỦA GIỚI LÃNH ĐẠO VÀ CHƯA AI HIỂU RÕ QUAN NIỆM
CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH.**

Một người lạ ở cách xa Bắc Kinh cả ngàn cây số có ý muốn kể chuyện đời anh cho tôi. Người lạ đó nghe được chuyện tôi đang phỏng vấn qua một người bạn khác của tôi cũng ở gần chỗ anh ta.

Đầu tiên thì bạn tôi định thay tôi phỏng vấn, nhưng tuy đã quen người lạ đó ngót 10 năm, bạn tôi vẫn chẳng thể nào phỏng vấn người lạ đó được. Cũng có thể chính sự quen biết lâu dài đó đã khiến đôi bên trở thành quá thân thiết và chẳng thể làm việc chung được với nhau. Chẳng những thế, cả hai còn phải đương đầu với rất nhiều vấn đề khác phức tạp bội phần. Chẳng hạn như họ không thể tìm được một chỗ yên tĩnh để làm việc. Quanh họ lúc nào cũng có những lũ trẻ con chơi đùa, ra vào náo nhiệt. Cuối cùng bạn tôi phải từ bỏ ý định phỏng vấn giúp tôi.

Nhưng người lạ đó vẫn nhất định tìm cách kể lại câu chuyện. Anh bảo rằng câu chuyện của anh cần phải được thuật lại. Anh hỏi mượn một cái máy thu thanh.

Tối đó, anh mang máy thu thanh về nhà và bắt đầu kể chuyện. Anh mở đầu câu chuyện: *“Kính thưa bà đại sứ, tôi đã được nghe nhiều về bà qua báo chí, sách vở và qua câu chuyện của những nhân viên cấp trên. Nếu câu chuyện của tôi có giúp được gì thêm, thì quả thật tôi cảm thấy không còn gì sung sướng hơn.”* Câu chuyện của anh kéo dài sáu tiếng và rồi kết thúc bằng một bài thơ anh làm:

*Ngựa kia có họ hàng chi với gió
Cớ sao mãi muôn đời rong ruổi cùng nhau?
Ngôn từ buổi hội ngộ nào có khác đâu
Cớ sao vẫn diễn tả trọn vẹn được nỗi sầu ly biệt?
Âm hưởng của cùng một khúc hát du dương tận tuyệt
Sao lúc xoa dịu tâm hồn, lúc khiến phần nộ trào dâng?
Thượng Đế ơi! Trong vũ trụ muôn tầng
Thì một đời người thấy được bao nhiêu điều huyền bí?*

Ông nội tôi là một người buôn bán đồng nát. Ông mua và bán tất cả những vật linh kinh, kể từ xương gà, giẻ rách cho đến tất cả những thứ mà các gia đình khá giả thường vứt bỏ. Bố tôi bắt đầu đi bán đồng nát với ông nội kể từ năm lên tám. Ông thường kéo chiếc xe đồng nát theo sau phụ ông nội đi lượm đồng nát về đưa cho bà nội bán kiếm cơm. Đây là hoàn cảnh của gia đình tôi lúc tôi chào đời.

Bố mẹ tôi dạy tôi phải sống hết sức chân thật. Tôi chỉ được phép ăn thịt bò, thịt trầu và chỉ được phép thờ một đấng duy nhất là đấng Allah. Mẹ tôi lúc nào cũng nhắc tôi phải sống chân thật. Mẹ nói rằng lúc nào cũng có hai thiên thần tả hữu ở cạnh tôi để xem chừng hành động của tôi. Một hôm, có một người đàn ông đến bên giường tôi nằm và đưa tôi hai quả trứng để cầm. Ông ta tuột quần tôi xuống, xịt nước lạnh vào hạ bộ tôi rồi cắt qui đầu. Khi da tôi đã lành, ông nội chỉ vào một cái hũ lớn ngoài vườn và ra lệnh cho tôi phải nâng chiếc hũ đi quanh 10 vòng mỗi sáng. Mỗi tối ông nội lại bỏ một cục đá nặng vào hũ. Ông nội bảo nếu tôi cứ tiếp tục tập như vậy thì tôi sẽ giữ được thân thể cường tráng và có đủ sức mạnh để tự vệ mỗi khi có người áp bức những người Hồi theo đạo Hồi như gia đình tôi. Tôi hết mực vâng lời ông nội. Thế mà những đứa bé người Hán vẫn tìm cách lừa bắt tôi phải ăn thịt heo cho bằng được.

Ngày tôi còn bé, ở cạnh nhà tôi có một con chó đen rất lớn, hễ cứ thấy người mặc quân phục là sủa. Gần như lúc nào nó cũng sủa vì các quân nhân của cả Nhật lẫn Quốc Dân Đảng vẫn thường xuyên xuống khu tôi ruộng bỏ để bắt người. Ngoài ra còn có những toán quân nhân khác mặc các quân phục khác đến bịt cửa sổ và che bóng đèn để tránh oanh tạc. Ký ức tuổi thơ của tôi chỉ toàn là sợ hãi.

Gia đình tôi cho rằng tôi sẽ thay thế bố để tiếp tục làm thế hệ thứ ba nối

nghiệp kéo xe đồng nát. Vì thế ông tôi và bố tôi thường dẫn tôi đến các chợ cô hồn vào lúc trời chưa sáng để làm quen với cảnh các kẻ cắp chuyên bán đồ trộm và cảnh những gia đình gia thế sa sút phải đem bán những di sản của tổ tiên. Tôi thường cầm đèn đi tới từng sập hàng để so sánh giá cả của các loại khuy nút, các loại bình kiếng, nghiên mực, giày cũ, đủ các loại ống, đinh ri, lông thỏ, lông chồn và các vật dụng khác mà tôi chưa biết đến cả tên. Bố và ông tôi thường mua lại các vật rẻ nhất để sửa hoặc bán lại.

Năm tôi bảy tuổi, Hồng Quân diễn hành qua thành phố và ông nội tuyên bố, *“Đã đến lúc đổi đời. Ngày hòa bình đã đến với Trung Hoa! Một triều đại mới đang bắt đầu.”* Chúng tôi ca múa và hát suốt đêm. Chẳng bao lâu sau, tôi được cho đi học.

Quãng đời đi học của tôi có lẽ cũng chẳng khác gì quãng đời đi học của những bạn học khác cùng thời với tôi, một quãng đời đầy những kỷ niệm vui buồn của tuổi học trò và nếu xét cho cùng thì quả thực cũng chẳng có gì khác thường đáng kể. Tuy thế, dù năm tháng có làm ký ức tàn phai, tôi vẫn nhớ mãi những niềm hạnh phúc của quãng đời thơ ấu đó. Tôi không bao giờ quên được những lần tôi được chọn để hát đơn ca mỗi khi có một nhân vật quan trọng nào đó ghé thăm trường. Tôi nhớ mãi những lần tôi được chọn vào các đội kịch để trình diễn. Cứ mỗi lần phải đương đầu với những việc khó xử, tôi thường ôn lại những kỷ niệm của tuổi học trò để giữ vững niềm tin của tôi vào sự sáng suốt của Đảng. Cũng chính những kỷ niệm đáng yêu đó đã giúp tôi nén được thất vọng ngày tôi không được chọn vào đội Thanh Niên. Chính những kỷ niệm đáng yêu đó cũng đã khiến tôi bớt được phần nào hoang mang khi đảng ra lệnh bắt những học sinh như chúng tôi phê bình những giáo chức chúng tôi hằng thương mến. Đảng khuyến khích chúng tôi khai các tội ác của các thầy cô. Đảng kêu gọi chúng tôi nói rõ những điều chúng tôi vẫn còn che giấu trong thâm tâm. Tôi cũng chẳng ngạc nhiên lắm ngay cả khi đảng phát động những phong trào Đại Nhảy Vọt để nâng tổng sản lượng sản xuất của Trung Hoa lên ngang với tổng sản lượng quốc gia của Anh Quốc. Những công việc được giao cho chúng tôi thường là vô hiệu quả — Chúng tôi thường phải đào sâu đến ba thước trong sân vận động để cấy những hạt giống lép chẳng bao giờ nảy mầm thành cây; chúng tôi thường phải ra công góp nhặt những mảnh đồng nát để chế biến lại, nhưng những khối kim loại chúng tôi gạn lọc lại vẫn không đủ tinh khiết để có thể dùng làm vật liệu cho các sản phẩm kỹ nghệ. Chúng tôi thường phải cật lực đánh giầy nhám những chất kim loại nấu lại đến mửa mặt xanh mặt vàng để chế tại những chất trám răng. Tuy thế, những chất trám răng đó vẫn không đủ tinh khiết để có thể dùng làm được vật.

Thực tình thì cho đến ngày Cách Mạng Văn Hóa, là năm tôi 24 tuổi và đang làm việc trong đội văn công ở một tỉnh nhỏ, cuộc đời tôi vẫn chẳng có biến cố nào đặc biệt, ngoài việc tôi đã phải khốn khổ vì tình cảm khi người con gái tôi yêu đi lấy chồng. Bỗng một hôm, người bí thư cũ của chúng tôi thành linh bị tuyên chuyển và một bí thư mới của quân đội được gửi vào thế chỗ. Người bí thư mới ra lệnh khóa hẳn khu cư ngụ của chúng tôi. Thế là chỗ ở của tôi bị cô lập khỏi thế giới bên ngoài. Mỗi ngày chúng tôi thức dậy theo tiếng còi lúc 6 giờ và mỗi tối cứ đến 9 giờ là phải tắt hết đèn đóm để đi ngủ.

Trong khu cư trú cô lập đó, tôi vừa trở thành đề tài của các tấm bích chương, vừa trở thành đề tài của những cuộc họp đấu tranh giai cấp. Tôi hoang mang chẳng hiểu mình có bị cuộc sống tiểu tư sản khi trước của gia đình hủ hóa con người đi phần nào không. Phải chăng trong các buổi trình diễn tôi đã thủ vai Quốc Dân Đảng xuất sắc là vì trong thâm tâm tôi đã âm thầm ngả theo những thành phần phản cách mạng? Ý nghĩ này chẳng mấy chốc đã biến tôi thành một đảng viên cực đoan của chủ nghĩa Mao.

Một hôm, nhóm cực đoan chúng tôi tìm cách vượt khỏi nơi cư ngụ. Chúng tôi cố chen lấn nhau lên xe buýt để có thể chiêm ngưỡng Vị Cứu Tinh của dân tộc. Vào ngày 22 tháng 10, năm 1967, tôi đã chính mắt nhìn thấy xe chủ tịch đi qua. Tôi xúc động đến rơi nước mắt. Tuy rằng tôi đã xa nhà nhiều năm và khu trại dành riêng cho những người trung thành với đảng cư ngụ nơi tôi ở chỉ cách nhà tôi khoảng vài phút mà tôi vẫn không hề quay lại thăm gia đình. Sau khi đã nhìn thấy vị cứu tinh, tôi lại trở về trại để tiếp tục tranh đấu.

Thành phố của chúng tôi được chia thành hai nhóm — Nhóm Liên Hiệp Công Nhân Cách Mạng và nhóm Đấu Tranh, cả hai nhóm đều cùng tuyên bố chỉ có nhóm của họ mới là nhóm đảng viên thuần túy của chủ nghĩa Mao. Tôi gia nhập nhóm Đấu Tranh. Những người khác trong đội chúng tôi gia nhập nhóm Liên Hiệp. Lúc trước chúng tôi là bạn, nay đối thành thù. Tất cả đều chuẩn bị sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng.

Hai nhóm đều thu thập vũ khí và chiếm giữ những tòa bin đình lớn trong tỉnh. Nhóm nào cũng muốn chiếm lấy lãnh thổ của nhóm kia. Khung cảnh thật là hỗn loạn.

Vào một đêm trời nóng như thiêu, như đốt, tôi giật mình tỉnh giấc vì tiếng súng. Nhóm Liên Hiệp đang tấn công vào tòa nhà nơi nhóm tôi chiếm đóng và định sẽ tiêu diệt hết chúng tôi. Chúng tôi cầu cứu một đội quân của Quân Đội Nhân Dân lúc đó đang chiếm đóng ở khu đối diện can thiệp, nhưng họ vẫn phớt lờ. Từng loạt đạn thi nhau bắn vào chỗ chúng tôi. Nhiều người cố dùng những tấm nệm rơm để che đạn ở cửa sổ nhưng đa số đều bị thương hoặc bị bắn chết. Rồi có một người cán bộ già chỉ cho chúng tôi một đường địa đạo ngầm ăn sâu phía dưới tòa bin đình, chúng tôi cùng nhau tìm chỗ miêng hầm, nhiều người còn định mang theo những tấm bích chương hình Mao chủ tịch.

Đường hầm tối om chẳng khác nào một địa đạo khai mỏ bị bỏ hoang. Chúng tôi vừa đi, vừa sờ soạng theo những ống dẫn nước. Tôi tìm được một lỗ hổng có ánh sáng trên trần và nhấn tay vào đó. Cục đá bị xô sang bên và chúng tôi cùng trèo lên chỗ một phòng tắm, nơi những người công nhân lớn tuổi hơn làm việc. Tuy những công nhân này cũng mang huy hiệu Liên Hiệp trên tay áo, họ hứa sẽ không làm hại chúng tôi. Họ không muốn thấy một thế hệ trẻ như thế hệ chúng tôi phải đổ máu. Họ cho chúng tôi khăn tắm để chúng tôi có thể giả dạng thành những người đang tắm rồi tìm cách để chúng tôi có thể trốn dần từng người. Họ còn cho chúng tôi cả thuốc lá làm ở tận Albania.

Bên ngoài đường phố đầy những xe Jeep, xe gắn máy và những toán người cầm súng, cầm dao, cầm ống xịt nước đang truy tìm chúng tôi. Tôi giả vờ đi theo những kẻ tấn công như thể một kẻ tháp tùng. Cuối cùng tôi trốn được vào ngôi nhà của một người bạn cũ ở cạnh đó.

Sau đêm đó, tôi chẳng còn tin tưởng vào lý tưởng cực đoan nữa. Tôi trốn về Bắc Kinh bằng xe lửa.

Lúc về đến nhà, tôi thấy nhà cửa sạch bách chẳng còn thứ gì. Bố tôi đã quẳng xuống sông tất cả những thứ ông nghĩ là có dính líu đến Bốn Điều Cổ Hủ. Tất cả những thứ còn lại trong nhà ông đều đem nộp cho nhà nước theo chính sách *“cống hiến tất cả cho giai cấp công nhân lãnh đạo.”*

Bố tôi nhốt ông nội vào một căn phòng cửa khóa trái như nhốt một con vật vì sợ rằng nếu được tự do đi đây, đi đó, ông nội sẽ vô ý phát biểu những điều có hại cho gia đình và con cháu.

Mới đầu, khi vừa thấy tôi về, gia đình tôi có vẻ mừng rỡ nhưng dần dà sự có mặt của tôi lại làm cho gia đình thêm khó chịu. Tôi suy nghĩ và kết luận rằng dầu sao thì thành phố vẫn là nơi tôi nên quay về vì giấy tờ hộ tịch của tôi vẫn còn ở đó.

Chuyến xe lửa chở tôi vào thành phố chưa về đến nơi thì lại có một trận đụng độ khác xảy ra. Lần này tôi quyết định không tham dự vào vấn đề chính trị. Khi về đến nơi làm việc tôi trốn vào ở với đội vệ sinh nơi tôi làm việc.

Trong thời gian tôi ở với đội vệ sinh thì có một thiếu nữ thường đến gặp tôi. Cô cũng là một người trong đội trình diễn cũ của tôi và cũng là thành viên của nhóm Liên Hiệp. Tuy tôi đã nhiều lần khuyên cô không nên đến gặp một người có quá khứ chính trị không tốt như tôi, cô vẫn chẳng hề để ý. Sự can đảm của cô khiến tôi cảm động và chúng tôi đồng ý thành hôn. Trong thời gian này, hôn nhân là một vấn đề cực kỳ đơn giản. Chỉ cần cúi đầu trước bàn thờ Mao chủ tịch là xong. Thế mà chuyện hôn nhân của chúng tôi vẫn bị gián đoạn.

Trong khi tôi đang đi mua sơn để sơn lại căn phòng tí hon, chuẩn bị cho lễ cưới của chúng tôi thì tôi bị nhóm Liên Hiệp bắt và lên án phản cách mạng. Thực ra, kế hoạch ban đầu của họ là bắt cóc tôi ngay trong lúc chúng tôi động phòng, nhưng vì vợ tương lai của tôi cũng là người trong nhóm họ nên họ đổi ý để khỏi phải hạ nhục cô. Họ cố tình chụp mũ tôi bằng những chứng cứ giả dối. Họ đánh đập tôi bằng xích xe và sau đó giam tôi lại.

Vị hôn phối của tôi ngày nào cũng mang thức ăn đến cho tôi. Cô còn mang cho tôi cả thuốc lá. Tuy giấy gói chỉ là những loại rẻ tiền, nhưng thuốc lá là những thứ mắc mỏ. Sự chung thủy của cô khiến tôi còn cảm động hơn. Tôi thể sẽ trả ơn cô thật xứng đáng.

May thay, chỉ vài tuần sau khi tôi bị bắt, những đội Tuyên Truyền Công Nhân của Bắc Kinh được lệnh thay thế các tổ chức địa phương để điều động

tất cả những phong trào cải cách. Tôi được tha. Tuy nhiên, tôi bị thương nặng đến độ phải sống nhờ vào một người bạn cũ để chờ sức khỏe phục hồi.

Tuy vết thương đã lành, tôi vẫn là một *“đối tượng của giai cấp độc tài.”* Tôi bị liệt kê trong danh sách phải đi cải tạo cùng với những kẻ gián điệp và tư bản. Chúng tôi không được quyền đeo hình bác Mao hoặc reo hò các khẩu hiệu cách mạng. Chúng tôi phải nhận những công tác hạ cấp nhất. Và bất kỳ lúc nào người chúng tôi cũng có thể bị lục soát. Chúng tôi bị buộc lúc nào cũng phải có mặt ở nơi công tác và chỉ được về thăm nhà mỗi tuần một lần.

Nhiều tháng sau, lệnh cấm bớt nghiêm ngặt dần, nhưng tôi vẫn chưa hội đủ tiêu chuẩn để có thể trở thành thành viên của các nhóm cách mạng. Vì tội trạng của tôi chưa lúc nào rõ ràng, nên tất cả những điều tôi nói hoặc làm đều có thể khiến tôi trở thành phạm nhân trở lại. Tuy thế vị hôn phối của tôi lại cứ khẳng khẳng bắt tôi phải làm đám cưới ngay. Trước tiên chúng tôi cùng cúi đầu trước ảnh Mao chủ tịch. Sau đó tôi hát một khúc trong tám tuyệt khúc Nhạc Kịch mà bà Giang Thanh ưa thích. Vị hôn phối của tôi hòa đàn. Hôn lễ của chúng tôi chỉ có thế.

Khi nhà tôi sinh con đầu lòng thì hầu như chẳng còn vị bác sĩ hoặc y tá nào trong bệnh viện. Tất cả đều phải vào trại cải tạo nếu không vì lý do này thì cũng vì lý do khác. Tôi đã phải tự tay đỡ đẻ cho nhà tôi và cho đến nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ những cơn đau của nhà tôi trong khi sinh nở.

Một tháng sau, khi nhóm Liên Hiệp đã hòa giải được hiềm khích giữa hai nhóm chính trị lúc trước thì những người trong nhóm Liên Hiệp đến gõ cửa nhà tôi và ra lệnh cho tôi phải cùng lên xe vận tải với họ.

“Các ông đưa tôi đi đâu?” Tôi hỏi.

Người trưởng nhóm trả lời: *“Về miền quê. Để các nông dân giúp anh cải cách tư tưởng.”*

Tôi xin họ một phút để chào nhà tôi. Những người cán bộ tiếp lời rằng tôi chẳng cần chào. Trách nhiệm của họ là thông báo cho nhà tôi rõ. Tôi hỏi có phải mua thêm gạo hoặc than gì không? Họ bảo rằng tất cả những thứ cần thiết sẽ được những nông dân ở đó cấp phát. Họ hứa sẽ đưa gia đình tôi đến đó để sum họp với tôi ngay. Họ còn cho tôi biết thêm rằng nơi tôi đến sẽ có đủ trứng để nhà tôi có thể bồi dưỡng sức khỏe và sữa bò, sữa cừu cho đứa bé. Thế là tôi cùng lên xe vận tải với họ, lòng thâm nghĩ, như những người vô tội khác vẫn thường nghĩ, rằng dù có thế nào đi nữa thì cuối cùng mọi sự cũng sẽ đâu vào đấy.

Khi xe về đến miền quê, họ dẫn tôi đến một căn nhà trông chẳng khác nào một chỗ bỏ hoang; chung quanh tường nhà hơi nước đóng băng thành đá và trên nóc có nhiều lỗ hổng đến độ đêm đó, khi nằm trên giường, tôi có thể nhìn rõ cả ánh trăng đi.

Sáng hôm sau, tôi được lệnh phải dùng đất đen để bón phân ở những thửa ruộng xung quanh trong khi một người lính gác cầm súng canh tôi làm việc.

Sau đó, tôi được lệnh phải đào đất quanh những bờ sông cực kỳ lạnh giá. Nếu được phép hát có lẽ tôi sẽ lên tinh thần phần nào nhưng tôi không dám hát. Trong tháng đó, gia đình tôi cũng được chuyển đến chỗ tôi. Chúng tôi ở luôn đó suốt hai năm rưỡi.

Lần nào nhận được thư tôi cũng mừng như bắt được vàng, nhưng tôi không bao giờ quên được lá thư tôi nhận nhằm vào một ngày trong tháng 4. Lá thư đó là của chị tôi. Năm mẹ tôi mất, chị tôi chỉ mới 12, nhưng chính chị đã một mình xoay sở để chăm sóc cho đàn em nhỏ. Ngày phong trào cải tạo phát động thì đội cải tạo của chị tôi bị phái đi khai khẩn đất hoang ở phía trong nội địa Mông Cổ. Trong thư chị tôi viết về những trận hỏa tai thường xảy ra do những quân Mông Cổ phản động bên kia biên giới cố tình đốt phá. Nhận được thư chị, tôi viết thư trả lời ngay, nhưng chờ mãi không thấy thư chị tôi trả lời.

Một hôm, tôi đang trồng đậu thì người phát thư mang đến cho tôi một bức điện tín. Bức điện phải mất cả tuần mới đến được tay tôi vì phải đi qua hết tỉnh rồi đến đội, sau rốt mới đến tôi. Bức điện thật là ngắn ngủi: *“Chị bệnh nặng. Về càng sớm càng tốt.”*

Tôi đáp ngay chuyến xe lửa kế tiếp để đến chỗ chị tôi. Trong chuyến đi, tôi đã phải đổi xe rất nhiều lần. Mỗi chuyến đổi xe tôi lại mua cho chị thêm một ít kẹo bánh mà chị vẫn thích. Cuối cùng tôi đến được chỗ đội dân công của chị tôi làm việc. Tôi được báo rằng chị vẫn còn ở xa mãi mé ngoài. Tôi lại đi trở ngược lại để tiếp tục chuyến xe. Khi tôi xuống xe trời đã quá nửa đêm và đang lúc mưa tuyết. Cứ đi vài bước tôi lại phải sửa nón để che bớt tuyết. Cuối cùng phải khó nhọc lắm tôi mới tìm được một trại quân sự. Tôi gõ cửa. Một người lính cầm đèn bão ra mở. Khi tôi trình bày mọi sự xong. Anh ta hỏi: *“Giờ này anh mới đến kia à?”*

“Ừâng, vì sao anh lại hỏi như vậy?”

“Ừì... vì ông thân và ông cậu anh đã rời đây rồi.”

“Họ đi đâu?”

“Đi ra bến xe buýt để thăm chị anh.”

“Chùng nào mới có chuyến xe tới?”

“Phải đến gần sáng.”

Chuyến xe chở hành khách chật như nêm, nhưng khi tôi trình bày tình trạng khẩn cấp với người tài xế, ông ta hứa sẽ tìm cách đưa tôi đến nơi chị tôi trước khi trời tối. Một người đưa thư đứng cạnh tôi bảo rằng chính quyền đã gửi quân đội đến chỗ đó để trừ hỏa hoạn. Tôi hỏi ông xem có người lính nào bị thương không? Ông ta sắp trả lời thì người tài xế ra hiệu cho ông im. Thấy thế người đưa thư bảo rằng ông chỉ biết có thế mà thôi.

Tôi nhìn qua kiếng xe và thấy một khoảng đen ngịt, xa ngút ngàn, tất cả

đường như đều bị đốt rụi. Phải đến nhiều giờ sau tôi mới nhìn thấy lại được một phần sinh khí là cảnh một vài người du mục đang kéo lều, dẫn đàn ngựa tản cư để tìm chỗ kiếm cỏ. Khi xe dừng để đổ xăng, tôi nhìn thấy những thanh niên thị thành được “*gửi xuống*” đang cỡi ngựa chần cừ.

Từ đó trở đi tôi chẳng còn thấy khung cảnh nào có sinh khí nữa cho đến khi chúng tôi đến trạm cuối cùng. Tất cả mọi người đều xuống. Tôi năn nỉ người tài xế chở tôi đến nhà thương. Người tài xế trả lời rằng anh ta vui lòng chở tôi đến sở Trung Ương. Tôi chẳng hiểu sao anh ta lại khẳng khái đòi chở tôi đến đó. Sau khi tôi hết sức năn nỉ đến độ gần như quỳ xuống, anh ta đồng ý chấp thuận.

Khi đến nơi, một người trực ở nhà thương bảo tôi rằng chị tôi đã xuất viện. Tôi cảm thấy như vừa trút được gánh nặng. Tôi bước ra và cũng chẳng thấy ngạc nhiên khi người tài xế vẫn đợi để chở tôi về trụ sở trung ương. Khi tôi đến nơi, một người cán bộ ra chào: “*Anh vừa mới đến sau một chuyến đi dài như thế chắc là mệt lắm. Mời anh dùng ly trà. Mời anh hút điếu thuốc.*”

Tôi không kể gì đến sự chào hỏi của anh ta, xin được gặp chị tôi ngay. Anh ta cứ hết mời tôi ngồi, lại mời tôi thông thả nghỉ. Tôi chẳng biết làm sao hơn, đành ngồi xuống. Anh cán bộ có ý đỡ giúp hộ những bánh kẹo tôi đang mang. Tôi xoay người và cố ý giữ chặt hơn nữa để anh ta khỏi đụng vào những thứ bánh kẹo của chị tôi. Anh cán bộ cứ tiếp tục khen chị tôi không tiếc lời, bảo tôi phải hết sức hãnh diện vì có được người chị như thế. Rồi anh ta nghiêng đầu tới phía tôi khẽ nói: “*Tất cả cấp trên đã đồng ý để cử chị tôi làm một quân nhân kiểu mẫu.*”

Cho tới lúc đó tôi mới biết rõ sự thật: Danh dự chỉ để dành cho Mao Chủ Tịch — và người quá cố. Tự đứng những hộp bánh trái tôi cầm rút vung vải ra sắn. Tôi co gập mình lại vừa run rẩy vừa rên rỉ: “*Chị ơi! Em chị đến trễ quá rồi!*”

Trưa đó, ông thân tôi, cậu tôi và tôi cùng đến thăm mộ chị tôi. Lúc đến gần nghĩa địa, tôi thấy vòng hoa đặt dài thành hàng. Xe chưa ngừng bánh tôi đã nhảy vội xuống. Tôi vừa chạy vừa gào tên chị. Nhưng chị tôi chẳng bao giờ nghe tôi được nữa.

Trước khi đáp xe lửa trở về, tôi đến nhà thương để thăm những người đàn bà khác trong toán dân công của chị tôi. Họ bị lửa thiêu nặng đến độ trông không còn hình dạng gì nữa.

Ông thân tôi khẽ nói: “*Cảm tạ trời phật. Con tôi may mắn được chết.*”

Vì không muốn mộ chị cả tôi không người chăm sóc, một người chị khác của tôi lại xung phong vào đoàn dân công để thế chỗ chị cả tôi. Tháng tư năm sau, để tưởng niệm một chiến sĩ kiểu mẫu, quân đội gửi cho ông thân tôi hai bao gạo.

Năm 1973, tôi được thuyền chuyển trở lại thành phố vì có hội hát 8 tuyệt khúc Nhạc Kịch ở địa phương. Trong lúc tập dượt, chúng tôi không được phép nhìn vào bản nhạc. Đại diện của quân đội đã ra lệnh rằng một người ca

sĩ cộng sản chân chính phải thuộc lòng kịch bản và hát không cần phải xem lại bản nhạc. Mỗi lần hát sai một nốt tôi lại phải nghiêng mình trước hình Mao Chủ Tịch để xin lỗi.

Một hôm, khi tôi sắp lên đường trình diễn ở một trại lính, một người bạn thân của tôi bỗng hỏi tôi có nghe gì về người tư lệnh vùng chưa. Tôi trả lời rằng chưa. Anh ta chỉ bảo tôi khi nào trình diễn cứ nhìn thử vào khán giả xem có thấy ông ta không? Tôi chẳng suy nghĩ gì hơn và chỉ nhớ rằng phải cố nhìn xem có thấy ông tư lệnh vùng hay không? Tuy nhiên lúc trình diễn, ánh đèn sân khấu lúc nào cũng rọi thẳng vào mặt nên tôi chẳng nhìn rõ được những ai là khán giả. Sau khi buổi trình diễn chấm dứt, tôi hỏi một người lính ở hậu trường xem tư lệnh của anh ta có đến xem hát hay không? Anh ta hỏi vặn lại tôi: “*Anh hỏi như thế làm gì?*” Tôi nói trại đi rằng vì là người trình diễn tôi chỉ thắc mắc xem vị tư lệnh có phải là khán giả của tôi không. Người lính có vẻ tin tôi. Anh ta gật đầu bảo rằng vị tư lệnh vùng cũng có đến xem.

Sau đó nhóm chúng tôi quay về thủ đô để tiếp tục trình diễn và chúng tôi được cho ở cùng phòng với những người trong nhóm lãnh đạo. Một hôm, tôi tình cờ có mặt giữa lúc các bạn bè và đồng nghiệp đang bàn chuyện vị tư lệnh vùng. Tới lúc đó tôi mới biết tin đồn đang phao rằng ông tư lệnh may mắn hơn Lâm Bưu (người do Mao Chủ Tịch chính tay chọn làm người kế vị.) Ông đã thoát được sang Nga. Tôi bảo họ rằng đây là một tin đồn thất thiệt. Tôi lặp lại lời nói của người lính ở hậu trường đã nói với tôi lúc trước. Các bạn đồng nghiệp cứ khẳng khẳng bảo rằng người lính đó cố tình nói dối tôi. Tất cả đều bảo rằng ông tư lệnh không còn tại chức nữa. Thế là tôi lại tin lời họ.

Lúc gặp lại người bạn cũ, tôi kể lại những chuyện tôi được nghe ở Bắc Kinh. Sau này tôi mới biết rằng người bạn đó đã báo cáo câu chuyện của tôi với trưởng nhóm. Trưởng nhóm đã báo cáo với ông tư lệnh vùng. Ngay sau đó ông tư lệnh vùng đã mở cuộc điều tra.

Tôi vừa trình diễn xong và đang trên đường về nhà thì một nhóm người xúm lại vây quanh tôi. Họ hỏi tôi làm gì ở Bắc Kinh và tôi biết gì về vụ ông tư lệnh. Họ yêu cầu tôi cho biết tên những người đang phao tin thất thiệt. Vì không muốn đồng nghiệp phải liên lụy, tôi bảo rằng tôi không nhớ rõ là nghe ai nói và tôi cũng chỉ nghe vậy, biết vậy thôi chứ chẳng phải là kẻ phao tin. Nghe xong, họ cho tôi đi. Tôi cũng tưởng như thế là yên chuyện.

Nhưng sự hy vọng của tôi chỉ là một sự hy vọng hão huyền. Cuộc điều tra vẫn âm thầm tiếp tục. Chẳng bao lâu sau tất cả những người trong đoàn hát đều bị tra hỏi và theo dõi.

Một hôm, đoàn trình diễn được ăn thịt bò hầm. Tôi không muốn ăn hết những thức ăn quý báu một mình, nên đã để riêng phần tôi ra để mang về cho gia đình cùng ăn. Tôi vừa đi quá nửa trại thì hai người đội trưởng chặn tôi lại để mời tôi cùng hát hợp ca. Từ chối mãi không được, tôi đành nhận lời. Trên đường đi, vì họ im lặng quá nên tôi khơi chuyện cho không khí bớt căng thẳng. Lúc đến phòng chính của tòa bin đình trại tôi thấy có một chiếc xe Jeep đang đậu. Một người bạn tôi quen làm việc cho sở công an đang đứng

dựa lưng vào đầu xe. Tôi vừa định chào anh ta thì anh lạnh lùng đọc tờ trát lệnh bắt tôi. Đọc xong anh ta hỏi có cần phải khóa tay hay không? Tôi đáp lại: *“Xin cứ làm như luật lệ quy định.”*

Tôi trèo vào xe Jeep. Xe đi qua những con lộ trống trải và cuối cùng đến trung tâm tạm giam. Người bạn tôi nói rằng tôi không được tiết lộ tội ác của mình cho bất kỳ ai, kể cả những người lính gác. Tôi phải nói rằng tôi phạm tội cưỡng dâm.

Trong khi nhân viên trại tạm giam điền giấy tờ cho tôi, thì hai con chó đen cực lớn ở đó cứ sủa liên tục từng hồi. Ấn tượng đen tối lúc trước bỗng dưng ủa về và bất chợt tôi nhận thấy sự khùng khiếp của cuộc đời tù ngục. Tôi được lệnh phải nộp hết lại giày lưng, ví, đồng hồ, và dây giày cho người công chức. Đời sống tù ngục của tôi bắt đầu.

Các nhân viên thanh tra tra hỏi cung tôi liên tục trong nhiều tuần tra. Tôi cũng chưa hiểu tại sao mình bị giam và cho rằng chắc là có một sự hiểu nhầm nào đó. Người tra vấn tôi cũng theo đạo Hồi và có vẻ rất thông cảm tôi. Anh còn mang cả thức ăn của người Hồi Giáo đến cho tôi. Mãi đến sau này tôi mới hiểu sự thân thiện của anh ta chẳng qua chỉ là một cái bẫy để tôi tin anh mà thú thực.

Tôi ở cùng chỗ tù với 4 tù nhân khác. Cả 4 người đều bị giam vì tai nạn xe cộ. Thực ra thì họ chỉ là những người tù ăng-ten, được đưa vào ngục cốt chỉ để theo dõi tôi. Chính họ cho tôi biết điều này khi thấy tôi thực sự chẳng hề dấu diếm điều gì. Tôi cố suy nghĩ mãi mà vẫn chưa rõ tại sao mình bị bắt. Cuối cùng tôi tự hỏi phải chăng tội trạng của tôi có liên quan ít nhiều đến ý thức hệ? Những câu hỏi của người tra vấn đạo Hồi khiến tôi suy luận như thế. *“Anh nghĩ rằng lịch sử tạo anh hùng hay anh hùng tạo lịch sử?” “Anh nghĩ bà Giang Thanh là người thế nào?” “Đấu Tranh giai cấp theo anh có thực sự cần thiết không?”*

Tôi tự nhủ rằng nếu chỉ vì nghe lời đồn mà phải bị xử tử thì tôi đành chịu, nhưng nếu bị kết tội phản cách mạng thì nhất định tôi sẽ chống án cho đến hơi thở cuối cùng.

Kể từ đó cho đến nay lúc nào tôi cũng vững tin vào sự công bằng của chủ nghĩa xã hội. Tôi còn nhớ rõ khoảng thời gian tôi bị giam. Giai đoạn đó tuy đang là đỉnh cao của Tứ Nhân Bang mà những người cai tù cũng chỉ giam tôi lấy lệ. Họ khuyên tôi nên kiên nhẫn, đừng làm việc gì không hay trong lúc nóng nảy và cố đợi ngọn gió chính trị đổi chiều.

Tôi bị giam nhiều tháng. Rồi bị xiềng tay, xiềng chân dẫn về sở cũ để trở thành đề tài của cuộc họp đấu tranh. Khi đến nơi, tôi nhìn thấy nhà tôi và các con nhưng khi tôi gọi thì các con tôi đều trốn vì không nhận được mặt người tội phạm. Nhà tôi cho tôi một hộp canh thịt nấu ở nhà. Một người đầu bếp cho tôi một chai bia ngay trước mặt cảnh sát. Anh ta nói rằng: *“Anh là một người rất tốt.”* Vì không được quyền nói chuyện, tôi chỉ biết đưa mắt cảm ơn.

Những người trong phiên họp cho rằng tôi đã không thực lòng hối cải. Họ chuyển tôi vào tù biệt giam. Chỗ sà lim nơi họ giam tôi không có đủ chỗ để đứng hoặc nằm. Sà lim chỉ cách sàn nhà khoảng hai phân. Nhà tiêu ở ngay phía dưới. Tuy giữa những tấm giấy che và cửa sổ có một khoảng trống, nhưng tôi chẳng nhìn thấy gì trừ bức tường xám có chằng kẽm gai điện. Một con chim đang đậu chỗ sợi giây điện bắc ngang. Tôi ước chi mình cũng được như chim.

Tôi cứ tự hỏi mình vì đâu mà đến nỗi này? Tôi đã làm ai đau khổ? Tôi đã phạm phải tội gì mà lại phải chịu hình phạt này? Càng vấn lương tâm tôi lại càng chẳng hiểu vì sao số phận mình lại oan nghiệt đến thế.

Ngồi trong ngục biệt giam hết tháng này sang tháng khác, tôi đã bắt đầu nghĩ đến chuyện tự tử. Tôi cứ nhìn chòng chọc vào cái lò sưởi nhỏ đặt cạnh giường. Nếu tôi lấy hết sức bình sinh đập đầu vào đó liệu tôi có chết không? Nhưng tôi không thể làm vậy được. Tôi phải sống để còn gặp gia đình. Tôi phải sống để gia đình tôi biết rõ tôi không phải là một kẻ phạm pháp. Tôi phải sống để giữ phẩm giá của một con người trong sạch. Tự tử là chấp nhận mình có tội; tự tử tức là đưa gia đình vào chốn địa ngục trần gian.

Khi mùa xuân đến tôi nghĩ đến màu xanh của bầu trời và vạn vật. Tôi nghĩ đến lòng chung thủy của nhà tôi và sự trưởng thành của các con tôi! Tôi gỡ sợi kẽm ở cổ áo rồi ép vào ống nước cho đến khi sợi kẽm thẳng ra. Tôi gỡ sợi kẽm ở ống quần, ép xuống nền nhà cho thành hình một cái khoanh nhỏ như lỗ chân kim. Tôi gỡ chỉ vớ rồi cuộn vào cục xà phòng để làm chỉ.

Sau đó tôi dùng kim chỉ để khâu hình mặt các con tôi vào nón.

Vào một đêm ngày lễ, tôi chẳng còn nhớ hôm lễ nào nữa, vì sợ tôi tự tử, những người cai tù làm một cuộc thanh tra bất ngờ. Họ cướp luôn cả hình ảnh của những đứa con tôi.

Tôi bắt đầu kêu gào mỗi tối.

Để kiểm soát tôi dễ dàng hơn, họ chuyển tôi vào ở chung với các tù nhân khác. Khi vào căn ngục mới tôi cố hỏi thăm những tù nhân ở đó để cho đầu óc bớt trống vắng. Tôi định rằng về sau nếu có dịp tôi sẽ kể lại chuyện các bạn tù. Thấy tôi vốn vã, họ bắt đầu nghi ngờ tôi là kẻ báo cáo.

Vào ngày 7 tháng 10, năm 1976, bọn “*Bè Lữ Bốn Tên*” bị lật đổ. Sáu tuần sau, sau ba năm bị giam giữ, tôi được thả trở về để làm việc cùng với đội làm việc cũ. Khi nhìn thấy tôi, những bạn đồng nghiệp cũ của tôi không cầm được nước mắt. Họ bị phê bình là thiếu tác phong.

Lúc đứng đối diện với nhà tôi, tôi nghẹn lời. Nhà tôi dẫn tôi đi gặp các con. Các con tôi mỗi đứa phải ở một nơi với những người trong họ vì tiền lương nhà tôi không đủ lương để nuôi chúng. Ngày tôi bị bắt thì con lớn nhất của tôi được bốn tuổi và giờ đây đã vào tiểu học. Vì lạ, con tôi nhất định không gọi tôi là bố. Đứa con kế mới 5 tuổi và còn quá bé, chẳng hiểu một tí về

những việc đã xảy ra chứ kể gì đến chuyện gọi tôi bằng bố. Tôi muốn khóc mà chẳng còn nước mắt nữa.

Hai năm sau đó, tôi bị thuyền chuyển hết từ đội này đến đội khác. Chẳng có ai muốn mượn một kẻ tội phạm dù chỉ là mượn để quét sàn. Năm 1978 trường hợp của tôi được tái xét và chánh phủ tuyên bố tôi vô tội. Trong suốt thời gian bị giam, tôi vẫn thường tự hỏi chẳng biết mình phạm tội gì. Giờ đây tôi biết mình hoàn toàn vô tội và những cơn ác mộng của ba năm đó bất chợt lại hiện về ám ảnh tôi trở lại. Tuy thế, lần này tôi lại nằm mơ mình chẳng bao giờ được tha; và lần này cuộc đời tù tội cứ bám lấy tôi chẳng khác nào một phạm nhân khốn nạn đang bị ngoạm giữa hai hàm răng của một con chó khổng lồ.

Đêm nào tôi cũng bước thình thịch trong nhà dù rằng nhà tôi chỉ rộng không quá 9 mét vuông.

Đầu tiên nhà tôi cố hết sức không để ý đến những tiếng bước chân thình thịch của tôi nhưng sau đó vì không chịu nổi nhà tôi bắt đầu chửi rửa tôi. Nhưng tôi cứ thế. Một hôm, sau một đêm dài mất ngủ, nhà tôi đưa đôi mắt đầy thù hận nhìn tôi gào: *“Ông bảo ông chẳng làm gì cả. Thế thì tại sao người ta lại bắt ông mà không bắt người nào khác?”*

Ngày nay, tuy tóc tôi đã bạc trắng mà vợ con tôi lại hoàn toàn xa lạ với tôi. Tôi chẳng biết phải làm gì để hàn gắn lại những năm tháng đã mất và chỉ còn biết tìm sự an ủi ở Thượng Đế.

Phải chăng tôi chỉ là một hòn gạch được chuyển từ chỗ này sang chỗ khác?

HÒN GẠCH
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Người Ký Giả

THỨ BA, NGÀY 9 THÁNG 5, NĂM 1989... HƠN 1000 KÝ GIẢ ĐẠI DIỆN CHO HƠN 30 CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG Ở BẮC KINH CÙNG ĐỒNG LOẠT YÊU CẦU CHÍNH PHỦ ĐỂ CHO HỌ ĐƯỢC QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ. HỌ DIỄN HÀNH VỚI TẤM BÍCH CHUÔNG: *“CHÚNG TÔI KHÔNG THỂ NÓI DỐI THÊM ĐƯỢC NỮA.”*

Người Trung hoa lúc nào cũng mang mặt nạ trong cuộc sống. Nào là những mặt nạ do truyền thống đòi hỏi. Nào là những mặt nạ do xã hội đòi hỏi. Và kể từ ngày Giải Phóng thì lại có thêm những loại mặt nạ do đảng đòi hỏi. Mỗi người Trung Hoa phải có đến cả trăm cái mặt nạ. Tùy theo hoàn cảnh, họ chẳng còn cách chọn lựa nào khác ngoài cách tìm lấy một cái mặt nạ để đóng tuồng cho hợp tình, hợp cảnh.

Những chiếc mặt nạ đó thường thật tinh vi, thật cứng, thật khó chịu và lúc

nào cũng khiến cho người đeo phải nhớ đến nó. Rồi đến một lúc nào đó, trong khi đơn độc một mình, họ thường nhìn vào gương để nhận diện rõ hơn những khuôn mặt vô hình của họ.

Vì vai trò đã trở thành thói quen, ăn sâu vào tiềm thức và trở thành một thứ nhu cầu đòi hỏi nên mỗi khi phải tiếp xúc với người khác, người Trung Hoa thường thủ vai xuất sắc đến độ chính họ cũng lầm tưởng mình đang nói thực.

Có lẽ người Trung Hoa nào cũng biết rõ vai trò của mình và tất cả những sự thật của vấn đề xã giao nên lúc nào họ cũng nghi kỵ nhau. Sau nụ cười đó ẩn dấu điều gì? Lời khen đó có ngụ ý gì? Vì chính họ cũng chưa thể bỏ được mặt nạ của mình nên họ khó thể tin rằng người khác đang thành thật. Dần dần họ trở thành những nhà ngoại giao đại tài. Và cuộc sống của họ thật là căng thẳng trong thế giới ảo tưởng đó.

Những lãnh tụ tối cao của Trung Hoa, dù là hoàng đế hay bí thư, cũng chẳng có gì ngoại lệ. Vì nhìn vào toàn những mặt nạ, lúc nào họ cũng chỉ còn biết tin cần những người trong gia đình hoặc bạn bè thân cận vì theo truyền thống thì chỉ có những người này mới thực sự không phản bội họ. Chính vì thế nên những người đeo mặt nạ chung thủy, họ hàng và đồng nghiệp lại phải thủ vai cho đúng — bằng cách chỉ loan báo những tin tức lạc quan, chỉ thú nhận những khó khăn riêng của mình và cố nhận diện thật rõ những kẻ gian dối quanh họ.

Trong trò kịch câm này, ở tầng lớp cao nhất, đại đa số công chúng đều phải thủ vai tuyệt đối trung thành với lãnh tụ. Những kẻ dám đặt câu hỏi chẳng thể là những người yêu nước hoặc thông hiểu lẽ phải; Do đó, tất cả đều phải đeo mặt nạ. Nếu không có mặt nạ, họ chỉ là những khuôn mặt không tên, những con chột bị một kẻ phản động và nhóm “*cực nhỏ*” của kẻ phản động đó khuynh đảo.

Ở Bắc Kinh, chính tôi cũng phải đeo mặt nạ để khỏi bị cho là một người không hiểu văn hóa như những người ngoại quốc khác và để khỏi bị cho đứng vòng ngoài. Và một khi đã bị cho là người ngoài thì bất kể là người ngoài có tâm địa tốt cách mấy chẳng nữa mà nếu không hiểu được tấn tuồng mặt nạ họ cũng sẽ làm hỏng tấn tuồng. Và tấn kịch thì đã hẳn lúc nào cũng là một yếu tố thập phần quan trọng, để giữ sĩ diện, để làm cho cuộc sống hàng ngày dễ thở và nhẹ nhàng hơn. Nhưng vì cứ mang mặt nạ mãi nên chính tôi cũng bị ám ảnh.

Vào một tối tháng năm, sau khi những sự náo động ở văn phòng chính của đài CBS đã lắng dịu, tôi đang chiếu cảnh biểu tình cho một số những người bạn xem thì ở phía cuối phòng bỗng có tiếng reo đầy vẻ kích động: “*Tôi biết người đó mà!*” Người bạn tôi bước thẳng đến chỗ màn ảnh Ti Vi giơ tay chỉ vào một người trong đám ký giả đang diễn hành, bảo rằng người ký giả đó là bạn cùng lớp với anh. Thấy thế một trong những ký giả của đài CBS lập tức muốn phỏng vấn trực tiếp người ký giả diễn hành. Anh ta nhờ tôi gặp riêng người bạn để đánh tiếng. Tôi đã nhấn lại lời yêu cầu của người ký giả CBS.

(Để tránh gây áp lực với những người chúng tôi phỏng vấn, lúc nào tôi cũng nhờ một người khác đánh tiếng hộ và lúc nào cũng dặn kỹ là dù họ có từ chối cuộc phỏng vấn chúng tôi cũng không hề trách móc gì cả.)

Người ký giả đó đến văn phòng tôi, mặt đầy vẻ trầm tư. Chưa ngồi anh đã lấy ngay máy thu thanh ra, xin phép tôi cho anh được thâu thanh buổi phỏng vấn. Anh có ân hận vì đã trót nhận lời hay chẳng? Tôi nói rằng tôi sẵn sàng bỏ ngay cuộc phỏng vấn nếu có điều gì khó khăn. Anh trấn an rằng nếu anh không có ý định để tôi phỏng vấn thì anh đã chẳng đến văn phòng tôi làm gì. Tuy thế, khi nhìn anh loay hoay với cái máy Điện-Liên-Báo (1) gắn liền ở thắt lưng, tôi biết chắc rằng anh đang gặp khó khăn; tôi vừa định khuyên anh về nhà thì máy Điện-Liên-Báo anh đeo ở thắt lưng reng. Anh xin phép được dùng điện thoại của tôi.

Sau một tiếng chào ngắn ngủi có tiếng ngáp ngừng và rồi giọng nói tiếp tục: *“Em không cần biết báo chí nói gì cả. Anh phải tin em.”* Đầu giây đằng kia lại im lặng rồi một phút sau giọng nói lại tiếp tục y hệt như lần đầu. Anh vừa treo máy điện thoại vừa nói: *“Đó là cô bạn gái tôi gọi.”*

Lúc này tôi biết rõ người ký giả không nên lộ diện. Đối với người Trung Hoa thì vấn đề phát biểu tư tưởng của mình trên Ti Vi bất cứ vào giờ phút nào cũng là một việc rất nguy hiểm. Vậy mà anh lại cho phép đài truyền hình phỏng vấn ngay trong lúc cãi nhau với bạn gái. Tôi nói với người ký giả rằng quả thật anh nên suy nghĩ lại, nhưng anh bảo ý anh đã quyết. Tôi nghĩ thầm nếu có thêm thời gian biết đâu anh chẳng thay đổi ý kiến? Tôi mời anh ăn trưa.

Tôi vừa ngồi vào bàn thì người ký giả lại đặt cái máy thu thanh ngay giữa khoảng cách chúng tôi.

Có lẽ tôi đã mỉm cười vì tôi nghe anh nói nhỏ: *“Xin lỗi bà, chẳng qua đây là phản xạ nghề nghiệp đấy thôi.”*

Tôi cũng rút máy thâu thanh của mình ra và đặt xuống ngay cạnh máy của anh ta. *“Được chứ hả?”*

Anh nhoẻn miệng cười và lập tức biến thành một con người khác hẳn. Mặt anh mất hẳn vẻ trầm tư và cách nói chuyện của anh không còn cộc lốc nữa. Rồi cũng giống như những người Trung Hoa khác, anh mở đầu câu chuyện bằng cách hỏi tôi về một số người anh nghĩ có thể tôi biết. Anh cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên khi thấy tôi biết rất nhiều người trong số những người anh hỏi. Nhờ có tên tuổi của những nhóm bạn bè đó bắc nhịp cầu, anh có vẻ tin tưởng tôi hơn. Anh bắt đầu trả lời những câu hỏi của tôi không chút dẫu diếm. Anh còn thú thực rằng, anh cũng giống như những người quen khác. Tất cả đều tham gia biểu tình bất chấp hậu quả để cho thế giới có dịp biết rõ thái độ của những người trong nước. Anh tham gia cuộc biểu tình mà không hề báo cho gia đình biết.

Tôi vừa định hỏi anh thêm về cú điện thoại anh gọi lúc trước thì anh nói

anh vừa mới đến tòa lãnh sự Hoa Kỳ. Tôi giật thót người. Lạy trời cho anh đừng nói đến chuyện nhờ tôi xin giấy thông hành! Lạy trời cho tôi đừng phải giải thích những vấn đề không mấy hay ho về sự bất lực của tôi! Phải chăng người ký giả cho phép tôi phỏng vấn chỉ vì anh muốn tôi phải trả ơn? Nhưng trước khi tôi có dịp giải bày sự bất lực của mình trong vấn đề xin giấy thông hành thì anh đã phát biểu một câu mà tôi chưa nghe bất kỳ người Trung Hoa nào nói từ trước đến nay: *“Vị viên chức đó nói thật đúng. Tôi không xứng đáng được nhận giấy thông hành.”*

Tôi sững sờ nhìn chòng chọc vào anh ta. Anh có vẻ không chú ý và tiếp tục nói rằng quả thật phải thấy luật pháp áp dụng đúng lẽ mới thấy được sự chân chính và công bằng của pháp luật. Anh ta tiếp tục nói rằng vị viên chức đó đã khai sáng một lẽ phải mà anh đã đánh mất từ lâu. Giọng anh thật là chân thực. Tuy thế, vì đã phải trải qua quá nhiều màn kịch khác, tôi tự hỏi phải chăng câu chuyện yêu lẽ phải của anh lại là một tấn kịch xuất sắc hơn cả...

Nhưng anh đã tự đi vào một đề tài khác: "... Người Trung Hoa không còn tin tưởng giới truyền thông; họ quan tâm đến những lời đồn được nghe nhiều hơn và đa số những lời đồn đều điều thất thiệt. Phải chăng thái độ của họ là do lỗi lầm của chính chúng tôi? Hàng chục ngàn sinh viên biểu tình ở Thiên An Môn mà không hề có lấy một chữ trên báo cho đến khi những người Hoa Kỳ như bà đã loan tin cho khắp cả hoàn cầu biết rõ."

Tôi lại chột dạ, Câu khen đó có hàm ý gì? Tôi chuyển ngay đề tài sang một vấn đề không dính líu gì đến phương diện Hoa Kỳ của vấn đề bàn luận. Tôi hỏi: *“Anh có được giao nhiệm vụ lấy tin tức của cuộc biểu tình hay không?”*

Người ký giả đi thẳng vào câu trả lời không chút hoa mỹ: *“Tôi cũng có mặt ở đó cùng với những ký giả Hoa Kỳ. Khi họ không được phép đến gần những nhân vật chính của dư luận, tôi cũng có mặt ở đó. Khi họ rời chỗ biểu tình, tôi cũng vẫn ở đó. Vấn đề khác biệt duy nhất giữa tôi và họ là bản tin của họ được đăng tải nhưng bản tin của tôi thì không.”*

Câu trả lời bất ngờ bất ngờ đến độ gần như cộc lốc và sự hãnh diện nghề nghiệp của anh khiến tôi gạt bỏ mọi sự nghi ngờ. Tôi biết người ký giả không còn mang bất kỳ bộ mặt nạ xã giao nào cả. Tôi cũng cởi bỏ mặt nạ xã giao của mình và nói rõ những ý nghĩ thực của tôi về anh lúc trước. Anh mỉm cười nửa ăn năn, nửa ngượng ngùng và rồi thú thực viên chức ngoại giao ở tòa lãnh sự đã khiến anh suy nghĩ là vì anh đã chạy chọt để có giấy thông hành.

“Anh có đổi ý về vấn đề sang Hoa Kỳ du học hay không?”

“Không. Tôi vẫn muốn được đi để chính mắt trông thấy thế nào là tự do báo chí, nhưng chỉ khi nào có đủ tiêu chuẩn để được cấp phát giấy thông hành tôi mới nộp đơn trở lại.”

Ngay lúc đó, tôi thực tình muốn đóng ngay dấu thông hành cho anh, nhưng vì chẳng thể làm thế được, tôi hỏi: *“Anh có yêu nghề ký giả hay không?”*

“Yêu cũng có mà ghét cũng có.”

“Tại sao?”

Anh ngừng một giây lâu như để tập trung và sửa soạn ý nghĩ và chọn lời nói cho có mạch lạc. Anh không phải là người quen trình bày những ý nghĩ khúc mắc, và cuối cùng khi anh bắt đầu trả lời câu hỏi, tôi tự kềm bớt những câu hỏi khác để anh trả lời cho trọn câu.

“Văn đề chính là báo chí ở đây chẳng có hệ thống gì cả, chỉ có những nguyên tắc do truyền thống để lại thôi. Chúng tôi vẫn cố gắng theo sát những nguyên tắc của truyền thống nhưng quả thực nào có ai biết rõ những nguyên tắc của truyền thống là gì? Trong giới cầm quyền chưa bao giờ có ai tuyên bố là ở Trung Hoa không có tự do báo chí. Như thế thì sự kiện có một vài bài báo bị cấm không có nghĩa là ở Trung Hoa không có tự do báo chí. Nếu những người ký giả chưa cố viết về những đề tài của mình thì họ chưa có quyền bảo rằng họ không có tự do báo chí. Tỷ dụ như ở Trung Hoa vẫn chưa có bài báo nào viết về tù nhân ở Trung Hoa. Theo như tôi biết thì ở Trung Hoa chưa có ký giả nào viết về đề tài tù ngục. Vì thói quen nên chẳng ai chú ý gì đến đề tài đó, vì chưa đặt bút xuống thì đầu óc chúng tôi đã nghĩ ngay đến các hậu quả của những chuyện chúng tôi chưa làm. Thế là chúng tôi lại lặng người vì sợ những hậu quả mà mình chưa biết rõ là gì. Và lúc này nhờ được phong trào sinh viên khích lệ, có thể chúng tôi sẽ cố gắng hơn.”

Nghe anh nói xong tôi thâm phục sự xét đoán công bằng của anh. Tôi hỏi yếu tố nào đã khiến anh xét đoán công bằng như vậy?

Ông nội tôi là một nông dân kiêm nghề bán hoành thánh ở một ngôi làng nhỏ dân số khoảng độ hai ba trăm người. Ông tôi tuy nghèo, nhưng cụ được mọi người hết lòng quý mến. Cụ có đầy đủ quyền hạn của một người trưởng tộc và được mọi người trong họ kính nể hết mực. Ông tôi không biết đọc, biết viết nhưng khác với những nông dân khác, cụ có thể bàn luận gần như tất cả mọi đề tài. Bởi vậy lúc nào cụ cũng phiêu du đi đó, đi đây. Đến ngay cả những nhà giàu và các thầy giáo đến dạy ở những nhà giàu cũng rất mến cụ. Nếu cụ có tiền, cụ chẳng bao giờ ngại việc cho người khác mượn. Có lần cụ cho chính người địa chủ của cụ mượn tiền hút thuốc phiện. Sau cùng, người địa chủ đó chẳng thể trả lại số tiền cụ cho mượn. Vì thế nên cụ mới có được căn nhà.

Về đường duyên số thì cụ lại không may mắn lắm. Cụ lập gia đình 7 lần cả thảy; 6 người vợ của cụ đều qua đời hoặc vì bệnh tật, hoặc vì Nhật thả bom. Chỉ có người vợ cuối cụ cưới sau ngày giải phóng là người ở cùng với cụ cho đến ngày cụ qua đời. Tuy cụ rất đông con nhưng chỉ có một người con gái và hai người con trai là còn sống sót.

Cụ cũng có một người cháu trai gia nhập đảng từ ngày đảng mới được sáng lập. Người cháu trai đó được cử làm bí thư tại quận nhà sau khi quận trở thành một vùng kiểm soát của cộng sản vào năm 1937. Cháu cụ đã cố sức khuyên ông thân tôi và người anh cùng cha khác mẹ của anh ta gia nhập vào

đảng. Lúc đó ông thân tôi đã 11 tuổi. Ông thân tôi không cần đợi người em họ thúc dục gì nhiều. Gia nhập Hồng Quân cho phép ông thân tôi có một cơ hội chống Nhật và một lý do cực tốt để xa gia đình và tránh khỏi phải cãi cò nhiều với người mẹ ghẻ.

Trong những ngày chiến tranh Hoa–Nhật vẫn còn tiếp diễn thì hai bên Trung Hoa Quốc Dân Đảng và Cộng Sản đều đồng ý thỏa thuận chính sách tạm thời chung sống với nhau. Giữa lúc này một người bạn ông nội tôi lại thuyết phục được ông nội tôi gia nhập Quốc Dân Đảng. Ông nội cho rằng theo Quốc Dân Đảng là một ý kiến hay. Cụ lý luận rằng hơi đâu mà đánh bạc với trời bằng cách chỉ cấy độc có một thứ hạt giống. Cấy luôn một lúc hai thứ thì đầu mùa màng có thể nào cũng vẫn có chỗ nương thân. Các con cụ đã gia nhập Hồng Quân thì cụ nên gia nhập Quốc Dân Đảng để vạn nhất nhớ có gì cũng còn có nơi mà dựa.

Ông cụ hỏi người bạn. Nếu muốn gia nhập thì phải làm sao? Người bạn cụ trả lời: *“Anh cứ để tôi lo. Tôi sẽ làm hết mọi thủ tục cho anh.”*

Mối liên lạc giữa ông nội tôi với Tưởng Giới Thạch là thế. Sau đó cụ hoàn toàn quên hẳn. Cụ chưa từng tham dự cuộc họp nào. Cụ cũng chưa từng tuân hành mệnh lệnh nào. Cụ chỉ nghĩ đơn giản rằng cứ có càng nhiều bạn càng tốt.

Tuy ông nội tôi hoàn toàn quên hẳn, người bạn cụ lại không quên như cụ; ông ta lảng lảng điền đơn cho cụ. Và sau ngày Giải Phóng, khi văn phòng Quốc Dân Đảng bị lục soát, họ tìm thấy tên ông nội tôi.

Chính tôi chưa bao giờ biết rõ điều này. Từ bé tới lớn, lúc nào tôi cũng nghĩ gia đình mình là một gia đình hoàn toàn trong sạch. Chẳng những ông nội là nông dân, ông thân gia nhập đảng Cộng Sản mà tôi còn có rất nhiều họ hàng có địa vị quan trọng. Thành tích cách mạng của gia đình tôi thật hiếm có! Tôi cũng chưa bao giờ nghi ngờ những điều được dạy. Tôi hết lòng tin tưởng chủ tịch Mao Trạch Đông. Tôi căm thù những kẻ thù của nhân dân. Tôi căm thù địa chủ, phú nông, các thành phần phản cách mạng và phản động. Tôi chỉ muốn róc lòng hy sinh cho các đồng chí của mình như anh hùng Lôi Phong người được Mao chủ tịch đưa ra làm hình ảnh khuôn mẫu.

Ngày còn ở tiểu học, tôi và các bạn khác lúc nào cũng để ý cố tìm việc tốt để làm. Chúng tôi để dành tiền đi xe buýt cho người nghèo. Chúng tôi giúp những người già băng qua đường. Chúng tôi xung phong làm tất cả những việc tốt như tất cả những đứa trẻ khác ở cùng lứa tuổi. Có lần chúng tôi nhìn thấy hai bà lão quần áo rách rưới đang ra sức đẩy một chiếc xe nặng! Tất cả đều hân hoan ùa đến giúp. Chúng tôi ra sức đẩy chiếc xe về mãi đến tận làng. Nhưng lúc về đến nơi chẳng ai cảm ơn chúng tôi cả, kể cả hai bà lão lẫn những người dân trong làng. Bất thành linh một trong những người trong làng hét lên: *“Bộ chúng mày không có mắt hay sao mà bạ ai cũng giúp? Trước khi giúp thì cũng phải chống mắt lên mà xem chúng mày đang giúp ai kia chứ. Nếu không thì như đòn đẩy. Những con mụ ấy là những con mụ phù thủy, vợ của các địa chủ, chúng mày có biết không?”*

Tôi bàng hoàng vì lỗi lầm của mình. Và chẳng thể nào xua đuổi được cảm giác lỗi lầm đó ra khỏi đầu óc. Hôm sau tôi tự viết một bài kiểm thảo trong lớp về tội vô tình giúp đỡ kẻ thù. Tôi tưởng rằng bài viết đó sẽ chứng tỏ lòng ăn năn của tôi. Nào ngờ tôi bị đổi lớp. Thầy giáo tôi không muốn dung túng một học sinh nguy hiểm như thế trong lớp.

Khi cuộc cách mạng văn hóa phát động thì tôi 13 tuổi. Tôi lấy sợi giây thắt lưng của ông thân đeo vào người và theo các đội vệ binh đi lục soát từng nhà. Tất cả những người tôi gặp đều là người lạ, nhưng họ đã bị ủy ban nhân dân lên án là những phường độc ác, tâm địa rắn rít. Tôi đã đánh họ chẳng khác nào những anh hùng cách mạng đã đánh đập địa chủ trong cuộc cải cách ruộng đất.

Ngay cả khi thấy có người bị đánh đến chết, tôi vẫn cho là chuyện bình thường. Mao chủ tịch đã chẳng dạy rằng xã hội gồm nhiều giai cấp và giai cấp của chúng tôi — công nhân, nông dân và quân nhân — thuộc về giai cấp cách mạng trong khi họ thuộc thành phần — địa chủ, phú nông, các phần tử nhơ nhuốc và phản cách mạng đó sao? Và chúng tôi đang chẳng gia nhập cuộc đấu tranh giai cấp đó sao? Và hễ đã nói đến chuyện chiến tranh thì hẳn là trong bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải có chết chóc.

Rồi một hôm, tôi bỗng thấy một tấm bích chương thật lớn, công bố ông nội tôi là thành viên của Quốc Dân Đảng. Tôi và em tôi vừa đọc tờ bích chương vừa hoang mang xấu hổ và sợ sệt không cùng. Làm sao một gia đình cách mạng như gia đình chúng tôi lại có thể là một gia đình phản động? Làm sao chúng tôi lại có thể không phải là những người thuộc về giai cấp đấu tranh như trong quá khứ? Làm sao mà mới chỉ qua một đêm chúng tôi lại có thể biến thành kẻ thù của giai cấp cách mạng?

Chúng tôi ước rằng chúng tôi có thể *“phân cách được một làn ranh giới rõ rệt”* giữa chúng tôi và ông nội chúng tôi. Chúng tôi ước rằng có một phép lạ nào đó có thể giúp chúng tôi đoạn tuyệt với ông nội, có một phép lạ nào đó cho phép chúng tôi tuyên bố rằng từ đây về sau chúng tôi chẳng còn dính líu gì đến một thành viên của Quốc Dân Đảng như ông nội nữa. Nhưng ông nội chúng tôi đã qua đời từ 10 năm trước. Bởi thế chúng tôi chỉ còn mỗi một biện pháp cuối cùng. Chúng tôi cùng đến gặp ông thân và buộc ông phải đốt sạch những bức hình ông nội.

Chính ông thân tôi cũng đang khốn khổ. Ông thương bố hết mực. Nhưng ông cũng thương các con rất mực. Nếu gia đình tôi không có thái độ rõ rệt về vấn đề ông nội thì tất cả sẽ bị nghi ngờ. Dù sao thì ông nội cũng đã chết rồi. Những lớp trẻ sau vẫn còn tương lai.

Bởi vậy ông thân tôi đồng ý chiều theo sự yêu cầu của chúng tôi. Ông chẳng thể dấu các bức hình đi đâu được và rằng bất cứ giây phút nào nhà chúng tôi cũng có thể bị lục soát. Nếu những người lục soát tìm được những bức ảnh của ông nội thì gia đình chúng tôi sẽ bị khép tội là cảm tình viên của Quốc Dân Đảng. Hơn nữa chính ông thân tôi cũng là một đảng viên của đảng

cộng sản. Trước đây, khi Vệ Binh Đỏ đến nhà ông để bắt em ông, ông cũng chẳng hề có ý dẫu diễm.

Tôi còn nhớ hôm đó tuy hàng xóm đã tắt đèn mà chúng tôi vẫn đợi sau một khoảng thời gian rất lâu trước khi bước ra khỏi nhà. Chúng tôi cùng nhìn ông thân bỏ ảnh ông nội vào một cái bình hoa, cùng nhìn ông thân châm lửa. Những góc ảnh bén lửa cong lên, từng ngọn lửa nhảy múa cho đến khi tất cả chỉ còn là một đồng tro tàn.

Trường đóng cửa. Năm 16 tuổi tôi gia nhập quân đội, và suốt tám năm sau đó phục vụ ở miền bắc gần chỗ biên giới. Trong suốt tám năm trường tôi chưa hề trông thấy bóng một thiếu nữ. Tôi cũng chẳng bận tâm. Chúng tôi còn trẻ và vẫn còn tin tưởng rằng chúng tôi đang đoàn kết để hy sinh cho tổ quốc. Tôi được kết nạp vào Đảng. Trong một thời gian ngắn tôi đã là trưởng nhóm của những nhóm thanh niên xung phong. Đấu Tranh Giai Cấp lúc nào cũng tiếp diễn.

Và rồi tôi được giao nhiệm vụ nấu bếp. Tổng cộng có cả thảy 10 người nấu bếp; 8 người đã từng là tướng Hải Quân. Thịt thà hiếm hoi vô kể. Chúng tôi thường giết chó, mèo để ăn.

Sau giờ nấu nướng tôi hoàn toàn rảnh rỗi. Tôi đọc. Chẳng những chỉ những thơ văn của Mao chủ tịch mà còn đọc cả tự điển và tiểu thuyết nữa. Tôi đọc tất cả những thứ gì có thể tìm được. Tôi chẳng thể ngờ được là tôi đang tự dạy mình cách suy nghĩ. Lối đọc sách kiểu này thật là lồi cuồn. Tôi bắt đầu nhìn thế giới chính trị qua một nhãn quan mới.

Kể từ đó tôi bắt đầu đối trá. Tôi đối trá về vấn đề ngưỡng mộ Mao chủ tịch. Tôi đối trá ngay cả trong nhật ký.

Năm 1978 tôi được chọn vào Sở Thanh Tra cùng với 7 người bạn khác. Mặc dù cuộc cách mạng văn hoá đã kết thúc cả từ 2 năm trước mà nhà tù lúc đó hãy còn đầy người bị nhốt trong cuộc cách mạng văn hóa trước đây. Nhiệm vụ của chúng tôi là duyệt lại hồ sơ của họ. Ngay từ buổi đầu tôi đã bị các hồ sơ ám ảnh — hết hồ sơ này đến hồ sơ khác về những nạn nhân thuộc thành phần trí thức bị bắt oan. Những năm đáng kể nhất của đời họ đã bị lãng phí. Thân thể họ còm cõi. Đầu óc họ trống rỗng. Tất cả những sự liên hệ của họ đối với người thân hoặc gia đình đều bị chính quyền hoặc tự bản thân họ buộc phải cắt đứt. Trong rất nhiều trường hợp tôi đã phải theo dõi hồ sơ của các tù nhân có khi ròng rã suốt nhiều năm trời.

Ngày trở về thành phố, tôi bị buộc phải lập gia đình với một thiếu nữ chỉ vì tôi đã lỡ cầm tay và hôn cô. Nếu tôi không lập gia đình với cô lúc đó, có lẽ tôi sẽ không tránh khỏi bị lương tâm cắn rứt. Hơn nữa, tất cả mọi người đều mong chúng tôi lập gia đình với nhau và chúng tôi chẳng thể làm khác. Trong ngày cưới, toàn thể khách đến dự đều ăn uống no say, nhưng riêng tôi thì chẳng nuốt trôi lấy một miếng. Cuộc hôn nhân của chúng tôi đã sai ngay từ phút đầu. Có thể lý do chính khiến những người ở tuổi chúng tôi ít khi tìm được hạnh phúc trong đời sống hôn nhân là vì chúng tôi đã sống cuộc sống

tập thể quá lâu rồi. Cuộc sống đó đã làm hỏng quan niệm hôn nhân của chúng tôi. Vì đã sống đời sống tập thể quá lâu, một mặt thì chúng tôi chẳng thể yêu mến những kẻ hoàn toàn xa lạ, không cùng chia sẻ tình cảm hoặc suy nghĩ với chúng tôi. Nhưng mặt khác thì chúng tôi cũng chẳng thể sống chung với những người đã biết chúng tôi quá rõ.

Sau nhiều năm chung sống, tôi và nhà tôi đến một ủy ban phường để xin ly dị. Họ cố giảng hòa cho chúng tôi suốt gần hai năm mà không thành công. Cuối cùng họ đồng ý cho phép chúng tôi ly dị. Lúc ký xong giấy ly dị, chúng tôi cùng phải ra đứng trước hiên để vấy tờ giấy cho mực khô trước khi gập lại. Tôi không bao giờ quên được cảnh hai chúng tôi cùng đứng cạnh nhau bên vỉa hè để hong khô hai tờ giấy cho phép cả hai chúng tôi hoàn thành ước nguyện.

Cuối cùng khi cả hai chúng tôi đã cầm được giấy tờ ly dị thì chẳng hiểu sao tôi lại ước rằng phải chỉ giữa hai chúng tôi đừng có chuyện gì xảy ra thì hay biết bao! Tôi không có ý nói đến vấn đề ly dị. Tôi muốn nói đến vấn đề hôn nhân của hai chúng tôi. Tất cả mọi vấn đề trong quá khứ thật đều không cần thiết. Tôi cũng chẳng thể vin vào tuổi trẻ để chạy tội. Lúc đó tôi đã gần 30. Đáng nhẽ chúng tôi phải biết rằng một nụ hôn chẳng thể nào dẫn ngay đến chuyện vợ chồng. Đáng nhẽ chúng tôi phải hiểu một nụ hôn chẳng thể là một cơ sở vững chắc để chúng tôi có thể tựa vào đó mà cùng gây dựng con cái. Đáng nhẽ chúng tôi không nên coi thường những điều chính bản thân mình ngờ vực. Chúng tôi không nên nhắm mắt làm theo áp lực của bạn bè, gia đình. Đáng nhẽ chúng tôi phải hiểu những gì truyền thống đòi hỏi chưa chắc đã tốt đẹp, và những gì không đi đôi với truyền thống chưa hẳn là những điều xấu xa. Nhưng cả hai chúng tôi đều bỏ qua những điều vừa kể. Lúc đó cả hai chúng tôi đều lầm lẫn. Tại sao chúng tôi có thể lầm lẫn một cách buồn cười đến vậy?

Lúc ra khỏi văn phòng cấp giấy ly dị, cả hai chúng tôi cùng đứng cạnh nhau vấy vấy tờ giấy hong mực cho khô. Giấy ly dị của tôi khô trước. Thấy thế, vợ tôi vừa cười vừa bảo: “*Anh thấy không? Ngay cả trong vấn đề hong khô giấy tờ ly dị mà mình cũng không đồng ý với nhau nữa là.*” Tới đó cả hai chúng tôi cùng đến một quán ăn sang trọng để ăn bữa cuối. Cả hai đều hết sức hoan hỉ. Sau bữa ăn cuối đó chúng tôi chia tay nhau chẳng khác gì một đôi bạn.

Tính đến nay, chúng tôi đã ly dị nhau suốt sáu năm trường rồi mà tôi và người vợ cũ vẫn chưa bao giờ nói rõ cho con chúng tôi biết. Quả tình, chúng tôi vẫn chẳng biết trình bày vấn đề ra sao. Con tôi vẫn thường ăn trưa với tôi và gọi người bạn gái của tôi là “*cô*.” Sau đó lại về sống với mẹ nó. Chúng tôi giả vờ như thể cuộc sống của chúng tôi vẫn thật bình thường. Tôi giả vờ. Vợ cũ tôi giả vờ. Ngay cả con trai tôi, dĩ nhiên là biết sự thật cũng giả vờ.

Tôi và ông thân tôi cũng giả vờ hết như thế. Cho tới ngày nay, cha con tôi vẫn không nói chuyện chính trị với nhau. Cả hai chúng tôi đều sống như thế giữa chúng tôi không hề có quan niệm khác biệt về chính trị. Tuy cả tôi lẫn ông thân đều biết rõ những sự khác biệt đó hoàn toàn là sự thật và đời sống hàng ngày của chúng tôi vẫn phản ánh rõ rệt điều đó. Vì đã gia nhập quân đội

50 năm, ông thân tôi tin rằng ông được như ngày nay hoàn toàn nhờ Đảng. Nhờ đảng ông mới có được căn bản giáo dục, có nhà cửa, con cái đầy đủ và một cuộc sống tương đối. Ông thân tôi cũng suy nghĩ như những người khác cùng thế hệ với ông. Ông chẳng thể hiểu được tại sao giới trẻ lại có thể nghĩ khác. Ông cho rằng giới trẻ là những thành phần vô ơn chẳng những đã bỗng bột mà còn phản bội nữa. Tôi càng ngày càng ít nói chuyện với ông thân.

Người ký giả đã cho phép chúng tôi phỏng vấn, thế mà tôi lại chẳng bao giờ dám cho anh ta xem sản phẩm cuối cùng của chúng tôi. Tuy trong cuộc phỏng vấn anh đã nói chuyện suốt cả tiếng đồng hồ về đủ các đề tài mà trong cuốn phim cuối anh chỉ xuất hiện khoảng độ 30 giây.

Cuốn phim vừa được đài truyền hình cho lên Ti Vi được vài ngày, thì tôi lại có dịp nói chuyện với anh. Chúng tôi đang nói chuyện thì tiếng Điện-Liên-Báo gọi anh lại reo. Tuy thế, khi tôi chỉ vào chỗ điện thoại thì anh lại lắc đầu. Mười phút sau lại có tiếng chuông reo. Anh vẫn không gọi lại. Chuông reo lần thứ ba. Tôi hỏi: *“Tại sao anh cố tình không trả lời?”*

“Tôi chẳng biết nói gì với cô ta cả.”

“Cô bạn gái của anh?”

Anh gật đầu và rồi kể cho tôi nghe câu chuyện của anh với cô bạn gái của anh đêm trước. Cả hai đã gây gổ với nhau, về câu chuyện mà cô bạn đã gọi anh khi anh đến gặp tôi lần đầu. Có một ký giả đang bị tố cáo về tội cố đem tin đồn xấu để làm xao động dư luận. Anh ký giả bạn tôi cũng có mặt ở đó nhưng hoàn toàn vô tội. Anh có chứng cứ hản hoi. Anh đã đưa ra những cuộn băng lúc nào anh cũng thu mỗi khi trên đường công tác. Nhưng về sau, các tờ báo vẫn tiếp tục chỉ trích anh, thì người bạn gái của anh vì còn trẻ và ngây thơ đã bắt đầu nghi ngờ anh không nói thật. Cô hỏi: *“Báo chí họ nói láo làm gì?”*

Anh ta trả lời rằng không biết.

Cuộc cãi vã cứ thế tiếp tục. Sau cùng vì quá bức bối, anh bỏ lửng cuộc cãi vã ngay lúc cô bạn gái chưa nói dứt câu để đi ngủ. Thật là bất công cho anh. Đời sống của anh chẳng khác nào đời sống của một nhân vật trong tiểu thuyết Kafka. Một người ký giả không được phép viết rõ sự thực. Một tờ báo loan tin hoàn toàn thất thiệt. Một người tình nói thực hoàn toàn trong khi người yêu của anh ta lại đi tin vào những tin tức thất thiệt được đăng.

Anh nghe rõ tiếng dặm chân của cô bạn gái, tiếng mở cửa sổ, tiếng đồ đạc di chuyển. Anh vẫn mặc kệ. Rồi anh nghe tiếng cô bạn hô hoán rằng cô đang đứng trên bậc cửa sổ và nếu anh còn nghĩ đến cô thì nên bước ra nếu không...

Anh nhắm mắt, cố dỗ giấc.

Khi anh tỉnh dậy, cô đang ngồi cạnh giường, cố dấu những vấn đề khó hiểu trong thâm tâm bằng một vẻ mặt bối rối.

Vào lúc tôi viết thì người ký giả bạn tôi đang bị tù. Anh bị kết tội gì chẳng

ai được rõ, nhưng tôi có được nghe câu chuyện người bạn gái của anh. Cô ta đi khắp cả tỉnh để gõ cửa các trụ sở chính phủ và cố thuyết phục những người cán bộ rằng anh vô tội.

(1) **Điện liên báo (beeper)** là một thứ máy gần như điện thoại, nhưng không có phần ống nghe và ống nói. Điện–liên–báo chỉ reng để báo cho người đeo biết có người khác đang cần liên lạc.

NGƯỜI KÝ GIẢ
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

NÔNG GIA

THỨ BẢY, NGÀY 13 THÁNG 5, NĂM 1989... HAI NGÀN SINH VIÊN TUYỆT THỰC Ở THIÊN AN MÔN ĐỂ PHẢN ĐỐI BÀI BÌNH LUẬN TRÊN BÁO CHÍ NGÀY 2 THÁNG 4 VÀ YÊU CẦU PHẢI CÓ NHỮNG CUỘC TIẾP XÚC THỰC TIỄN CỦA CHÍNH PHỦ VỚI CÁC ĐẠI BIỂU CỦA GIỚI SINH VIÊN.

Vào mùa thu năm 1946, khi bà cụ thân tôi đứng trên bong chiếc thuyền Marylinx chào tiễn biệt gia đình để lên đường thì bà đã 32 tuổi, nhưng tất cả những người có mặt trong buổi tiễn đưa hôm đó đều nhớ rõ trông bà cụ thân tôi chẳng khác gì một cô dâu mới. Cô em út Cathy của tôi còn quá thấp, chưa cao quá khỏi tấm hàng rào chắn trên tàu nên chỉ biết đưa tay khoa con búp bê lên cao. Tôi cố hết sức đu mình lên chỗ tựa tay của hàng rào và vùng hai tay rồi rít làm rối cả áo, cả tóc như thể cố dồn hết sức để cho tàu đi nhanh mà gặp ông thân.

Dì A Di đứng trên bến tàu Thượng Hải vẫy tay chào lại. Trông dì chưa mập lắm nhưng người dì cũng đã có ít nhiều dấu hiệu cho thấy rõ tướng mạo của một người sắp trở tướng đầy đà. Tay trái dì bồng cô em út tôi. Hôm đó San San mặc chiếc áo màu hồng mẹ tôi may. Cô đang mọc răng và có tật hay cắn cổ bất cứ người nào bế cô — trừ bà cụ thân tôi. Ngay cả đối với những đứa bé thơ mà một người yếu đuối như bà cụ thân tôi vẫn tỏ ra một vẻ uy nghiêm nào đó, ngăn cấm hẳn những điều sằng bậy, không cần phải dùng đến lời nói, hoặc thái độ nào đặc biệt cả.

Trong khi dì A Di đang loay hoay cố tránh không để San San cắn thì ông ngoại tôi đứng yên chống hai tay trên cây ba–tong bằng ngà trông chẳng khác nào một pho tượng, ông mặc áo dài trắng, khoác áo vest lông, đầu đội mũ tây.

Hẳn nhiên là tất cả gia đình tôi ai cũng cảm thấy buồn ít nhiều khi phải tạm cách biệt trong vòng một hai năm; nhưng cả kẻ lên đường lẫn người đi tiễn đều hãnh diện là gia đình tôi sắp sửa sang thăm Hoa Kỳ.

Định mệnh đã khiến lần tiễn đưa năm đó thành lần cuối gia đình chúng tôi còn thấy mặt ông ngoại. Và chính vì vậy nên vào năm 1973, trước khi tôi

trở về Trung Hoa lần đầu, bà cụ thân tôi đã buộc tôi phải hứa rằng, bất kể khó khăn ra sao, bất kể trở ngại thế nào, tôi cũng phải chu toàn bốn phận hiếu thảo bằng cách thay mặt cụ quét sạch lại mộ ông ngoại. Thế theo lời yêu cầu của bà thân, tôi nộp đơn xin được phép đến thăm mộ ông ngoại cùng với những người họ hàng khác vẫn còn ở Trung Hoa. Người cô có trách nhiệm đón tôi vội đánh điện sang Thượng Hải cho người em cùng cha khác mẹ là cậu tôi để cậu tôi có dịp sửa soạn trước. Ngày ông ngoại mất, cậu là người được giao trách nhiệm phải trông coi mộ phần ông ngoại. Cả cô tôi lẫn tôi đều không biết điều yêu cầu của chúng tôi đã đặt cậu tôi vào một tình trạng khó xử.

Sau khi nhận được lá thư của tôi, cậu tôi đã nhiều đêm mất ăn, mất ngủ, lo lắng không biết phải làm gì. Cậu nhớ lại hoàn cảnh ngày trước, lúc ông ngoại mất và cậu có bốn phận phải lo chôn cất ông ngoại cho chu đáo. Cậu đã giữ chiếc bình sứ nhỏ đựng hài cốt của ông ngoại ở ngay đầu giường trong suốt ba năm để xoay sở tìm một miếng đất làm mộ cho ông ngoại. Trong khi đó thì mẹ tôi lại gửi tiền sang cho ông cậu tôi lo việc hương hỏa mà không hề biết rằng ở Trung Hoa lệ chôn cất đã bị cấm để cho nông dân có đủ đất đai cày cấy. Cậu tôi cũng dẫu hần, không nói với bà thân tôi về luật lệ này. Tuy thế, lúc nào cậu cũng cố gắng tìm cách để chôn cất ông ngoại cho đúng với tục lệ cổ truyền. Cậu tôi lúc nào cũng bị ám ảnh vì vấn đề thiếu bốn phận đối với ông ngoại.

Kể từ ngày cậu còn theo học cao học ngành điện, cậu tôi đã chịu ơn ông ngoại rất nặng. Trong thời gian đó ở Trung Hoa, Mao Trạch Đông đang phát động phong trào "*Trăm Hoa Đua Nổi*." Trường đại học của ông cậu tôi có mở một cuộc họp để bàn luận vấn đề cải cách giáo dục. Đề tài của buổi họp đó là liệu có nên chuyển một vài phân khoa của đại học từ vùng thành phố về Tây An hay không? Vì đến trễ, ông cậu tôi phải ngồi ở hàng ghế cuối. Bởi vậy nên lúc cậu tôi phát biểu ý kiến thì chẳng ai thấy ông đâu. Cậu tôi phát biểu chẳng cần đắn đo. Ông đứng thẳng ngay trên cái ghế ông đang ngồi, nói rằng đại học không nên chuyển phân khoa. Cậu tôi lý luận rằng vấn đề chuyển phân viện về Tây An sẽ dẫn đến nhiều khó khăn khác chẳng hạn như những sự trở ngại trong vấn đề dùng các phương tiện học đường và liên lạc với các chuyên gia trong trường. Ý kiến của ông đã khiến nhiều nhân vật cách mạng của giới nông dân thù oán.

Sáu tháng sau Mao Trạch Đông tuyên bố chiến dịch bài trừ phản động. Trường đại học của cậu tôi cũng nhận được một con số phản động do đảng đưa ra. Vào lúc đó, chẳng còn người cán bộ nào nhớ rõ ai đã phát biểu thế nào trong buổi họp toàn trường khi trước. Tuy thế, tất cả vẫn còn nhớ rõ người sinh viên đã đứng trên ghế để phát biểu tư tưởng. Đó là lý do chính khiến cậu tôi biến thành một nhân vật phản động. Tất cả mọi người đều tránh tiếp xúc với cậu tôi. Nếu lúc đó ông ngoại không an ủi cậu tôi và kéo cậu tôi về sống chung thì có lẽ cậu tôi còn phải khổ sở hơn gấp bội.

Sau khi giữ hài cốt của ông ngoại được hai năm thì ông cậu tôi chợt nhớ ra một bệnh nhân ở Tô Châu đã từng mang ơn cứu tử của ông ngoại. Thế là ông vội vàng cột bình đựng hài cốt ông ngoại vào xe đạp và rồi đạp suốt 150 cây số

để tìm. Lúc đầu thì người nông dân chịu ơn ông ngoại giả vờ không nhớ ông ngoại là ai. Anh ta nói nhỏ: *“Coi chừng tai vách mạch rừng,”* và đề nghị cậu tôi cùng đi bộ chung với anh ta. Nhưng anh nông dân không phải là một người vô ơn. Sau khi nghe ông cậu tôi trình bày mọi chuyện, anh đồng ý cố tìm một mảnh đất để làm mộ cho ông ngoại.

Ngày nhận được thư của bà thân tôi, cậu tôi đã đọc đi, đọc lại nhiều lần. Ông suy nghĩ mãi mà vẫn chưa biết một kẻ phản động như ông phải làm sao để đến gặp nhân viên của chính quyền. Mặt khác, nếu tôi đã nộp đơn yêu cầu thì ông còn biết làm cách nào để chối từ? Chẳng những thế, nếu ông ra thú thực thì cả ông lẫn người nông dân can đảm đã giúp ông đều bị liên lụy. Cuối cùng ông quyết định thú thực tội phạm của mình. Ngạc nhiên thay, chính quyền Trung Hoa lại tỏ ra mừng rỡ khi biết rằng họ vẫn còn được một ngôi mộ để cho bà vợ của phụ tá Ngoại Trưởng Kissinger đến viếng như đã yêu cầu. Chính phủ Trung Hoa đã cố tìm cách khiến tôi nán lại Quảng Đông và Hàng Châu suốt hai tuần lễ để họ có thời giờ khắc một tấm bia đá cho ngôi mộ của ông ngoại trước khi tôi đến thăm.

Vừa gặp cậu tôi ở Thượng Hải, tôi đã cảm thấy gần gũi. Cậu tôi cũng giống Cô Má. Cả hai người đều hết sức tự nhiên. Dường như họ chẳng còn sợ hãi điều gì. Những biến cố khác thường họ trải qua trong quá khứ đã biến họ thành những con người điềm tĩnh.

Trước ngày trở về Trung Hoa tôi đã tự hứa sẽ cố hết sức để giữ trọn cương vị của một vị quốc khách đối với chính phủ Trung Hoa. Thế mà chẳng hiểu sao một đêm lòng thôi thúc khiến tôi quên hẳn. Tôi hóa trang bằng cách thắt tóc bím đuôi ngựa, mặc đồ bộ pi-ja-ma rồi lên ra khỏi khách sạn, cùng đi dạo với cậu tôi. Chúng tôi cùng thả bộ trên những con đường nhiều cây cối bao quanh bờ sông Hoàng Phố. Trời đêm trăng tròn thật đẹp, gió mát nhẹ, trong lành và trên mặt hồ lấp lánh những ánh phản chiếu chẳng khác nào khung cảnh của một giấc mơ.

Chúng tôi cùng yên lặng đi bộ. Bầu không khí yên lặng trong chuyến đi bộ đó thật là tự nhiên, tự nhiên chẳng khác nào bầu không khí yên lặng của một giai đoạn chuyển tiếp khi đoạn cuối của một chương sách kết thúc để mở đầu một chương khác. Tôi nhìn sang cậu tôi. Đôi vai to lớn vì công việc lao động của những năm khổ sai gần như tương phản với vẻ người khác khổ của cậu. Cậu tôi tính tình cũng phóng khoáng chẳng kém gì Cô Má.

Tôi thâm suy nghĩ về những họ hàng khác, những người lúc nào cũng phải bối rối và mất tự nhiên nếu có sự hiện diện của tôi. Tôi hỏi: *“Điểm chính khiến cậu và Cô Má khác biệt với những người khác là điểm nào?”*

Cậu tôi trả lời ngay: *“Là một bộ óc chẳng thể cải tạo được.”* Sau đó cậu vừa lắc đầu, vừa cười. *“Vấn đề mâu thuẫn là trước khi bị chụp mũ phản động, cậu chưa bao giờ để ý gì đến vấn đề chính trị. Ấy thế mà kể từ ngày bị chụp mũ trở đi thì cậu lại một mực chú tâm đến các vấn đề chính trị chẳng khác nào bị các ngọn lửa chính trị thổi miên.”*

“Kể từ ngày cậu được cho về, đời sống có đỡ được chút nào không?” Cậu tôi chỉ mới được cho về một thời gian ngắn sau khi nhà tôi bí mật công du sang Bắc Kinh.

Cậu tôi nhún vai: “Cho đến giờ phút này thì đây là lần đầu cậu có thể tự mình mưu sinh. Đây là lần đầu tiên cậu có thể có vừa đủ để đáp ứng cho nhu cầu của một người đàn ông độc thân và ít nhu cầu. Nhưng trong con mắt của đại đa số những người ở đây thì cương vị của cậu lúc này thật chẳng khác nào cương vị của một kẻ sát nhân nguy hiểm bậc nhất ở Hoa Kỳ đã qua mắt được pháp luật nhờ vào những xảo thuật chạy chọt. Tất cả mọi người đều tránh né cậu. Tuy thế cậu vẫn hãnh diện vì cương vị của cậu là một cương vị không thể thiếu trong xã hội Trung Hoa.”

“Cháu chưa hiểu rõ ý cậu.”

“Chẳng có gì cả cháu à. Nếu không có những người như cậu thì đảng làm gì có mục tiêu để đấu tranh hoặc đổ tội. Những người như cậu khiến cho giới lãnh đạo có một đàn vật hy sinh để nhận tội cho toàn thể quốc gia.”

Tôi rùng mình và cậu tôi tưởng tôi lạnh. Cậu nói: “Trời khuya rồi, thôi mình về”.

Thượng đế quả là huyền nhiệm khi bắt tôi đợi trọn 27 năm trước khi cho tôi chính thức trở về thăm viếng Trung Hoa. Có lẽ chỉ đúng ở tuổi 35 tôi mới có thể nhìn vào cuộc sống với đầy đủ các quan niệm của cả hai phía. Có lẽ chỉ đúng ở tuổi 35 tôi mới vừa có được cái nhìn của một người mẹ, vừa có được cái nhìn của một đứa con, vừa có được cái nhìn của một người Trung Hoa, vừa có được cái nhìn của một người Hoa Kỳ, vừa có được cái nhìn của một người trẻ, vừa có được cái nhìn của một người già, vừa có được cái nhìn của một người trong gia tộc, vừa có được một cái nhìn của một người hiểu lịch sử, vừa có được cái nhìn của một người mơ mộng, vừa có được cái nhìn của một người đã hết mơ mộng và vừa có được cái nhìn của một người quan niệm rõ được rằng chết chẳng qua chỉ là một danh từ, không hơn không kém. Chỉ ngay lúc cuộc đời đã tròn phân nửa, tôi mới cảm thấy mình đủ sẵn sàng để tiếp xúc với Trung Hoa.

Đã có lần tôi cảm thấy rất buồn khi biết rằng chỉ vì đến muộn có 3 năm mà tôi không được gặp ông ngoại. Nhưng nếu chúng tôi có dịp gặp nhau, tay bắt mặt mừng như thế biết đâu trời lại chẳng ghen tuông với sự hạnh phúc của chúng tôi mà bù trừ vào đấy bằng những tai ương khiến cho gia đình chúng tôi lại phải gặp những chuyện đau buồn khác? Có lẽ vì cuộc gặp gỡ giữa tôi và ông ngoại chẳng bao giờ xảy ra nên trời cũng thương tình để yên cho các cuộc gặp gỡ định mệnh của tôi với họ hàng gia tộc.

Ông ngoại tôi an nghỉ ở Tô Châu. Mộ ông nằm ở một nơi có núi che bóng gió, dưới bóng mát của một bụi trúc, nhìn xuống những cánh đồng xanh phía dưới bên cạnh mặt nước Thái Hồ phẳng lặng với những màn sương mờ ở chân trời phía xa. Tên ông được khắc rõ trên một phiến đá. Phiến đá đó là di tích

của một đời người. Phiến đá sẽ muôn đời còn đó, không bao giờ bị cày nát, phá vỡ, bỏ bê hoặc bị di chuyển đi bất kỳ nơi nào khác. Phiến đá đó là di tích, của ông ngoại tôi, của chúng tôi, của cội nguồn chúng tôi. Nhờ vào chính phiến đá mà sau này các thế hệ con cháu tôi, dù không còn nói được tiếng Trung Hoa, dù trông không còn giống người Trung Hoa vẫn có thể tìm hiểu được cội nguồn gia tộc. Sau này, nếu tìm về cội nguồn, các thế hệ sau vẫn có thể nhìn vào phiến đá để cảm thấy cội nguồn Trung Hoa của họ như tôi đã cảm thấy khi đứng trước mộ ông ngoại chiều nay.

Tôi vái ba lần trước mộ ông ngoại, rồi thay mặt bà thân tôi cắm lên mộ một ít hoa quỳ.

Có lần, tôi được nghe một nhà văn kể chuyện anh bị đảng bắt phải chung sống với nông dân. Một hôm, trong một bữa cơm tối người bí thư đảng bắt anh phải ngồi chồm hổm ăn cơm ngay trước lò nấu chứ không được ngồi chung bàn với gia đình người nông dân. Thấy vậy, một người nông dân già lên tiếng. *“Chúng tôi nào có mời ông ấy đến ở với chúng tôi đâu? Chính anh mời kia mà. Nhưng nếu ông ấy đã đến đây thì anh phải để cho ông ấy cùng ăn ở bàn với chúng tôi như bao nhiêu người khác.”*

Có lẽ vì giới nông dân, khác với tầng lớp trí thức, chẳng bao giờ biết mang mặt nạ; có lẽ, vì không giống giới tiểu tư sản nên họ vẫn được tôn xưng là phần tử chính và những người có công với cách mạng nhất, họ thường làm những việc mà những người khác không dám làm: Họ dám bày tỏ lòng nhân.

Năm 1937, khi có tin Nhật sắp đến làng chúng tôi, tôi chỉ mới 10 tuổi nhưng tôi đã biết cầm giáo đứng canh mỗi ngày. Sau đó Đệ Bát Lộ Quân đến và chúng tôi cùng theo họ vào núi. Đảng không hề nhận được những đồ tiếp tế như Quốc Dân Đảng hứa và quân đội của chúng tôi do đó phải nhờ các nông dân cung cấp thực phẩm và quần áo. Tôi làm giấy và may vớ cho các quân nhân. Chúng tôi cùng đồng lòng chia xẻ cơm áo với các quân nhân vì họ hết sức thẳng thắn, chẳng bao giờ ăn trộm, dù chỉ là một chiếc kim khâu. Họ cũng chẳng bao giờ dùng súng đạn để uy hiếp dân chúng. Họ chỉ chiến đấu chống kẻ thù. Lúc đó tất cả mọi người cùng đều chung một mục đích: đánh đuổi quân Nhật. Có vài nông dân chết vì kiệt lực ngay trong lúc đang khiêng những người bị thương.

Những người trẻ hôm nay không hề tin tôi khi tôi kể chuyện mọi người lúc đó đối xử tử tế với nhau ra sao, mọi người lúc đó đặt hết lòng tin vào đảng thế nào. Tuy rằng những người dân làng chúng tôi ít học, chúng tôi vẫn biết thế nào là lẽ phải, trái và biết đền đáp lại những sự tử tế của những người khác. Chúng tôi hết sức thành thực. Ngày nay người ta chỉ còn nghĩ đến tiền. Họ chẳng còn suy nghĩ gì đến đạo đức nữa.

Năm 13 tuổi, tôi gia nhập một đội trình diễn của Hồng Quân. Đội chúng tôi thường trình diễn trước đám đông. Chúng tôi hát cho tương lai của một nước Trung Hoa hòa bình, hát cho một ngày mai khi tất cả mọi người đều được hưởng một cuộc sống an lành. Chúng tôi cùng mơ về một ngày mai khi không ai còn phải lo lắng về vấn đề phải trả giá mướn nhà cao hoặc tiền lãi.

Chúng tôi mơ về một ngày mai khi tương lai đời sống sẽ có nhiều hứa hẹn hơn. Trong những buổi hát trình diễn, lúc nào tôi cũng được đứng hàng đầu, chẳng những vì tôi nhỏ tuổi và thấp bé nhất mà còn vì giọng tôi khoẻ. Tôi có thể hát to ở cả những cung bậc trầm lẫn những cung bậc bổng.

Tôi rất thích hát và không lúc nào chán trình diễn trên sân khấu. Tôi mê được thủ vai nhân vật này hay nhân vật khác. Tôi mê vẽ mặt, mê mang tóc giả, mê làm khán giả cười hoặc khóc — cuộc đời tôi chẳng khác nào cuộc đời một con chim non tung cánh. Tôi cũng thích phiêu du đây đó. Trong những chuyến lưu diễn, tôi cũng có đi qua làng tôi vì làng cũng là nơi quân Nhật hoành hành, cướp bóc.

Trong cả đoàn trình diễn, chỉ có tôi và những người đầu bếp là những người ít học nhất. Tất cả những người còn lại đều là sinh viên tốt nghiệp ở những trường đại học danh tiếng. Thủ trưởng của chúng tôi là một sinh viên tốt nghiệp ở đại học Bắc Kinh. Anh ta đã tự vẫn trong chiến dịch Cách Mạng Văn Hóa. Trong đoàn chúng tôi cũng có một thiếu phụ trí thức ở thành phố, chính cô ta đã dạy tôi rất nhiều bài hát và còn cho tôi một bộ quần áo. Lần đó là lần đầu tiên tôi có dịp mặc một bộ đồ bằng len thay vì những bộ đồ may bằng vải thô. Mỗi lần mặc bộ quần áo đó, là mỗi lần tôi cảm thấy ấm áp và đặc biệt.

Mặc dù những người trí thức trong đoàn chúng tôi cũng cùng mặc quần áo như chúng tôi, ngủ cùng giường với chúng tôi, ăn uống y hệt như chúng tôi và cũng có chấy rận y hệt như bao nhiêu người khác, họ vẫn hoàn toàn khác biệt với chúng tôi. Họ đi cầu bằng giấy thay vì dùng những hòn đá nhỏ. Họ nói tiếng quan thoại chứ không dùng tiếng địa phương. Họ đọc những quyển sách dày cộm. Dường như họ biết tất cả những điều gì cần biết.

Lúc nào họ cũng chỉ muốn trình diễn những vở kịch nổi tiếng nhất mặc dầu chẳng ai hiểu nổi những vở kịch đó cả. Tuy thế, mọi người vẫn đến xem. Khán giả thường ngồi ngay trước sân khấu, trên các ghế dài hoặc trên những viên gạch tuy rằng trời rét cắt da cắt thịt. Những khán giả thời đó khác hẳn với những khán giả ngày nay, họ không bao giờ nói chuyện hoặc di chuyển trừ khi những người trình diễn phải đổi sân khấu để trình diễn một hồi kịch khác. Hồi đó, vì chưa có màn kéo để che sân khấu nên cứ mỗi khi hồi kịch kết thúc chúng tôi lại phải di chuyển sang một sân khấu khác. Chúng tôi thường đỏ mặt khi các nam tài tử ôm các nữ diễn viên ngay trước mặt công chúng! Tất cả mọi người lúc đó đều cùng suy nghĩ một lòng như nhau.

Năm 1944 là một năm khó khăn, chiến tranh và bệnh tật đã khiến con số tử vong của quân nhân dâng cao. Những người không trực tiếp chiến đấu phải tản cư về những vùng làng mạc xa xôi nơi quân Nhật ít khi hành quân đến. Tôi cùng ngủ chung với một gia đình đông con trên một chiếc giường làm bằng đá. Chung quanh giường là gà và lợn. Tất cả cùng chung một phòng tuy rằng chẳng có gì hôi thối ngoại trừ mùi chua của một hũ dưa cải muối ở góc phòng.

Một hôm chúng tôi thấy có một khoảng cỏ cao bị đập rạp bằng xuống và

đọc theo bờ lộ có những mảnh giấy vẽ hình một đôi giày bố quân nhân to bên cạnh một đôi hài đỏ của phụ nữ. Bên hông của bức họa đó là những giòng chữ kêu gọi những người Trung Hoa hãy buông súng quay về với mái ấm gia đình.

Tình thế nguy hiểm không cho phép tôi ẩn nấp ở đây được lâu thêm. Nếu quân Nhật tra vấn tôi, qua cách ăn nói của tôi chắc chắn họ sẽ biết rằng tôi là một trong những người của nhóm văn nghệ thuộc Đệ Bát Lộ Quân. Vì vậy, tôi quyết định đến thẳng chỗ vùng Cộng Sản kiểm soát ở Diên An.

Nơi đây tôi còn được trình diễn nhiều hơn. Mao chủ tịch đã cho lệnh rằng nghệ sĩ phải phục vụ công nhân, nông dân và quân nhân, do đó chúng tôi hát những bài dân ca lời lẽ mộc mạc mà tất cả mọi người, kể cả tôi cũng hiểu. Mao chủ tịch cũng xin lỗi giới trí thức về những sự quá lỗ của các chiến dịch tiêu diệt gián điệp trong những ngày đảng truy nã các thành phần của Quốc Dân Đảng và phản cách mạng. Khi ông ngả mũ, cúi mình trước mặt họ, rất nhiều người không cầm được nước mắt. Họ đã từ bỏ gia đình cao sang của mình để đến Diên An, và Đảng đối với họ chẳng khác gì cha mẹ. Và có đứa con nào không cảm động khi cha mẹ giơ hai tay vỗ về mình sau cơn thịnh nộ? Điểm chính của vấn đề là điểm đó. Khi được âu yếm như thế, có đứa bé nào còn nhớ rằng mình đã bị trừng phạt sai hoặc bị buộc phải thú nhận những điều mình không hề làm?

Trong cuộc cách mạng văn hóa về sau, tôi vẫn thường nhớ đến cảnh Mao Chủ Tịch xin lỗi để có thể chịu đựng những hình phạt vì tôi biết rằng một ngày nào đó, đảng sẽ không còn hiểu lầm tôi.

Từ một đứa bé gái mộc mạc, tôi lớn dần và trở thành một người đàn bà mộc mạc. Nhà tôi cũng là một đảng viên và chẳng bao giờ bàn chuyện chính trị với tôi. Nhà tôi cho rằng tôi không phải là người kín đáo. Ông sợ tôi nói rõ những suy nghĩ của ông với những người khác. Nhà tôi cũng có lý, nhưng thực ra tôi đã giữ bí mật tất cả những câu hỏi của mình.

Cải cách ruộng đất vừa phát động tôi đã không đồng ý với rất nhiều vấn đề, chẳng hạn như vấn đề đánh đập những người địa chủ. Những người địa chủ trong làng tuy quả có nhiều đất đai và gia súc hơn chúng tôi nhưng họ cũng làm việc cực nhọc và cuộc sống của họ cũng kham khổ chẳng kém gì chúng tôi. Nếu một người nào khác không biết họ là địa chủ nhìn vào họ cũng chẳng phân biệt được sự khác biệt giữa họ và chúng tôi. Quả thật, họ có nhiều quyền lực hơn và chẳng bao giờ cho phép con cái lập gia đình với nông dân, nhưng đánh đập họ như vậy có công bằng không?

Trong phong trào đại Nhảy Vọt, tôi không tin Trung Hoa có thể bắt kịp với Anh Quốc trong vòng 15 hoặc 20 năm, bất kể tất cả mọi nỗ lực tranh đấu. Tuy tôi chẳng phải là người có nhiều kiến thức, nhưng có hai vấn đề tôi biết rõ là làm ruộng và ca hát. Làm sao tôi có thể tin được một mẫu đất có thể sản xuất ra đến hàng trăm ngàn gia gạo? Làm sao tôi có thể tin được rằng chỉ cần tập dượt khoảng năm lần là chúng tôi có thể trình diễn một màn kịch mới hoặc chúng tôi có thể trình diễn cả ngàn buổi trình diễn trong một tháng?

Trong giai đoạn Cách Mạng Văn Hóa tôi được chứng kiến tận mắt việc các cán bộ đối trá và huênh hoang, để cổ qua mặt nhau. Họ nói với đảng rằng họ có thể làm những việc mà ngay cả trời cũng chẳng thể làm. Họ chỉ muốn làm vừa lòng giới lãnh đạo để nổi tiếng. Các cán bộ chẳng nghĩ gì đến dân chúng nguyên là những người phải ra sức để đạt được những tiêu chuẩn của họ. Dĩ nhiên giới cán bộ chẳng thể nào đạt được những tiêu chuẩn phi thường do họ đề ra. Họ đã dùng những của tốn kho để đắp điểm vào những chỗ thiếu thốn, cố đạt cho được những tiêu chuẩn khổng lồ. Chẳng bao lâu sau nạn đói bộc phát. Nhiều người chết đói, nhiều người khác phải ăn cả vỏ cây và lá cây.

Tôi thực tình xấu hổ cho đảng khi nghe nông dân nói rằng gia đình các cán bộ thì ỉa ra vàng còn họ thì lại chẳng làm thế nào để ỉa cho được. Thử hỏi đâu là lẽ phải?

Trong cuộc cách mạng văn hóa, tôi bị bỏ tù vì chỉ trích những bài hát bà Giang Thanh ưa thích. Các bạn tôi cũng thế. Chúng tôi cùng bị kết án là một nhóm nghệ sĩ phản động. Đầu tiên tôi định tự tử và đã sửa soạn sẵn cả chương trình: Trước mặt hàng ngàn người xem tôi sẽ hát:

*Trong cùm kẹp tôi gửi lời vĩnh biệt
Cuộc sống này có gì quý nữa đâu
Tôi chỉ xin được nói rõ một câu
Tôi tin Đảng bằng niềm tin tuyệt đối.*

Nhưng sau đó tôi đổi ý và quyết định đợi cho đến ngày đảng hiểu rõ trường hợp của tôi. Và đảng đã hiểu. Giờ đây chính bà Giang Thanh là người bị giam trong ngục.

Tôi không hề trách móc những toán vệ binh đỏ đã đến lục soát nhà tôi và cướp đi tất cả mọi thứ. Tôi tha thứ cho những người đã bị buộc phải áp bức tôi để giữ lấy mạng sống của chính họ. Nhưng tôi không thể tha thứ cho những kẻ mưu đồ, cố tình xuyên tạc để tố cáo tôi là kẻ phản quốc. Những kẻ đó vẫn ung dung tự tại và vẫn tiếp tục lộng hành còn hơn cả ngày trước. Thử hỏi đâu là lẽ công bằng?

Ngày nay tuy ai cũng có thể tự do bàn luận, tuy đời sống đã được nâng cao và người dân đã có thể có cả Ti Vi lẫn xe đạp, nhưng vấn đề là chẳng ai còn có thể động viên dân chúng được nữa. Đã có quá nhiều gương xấu của các cán bộ. Nạn hủ hóa và nạn tham nhũng đã lan tràn trong giới cán bộ. Giới cán bộ ngày nay là những kẻ vào đảng chỉ để thủ lợi và lợi dụng quyền lực. Họ khác hẳn những người cùng cùng hoàn cảnh như chúng tôi. Họ không phải là những người vào đảng để giải phóng Trung Hoa như lúc trước. Chỉ có những người như chúng tôi mới là những người quả thực còn tin vào lý tưởng của đảng. Chúng tôi sẵn sàng chấp nhận lỗi lầm. Chúng tôi không tham nhũng. Chúng tôi vẫn làm việc cho nhân dân, nhưng những người như chúng tôi càng ngày càng hiếm và đa số đều đã già.

Cả bốn đứa con tôi đều chẳng có đứa nào xin vào đảng. Chúng nghĩ rằng lo lắng cho tương lai quốc gia là thiếu thực tế. Chúng chỉ muốn đi làm kiếm

tiền nuôi thân. Chúng cho rằng bố mẹ chúng là những người đại dột.

NÔNG GIA
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Người Tiểu Thương

THỨ BA, NGÀY 16 THÁNG 5, 1989... NGÀY THỨ TƯ CỦA CUỘC TUYỆT THỰC. HƠN HAI TRĂM NGƯỜI BIỂU TÌNH BỊ ĐƯA VÀO BỆNH VIỆN VÌ CƠ THỂ THIẾU NƯỚC, VÌ NGỒI DƯỚI NẮNG QUÁ LÂU. MUỖI HAI SINH VIÊN QUYẾT ĐỊNH TUYỆT ẨM.

Gorbachev và các nhà lãnh đạo Trung Hoa họp ở tòa đại sảnh nhân dân.

Công nhân cầm cờ liên đoàn lao động diễn hành trong công trường đòi chánh phủ phải thành thật thảo luận vấn đề.

Đã bao nhiêu Hoa Kiều thành công tuy sống cao sang suốt đời ở ngoại quốc mà lòng vẫn ấp ủ nguyện vọng một ngày nào đó họ có thể quay về sống ở nguyên quán trước ngày nhắm mắt? Đã bao nhiêu Hoa Kiều đầu tắt, mặt tối làm việc ở những quán ăn hoặc ở các cửa tiệm may vá, chẳng phải để dành dụm cho riêng bản thân mình mà là cố dành dụm để giúp đỡ những người họ hàng ở Trung Hoa mà họ chưa hề biết mặt? Đã bao nhiêu Hoa Kiều được xã hội Tây Phương đào luyện thành tài mà trong thâm tâm vẫn chỉ ước mong được phụng sự Trung Hoa?

Tôi có nghe chuyện một thiếu phụ Trung Hoa đã sang Hoa Kỳ bằng cách lấy chồng qua thư. Tuy chồng bà qua đời rất sớm, thiếu phụ đó vẫn an phận làm nghề may vá. Bà tiếp tục ở lại Hoa Kỳ, mỗi ngày khâu vá suốt cả 16 tiếng để dành dụm tiền trước ngày quay về làng cũ. Ngày quay về làng, bà đã dùng tất cả số tiền dành dụm để đãi toàn thể dân làng một bữa đại tiệc và một đêm xem hát. Tôi cũng biết chuyện một thiếu phụ Trung Hoa khác ở New Jersey. Bốn mươi năm trước, thiếu phụ đó bị chồng phụ rẫy ở Trung Hoa. Vậy mà bà lại vui lòng dùng số tiền mình đã dành dụm được giúp những đứa con của người chồng cũ với người vợ hai sang Hoa Kỳ du học. Tôi chẳng thể hiểu hoặc tỏ ý tán thành hành động khó hiểu của những Hoa Kiều đó. Nhưng những người Trung Hoa thuần túy lại cho rằng tôi chẳng thể hiểu chẳng qua chỉ là vì tôi là một loại người vong bản: Tuy da vàng mà đầu óc đã trắng hoàn toàn.

Dù sao đi nữa thì có lẽ tôi cũng nên kể rõ hơn về những cảm tưởng khó hiểu của tôi, cảm tưởng của một người Trung Hoa đã xa quê hương suốt 27 năm. Những cảm giác khác lạ này đến thật bất chợt vào năm 1973, khi tôi qua Hồng Kông để trở về Trung Hoa. Trên chuyến đi đó, tôi chợt nhận ra rằng dường như lúc nào người ta cũng có chia xẻ một phần của con người mình cho những vùng đất họ đã đi qua. Những hình ảnh họ để lại đã phảng phất hòa nhập vào những vùng đất hoàn toàn khác biệt. Và khi họ nhắm mắt từ già

cõi đời thì tất cả những hình ảnh đó cũng theo họ đi vào một thế giới khác. Ở chiếc ghế trống đối diện, tôi nhìn thấy người em út San San mười bảy tuổi đang trên đường tìm gặp bà thân tôi và hình ảnh bà thân tôi trong suốt ba tháng trường thấp thỏm chờ đón tất cả những chuyến xe lửa từ Trung Hoa đến. Mặt em tôi trông xanh xao vì thiếu ăn, trán dô ra vì rụng tóc, tay khư khư ôm lấy chiếc bọc vải có cài kim băng. Chúng tôi cùng yên lặng nhìn nhau chẳng khác nào đang lơ lửng trong một khoảng không gian nào đó, khắc khoải mong đợi. Em tôi đang từ bỏ cuộc sống quá khứ ở Trung Hoa để tìm về một đời sống khác cho tương lai, tôi thì đang buông bỏ cuộc sống hiện tại để tìm về quá khứ.

Khi xe lửa bắt đầu dừng lại ở biên giới gần Lộ Vũ, tôi cảm thấy hồi hộp lạ lùng khi nhìn quanh vào khung cảnh để tìm kiếm — cái gì? Có một tòa nhà lớn với những bình phong lụa thảo cô đơn xếp thành hàng cạnh tường; Lá cờ Anh Quốc treo lững lờ trên cột, lá cờ đỏ treo ở một cột khác; những người Nhật đứng thành hàng; các đàn trâu bò trong các chuồng nhốt di động dẫm chân thở phì phò; những thương gia người Úc mang những túi hành lý đầy những vật liệu quảng cáo để trưng bày ở Hội Chợ Thương Mại Quảng Đông; những du khách trong nước chen lấn nhau để lên xe. Xa xa là bóng một chiếc cầu có mái che và rồi xa hơn nữa tôi lại thấy bóng San San. Em tôi đứng ngay chỗ trạm kiểm soát, nóng lòng đảo mắt nhìn khắp mọi nơi trong khi người lính kiểm soát mặc quần áo kiểu quân đội giải phóng xem xét giấy tờ và cái túi vải nhỏ. Rồi người lính gác hô to: Ho la! Ho la. Em tôi ngẩn người. Người lính hét to hơn. Em tôi vẫn đứng lặng chẳng hiểu anh ta nói gì. Bất thành linh người đàn bà đứng sau em tôi giơ tay đẩy em tôi về phía trước và nói bằng tiếng Quan Thoại, *“Chạy đi, Giới Phạt a, cô được tự do rồi, chạy đi!”*

Tôi chạy thẳng vào tòa bin đình. Bên trong một người Trung Hoa mặc quần áo quan thuế Anh Quốc xem qua giấy tờ của tôi rồi chuyển tôi cho một cán bộ cộng sản. Anh cán bộ đưa tôi vào một căn phòng nhỏ rồi bảo rằng tôi đang mệt, cứ ở đây mà nghỉ. Tôi chưa kịp trả lời rằng tôi không mệt thì anh ta đã đi mất. Bỗng có tiếng nhạc phát ra từ một chiếc loa phóng thanh nằm khuất ở đâu đó — bài nhạc nghe thoảng như những bài nhạc của những cuốn phim hạng B hay chiếu lúc nhân vật chính ruổi ngựa vào bóng chiều tà. Vì chẳng thể ngồi yên, tôi mở cửa bước ra ban công. Phía dưới đường, một ban nhạc thiếu niên tiền phong đang diễn hành, những cánh tay khua khua trông chẳng khác nào những cánh quạt nước ở kiếng trước xe hơi.

Chẳng hiểu từ đâu anh cán bộ lại tự nhiên xuất hiện. Anh dẫn tôi tới một chiếc bàn tròn trống ngay giữa phòng ăn đang có nhiều người ngoại quốc ngồi thật đông đảo và bảo tôi rằng tôi đang đói và nên dùng chút ít đồ ăn. Tôi chưa kịp trả lời rằng tôi không đói, anh ta đã lại biến đi. Một người Nhật bước vào, nhìn quanh không thấy còn chỗ trống nào khác bèn ngồi xuống chỗ bàn tôi. Chúng tôi cùng dùng bữa trong một bầu không khí yên lặng nặng nề, cả hai đều cố tránh không gặp món ăn cùng lúc ở cùng một đĩa.

Sau bữa ăn căn phòng bỗng đứng lại trống trải, tôi ngồi đó thầm hỏi phải chăng người cán bộ đã thực sự quên tôi? Tôi còn đang thắc mắc thì người cán bộ lại xuất hiện và lần này anh ta dẫn tôi tới ga xe lửa. Trên xe, ghế ngồi được

trái ga trắng toát. Xung quanh xe, những bức màn trong, những tấm thảm và những bức màn cửa đều trắng tinh. Ngoài ra trong khoang còn có cả hoa tươi và các cô chiêu đãi đang niềm nở rót trà. Ngồi đối diện với tôi là một người Quảng Đông nước da nâu như màu thuốc lá phơi khô, mặc quần áo kiểu bác Mao. Chúng tôi vừa ra hiệu, vừa hò hét để cố hiểu nhau. Người bạn đồng hành của tôi nguyên làm nghề quản lý đường rầy xe lửa. Vì vừa mới trúng mồi và bán được một lúc bốn xe trâu, anh đang hết sức vui mừng. Những con trâu anh bán mới bán được đã quá già, không đủ sức để làm việc đồng áng mà nếu làm thịt thì lại quá dai. May thay, anh lại tìm cách bán được cho các thương gia ở Hồng Kông bằng một giá cắt cổ.

Vì cố gắng nói chuyện với người bạn đường, tôi cảm thấy xe đi qua những vùng đồng bằng thật chóng. Sự thân thiện của anh quản lý khiến tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi thậm chí luận có lẽ tất cả những người lạ khác cũng sẽ thân thiện như thế. Nhưng người cán bộ tôi gặp ở Quảng Đông lại cũng lạnh lùng chẳng khác nào người cán bộ tôi gặp lúc trước. Tôi cố gắng đùa bằng cách kể chuyện hoạt kê. Tôi kể rằng lúc tôi lên xe người tài xế đã cố gắng nhét cái bao hành lý to lớn của tôi vào phía sau. Thấy anh ta hì hục, tôi bảo: Thôi thì cứ để cái “*thi thể*” đó ngay cạnh tôi cũng được rồi. Vẻ kinh hoàng trên mặt người cán bộ khiến tôi tự mắng thầm mình từ đây về sau không bao giờ nên nói những chuyện bông đùa kiểu này nữa.

Cuối cùng chúng tôi lên đường. Khi xe chạy qua thành phố, tôi cảm thấy chẳng khác nào mình đang được đưa vào một phim trường đang dựng phim Á Đông trong những năm 1930. Xung quanh đường phố là cảnh những đứa bé thiếu quần thiếu áo đùa nghịch trong những ngõ hẻm, cảnh những người đàn bà đang phơi quần áo và nhặt lúa ngoài đồng, cảnh những người buôn bán đang đẩy xe, cảnh những người bán rau, cá tươi, cảnh xe hàng chở đầy thịt phía trong, cảnh những đứa bé gái đang tay trong tay rảo xem hàng, những đứa bé trai đầu tóc bù xù đang chơi cờ, cảnh trẻ em mang khăn quàng đỏ và những binh lính đeo sao đỏ đứng xếp hàng chờ mua kem, cảnh những đám đông đang chen lấn dành nhau đọc bích chương trên tường, cảnh những cụ già ngồi trên ghế thấp trước cửa ra vào ăn cơm. Trên khắp các nẻo đường chỗ nào cũng đầy người lũ lượt, gần như người nào cũng mặc quần áo py-ja-ma màu xanh hoặc màu xám. Trông họ chẳng có vẻ gì vội vã, họ đạp xe hoặc đi bộ thật thản nhiên chẳng chú ý gì đến chiếc xe chở chúng tôi, trong khi đó tài xế cứ đi được vài thước lại phải bóp còi dọn đường. Gần như ở ngã tư nào cũng có những bảng bích chương lớn nhắc nhở việc phải giải phóng Đài Loan xen lẫn với lời chúc tụng bác Mao sống mãi để đánh đuổi những kẻ thù của xã hội chủ nghĩa.

Khi chúng tôi đến khách sạn, tôi là người khách duy nhất. Lại một lần nữa tôi được cho lệnh nghỉ ngơi. Đúng 5g:55 tối, người cán bộ gõ cửa. Anh ta dẫn tôi đi ăn tối. Phòng ăn kích thước trông vào độ kích thước của một chiếc sân bóng rổ. Tôi là người khách duy nhất. Tôi chưa kịp nhìn thực đơn thì một người bồi bàn đã yên lặng mang cho tôi món heo quay, nước chấm mù tạt, và canh bí. Tôi thở dài và ăn như thể đang làm tròn bổn phận. Trên bức tường chỗ ăn có một bức tranh cao khoảng 5 mét vẽ hình Mao Trạch Đông. Hình họa lại Mao Trạch Đông giữa lúc thiếu thời, đang mặc trường bào, đứng trên

đỉnh núi xanh. Tôi tự nhắc thầm từ giờ về sau phải nhớ đem theo một quyển sách để đọc trong khi dùng bữa.

Chẳng hiểu vì lý do gì đó mà cuộc đoàn tụ của tôi với những họ hàng ở Thượng Hải cứ phải nán lại hết giai đoạn này đến giai đoạn khác và thời gian phải chờ đợi thêm lần nào cũng xấp xỉ 10 ngày. Trong khi đó thì ở bất cứ nơi nào tôi đi qua cũng có cả trăm người bao quanh nhìn tôi chòng chọc. Tôi cố cười, cố nheo mắt, cố làm đủ mọi cách mà vẫn chẳng thể nào thay đổi được thái độ của họ. Họ cứ tiếp tục bu quanh ở các ngã đường, ở những nơi chùa chiền, công viên, bảo tàng viện và các nơi cửa hiệu mà người cán bộ đưa tôi đi. Tuy tôi đã cố gắng làm lơ mà sự hiện diện của họ vẫn cứ như đập vào mắt. Tôi chẳng thể quên được sự hiện diện của họ vào những ngày đầu mà cũng chẳng thể quên được sự hiện diện của họ vào những ngày cuối trong suốt khoảng thời gian sáu tuần tôi ở đó.

Tôi cứ cố gợi lại tất cả những cảm giác tôi hy vọng mình sẽ cảm thấy khi trở về Trung Hoa. Tôi muốn so sánh cảm giác đặc biệt của một người dân xa xứ hồi hương để so sánh với cảm giác khác biệt của tôi lúc sống ở Hoa Kỳ như một người dân thiểu số. Có lẽ điều khiến tôi khó chịu chính là sự cố gắng đó chứ chẳng phải sự hiếu kỳ của đám đông. Cũng có thể chính vấn đề phải tiếp xúc liên tục với các văn phòng hành chánh của Cộng Sản từ sáng đến tối đã làm tôi mệt mỏi. Tự dưng tôi lại nhớ Hoa Kỳ.

Thế mà lạ thay, lúc này khi viết tôi lại thấy nhớ Trung Hoa. Cuộc sống ở Trung Hoa thật là vất vả, nhưng nhờ đó mà mọi việc gần như đều có tính cách quan trọng; ngay cả những việc tầm thường nhất của một người dân bản xứ ở Trung Hoa cũng mang một ý nghĩa đặc biệt mà ở bên ngoài, ý nghĩa đó lại tự nhiên mất hẳn. Có lẽ cũng chính vì điều này mà nhiều người Trung Hoa đã hy sinh tất cả những phương tiện vật chất, hy sinh tất cả danh vọng và hy sinh đến ngay cả tự do để trở về Trung Hoa. Họ quay về để tìm lại một mối thông cảm huyền bí nào đó từ tổ tiên, để tìm lại một mối thông cảm mà họ chẳng thể nào tìm được trên đất khách.

Điểm chính khiến tôi khác với những người Trung Hoa khác là điểm nào? Thứ nhất, tôi tự tin vào khả năng của mình. Thứ hai, tôi đam mê công việc.

Đây không phải là những tính nết bẩm sinh. Sự thực có lẽ còn hoàn toàn trái ngược. Tôi sinh vào giữa thập niên 1950 trong một gia đình đặc biệt với quá khứ chính trị cực kỳ đen tối. Ông nội tôi là người Trung Hoa đầu tiên tốt nghiệp ngành luật ở Đại Học Đông Kinh. Tất cả những người Trung Hoa thời đó, bất kể Cộng Sản hay Quốc Dân Đảng đều cho rằng ông tôi là kẻ phản quốc. Sau khi Nhật chiếm Mãn Châu, đổi tên Mãn Châu thành Mãn Châu Quốc và đưa Phổ Nghi lên làm vua bù nhìn thì họ cử ông tôi làm bộ trưởng Luật Pháp. Đây đích thực là một văn phòng bù nhìn vì tất cả luật lệ đều do chính người Nhật đưa ra và thực thi. Chẳng bao lâu sau, ông nội tôi bị thất sủng và chuyển về sống ở Đông Kinh. Ông kinh doanh ở Đông Kinh, làm ăn rất phát tài và dành dụm được rất nhiều của cải, tiền bạc.

Khi Đệ Nhị thế chiến chấm dứt, vì yêu nước ông lại cùng gia đình trở về

Trung Hoa. Con ông lúc đó đang độ thiếu niên. Ngoài những người trong gia đình ông ra, lúc đó còn có một cô công chúa của triều đình Phổ Nghi. Cô đã đi làm công để giữ tròn danh dự gia tộc chứ không chịu ở lại với triều đình Phổ Nghi. Cô công chúa là một người đặc biệt. Cô là người có nhan sắc và có can đảm chấp nhận đời sống. Bất kể cuộc sống có cay cực đến đâu lúc nào cô cũng giữ được nụ cười trên môi. Tuy rằng cô lớn hơn người con trai độc nhất của ông nội những tám tuổi và không có căn bản học vấn gì nhiều, ông nội vẫn dần xếp cho con trai ông với cô thành duyên gia thất.

Ngày cộng sản giải phóng Bắc Kinh, ông nội tôi hiến tất cả sản nghiệp cho chính phủ mới, kể cả khu biệt thự khang trang có tường bao khắp xung quanh của giòng họ; gia đình tôi tiếp tục trú ngụ trong một căn nhà nhỏ và vẫn phải trả tiền mướn. Vài năm sau, chỉ một thời gian ngắn trước khi tôi chào đời thì ông nội mất.

Vào năm 1958, ông thân tôi bị buộc tội phản động vì những câu phát biểu mà nhà cầm quyền đã gán cho ông. Chúng tôi chẳng còn gì quý giá để cầm và lương của ông thân tôi lúc đó chỉ còn khoảng 50 xu mỗi tháng, nên chúng tôi bị buộc phải dọn vào một chỗ ở thuê; mẹ tôi phải đi làm công thêm cho những gia đình khá giả.

Ông thân dạy chúng tôi cách tránh tất cả các vấn đề phức tạp, và không bao giờ để ai chú ý gì đến mình. Bà thân dạy chúng tôi chấp nhận những sự ác độc của cuộc đời sao cho thanh thản.

Tất nhiên khi cuộc Cách Mạng Văn Hóa khởi đầu thì gia đình chúng tôi trở thành mục tiêu chính. Vệ Binh Đỏ bắt chúng tôi quỳ và đánh tất cả gia đình chúng tôi. Gia đình chúng tôi bị đánh đập chẳng những chỉ vì quá khứ chính trị đen tối mà còn bị gán thêm tội cố tình dấn mình vào hiểm nguy. Trong lúc cả gia đình bị đánh đập, tôi cố giải thích lý do tôi nhặt được những vỏ đạn. Tôi nói rằng gần như đứa bé nào trong xóm cũng nhặt những vỏ đạn đó như tôi ở những đồng rác của một xưởng sản xuất vỏ đạn gần đó. Chẳng có viên đạn nào có thuốc. Chẳng có viên đạn nào có đầu. Tôi khẩn khoản van nài họ đi vào những nhà khác trong xóm để tìm hiểu cho rõ thêm. Nghe xong, họ còn đánh tôi dữ hơn. Trước khi rời nhà chúng tôi, họ niêm phong lại tất cả những tủ quần áo và dọa rằng khi trở về, nếu có bất kỳ tờ niêm phong nào bị xé thì chúng tôi sẽ không tránh khỏi những hậu hoạn nặng nề.

Ông thân tôi bị gửi về miền quê lao động để cải cách. Anh Cả tôi bị lên án 13 năm tù vì nói xấu Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Lâm Bưu. Khi thấy anh cả mình bị bắt, anh hai tôi gần như dờ dại. Anh hai tôi biết rõ rằng chẳng có thanh niên 17 tuổi nào có thể dám phạm một lỗi lầm như thế chứ đừng nói đến một thanh niên nguyên là cháu của một kẻ phản quốc và con của một người phản động. Lúc đầu anh hai tôi chỉ còn biết dùng những bài hát ca tụng Mao chủ tịch để làm vỏ che thân. Ít lâu sau, anh chỉ toàn nói đến những điều bác Mao dạy. Trên xe buýt, lúc nào anh cũng là người đầu tiên hát mở màn bài “*Đông Phương Hồng*.” Chị tôi bị gửi về các miền biên giới để học tập thêm với nông dân. Bà thân tôi mất việc và phải kiếm không biết bao nhiêu tháng trường mới tìm được một cựu chiến binh vận lý trường chinh với

quá khứ hoàn toàn trong sạch thương tình mướn vào nhà làm công.

Gia đình tôi do vậy chỉ còn lại bà ngoại, anh hai và tôi. Quảng đời thơ ấu của tôi kết thúc năm tôi 10 tuổi. Chẳng bao lâu sau, anh hai tôi phát chứng rồ càng ngày càng nặng. Đã không biết bao nhiêu lần tôi ước rằng mình có thể quên đi cảnh phải kéo tay một người lạ vừa cao, vừa ăn mặc sỗ sếch miệng ca hát vu vơ qua đường phố để đến dưỡng trí viện. Tôi phải kéo anh tôi qua những con đường chật hẹp, lên cầu thang, qua cửa dưỡng trí viện; tôi còn nhớ rất rõ cảnh tôi run rẩy lúc phải điền đơn nhập viện cho anh. Lúc đó lòng tôi thấp thỏm không cùng chỉ lo họ sẽ không cho anh tôi nhập viện vì quá khứ phản động của gia đình. Tôi chẳng còn cách gì khác ngoài cách nói láo vì nếu khai thật thì chắc chắn anh tôi chẳng thể nào được phép nhập viện.

Mỗi tuần tôi đến thăm anh tôi hai lần. Mỗi lần tôi lại cố xén đi một hai xu từ 20 đồng lương mỗi tháng để mua kẹo cho anh. Lần nào anh tôi cũng giựt thẳng kẹo từ tay tôi rồi quay phắt đi ra khỏi phòng chẳng nói chẳng rằng.

Cuối cùng, năm 16 tuổi, tôi tìm được một chỗ làm việc chịu mướn tôi. Đây là một cơ xưởng nhỏ của xã do những phụ nữ lớn tuổi thiết lập trong phong trào đại Nhảy Vọt, lúc này đang làm kềm gai cho các đội quân Việt Cộng dùng trong cuộc chiến chống Hoa Kỳ. Tôi tận lực làm việc. Tổng số kềm gai tôi làm trong thời gian ở đây có lẽ đủ để quần đến hai lần vòng chu vi trái đất.

Những cách cấu trúc cơ động của máy móc khiến tôi đam mê. Sự đam mê này một phần có lẽ là do các bộ phận máy hoàn toàn khác hẳn những biến cố vượt ngoài tầm với mà tôi đã gặp phải trong đời sống. Với máy móc, tôi có thể tháo gỡ để tìm hiểu từng phần và hiểu rõ nguyên nhân nào đã khiến máy không hoạt động như ý và tìm cách mò mẫm, tự học để sửa chữa. Sự khéo léo của tôi làm những người thợ sửa máy ngạc nhiên và quý mến tôi. Gần như chẳng người thợ nào để tâm đến quá khứ chính trị của tôi. Giữa chúng tôi chẳng hề có bất kỳ sự mâu thuẫn giai cấp nào.

Khi cuộc cách mạng văn hóa kết thúc và gia đình tôi được phục hồi cương vị cũ qua những chính sách của Đặng Tiểu Bình thì tôi tìm được một việc thợ máy trong một xưởng vải. Nơi đây, tôi bắt đầu tìm tòi tất cả những máy móc tôi có dịp mó tay vào, kể cả những máy móc trong bộ phận mô-tơ. Tôi hết sức mãn nguyện với cuộc sống của một người thợ máy, lãnh lương đều đặn, mò mẫm, cặm cui và cảm thấy sung sướng vì mình được đối xử giống hệt như những người khác. Tuy thế, năm tôi 27 tuổi lại có nhiều chuyện khác xảy đến khiến tôi phải kết luận rằng một cuộc sống như thế chưa đủ.

Một hôm, người thủ trưởng xí nghiệp mới cho tôi xem một cái máy đặc biệt bị hỏng. Nguyên cái máy được nhập cảng của Đức, trị giá cả hàng trăm ngàn đang bị bỏ xó mặc cho rỉ sét vì chẳng ai biết xử dụng ra sao. Người thủ trưởng xí nghiệp hỏi tôi liệu tôi có thể sửa được cái máy hay không? Tôi thú thực rằng tôi chẳng thể sửa được và cũng chưa hề thấy cái máy này bao giờ. Rắc rối hơn nữa là chẳng có tài liệu nào chỉ cách sử dụng hoặc mô tả cách cấu trúc các bộ phận của máy. Người thủ trưởng xí nghiệp bảo tôi: “*Anh cố gắng*

sửa thử xem được không? Nếu được tôi sẽ thưởng anh 60 quan.” Gia đình tôi đang hết sức túng thiếu, món tiền thưởng thật là hấp dẫn và tôi bắt tay vào việc cùng với sự hồi hộp thôi thúc.

Tôi cho lệnh chuyển bộ máy vào một căn phòng trống lớn. Sau đó tôi giăng kẽm gai xung quanh và làm một cái cổng có khóa để tránh những người khác khỏi tò mò táy máy. Chỉ có mình tôi được phép ra vào căn phòng chứa máy.

Chẳng bao lâu sau tôi nhận rõ được rằng người mua máy thật chẳng hiểu gì khi đặt mua. Chiếc máy nguyên gồm có hai bộ phận khác biệt, và anh ta đặt mua hai bộ phận giống hệt nhau thay vì một bộ phận này và một bộ phận kia. Tôi báo cáo với người trưởng xí nghiệp. Trông anh thất vọng ra mặt. Tất cả ngoại tệ đã được dùng vào việc mua máy và xí nghiệp chẳng thể có đủ tiền để mua ngay được những loại máy đắt như thế nữa. Lúc này vì đã quá đam mê với các cấu trúc kỹ thuật của cái máy, tôi tình nguyện tìm cách để chế tạo bộ phận thiếu sót.

Tôi khổ công miệt mài vẽ lại sơ đồ kiến trúc của toàn thể bộ phận máy và rồi cố tưởng tượng ra phần cấu trúc của bộ phận thiếu sót. Tôi làm việc bất kể giờ giấc mỗi đêm cho đến khi mắt tôi chẳng còn mở thêm được một giây nào nữa, càng ngày tôi càng tự tin rằng công trình thiết kế của tôi hoàn chỉnh; đã đến lúc cuộc thử thách bắt đầu.

Công trình thiết kế và xây dựng tốn mất cả năm. Tôi chẳng còn tâm trí đâu để để ý đến bất cứ vấn đề gì khác. Ngay cả trong giấc mơ tôi cũng mơ đến những cấu trúc của cái máy. Chẳng bao lâu sau tôi đã thuộc lòng sơ đồ cấu trúc rành rọt đến từng con ốc trở đi. Cho đến khi công trình thiết kế bộ phận thiếu sót hoàn thành, tôi tin chắc cái máy sẽ hoạt động như ý. Quả nhiên sự dự đoán của tôi đúng hoàn toàn.

Sau khi cái máy đã hoạt động như ý được một tuần, tôi tìm đến người trưởng xí nghiệp để hỏi về khoản 60 quan tiền thưởng, nhưng trước khi tôi có dịp nhắc nhở anh ta về vấn đề thưởng thì anh thông báo rằng anh đã mời được hai chuyên viên từ Thượng Hải về để sửa máy. Chuyên viên? Sửa máy? Máy có gì hư đâu mà sửa? Anh ta đang mưu toan chuyện gì vậy? Tôi lập tức chạy ra khỏi văn phòng anh ta để hủy bỏ sơ đồ thiết kế. Những sơ đồ thiết kế đó là công trình của một người duy nhất là tôi. Xí nghiệp đã trả lương cho tôi và giờ đây số tiền trả đó được đền bù bằng một chiếc máy hoạt động như ý nhưng chẳng ai có thể cướp đi công trình sáng tạo của tôi. Ai là người đã gửi tôi đến trường để học hỏi kỹ thuật? Ai là người đã chu cấp sách vở cho tôi tìm tòi? Ai là người đã bỏ công bỏ của để tôi có thể xuất ngoại học hỏi kinh nghiệm ở những cơ xưởng Đức? Ai đã giúp đỡ hoặc cộng tác với tôi trong suốt những năm tháng tôi miệt mài học hỏi? Chẳng có thằng khốn nạn nào cả trừ tôi!

Khi hai người chuyên viên cùng những người tò mò làm việc ở cùng xí nghiệp đến để xem xét máy, tôi đã sửa soạn trước để đối đáp với họ. Người chuyên viên đứng tuổi hơn hỏi tôi máy bị hỏng ra sao? Tôi vắn máy cho rõ ở

mức tối đa rồi hỏi họ tự tìm xem máy có chỗ nào cần sửa? Hai chuyên viên nhìn nhau lộ vẻ bối rối. Người trẻ hơn nói rằng dường như chẳng có vấn đề gì cần sửa cả. Người đứng tuổi hơn ra hiệu cho người trẻ tuổi đi theo sau vào chỗ tôi sửa chữa máy móc. Trong khi đó đám đông tiếp tục quan sát, xì xào vì những biến cố sắp xảy ra. Tôi nhìn đồng hồ. Đúng 22 phút sau hai người chuyên gia bước ra. Họ không hề đụng đến một con ốc.

Anh thủ trưởng xí nghiệp đến nơi và yêu cầu họ báo cáo. Người chuyên viên đứng tuổi hỏi rằng anh ta lấy tư cách nào để thẩm định công trình của tôi. Anh trưởng xí nghiệp lặng người. Cả hai chuyên gia bắt tay tôi với ánh mắt ngưỡng mộ. Họ bảo rằng tuy họ đã có 50 năm kinh nghiệm nhưng họ vẫn cho rằng nếu họ được học hỏi với tôi thì là một sự vinh dự cho họ.

Tuy thế anh thủ trưởng xí nghiệp vẫn không chịu trả tôi 60 quan như đã hứa. Tôi tuyên bố nghỉ việc. Anh ta hầm hè giận dữ: *“Chưa có nhân viên nào tự ý thôi việc từ trước đến nay.”* Tôi quạt lại: *“Tốt, nếu vậy tôi là người đầu tiên!”*

Khi rời bỏ xí nghiệp để tìm việc, tôi cảm thấy tôi đã có đủ khả năng để ngẩng mặt với đời. Vấn đề tôi không có tiền trong trương mục tiết kiệm, gia đình tôi hoàn toàn trông chờ vào số lương của tôi, chẳng ai hiểu nổi tại sao tôi có thể nghỉ việc, nhất là một công việc tôi đam mê, trong khi họ vẫn làm việc mà lại phải làm những việc họ không thích, chẳng ai hiểu nổi tại sao tôi không thể chịu đựng một chuyện bất bình nhỏ nhoi như thế trong khi nhiều người khác tuy gặp phải những chuyện bất bình lớn hơn vẫn có thể chịu đựng được. Từ ngày đó, tôi không còn nghi ngờ gì về khả năng của mình và tôi tin chắc rằng tôi sẽ được trả lương xứng đáng ở một công xưởng khác.

Đầu tiên tôi làm ca đêm, sửa chữa xe cộ ở một xưởng xe. Kể từ ngày tôi vào làm việc, số tiền sửa chữa những bộ phận máy móc của xưởng càng ngày càng giảm. Nhờ vào số tiền thưởng của xưởng xe, sau một năm tôi đã để dành được cả ngàn quan. Sau đó tôi tình nguyện làm cố vấn cho các cán bộ cầm đầu các tổ đàn không bán được áo vì thiếu phẩm chất hoặc không đạt đủ chỉ tiêu. Tôi nói rằng họ không phải trả tôi xu nào nếu số lượng bán không tăng, nhưng nếu tôi có thể gia tăng số lượng bán thì họ phải trả tôi năm phần trăm số lượng tăng. Những cán bộ quản lý thật chẳng có gì để mất. Chẳng những thế, nếu tôi tình nguyện giúp họ, họ còn có nhiều thời giờ hơn để tiêu khiển, chè chén, bài bạc và làm chuyện riêng. Tất cả đều vui vẻ giao trách nhiệm cho tôi.

Trong tất cả mọi cơ xưởng, tôi bỏ thì giờ học hỏi tất cả các chi nhánh hoạt động và lựa ra tất cả những người làm việc giỏi nhất. Tôi cho họ làm trưởng nhóm và hứa hẹn sẽ chia cho họ một phần tiền lãi nếu họ giúp tôi tăng gia mức sản xuất. Ai cũng nhận lời tôi và chúng tôi cùng nghĩ đến những phương pháp làm việc sao cho hữu hiệu hơn. Bất cứ khi nào máy hỏng, tôi sửa hoặc chế tạo một bộ máy khác hoàn hảo hơn. Chẳng bao lâu sau tôi đã thu thập được một số tiền khá lớn.

Tuy thế, vẫn có rất nhiều khó khăn tôi chẳng thể nào giải quyết được nếu không có sự hợp tác của các cán bộ. Tôi báo cáo với một trong những người cán bộ rằng trong cơ xưởng anh ta trông coi mỗi năm số lượng áo bị mất cắp

lên đến 2.000. Cơ xưởng của anh gồm khoảng 300 công nhân viên. Tôi bảo rằng sau khi điều tra ở các nơi bán, tôi biết rõ số áo mất cắp được bán ở đâu. Nhưng khi tôi đề nghị điều tra thì anh cán bộ cấm tôi không được điều tra.

Ở một cơ xưởng khác, tôi được biết trong cả một đợt sản xuất, số lượng áo được chuyển đi có cổ đan quá nhỏ, không đủ để bỏ qua đầu con nít. Khi tôi báo cáo với người cán bộ có trách nhiệm kiểm tra phẩm chất của áo, anh ta bảo rằng tôi nên lo việc riêng của tôi thì hơn.

Trong một cơ xưởng khác nữa, công nhân viên lúc nào cũng về sớm hơn nửa tiếng. Người cán bộ cầm đầu lại không chịu áp dụng kỷ luật.

Thế thì làm sao một người không phải đảng viên như tôi có thể đi ngược lại với những đảng viên mà hy vọng thắng cuộc? Họ chẳng có gì để mất và riêng tôi thì lại có rất nhiều.

Sau một năm cố gắng thay đổi thế cờ thất vọng này, tôi quyết định phải tự mình đầu tư và mở hãng riêng. Tôi mời tất cả mọi người, ngay cả những người không tin tưởng chương trình của tôi mấy. Sau khi nhận định được tất cả những sự khó khăn, rất nhiều người bỏ cuộc, nhưng có mười người hết lòng tin tưởng và quyết định liều để thử. Tôi bỏ ra hàng tháng để mượn tiền hầu như tất cả mọi người quen biết. Ngoài ra tôi còn mượn cả tiền của vài người tôi không hề quen biết. Dần dần tôi mượn được một trăm ngàn quan. Chẳng ai nhắc nhở gì đến việc tôi phải trả tiền lời. Có lẽ họ không nghĩ đến vấn đề lấy tiền lời cũng vì đã lớn lên dưới chủ nghĩa Mao và được dạy rằng cho vay ăn lời không phải là một vấn đề đứng đắn.

Tôi dùng số tiền mượn được để mua một số dụng cụ tự động bán phần và vật liệu để làm dù. Tôi cũng thuê thêm một căn hầm tối tăm, không cầu tiêu, không nước, không cửa sổ mà chẳng có ai mượn để làm xưởng chế tạo. Nếu tờ hợp đồng của chúng tôi không ghi rõ một điều khoản đặc biệt thì có lẽ cũng chẳng ai muốn ký hợp đồng với chúng tôi. Chúng tôi ghi rằng nếu số lượng dù không được chuyển đến đúng ngày thì hãng đặt có quyền nhận không số dù họ đặt miễn phí. Tờ hợp đồng đầu tiên cho chúng tôi một tháng để xúc tiến công việc.

Toán 11 người chúng tôi làm việc đến kiệt lực và gần như sống luôn trong căn hầm mặc dầu căn hầm chẳng có giường chiếu gì cả. Chúng tôi chỉ ăn những đồ ăn rẻ nhất như bánh khô và dưa muối. Khi nào kiệt lực chúng tôi cứ nằm thẳng trên sàn nhà mà ngủ. Tất cả đều cùng chịu khổ và chẳng một ai than vãn. Ngược lại, ai nấy đều cảm thấy một niềm vui mà tất cả đều thú nhận là chưa từng cảm thấy từ trước đến nay. Chính niềm vui này đã thúc đẩy chúng tôi. Ngày nào chúng tôi cũng làm việc vượt chỉ tiêu của ngày hôm trước.

Chúng tôi hoàn tất số lượng dù đặt vào khoảng hai giờ sáng ngày thứ 30. Để hoàn tất như tờ hợp đồng đã đề ra, toàn thể số lượng dù phải được chuyển đến một nhà kho ở phía bên kia của thành phố trước tám giờ. Tuy trời mưa như trút và sấm sét đùng đùng, chúng tôi vẫn ra sức chất dù lên xe vận tải. Có

lẽ trời cũng phải nực cười trước cảnh tượng có những kẻ lưng vai đầy dù dưới mưa mà không chịu mở dù để che như chúng tôi.

Sau khi đã chuyển hết dù lên xe vận tải, chúng tôi mới nhớ ra rằng chúng tôi không có giây thừng để buộc những hộp dù lại để chở đi cho khỏi rớt. Biết tìm đâu cho được giây thừng ở giờ phút đó? Chẳng còn cách nào khác ngoài cách bện giây bằng người. Thế là chúng tôi cùng giang tay nắm lấy tay nhau chẳng khác nào những pho tượng để chặn những thùng dù cho khỏi rớt xuống khi chuyên chở. Chúng tôi vừa đứng cản dù, vừa nguyện cầu cho tài xế đến nơi đúng giờ. Chiếc xe gần như chỉ nhít đi từ chút.

Chúng tôi đến nhà kho để chuyển dù vào lúc năm giờ. Thời gian còn lại chỉ vắn vện ba tiếng, đủ để chúng tôi tắm rửa thay quần áo và quay lại để thu tiền. Chẳng có ai trong chúng tôi nghĩ đến chuyện ngủ. Chúng tôi vui đến độ quên cả mệt.

Trong năm đầu, tất cả số tiền thu được chúng tôi dùng để trả tiền vốn, tiền công và tiền mua vật liệu cho những chuyến làm hàng tới. Lúc nào chúng tôi cũng làm được trước thời gian hạn định nhưng lần gửi hàng nào cũng vật vã, hối hả chẳng khác gì lần làm hàng đầu tiên. Dần dà khi nhận thấy tình thế lúc nào cũng căng thẳng, 5 người nữa bỏ cuộc. Số tiền khấu phần phải trả cho họ khiến số nợ của chúng tôi cao hơn.

Trong khi đó, những người cho tôi mượn tiền cứ đến gõ cửa đòi nợ liên tục. Tôi chẳng có gì để đưa cho họ ngoài những lời hứa hẹn. Đầu tiên họ chỉ đến một mình. Và sau đó họ mang theo vợ và rồi mang cả giòng họ đến để khóc với tôi. Tôi chẳng biết làm gì khác hơn là cùng khóc với họ.

Sau đó, tôi quyết định về miền quê để tìm chỗ đầu tư nơi những cộng đồng nông gia giàu có cư ngụ và kiếm được một hợp đồng với một ngôi làng hợp tác xã nhỏ. Chúng tôi chuyển cơ xưởng về nơi đó vào mùa đông, lúc nhu cầu về dù không còn nhiều. Khi những người nông dân đa nghi thấy chúng tôi không có đủ tiền để mua than sưởi ấm, thấy chúng tôi lúc nào cũng chỉ ăn cải với dưa cà và thấy chúng tôi phải ôm những con chó để ngủ cho ấm, họ cho rằng đầu tư vào cơ xưởng của chúng tôi là một sự đầu tư lầm lạc. Họ cho rằng bất cứ lúc nào chúng tôi cũng có thể ra đi cùng với số tiền đầu tư của họ. Để tránh không cho chúng tôi di chuyển máy móc đi nơi khác, họ chặn cửa ra vào xưởng bằng những chiếc xe vận tải, vì vậy mỗi lần ra vào chúng tôi lại phải trườn người dưới gầm xe đầy những xăng nhớt và mặt đường lạnh giá. Chúng tôi không nhịn được cười mỗi khi nghĩ đến hoàn cảnh oái oăm của mình. Nhưng không vì thế mà chúng tôi bỏ cuộc. Trái lại những khó khăn đó đã rèn chúng tôi để chúng tôi vượt qua được mọi trở ngại. Và dần dà quả nhiên chúng tôi đã vượt qua được trở ngại.

Ngày nay, cơ xưởng của chúng tôi là một trong những cơ xưởng thành công rực rỡ. Dù của hãng chúng tôi có phẩm chất tốt nhất; hàng đặt của chúng tôi lúc nào cũng đến đúng lúc; nhân viên của chúng tôi lãnh lợi nhuận cao và tinh thần họ cực cao. Chúng tôi là một trong những người mà Đặng Tiểu Bình đã có lần gọi là *"giới giàu sang tột đỉnh."*

Chúng tôi chỉ còn một vấn đề duy nhất còn lại. Nếu chúng tôi không phải bị buộc phải làm những việc hối lộ như nuốc cho cán bộ để được tự do làm ăn thì thật không còn gì bằng! Hối lộ chính là hạt sạn trong bát cơm của tất cả những người trong giới tiểu thương.

NGƯỜI TIỂU THƯƠNG
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Kẻ Khẩn Cầu

THỨ TỬ NGÀY 14 THÁNG 5, NĂM 1989 BÍ THƯ ĐẢNG TRIỆU TỬ DƯƠNG VIẾT MỘT BỨC CÁO THỊ KÊU GỌI SINH VIÊN QUAY LẠI HỌC ĐƯỜNG VÌ LÝ DO SỨC KHỎE. ÔNG CŨNG XÁC ĐỊNH PHONG TRÀO SINH VIÊN XUỐNG ĐƯỜNG LÀ MỘT PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ HỨA KHÔNG BẮT TỘI NHỮNG SINH VIÊN LÃNH ĐẠO.

Vì những lời phát biểu của Triệu Tử Dương không thực sự phủ nhận bài bình luận ngày 26 tháng 4, sinh viên lại xuống đường. Hơn một triệu người đổ ra đường phố để biểu đồng tình với những người đang kêu gọi dân chủ hóa chính phủ.

Tôi chẳng thể đoán được tuổi ông ta vì lúc nào chiếc mũ cũng lệch xuống che kín khuôn mặt. Răng ông vàng nám vì khói thuốc nhưng khi tôi mời thuốc theo nguyên tắc xã giao của người Trung Hoa thì ông lại chối từ. Ông đeo máy trợ tai nhưng lúc nói ông lại nói nhỏ đến độ tôi ước gì mình cũng có máy trợ tai để nghe cho dễ. Hai tay ông xoắn vào nhau khi ông mở đầu câu chuyện bằng tình hữu nghị giữa Đài Loan và Trung Hoa, về ước vọng nối kết Đài Loan và Trung Hoa của tất cả mọi người Trung Hoa, về những thành quả của các phong trào cải cách. Cung cách nói chuyện cho thấy rõ ràng là tất cả những điều này ông đã thuộc lòng từ lâu.

Sau khi câu chuyện xã giao kết thúc, ông bắt đầu đi vào vấn đề chính. Ông giải thích lý do nào đã khiến ông bỏ ra suốt ba ngày trời đi xe lửa đến gặp tôi để giúp cho một người bạn thân đang gặp khó khăn về vấn đề nhà cửa. Ông đã tìm đủ mọi cách để giải quyết vấn đề. Giờ đây chỉ còn một cách duy nhất cuối cùng là đến gặp bà đại sứ.

Khi nghe xong tôi đã ngẩn người kinh ngạc vì ông đã vượt một quãng đường xa như thế để đến gặp tôi, nhưng sự mong mỏi ngày thơ của ông không làm tôi ngạc nhiên lắm. Tôi đã quá quen với những chuyện cầu khẩn của những người lạ. Tuần nào tôi cũng nhận được hàng loạt những yêu cầu khẩn khoản qua thư hoặc điện thoại. Nào là nhờ xin giấy thông hành, học bổng, công việc, nhà cửa, ly dị và cả cưới xin. Cứ mỗi lần như thế tôi lại nói rõ cho những người yêu cầu hiểu là tôi chẳng có quyền hành gì có thể ảnh hưởng đến các vấn đề của các nhà chức trách Hoa Kỳ và Trung Hoa. Tôi trình bày gián

tiếp sự bất lực của tôi đối với vấn đề họ yêu cầu hơn là nói rõ cho họ biết rằng người Hoa Kỳ không thích nhờ cậy vào những người bạn quyền thế và lạm dụng quyền thế để làm việc tư hoàn toàn trái với pháp luật và có thể bị mang tiếng hoặc bị tù. Tuy rằng trên lý thuyết đây cũng là những điều đòi hỏi về tư cách của các nhân viên trong chánh phủ Trung Hoa nhưng gần như tất cả những người yêu cầu tôi giúp đều biết sự thật quá rõ: Ở Trung Hoa quen biết với những người quyền thế là một cách tuyệt hảo để giải quyết các vấn đề khó khăn của đời sống. Quen biết với những người quyền thế thực sự có khi còn quý hơn là chính mình được đứng vào phương vị quyền thế đó.

Bởi thế, khi tìm cách trình bày với những người yêu cầu giúp đỡ rằng tôi bất lực, tôi vẫn thường đưa ra những thí dụ điển hình về sự bất lực của tôi. Tôi kể rằng, ngay cả đến chọn người cộng sự với tôi ở tòa đại sứ hoặc ngay cả đến tìm người nấu ăn tôi cũng không có quyền lựa chọn. Tất cả 250 người làm việc cho tòa đại sứ, từ lao công cho đến tài xế, người đưa thư, tổng đài viên điện thoại, người phụ giúp nghiên cứu, hết thảy đều do văn phòng dịch vụ ngoại giao Trung Hoa gửi đến. Bao giờ bản cáo thị cũng ngấm ngấm nêu rõ: *“Ngoài ông X ra chẳng còn nhân viên nào khác.”*

Trong năm đầu tiên nhà tôi làm đại sứ ở Trung Hoa, theo lẽ thì có ba người nấu bếp cho tôi. Đầu bếp A đã từng phục vụ 4 đại sứ tiền nhiệm và được đặt bí danh là *“Thánh.”* Bí danh đó đúng hoàn toàn. Anh ta lấy việc nấu ăn cho cả trăm người một ngày làm vui. Chưa có người đầu bếp nào có thể tiết kiệm bằng anh. Mặc cho tất cả thực khách hết sức no say, gần như chẳng khi nào anh để còn đồ ăn dư. Đầu tiên tôi không tài nào hiểu nổi tại sao lúc nào khi đưa danh sách những người đến dự tiệc ở tòa đại sứ anh ta cũng hỏi tôi bao nhiêu khách là người Hoa Kỳ, bao nhiêu khách là người Trung Hoa. Tôi thắc mắc chẳng hiểu anh ta hỏi vậy để làm gì? Cuối cùng tôi hỏi thẳng. Thường thì câu trả lời của anh lúc nào cũng là thừa, nhưng lần đó câu trả lời vừa khôn ngoan lại vừa súc tích chẳng khác nào lời Khổng Tử: *“Bà không biết à? Người Hoa Kỳ lấy say làm vui, người Trung Hoa lấy no làm vui.”*

Mặc dù tôi cố tình nhắc nhở, thực đơn của đầu bếp A rất ít khi thay đổi. Chủ trương của anh là khiến khách no đủ, chứ không lấy những cách trình bày hoa lệ làm chuẩn. Anh ta có thể kể vanh vách tất cả mọi thứ ở cả dưới hầm, trong kho và trong tất cả 12 cái tủ lạnh. Anh giữ lại tất cả mọi thứ bất kể mốc meo, mùi vị ra sao, bất kể tôi nài nỉ anh đổ bỏ thế nào. Đầu bếp A là người rất mực rụt rè và ít khi tham gia bàn bạc những chuyện không hay trong nhà. Lúc nào anh cũng chỉ thích quanh quẩn với những dụng cụ nấu bếp và gần như chẳng có ý muốn tiếp xúc với ai khác nữa.

Bỗng nhiên một hôm tôi được tin sở dịch vụ ngoại giao bổ nhiệm anh đến làm cho tòa đại sứ Trung Hoa ở Nga và người đầu bếp thay thế anh ta là đầu bếp B.

Chẳng bao lâu sau, tôi bắt đầu hối hận đã bỏ qua đầu bếp A một cách dễ dàng. Đầu bếp B tự phụ là anh có tài vừa giữ bếp sạch trắng tinh, vừa nấu bất kể bao nhiêu bữa ăn với rượu Cordon Blue cũng được. Tuy thế, anh lại thường xuyên vắng mặt, hay nổi giận bất ngờ và lúc nào cũng hành động độc

đoán với những người trong gia đình. Mặc dầu vậy, tôi vẫn cố chịu đựng để giữ hòa khí và tránh gây rắc rối trong vấn đề nấu nướng cho khách.

Rồi một hôm đầu bếp B bỗng xin nghỉ. Lý do: áp huyết cao. Đây là căn bệnh của những nhân viên phòng dịch vụ ngoại giao hay đưa ra để nại có nghỉ dài hạn vẫn được ăn lương. Thường là qua đường dây của một bác sĩ quen. Nhiều tuần sau đó, tôi tìm đủ cách để dỗ dành anh ta trở lại. Cuối cùng, anh ta thú thực: *“Thầy Phở Nhân đã xem tướng và cho biết rằng tôi chẳng còn sống được bao lâu nữa. Chính vì thế nên tôi không muốn hại đến tiếng tăm của bà đại sứ rủi rồi tôi qua đời ngay trong lúc nấu nướng.”* Tôi đành chấp nhận để anh ta đi.

Chẳng bao lâu sau, tôi lại hối hận đã không bỏ công để tìm cho đầu bếp B một người thay bới khác.

Sở dĩ tôi cảm thấy hối hận như thế là vì đầu bếp C, người thay thế đầu bếp B chẳng những đã gây nguy hiểm cho riêng anh ta mà còn cho cả gia đình tôi và tất cả những thực khách khác nữa. Một người vừa thiếu kinh nghiệm, vừa thiếu khả năng và vừa thường xuyên phạm phải lỗi lầm như thế mà lại tự tạo cho mình được một sự tự tin tốt độ như thế quả là một điều phi thường. Trước bữa tiệc Lễ Tạ Ơn vài giờ tôi đến để xem anh ta chuẩn bị gà Tây ra sao. Anh chỉ mới thấy gà Tây có một lần từ trước đến nay: ở sở thú. Khi thấy 6 con gà Tây được quay vàng óng, niềm hân hoan tràn ngập khiến tôi nhẹ cả người. Tôi ngồi luôn trên một cái thùng carton gần đó.

Có lẽ có ai ở gần nghe tiếng động chỗ thùng carton nơi tôi ngồi xuống lên tiếng hỏi thùng chứa gì nên tôi nghe tiếng người đầu bếp trả lời: *“Hành nhập cảng từ Hoa Kỳ.”*

Hành? Tôi có đặt mua hành bao giờ đâu? Hành có bán ở ngay trong địa phương và giá lại rẻ mạt thì ai lại đi đặt ở Hoa Kỳ làm gì?

Tôi nhìn vào trong thùng. Thoạt nhìn những củ trong thùng trong cũng giống hành nhưng quả thật không phải hành. Tôi ngửi thử một củ, hai củ nữa rồi ba củ. Mùi vị quả không giống hành tí nào. Khi tôi sắp sửa cắt thử một củ ra thì chợt nhớ đến lời vợ của một nhân viên trong phái đoàn được ủy nhiệm sang Trung Hoa. Bà ta là một người thích trồng cây kiểng trong vườn. Trước đây bà có hứa sẽ gửi cho tôi một ít củ dạ hương.

Tôi trở mắt nhìn vào thùng dạ hương đã vơi đi phân nửa và rồi ngập ngừng hỏi: *“Anh... anh có dùng...?”*

Đầu bếp B trả lời ngay: *“Ồ có chứ! Dĩ nhiên tôi phải dùng đúng hành Hoa Kỳ nhồi gà Hoa Kỳ cho hợp với dịp lễ Hoa Kỳ chứ!”*

Tôi thét lên: *“Trời ơi, đừng ai chạm đến món gà Tây hết.”*

“Chúng tôi đâu dám, món đó nguyên để dành riêng cho khách.”

Khách! Trong cơn hoảng hốt tôi quên bẵng đi mất vấn đề khách. Tôi nhìn

đồng hồ. Trời đã quá muộn không thể đổi món khác được nữa. Trong cơn tuyệt vọng tôi chợt nghĩ có thể người Tàu vẫn ăn củ dạ hương? Biết đâu?

Tôi bảo người tài xế đến một tiệm thuốc Bắc gần đó để hỏi.

Trong khi đó tôi chạy đến tiệm thuốc tây ở gần tòa đại sứ. Tiệm thuốc tây đóng cửa. Tôi gọi bác sĩ tòa đại sứ Đức. Ông đi vắng. Tôi gọi bác sĩ tòa đại sứ Nhật. Cũng đi vắng. Tôi gọi chuyên viên nông nghiệp đến để hỏi xem củ dạ hương có độc hay không. Anh ta được một trận cười thỏa thích nhưng chẳng thể trả lời được câu hỏi của tôi.

Người tài xế đến tiệm thuốc Bắc đã quay lại.

“Họ bảo sao?”

“Họ bảo người Trung Hoa không ăn củ dạ hương, nhưng có thể người Hoa Kỳ ăn...”

Tôi lại quay lại phòng y tế của tòa đại sứ. Phòng y tế mở cửa nhưng bác sĩ lại ở Hồng Kông. Tôi hỏi người y tá xem cô có quyển tự điển nào liệt kê các loại cây độc, hay không. Người y tá đưa tôi một quyển, tôi lật đến mục củ độc và dưới mục củ độc có ghi củ dạ hương.

Tôi chợt nghĩ không hiểu nếu đổ hết những củ dạ hương đã nhồi thì thịt gà Tây có còn dùng được nữa hay không? Nhỡ ngày mai có 100 xác chết trong tòa đại sứ thì sao?

Tôi chớp mắt, cố xua tan đi hình ảnh rùng rợn và chợt nhìn thấy bức hình một khuôn mặt đang cười dán trên tường phòng bác sĩ. Tôi ước gì khuôn mặt đừng cười. Khuôn mặt vàng vọt với chiếc lưỡi thè dài ra xanh lè. Cô hồn của buổi Lễ Tạ Ơn sắp tới? Tôi bắt đầu cảm thấy rùng rợn chẳng khác gì khuôn mặt lưỡi đang cười thì nhìn thấy số điện thoại của Trung Tâm khảo nghiệm chất độc ở Atlanta, tiểu bang Georgia cũng dán trên đó.

Tôi gọi ngay và chỉ tốn mất khoảng 15 phút. Có lẽ giờ đó là khoảng 4 giờ sáng ở Atlanta.

“A lô, có phải Trung Tâm khảo nghiệm chất độc đây không? Tôi đang gọi ở Bắc Kinh.”

“Trời ơi. Bắc Kinh thật à, chúng tôi chưa từng nhận được điện thoại ở Bắc Kinh bao giờ. Chỉ có một lần chúng tôi được điện thoại ở Ba Lan, nhưng lần đó cách đây cũng khá lâu rồi.”

“Ông không thể tưởng tượng được...”

“Tôi tưởng tượng được chứ, người vừa mới gọi chúng tôi cho biết con ông đã nuốt hết một hộp banh bóng bàn, và người trước đó báo tin chúng tôi rằng vợ ông nấu tôm với hột cỏ giống Kentucky. Và trước đó ít lâu—”

Tôi ngắt lời ông ta để trình bày chuyện đầu bếp C. Ông bảo rằng tôi phải đổ hết những củ dạ hương nhồi phía trong.

“Còn thịt gà tây thì sao?”

“Tôi sẽ hỏi bác sĩ rồi gọi lại cho bà.”

Trong khi đó người đầu bếp vẫn bình thản như chẳng có chuyện gì xảy ra và chỉ nhẹ thở dài khi tôi đổ tất cả những củ dạ hương anh ta nhồi bên trong những con gà Tây anh nấu mà chẳng cần đoái hoài gì đến việc nếm thử xem mùi vị ra sao.

Trong lúc chờ đợi tin của Trung Tâm khảo nghiệm ở Atlanta, lòng tôi lo sợ chập chông, chẳng hiểu khách sẽ nghĩ sao khi phải dùng thịt gà Tây nhồi đậu phộng, khoai tây và những món lẩm cẩm khác thay vì được ăn món nhồi chính hiệu.

Khách vừa đến thì Trung Tâm khảo nghiệm gọi: *“Thịt gà Tây vẫn có thể dùng được. Nhưng xin bà đừng gác điện thoại ngay. Tất cả những người ở đây có lời muốn nói với bà. Máy điện thoại bỗng im bất vài giây và rồi có tiếng chúc: ‘Chúc tất cả những người bên đó một buổi Lễ Tạ Ơn như ý.’”*

Sáng sau, tâm thần tôi đã hoàn toàn bình phục. Tôi đang tản mẩn uống ly cà phê và liếc qua tờ Trung Hoa nhật báo thì thấy trong trang 5 có tin các khoa học gia tường trình rằng họ mới tìm ra một dược chất có thể chống được bệnh ung thư. Dược chất đó chính là củ dạ hương.

Riêng về đầu bếp C thì tuy tôi hết lòng mong mỗi anh ta nghỉ việc mà chẳng có chương trình ủy nhiệm đặc biệt hoặc vấn đề số mạng nào đến triệu anh ta đi. Anh vẫn cứ tiếp tục vui vẻ làm việc ngày này qua ngày khác...

Tôi đã nhiều lần kể chuyện này với những người kêu gọi tôi giúp đỡ để chứng minh sự bất lực của mình, nhưng họ vẫn tưởng là tôi đặt chuyện. Làm sao họ có thể tin lời tôi trong khi chỉ cần một lời nói bóng gió nhẹ nhàng nhất của một nhân vật có địa vị ở Trung Hoa về chuyện ơn nghĩa cũng đã đủ để cho những người cấp dưới hết sức thành toàn ngay.

Thông thường tôi vẫn tránh không phải tiếp xúc trực diện với những người yêu cầu. Trách nhiệm duy nhất của những người gác cửa suốt 24 tiếng trước nơi cư ngụ của tôi là cấm ngặt không để cho bất kỳ người Trung Hoa nào xâm nhập vào được. Tuy thế, họ lại không bao giờ hỏi, chứ đừng nói gì đến chuyện giữ lại bất kỳ người nào trông có vẻ ngoại quốc. Bất kể người đó đáng đáp trông khả nghi thế nào. Có lần tôi vừa mở cửa ra đã thấy đây du khách Hoa Kỳ đến chụp hình. Một lần khác tôi thấy 3 người Ả Rập ăn mặc theo kiểu Arafat đang chờ tôi ra tiếp. Đã không biết bao nhiêu lần những người đến tìm văn phòng nhà tôi được cho phép vào hẳn nơi gia đình tôi cư ngụ.

Tuy tôi biết rõ những người gác cửa chẳng phải thực sự có mục đích bảo vệ

tôi, nhưng tôi vẫn ngấm ngấm cảm phục những người lính gác nông dân đó. Họ chưa bao giờ tự ý rời chỗ canh gác bất kể mưa bão, ngày đêm. Chỉ có một lần họ cho phép một người Phi Luật Tân bạn tôi quên giấy thông hành được vào cửa. Tuy giáng dập người bạn tôi trông cũng giống Trung Hoa, họ lại cho phép bạn tôi vào theo một trường hợp ngoại lệ. Họ bắt bạn tôi nói tiếng “*Phi Luật Tân*.” Sau khi bạn tôi nói một câu tiếng Phi họ để cô vào.

Ngoại trừ lần đó còn thì họ tra vấn tất cả những người Trung Hoa khác muốn vào chỗ tôi bất kể chức vụ, địa vị hoặc thường dân. Thông thường để tránh không phải gặp những cuộc tra vấn đó, tôi thường cho người nhà ra đưa khách vào.

Tuy rằng sự thành công của các phong trào cải cách đã cho phép người Trung Hoa có quyền tiếp xúc với người ngoại quốc, những người Trung Hoa đến gặp tôi đều biết rõ rằng tất cả những tin tức những người gác cổng thâu thập được đều được cho vào hồ sơ của Bộ Mật Vụ để có thể dùng tố cáo họ trong tương lai, khi chính sách thay đổi hoặc khi chồng tôi không còn ở đây nữa.

Tôi chẳng bao giờ biết được người khách đội mũ che mặt đã tìm cách nào để được cho phép đến gặp tôi. Và một khi đã lỡ giáp mặt, tôi chẳng thể nào không tiếp ông ta vì phong tục Trung Hoa đòi hỏi chủ phải lịch sự với khách, dẫu có là khách chẳng được mời. Hơn nữa, nếu tôi từ chối không tiếp ông ta thì ông ta sẽ liên tục viết thư cho tôi và phong tục Hoa Kỳ đòi hỏi tôi phải viết thư trả lời. Vẫn như bao giờ, tôi không còn lối thoát nào khác.

Ông ta bắt đầu kể chuyện người bạn.

Nếu không nhờ Đặng Tiểu Bình thì có lẽ giờ này người bạn thân nhất của tôi vẫn còn bị tù. Đặng Tiểu Bình đã cho lệnh ân xá hàng trăm ngàn tù nhân bị tù oan. Lúc này bạn tôi đã 80 và chỉ còn có một mắt. Mặc dù tuổi cao, sức yếu là thế mà mỗi tuần anh vẫn không quản ngại đường xa, vẫn đón những chuyến xe buýt chật như hũ nút, vượt qua bao dặm đường để đến thăm tôi mỗi tuần ba lần. Cứ mỗi lần vừa đến là anh lại phải nằm nghỉ ngay vì quá mệt.

Lý do chính là vì anh chẳng thể ở nhà. Tuy anh đã nằm trong ngục suốt ba mươi năm mà vợ anh vẫn nhất định không chịu tha thứ cho anh. Bà ta nhất định không tha thứ cho một vị tướng Quốc Dân Đảng đã quyết định ở lại với binh sĩ để đón tiếp Hồng Quân bằng những tô mì do chính anh nấu, và quyết định không đưa gia đình sang Đài Loan.

Giờ đây, vì buộc phải sống chung nhà với anh, vợ anh nhất quyết không nói năng gì với anh. Bà ta coi như anh không có ở đó. Con trai và con dâu anh cũng đối xử với anh như vợ anh. Ngay cả những đứa cháu nội cũng lạnh lùng với anh.

Sống ngay giữa những người ruột thịt mà phải thui thủi như một bóng ma thì quả thật trong bất cứ trường hợp nào cũng là một cực hình. Cực hình này còn khiến anh đau khổ hơn vì nhà anh chỉ là một túp lều dựng bên vỉa hè, bất

cứ làm gì cũng không tránh khỏi chạm mặt nhau. Anh bạn tôi dù có muốn đọc sách cũng không được và cứ đến giờ ăn thì anh thà nhịn đói còn hơn là phải trực diện với sự lạnh lùng của người nhà.

Theo luật thì khi anh được thả, nhà cửa của anh được phục hồi, nhưng cũng theo luật thì không ai được tự ý dời chỗ nếu chưa được chính phủ cho phép. Bên nào cũng có luật pháp chỉ định nhưng đã 6 năm rồi mà vẫn chẳng có gì thay đổi. Bạn tôi đã già rồi. Sức khoẻ cũng đã yếu lắm. Anh còn chờ được bao lâu nữa?

Nếu bà, với tư cách là một bà đại sứ, có thể thông báo với chính quyền là bà muốn đến thăm anh ta thì có thể chính phủ sẽ xét xử trường hợp của anh ta sớm hơn thay vì để mất sĩ diện.

Tôi hứa rằng nếu có dịp ghé ngang nơi tỉnh người khẩn cầu, tôi sẽ đến thăm người bạn ông ta. Tuy nhiên tôi cũng thận trọng nói rõ rằng ông ta không nên đặt quá nhiều tin tưởng vào chuyến viếng thăm của tôi, nhất là vào lúc này, khi cả hàng ngàn Hoa Kiều đang quay về thăm viếng Trung Hoa mỗi năm. Làm sao mà chính quyền có thể thay đổi nhà cửa cho hàng trăm ngàn người cùng một lúc cho dù là họ quả có thực lòng muốn vậy? Quả thật tôi cũng nhìn nhận rằng vào những năm đầu thập niên 70 họ quả có làm thế để tạo ấn tượng tốt với những du khách ngoại quốc đầu tiên đến Trung Hoa. Họ đã làm thế cho tôi.

Mỗi khi có người Trung Hoa tâm sự với tôi, tôi thường tâm sự lại với họ. Lần này tôi kể với người khách câu chuyện tôi về Trung Hoa thăm cậu vào năm 1973 ở Tây An. Bầu không khí thật là lạ lùng. Đây là nói một cách nhẹ nhàng nhất. Cậu tôi gần như chẳng nói gì cả. Và mỗi khi có nói thì lại nói toàn chuyện hoan hô đảng và nhà nước. Ông không hề nói đến vấn đề nhà cửa bị Vệ Binh Đỏ lục soát, cướp phá. Ông không hề đề cập đến vấn đề bệnh hoạn kỳ quặc của ông.

Những người trong họ khác cho tôi biết cậu tôi mắc bệnh thần kinh gần như ngay sau khi Vệ Binh Đỏ vào nhà. Cậu tôi lúc nào cũng sợ không dám ra khỏi nhà. Khi nào bắt buộc phải ra khỏi nhà, cậu tôi thường mang theo một chiếc ghế nhỏ vì những khi đi ra ngoài, như thế cậu tôi thường lên cơn kinh hải bất chợt. Đôi khi cậu tôi phải ngồi từng giờ bên vệ đường trước khi có thể tiếp tục đi bộ. Cứ mỗi khi thấy có người mặc áo sơ mi trắng ngăn tay đi qua là cậu tôi lại động cơn kinh sợ. Hôm đó là một ngày hè và những thiếu niên cháu ngoan bác Mao hết thấy đều mặc áo trắng ngăn tay.

Tuy tôi biết rõ tình trạng sức khoẻ và những khó khăn với quá khứ chính trị của cậu tôi, khi gặp lại ông tôi tưởng ông đã hoàn toàn bình phục. Căn nhà ông ở thật rộng rãi và nhiều đồ đạc bày biện hơn tất cả những căn nhà khác tôi thấy. Quần áo cậu tôi và gia đình trông thật là lạnh lặn. Người nào cũng nói cuộc sống thật là tốt lành. Nhưng ai trông cũng có vẻ khác lạ một cách khó hiểu. Tôi có cảm tưởng cô tôi lúc nào cũng lục đục như người cần tìm kiếm vật gì. Căn nhà chỉ có mỗi ba phòng mà cô tôi cứ hết đi lộn phòng này lại đi lộn phòng kia. Và lúc nào cô tôi cũng chỉ chực nhét thức ăn vào miệng

tôi ở một mức độ đều đặn vượt xa những đòi hỏi của tập quán chiêu đãi cổ truyền ở Trung Hoa.

Nhưng tôi vẫn chẳng nghi ngờ gì cả. Thập niên sau cô tôi mới thực sự kể lại câu chuyện. Sau khi có tin tôi về, hàng trăm người sống ở dọc những con lộ tôi đi ngang được lệnh quét tuyết, sơn lại nhà cửa và mặc những quần áo đẹp nhất khi tôi đi ngang. Và trước khi máy bay tôi hạ cánh, cả gia đình cậu tôi được cấp phát cho quần áo mới và đưa vào ở căn nhà của một cán bộ cao cấp. Sau khi tôi về gia đình cậu tôi lại bị trả về nơi cư ngụ xập xệ và phải trả tiền cho tất cả những bộ quần áo đã dùng. Mãi cho đến ba năm sau, khi cuộc cách mạng văn hóa chấm dứt, cậu tôi mới được ân xá.

Câu chuyện tâm sự của tôi mở thêm những nhịp cầu tâm sự khác. Người khách đến thăm tôi bắt đầu kể chuyện đời ông.

Cho đến mãi năm 1958 tôi mới lập gia đình. Lúc đó tôi 40 mà nhà tôi mới 19 và cho đến ngày nay tôi vẫn chưa hiểu vì lẽ gì nhà tôi lại có thể yêu thương một người như tôi. Ai nghe chuyện cũng lấy làm kinh ngạc. Ai điên khùng gì mà đi lập gia đình với một kẻ phản cách mạng như tôi? Người ta kết luận rằng nhà tôi chắc phải ăn nằm với tôi từ trước.

Chúng tôi chung sống với nhau cho đến khi cuộc cách mạng văn hóa khởi đầu. Và rồi dân làng bắt đầu không để chúng tôi yên, họ đã đòi hỏi nhà tôi phải “*có quyết định rõ rệt*” với tôi. Họ bắt nhà tôi tuyên bố không liên hệ với tôi nhưng nhà tôi lại bướng bỉnh từ chối. Thế là họ bắt hai chúng tôi phải làm việc ở hai chỗ ruộng khác nhau, tôi ở mãi phía Đông và nhà tôi ở mãi phía Tây. Còn con chúng tôi thì sao? Tôi hỏi. Họ trả lời rằng đó không phải là việc của tôi. Rồi một bà lão hàng xóm can đảm và tốt bụng bước ra. Bà ta chửi mắng thậm tệ chúng tôi là những quân theo phò tư bản, những quân đàn áp nhân dân, những quân tôn thờ Bè Lũ Bốn Tên và một loạt những tội chính trị khác. Chửi xong, bà đòi quyền trông coi đứa bé. Bà bảo rằng đứa bé hoàn toàn vô tội. Chúng tôi thâm cảm ơn lòng bố tát của bà thật quảng đại như lòng Phật Quan Âm.

Nhưng trong khi chúng tôi làm việc ngoài đồng cả ngày thì đứa bé đói sữa cứ khóc đòi sữa. Bà lão lại chẳng có tiền để mua.

Một hôm vì không thể chịu được tiếng khóc của đứa bé, bà lão đành ôm đứa bé ra mãi tận cánh đồng phía Tây nơi nhà tôi làm việc. Nhà tôi đã nghe con khóc từ xa nhưng không dám ngừng tay trong lúc đang công tác nên cố gắng đợi. Cuối cùng, khi đứa bé đã ở trong tầm tay, những người cán bộ cấm không cho nhà tôi cho con được bú.

Bà lão lại ôm con tôi trở ngược qua phía Đông đến gặp tôi. Bà đặt đứa bé xuống chân tôi và bảo rằng bà thật tình xin lỗi chẳng thể để đứa bé chết trên tay mình được. Bà quay lưng chậm chậm cất bước. Tôi ôm con lên, đứa bé đã hoàn toàn im lặng.

Bỗng nhiên một nữ Vệ Binh Đỏ bất thần chặn đường tôi và la lối rằng tôi

đánh cô ta. Tôi cố đi vòng thì cô ta tru tréo lên. Cô nói rằng tôi đánh cô. Tuy tôi không có quyền lên tiếng nhưng tôi vẫn lên tiếng. Tôi hỏi rằng làm sao tôi có thể đánh cô trong khi tay tôi đang bế một đứa bé. Khi nghe tôi nói thế cô ta lỏng lẻo. Tôi quỳ xuống van xin cô và những vệ binh đỏ khác muốn hành hạ hoặc đòi hỏi gì tôi cũng được nhưng tôi xin hãy mang con tôi đến chỗ mẹ nó trước khi quá trễ.

Cô ta giật đứa bé khỏi tay tôi rồi ném con tôi xuống đất. Lạ lùng thay đứa bé hoàn toàn không bị thương tích gì và sống được cho đến đêm khi tôi bế nó về nhà gặp mẹ.

Đêm đó trời nổi cơn giông bão. Cơn giông đang bùng bùng giữa độ nhưng tôi không thể đợi được nữa. Tôi đẩy cả nhà tôi lẫn con tôi ra giữa lúc trời đang bão và lấy hết sức bình sinh chặn lấy cửa ra vào, lòng cầu nguyện rằng nếu không có tôi biết đâu nhóm vệ binh đỏ chẳng buông tha cho nhà tôi và đứa bé. Biết đâu nếu chạy xa về các miền đất hoang phía Bắc thì nhà tôi sẽ được yên. Tôi cứ giữ chặt cửa cho đến khi trời đã hừng đông.

Mười năm sau, khi vừa được Đặng Tiểu Bình phục hồi quyền công dân, tôi liền lên đường tìm nhà tôi. Nhà tôi đang sống với một người chồng khác. Tôi chẳng trách gì nhà tôi. Nếu không có người chồng mới đỡ dần có lẽ nhà tôi cũng chẳng sống nổi. Nhà tôi và người chồng mới sinh được một đứa bé gái. Lúc này cả hai đứa bé và nhà tôi đều đang sống với tôi. Tất cả 5 chúng tôi đều cho rằng cuộc sống ở thị thành dầu sao cũng đỡ hơn ở thôn quê.

Nhưng nếu so sánh hoàn cảnh của tôi với hoàn cảnh bạn tôi thì những sự khó khăn của tôi thật là nhỏ nhen và không đáng kể, quả thực không đáng kể tí nào.

Ông ta không kể thêm chi tiết gì về cuộc đời của người bạn. Ông nói rằng tôi phải đến làng ông để nghe trực tiếp câu chuyện bạn ông ta kể.

Tôi tiến ông ra cửa, ông cười. Giọng cười nghe thật sảng khoái. Ông bảo rằng cho đến nay ông chưa hề nghĩ mình lại có dịp kể lại cho ai nghe câu chuyện đời ông chứ đừng nói đến kể cho tôi nghe mà lại kể ngay ở tòa đại sứ Hoa Kỳ nữa.

Khi nhìn thấy bóng dáng cái chòi canh ngoài cổng, tôi cho rằng có lẽ tôi nên tiến ông ra cửa. Ra đến mặt lộ, ông lại cười. *“Những chuyện chẳng ai tưởng tượng được lại cứ xảy ra trong những khung cảnh oái oăm thật buồn cười. Có lần tôi cũng chẳng thể tin được là chỉ cần khoảng thời gian của một cơn giông tố về đêm cũng đủ để người ta rụng hết không còn một sợi tóc.”*

Lần đầu tiên ông ta gơ nhẹ chiếc nón đội trên đầu.

Kẻ KHẨN CẦU
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

BẠCH KHUYẾN

T HỨ NĂM NGÀY 18 THÁNG 5, 1989... TRƯỚC LÚC RẠNG ĐÔNG BÍ THU ĐẢNG TRIỆU TỬ DƯƠNG VÀ NHỮNG ĐẢNG VIÊN NÒNG CỐT CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẾN THĂM NHỮNG NGƯỜI TUYỆT THỰC Ở BỆNH VIỆN.

Lại một lần nữa 1 triệu người đổ ra đường để biểu đồng tình với những người tuyệt thực đang được những chuyên viên y tế trong khắp thành phố tình nguyện săn sóc.

Tối đó Lý Bằng đến gặp những lãnh tụ sinh viên ở tòa đại sảnh nhân dân.

Trong lần gặp đầu tiên, câu chuyện giữa tôi và bạn tôi chẳng có gì đặc biệt. Đồi bên chỉ nói với nhau những chuyện xã giao. Tôi còn nhớ trong lần gặp đó, tôi đã ngồi chăm chú nói chuyện với chồng bạn tôi và bạn tôi thì luôn tay xếp dẹp. Bạn tôi hình như không lúc nào ngừng di động. Cứ hết dọn dẹp quanh chỗ lò sưởi lại đến dọn dẹp chỗ bàn ăn nơi chồng bà và tôi đang nói chuyện. Vậy mà lúc về bạn tôi lại tạo cho tôi rất nhiều ấn tượng. Bạn tôi là người đàn bà duy nhất ở Trung Hoa đã thỏa mãn lời yêu cầu đơn giản nhất của tôi mỗi khi tôi nhận lời mời đến thăm gia đình bà. Mỗi lần đến thăm những gia đình Trung Hoa tôi vẫn thường yêu cầu một điều thật đơn giản: *“Xin đừng làm tiệc tùng gì cả. Tôi thích ăn cơm dưa muối và đậu hơn là những thứ cao lương mỹ vị khác.”* Thay vì tiếp tôi bằng những món lạ như vịt bát trân, bạn tôi đã tiếp tôi bằng một bữa cơm rau thật tươi mát — không cầu kỳ thái quá mà cũng không thanh đạm quá, chỉ vừa đủ.

Lần cuối cùng tôi gặp bạn tôi là lúc bà sắp qua đời. Tôi đã đứng cạnh giường bệnh cầm tay bạn tôi. Tôi tự hỏi chẳng hiểu bạn tôi có biết tôi đang đứng đây không? Bạn tôi cố hết sức lên tiếng. Tôi chẳng hiểu được bạn tôi nói gì nhưng tôi biết là bạn tôi đang cố nói tiếng Anh. Thường thì chúng tôi vẫn nói tiếng Tàu với nhau. Vì sao bạn tôi lại cố nói tiếng Anh trong lúc này? Và rồi tôi chợt hiểu. Đây là cách duy nhất để bạn tôi có thể chứng tỏ là bà đã nhận ra tôi.

Lần gặp gỡ đầu tiên kể đến nay đã tròn ba năm. Trong ba năm đó, tình bạn của chúng tôi đã chuyển thành thân thiết. Khác hẳn những đôi bạn thân khác, chúng tôi gần như chưa bao giờ tâm sự chuyện riêng hoặc đào sâu vào đời tư của nhau. Vậy mà lạ lùng thay những chuyện chúng tôi không nói lại càng khiến cho tình bạn của chúng tôi thêm thân chẳng khác gì những khoảng không gian trống của một bức họa đồ đã làm tăng vẻ nghệ thuật của bức họa đó. Bạn tôi đã thấy rõ tâm tư và con người tôi qua câu chuyện Xuân Nguyệt. Tôi cũng đã hiểu rõ bạn tôi qua cách bạn tôi dịch lại tác phẩm của tôi sang tiếng Trung Hoa.

Trước lúc bạn tôi bắt đầu dịch quyển Xuân Nguyệt, đã có rất nhiều các ấn bản khác. Tất cả những ấn bản đó đều là những ấn bản không có sự đồng ý của tôi dù là trước hoặc sau khi in. Chẳng có ấn bản nào diễn tả trọn vẹn được

quyển sách tôi viết. Trong một ấn bản của Đài Loan có nhiều đoạn bị sửa chữa hoàn toàn và nhiều đoạn khác được viết thêm; trong một ấn bản khác gần như tất cả các đoạn nào có thể bị nghi là chỉ trích chính phủ quốc gia và biểu đồng tình với cộng sản đều bị cắt bỏ. Trong số các ấn bản dịch có một bản của nhà xuất bản An Huy ở đại lục được một tiểu ban dịch và cho in sau một thời gian ngắn sau khi chúng tôi đến Bắc Kinh. Chỉ mới trong lời nói đầu của bản dịch đó đã có 101 lỗi sai lầm. Tất cả những lỗi lầm trong ấn bản của nhà xuất bản An Huy hoàn toàn không phải do sự chọn từ của những người dịch, lại càng không phải vì lý do trình bày hoặc nội dung.

Chỉ nội nghĩ đến việc những độc giả Trung Hoa có thể nghĩ rằng đó là tác phẩm tôi đã bỏ trọn sáu năm để viết cũng đủ làm tôi sôi máu giận. Tôi viết cho nhà xuất bản một bức thư dài ba trang, yêu cầu giữ ý tứ bản dịch cho đúng với nội dung nguyên tác. Tôi nói rằng nếu nhà xuất bản An Huy dám đưa bản dịch đó ra thị trường thì tôi sẽ mua hết 50,000 quyển sách, rồi mời tất cả những ký giả có tiếng ở Bắc Kinh đến nhà rồi đốt làm lửa trại chào mừng họ.

Nhờ nỗ lực của nhà xuất bản, chuyện đáng tiếc đó không xảy ra. Tất cả những bản dịch của nhà xuất bản An Huy đều bị rút lại. Trước khi một tiểu ban dịch thứ hai có đủ thời giờ đưa ra một bản dịch khó chịu khác, tôi ra tay trước bằng cách chính thức đồng ý một bản dịch khác. Tôi tìm đến bạn tôi để nhờ bạn tôi giúp. Bạn tôi chẳng những đã lưu loát cả hai thứ tiếng Anh, Hoa mà còn có một con mắt nghệ thuật rất đặc biệt.

Khi viết quyển Xuân Nguyệt bằng tiếng Anh, tôi chỉ có thể diễn tả được một phần rất nhỏ những vấn đề chẳng hạn như: Hình tượng và âm điệu của ngôn ngữ Trung Hoa. Sự khác biệt giữa các loại và các ngôn ngữ địa phương, sự biến đổi của cách dùng chữ từ cuối đời nhà Thanh cho đến thời gian hiện tại. Nhưng khi viết bằng tiếng Trung Hoa thì tất cả mọi danh, tất cả mọi tục lệ thảy đều phải đúng với người, với chỗ, với thời điểm. Sự thể thật chẳng khác nào tôi đang soạn một bản nhạc giao hưởng Tây Phương để diễn tả âm điệu nhạc Trung Hoa mà bây giờ chính bản nhạc đó lại được tấu bằng những nhạc cụ Trung Hoa cổ truyền như hồ cầm, tỳ bà, tiêu, và thanh la.

Đã hẳn đây là một vấn đề đòi hỏi rất nhiều công phu. Mỗi khi dịch xong một chương, bạn tôi lại phải chép lại từng chữ rồi thâu vào máy thâu băng để chuyển cho tôi nghe. Cứ mỗi chương như thế, tôi lại nghe ít nhất là ba lần. Lần đầu tôi vừa nghe, vừa đối chiếu với bản tiếng Anh. Sau đó tôi nghe lại bản dịch bằng tiếng Trung Hoa. Cuối cùng tôi nghe thêm một lần thứ chót để được nghe giọng kể của bạn tôi. Mỗi lần dịch xong một chương, chúng tôi lại gặp nhau để bàn luận các câu hỏi hoặc thảo luận các đoạn dịch. Khoảng thời gian chúng tôi gặp nhau thường kéo dài thành nhiều giờ. Chúng tôi phải gặp nhau lâu như thế chẳng phải vì có nhiều đoạn cần thay đổi. Thực sự thì chỉ có vài chỗ cần thay đổi trong mỗi chương. Thời gian thảo luận phải kéo dài như thế chỉ vì tất cả những ẩn nghĩa của câu đối với chúng tôi đều quan trọng. Chúng tôi cùng say mê chọn lựa từng chữ cho thật đúng. Mỗi khi tìm được chữ như ý, chúng tôi hết mực giữ gìn chẳng khác nào hai người đàn bà nghèo trúng độc đắc nâng niu tờ vé số. Chúng tôi cố để dành thì giờ làm việc với

nhau. Chúng tôi chỉ tạm ngưng vào những lúc bạn tôi phải về nhà để cho con ngủ.

Có lần, khi chúng tôi đang dịch đoạn nhân vật chính tắm cho đứa con 5 tuổi đã xa cách cô ta từ lúc chào đời, bạn tôi nói nhỏ, *“Chính chúng tôi cũng cảm thấy vụng về như thế lần đầu.”* Đó là câu nói duy nhất mà bạn tôi có ý ám chỉ những nỗi khốn khó bà phải trải qua trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Ngoại trừ lần đó, chưa bao giờ bạn tôi cho phép tôi hoặc bà quên đi cương vị của tôi như một bà đại sứ.

Tôi chỉ biết về những thảm cảnh của bạn tôi trong giai đoạn cách mạng văn hóa qua câu chuyện của những người khác. Có lần tôi hỏi cậu con bạn tôi xem những năm trong tù có khiến tính tình bạn tôi thay đổi không, cậu ta trả lời: *“Mẹ cháu vẫn vui vẻ và đối xử với con cái hệt như trước kia. Chỉ có một điểm khác biệt. Điểm khác biệt đó tuy nhỏ nhưng lại là một điểm thay đổi then chốt. Trước kia, bất kể cháu có nghịch ngợm đến mấy, mẹ cháu cũng không bao giờ mắng cháu. Thế mà sau khi đi tù về, mẹ cháu cần kiệm đến độ nếu cháu vô tình bỏ phí một giọt nước bà cũng quở trách.”*

Cho đến ngay cả lúc bạn tôi bị bệnh, tôi cũng chỉ được biết về tình trạng ngặt nghèo của bạn tôi qua một người bạn khác cùng quen cả hai chúng tôi. Dù bạn tôi đã can ngăn người bạn đó không nên làm phiền đến tôi, người bạn đó vẫn nhờ tôi can thiệp. Người bạn đó nhờ tôi chuyển bạn tôi từ nhà thương chuyên trị bệnh xuất huyết sang bệnh viện chuyên trị ung thư cho đúng với căn bệnh của bạn tôi. Lúc đầu nỗ lực của tôi không thành công. Và rồi tôi chợt nhớ đến một vị bác sĩ nói tiếng Anh tôi chỉ mới gặp qua ở chỗ tiếp tân. Vừa nghĩ đến vị bác sĩ, tôi lập tức gọi ông ngay. Rất ít khi tôi gặp được một người đặc biệt như ông. Người ông trông vừa đầy ắp năng lực vừa toát ra một vẻ từ hòa dễ mến. Trước đây, khi chúng tôi nói chuyện về vấn đề Y Khoa ở Trung Hoa, Ông đã chỉ trích thậm tệ nạn phân chuyên khoa một cách cực đoan ở các bệnh viện. Ông nói rằng nếu các bệnh viện cứ tiếp tục phân chuyên khoa theo đà đó thì có lẽ chẳng bao lâu sau nhà thương sẽ có một phân khoa chuyên trị bệnh ở lỗ mũi bên trái và một chuyên khoa khác chuyên trị bệnh ở lỗ mũi bên phải.

Ngay trưa hôm tôi gọi để nhờ vị bác sĩ can thiệp, bạn tôi đã được đưa vào bệnh viện ung thư và kể từ lúc bạn tôi nhập viện, bác sĩ đã chẩn bệnh cho bạn tôi thật kỹ lưỡng. Phòng điều trị cũng tìm khắp thành phố để có thể có đủ máu thay hàng ngày cho bạn tôi.

Trước ngày bạn tôi mất khoảng một tháng, bất cứ lúc nào tôi đến thăm, bạn tôi cũng dành phần lớn thời giờ nói về cuốn sách. Lúc nào bạn tôi cũng than thở, không phải than về chứng bệnh nan y mà than rằng bà chỉ cần thêm một tuần nữa để hoàn thành bản dịch quyển sách. Bạn tôi nhấn mạnh nhiều lần rằng chồng bà sẽ thay bà để hoàn thành quyển sách. Bà cũng đã nhắc nhở nhiều lần rằng tôi không nên để tâm lo lắng.

Vài ngày trước khi bạn tôi mất, tôi có đến thăm và mang theo thức ăn nấu sẵn cho gia đình bạn tôi. Chồng bạn tôi lúc đó đang công tác ở ngoại quốc. Bà

cụ thân của bạn tôi, lúc đó đã 90 tuổi ra mở cửa đón tôi. Trông cụ vui mừng như thể đang đón một người đến dự ngày tiệc sinh nhật con cụ. Phải chăng cụ đã quá già và bắt đầu lẩn? Trước khi tôi có thời giờ để giữ cụ lại, cụ đã ra vườn mang ghế vào cho tôi ngồi.

Được một lúc thì con gái bạn tôi bước vào, hai mắt cô ta vẫn còn sưng lên đỏ ngầu vì khóc. Chúng tôi im lặng ôm nhau. Trong khi đó thì bà ngoại cô bé cứ lảng xăng chạy tới chạy lui vui vẻ lo rót nước cho chúng tôi như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Giữa lúc cháu gái cụ sụt sùi khóc, thì gương mặt còn phẳng phất nét đẹp của cụ trông vẫn bình thản. Cụ ngồi yên như thể hoàn toàn không nghe thấy tiếng khóc của cháu, như thể một người đang để hồn vào chỗ nào khác chứ không để ý gì đến câu chuyện của hai người xa lạ bên cạnh. Tôi tự hỏi phải chăng cụ điếc? Diện tích căn phòng chỉ độ bằng diện tích của một tấm thảm.

Một người bạn khác của gia đình bạn tôi đến thăm rồi nhiều người bạn khác nữa. Có người chỉ ở lại vài phút, có người ở lại cùng dùng bữa tối với chúng tôi. Suốt buổi tối lúc nào chuông điện thoại cũng reo nhưng gần như chẳng có cú điện thoại nào là cú điện thoại chúng tôi đang chờ; con gái bạn tôi cứ lập đi lập lại những câu trả lời như nhau trong khi đứa bé trai ba tuổi, cháu ngoại bạn tôi vẫn vô tư chơi đùa giữa đám quan khách. Chú bé cứ ra vào vùn vụt lúc thì cầm chiếc xe vận tải nhựa, lúc thì cầm những mảnh đồ lắp ráp, lúc thì cầm máy bay. Trong suốt buổi tối, bà cụ cũng thản nhiên chẳng khác gì đứa bé.

Cứ mỗi khi tình thế căng thẳng, tôi lại ôm con gái bạn tôi. Tôi cố nhắc lại những câu chuyện cũ giữa tôi và bạn tôi ngày trước để giúp cả hai chúng tôi quên đi hoàn cảnh hiện tại. Con gái bạn tôi đã hơn một lần nói rằng: *“Cho đến ngày mẹ cháu bắt đầu dịch cuốn Xuân Nguyệt mẹ cháu chưa bao giờ có dịp làm những chuyện bà cụ thích. Nhưng trước ngày mẹ cháu bị bệnh, bà cụ đã viết thư cho cháu bảo rằng bà mơ được cùng dịch những tác phẩm của văn hào Shakespeare với ông thân cháu khi ông cụ về hưu.”*

Dần dà chẳng hiểu bằng cách nào đó, chúng tôi cũng dùng xong bữa tối. Chuông điện thoại và những khách đến thăm bạn tôi càng ngày càng nhiều. Trong khi những người khác lo dọn bàn chỉ còn mình tôi và bà cụ ở lại trong phòng. Tôi không dám lên tiếng, chỉ đưa tay nắm lấy tay cụ.

Cuối cùng cú điện thoại viễn liên của chồng bạn tôi gọi về. Con gái bạn tôi nói một cách rõ rệt và quyết liệt. *“Không, thứ ba không được... Phải sớm hơn vậy mới được... Anh con bay về ngày mai...”*

Cô lập đi lập lại câu nói và ít lâu sau cô hạ giọng nhẹ chào bố. Sau khi cúp điện thoại, cô quay sang chúng tôi báo tin: *“Ngày mai bố về.”* Thành linh có tiếng xe Jeep đồ chơi hú lên và tiếng cười hồn nhiên của đứa bé đang chơi vang dội khắp phòng. Tiếng vọng bắt đầu cứ vang lên mãi.

Tôi không còn thấy bà cụ đâu nữa.

Một lúc sau tôi thấy cụ đang đi qua sân sau và tưởng rằng cụ đang sửa soạn đi nghỉ.

Nhưng sau đó tôi lại thấy cụ đi ngược lại. Có lẽ cụ đã đi như thế đến cả chục vòng. Lại một lần nữa tôi nghi ngờ cụ không già và lẩn như tôi nghĩ.

“Bà ngoại biết rõ mọi chuyện phải không cháu?”

“Cho đến hôm nay, mọi người vẫn bảo cụ là chẳng có gì đáng quan tâm. Cả nhà vẫn có ý dẫu cụ. Nhưng đã gần đến giây phút chót, cháu không thể dẫu cụ được nữa. Trước lúc cô đến cháu đã thu hết can đảm để nói thật với cụ...”

Tôi nhớ lại cách chào đón vui vẻ của cụ và rồi chợt hiểu được nguồn khích lệ khác thường của bạn tôi đã tìm được sự khích lệ từ đâu.

“... Cháu bảo bà ngoại rằng bà ngoại phải can đảm, đừng để nỗi buồn làm bận tâm và vào lúc này cả nhà chẳng thể nào lo buồn vì bất cứ chuyện gì khác được nữa.”

Khi chúng tôi lên đường đến nhà thương, bà lão ôm tôi và nói nhỏ cho riêng tôi nghe, *“Thật trời đất ác không lúc nào bằng lúc bắt một bà lão bạc đầu phải chôn đứa con tóc hấy còn xanh.”*

Mỗi lần người ta thì thầm, *“Coi chừng Bạch Khuyển,”* họ có ý chỉ tôi, một thành viên của hội đoàn bác sĩ. Với tư cách là bác sĩ, tôi rùng mình vì nhục nhã. Với tư cách là người Trung Hoa, tôi thông cảm với những cảm nghĩ phổ thông loại này.

Ngày nay tất cả những bệnh nhân đến khám đều phải mang theo quà tặng. Tội nghiệp thay cho những bệnh nhân không biết rõ điều luật này, vì rằng chắc chắn sẽ có lúc những bộ máy tiếp dưỡng khí của họ bị rút công tắc, những thuốc chích cho họ là những loại thuốc pha trộn, những thuốc uống hàng ngày của họ không được chuyển đến, quần áo của họ không được thay và thời khóa biểu giải phẫu của họ bị hoãn lại vô định kỳ. Tệ hơn nữa là những người thân của họ chỉ biết rõ khi mọi sự đã trở nên quá trễ.

Căn bệnh kinh tởm này mới chỉ bắt đầu vài năm trước, nhưng lại giờ đây lại phổ thông đến độ chính những vị bác sĩ giải phẫu cũng lo chẳng hiểu nhờ chính họ cần giải phẫu thì họ có tránh được trường hợp đó không? Và ngay cả những người có đủ tiền bạc để lo liệu cũng chưa chắc đã được thuốc thang cẩn thận. Bệnh nhân phải biết khôn ngoan. Vì rằng chẳng ai có thể đưa thẳng tiền được nên bệnh nhân phải diễn xuất một màn kịch câm để dẫu cả những người ăn tiền lẫn số tiền đứt lót. Một trong những cách thường dùng là để cho bệnh nhân trả một số tiền thật lớn cho ban điều hành săn sóc để *“đền bù những bữa họ phải bỏ cơm săn sóc bệnh nhân.”* Một cách khác nữa là mua những thứ chỉ tình cờ có bán ở bệnh viện với một giá cắt cổ. Qua nhiều lần hết mực từ chối, một khi món quà tặng *“khiêm tốn”* của bệnh nhân được nhận thì người nhận quay lại ngay chỗ bán để đổi lấy tiền. Và những quà tặng trả về lại được những bệnh nhân khác *“mua”* trở lại để tỏ lòng biết ơn đối với những dịch vụ mà nhà

nước hứa và trả bằng tiền thuế của nhân dân, nhưng lại chưa thực thi.

Tiêu chuẩn đạo đức của Ngành Y sao lại suy vi đến độ này?

Tôi là sản phẩm của một trường đạo Hoa Kỳ ủng hộ Hồng Quân. Chúng tôi ủng hộ Hồng Quân là vì những quân nhân Hồng Quân thật khác hẳn các quân nhân Quốc Dân Đảng. Họ không dùng bạo lực để thủ lợi mà dùng sức mạnh để xây dựng một xã hội mới trong sạch và lý tưởng. Đã có lần sinh viên phải quyên tiền mua súng để bảo vệ trường học khỏi bị cướp phá. Sau ngày giải phóng họ không còn phải làm thế vì Cộng Sản đã đem lại hòa bình.

Đầu tiên thì những lý tưởng cộng sản không mâu thuẫn với đạo thiên chúa của tôi. Họ không hề bắt tôi phải bỏ đạo mà cũng không cấm tôi chữa trị cho những quân nhân bị thương của Quốc Dân Đảng. Sự tham gia của tôi vào các đoàn thể chính trị của họ được hoan nghênh hoàn toàn.

Trong chiến tranh lục địa Đại Hàn, khi Hoa Kỳ đã trở thành kẻ thù của Trung Hoa tôi vẫn bị những ấn tượng tốt về Hoa Kỳ ám ảnh. Hình ảnh những người lính Hoa Kỳ giúp chúng tôi chống Nhật đối với tôi cũng giống như hình ảnh của những đứa bé tốt nay đã lớn quá tuổi. Tôi vẫn nhớ cảnh những người lính Hoa Kỳ đã kéo xe chở chúng tôi chạy qua lại trên đường phố, cho chúng tôi thuốc lá và dùng những chiếc mũ sắt để che gió mỗi khi họ đứng gác lúc máy bay dội bom. Tôi vẫn nhớ cảnh họ cho kẹo trẻ em nhưng không cho kẹo sinh-gôm vì sợ các em nuốt. Nhưng khi Đảng thông báo với cả nước rằng quân Hoa Kỳ định vượt sông Áp Lục để tấn công Trung Hoa, tôi tin rằng tin tức này hoàn toàn xác thực.

Chỉ khi đảng công khai bắt chúng tôi phải chỉ trích các giáo sư tôi mới thật tình không hiểu nên phản ứng ra sao. Những giáo sư dạy tôi đã cho tôi một món quà tặng vô giá: kiến thức y khoa, phương pháp chữa lành các căn bệnh. Làm sao tôi có thể chỉ trích họ về điểm đó. Quả họ có liên hệ gần gũi với những công dân của đế quốc tư bản nhưng tôi thật không thể thấy có bất kỳ sự liên hệ nào giữa hai vấn đề tư bản và y khoa. Đúng ra thì chính các vị thầy đã dạy tôi cách phụng sự nhân loại. Nhưng lòng thành kính đối với đảng đã dập tắt sự lý luận của tôi. Tôi kết luận rằng những sự chỉ trích của đảng dĩ nhiên là đúng và có lẽ kiến thức của tôi vẫn còn thiếu sót.

Tuy thế, đây lại chẳng phải là một kết luận thực tế có thể giúp tôi phát biểu cảm tưởng trong những buổi họp chính trị. Tôi chẳng thể đặt chuyện để chỉ trích mà cũng không muốn vi phạm luật lệ. Cuối cùng tôi tìm được một giải pháp: Tự làm cho mình mắc một chứng bệnh hay lây rồi nài vào cơ đó để trốn tham gia các cuộc họp.

Sau khi bình phục, tôi tránh xa tất cả các hoạt động chính trị và nhất loạt từ bỏ tất cả những thú tiêu khiển kể từ thể thao cho đến âm nhạc, từ săn bắn cho đến quan sát các thiên thể. Tôi để hết tâm trí vào vấn đề y khoa. Những tháng sau đó, trong khi toàn thể ban quản trị còn đang lo việc điều tra những thành phần phản động thì tất cả những học viên chuyên ngành đã tốt nghiệp như chúng tôi phải cật lực làm việc để trông coi toàn thể bệnh viện. Tất cả

chúng tôi làm việc gần như cả ngày lẫn đêm. Cứ hết giải phẫu lại đến trị các chứng bệnh chuyên môn. Chúng tôi ai cũng là bác sĩ chuyên khoa, kiêm bác sĩ toàn khoa, kiêm y tá, kiêm phụ tá, kiêm thư ký. Chúng tôi chẳng còn thì giờ để suy nghĩ hay nghỉ ngơi. Nếu chúng tôi không làm thì việc chắc chắn sẽ chất đống.

Cũng trong thời gian này, rất nhiều các bạn bè tôi đã phạm phải lỗi lầm khi thật lòng hưởng ứng những yêu cầu sửa sai của đảng. Trong tinh thần đó, họ đã đề nghị những phương pháp cải cách cụ thể. Cuối cùng họ bị lên án là phản động chẳng qua chỉ vì họ thực lòng ủng hộ phong trào cải cách. Tôi thì sẽ không bao giờ phát biểu những điều tôi nghĩ. Để tránh cảm dổ, tôi không còn nhận lời đến nhà ai mà cũng chẳng bao giờ mời ai đến thăm. Tôi không hề viết thư. Tôi chỉ nói chuyện với người khác mỗi khi cần nói. Ngay cả trước mặt con cái, vợ chồng tôi cũng cẩn thận từng lời nói. Chúng tôi chỉ nói những chuyện thật an toàn hoặc khen ngợi sự lãnh đạo cực kỳ sáng suốt của đảng. Chúng tôi chỉ chia xẻ những sự suy nghĩ của chúng tôi riêng với nhau và với Thượng Đế.

Tôi chỉ cho phép mình tìm vui trong những lúc giải phẫu. Thời khóa biểu giải phẫu của tôi nhiều hơn tất cả mọi người. Tôi dành dụm tất cả tiền bạc để có đủ tiền mua báo y khoa và tìm hiểu thêm những công trình nghiên cứu hiện đại mới của Y Khoa. Sách nào quá đắt không thể mua nổi, tôi tìm cách hỏi xin các đồng nghiệp ngoại quốc. Thư viện của tôi đầy đủ đến mức gần như có thể dùng làm thư viện của bệnh viện. Năm nào tôi cũng được bầu làm bác sĩ kiểu mẫu.

Làm sao một người như tôi lúc nào cũng cẩn thận, lúc nào cũng đề phòng lại có thể thấy trước được những gì được hoan hô hôm nay có thể sẽ bị đả đảo ngày mai?

Thời khóa biểu làm việc của tôi chứng tỏ sự tận tụy quên mình của một bác sĩ đối với bệnh nhân, nhưng trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa thì những thời khóa biểu đó lại là những chứng cứ điển hình tố cáo sự ích kỷ và háo danh của tôi. Tôi bị kết án: *"Chỉ biết lo mang gánh nặng mà không biết nhận thức đường lối."* Tủ sách y khoa của tôi chứng tỏ sự hy sinh quên mình của một bác sĩ trong khi phục vụ, nhưng trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa thì đó lại là chứng cứ điển hình tố cáo tội trạng phản cách mạng của tôi. Tôi bị giam vì tội gián điệp.

Quá trình chuyển dạng của tôi từ một vị bác sĩ kiểu mẫu thành một loài "chó hoang" diễn ra trong một khoảng thời gian chỉ độ bằng khoảng thời gian đi từ thành thị đến đồng quê. Buổi sáng mới lên đường tôi vẫn còn được một đám đông nông dân tụ họp để hoan hô đưa tiễn. Đây là những người tôi đã huấn luyện trong suốt một năm trời để trở thành những bác sĩ dã chiến. (Thực sự thì khóa học này chẳng qua chỉ là một khóa học làm tốn thời giờ của một vị bác sĩ. Chỉ cần một người y tá hướng dẫn là khóa học cũng hữu hiệu chẳng kém.) Vừa bước xuống xe lửa trưa đó tôi đã bị một đám đông đang cầm biểu ngữ đả đảo chào đón. Tất cả đang đợi để đội lên đầu tôi một chiếc nón dán nhãn bêu nhin. Tôi lặng người chẳng biết phải tiếp xúc với đám đông ra

sao. Làm sao một bác sĩ như tôi lại có thể cùng chung số phận với những chính khách có hình dán ở khắp nơi?

Tôi chẳng hiểu phải đối xử với thế giới mới này như thế nào cho phải cách. Bởi vậy, do thói quen tôi lại đến nhà thương. Tôi vẫn chào đồng nghiệp như thường lệ nhưng họ lại làm như thể không trông thấy tôi. Tôi cảm thấy dường như tôi đang đứng trong một khoảng chân không, dường như tôi không còn đứng trên mặt đất nữa. Chỉ trong khoảnh khắc tôi đã chìm sâu vào một thế giới đen tối khác. Thế thì người bác sĩ một lòng tận tụy với bệnh nhân đâu? Tôi đang ở đâu? Tôi là ai?

Những nhân viên cấp dưới nghĩ rằng tôi là một kẻ thù chỉ xứng đáng quét cầu tiêu cho họ. Nhưng nếu họ mượn cách quét cầu tiêu để hạ nhục tôi thì họ hoàn toàn thất bại. Vấn đề vệ sinh là một vấn đề lúc nào tôi cũng cho là quan trọng, và hàng ngày tôi lao mình vào việc chùi rửa và đánh bóng khắp nơi trong phòng vệ sinh cho đến khi cả phòng vệ sinh không còn một vết bẩn.

Tôi quan sát khung cảnh hỗn loạn chính trị của nhà thương qua con mắt của một người ngoại cuộc. Có rất nhiều nhóm phát xuất từ *"đại đa số các tầng lớp cách mạng,"* mỗi nhóm lại tuyên bố họ là những người Marxist chân chính và trung thành với Ủy Ban Trung Ương, những nhóm đó lại chia thành nhiều nhóm nhỏ hơn để tố cáo lẫn nhau về chính sách đề cao cá nhân, tất cả đều đeo huy hiệu của Mao Trạch Đông, đều hăng hái sinh hoạt văn nghệ và đều hát những lời ca ngợi chủ tịch thật là thô thiển và cực đoan như thể cả Trung Hoa đang trở về những ngày nguyên thủy trước thời văn minh.

Vì vừa là một quái vật, vừa là một ác quỷ, tôi bị những nhân viên trẻ và các sinh viên đánh đập thường xuyên hoặc bằng roi vọt, hoặc bằng ống nước có gắn lò so sắt bên trong. Thái độ và những câu hỏi của họ cho thấy họ là những người thiếu hiểu biết và có quan niệm lạ lùng đến độ trông họ chẳng khác nào một đàn bò dại. Một hôm, sau khi lục soát tất cả hồ sơ của tôi họ tuyên bố rằng họ đã tìm được bằng chứng hiển nhiên về những mục đích xấu xa của tôi. Họ đưa cho tôi xem những tấm ảnh chụp trước và sau khi tôi giải phẫu các bệnh nhân. Đây nguyên là những bệnh nhân đã bị lửa thiêu hoặc bị thương tật trong các tai nạn ở các nhà máy kỹ nghệ hoặc trong chiến tranh Đại Hàn. Trong tất cả mọi trường hợp, sau cuộc giải phẫu những bệnh nhân của tôi đều đỡ hơn nhiều. Ngay cả khi đang ở trong một trường hợp khó chịu như tình cảnh lúc này mà tôi vẫn cảm thấy tự hào. Tôi chẳng hiểu trong những bức hình đó có gì làm họ nổi giận. Họ bắt tôi nhìn vào những bức hình thật kỹ để có thể nhận ra những lỗi lầm của mình. Tôi nhìn kỹ lại những bức hình và quả thật chẳng thể nhìn ra được những điều lỗi lầm mà họ đang ám chỉ. Tôi càng im lặng lâu hơn thì họ lại càng đánh tôi đau hơn. Cuối cùng, họ mất hết kiên nhẫn và tuyên bố một cách khoái trá về sự khám phá đặc biệt của họ: Nếu quả thực mục đích của tôi chỉ là phụng sự thì tại sao tôi không chụp hình tất cả những bệnh nhân trong bệnh viện? Sự thể cho thấy rằng tôi thực sự chỉ để ý đến mình và thực sự trong tâm tôi đang mưu đồ tìm cách đưa mình lên đài danh vọng.

Vừa bàng hoàng vì lối lý luận của họ, vừa quá đau đớn không thốt được

nên lời, tôi cố lắc đầu nhưng cổ tôi vẫn cứ trơ trơ. Có lẽ sự bàng hoàng của tôi khiến họ cho rằng giả thuyết của họ đã đúng hoàn toàn. Tên trưởng nhóm tuyên bố sẽ dạy cho tôi một bài học đích đáng để trừng trị tật tự cao của tôi. Để nhắc tôi mãi mãi phải nhớ lấy bài học khiêm tốn, hấn lạnh lùng vụn gãy ngón cái của tôi chẳng khác nào một người lớn tuổi bẻ gãy cục phấn của một đứa trẻ nghịch ngợm đã chọi mình.

Sự điên rồ của họ truyền nhiễm chẳng khác nào một con bệnh. Ý nghĩ về việc mình chẳng còn khả năng giải phẫu trong tương lai nữa làm tôi lặng người. Rồi thình lình tôi bật tiếng cười rộ khi đọc thư ông thân tôi báo tin rằng bà thân tôi không còn nữa.

Bà thân tôi là trưởng nữ của một người đàn bà bị bán sang Hoa Kỳ làm vợ cho một người phu ở một làng nhỏ ở gần trạm xe lửa xuyên lục địa của tiểu bang Missouri. Ông ngoại tôi nguyên là phu đắp đường rầy đã suốt đời đắp đường cho đường rầy xe lửa xuyên lục địa Hoa Kỳ. Ngay sau khi bà thân tôi mới tốt nghiệp trung học thì gia đình gặp phải hoàn cảnh khó khăn. Gia đình ông bà ngoại đã bị một gã di dân lừa bịp cuỗm hết tiền của. Để giúp đỡ bố mẹ, bà thân tôi dẹp mộng bác sĩ để học làm phụ tá cho y tá.

Bà thân tôi là một người hết sức hiền hòa và chăm chỉ. Tất cả những người được biết bà đều quý mến bà. Trong khi làm việc, bà vẫn theo học các lớp đêm và dần dà lãnh bằng được bằng y tá cao cấp. Trong khi đó ông ngoại, bà ngoại tôi đều đã qua đời và bà lại có trách nhiệm với bốn người em nhỏ hơn, bà làm việc bất kể ngày đêm và rồi tất cả các dì, các cậu đều được bà đưa vào những trường đại học danh tiếng.

Như thế bà thân tôi đã phải nhận lãnh trách nhiệm của bậc phụ huynh trước ngày thành hôn rất lâu. Bà đang là Y Tá trưởng trông coi một toán y tá ở bệnh viện New York thì gặp người chồng tương lai của mình trong một buổi hướng dẫn cho các sinh viên y khoa. Ông thân tôi là một sinh viên Trung Hoa sang Hoa Kỳ du học. Đầu tiên, khi ông nói tiếng Trung Hoa với bà thân tôi thì bà thân tôi chẳng hiểu gì cả, nhưng việc đó không thành vấn đề vì vừa thấy nhau họ đã biết mình cùng chia xẻ những gì có ý nghĩa nhất trong đời sống với nhau: Lòng tin đối với Thượng đế và sứ mệnh xoa dịu nỗi đau thương của nhân loại.

Sau ngày ông thân tôi tốt nghiệp, cả hai cùng quay về Trung Hoa. Ông thân tôi phục vụ ở một nhà thương có tiếng. Bà thân tôi bỏ hết thời giờ chăm sóc nhà cửa, con cái. Những khoảng thời giờ rảnh còn lại, bà tình nguyện làm những công tác phúc thiện xã hội. Bà thân tôi đã ban cho chúng tôi một mái ấm gia đình thật hạnh phúc và một môi trường học hỏi vượt qua cả sách vở. Bản thân tôi tuy không được sống lâu với gia đình nhưng tôi vẫn chẳng bao giờ quên được những khung cảnh đầm ấm của gia đình trong thời gian đó.

Ngày Nhật chiếm thành phố, ông thân tôi tìm cách gửi dẫn chúng tôi đi xa mỗi khi xét thấy chúng tôi đã đủ lớn để tự lập. Lương tâm nghề nghiệp không cho phép ông bỏ mặc các bệnh nhân của mình và dĩ nhiên bà thân tôi không bao giờ dă động gì đến việc có thể bỏ rơi ông thân. Chiến tranh kéo dài tám

năm. Khung cảnh chiến tranh khiến đời sống chúng tôi trở thành bấp bênh, bất định. Chiến tranh đã cướp đi hạnh phúc gia đình của chúng tôi, nhưng sau chiến thắng 1945, tất cả gia đình chúng tôi đều cho rằng những sự thử thách đã chấm dứt.

Làm sao chúng tôi có thể tưởng tượng được rằng cho đến cả một phần tư thế kỷ sau ông thân tôi cũng vẫn còn phải trả giá cho những món nợ cuối cùng vì quyết định chọn cách ở lại với các bệnh nhân của mình? Làm sao tôi có thể tưởng tượng được một người con có hiếu như tôi lại có thể khoanh tay đứng yên không bào chữa cho bố mình? Nhưng quả thật tôi đã không bào chữa. Không bào chữa cho dù là bào chữa sau khi những cánh cửa đã khóa chặt và khi chính các con tôi là người nêu ra câu hỏi. Thay vì bào chữa, tôi đã nhỏ giọng lạnh lùng bảo các con tôi rằng nếu đảng đã cho rằng ông thân tôi là gián điệp của Nhật và phản quốc thì đó phải là sự thật.

Ngày ông thân tôi bị bắt, bà thân tôi đã yếu lắm. Lúc những toán Vệ Binh Đỏ đến nhà thì bà đã nằm liệt giường. Bà qua đời luôn ngay khi họ đi khỏi. Những hơi thở cuối cùng của bà không phải là những làn không khí tươi mát mà là mùi khai của am mô nhắc nhở những đám thiếu niên đã đổ lên bộ áo cưới cổ truyền của bà. Hai chữ làm họ gai mắt là hai chữ được thêu nổi trên màu lụa đỏ: *"Hạnh Phúc."*

Một năm sau tôi nghe tin đồn rằng ông thân tôi tự vẫn. Tuy thế, chẳng ai cho tôi biết là ông mất ở đâu hoặc mất khi nào. Tôi chẳng thể tin là ông đã qua đời chứ đừng nói đến chuyện ông đã tự vẫn. Sở dĩ ông thân tôi cố kéo dài cuộc sống chẳng qua chỉ để khích lệ cuộc sống của tôi. Ông thân tôi chỉ tự vẫn khi ông cho rằng trên cõi đời này mọi sự đối với ông đã hoàn toàn vô nghĩa. Và nếu điều đó hoàn toàn đúng thì tôi còn giữ lại nước mắt để làm gì nữa?

Tôi bị gửi đi lao động ở một vùng nằm xa mãi phía Tây Bắc, nơi đó tôi sống suốt tám năm để nuôi lợn và trông coi những người bệnh hoạn. Đã ba lần, những người trong làng dấu tôi trong nhà để bảo vệ tôi. Họ là những người Hồi rất sùng đạo. Tất cả đều thờ thần Allah trước rồi sau đó mới đến bác Mao. Đã ba lần chính phủ đã gửi quân đội đến để đàn áp các cuộc nổi dậy của dân làng. Chính sách tàn nhẫn của các chính quyền địa phương đã khiến họ làm loạn và giết hết các cán bộ đã áp bức họ. Toàn thể dân chúng trong làng đều bị kết án phản động và phải chịu trừng phạt.

Một hôm, sau ngày Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt, tôi trở về thành phố. Một nhân viên chính phủ đến hỏi tôi tro cốt của ông thân. Anh ta nói rằng chính phủ đang sửa sai. Ông thân tôi không phải là gián điệp và không phải là người phản quốc. Chính phủ yêu cầu tôi giao lại tro cốt của ông thân để họ có thể cử hành đại lễ trọng thể trong ngày lễ sửa sai.

Tôi bảo rằng tôi chưa được biết tin ông thân tôi mất.

Tất cả những tin tức tôi được nghe về ông bà thân trong những ngày cuối chỉ vồn vện có thế. Có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ được biết gì thêm, ngoại trừ tin mộ bà thân tôi đã được xây bên cạnh mộ ông bà ngoại gần chỗ trạm hỏa xa

của một tỉnh nhỏ ở tiểu bang Missouri như bà mong muốn.

Trong những ngày cuối của cuộc đời, tôi hoàn toàn hài lòng với số phận của mình. Quả thật tôi không còn được mang đôi găng tay của một bác sĩ giải phẫu, nhưng tôi được giao phó thu góp các công trình nghiên cứu y khoa của toàn thế giới. Đội làm việc của chúng tôi rất nhỏ; tôi thích như thế hơn. Khác với lệ thường, mỗi người trong nhóm chúng tôi được giao cho rất nhiều nhiệm vụ thay vì tất cả chỉ chung nhau làm tròn nhiệm vụ của riêng một người.

Tôi thật là may mắn. Tôi đã vượt ra khỏi được hàng ngũ của loài bạch khuyển.

BẠCH KHUYẾN
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

CÁN BỘ

THỨ SÁU, NGÀY 19 THÁNG 5, NĂM 1989... BÍ THƯ TRIỆU TỬ DƯƠNG ĐẾN THĂM NHỮNG NGƯỜI TUYỆT THỰC TRƯỚC LÚC RẠNG ĐÔNG. TRIỆU TỬ DƯƠNG NÓI RẰNG ÔNG ĐÃ ĐẾN QUÁ TRỄ VÀ RỒI NĂN NỈ NHỮNG NGƯỜI BIỂU TÌNH BÃI BỎ CUỘC TUYỆT THỰC. QUÂN ĐỘI ĐÃ DI CHUYỂN VÀO TRUNG TÂM BẮC KINH VÀ CHÍNH PHỦ THỀ SẼ CÓ BIỆN PHÁP CỨNG RẮN ĐỂ CHẤM DỨT CUỘC PHẢN KHÁNG.

Tối đó sinh viên chấm dứt cuộc tuyệt thực.

Trong một cuộc họp đặc biệt của giới lãnh đạo, thủ tướng Lý Bằng tuyên bố thiết quân luật. Sự vắng mặt của Triệu Tử Dương khiến lời đồn đãi cho rằng ông đã từ chức hoặc đã bị tước quyền lãnh đạo.

Đã không biết bao nhiêu lần tôi hỏi những người bạn Trung Hoa chung một câu hỏi: Trong tất cả những cán bộ lão thành của đảng mà họ quen biết, ai là người có cả tài lãnh đạo lẫn lương tâm lãnh đạo? Lúc nào những người bạn tôi hỏi cũng chỉ im lặng hoặc tự hỏi lại chính họ xem quả thực họ có biết ai không? Phải chăng họ ngập ngừng vì chẳng hiểu câu hỏi của tôi có dụng ý gì? Tôi giải thích rằng tôi đang viết một quyển tiểu thuyết lấy bối cảnh Trung Hoa để diễn tả những sự mâu thuẫn giữa nguyện vọng và cuộc sống của một người cán bộ Trung Hoa. Tôi muốn tìm hiểu xem những người cán bộ thanh liêm đó đã suy nghĩ và hành động thế nào trong suốt thời gian chính phủ phát động các chiến dịch chính trị. Tôi muốn hiểu rõ cảm tưởng của họ kể từ ngày cách mạng văn hóa khởi đầu cho đến ngày chiến dịch chống tiểu tư sản năm 1987 kết thúc. Nhưng tất cả những người tôi hỏi vẫn hoàn toàn im lặng. Ngay cả sau khi tôi đã nói rõ đại cương bố cục câu chuyện họ vẫn không trả lời. Tôi không tin họ không biết bất cứ người nào như tôi muốn hỏi. Tôi không tin tất cả những người cán bộ đều là những kẻ cầm quyền bất nhân. Tôi

xin họ ráng nghĩ thêm xem.

Cho đến lúc đó mới có nhiều người đưa Chu Ân Lai ra, nhưng lại nói thêm ngay rằng chính cá nhân họ không quen biết với ông Thủ Tướng.

Chắc chắn phải có những cán bộ khác cũng là mẫu người như Thủ Tướng Chu Ân Lai nhưng ở những cấp bậc thấp hơn.

Không, họ một mực khẳng khái nói rằng không có. Vấn đề khó khăn chính là vì tôi đòi hỏi nhân vật khuôn mẫu đó phải có thực quyền. Có nhiều cán bộ có lương tâm công vụ hết sức cao nhưng họ không phải là những người tạo ra luật pháp, họ chỉ là những kẻ thừa hành. Có nhiều cán bộ đã một đời tận tụy lo cho dân thay vì nhắm mắt thi hành lệnh đảng, nhưng họ ít khi được lòng cấp trên. Như thế, những người tôi muốn tìm quả có, nhưng khi họ bước vào giới lãnh đạo để có thực quyền thì họ chẳng còn là mình nữa. Để có thực quyền, họ phải thay đổi tư cách.

Họ bảo rằng chớ bao giờ quên cuộc họp đại hội đảng năm 1959 ở Lô Sơn. Đa số những lãnh đạo cấp trên đều đồng ý với Bộ Trưởng Quốc Phòng Bành Đức Hoài rằng cuộc cải cách Đại Nhảy Vọt là lý do chính gây ra những khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên, chẳng một ai dám liều lĩnh lên tiếng đồng ý với vị tướng can đảm, người dám lên tiếng hộ cho hàng chục triệu người đã chết đói vì sự sai lầm của Mao Trạch Đông. Khác với bộ trưởng Bành Đức Hoài, họ chưa sửa soạn đủ để có thể đánh đổi quyền lợi cá nhân lấy cơm áo cho dân chúng trong các quận huyện của họ.

Tôi không chấp nhận cách nhìn vấn đề như trên, mặc dù đa số những người tôi biết ở Bắc Kinh đều là đảng viên của đảng. Chắc chắn trong số hàng triệu cán bộ phải có nhiều người có cuộc sống giống như tôi muốn tìm. Tôi kết luận rằng tất cả những bạn bè tôi đều nặng thành kiến.

Tôi tiếp tục hỏi những người quen về sau trong thời gian tôi ở Trung Hoa; phản ứng của họ lúc nào cũng vậy. Cho đến mãi khi tôi sắp rời Trung Hoa mới có người nói rằng anh ta biết có một người cán bộ có cả thực quyền lẫn lương tâm chức nghiệp. Người cán bộ đó có cho phép tôi phỏng vấn không? Ông ta đồng ý với hai điều kiện:

- 1) Tôi phải điện thoại cho người cán bộ đó ở văn phòng chứ không được điện thoại ở tư gia. Tôi phải xin được gặp anh để thảo luận vấn đề trao đổi văn hóa — một cú điện thoại như thế chắc chắn sẽ bị những người theo dõi điện thoại của tôi thấu lại.
- 2) Tôi phải mang người bạn giới thiệu đến trong lúc phỏng vấn và chỉ được mang riêng mình anh ta đi cùng mà thôi. Hơn nữa tôi không được phép dùng tên anh ta. Dĩ nhiên là tôi đồng ý.

Ngày gặp tôi, anh mặc bộ âu phục đen may vụng mà chính phủ vẫn phát cho cán bộ xuất ngoại vì công vụ. Anh mặc thêm một chiếc áo khoác dày cho ấm. Theo lệ thì chiếc áo khoác dài chính phủ chỉ phát tạm cho công nhân viên mỗi khi xuất ngoại công vụ. Sau đó, mỗi lần trở về Trung Hoa, khi nhiệm vụ chấm dứt, họ lại phải trả lại chiếc áo đã được phát cho chính phủ. Trong lần

gặp gỡ đầu anh rất mực giữ lễ nhưng lúc nào cũng đề phòng và tôi chẳng tìm hiểu được điều gì mới lạ cho tới khi anh ta hẹn gặp tôi thêm một lần khác nữa. Lần này thì cuộc hẹn chỉ có hai người. Trong lần gặp gỡ này, anh ta bớt hẳn căng thẳng. Anh còn nói rằng đầu tiên anh đồng ý gặp tôi một phần là vì anh đã trót nợ người bạn giới thiệu anh với tôi một món nợ ân tình, một phần khác cũng là vì tiếng tăm “*hoạt động*” của tôi đã được nhiều người đồn đãi. Anh đã nghe nhiều người đồn đãi rằng tôi bị vài người ở giới lãnh đạo tối cao chỉ trích. Những nhân vật đó cho rằng tôi phải có mưu đồ gì. Ở Trung Hoa, các bà vợ của các vị đại sứ thường giữ chức bí thư ở các tòa đại sứ. Chính vì thế nên họ cho rằng tôi cũng là một trường hợp tương tự. Họ cho rằng tôi đang làm theo chỉ thị của Bộ Ngoại Giao hoặc của chính CIA. Nếu không tại sao tôi lại quen với nhiều người Trung Hoa như thế?

Sau khi đã nói chuyện nhiều với nhau, tôi thấy anh có rất nhiều điểm đáng ngưỡng mộ. Tuy thế, vào tháng 7 – 1989, sau ngày chính phủ áp dụng thiết quân luật một cách dã man, hành động của anh đã khiến tôi sững sờ. Anh đóng một vai trò nổi bật và hô hào ủng hộ phản ứng của quân đội đối với những người biểu tình. Anh nhiệt liệt ủng hộ những luật lệ khắc nghiệt của chính phủ sau đó.

Phải chăng anh không còn đường chọn lựa? Vài người không đồng ý đã cho rằng anh, cũng như nhiều người khác có thể chọn cách yên lặng thay vì đóng một vai trò nổi bật. Họ chỉ trích anh là một con người của chủ nghĩa thời cơ.

Có thể khi nhìn anh với đôi mắt lạc quan, tôi đã bỏ qua những sự phân tích của các bạn bè tôi quá vội vã, nhưng tôi vẫn chẳng thể nào tránh không tự đặt câu hỏi: Nếu ngay cả Những Bí Thư của Đảng như Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương mà còn chưa thể dung hòa được mọi chuyện để có thể hành xử công minh, trình bày rõ được cảm tưởng của mình đối với sinh viên và giữ được quyền lực thì những cán bộ ở cấp thấp hơn còn có cơ hội gì nữa?

Ngày còn ở bậc tiểu học, có lần tôi thấy những bạn học cùng lớp cùng bu quanh một ông thầy bói toán râu xồm, mặc áo thụng xanh. Nhìn chúng bạn chìa tay xem bói, tôi cũng tò mò đưa tay mình về phía trước. Tôi cũng chẳng rõ là tôi có thực sự tin chuyện số mệnh hay không, nhưng kể từ ngày đó, câu nói của người thầy bói đã ám ảnh tôi: “*Anh sẽ có địa vị cao, nhưng chẳng bao giờ có thực quyền cả.*”

Năm 1938, khi Nhật đến cướp làng tôi, thầy tôi đã trốn đi để gia nhập Hồng Quân. Mẹ tôi một tay kéo bà ngoại, một tay kéo tôi ra đồng chạy trốn. Lúc đó tôi chỉ mới có 5 tuổi nhưng chân tôi đã lẹ làng hơn cả mẹ lẫn bà ngoại. Cả hai đã phải dựa vào tôi khi chúng tôi cùng vượt qua những vũng lầy để đến những ngọn đồi xa, đầy huyết mộ. Chúng tôi sợ hãi đến độ tất cả đều núp sau một ngôi mộ và ngồi cạnh ngay một xác chết đang rửa cho đến đêm.

Khi chúng tôi quay về thì quân Nhật đã cướp hết sạch gà vịt và thức ăn. Chúng chỉ để lại một đồng phân ngay trong nồi nấu cơm của gia đình chúng tôi.

Hai năm sau, thầy tôi bị bệnh phải thuyền chuyển về nhà để thuốc thang. Thầy tôi vẫn còn nằm liệt giường khi những quân nhân của các lãnh chúa trong vùng đến chiếm làng tôi. Họ đã tra tấn thầy tôi bằng than nung đỏ vì thầy tôi có dấu một khẩu súng. Lúc họ tra tấn thầy tôi thì tôi đang co rúm người ở ngay phòng bên cạnh, ôm chặt con mèo, và nghe rõ tiếng thầy tôi rên xiết. Họ mang thầy tôi đi. Mẹ tôi phải mượn 80 lạng bạc để trả cho những tên lính đánh thuê của các lãnh chúa nhờ chúng kéo xác thầy tôi từ dưới đáy giếng lên. Khi chôn cất thầy tôi, những người lớn tuổi bảo tôi đến chào thầy tôi lần cuối nhưng khi tôi đến nhìn mặt thầy tôi tôi chỉ thấy dày đặc thương tích. Có lẽ tôi còn quá bé chẳng hiểu nổi sự mất mát hoặc quá tê tái, không còn cảm thấy đau đớn gì nữa. Tôi không hề nhỏ một giọt nước mắt. Tôi trông những bó liểu trên mộ thầy tôi, lúc đó thầy tôi 24 tuổi.

Sau khi thầy tôi qua đời, gia đình tôi không còn người bảo vệ. Bất cứ người nào cũng có thể sỉ nhục gia đình tôi. Mẹ tôi vì là một góa phụ trẻ nên trở thành một mục tiêu đàm tiếu thường xuyên của làng xóm. Những quân côn đồ vẫn thường gọi mẹ tôi là điểm và gọi tôi là đứa con hoang. Những đứa tinh nghịch thường để cả bàn chải cầu tiêu trước cửa nhà tôi và ném cứt chó vào người chúng tôi. Tuy thế, mẹ tôi thể rằng bà sẽ săn sóc tôi và không bao giờ lấy chồng nữa vì sợ rằng người chồng mới sẽ hắt hủi tôi.

Chẳng bao lâu sau, bức tường sân sau sụp và những lỗ hổng trên mái nhà do bom Nhật dội lúc trước lại ăn rộng ra ngày càng lớn. Vào những sáng ngày đông, giường nệm chúng tôi đông cứng vì đá. Từ cuối tháng hai cho đến đầu tháng Năm chúng tôi không có đủ thức ăn; đồ ăn trong kho gần cạn và vụ mùa tới thì chưa đến ngày gặt. Hàng ngày chúng tôi cùng đi nhặt lá dại. Có lần tôi thấy máy bay Hoa Kỳ thả bom làm trật đường rầy một chiếc xe chở hạt kê của Nhật và vội chạy báo cho mọi người. Chúng tôi rờ tất cả những thùng kê và gửi thẳng đến cho Hồng Quân. Một lần khác, Nhật lùng khắp xóm làng để bắt một quân nhân Hồng Quân đã phá cầu. Quân Nhật khủng bố tất cả làng xóm. Cuối cùng, một người đàn bà gầy guộc trông chẳng khác nào một con én mới sinh cùng con trai bà ta bước ra. Con trai bà cúi lạy bà ba lần. Rồi anh ta đứng dạng hai chân, dùng ngón cái chỉ thẳng lên trời và rồi chỉ thẳng vào mình. Sau đó, tất cả mọi người kể cả mẹ anh ta đều bị buộc phải ra pháp trường chứng kiến cảnh quân Nhật dùng lưới lê đâm anh từ từ cho đến chết. Và nhờ thế người quân nhân Hồng Quân thoát nạn.

Công việc đồng áng khó nhọc càng ngày càng khó vì tình cảnh không có đàn ông. Bởi vậy, năm tôi 10 tuổi, mẹ tôi tái giá. Mẹ tôi lập gia đình với sự giúp đỡ và ủng hộ của những người lãnh đạo được làng bầu ra, nhưng lại không được gia đình và giòng tộc ủng hộ vì tất cả họ hàng cũng như nhiều người khác trong làng đều cho rằng những người góa phụ trong sạch không hề tái giá. Những giọt nước mắt tôi kèm hãm ngày còn thơ ấu cứ ứa ra mỗi khi tôi thấy mẹ tôi nhét thuốc vào ống tẩu cho một người đàn ông lạ như đã từng nhét thuốc cho thầy tôi. Sự xấu hổ của mẹ tôi lúc nào cũng khiến tâm hồn tôi u tối.

Để tránh những quân nhân của cả ba thế lực, Nhật, Quốc Gia và các Lãnh

Chúa, tôi trốn đến trường học của Cộng Sản ở trong núi. Quá đau buồn vì gia cảnh, tôi học hành chẳng có kết quả gì, nhưng những giáo viên ở đó là bạn cũ của thầy tôi đều tốt bụng làm lơ.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 1945, tôi đang ngồi nghe giảng ở một lớp học thiết lập ngay trong chùa thì có tin Nhật đầu hàng. Tuy rằng làng tôi cách xa trường 10 dặm, tôi chạy bộ suốt cả quãng đường để báo tin cho mẹ. Sáng sau mẹ tôi nói rằng đây là lần đầu tiên trong suốt tám năm, mẹ tôi ngủ không thấy ác mộng.

Trong một chuyến về thăm nhà năm 1946, tôi thấy những người ở thuê đang mặc y phục của những người cho họ mượn nhà. Năm sau đó, tôi thấy người bị dân làng oán ghét nhất bị đẩy ra khỏi nhà và bị hàng xóm dùng gậy đánh đập; ngay cả những người già cũng dùng hài để đánh họ, đây là một sự nhục nhã vô cùng tận. Rồi thành linh, có một người chạy vút qua tôi, tay cầm lưỡi liềm hoa lên, cắt đứt nửa đầu người bị đánh.

Khi nhớ lại những chuyện đó, tôi rùng mình, nhưng lúc đó, tôi chỉ đứng nguyên, im lặng, lòng dừng dừng chẳng cảm thấy gì cả. Có lẽ tôi đã thấy quá nhiều cuộc tra tấn của quá nhiều các quân nhân trong những y phục khác nhau rồi nên cảnh chết chóc chẳng còn gì đáng sợ và tâm hồn tôi chẳng còn gì ngoài sự dừng dừng. Có lẽ quan sát cảnh tượng giết chóc đối với tôi cũng chẳng khác gì quan sát một cơn giông. Một đứa bé như tôi biết làm gì để có thể ảnh hưởng được cơn giông tố đó?

Vào tháng 7 năm 1948, khi tôi đã xong bậc tiểu học, những những cuộc đụng độ giữa Quốc Dân Đảng và Cộng Sản càng ngày càng nhiều. Cả hai bên đều ra sức tuyển mộ thêm người và tôi cùng ba người bạn cùng lớp đều tình nguyện. Tôi đã đọc bản hiến pháp của đảng Cộng Sản và thậm chí mơ về một xã hội công bằng nhân ái.

Ngày tôi lên đường, mẹ tôi cho tôi ăn những loại bánh tôi thích và cho tôi hai cuộn vải bà đã dệt cho riêng tôi để bán. Tôi cũng lên chỗ đổi xa, nơi chôn thầy tôi để chào tạm biệt. Tôi chỉ mới 14 tuổi, nhưng những cụm liễu tôi trồng trên mộ thầy tôi đã mọc rậm rạp và khá cao. Trong lúc tôi nhở cỏ cho mộ thầy tôi, ánh sáng chiều đông đưa chiếu xuyên qua những cành cây tạo thành những ánh sáng mềm mại như những đọt chồi non và sự tĩnh mịch sâu thẳm khiến cho những đọt cây trông tựa những quả bóng lóng lánh chơi vơi trên không. Tôi vừa làm cỏ xong thì bỗng nhiên có một làn gió nhẹ và tôi cảm thấy dường như có một cành liễu nhẹ quét vào má tôi.

Tất cả chúng tôi đều được gửi đến một căn cứ quân sự của cộng sản. Tại đó, chúng tôi được huấn luyện sáu tháng để trở thành những sĩ quan mới. Căn cứ cách nhà 600 dặm, nhưng những hình bóng của quá khứ vẫn còn theo đuổi tôi. Tôi thường nhạy cảm với những câu phê bình nhẹ và thiếu tự chủ; khi có người đi qua, dù rằng chẳng có lý do gì, tôi vẫn nhẹ nhàng tránh sang bên chẳng khác nào một con cua đi tìm chỗ núp. Ở căn cứ, tất cả mọi người, bất kể tuổi tác, đều được đối xử như một người lớn và chính thế nên chẳng bao lâu sau, tôi đã vô tình trở thành người lớn.

Lúc đó, trong căn cứ chưa có những cuộc họp riêng để phê bình, nhưng mỗi tuần vẫn có những nhóm nhỏ cùng họp sơ với trưởng toán để tự xét mình. Nếu có bất kỳ ai, kể cả cán bộ, cảm thấy cần phải thú nhận một sự thất bại nào đó, chúng tôi đều lắng nghe và cùng đưa lời khuyên, nhưng tất cả những lỗi lầm đều là những lỗi lầm không đáng kể và chẳng ai để ý hoặc chú tâm gì những điều người khác thú nhận. Những buổi họp đó khiến tôi cảm thấy bình đẳng hơn.

Giữa những sĩ quan và những người được huấn luyện cuộc sống chẳng có gì khác nhau. Chúng tôi cùng ở chung với nông dân. Trừ những sĩ quan huấn luyện được mặc quần có túi còn thì chúng tôi cùng mặc đồng phục như nhau. Những người có chức vụ cao hơn trung đoàn trưởng được thêm một ít thịt, một ít trứng và bột. Những bữa ăn của họ cũng được nấu riêng. Còn thì tất cả cùng ăn như nhau. Tuy tất cả chúng tôi đều có quá khứ khác biệt, kể thì đã gia nhập cuộc Vạn Lý Trường Chinh, người thì mới gia nhập quân đội được vài ngày, kể thì là người Bắc, người thì là người Nam, kể thì đã tốt nghiệp Trung Học, người thì chỉ mới biết đọc sơ sơ và hoặc chỉ là nông dân, nhưng tất cả đều cùng lý tưởng.

Vào một buổi sáng mùa đông, tôi nhận được một lá thư của người cậu kể rằng sau đợt cải cách ruộng đất lần thứ ba, Đảng đã phân loại gia đình tôi từ trung nông thành địa chủ và tất cả nhà cửa, ruộng vườn và lúa thóc của gia đình tôi đang được phân chia cho những gia đình nông dân khác. Tôi bàng hoàng chẳng khác nào nghe tin mẹ tôi tái giá lúc trước. Làm sao gia đình chúng tôi có thể là địa chủ? Đây quả là bất công. Nhưng làm sao chúng tôi có thể nghi ngờ sự xét đoán của đảng cho được? Sự xét đoán của đảng hẳn phải công bằng. Tôi viết thư năn nỉ mẹ tôi tuân theo lời Mao Chủ Tịch. “*Mẹ hãy thực lòng. Đừng nói hoặc hành động thiếu thận trọng.*” Rất nhiều đêm tôi giật mình tỉnh giấc vì mơ thấy mái ngói nhà sụp đổ trong khi mẹ tôi đang ngồi đan áo.

Khi đơn vị chúng tôi chuyển từ phía bắc qua sông Hoàng Hà về phía Tây Nam, lộ trình hành quân của chúng tôi cách làng tôi khoảng 10 dặm. Một người hàng xóm nhận ra tôi và hỏi rằng tại sao tôi không về thăm nhà. Tôi trả lời rằng tôi chẳng thể về được vì những bạn bè khác đang dòm ngó tôi, mặc dù họ chẳng có lý do gì để nghi ngờ lòng thành và kỷ luật của tôi cả. Tới lúc đó tôi mới nhận ra rằng mẹ tôi không có mặt cùng những người khác trong làng ra chờ đón đội Hồng Quân để chào mừng và cho quà con cái hoặc cùng đi theo một quãng để tiễn đội quân trưa đó.

Chúng tôi đang dẹp bọn thổ phỉ trên núi thì có tin chiến tranh Đại Hàn bùng nổ. Lúc bấy giờ tôi đã 17 tuổi và đang mơ thành anh hùng. Tôi tham gia ngay cuộc chiến để bảo vệ quốc gia, nhưng cuộc hành quân đến Áp Lục phải mất năm tháng. Trong chuyến hành quân đó, Trung Hoa — với những chiến địa cổ, với những đường hào vĩ đại, với những bình nguyên vàng, với Vạn Lý Trường Thành, với những thảm cỏ ngút ngàn và những ngọn núi hùng vĩ như trạm trổ — trải dài trước mắt tôi, và lần đầu tiên cảm giác thế nào là quốc gia bùng dậy trong tôi. Lòng rung cảm, tôi viết bài thơ đầu tiên để ca ngợi Trung

Hoa và những hy vọng đang hồi sinh trong lòng người Trung Hoa.

Trong suốt hai năm tôi nằm ngay giữa chiến trận. Theo lời tuyên truyền thì binh lính Hoa Kỳ là những binh lính đã quen với cuộc sống đường mật, phải tắm bằng nước suối đóng chai, không chịu bắn trừ phi có đủ Coca Cola và kem, sợ rắn đến độ phải mang ghế bố trên lưng suốt ngày và đứng gác ngay trên ghế. Tuy thế, những lời tuyên truyền đó vẫn không đủ xua đi nỗi sợ hãi của chúng tôi. Càng ngày chúng tôi càng thấp thỏm và khó ngủ hơn. Trong thời gian đó, mỗi khi không còn thức nổi nữa, tôi thường thiếp đi và làm nhảm chẳng khác gì lúc còn đang thức. Một hôm, khi tôi đang nhật những mảnh đá đóng băng ra khỏi gấu quần thì bỗng có tiếng nổ gần bên. Tôi bị rất nhiều vết bỏng và bị thương ở rất nhiều nơi. Tôi được chuyển về hậu cứ và rồi về bệnh viện nhưng khi tôi bình phục, chẳng có vết thương nào khiến tôi phải tàn phế. Tôi chỉ mắc phải tật nói mê liên miên trong lúc ngủ. 16 năm sau, chính căn bệnh này đã khiến tôi phải vạ phần điều đứng.

Vào thời gian khốn khổ đó thì tôi đã tốt nghiệp đại học, lập gia đình, có ba đứa con và đang cố gắng để được thăng chức sĩ quan cao cấp. Năm 1969, cuộc Cách Mạng Văn Hóa chia cắt gia đình và buộc những cán bộ trong thành phố phải về những vùng ngoại ô để làm lao động cải cách.

Miền Tây Bắc, nơi tôi bị chuyển đến là một vùng đất sa mạc lớn, có núi bao quanh. Gió nơi đây mạnh đến nỗi những cây thông mọc ngay trong hốc đá cũng phải nghiêng đi, chơi vơi gần như sát mặt đất, thân cây vạn vẹo thành những hình thù kỳ dị. Công việc của tôi là mang nước cung cấp cho toàn thể trại gồm cả thầy 400 người đàn ông và đàn bà. Để lấy nước cho đủ, tôi đẩy một chiếc xe lửa đến giếng nước từ sáng sớm đến tối mịt, mỗi chuyến đi kéo cả thầy 48 xô nước để mức cho đầy chiếc bể chứa khổng lồ của trại. Công việc thật là nặng nhọc. Ban đêm tôi vừa hết sức thèm ngủ vì mệt, lại vừa hết sức sợ ngủ vì tật nói mê.

Tất cả chúng tôi cùng nằm sát vào nhau, mười người nằm cùng trên một ô gạch, sát đến độ hễ có người gãi ngứa rệp cũng biết. Trong tận cùng đầu óc chúng tôi lúc nào cũng phải canh chừng. Đây là giai đoạn mà tất cả lời nói, hành động, kết giao của quá khứ hoặc hiện tại đều có thể bị chuyển thành những chứng cứ để có thể kết tội đi ngược lại với chủ nghĩa Mao. Để đề phòng Vệ Binh Đỏ, tôi đã vứt hết tất cả những thứ trông có vẻ liên quan đến Tứ Nhân Bang, kể từ văn hóa, thói quen, cho đến tập tục. Tôi đã đốt hết tất cả nhật ký, thư từ. Chẳng những thế tôi còn đốt luôn tất cả những gì tôi viết và đốt gần hết tất cả sổ sách tôi đọc. Tôi cắt cả tóc cho sát đến tận đầu để không ai có thể nắm tóc tôi. Tôi kiểm soát tất cả mọi tư tưởng. Tôi cân nhắc tất cả mọi hành động. Vậy mà tôi vẫn còn cảm thấy mình có rất nhiều kẻ hở nguy hiểm.

Vì làm sao mà tôi có thể kiểm soát xem mình đã nói gì trong khi ngủ? Làm sao tôi có thể biết được mình đã nói gì? Tôi biết làm thế nào để chứng minh được rằng tôi không hề nói những gì người khác đã vu cho tôi? Tôi biết làm thế nào để thuyết phục ban quản trị tù rằng những điều tôi nói không phải là những điều tôi thực sự tin tưởng?

Tối nào tôi cũng đợi cho đến khi những người bên cạnh đã hoàn toàn nằm yên rồi kéo chân quá đầu để chặn hết những tiếng nói mê. Vì khó thở và quá căng thẳng tôi bỗng nhiên chứng mất ngủ. Tôi nằm đó mỗi đêm, hết giờ này qua giờ khác, đợi từng giờ, lòng lo sợ chập chông. Làm sao tôi có đủ sức mạnh để có thể kéo nổi hết 48 xô nước đầy trên chiếc xe lửa đến bể chứa? Tôi biết làm cách nào để giải thích sự mệt mỏi? Tôi biết làm cách nào để tránh khỏi bị kết tội lười biếng và chính vì thế có thể tránh khỏi bị theo dõi kỹ hơn? Tôi còn tiếp tục được như thế này trong bao lâu nữa?

Thỉnh thoảng tôi cũng thiếp đi, nhưng mỗi lúc thức giấc tôi lại chú ý nhìn mặt những người cùng phòng liệu xem tôi đã có nói gì khác lạ hay không? Đôi khi họ bảo rằng tôi hát hoặc đọc diễn văn, hoặc đọc thơ. Lúc nào cũng có người bảo rằng tôi có nói mê. Ít lâu sau tôi hành động chẳng khác nào một người loạn trí. Tôi còn tiếp tục như thế này bao lâu nữa trước khi điên loạn?

Một năm qua, rồi lại thêm một năm nữa. Tình hình ở trại lúc này đã căng thẳng cực độ. Hầu như tất cả đều dính dáng ít nhiều vào vấn đề tố cáo. Tất cả đều cùng chung một trường hợp: Nếu có tù nhân nào không bị theo dõi thì chẳng qua chỉ là vì chính tù nhân đó cũng đang theo dõi một tù nhân khác. Tôi bị tố là đã phạm phải sai lầm. Những người điều tra tôi không nói rõ ai là người tố cáo tôi. Họ chỉ bảo rằng người tố cáo là một người hết sức gần gũi tôi. Ban điều tra cũng chẳng nêu rõ những sai lầm tôi phạm phải. Họ chỉ bảo rằng đó là những tội trạng vô cùng nặng nề. Ngày này qua ngày khác, tôi phải ngồi trên một chiếc ghế đầu đối diện với một đoàn cán bộ bảy người, liên tục hỏi tôi đã làm gì trong suốt tất cả từng giờ của những tháng của năm vừa qua. Hàng đêm, tôi bị biệt giam trong một căn phòng riêng và họ thay nhau canh gác tôi.

Càng ngày ý nghĩ bịa đại một chuyện sai lầm để khai càn ám ảnh tôi. Sau năm mươi ngày ngồi trên chiếc ghế đầu đó, tôi đã quá quen các cách thức họ hỏi cung, nhưng liệu tôi còn tiếp tục chống chối được bao lâu nữa? Đã hẳn nếu bị cứ bị tra khảo mãi thế nào cũng có lúc tôi nói năng bất nhất và khiến họ có đủ chứng cứ để tố cáo tội trạng của tôi. Để phòng ngừa những đại tội mà họ có thể gán cho tôi, tôi có thể nói dối và thú nhận rằng mình đã nghi ngờ chủ nghĩa Marx hoặc không tin tưởng vào những chiến dịch chính trị, hoặc ngay cả thú nhận đã gửi tài liệu bí mật cho gián điệp ở Hồng Kông, nếu họ tin được những điều đó. Dĩ nhiên những điều tôi khai có thể khiến tôi bị tù nhưng nếu so với tình cảnh tra tấn và sợ hãi hiện thời thì đi tù cũng chẳng phải là một giá quá đắt.

Điều mà tôi cố gắng giữ gìn là không để cho đoàn tra vấn biết rõ ý kiến thực của tôi đối với giới lãnh đạo. Đoàn tra vấn sẽ vin vào nhược điểm đó để tra khảo tôi và tôi sẽ không còn dấu được những cảm nghĩ căm thù bà Giang Thanh và những tay sai của bà. Và một khi những ý nghĩ bí mật của tôi bị khám phá, dĩ nhiên tôi phải trả một giá đắt hơn đi tù rất nhiều; đại tội nặng nhất là làm nhor tác phong và khả năng của giới lãnh đạo. Nếu đây quả là tội của tôi thì họ sẽ trừng trị tôi và những người thân của tôi đích đáng để làm gương cho những kẻ dám tự do để cho đầu óc đi vào những vùng suy tưởng

cầm đoán đó.

Rồi vào đúng ngày tôi quyết định thú nhận đại một tội nào đó thì người trưởng đoàn tra vấn mở màn cuộc tra khảo bằng cách tuyên bố tên người bí mật tố cáo tôi. Đến lúc đó tôi tưởng rằng mình đã chuẩn bị đầy đủ để chấp nhận tất cả, nhưng tôi lằm. Tin tức làm tôi lịm người. Trước đây, tôi đã đoán rằng người tố cáo tôi không phải là một trong những người bạn thân ở trại. Sự ước đoán của tôi đúng hoàn toàn. Những người bạn thân của tôi không hề tố cáo tôi.

Người tố cáo tôi chính là vợ tôi.

Ban đoàn tra vấn quyết định thật khôn ngoan bằng cách cho tôi tạm nghỉ để suy nghĩ lại để hai tuần sau, khi cuộc tra vấn mới bắt đầu, tôi sẽ hết sức hợp tác bằng cách khai thật hoàn toàn.

Tôi đã biết nhiều trường hợp vợ tố cáo chồng, nhưng cũng như bất cứ những con người bình thường nào khác, tôi vẫn cho rằng trường hợp này chẳng bao giờ có thể xảy ra cho tôi. Đã đành là cuộc hôn nhân nào cũng có cãi vã nhưng thực ra thì quá khứ của tôi hoàn toàn trong sạch, trong khi vợ tôi xuất thân là tiểu tư sản, và cũng chính vì thế mà chúng tôi thường quan niệm khác nhau và hay xung đột vì bất đồng ý kiến. Trước đây, trong khi tôi là bí thư của một nhóm sinh viên trong học đường thì vợ tôi bị lên án là phản cách mạng trong một nhóm khác. Tôi đã hỏi vợ tôi phải chăng những lời tố cáo của người bạn cùng phòng với vợ tôi là sự thực? Phải chăng vợ tôi đã chép những lời phản động trong nhật ký? Vợ tôi một mực chối từ, nhưng khi tôi đòi xem nhật ký thì vợ tôi bảo rằng vợ tôi đã vứt bỏ, vì thế tôi chẳng bao giờ có dịp biết rõ.

Sau này, khi tôi được thăng thưởng lên những việc tốt hơn, vợ tôi vẫn phải làm những công việc không mấy như ý và có than phiền. Ngay trước ngày cách mạng văn hóa, khi đảng thúc dục các cán bộ giúp đỡ nâng cao văn hóa miền quê, tôi đã có suy nghĩ vấn đề trở về ngay quê quán để sống với những làng nông dân sống quây quần hàng trăm gia đình thay vì phải đối phó với vấn đề phức tạp của guồng máy hành chánh của một thành phố lớn. Vợ tôi nói rằng nếu đi tôi sẽ phải ra đi một mình vì gia đình vợ tôi cần vợ tôi ở lại. Tôi hỏi rằng phải chăng vợ tôi coi trọng những tiện nghi của vấn đề mua dầu và xà phòng hơn là chống hoặc quốc gia. Vợ tôi chống chế rằng lúc nào tôi cũng nghi ngờ lòng chung thủy của vợ tôi. Trước ngày cả hai chúng tôi bị phát vãng, nhà cửa bên vợ tôi bị công an lục soát và ông nhạc tôi đã bị bắt giam. Sau đó, tôi bị gửi về miền Tây Bắc còn vợ tôi bị gửi sang miền Đông Bắc.

Từ khi chúng tôi xa cách, tôi vẫn viết thư cho vợ tôi thật đều đặn để cổ vũ tinh thần. Lúc nào tôi cũng kết luận bằng câu: *"Chủ nghĩa Duy Vật Biện Chứng muôn năm."* Khi viết thế, tôi có ý nói rằng rồi đây những người như chúng tôi thế nào cũng chiến thắng và vượt qua được những kẻ cuồng tín.

Thế thì điều gì có thể khiến vợ tôi tố tôi phản đảng?

Trong hai tuần lễ bực bội, khó chịu đó, tôi tiếp tục lằm lũi đẩy chiếc xe lừa đi về mức nước. Thỉnh thoảng tôi lại tìm chỗ ngủ những giấc ngắn trên đường. Một hôm, khi đang hết sức mệt mỏi và tâm thần rối loạn, tôi thấy một con mèo nằm ngay chỗ nghỉ bí mật của tôi ở phía sau cái máng nước. Con mèo đang ngủ ngon lành, thỉnh thoảng miệng lại meo meo những tiếng nhỏ nhỏ. Bất thần, chẳng hiểu một cơn giận quái đản bùng lên trong tôi. Tôi chụp lấy cổ họng con mèo rồi dùng hết sức bình sinh ném nó vào tường. Tôi cứ tiếp tục hết nhật lại ném cho đến khi con vật đáng thương chỉ còn là một đồng máu thịt bầy nhầy.

Khi thò tay vào máng nước để rửa, qua mặt nước lung linh tôi thấy một khuôn mặt tàn ác khác thường đang nhìn chòng chọc vào tôi.

Trong cuộc tra vấn sau đó, chẳng hiểu sao ban tra vấn hình như không còn để tâm vào lời tôi khai và chẳng hề phản đối gì khi tôi nói rằng bất kể mọi người có khai về tôi thế nào đi nữa, tôi vẫn hoàn toàn vô tội. Họ bắt tôi phải làm một bản tự kiểm. Tôi tuân theo và rồi cuộc điều tra tôi kết thúc.

Trong ngày đó, tôi cũng được biết tin tức mà chính ban tra vấn đã biết trước tôi, và hiểu ngay vì lẽ gì ban tra vấn không còn để tâm đến trường hợp của tôi nữa. Tin tức kinh hoàng đó là Lâm Bưu, người do chính Mao Trạch Đông đích thân chọn kế vị đã tìm cách đào thoát sang Nga. Máy bay của ông ta bị bắn rơi gần biên giới. Biến cố này khiến cho tất cả đều thấy rõ rằng Mao chủ tịch không phải là người tuyệt đối không có sai lầm, và cũng khiến cho mọi người thấy rõ cuộc cách mạng văn hóa quả thật không thực sự là một cuộc cách mạng và tất cả chúng tôi đều chỉ là những con chốt trong một cuộc đấu tranh quyền lực ở những nấc cao nhất.

Chẳng bao lâu sau, thái độ của mọi người ở trại đều thay đổi. Mọi người vẫn làm việc, nhưng không còn phải canh cánh lo làm những việc vượt quá sức mình để tránh bị chỉ trích chính trị. Chúng tôi bắt đầu có những sở thích riêng. Tôi sưu tầm những khúc rẽ cong queo của những cây thông. Tuy những khúc thông chỉ là những khúc thông chết, uốn éo một cách dị kỳ, nó vẫn toát ra một vẻ lôi cuốn thật là bí ẩn.

Lần đầu tiên khi gia đình tôi quyết định mua nhà, ông bà thân tôi muốn tìm một ngôi nhà ở chỗ gần trường học. Chính vì thế nên gia đình tôi đã chọn một căn nhà gạch đỏ cũ kỹ từ thời tiền chiến cách trường trung học Teaneck ở tiểu bang New Jersey khoảng nửa khu phố. Người bạn đầu tiên của tôi trong ngôi trường đó là một cô nhỏ tên Delores. Delores mơ được làm y tá lúc lớn lên về sau. Tuy rằng trong trường lúc đó vẫn có nhiều đứa khác thông minh, xinh xắn và ăn diện đẹp hơn Delores, mà vẫn chẳng đứa nào được nhiều bạn bè quý mến bằng Delores. Ngày còn là bạn Delores, tôi vẫn thường ước mình cũng được mọi người quý như Delores.

Sau nhiều tháng để ý cô bạn mình, tôi tìm ra đặc tính khiến cô được mọi người quý mến. Đặc tính đó là lòng tin của cô đối với Thượng Đế. Từ đó, ít nhất là một tuần hai lần, ông thân tôi lại phải chở tôi đến nhà thờ. Lần nào

ông thân tôi cũng phải đậu xe ở lề đường đợi tôi suốt hai tiếng đồng hồ. Trong suốt hai tiếng đồng hồ đó, tôi, một con bé Trung Hoa duy nhất tóc đen, mũi lõ ngồi cùng cầu nguyện với tất cả các con chiên da trắng xung quanh.

Tuy đã theo đạo Tin Lành như Delores mà vẫn chưa được mọi người biết đến ngay, tôi vẫn không buồn. Thực ra thì kiến thức về đạo của tôi vẫn chưa đủ. Tôi chưa hiểu được rõ thực sự đặc điểm khác biệt của những người theo đạo Tin Lành. Và sau này, khi đã biết rõ, tôi lại khám phá ra rằng không phải người Tin Lành nào cũng như Delores. Cô bạn tôi là một người đặc biệt duy nhất. Mặc dù kể từ ngày rời trung học, tôi không còn gặp Delores nữa nhưng nhận xét của tôi vẫn không sai lầm. Lòng tin của cô cũng như lòng tin của người cán bộ là những điểm khiến cho cả hai trở thành những con người khác thường.

Sau khi câu chuyện của người cán bộ chấm dứt, tôi hỏi: Điểm nào là điểm chính khiến những người khác xem anh là một người cán bộ thông minh và có lương tâm chức nghiệp? Anh cười, khiêm tốn đáp lại: *“Có lẽ điểm chính là lúc nào tôi cũng hết sức che chở những những nhân viên dưới quyền. Chưa bao giờ tôi lạm dụng uy quyền để trừng phạt, biến thủ công quỹ hoặc thủ lợi cho riêng mình.”* Anh than rằng trong xã hội Trung Hoa ngày nay, càng ngày càng có nhiều cán bộ lạm dụng quyền thế để trục lợi. Đây là điều khiến anh khổ tâm. Anh tự hỏi phải chăng giấc mơ công bằng, nhân ái của những người cộng sản quả thực chỉ là ảo vọng?

Mới đây, trong một chuyến công du đến một trong những vùng kinh tế đặc biệt được xây cất dưới phong trào cải cách, anh đã bàng hoàng khi chính mắt mục kích nạn cán bộ thông đồng với nhau để trục lợi. Công ty thầu các dịch vụ mượn văn phòng do chính anh góp phần đầu tư hoạt động thật chẳng khác gì một chốn thanh lâu. Tiền thuê phòng được gửi vào một ngân hàng địa phương do vợ của một bí thư đảng khá to cầm đầu. Chính người bí thư cũng trốn thuế và giàu chẳng kém gì thân tài. Anh cán bộ than rằng nhân vật bí thư này còn tệ hại hơn cả một kẻ tư bản chính thức.

Tôi hỏi: *“Sao anh lại đợi suốt 5 năm trước khi mở cuộc điều tra việc đầu tư?”*

Anh trả lời thật đơn giản: *“Khốn nỗi, đây nào có phải đầu tư, đầu tiếc gì đâu, chẳng qua chỉ là một tổ hợp kinh doanh của những đồng chí cách mạng đóng góp với nhau thôi!”*

Nhìn vẻ mặt khẩn khoản của anh, tôi bỗng nhớ đến câu tục ngữ: *“Thần chú thiêng liêng, thầy tu vụng niệm!”* Tôi hỏi: *“Nếu so sánh hai nỗi khổ tâm, nỗi khổ tâm lúc trước, khi anh bị những người lãnh đạo tôn thờ Mao chủ tịch đối xử tệ bạc và nỗi khổ tâm lúc này khi anh phải mục kích những tệ đoan của chính những con người cộng sản thì nỗi khổ tâm nào nặng nề hơn?”*

“Lúc này nỗi đau thấm thía hơn nhiều!”

“Tại sao?”

“Tôi đã già hơn trước.”

Giờ đây tôi đã hiểu rõ được một điều mà người cán bộ chưa bao giờ đề cập: Chiếc áo rơm dù có rách đến đâu cũng vẫn còn đáng quý hơn chiếc áo lụa là của những kẻ phản bội lý tưởng.

CÁN BỘ
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Người Hoạt Náo Viên

CHỦ NHẬT, NGÀY 21 THÁNG 5, NĂM 1989... RADIO VÀ TI VI CÙNG LOAN TIN CỦA TÂN HOA XÃ: “CHÍNH PHỦ CHO LỆNH QUÂN ĐỘI PHẢI CỨNG RẮN THI HÀNH CÁC MỆNH LỆNH, PHẢI CÓ NHỮNG BIỆN PHÁP HỮU HIỆU ĐỂ ĐỐI PHÓ VỚI CÁC CUỘC BIỂU TÌNH. LỆNH THIẾT QUÂN LUẬT ĐÃ ĐƯỢC THI HÀNH.”

Trung ương ban hành lệnh thiết quân luật tuyên bố: “...*quân đội có gặp trở ngại đôi chút khi thực thi lệnh thiết quân luật.*”

Có tin đồn rằng thủ tướng Lý Bằng đã cho lệnh những quân nhân đàn áp các cuộc biểu tình tiến vào thành phố lúc 5 giờ sáng. Các trại giam đã sửa soạn để nhận tất cả những sinh viên còn đang ở công trường.

Hàng đoàn lính dàn thành hàng tiến vào thành phố.

Trời đã tối, một phóng viên chụp hình chuyên nghiệp vừa từ công trường Thiên An về, nước mắt doanh tròng, bảo rằng ở bất cứ nơi nào anh cũng được dân chúng hoan nghênh. Ngày nay, những ký giả ngoại quốc không còn bị dân chúng Trung Hoa nghi ngờ nhiều nữa.

Tôi ngồi ở văn phòng đài CBS trong khách sạn Shangri-la. Xung quanh tôi dây điện thoại chằng chịt, nhưng chẳng có lấy một tiếng chuông reng. Tôi tự hỏi: Chẳng lẽ tất cả mọi người đều đi vắng? Đài truyền hình Hoa Kỳ chẳng có hình ảnh gì mới, còn những đài truyền hình Trung Hoa thì chiếu đi chiếu lại những bài diễn văn của Lý Bằng.

Tôi bước ra ngoài cho đỡ sốt ruột. Mặt trăng đêm thật tròn, gió nhẹ và một đám đông hàng trăm người tụ họp ở các ngã tư. Một, hai, ba hò dô! Các học sinh Trung Học đang cố đẩy những ống xi măng dọc theo đường phố làm chướng ngại vật. Khắp mọi nơi, dường như chỗ nào cũng có người tụ tập xì xào bàn luận. Dưới chân họ là những bình nước họ đã dành để uống cho trọn đêm không ngủ. Họ tụ tập cốt để chặn không cho binh lính tiến vào công trường. Tất cả đều muốn bảo vệ các sinh viên. Tôi vượt qua một nhóm người mù đã đi bộ cả dặm để đến chỗ tụ tập. Nhóm người mù đó nói với tôi: “*Khi đoàn xe tiến vào công trường, tất cả chúng tôi cùng tình nguyện nằm xuống ngay giữa đường. Chúng tôi phải làm thế để đáp ứng lời mời của Thủ Tướng Lý Bằng. Chính ngày Thủ Tướng đã đích thân mời chúng tôi mà!*”

Bồng có một chiếc xe tiến đến và chỉ trong khoảnh khắc, tất cả những người đứng quanh đều bị chiếc xe thu hút. Cảm giác thu hút đó mãnh liệt chẳng khác nào sức hút của nam châm đối với những mảnh sắt vụn. Tôi đứng trên nắp một chiếc thùng rác để nhìn những làn sóng người cho rõ. Không một ai chen lấn hoặc xô đẩy. Đám đông chỉ đưa ra những lời thuyết phục nhẹ nhàng. Một lúc sau, chiếc xe hơi bỗng từ từ lui lại. Có tiếng vỗ tay, reo hò: Hay quá, đỡ quá, tốt quá. Đám đông đứng quanh vỗ tay ào ạt biểu đồng tình. Tôi rời nắp thùng rác bước xuống. Tâm hồn tôi tự nhiên phấn khởi. Trong khoảnh khắc cảm giác tự tin trong tôi bỗng dâng cao, hoà đồng với cảm giác tự tin của những người quanh đó.

Tôi đọc những tấm biểu ngữ họ tự làm lấy: *“Xin tất cả đồng bào hãy che chở sinh viên.”*

Đám đông lại lớn tiếng hoan hô khi thấy một nông dân lái xe kéo theo một chiếc xe buýt rí đến gần công trường để làm chướng ngại vật.

Một chiếc xe chuyển vận chở đầy lính mặc thường phục dân sự rú máy chạy xuống đường nhưng rồi bị những ống xi măng và đám đông cản lại. Một sinh viên dùng loa kêu gọi mọi người bình tĩnh và giữ trật tự. Chiếc xe bị đẩy lui qua hai dãy phố rồi trả tự do cho quay về.

Những người biểu tình chẳng tỏ vẻ gì sợ hãi. Có lẽ họ cho rằng Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân sẽ chẳng bao giờ tấn công họ. Điều đó có thể đúng, nhưng còn những đội cảnh sát dẹp loạn với những đồ khiên, mũ sắt và gậy dùi cui thì sao? Tôi bước vào nhà, cố xua đuổi những ấn tượng kinh hãi đó ra khỏi đầu óc.

Mãi cho tới lúc Lý Bằng tuyên bố áp dụng thiết quân luật, tôi vẫn hy vọng từng phút, từng giây rằng Đặng Tiểu Bình sẽ có mặt ở công trường. Mặc dù biết rằng mình không thực tế, chẳng hiểu sao tôi vẫn nuôi hy vọng được thấy hình ảnh Đặng Tiểu Bình bước xuống công trường, tay cầm một quả đào, biểu tượng của sự trường thọ để đưa cho những người tuyệt thực chỉ đáng tuổi các cháu, chít ông ta. Đã đành rằng dù Đặng Tiểu Bình có làm gì đi nữa thì Trung Hoa vẫn chẳng thể biến chuyển để trở thành Trung Hoa của những ngày trước, nhưng chỉ cần một cử chỉ khác thường là ông có thể chấm dứt cuộc khủng hoảng và chiếm lại cảm tình của tất cả những người đã từng có cảm tình với ông.

Có lẽ chẳng có tấn kịch nào bi thảm bằng một tuồng kịch cải cách mà trong đó chính nhân vật đầu tiên đứng ra hô hào cải cách lại trở thành nạn nhân của phong trào cải cách. Đặng Tiểu Bình là người Tứ Xuyên. Ông xuất thân từ quân đội và là một cựu quân nhân của cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Lịch sử sẽ ghi nhớ mãi thành tích của ông như một vị lãnh đạo đã đưa nhân dân Trung Hoa ra khỏi cơn cuồng bão của cuộc cách mạng văn hóa. Chính những phong trào cải cách của Đặng Tiểu Bình đã đưa Trung Hoa vào một thập niên mới tương đối có tự do và thịnh vượng hơn.

Đã nhiều năm Đặng Tiểu Bình có ý về hưu. Đã nhiều năm Đặng Tiểu Bình có ý thu xếp cho cuộc chuyển nhượng chính phủ thành một cuộc chuyển nhượng quyền hành nhẹ nhàng và có thứ tự. Nếu vấn đề chuyển nhượng quyền hành thành công như ý Đặng Tiểu Bình thì mọi việc đã hoàn toàn khác hẳn. Có thể Đặng Tiểu Bình đã trở thành người hùng của lịch sử và tránh được những sự nhục nhã đang trực diện với ông lúc này. Nhưng con tạo lúc nào cũng trớ trêu, cố tình xô đẩy những kẻ tộc trưởng phải rơi vào những thế đứng mũi chịu sào khó xử.

Tuy phong trào sinh viên đã khiến Đặng Tiểu Bình mất đi chỗ đứng trong lịch sử, nhưng nói chung thì người dân Trung Hoa cũng vẫn đạt được rất nhiều lợi điểm trên nhiều phương diện. Những lợi điểm người dân Trung Hoa đạt được vượt hẳn tất cả những tầm mức mọi người đã dự liệu khoảng một tháng về trước. Ngày trước, tuy lúc nào các khu trục vận cũng tải đồ lủ lượm và các hàng quán lúc nào cũng đầy ắp nhưng tinh thần dân chúng lại thật là thấp. Lúc nào người ta cũng dựa vào chuyện luồn lót để hoàn thành công việc, kể từ những chuyện nhỏ nhất nhất trở đi. Ai cũng cảm thấy cuộc sống thật là nhơ nhuốc. Gần như lúc nào người ta cũng phải giải quyết những ẩn ức của đời sống bằng cách nhìn vào những người khác chứ không ai dám nhìn thẳng vào mình. Gần như tất cả đều cảm thấy bất lực. Những người lớn tuổi chỉ mong có được một cuộc sống giản dị và lý tưởng hơn cuộc sống hiện tại. Những người trẻ tuổi thì chỉ xem trọng thực tế và mỉm cười trước những mơ ước ngây thơ như vậy. Còn những người đứng tuổi thì vì đã hy sinh quá nhiều xương máu trước bàn thờ Mao nên lại sợ rằng họ sẽ phải hy sinh thêm một lần nữa. Giới nào cũng than phiền về các giới khác. Giới nào cũng nghi ngờ các giới khác. Gần như thiện chí hoàn toàn mất hẳn.

Thế mà giờ đây phong trào sinh viên xuống đường lại khiến những mâu thuẫn xã hội tan biến. Lớp người trẻ đã mở đường để lên tiếng trước công chúng. Tiếng nói của họ là biểu tượng của sự khao khát cần phải giải thoát ý tưởng. Tất cả những người từ trước tới nay vẫn trông chờ người khác giải phóng họ giờ đây đã tự vùng lên. Kinh nghiệm khác lạ này khiến họ ngây ngất. Cảm giác giải phóng đã khiến họ đồng lòng đoàn kết. Ngày nay, mặc dù chính bản thân họ đang căng thẳng tột độ, mặc dù chính bản thân họ vẫn sợ hãi những chuyện bất an có thể xảy ra, mà người dân Trung Hoa vẫn chỉ để tâm đến những chuyện đáng ngại sẽ xảy ra cho gia đình và bạn bè. Trong lịch sử Trung Hoa, đây là lần đầu tiên họ lưu tâm đến những người khác hoàn toàn xa lạ, hoàn toàn không phải thân nhân.

Trước cả khi tôi được đến tận nơi để mục kích dân chúng chất chương ngại vật, tôi đã thấy rõ sự biến chuyển mới trong cách suy nghĩ của người dân Trung Hoa qua điện thoại. Vì công việc của tôi là phải có mặt ở khách sạn để phụ giúp các ký giả mỗi khi họ cần thêm tin tức, tôi phải dùng điện thoại để liên lạc. Tôi phải liên lạc chẳng những chỉ với Bắc Kinh mà còn với khắp cả mọi nơi ở Trung Hoa để theo dõi tin tức. Lúc đầu tôi còn được các bạn tôi kể cho nghe những tin tức họ biết ở những vùng lân cận quanh họ qua cửa sổ, nhưng về sau tôi chẳng còn liên lạc được với bất kỳ người bạn nào nữa. Có thể lúc tôi gọi họ, thì trời đã quá khuya. Bởi thế tôi lại phải tìm cách gọi để lấy tin

ở những khách sạn, ở sở cảnh sát, ở các nhà thương. Gần như bất cứ nơi nào các nhân viên tổng đài cũng làm việc suốt 24 giờ. Và lạ thay, họ làm việc hết sức tận tâm.

Tại sao tôi lại lấy làm lạ? Vì rằng trong một quốc gia mà đến cả những thư ký cũng có thói quen bỏ mặc hoặc có khi sỉ nhục những người đến nhờ họ giúp đỡ thì chẳng trách gì các nhân viên tổng đài lại có thái độ vô lễ và làm việc thiếu lương tâm! Thông thường thì các nhân viên tổng đài chẳng bao giờ trả lời điện thoại và nếu họ có hạ mình để bốc điện thoại đi chẳng nữa thì cũng chỉ là để khỏi phải nghe chuông. Trước khi người gọi có dịp hỏi bất cứ câu gì, họ đã cúp điện thoại.

Thái độ bất nhã của các nhân viên tổng đài có thể khiến người dùng điện thoại nổi trận lôi đình. Thái độ đó quả là là một sự vô lễ khó thể tha thứ, nhưng lại chẳng có gì khó hiểu. Thực ra thì ngay từ xa xưa, quan niệm đặt nặng gia đình của Khổng Tử đã khiến người dân Trung Hoa mang nặng quan niệm cần phải bảo vệ gia đình. Quan niệm đó khiến họ lúc nào cũng né tránh, không muốn tiếp xúc với người lạ. Chẳng những thế, những áp lực của đời sống xã hội Trung Hoa ngày nay còn khiến những quan niệm đó ăn khắc sâu thêm vào tiềm thức họ. Ngay cả khi các phong trào cải cách của Đặng Tiểu Bình đã thành công, đa số công chức vẫn bị buộc phải làm những việc họ không có quyền lựa chọn. Do đó, họ thường phải chấp nhận những công việc không mấy vừa ý để giữ lấy đồng lương. Họ đã nghiêng răng chịu đựng cho tới ngày về hưu để có được miếng cơm, manh áo. Từ cương vị của họ — điều này đúng hơn bao giờ hết sau khi các phong trào cải cách thành công — họ thấy rằng tất cả những người họ thấy đều có được địa vị tốt hơn. Và với rất nhiều lý do chính đáng, họ cũng cho rằng, những người có được địa vị tốt hơn chẳng phải nhờ vào thực tài mà là nhờ vây cánh, con ông cháu cha, đứt lót hoặc hối lộ. Tình trạng bất công do đó còn khiến những sự ganh ghét thường tình chuyển thành phức tạp hơn. Căn bệnh này đã phổ thông đến độ được gọi là “*bệnh mất đồ*”. Chứng mất đồ hoành hành trong khắp mọi tầng lớp xã hội và chuyển thành biến chứng thiếu lễ độ bất nhã như trên.

Lạ lùng thay, trong những tuần lễ học sinh xuống đường, lối suy nghĩ này hoàn toàn biến mất. Dường như ở khắp mọi nơi trong Bắc kinh, tất cả mọi người đều đóng góp tận tình cho những người xuống đường. Họ đóng góp từ tiền bạc cho đến thực phẩm. Tất cả đều cùng hết sức làm việc để giữ cho guồng máy chính phủ hoạt động đều đặn như thường lệ. Cuộc biểu tình tuyệt thực ở Thiên An Môn đã ảnh hưởng nhiều nơi khác. Ở nhiều vùng, dân chúng đã xúc động vì cảnh biểu tình và đã hết lòng ủng hộ các sinh viên xuống đường ở địa phương họ. Một trong những giới ủng hộ phong trào xuống đường là các nhân viên điện thoại ở tổng đài.

Tất cả những cú điện thoại tôi gọi đều được trả lời lập tức và vô cùng lễ độ. Chẳng ai hỏi gì đến tên hoặc tổ làm việc của tôi chứ đừng nói đến gốc gác của tôi nữa. Chuyện tôi hỏi về những tin tức không được tường trình cũng không gặp vấn đề gì khó khăn. Người nào cũng cố gắng trả lời tường tận các câu hỏi của tôi và ngay cả khi không trả lời được, họ cũng cho tôi biết thêm những chỗ tôi có thể hỏi. Qua những nhân viên điện thoại tôi gọi, tôi tìm được tin

tức của tất cả các biến chuyển trong suốt 28 tỉnh. Ngoại trừ Tân Cương và Tây Tạng vì tổng đài không có đường giây trực tiếp ở hai vùng này.

Cảnh sát đang truy tầm anh. Về tội gì? Tôi chẳng làm thế nào để biết được rõ ngoài cách tự mình suy đoán. Anh thích bạn bè và nhà anh ở cách công trường Thiên An Môn chỉ độ một dặm. Chỗ ở của anh tiện lợi đến nỗi gần như tất cả những người quen biết anh trong số hàng trăm ngàn người đến xem hoặc tham dự cuộc biểu tình đều mong ghé lại chỗ anh để dùng tạm những phương tiện của anh hoặc uống nhờ bát nước.

Tôi đã gọi anh đều đặn từ văn phòng tin tức của CBS để nghe những tin tức chính mắt những người đang ở nhà anh được mục kích. Nhiều người khác cũng đã gọi như tôi. Chuyện anh có nhà đúng ở một vị trí thuận lợi như thế và lại có cả điện thoại trong nhà quả là một chuyện vừa may vừa rủi.

Chúng tôi gặp nhau lần đầu ở một trong những buổi tiệc của gia đình tôi. Lần đó mọi người được mời xem phim, nhưng trong số hàng trăm người khách đến xem cuốn phim Vượt Thoát đêm đó, tôi không hề chú ý gì đến anh. Lúc tôi và nhà tôi ra sân để khai mạc cuộc khiêu vũ thì anh ta ở ngay phía sau tôi. Ba tiếng sau, anh vẫn tiếp tục khiêu vũ. Khi thì anh nhảy với một nữ minh tinh Trung Hoa, khi thì anh nhảy với những bà vợ già của các ngài lãnh sự và đôi khi anh nhảy một mình. Lúc nào anh cũng say mê lắc lư theo điệu nhạc. Cách nhảy của anh không giống kiểu nhảy như thể người nhảy đang trườn trên mặt tuyết mà cũng không giống kiểu nhảy co ro như thể người nhảy đang kẹp những trái bóng bàn ở nách và các khuỷu chân. Anh nhảy thật tự nhiên. Khuôn mặt khắc khổ và thân thể rắn chắc của anh khiến tôi nhớ đến hình ảnh tài tử Cagney đang đội nón, mặc áo tơ.

Vào khoảng nửa đêm, khi gần như tất cả mọi người khách khác đều đã ra về, anh vẫn còn ở lại với những người mê tiệc để tiếp tục thưởng thức những món bánh ngọt, chả giò bày trên chiếc bàn cà phê ở phòng khách. Lúc đó người bạn tốt của tôi mới giới thiệu anh với tôi. Vừa được giới thiệu xong, anh đã khiến mọi người cười rộ. Anh đưa cho tôi hết tấm thẻ văn phòng này đến tấm thẻ văn phòng khác cho đến khi số thẻ dày cộm lên đến gần như một xấp bài: *“Đây là văn phòng tôi ở Hồng Kông, đây là văn phòng tôi ở Bắc Kinh, đây là văn phòng tôi ở Quảng Đông.”*

“Thế anh làm gì?”

“Cũng làm việc tương tự như việc của bà.”

“Vậy có nghĩa là sao?”

“Công việc chính của tôi là dự tiệc.”

“Ừà?”

“Tôi là nhịp cầu của các buổi tiệc cũng như bà vậy!”

Câu trả lời thật sâu sắc biết bao! *“Nếu thế thì chắc hẳn đôi khi anh cũng*

phải cảm thấy khó chịu như tôi?”

“Không! Tôi rất thích được nhập cuộc với mọi người. Với tất cả mọi loại người. Tôi có thể nói chuyện với những người phu đổ rác, người bốc mùi đất cát, hoặc những kẻ quyền quý đài các ở Hồng Kông. Tôi có thể bắt chuyện với những người Mác-xít, tư bản hoặc làm quen với các linh mục truyền giáo. Tôi có thể hòa đồng với tất cả mọi người kể cả người vợ trước của tôi!”

“Công việc của anh chỉ có thể thôi?”

“Thế mà bà vẫn còn cho là chưa đủ à? Những dịch vụ muốn tôi cho thế là đủ rồi. Họ trả tôi rất khá, nhưng họ còn kiếm được nhiều hơn thế. Nếu không có những người như chúng ta thì bà thử nghĩ xem những buổi tiệc trao đổi văn hóa như thế này sẽ khiến người đến dự phải buồn nản và mập thêm biết bao? Người nào cũng phải cố nhồi thức ăn vào để có thể đưa câu chuyện ra. Không có những người như chúng ta thì làm gì có vấn đề trao đổi, làm gì có vấn đề vui vẻ!”

Tôi phải thú thực rằng có nhiều tối ở tòa đại sảnh Nhân Dân, tôi đã phải cố gắng chẳng khác nào một anh xiếc đu bay cố chụp vào những mối dây vô hình khi cố tìm cách để tạo một bầu không khí thân thiện giữa một dân biểu của tỉnh Ozarks và bí thư đảng của tỉnh Urumchi. Những người làm được những việc như tôi quả là hiếm, thực sự rất hiếm. Tuy nhiên, người ta lại nhìn tôi chẳng khác gì nhìn những người đàn bà đang được sủng ái vì việc của tôi không có lương lậu chắc chắn. Công việc khó khăn của tôi được coi như một loại vũ ba lê ở một dạng khác không hơn không kém. Nhất là khi tôi ở Bắc Kinh, cảm giác này còn rõ rệt hơn nữa. Ở đó, tôi phải đến cả chục buổi tiệc mỗi tuần để giúp vui. Cuối cùng tôi đã nhận rõ được rằng tôi không phải là một con người biết giữ đủ kỷ luật để có thể viết.

Tôi hăm hở nhận ngay mình cũng là một người viết văn. Anh ta gật đầu chẳng khác nào như đã biết rõ việc tôi không hề đụng đến bàn viết đã nhiều tháng qua. Anh nói thêm rằng anh cũng có viết.

“Thật hả?” Tôi không thể tưởng tượng anh ta có thể ngồi ở đâu lâu đến khoảng thời gian có thể gọt tron cây bút chì.

“Ừâng, nhưng viết chẳng có gì đặc sắc. Có thể tôi không viết được một phần cũng là vì tôi đã nói hết rồi. Một phần khác khiến tôi không viết được có lẽ là vì tôi muốn quan sát phản ứng của tất cả mọi người. Có lẽ cả hai lý do đó đều đúng. Tôi cần tiếp xúc với mọi người.”

Tôi hỏi anh về chuyện đời anh.

Hồi còn ở Trung học tôi chơi thân với con của một cán bộ cao cấp. Bạn tôi thường lấy thẻ mượn sách đặc biệt của bố để mượn những quyển sách ở thư viện dành riêng cho cán bộ. Những quyển sách dịch ở đó rất ít người biết và số người được mượn còn ít hơn nữa. Đây là lần đầu tiên tôi được đọc cuốn Bắt Trẻ Đồng Xanh.

Khi đọc, những ý tưởng trong chuyện khiến tôi ngạc nhiên không biết đến

mức nào mà nói. Tuy tôi và nhân vật chính sống trong hai thế giới hoàn toàn khác biệt, đây không phải là vấn đề chính. Vấn đề chính là cả hai chúng tôi đều cảm thấy như nhau. Chúng tôi cùng nhận thấy những sự giả dối trong đời sống và cùng khinh bỉ những sự giả dối đó. Chúng tôi lo lắng hết mức nhưng những người được chúng tôi lo lại chẳng màng gì đến chuyện lo của chúng tôi.

Tôi chép lại từng chữ cả cuốn sách. Tôi chuyển tay cuốn sách với những bạn bè thân. Chẳng bao lâu sau chúng tôi mặc quần áo như nhân vật chính, nói chuyện như nhân vật chính, hành động như nhân vật chính. Nhân vật chính của chuyện Bắt Trẻ Đồng Xanh trở thành mẫu người lý tưởng của chúng tôi và chúng tôi cũng muốn trở thành những mẫu người lý tưởng.

Khi Mao Trạch Đông kêu gọi Cách Mạng Văn Hóa và hô hào những người trẻ tuổi cùng đứng lên xây dựng lại xã hội, chúng tôi đáp lời. Với tấm lòng nhiệt thành, chúng tôi tham gia quên ăn quên ngủ và quên cả những tiện nghi của đời sống gia đình. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh cả mạng sống để vạch trần những sự giả dối của những kẻ cường quyền.

Rồi thì giấc mơ của chúng tôi bỗng nhiên tắt phụt. Cơ ác mộng trở thành sự thực. Chúng tôi không phải là những cứu tinh. Chúng tôi chỉ là những công cụ. Nạn nhân là những kẻ vô tội.

Tôi lên tiếng phản đối, bị bắt hai lần và bị xử án tù 10 năm.

Khi bị bắt lần thứ hai, và bị nhốt suốt tám năm, tôi vẫn không để những sự buồn rầu làm lay chuyển ý chí. Tôi sống như thể mê làm việc khổ sai. Tôi làm thơ. Tôi vẽ. Tôi kể hết chuyện này đến chuyện khác để giúp vui cho các bạn tù. Tôi trở thành người trông nom họ chẳng khác nào nhân vật chính của chuyện Bắt Trẻ Đồng Xanh.

Lần đầu tiên tôi bị bắt thì tình cảnh hoàn toàn trái ngược. Lần đó, tôi bị xử tử hình và được chuyển sang chỗ tội phạm đang chờ ngày hành xử. Lúc đó tôi phải ngồi trong xà lim chỉ lớn hơn chiếc va li một chút và tay chân đều bị cùm chặt.

Một viên chức được sai đến nhà tôi để báo tin. Ông ta luống cuống không nói rõ lời và rồi nói với mẹ tôi: *“Dù sao thì bà cũng còn những đứa con khác.”*

Mẹ tôi trả lời thật bình thản rằng: Khi còn bé bà vẫn thường được đọc chuyện về những người bị quốc gia hành hình, bà không ngờ rằng lại có ngày mình được hãnh diện làm mẹ của một người như vậy.

Viên chức thông báo trở về nói rằng mẹ tôi điên.

Tôi đợi và nhiều người khác cũng đợi như tôi. Sau nửa đêm, trước cả khi chúng tôi nghe tiếng bánh xe nghiêng trên con đường trái đá sỏi dẫn đến nhà tù, chúng tôi vẫn giật mình tỉnh giấc. Tất cả đều biết chiếc xe vận tải đến để đưa tù nhân ra pháp trường. Cứ mỗi lần xe đến là lại có một người trong nhóm tù nhân bị hành hình. Tuy thế, chẳng ai trong số các tù nhân được biết rõ tù nhân nào sắp bị hành hình. Chúng tôi không tài nào ngủ được. Có

người rên rỉ, có người khóc, có người hò hét, hứa hẹn. Những người canh gác không hề can thiệp. Ngay cả những kẻ ác độc nhất cũng động lòng trắc ẩn và không nỡ hành hạ thêm những kẻ sắp bị hành hình như chúng tôi.

Mỗi sáng, sau khi tiếng nghiêng của bánh xe trên đường nhựa đã xa, cuộc sống bình thường lại trở lại.

Tôi đợi suốt một tháng, rồi suốt một năm. Chỉ có một lần tôi toan tính kết liễu việc đợi chờ. Họ bảo rằng tôi chẳng thể nào thành công. Bởi vậy, vấn đề trở thành một sự thử thách. Mỗi ngày tôi tìm những sợi mì rút dầu đi cho đến khi tôi đã nhặt đủ số lượng cần thiết. Sau đó, tôi nhúng nước và nặn những sợi mì cho ăn liền với nhau thành một chiếc vòng hình lưỡi câu khổng lồ. Tôi xé áo, quần để bện thành một sợi cà-vạt thật dài. Tôi thắt sợi cà-vạt đó vào chiếc lưỡi câu. Sau đó, tôi buộc chiếc lưỡi câu vào tấm thanh sắt chắn ngang cửa tù. Vì trần trại giam quá thấp, tôi vừa quỳ, vừa thắt phần còn lại của sợi dây cà-vạt vào cổ cho chặt. Lúc đó, tôi chỉ cần ngồi xuống thay vì quỳ là sợi dây sẽ xiết chặt tôi cho đến chết dù rằng thời gian có thể hơi lâu — Tôi chẳng thể nào tìm được cách nào khác chóng vánh hơn.

Rồi tôi nghĩ đến mẹ tôi.

Nếu họ giết tôi thì ít ra mẹ tôi cũng còn được an ủi rằng dù gì đi nữa thì cuộc sống của tôi cũng còn mang một ý nghĩa nào đó. Nếu chính tôi tự tử thì ngay cả niềm an ủi đó cũng mất.

Tôi lại đợi thêm một năm nữa và hàng đêm nghe tiếng bánh xe nghiêng qua những hòn sỏi cuội.

Gần đến ngày Tết thì có một viên cai tù đến gặp tôi.

“Chẳng còn bao lâu nữa là đến ngày lễ” ông ta nói đều đều như thể đang viết rõ ra từng chữ.

Tôi gật đầu.

“Anh có thể về nhà lâu hơn.”

Tôi gật đầu.

“Anh không phải trở lại đây nữa.”

Tôi gật.

“Anh có hiểu tôi đang nói gì không?”

Tôi gật.

“Anh có hiểu là anh được trả tự do rồi không?”

Tôi gật đầu. Tự nhiên tôi cảm thấy tội nghiệp người cai tù. Trông ông có vẻ thất vọng quá. Ông là người tốt bụng. Ông đã cẩn thận báo tin thật thận

trọng và từ từ chẳng khác nào đang mớm thức ăn cho một kẻ bị bỏ đói lâu ngày. Ông ta sợ rằng tôi sẽ phản ứng bất ngờ như một gã tù bất hạnh khác trước đây đã lăn đùng ra chết khi nghe tin mình được tự do.

Tôi ước rằng tôi có thể nói được một câu gì đó với người cai tù. Tôi ước rằng tôi có thể mỉm cười. Tôi ước rằng mình không phải là một thằng khốn kiếp vô ơn.

Sau đó tôi gặp anh bạn hoạt náo viên thường xuyên hơn. Chúng tôi nói chuyện với nhau rất nhiều, lúc nào cũng cùng một đề tài. Đây cũng chẳng phải là điều gì lạ. Ở Trung Hoa gần như đề tài có là gì đi nữa thì kết cục vẫn là chuyện có liên quan đến vấn đề quốc gia. Bất kể tôi đang nói chuyện với một người tài xế tắc-xi hoặc đang nói chuyện với các viên chức nhà nước, đang nói chuyện với một người thương dân, với bạn thân hoặc với người lạ thì đề tài câu chuyện vẫn chỉ là những chuyện chính trị. Phản ứng của họ khiến tôi lấy làm lạ và đã có nhiều lần tôi cố mở đề bằng những đề tài hoàn toàn khác biệt để xem họ phải mất bao lâu để chuyển đề tài. Cuối cùng tôi thấu được kết quả: Thời gian kỷ lục để họ chuyển về đề tài chính phủ: 5 hoặc 6 phút.

Hiện tượng này không phải là di sản của những quan niệm cổ của Trung Hoa ngày trước như những người Trung Hoa vẫn thường cho rằng chỉ có Trung Hoa mới xứng đáng để họ suy nghĩ hoặc lưu tâm. Hiện tượng này xảy ra có lẽ là vì tất cả những người Trung Hoa đều đang quằn quại vì những cơn đau và đang tự bắt mạch, tự thử nhiệt, đang tự xem xét tất cả mọi biến chứng để tìm thuốc chữa trị và chẳng còn tâm trí đâu để nhớ đến bất cứ vấn đề nào khác nữa.

Và vì chính trị và chính sách của đảng vừa là nguyên nhân gây ra bệnh trạng, vừa là phương thuốc để chữa bệnh trạng đó nên đây là những đề tài chủ chốt của tất cả mọi cuộc nói chuyện.

Số người than phiền lúc này nhiều hơn so với tất cả những con số từ trước đến nay. Vấn đề than phiền không phải là vì hoàn cảnh ngày càng khó khăn mà vì hoàn cảnh ngày càng đỡ hơn trước. Thực phẩm lúc này đầy đủ hơn. Người ta không còn phải cảm ơn chủ tịch trước mỗi bữa ăn nữa. Áo quần cũng thay đổi nhiều hơn trước. TV đã giúp cho đầu óc người dân Trung Hoa bớt bị những việc thường ngày ám ảnh. Người ta không còn dốt nát về thế giới bên ngoài. Sau nhiều thập niên câm lạng và giữ kín ý kiến cho riêng bản thân mình, giờ đây người ta có thể phát biểu với gia đình và bạn bè mà không sợ báo cáo.

Quả thật đời sống của người dân Trung Hoa cũng như cuộc sống của nhiều người ở các nơi khác trên thế giới đã tốt đẹp hơn trước. Nhưng đây đâu phải là lý do để im lặng? Con người lúc nào cũng chỉ loay hoay trong những giới hạn khuôn khổ của con người. Ngay cả ở Hoa Kỳ, nơi mà người Trung Hoa cho rằng mặt trăng to hơn, sáng hơn và tròn hơn bất cứ ở những nơi nào khác trên thế giới mà cũng vẫn có người than phiền và yêu cầu Hoa Thịnh Đốn phải lưu ý đến tiếng nói của họ.

Một khi con dê tự kiếm đã bị phá vỡ thì còn có gì tự nhiên hơn là để mặc cho những ưu phiền dồn nén có dịp phát tiết? Cơn lũ phát tiết càng ngày càng nhanh, càng rộng và được những luồng sóng của sự bất định bấp bênh đưa đẩy thêm. Nào ai biết rõ ngày mai rồi sẽ ra sao? Chính sách thay đổi hàng ngày. Phương thức áp dụng thay đổi tùy theo người nắm quyền. Và vì thế, người ta than phiền. Chẳng những thế, người ta còn than phiền nhiều hơn vì từ trước đến nay ý kiến của họ chưa hề được những người cần phải nghe họ chú ý.

Có quá nhiều nhà lãnh đạo già nua không còn đi nổi và phải đến họp bằng xe lăn. Họ nghe được vài câu qua loa qua máy trợ tai rồi lại ngủ gật ngay vài phút sau. Họ ngủ cho đến khi tiếng vỗ tay của cử tọa khiến họ giật mình tỉnh giấc để nghe thêm vài câu nữa. Thế thì có thể phỏng đoán đến mức nào? Quyết định những quyết định nào?

Người ngoại quốc hay nói chuyện chi li về các con số thống kê chẳng hạn như tổng sản lượng quốc gia của Trung Hoa tăng lên gấp đôi sau một thập niên cải cách. Họ quên rằng người Trung Hoa không phải chỉ đơn thuần là những con số mà là những con người hoàn toàn bằng xương, bằng thịt. Ngay cả những con vật bốn chân cũng còn được thiên nhiên ban cho bản năng bẩm sinh để lo cho tương lai và biết liệu định cho phù hợp. Nhưng riêng người dân Trung Hoa chỉ thấy tương lai hoàn toàn mịt mờ và bất định. Chẳng có quyền lợi nào là quyền lợi được hoàn toàn bảo đảm. Vì sao người dân phải cảm ơn khi những món quà tặng hôm nay có thể bị tước bỏ ngay ngày mai?

Mới đây một ban hành chánh ở một bệnh viện địa phương tuyên bố chính sách mới; tất cả những bác sĩ muốn xuất ngoại du học đều phải trả 5.000 quan. Đây là số tiền sẽ được dùng vào phí tổn lo cho việc du học trước khi bệnh viện có thể nộp đơn đơn xin giấy thông hành cho họ. Mục đích chính của sắc lệnh được ban hành là để ngăn cấm bác sĩ xuất ngoại. Và rồi khi thấy nhiều người có thể vay mượn hoặc xin xỏ để có đủ số tiền đòi hỏi thì chính người ban lệnh lại khám phá ra rằng bán giấy thông hành là một việc làm ăn rất khá. Họ quyết định nâng cao giá cả và còn mở rộng thị trường chẳng chỉ cho bác sĩ mà còn cho bất kỳ ai muốn xuất ngoại cũng đều có thể mua giấy thông hành cả.

Đã đành rằng cải cách sẽ giải phóng chế độ nhưng nếu không có luật lệ chung để áp dụng lẽ công bằng cho tất cả, nếu không có phương pháp để thực thi sự công bằng thì tất cả những cán bộ đứng đầu các đội làm việc đều có thể là một ông vua. Thực sự thì ngay cả những nhân viên cấp thấp nhất cũng có thể là một ông quan. Một người thư ký có thể tự quyết định liệu có nên giúp những người đến văn phòng hay không. Anh ta có thể tùy ý quyết định mà không sợ thiệt hại quyền lợi gì cả. Chẳng ai có thể đuổi anh ta. Bất kể tinh thần làm việc của anh có thể nào đi chẳng nữa thì chính phủ vẫn trả lương cho anh như thế. Chính phủ cũng trả lương cho người đàn bà lao công quét hành lang hết như đã trả cho người thư ký. Bà ta có thể tự quyết định tùy hứng liệu có nên quét hay không. Một trong những vấn đề sinh hoạt điển hình của họ là: Người thư ký có thể nói rằng đòi giấy người quét hành lang

muốn mua đã bán hết mặc dù những đôi giày đó anh đã dấu qua loa ngay phía dưới chân bàn. Chiều đó, người quét hành lang đổ rác ngay trước cửa văn phòng của người thư ký. Xã hội Trung Hoa lúc này là thế.

Lỗi của ai? Vừa chẳng phải của riêng ai mà cũng vừa là của tất cả.

Không có luật lệ thì quyền hành định đoạt tất cả. Thế thì ai là người có nhiều quyền hành nhất? Đảng. Và làm cách nào để có thể có ảnh hưởng với các đảng viên? Bằng cách móc nối. Nếu một bác sĩ không biết cách móc nối sẽ phải trả 5.000 quan trong khi một bác sĩ biết cách móc nối sẽ không phải tốn một xu.

Tôi biết một người biết lợi dụng những luật tiểu thương của nhà nước và mở một cơ xưởng làm máy hát, radio hết sức tốt và kiếm được tiền. Rồi có những cán bộ của thành phố đã xin phần. Anh ta từ chối. Những người cán bộ bèn nâng thuế lên cao đến mức công ty của anh ta phải phá sản vì thuế cao.

Tôi biết một người khác định mở một tiệm sách. Rồi thì có một cán bộ ở xưởng điện tới dọa, anh ta nếu không chi tiền thì sẽ bị phạt vì tội mắc dây không đúng tiêu chuẩn. Rồi một cán bộ khác ở công ty nước đến đòi hỏi y như thế rồi một cán bộ khác ở hãng ga cũng đòi hỏi y hệt. Cứ hết cán bộ nọ lại đến cán bộ kia. Sau khi trả hết những món tiền đòi hỏi, anh chẳng còn đủ tiền để mua sách nữa.

Mặt khác tôi cũng biết rất nhiều con cái của các cán bộ chỉ cần bỏ tiền để mua lấy một bộ âu phục, chiếc cà vạt và một cái cặp táp đủ để đựng đầy những thẻ điện thoại của bố mình. Họ chỉ cần đổi những thẻ này cho những ai đang cần móc nối để lấy những khoản tiền khổng lồ. Chẳng trách nào mọi người đều cho rằng tất cả những người giàu có đều là những người nếu không có nhiều móc nối thì cũng là ăn cướp. Ngay cả những khi luật pháp đang được thực thi mà phương pháp thực thi cũng không công bằng. Mới đây một người làm việc ở khách sạn vừa nói bị xử tử hình vì tội ăn trộm của người ngoại quốc. Nếu tội ăn trộm là tội trộm của người Trung Hoa thì án nặng nhất cũng chỉ bị đến 10 năm tù. Hơn nữa, còn nhiều kẻ khác cũng làm việc ở khách sạn mang tội ăn cắp rành rành mà vẫn chẳng bị hình phạt gì cả.

Bị bắt và bị trừng phạt chẳng qua chỉ là vấn đề may mắn hoặc thời gian. Rất nhiều người vui lòng chọn con đường phạm pháp và cam chịu tù tội nếu bị bắt vì chẳng có con đường hợp pháp nào cho phép họ tiến thân. Và khi đã tìm được một kẽ hở của cơ hội thì dù cơ hội đó có bất hợp pháp họ cũng sẵn sàng tóm lấy. Rồi thì có nhiều người phạm pháp đến độ người ta quên cả những chuyện họ làm đã có lần được coi như những chuyện bất hợp pháp. Ngày nay những người không biết lợi dụng đường dây bất hợp pháp bị coi như những người phải chịu thiệt thòi vì ngu dại.

Cũng có vài lãnh tụ bảo rằng Trung Hoa chẳng thể làm tất cả mọi việc trong cùng một lúc. Tôi hỏi rằng tại sao chính phủ không thể cải tổ luật pháp bằng cách thẳng tay áp dụng luật lệ, dù chỉ là một đạo luật thôi. Sau khi đã ấn định rõ một đạo luật cho thật hẳn hoi, chính phủ sẽ phạt tất cả những người

vi phạm luật lệ bất kể phạm nhân là ai hoặc quen biết ai. Đây cũng là một phương pháp để phục hồi lòng tin của dân chúng. Thay vì cho ra những luật lệ mới trong khi có cả hàng ngàn người đang tìm cách vượt qua những luật lệ cũ.

Đó là lý do tại sao chính phủ chẳng thể áp dụng cải cách nếu không có luật lệ nghiêm túc. Ai sẽ là người tình nguyện vào cuộc khi những luật lệ hoàn toàn do những cấp lãnh đạo tùy hứng ban ra? Bởi thế chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi đã có cải cách mà sự than phiền vẫn lũ lượt chất đồng chẳng khác gì những đồng củi. Và quả thật chỉ cần một đốm lửa nhỏ châm mỗi thì chắc chắn những đồng củi đó sẽ biến thành biển lửa đốt rụi tất cả.

Có lần tôi hỏi anh bạn nếu giới lãnh đạo Trung hoa hỏi ý kiến anh thì anh sẽ cho ý kiến ra sao? Anh trả lời tôi bằng cách kể cho tôi nghe một câu chuyện như sau:

Thời cổ khi chưa ai tin vào chính phủ, có một vị quan đề nghị cách hồi phục lòng tin. Ông đứng ra trước công chúng tuyên bố rằng bất kỳ ai là người đầu tiên mang cây gậy từ cổng thành này đến một cổng thành khác sẽ được thưởng 10 lượng vàng. Mọi người đều cười. Vấn đề này quá dễ. Ai cũng có thể làm được và vì thế chẳng ai làm. Và phần thưởng treo không có người lãnh.

Cuối cùng có một người chất phác làm theo lời yết thị. Anh ta lãnh được phần thưởng trước sự kinh ngạc của những người khác. Nhà chức trách đã thưởng anh như lời đã hứa. Từ đó trở đi tất cả các lệnh của chính phủ đều được áp dụng công bằng và chính vì thế được tuân hành.

Lúc anh bạn tôi kể chuyện câu chuyện nghe có vẻ hơi quen quen, nhưng trước khi tôi có dịp nhớ lại thì anh đã chuyển qua đề tài khác. Lúc này, khi ngồi viết tôi mới nhớ ra người mà anh nói đến là Thương Ưởng, một chính khách sống vào thế kỷ thứ tư trước Tây Lịch trong thời Chiến Quốc. Tuy câu chuyện của bạn tôi hoàn toàn có thực, câu chuyện đó không phải là một câu chuyện có hậu. Sử chép rằng tuy Thương Ưởng áp dụng luật pháp thật công bằng, những đạo luật ông đề ra thường rất hà khắc. Hơn nữa, người áp dụng luật pháp thường là lính mật thám của Thương Ưởng.

Về sau, trong nhiều cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi với nhau, anh bạn hoạt náo viên có nói chuyện anh đang phân vân chưa quyết định được liệu có nên mua một căn nhà đang được quảng cáo bán hay không. Căn nhà này đã cũ, không mấy rộng và cần phải sửa sang lại rất nhiều, nhưng lại có một cái sân sau anh rất thích. Tuy căn nhà chẳng có máy sưởi và không có hệ thống ống cống, nhưng anh đã từng chịu đựng nhiều cảnh khó khăn hơn thế nhiều. Giá bán cũng cao nhưng theo giá lạm phát của thị trường thì giá chỉ có thể tăng chứ không thể giảm.

Tuy thế, cứ mỗi lần sắp sửa quyết định thì anh lại ngập ngừng. Điều làm anh khó nghĩ nhất mỗi khi mua nhà cũng chính là điều làm anh khó nghĩ nhất về vấn đề pháp luật và chính phủ ở Trung Hoa. Liệu những luật lệ cho phép người dân có quyền tư hữu đang thi hành lúc này có thực sự bền vững hay chẳng? Hôm nay người ta có quyền mua nhà để làm chủ trong vòng 50

năm nhưng còn ngày mai thì sao? Có thể năm tới số lượng năm giảm đi chỉ còn 25. Và rồi năm sau đó? Chẳng ai có thể tiên đoán trước. Anh ta phân vân giữa sự hấp dẫn của khu vườn sau trong căn nhà và những chiếc bẫy ngầm bất định mà anh chưa thấy. Cuối cùng có một người khác cũng định mua căn nhà và anh bị buộc phải quyết định mua trước.

Tôi trở lại Hoa Kỳ được khoảng độ một tuần thì được tin người bạn hoạt náo viên không còn ở Trung Hoa nữa. Anh đã trốn ra ngoại quốc. Thời gian anh ở căn nhà anh mua tính cho tới lúc đó thì vừa được đúng một năm.

NGƯỜI HOẠT NÁO VIÊN
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

NHỮNG BỨC CHÂN DUNG

T HỨ BA, NGÀY 23 THÁNG 5, 1989..., BA NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÔNG HỀ CÓ SỰ LIÊN HỆ RÕ RỆT NÀO VỚI ĐOÀN THỂ SINH VIÊN NÉM SÒN VÀO CHÂN DUNG CỦA MAO TRẠCH ĐÔNG TREO TRÊN THIÊN AN MÔN Ở CÔNG TRƯỜNG THIÊN AN. SINH VIÊN BẮT ĐƯỢC NHỮNG NGƯỜI NÉM SÒN.

Sau khi bà ngoại tôi mất được một khoảng thời gian khá lâu, bà cụ thân tôi nhận được một lời yêu cầu của các họ hàng ở Thượng Hải yêu cầu bà, với tư cách là chị cả đứng ra để chia gia sản của gia đình bên ngoại. Bà thân tôi trả lời ngay. Bà quyết định rằng tất cả tài sản của ông ngoại phải được chia đều ra cho mọi người ngoại trừ một thứ duy nhất. Bà thân tôi chỉ xin một bức họa đồ mà thôi.

Bức họa đồ bà thân tôi xin là tác phẩm của một họa sư vẽ hình một người ngoại tổ của tôi. Người ngoại tổ trong bức họa là một người thầy lang sống vào đời nhà Minh. Câu chuyện của ngoại tổ tôi là một câu chuyện truyền khẩu của gia tộc trải qua đã nhiều thế hệ:

Một sáng nhiều sương ông thầy thuốc họ Phương đang đi dạo một mình vào một chỗ rừng núi khá xa nhà. Ông vừa đi vừa thưởng thức khung cảnh tĩnh mịch của núi đồi, chốc chốc lại ngừng để hái nấm và những loại cây hiếm. Tuy chân ông vẫn bước thật đều, chính ông cũng không biết con đường trước mặt sẽ đưa ông tới đâu. Ông chỉ nhờ vào trực giác để định hướng.

Bỗng ông nghe một tiếng kêu mơ hồ thoảng qua nhẹ đến độ ông lầm tưởng rằng ông đang nghe nhịp tim mình đập. Rồi sau đó tiếng động lại khiến ông cho rằng đấy là tiếng kêu của một con cừu đang ăn cỏ trong một thung lũng kín khuất nào đó. Cuối cùng ông nhận ra có tiếng người gọi tên ông. Ông tự hỏi chẳng hiểu ai. Chính ông cũng chưa biết được là mình sẽ đến đây cơ mà.

Rồi vì tò mò, ông trèo lên một tảng đá và lên tiếng trả lời: “*Đấy, Tôi đây.*”

Ông đợi. Cuối cùng một đứa bé lạ mặt chạy đến nắm lấy tay áo ông kéo rít đi miệng vừa thở, vừa hối thúc: *"Xin ông đi ngay, đi ngay cho kẻo quá trễ."*

Giọng điệu giục dã khẩn cấp khiến ông quên cả hỏi. Tuy lúc đó ông đã ngoài bảy mươi và chẳng hiểu sao chân ông lại mau mắn lạ thường. Thế là cả ông già lẫn đứa bé đều hối hả vượt qua hết cây thông này đến cây thông khác, hết tảng đá này đến tảng đá khác cho đến khi tìm được mục tiêu cuối cùng: một căn lều sơ sài dựng trên những mẩu đá chênh vênh. Cạnh căn lều có một bậc thang nhỏ bằng đá dẫn đến một con suối nhỏ trong suốt.

Bên trong bố đứa bé đang bệnh nặng và sắp trút hơi thở cuối cùng.

Thầy thuốc vội lục túi lấy ra những lá thuốc vừa mới hái để nấu thuốc cho người bệnh và kiên nhẫn đổ từng muỗng thuốc vào cổ bệnh nhân. Sau đó, ông bình tĩnh đợi cho thuốc đẩy lui cơn bệnh.

Khi hơi thở đã dần điều hòa và bệnh nhân đã yên giấc, thầy thuốc mới bắt đầu tìm hiểu đầu đuôi câu chuyện lạ lùng. Ông nhẹ cầm tay đứa bé hỏi: *"Làm sao cháu biết tìm để gọi ta khi chính ta cũng không biết là mình đang ở đâu?"* Đứa bé mỉm cười. *"Tối qua khi cháu đang nằm trên giường với bố cháu thì có hai người đàn ông lạ mặt thình lình xuất hiện. Từ trước đến nay cháu chưa bao giờ thấy họ. Mặt họ trông trắng bạch chẳng khác nào ma quỷ. Quần áo họ phát phơ như bay trong không khí. Họ cứ cãi nhau như thể không trông thấy hai bố con cháu. Người đàn ông lớn, mập cứ một mực đòi ở lại. Ông thét lên rằng họ chẳng thể đi mà không đợi bệnh nhân trút hơi thở cuối. Người đàn ông cao gầy cứ một mực đòi đi. Ông hô hoán rằng họ phải lên đường trước khi người thầy thuốc họ Phương lên núi sáng đó. Hai người cãi nhau cho đến lúc rạng đông rồi thì người cao gầy kéo sệch người bạn lên đường. Họ vừa mới đi thì cháu chạy ra tìm ông."*

Câu chuyện của ngoại tổ đã gần gũi với tôi đến độ tôi tưởng như tôi có thể thấy ông. Và tôi thì cứ ngày đêm mong đợi chờ ngày bức họa đồ được gửi đến.

Bà thân tôi chẳng bao giờ nhận được bức họa đồ. Bà nhất định không nhắc nhở gì đến yêu cầu của mình một lần thứ hai nào. Bà thân tôi hành động thật chẳng khác nào một bà hoàng cao quý: Ra lệnh mà lại chẳng đoái hoài gì đến việc liệu luật lệ mình đưa ra có được áp dụng hay không?

Tôi thì không có được tính tình độ lượng và cao quý như bà thân tôi. Vào mùa thu 1973, khi đến Thượng Hải, tôi cố điều tra tông tích bức họa. Lúc hiểu rõ được nội tình, tôi cũng đồng ý với những người trong họ là nên giải quyết vấn đề yêu cầu của bà thân tôi như họ đã giải quyết. Thà rằng cứ để cho bà thân tôi nghĩ rằng một trong những người chị em bà đã cố tình giữ lại bức họa làm của riêng còn hơn cho bà biết rõ sự thật. Một người hồn nhiên như bà thân tôi có lẽ sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi tại sao những đứa bé tay mang băng đỏ, cầm bích chương hô hào lại có thể lục soát nhà người khác và đốt đi một bức họa chẳng mang mục đích gì khác hơn là giữ lại hình ảnh của một ông cố đối với con cháu.

Khi chuyến thăm viếng Trung Hoa lần đầu chấm dứt, vừa về Hoa Kỳ tôi đã gửi ngay tấm hình bà nội cho Cô Má. Tôi vội vã đến độ không gửi nổi thêm bất cứ thứ gì khác, dù chỉ là một vài hàng nguệch ngoạc về cuộc xum họp của hai chúng tôi. Tuy thế, tôi biết Cô Má sẽ tha thứ cho tôi. Vì ngày tôi đến thăm mộ ông bà nội, Cô Má đã cùng đi với tôi. Chuyến đi đó tôi vẫn còn nhớ như in.

Ở nghĩa trang, với những cây khô trụi lá rải rác gần nơi chôn cất ông nội, vết tích tàn phá của vệ binh đỏ thật là rõ rệt. Chúng tôi chia nhau tản ra quanh đó cố tìm đích thực chỗ chôn cất ông nội quanh những miếng đá của mộ bia bị đập nát vẫn còn rải rác. Trông chỗ chôn cất ông nội thật chẳng khác nào một chỗ vừa bị động đất chứ không phải là ngôi mộ của một người đã an nghỉ. Cuối cùng một người chị họ của tôi cất tiếng reo; cô ta đã tìm được nơi chôn cất ông nội. Tất cả chúng tôi đều chạy vội về hướng người chị họ, bu quanh chỗ chôn cất ông nội. Vết dấu mộ tuy trông đã hoang lạnh từ lâu nhưng còn rõ nét.

Tôi nhìn quanh và thấy chung quanh chỗ chiếc mộ mất bia bị san bằng cỏ dại mọc đầy. Tôi nghĩ đến ông thân và nhớ đến mỗi sáng tôi thức dậy nhìn thấy ông ngồi cạnh giường, tay cầm thư, mặt đầm nước mắt. Trước đây tôi chưa bao giờ thấy ông thân khóc. Tôi tự bảo mình, phải tìm cho bằng được thi thể của ông nội cho ông thân. Phải tìm cho bằng được. Trong khi mọi người có lẽ sống sờ vì hành động khác thường của tôi đều đứng lặng yên bất động. Tôi ngồi thụp xuống ngay giữa vùng đất lạnh giá, hai tay ra sức xới chẳng khác nào người điên, cố tìm lại dấu vết đích thực nơi ông nội được chôn cất. Những người khác cố đỡ tôi đứng lên nhưng tôi trần mình khỏi tay họ và cuối cùng chẳng làm gì khác hơn được, họ đành ngồi xuống đào xới giúp tôi.

Mặt đất cằn thật cứng, cứng như những trái tim của những người đã nhấn tâm cắt đứt sợi dây liên lạc thiêng liêng giữa những người con cháu như chúng tôi với tổ tiên. Có lẽ tôi đã ngồi xới đất khá lâu vì khi chúng tôi rời nghĩa địa tôi thấy mình thở hổn hển. Tay tôi vừa nhức, vừa đầy vết xước.

Khi chúng tôi ngồi ở phòng trước gần Nhà Táng Nhân Dân, tôi cảm thấy thật ngỡ ngàng vì những cử chỉ khác thường của mình lúc ngoài nghĩa trang và rồi bỗng nhiên tôi cảm thấy chóng mặt. Tôi vừa rút tay vào sâu trong chiếc áo choàng, vừa mắng thầm sự kiêu hãnh không đâu của mình khi không chịu mặc chiếc quần dài nặng nề mà người Trung Hoa vẫn mặc gần như suốt năm. Làm sao mà hơi lạnh bên trong lại có thể lạnh hơn bên ngoài? Bất chợt tôi nghĩ đến việc chạy cho người bớt lạnh. Tuy nhiên sự khôn ngoan khiến tôi kềm hãm được ý tưởng điên cuồng đó. Người Trung Hoa cho rằng đi nhanh cũng là không đúng phong cách. Vấn đề chạy chung quanh văn phòng như bắn dưng lên do ảnh hưởng chủ thuyết thực tế của Mao Trạch Đông khi trước vào lúc này có lẽ sẽ bị coi là mọi rợ. Hơn nữa, chạy bộ cũng chẳng phải là điều tôi có thể chọn lựa. Lúc đó chân tôi đã tê cứng vì lạnh. Thật ra, phương pháp hay nhất đối với tôi lúc đó là cứ ngồi yên bất động, vì chỉ cần một cử động nhẹ có lẽ cũng đủ để cho những ngón chân hủ hóa, tiểu tư sản của tôi gãy đôi chẳng khác nào những mảnh đá vụn.

Chúng tôi ngồi thật ngay ngắn. Ngoại trừ những tiếng những hàm răng đánh vào nhau nghe cầm cập chẳng còn bất kỳ âm thanh nào khác. Bầu không khí thật là trang nghiêm. Chúng tôi ngồi theo thứ tự tuổi tác từ già đến trẻ. Tất cả các ghế ngồi đều được sắp thành hàng dọc theo bức tường.

Cuối cùng người trực nhà táng trở ra. Trong tay anh ta cầm một chiếc hộp chỉ lớn hơn hộp xì gà một chút. Tôi đã mua chiếc hộp trong một tiệm bán đồ cổ của địa phương hôm trước. Trong vòng một giây tôi nhìn sững vào chiếc hộp. Chiếc hộp trông nhỏ bé làm sao! Miếng gỗ bên ngoài trông thật tầm thường. Lớp sơn phía ngoài loang lổ. Làm sao chiếc hộp lại có thể bé đến thế?

Bỗng có ai đó thúc nhẹ cùi chỏ nhắc nhở tôi. Tôi vội đứng lên, vái chiếc hộp rồi đưa hai tay trịnh trọng nhận lấy chiếc hộp. Chiếc hộp nhẹ hẫng.

Nỗi buồn bã ập ủ từ lâu bỗng tràn ngập hồn tôi và tôi không thể nào cầm được nước mắt, tệ hơn nữa là những giọt nước mắt này lại chẳng nhỏ cho người khác mà nhỏ cho tôi: Một kẻ không may chẳng có ông bà nội để chung vui trong mỗi dịp vui hoặc an ủi vỗ về mỗi khi buồn bã. Giờ đây cả hai đều không còn nữa. Hình bóng của ông bà nội chỉ còn là một dùm ký ức mù mờ và lẫn lộn đến độ tôi chẳng còn phân biệt được phần ký ức nào là phần ký ức của chính tôi và phần ký ức nào là phần ký ức do những người khác kể lại. Tôi chẳng còn nhớ gì về bà nội. Chắc chắn là tôi đã gặp bà nội ít ra là một hai lần. Có lẽ ký ức của tôi về bà nội đã bị những ký ức sống động của ông thân và của em tôi về bà nội đẩy chìm vào quên lãng. Nhưng dù có là vì lý do gì đó thì tôi cũng chỉ biết đến ông bà nội như một thứ kỷ niệm dây leo trong tâm khảm của những người khác.

Tôi cũng chẳng rõ mình đã ngồi cầm bình đựng cốt của bà nội bao lâu trước khi để ý đến khe hở nhỏ bên hông chiếc hộp đen thanh bạch đó. Rõ ràng là mục đích của kẻ hở là chỗ để giữ di ảnh của người quá cố.

Bỗng nhiên tôi lên giọng vấn tội người cai mộ. *“Thế tấm ảnh bà nội tôi anh để đâu?”*

“Thưa bà, từ khi đưa hộp hài cốt đến đây, tôi nào có nhận được tấm ảnh nào!”

Tôi quay lại vấn tội họ hàng: *“Tại sao không ai đưa hình bà nội cho họ cả? Bà nội có biết bao nhiêu là hình. Chính mắt tôi đã được xem rất nhiều hình chụp của bà nội rồi mà.”*

Tự nhiên bầu không khí im lặng trở thành khó chịu và rồi có tiếng bước chân của người cai mộ vội vã ra khỏi phòng.

Tôi bóp mạnh vào chiếc hộp để dần cơn giận. Bầu không khí khó chịu vẫn tiếp tục thêm một giây nữa rồi tất cả họ hàng, cô chú tôi đều cùng lên tiếng một lượt.

“Cháu không hiểu”

“Đâu phải lỗi do các cô, các em, các chú.”

“Cháu nghĩ là không ai để ý gì đến bà nội sao?”

“Khi ông thân cháu sang Mỹ ông đã gửi gắm bà nội cho chị. Khi em cô sang Mỹ xum họp thì chỉ còn chị nhận lãnh trách nhiệm một mình.”

“Bà nội cũng là bà của chị mà.”

Tôi xin lỗi. Tất cả họ hàng đều tha thứ ngay. Họ bảo phản ứng của tôi chẳng qua cũng chỉ là một phản ứng rất tự nhiên.

Tôi tránh không đưa đầu óc trôi theo cảm xúc bằng cách hỏi rằng có ai ở bên cạnh bà nội lúc bà trút hơi thở cuối hay không? Hết người này đến người khác thay phiên trả lời.

“Không,” một người chị họ trạc tuổi tôi trả lời. *“Lúc đó chị đang ở Liêu Ninh.”*

Chú tôi nói: *“Không, lúc đó chú đang bị bắt lao động ở trại.”*

Cô tôi nói: *“Không lúc đó dì đang bị giam trong phòng đựng chổi trong trường.”*

Một người em họ trẻ tuổi hơn tôi đồng dạng trả lời: *“Sáng mùa hè năm đó, lúc bà nội qua đời thì em có ở bên cạnh bà nội. Xin chị cứ yên tâm, em đã làm đủ lễ cho cụ. Em thay quần áo cho cụ, tắm rửa, quần chân, chải tóc cho cụ và trông xác cụ suốt đêm hôm đó.”*

Tôi đứng lặng không nói nên lời. Người em họ tôi cho đến giờ này má cũng chỉ vừa mới mất lớp da của những đứa bé vừa lớn. Làm sao cậu ta có thể làm những việc vừa kể cả những năm năm trước đây?

Nếu chính tôi phải làm việc đó thì sao? Nếu chính tôi phải làm các thủ tục khâm liệm cho bà cụ thì sao? Ngay cả khi tự hỏi mình câu hỏi đó tôi cũng đã biết rõ câu trả lời. Tôi không thể nào chu toàn được cho bà ngoại như cậu em tôi. Sự hèn nhát, khiếp nhược sẽ đánh tan lòng hiếu thảo của tôi. Tôi chẳng tài nào có thể dám đụng vào thi thể của bà nội. Tôi chẳng tài nào có thể giữ được bình tĩnh. Tôi chẳng tài nào có thể đứng canh bà nội suốt đêm. Nếu là tôi chắc chắn tôi đã trốn chạy.

Khi quay về nguyên quán của tổ tiên, tôi cố mong mỏi sao cho tôi có thể vẫn vừa là tôi, vừa giữ được những cái tôi đã bỏ lại khi rời Trung Hoa. Giờ đây tôi đã nhận ra những gì tôi đánh mất. Trong tôi không còn những tiềm lực giòng tộc mạnh mẽ như những người họ hàng khác nữa. Tôi thấy rằng tôi đã trở thành một con người hoàn toàn khác hẳn. Tôi chẳng còn là người Trung Hoa nữa.

Tôi muốn hỏi làm sao họ có thể học hỏi để có được những tình cảm mạnh

mẽ về giòng tộc như thế, nhưng câu trả lời của họ có lẽ thừa vì trong thâm tâm tôi đã biết rõ câu trả lời. Và tôi cũng biết rằng họ đã phải trả giá quá cao trong cuộc sống để có được những đức tính như thế. Bất kể là thành quả có rực rỡ đến đâu đi nữa thì ngay cả những người Trung Hoa không hiểu biết gì nhiều về những tiêu chuẩn sống của người Hoa Kỳ cũng chẳng chịu trả một cách dễ dàng. Và chính tôi là người đầu tiên chẳng thể trả được cái giá đó.

Chính vì thế nên thay vì hỏi câu hỏi chính, tôi hỏi một câu hỏi khác: *“Làm sao cậu biết phải làm thủ tục khâm liệm thế nào?”* “*Bà nội có dặn em rất nhiều lần rồi.*”

Bà nội quả đúng là người đàn bà ông thân tôi vẫn thường hay kể: Lúc nào bà cũng tự phụ về tính hiếu thảo của những đứa con trai bà, những người đã biếu bà một chiếc áo quan bằng gỗ quý trạm trổ tuyệt đẹp ngày bà sáu mươi. Chính bà nội chỉ cách khâu sáu cái áo dài để mặc lúc bà qua đời. Chính bà nội đặt những chiếc áo đó bên cạnh những phần thưởng của ông thân tôi ở cuối chân giường bà. Bà nội còn cuộn cả những tờ tiền vàng để đốt lúc mai táng bà để trong cuộc sống kiếp sau bà sẽ không bao giờ phải ngửa tay xin tiền tiêu xài trong gia đình.

Bà nội sinh ở Ninh Ba. Năm bảy tuổi, chân bà nội bị bó để đi vừa những chiếc giày nhỏ còn hơn cả tay trẻ con. Năm 14 tuổi bà nội lấy ông nội, một người đàn ông chẳng có gì đặc biệt và cũng chẳng có tiền của gì, một người đàn ông mà bà chưa hề biết mặt. Cũng giống như những người đàn bà cùng thế hệ, bà nội đã được dạy chấp nhận số phận không một lời than van. Bà nấu nướng, khâu vá. Bà dọn dẹp nhà cửa và lúc nào cũng lo cho mọi vật trong nhà có thứ tự, gọn gàng ngăn nắp. Đây là một tính tốt của bà nội mà ông thân tôi được thừa hưởng nhưng tôi thì không. Bà nội đã chịu đựng sự thiếu thốn của chồng và sinh cho chồng được tám người con.

Ông thân tôi nghĩ rằng có thể bà nội còn sinh nhiều hơn nữa nhưng những người anh em ông đã chết trước lúc ông đủ lớn để nhớ hết; năm lên bảy tuổi, ông thân tôi đã biết rằng bất kể bà nội có bao nhiêu người con mất trước ngày ông sinh, thì đây cũng là điều mà không đứa trẻ Trung Hoa nào có quyền hỏi đến. Ông thân tôi còn nhớ rằng có lần chỉ trong một đêm bà nội đã mất đi cả ba người con cùng một lúc.

Câu chuyện thật là lạ lùng đối với một người không tin dị đoan như ông thân tôi. Năm đó, bệnh dịch hoành hành khắp nơi trong thành phố. Một đêm, ông thân tôi bỗng giật mình tỉnh giấc và nhìn thấy một cái bóng. Chiếc bóng đó dẫn ông thân tôi vào căn phòng nơi các em ông đang ngủ. Vừa vào phòng các em, ông thân tôi đã thấy cả bốn người em ông đều đang vật vã vì dịch sốt. Người nhà lập tức tìm cách cấp cứu, nhưng đã quá trễ. Cả ba người em ông đều chết, trừ người bé nhất. Về sau khi ông thân diễn tả lại diện mạo chiếc bóng, bà nội bảo chiếc bóng đó chính là nội tổ tôi.

Câu chuyện của ông thân tôi lúc nào cũng kết luận một cách lạc quan: *“Con biết không, sau lần đó, ngay cả một người nghiêm khắc như ông nội con mà cũng chẳng bao giờ nổi đánh chú út. Bà nội vẫn bảo bà đã cướp lại được mạng chú út*

vừa đúng từ tay tử thần.”

Còn bà nội thì vì chỉ quanh quẩn ở nhà nên chẳng cho chuyện ly kỳ đó có gì khác thường hơn là những vấn đề bình thường khác của con người. Bà nội không được đi học và ông nội chẳng bao giờ dạy bà chữ nghĩa gì cả. Bởi thế việc bà nội là người đầu tiên đưa ra ý kiến phải tìm cách cho em tôi sang Hoa Kỳ xum họp với gia đình đối với tôi vừa có lý mà cũng vừa vô lý.

Nếu bà nội không qua đời quá sớm như từ năm 1961 có lẽ chính bà cũng không ngần ngại nếu cần phải nói rõ với em tôi câu chuyện thực của gia đình. Có lẽ bà sẽ đích thân nói thực rằng dì A Di chẳng phải là mẹ ruột của cô. Và nếu em tôi không biết rõ câu chuyện thực như thế thì chẳng bao giờ cô lại có dịp để nghĩ đến chuyện xum họp.

Tôi hỏi: *Bà nội qua đời nhẹ nhàng chứ?*

Mọi người đều gật đầu ngay. Những cái gật đầu gần như quá cấp bách.

Trước khi tôi có dịp hỏi thêm thì người cai mộ đã trở lại để mang chiếc bình đựng cốt bà nội đi cất. Và rồi chiếc hộp đựng hài cốt nhỏ thó, nhẹ tênh lại được mang đi, để rồi lại được đặt vào một khoảng không gian bé nhỏ nào đó bên cạnh vô số những bình hài cốt khác trong nhà mồ.

Tự dưng tôi nói gần như thét với Cô Má rằng khi trở lại Hoa Kỳ tôi sẽ gửi cho Cô Má một bức ảnh của bà nội ngay lập tức.

“Gửi nhiều vào cho mọi người với! Chúng tôi chẳng ai còn giữ được ảnh cụ. Tất cả đều bị đốt cả rồi.”

Trên chuyến xe về Thiên Tân, người em họ kể cho tôi những ngày cuối khi bà nội qua đời. *“Vào lúc cuộc cách mạng văn hóa phát động thì cụ đã ốm liệt giường nhiều năm rồi. Đầu óc bà cụ đã bắt đầu lẫn. Cụ chẳng còn đủ tỉnh để phân biệt thời gian. Cụ cũng chẳng biết ngoại trừ em ra còn thì tất cả đều đã xa nhà hơn sáu tháng. Cụ chỉ còn nhớ đến mẹ chị mỗi lần cần thay băng quấn chân và rửa ráy. Từ trước đến nay cụ chưa cho ai nhìn thấy bàn chân méo mó vì bị bó từ bé của cụ ngoại trừ mẹ chị. Khi em nói dối cụ rằng mẹ chị có việc phải lên thành phố, cụ sai em đem tất cả mọi thứ cần thiết đến và rồi tự mình thay băng, rửa chân. Mỗi lần cụ thay băng chân phải mất đến cả hàng giờ mới xong.”*

“May thay đầu óc lẫn lộn của cụ khiến cụ qua đời thật nhẹ nhàng. Cụ tưởng nhóm vệ binh đỏ là bạn em, tưởng những phương pháp khủng bố của họ là những trò nghịch ngợm ngây thơ, tưởng ngọn lửa họ đốt những tấm áo của cụ là pháo. Khi bọn nữ vệ binh đỏ giật xòa bó tóc cụ vẫn giữ tròn đời chưa cắt và lúc nào cũng quấn quanh cổ, cụ cười. Tiếng cười của cụ làm bọn vệ binh đỏ kinh hãi. Bọn chúng bỏ đi vì cho là cụ điên.”

“Em cũng chẳng biết lúc đó mắt cụ có còn trông thấy gì nữa không vì chẳng thấy cụ nhắc em dọn dẹp những đồ đạc bữa bãi còn lại lúc đó sau khi bọn vệ binh đỏ bỏ đi. Tất cả những lọ hũ, cụ thường sắp thật thẳng và dùng cất tất cả những thứ lắm cảm, ngay cả đến những sợi dây cũng bị đập tan. Tất cả ngăn kéo trong

nhà đều bị lật úp và những vật bên trong đổ ra tung toé khắp nơi.”

“Lúc em mang cơm trưa cho cụ, cụ không ăn và bảo rằng cụ không đói. Rồi cụ lại nhắc thêm một lần nữa những việc em phải làm khi cụ qua đời. Cụ dặn đi, dặn lại mỗi việc rất nhiều lần. Trước khi thiếp đi vào giấc ngủ trưa, cụ luôn tay vào chỗ dấu ở dưới gối, rút quyển kinh của cụ ra và dặn: ‘Con phải nhớ gởi cho bà quyển kinh. Nhớ đừng quên con nhé.’”

“Cụ đi luôn trong giấc ngủ trưa đó.”

Trong toàn cõi Trung Hoa đã có biết bao nhiêu người không bao giờ được dịp nhìn mặt những người họ yêu mến hoặc những người họ đã được dạy phải quý mến? Trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa những sự sùng kính đó bị coi là phong kiến và chính vì thế nên tất cả những thế hệ đi trước đều bị sỉ nhục ngay trong một nền văn hóa đã tôn thờ họ, không phải tôn thờ như những vị thần mà tôn thờ như những tổ tiên đã tạo cho con cháu họ cả cốt nhục lẫn tâm hồn.

Ngay đêm rời Trung Hoa, một người bạn biết rõ tôi nhất quyết hiểu cho rõ thực chất của cuộc cách mạng văn hóa đã cho tôi thêm một món quà giã biệt khác. Món quà là một cái áo ka-ki cũ và chiếc mũ cô ta đội trong thập niên 60. Cổ áo và tay áo đã sờn, chiếc áo đã bạc phếch qua nhiều lần giặt. Hai tay áo và phần thân trước chiếc áo mang đầy những nút có sơn hình Mao Trạch Đông. Có đến cả trăm chiếc nút lớn, bé đủ cỡ khác nhau, không cái nào giống cái nào. Cái nào cũng vẽ hình Mao chủ tịch. Cái vẽ hình nghiêng, cái vẽ trực diện, cái vẽ bán thân, cái vẽ toàn thân, cái vẽ hình nghiêm trang, cái vẽ hình cười, cái vẽ cả mũ, cái vẽ đầu trần, cái vẽ ngồi, cái vẽ đứng, cái vẽ hình giơ tay, cái vẽ hình vẫy tay, cái vẽ hình vỗ tay, cái vẽ có cả chữ ký, cái vẽ có cả nơi sinh, cái vẽ bên đài tưởng niệm, cái vẽ bên mạn thuyền, cái vẽ bên nhà máy, cái vẽ bên quốc kỳ, nhưng tất cả đều chỉ có hình Mao đứng một mình và không còn ai khác.

Hiển nhiên là Mao chủ tịch muốn thay thế tất cả. –Thượng đế, tổ tiên, gia đình, bố, mẹ để ngự trị mãi mãi trong tim các “con cháu”. Mao Trạch Đông thất bại. Nhưng sự hiện diện của ông vẫn còn mang một điều bí ẩn nào đó; nó chính là di sản của Mao Trạch Đông đối với những thế hệ sau. Đêm đó, bức chân dung bị ném sơn trong ngày 23–5 được thay thế bằng một bức chân dung khác. Vào lúc rạng đông lại có một bức chân dung mới của Mao Trạch Đông nhìn xuống công trường Thiên An.

**NHỮNG BỨC CHÂN DUNG
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA**

NHỮNG CHUYỂN RA ĐI

T HỨ BA, NGÀY 30 THÁNG 5, NĂM 1989... ĐA SỐ SINH VIÊN ĐÃ RỜI

CÔNG TRƯỜNG THIÊN AN MÔN. NHỮNG NGƯỜI Ở LẠI KÉO MÀN ĐỂ CHO RA MẮT TƯỢNG “NỮ THẦN DÂN CHỦ.” CHÍNH QUYỀN TRUNG HOA TUYÊN BỐ TƯỢNG NỮ THẦN LÀ MỘT SỰ SỈ NHỤC ĐỐI VỚI QUỐC GIA.

Dì A Di là người em ruột duy nhất của mẹ tôi. Vậy mà tính tình tình hai chị em lại khác xa nhau.

Dì A Di rất sợ những sự liên hệ với người thân ở ngoại quốc. Năm 1973, khi tôi từ Hoa Kỳ trở về lần đầu dì đã tránh gặp tôi. Dì rời Thiên Tân đến thăm họ hàng ở Thượng Hải nhưng thời gian đó lại vô tình rơi đúng vào lúc tôi cũng đáp xe lửa đi Thượng Hải. Thế là dì A Di không còn đường lẫn tránh. Khi chính quyền địa phương đến báo tin dì đành phải theo họ ra bến xe. Vừa thấy dì tôi đã nhận ra ngay và chột rùng mình khi thấy tay dì cầm một quyển sổ đỏ nhỏ.

Trông thấy tôi, những sự dè dặt của dì A Di biến mất, dì ôm tôi khóc. Lúc ôm dì cảm giác của tôi thật chẳng khác gì ôm vào một chiếc bong bóng cao su khổng lồ. Người dì chỉ toàn là thịt, và gần như chẳng có xương. Tôi nói tôi rất mừng khi được gặp lại dì. Nghe xong, dì thở dài và lập tức cất ngay quyển sổ tay màu đỏ. Chính tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm. Quyển sổ đỏ không phải là quyển châm ngôn ghi những điều dạy bảo của Mao chủ tịch mà là một quyển tự điển Anh-Hoa để đề phòng trường hợp tôi không còn nói được tiếng Tàu.

Nhưng dì cũng chẳng giữ được phong thái tự nhiên như bình thường. Lúc cùng đi với tôi và viên chức trách, dì cứ hỏi liên miên không ngớt về bà thân tôi. Giọng dì vừa cao, vừa to chen lẫn với những câu bàn chẳng đâu ra đâu mỗi khi dì chột nhớ ngoài chúng tôi ra trong xe còn có người khác.

“Thế mẹ và bố con cùng ở thành phố à.”

“Không dì ạ, bố mẹ con ở ngoại ô cách New York chừng 15 phút lái xe.”

“Con xem đó, đường xá Trung Hoa sạch sẽ biết bao. Khắp toàn quốc giờ chẳng còn người ăn mày nào cả. Từ ngày giải phóng cho đến nay trẻ con thật chẳng còn biết chữ ăn mày có nghĩa gì nữa phải không đồng chí?”

“Ở Hoa Kỳ con có còn ăn thức ăn Trung Hoa không?”

“Có chứ dì, tụi con lúc nào cũng ăn các thức ăn thuần túy của Trung Hoa cả trăm phần trăm.”

“Con còn ăn dưa được chứ?”

“Dĩ nhiên rồi dì, dì không thấy con còn nói được cả tiếng Tàu sao? Thế thì việc ăn dưa nào có khó khăn gì?”

“Ừa nhờ Mao chủ tịch mà tất cả mọi người dân Trung Hoa đều được no đủ phải không đồng chí?”

Ngồi cạnh người dì, lòng tôi những muốn đồng ý với dì về tất cả mọi vấn

đề, nhưng hình ảnh của bà thân tôi với khoảng lông mày phía trái mắt như nheo lại cứ chập chờn trước mắt khiến tôi ngập ngừng. Thay vì đồng ý với dì, tôi lại kể chuyện em San San. Dì A Di chẳng còn biết tin gì thêm về em tôi trong suốt cả 11 năm trường, kể từ ngày em tôi đến Hoa Kỳ. Dì mở tròn mắt nghe chuyện trong khoảng thời gian xe đi qua vài dãy phố rồi hỏi một câu hỏi giọng đầy nghi ngờ rằng tại sao một cô gái do chính tay dì nuôi dưỡng đã lập gia đình trong suốt hai năm mà vẫn chưa có con?

“Em San San và chồng cô ta chỉ mới bắt đầu sự nghiệp, cháu chắc rồi họ cũng sẽ có con thôi dì ạ.” Vừa nói xong, tôi đã hối hận rằng mình lỡ miệng vì chắc chắn dì A Di sẽ kết luận rằng San San đã tính toán nhiều quá, đã quá Mỹ hóa. Quả nhiên sự dự đoán của tôi hoàn toàn không sai trệch. Mười phút sau đó, dì liên tục nhắc nhở tất cả những điều mà tôi thể sẽ phải nói lại với San San. Có lẽ dì sẽ còn lặp lại và nhấn mạnh thêm nhiều lần nữa nếu người cán bộ ngồi cạnh không hắt hơi khiến dì chuyển đề: *“Trước ngày giải phóng những dân nghèo thường phải bán con cho các địa chủ hoặc ném con xuống sông, nhưng ngày nay ở một nước Cộng Hòa Dân Chủ như Trung Hoa, họ đã được đối xử hết sức xứng đáng phải không đồng chí?”*

Lúc chuyển đi gần kết thúc, ngay cả viên công chức cán bộ cũng phải khó chịu vì những lời bình phẩm liên tục và không đầu vào đầu của dì A Di.

Buổi tiệc sinh nhật của tôi trôi qua đã khá lâu mà dì A Di vẫn còn ngượng. Hôm đó, khách đến dự toàn là những viên chức cao cấp. Đây là một cơ hội chưa từng có từ trước đến nay. Tôi đã thể rằng mình phải ăn mặc cho thật chỉnh tề, nói năng đúng cung cách giao tế của một nhân viên ngoại giao, tránh không dùng bất cứ danh từ bất nhã nào có thể ảnh hưởng đến những sự tế nhị ngoại giao của hai quốc gia lúc đó. Chẳng hạn như gọi một người đàn bà trẻ bằng “cô,” gọi hộp quẹt là “*cái bật lửa ngoại quốc*,” gọi chồng tôi là “*nhà tôi*” thay vì “*anh ấy*.” Nhưng điều quan trọng hơn cả là tôi thể sẽ giữ đúng phong cách của một bà đại sứ. Và thực sự thì tôi đang đóng tuồng nhân viên ngoại giao hết sức đúng với vai trò thì dì tôi, ngồi im lặng từ đầu buổi tiệc cho đến lúc đó, bỗng nhiên lên tiếng nói vọng sang bàn bên kia. *“Tôi ước gì tất cả các đồng chí được nhìn thấy cháu tôi ngày còn bé, mới chập chững biết ngồi bô miệng bi bô gọi tôi đến chùi dít cho cô ta.”*

Tôi ở lại Thượng Hải hai tuần, vào ngày tôi lên đường thì cả dì tôi lẫn tôi đều dường như trút được gánh nặng. Trong suốt thời gian tôi ở Thượng Hải, lúc nào tôi cũng nơm nớp lo mình lỡ lời và có ảnh hưởng không hay đến cuộc sống của một người có họ hàng sống ở Hoa Kỳ như dì tôi và riêng dì tôi thì lại sợ vẫn chưa nói đủ để chứng tỏ lòng trung thành của dì đối với Trung Hoa.

Sáu năm sau tôi lại có dịp đến thăm dì A Di một lần nữa. Lần này bà thân tôi cùng đi với tôi đến tận Hồng Kông để có thể đến gần dì A Di mà vẫn không bước vào vùng đất của Cộng Sản. Bà thân tôi tránh như thế là vì ông thân tôi vẫn còn làm việc cho Đài Loan. Bà thân tôi ở Hồng Kông để đợi tin tức của cả tôi lẫn dì tôi. Dì A Di viết rằng dì mắc bệnh, nhưng không viết rõ chi tiết cho chúng tôi. Tất cả chúng tôi đều đoán rằng có lẽ đây là một căn bệnh ngặt nghèo mà dì khó lòng qua khỏi. Tôi có nhiệm vụ phải xem cho rõ

xem dì có được chữa trị, thuốc thang đầy đủ hay không.

Vào năm 1979 ở Trung Hoa du khách không còn là một hiện tượng lạ và bầu không khí chính trị đã cởi mở hơn, bởi thế tôi được phép đến thăm họ hàng không phải có cán bộ đi theo hộ vệ. Tôi đến chỗ ở của dì A Di vào khoảng trưa. Nơi dì ở là một căn gác thuê ở lầu ba. Lần này, khi gặp nhau, chúng tôi ôm nhau trong yên lặng. Dì vội vã dắt tôi đến một chiếc bàn vuông, mặt bọc plastic. Trên mặt bàn đồ ăn trưa dì đã sửa soạn sẵn sàng. Dì vẫn nhớ tất cả những món tôi thích. Tôi khen dì nấu ngon. Dì cứ mãi tiếp thức ăn cho tôi. Tôi thấy câu chuyện hỏi han của tôi với dì thực khó bắt đầu. Dì cứ hỏi đi hỏi lại bà thân tôi có khoẻ không. Sau khi chúng tôi dùng bữa xong, tôi đánh bạo hỏi những gì tất cả chúng tôi cùng sợ hãi: *“Dì bệnh trạng ra sao hở dì?”*

Dì thở dài: *“Ung thư con à. Lạ lách của dì không còn nữa. Chẳng còn thuốc thang gì khiến dì khỏi được nữa đâu con!”*

Dì nhẹ chùi nước mắt tôi: *“Con đừng khóc. Mọi chuyện rồi cũng xong. Con đến được là dì vui lắm rồi. Và mừng hơn nữa là dì còn được biết cả mẹ con lúc này cũng ở biên giới và ở gần dì hơn, chứ không phải ở xa tít bên kia bờ đại dương. Trong suốt bao nhiêu năm trường dì nhớ mẹ con không biết đến đâu mà nói.”*

“Thế nào cũng phải có một cách chữa trị nào đó chứ dì?”

Dì lắc đầu: *“Đã đến lúc dì phải đi rồi con ạ. Từ ngày còn bé, dì đã biết mình không sống được quá 60.”*

“Làm sao dì biết trước được vậy dì?” Tôi hỏi.

Dì trả lời: *“Ngày dì mười tuổi thì cô em họ thân nhất của dì mất. Dì thường nằm mơ thấy mình đi theo cô ấy đến một chỗ lạ có hai chiếc cổng thật to. Đến đó thì cô ta bước vào trong nhưng khi dì tiến đến gần thì cánh cửa đóng lại và dì nghe một giọng nói bảo rằng chưa đến phiên dì được vào. Dì hỏi rằng lúc nào thì đến phiên dì. Giọng nói trả lời rằng dì sẽ được vào trước ngày dì sáu mươi.”*

Trong cơn khủng hoảng, dì A Di bình tĩnh thật chẳng khác nào bà thân tôi. Cho tới lúc đó, tôi vẫn còn để ý đến cung cách nói chuyện của mình cho đến độ quên cả những sự thay đổi trong cung cách nói chuyện của dì A Di. Dì không hề tỏ vẻ sốt ruột hoặc lo âu như lần gặp tôi trước đây. Trái lại, dì thật là bình tĩnh như thể dì đã sẵn sàng hành lý và lo toan mọi chuyện. Giờ đây, chỉ còn chờ đợi chuyển ra đi cuối cùng để gặp lại tất cả những họ hàng và bạn bè ở thế giới bên kia. Chấp nhận số phận không cần che dấu hoặc chiến đấu đã khiến dì không còn bận tâm gì đến những kẻ thù ở thế giới hiện tại.

Trong tuần lễ cuối cùng chúng tôi sống chung. Những ký ức của của dì về quãng đời ấu thơ khiến tôi ngạc nhiên. Dường như dì đang cố ôn lại cho rõ hơn những câu chuyện của những người đang ở bên kia thế giới. Dì cứ khẳng khẳng một mực kể rằng dì là đứa con yêu của ông ngoại chứ không phải bà thân tôi như nhiều người lầm tưởng. *“Trong khi cứng chiều dì thì ông ngoại lại nghiêm khắc với mẹ con. Ông ngoại sợ rằng vì là trưởng nữ, có thể mẹ con sẽ thừa*

hường cả những nét đẹp lẫn những đặc tính cứng cỏi của bà ngoại. Ngoài ra, ông ngoại còn cứng chiều dì hơn vì một lý do khác. Ngày sinh dì, ông ngoại đã xem tướng mệnh và biết rõ rằng đời dì về sau sẽ khổ.”

Đây là đề tài của những câu chuyện của tôi với dì A Di. Những phần Trung Hoa của con người tôi cảm thấy thật gần gũi với dì. Nhưng được một lúc thì những phần Hoa Kỳ của con người tôi lại chỗi dậy hỏi rằng vì đâu mà bất kể đề tài, chỉ cần nói chuyện bằng tiếng Trung Hoa tức là đã khơi ngay được những cảm giác đặc biệt. Phần Trung Hoa của con người tôi cũng đồng ý rằng nói tiếng Anh thật chẳng khác gì chơi quần vợt, nếu không tính điểm thì cuộc đấu hoàn toàn vô vị. Nói chuyện bằng tiếng Tàu thật chẳng khác gì đi câu: *Dẫu rằng chẳng bắt được con cá nào, người câu vẫn vui vì có dịp thả thuyền đi chung quanh hồ.*

Vì thế nên dì tôi và tôi cùng thả thuyền dọc theo những bờ biển sương mù của kỷ ức dì, những điều đáng kể trong các câu chuyện đó chẳng qua chỉ là một chiếc tách sứ, một cái khăn quàng hồng, một bài tập trường cho về nhà mà dì quên làm, một cuộc đi bộ của dì với ông ngoại dưới những bụi tre sau lúc trời mưa. Lúc tôi về, mặc dù mệt, dì vẫn một mực khẳng khẳng đòi tiền tôi xuống suốt ba tầng lầu và đưa tôi ra cổng. Chúng tôi ôm nhau lần cuối rồi dì mỉm cười, xua tay ra hiệu cho tôi lên đường. Khi quẹo qua khúc quanh ở một ngõ xa, tôi nhìn lại. Dì vẫn đứng đó yên lặng chẳng khác nào một đứa bé đang cố xem nốt những tia sáng cuối của mặt trời trước khi lên đường về nhà.

Nhà tôi xuất thân từ một gia đình với truyền thống lúc nào cũng sắp xếp hành lý sẵn để lên đường; trước khi chuyển đi kết thúc thì những sự sửa soạn cho chuyến đi sau đã bắt đầu. Hành lý chẳng những đã được sửa soạn bằng cách dán nhãn khác biệt cho riêng từng người mà còn được phân loại bằng màu cho dễ nhận. Ở nhà thì đồ đạc toàn những vật khác thường từ những làng mạc mang những địa danh thật là kỳ quặc và khó đọc. Tủ thì đầy những dụng cụ chụp hình từ những dụng cụ chụp những bức hình chụp phim phóng đại cho đến những dụng cụ chụp hình ba chiều. Những vật dụng đặc biệt dùng cho những người thám hiểm ở cả Bắc, Nam Cực lẫn các miền ở quanh đường Xích Đạo, thuốc để làm chậm, ngừng hoặc làm chóng tiêu hóa các thức ăn địa phương trước khi đưa vào dạ dày. Những dụng cụ cấp cứu mà trong trường hợp cần dùng thì phải có đủ cả bốn năm kiến thức ngành y mới mong tận dụng được và một món quà tặng không thể thiếu hoặc không thể vứt bỏ được mà nhà tôi đã mang về từ A-Phú-Hấn: Những tấm ra trải làm bằng lông thú ngâm nước đá ngựa cái lúc đang có mang.

Tôi sinh trưởng trong một gia đình có những quan niệm khác hẳn gia đình nhà tôi về vấn đề nghỉ mát. Ngày nghỉ đối với gia đình tôi có nghĩa là nhàn nhã ngồi thẳng trong bếp để nhàn đàm và thưởng thức hạt dưa bên những chén trà. Ông bà cụ thân và tôi thường ngồi đó từ điểm tâm cho đến khi mọi người ngáp ngắn, ngáp dài. Cuối cùng ông cụ thân tôi, một người từ trước đến nay vẫn xem trọng những thủ tục và nguyên tắc hợp lý sẽ gõ tay vào đồng hồ tuyên bố phiên họp trường kỳ tạm ngưng 10 phút, bà thân tôi dùng dằng đòi 20 phút và tôi thường thắng cuộc bằng cách lấy điểm trung bình của hai khoảng thời gian mà ông bà thân đã đưa ra. Và biết rằng chúng tôi vẫn còn

nhàn nhã được một khoảng thời gian ngắn nữa khi mọi người chờ phiên đánh răng.

Hẳn nhiên quan niệm của nhà tôi về vấn đề du lịch mâu thuẫn với tôi gần như hoàn toàn. Lúc nào nhà tôi cũng hối hả vì chuyện du lịch. Vì là đại sứ, lần nào nói chuyện ông cũng thích nói đến chuyện ông đã đi tất cả 26 vùng phố chính của Trung Hoa. Riêng tôi tuy là người thông dịch và cùng đi với ông qua tất cả các tỉnh, nhưng thật tình tôi cũng chẳng để ý nếu chẳng may mình có quên không nhắc đến vài tỉnh đã qua.

Phần Trung Hoa trong con người tôi tự hỏi chẳng hiểu vì sao người Hoa Kỳ lúc nào cũng phải chú ý đến thời gian và lúc nào cũng hăm hở tham gia các hoạt động đòi hỏi thể lực? Vì sao lúc nào họ cũng thay đổi ý kiến, công việc, nơi ăn chốn ở, người yêu; cho con cái ra khỏi nhà ngay vừa khi chúng nó mới có thể bắt đầu tự lập và cho bố mẹ ra khỏi nhà chỉ vì bố mẹ không còn đủ sức tự lập? Vì sao họ phải vật vã cả năm chỉ để trả tiền cho những chuyến đi bơi ở những vùng đầy cá mập hoặc những cuộc trượt tuyết từ những mỏm đá đóng băng qua những chỗ trơn tuột?

Chỉ có một cách giải thích: Người Hoa Kỳ là một chủng tộc bẩm sinh đã tự hoạch định trước những chương trình hoạt động cho cuộc sống tương lai. Số phận đã buộc không cho phép họ hưởng những êm ái của vật chất và những thiêng liêng của mái ấm gia đình. Bởi thế lúc nào họ cũng tự hỏi mình là ai? Họ không bao giờ có thể ngồi xuống suy ngẫm đủ lâu để trả lời thích đáng câu hỏi đó.

Phần Hoa Kỳ của con người tôi tự hỏi tại sao người Trung Hoa lại hài lòng về chỗ ngồi của mình, thư thả uống trà và gần như hoàn toàn thiếu những năng lực để đứng lên hoạt động. Vì sao họ cứ giữ mãi những truyền thống lâu đời, không chịu đánh liều để tìm những cơ hội mới, muốn được chết ở nguyên quán, sống chung với họ hàng và gia đình trong khung cảnh lúc nào cũng âm ỹ, nhộn nhịp? Vì sao họ làm việc suốt năm dành dụm chỉ để xin những bậc trưởng thượng cho phép họ làm gần như tất cả mọi thứ?

Chỉ có một cách để giải thích: Người Trung Hoa là một chủng tộc bẩm sinh nặng giòng máu truyền thống, không bao giờ có thể thưởng thức được những phần thưởng thực tế và những cảm giác đặc biệt khi phải tự quyết định theo ý mình. Bởi thế họ chẳng bao giờ để ý đến câu hỏi mình là ai? Họ đợi người khác trả lời.

Vào ngày 30 tháng 5, năm 1989, hai tuần sau khi Gorbachev đến viếng Trung Hoa, thời hạn ở Trung Hoa của tôi bắt đầu chấm dứt. Dan Rather và đa số những nhân viên làm việc cho hãng tin CBS đã rời Trung Hoa để theo dõi những tin tức khác đáng chú ý hơn. Gần như tất cả những người biểu tình đều đã mệt mỏi và cũng đều biết rằng giờ phút vàng son của mình đã qua. Họ sợ rằng sự hiện diện của họ trong thành phố sẽ có ảnh hưởng không hay đến những nguyên nhân của cuộc biểu tình và chính vì thế nên họ đã rời nơi tụ họp. Chỉ còn khoảng vài ngàn người đang tụ họp ở công trường. Và theo ý kiến chung của cả những người tham dự cuộc biểu tình lẫn những người bàng

quan đứng ngoài thì tất cả những sinh viên cuối cùng ở công trường cũng sắp sửa quay về đại học. Như thế câu chuyện ly kỳ của Trung Hoa vào mùa xuân 1989 đang đến hồi kết thúc.

Vì nghĩ rằng Trung Hoa đã tránh được cuộc đổ máu và cuộc khủng hoảng nhất thời đã bắt đầu được giải quyết, tôi sửa soạn hành lý để rời Trung Hoa. Tôi không còn những ảo ảnh về cuộc đấu tranh chính trị phía trong đảng bộ hoặc tin tưởng một cách hoang đường rằng tương lai trước mắt sẽ có phần dễ chịu hơn, nhưng tôi vẫn hy vọng. Tuy rằng những vấn đề sinh viên đòi hỏi đã được đáp ứng, tôi tin rằng vấn đề đó là một vấn đề đảng phải thực sự đặt ra để đối phó nếu không muốn để cho vấn đề đó ảnh hưởng đến Thiên Mệnh Lãnh Đạo. Những tiếng kêu gào trong công trường vắng sẽ còn vọng đi mãi mãi.

Trên đường đến phi trường, tôi thấy mình lại lặp lại những điều đã làm trong suốt thời gian tôi ở Trung Hoa. Tôi nhìn vào những đám đông cố tìm bóng dáng của một người đàn bà ngũ tuần, không cao, không thấp, không cứng rắn, không mảnh mai. Tôi cố tìm bóng dáng của tôi. Mỗi lần nhìn thấy bóng dáng đó, tôi sẽ đi theo để trở về nguyên quán. Dĩ nhiên tôi chẳng bao giờ tìm được. Tôi phải diễn tả sự hiện diện của mình bằng cách nào? Nếu tôi nói thật rằng tôi ở Trung Hoa chỉ để đáp ứng với những nhu cầu tâm lý lúc nào cũng đòi hỏi, để nhìn ở bóng dáng người tôi muốn tìm những khoảng đời mà tôi có thể đã sống – Có lẽ người đàn bà đó sẽ cho rằng đầu óc tôi chỉ toàn những chuyện mơ mộng hảo huyền.

Giả sử tôi không rời Trung Hoa vào lúc 8 tuổi thì tôi có vẫn là tôi không? Hẳn nhiên là không, nếu không có những phần Hoa Kỳ trong con người tôi thì chắc chắn con người tôi chẳng bao giờ hoàn toàn được. Sự hiện diện của phần Hoa Kỳ đó nếu bảo rằng tôi được may mắn gấp hai chỉ là một sự thật đơn giản. Có lẽ đó là lý do tại sao tôi không dám viết câu chuyện của tôi và Hoa Kỳ, ngoại trừ qua một quyển sách dành cho trẻ em. Vì rằng viết thế có thể làm mất tất cả uy tín của người viết lẫn câu chuyện. Thực ra thì câu chuyện Hoa Kỳ của tôi chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn mà ngay cả những người ngây thơ như Bạch Tuyết cũng khó lòng tin nổi. Tôi đến tỉnh Brooklyn vào một ngày chủ nhật hãy còn buồn ngủ và vào trường tiểu học vào một ngày thứ hai vừa mới hắt hơi thức giấc. Tôi vừa cảm thấy dốt nát, vừa cảm thấy xấu hổ vì không nói được một chữ tiếng Anh, nhưng may thay tôi lại luôn luôn được ở quanh những người vui lòng muốn dạy tôi. Và trong suốt khoảng thời gian tôi ở trường tiểu học, chưa ai nói đụng đến tôi bất cứ câu gì tương tự như *“Về đón tàu lại Trung Hoa đi em nhỏ. Ở Hoa Kỳ chỉ có người Hoa Kỳ bản xứ mới thành đạt được. Và em chẳng thể nào vươn lên được đâu!”*

Ngày đầu tiên vào trường, ông hiệu trưởng hỏi tôi: *“Em bao nhiêu tuổi?”*

Bà thân tôi dịch câu hỏi sang tiếng Trung Hoa. Tuy rằng mới chỉ tám tuổi, tôi giơ đủ cả 10 ngón tay. Những nhà khoa học xã hội giải thích rằng tôi làm thế vì người Trung Hoa vừa chào đời đã được kể là một tuổi. Và khi tròn năm đầu thì đứa bé được cho là hai tuổi. Phần tiểu thuyết gia của con người tôi giải thích rằng hành động đó có tính cách tiên tri, nếu không có phần đó thì câu chuyện sẽ thiếu ly kỳ và trở thành một bài tiểu luận.

Tôi là đứa bé thấp nhất trường trung học trong suốt cả 5 tỉnh. Chẳng ai cho đó là điều lạ. Người Tàu nào chẳng nhỏ con so với người Hoa Kỳ?

Ngày tôi còn ở Trung Học bà thân tôi đã kỳ vọng nơi tôi giấc mơ của một người Trung Hoa thành đạt trên đất Hoa Kỳ: Con cụ sẽ phải là một thứ “gia” nào đó. Hóa học gia, vật lý gia, sinh học gia... nói tóm lại là khoa học gia.

Ngày vào đại học đầu óc tôi đầy những hình ảnh mơ mộng về giải Nobel và tôi ghi tên học ngành Hóa. Trong phòng thí nghiệm tôi là một sinh viên làm thí nghiệm vụng về nhất. Chuyện này đối với tôi không thành vấn đề. Trong lớp học tôi là một sinh viên học kém nhất lớp. Chuyện này đối với tôi cũng không thành vấn đề. Tuy thế đây lại là những vấn đề tối quan trọng đối với ông khoa trưởng ngành Hóa. Ông ta cho tôi một cơ hội tôi khó thể chối từ: *“Tiếp tục học ngành Hóa để rớt hoặc chuyển ngành.”* Tôi chuyển sang học lịch sử.

Hẳn nhiên nếu ở bất kỳ quốc gia nào khác thì sự thất bại của tôi là khởi điểm của một cuộc đời chẳng có gì đáng hãnh diện. Nếu tôi không rời Trung Hoa, không nhảy hai lớp, không rớt ngành Hóa thì tôi đã chẳng có dịp để gặp chứ đừng nói đến chuyện lập gia đình với một sinh viên cùng học lớp kinh tế. Người sinh viên đó đã mang tặng tôi một bình đất đỏ của Trung Hoa khi vấn đề sang Trung Hoa còn khó hơn cả lên mặt trăng và rồi có dịp mang tôi sang tận Trung Hoa trong một chuyến đi dài suốt 42 tháng ở ngay giữa thủ đô Trung Hoa.

Có lẽ ông ngoại tôi sẽ kết luận những chuyện vừa kể hoàn toàn là do vấn đề số mệnh. Vì khi tôi chào đời, bà thân tôi nhờ ông ngoại xem tướng mệnh cho tôi. Ông ngoại xem rất kỹ đường chỉ tay của tôi, những khoảng cách giữa hai hàng lông mày chiều dài của mỗi trái tai, xem xoáy trên đầu tất cả những nét trên khuôn mặt tôi. Ông ngoại cũng xem những bức đồ hình phức tạp và các bản chiêm tinh, xem năm và giờ tôi sinh. Ông ngoại nói rằng giờ sinh của tôi là 3 giờ sáng, nhằm đúng năm Dần và giờ đó là giờ mà tinh Dần đang ở cao điểm. Hơn nữa, cả bà thân tôi cũng sinh vào năm Dần. Chẳng những thế, tôi còn sinh đúng vào ngày sinh nhật của ông thân và ông nội.

Cuối cùng sau khi đã xem kỹ tất cả, ông ngoại nói với bà thân tôi: *“Cô cả ạ, tôi chưa bao giờ thấy nhiều điểm may đến thế ở một đứa bé. Đứa bé sẽ sống một cuộc đời đầy đủ và tâm thần sung túc. Cô chẳng phải lo nghĩ gì cả. Đứa bé sẽ có một cuộc sống giàu sang.”*

Tôi chẳng còn nhớ gì về ông ngoại, nhưng những lời tiên tri của ông ngoại đã từng khuyến khích và là niềm an ủi cho tôi mỗi ngày. Ngay cả trong lúc khó khăn họa hoạn, tôi cũng thường phấn đấu và nhắc nhở để kêu gọi những vị thần số mệnh hãy nhớ lấy lời hứa. Tuy thế, có nhiều lúc tôi cũng bị ảnh hưởng của Lão Giáo mà cho rằng chẳng qua ông ngoại nói thể chỉ cốt làm vừa lòng trưởng nữ của ông. Và từ trước đến nay câu chuyện là thế.

Ngay cả lúc viết lại câu nói trên, tôi cũng cảm thấy khó chịu vì những phần

Trung Hoa của con người tôi vẫn còn quá mạnh mỗi khi nói đến chuyện bố báng thần thánh. Nhưng phần Hoa Kỳ của con người tôi lại khiến tôi không mấy e dè câu chuyện thần thánh. Có lẽ câu nói hay nhất là câu nói của Shirley Temple Wong, nhân vật chính trong chuyện trẻ em của tôi: *“Hoa Kỳ là một phép màu. Ở đây tôi cảm thấy mình khoẻ chẳng kém gì 10 con cọp. Ở đây tôi cảm thấy mình cao chẳng kém gì nữ thần tự do.”*

Tôi sắp sửa quay về Hoa Kỳ.

NHỮNG CHUYẾN RA ĐI
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

Số Mệnh

THỨ NĂM, NGÀY 1 THÁNG 7, NĂM 1989... SINH VIÊN TỔ CHỨC MỘT BUỔI LỄ KHÁC ĐỂ THAY THẾ NGÀY LỄ NHỊ ĐỒNG. BẦU KHÔNG KHÍ Ở THIÊN AN MÔN THẬT LÀ YÊN TĨNH. NHỮNG NHÂN VIÊN SỞ VỆ SINH ĐẾN THU DỌP NHỮNG VẬT BÙA BÃI. CÁC BẬC PHỤ HUYNH VẪN MANG CÁC CON EM HỌ ĐẾN CÔNG TRƯỜNG.

Cô em họ tôi và tôi đều cùng sinh vào năm 1938, nhằm vào năm Dần. Nếu vị quan giữ sổ hạ sanh của thiên đình không đọc nhầm tháng 9 thành tháng 10 và đẩy cô em họ của tôi vào đời sớm hơn thì có nhẽ chúng tôi đã có cùng ngày sinh nhật. Sự thực thì 25 năm sau vị quan đó đã cố sửa chữa sự sai lầm của mình lúc trước bằng cách cho 2 đứa con gái của hai gia đình chúng tôi cùng sinh vào ngày 24– 3. Nhưng lúc đó thì sự thể đã quá trễ. Sự lơ đãng của ông đã chuyển đổi số mệnh của cô em họ tôi hoàn toàn. Bố mẹ cô em họ tôi đặt tên cô là Tiểu Di có nghĩa là *“thay đổi chút ít.”*

Cứ mỗi khi phải trả lời các câu hỏi khó thể trả lời, tôi thường làm như những người Trung Hoa khác vẫn làm. Tôi đem vấn đề số mệnh làm câu an ủi. Có lẽ trời đất đã định trước tất cả những chuyện hạn vận của tất cả mọi người. Và có lẽ số phận của mỗi người hoàn toàn chẳng dính dáng gì đến những ý định hoặc sự xứng đáng của người đó trong đời sống. Kể từ ngày ấu thơ, em tôi cứ hết nhiệm quai bị lại bị đậu mùa trong khi tôi lại chẳng hề đau ốm gì cả. Biết đâu tôi đã lấy hết vận hên của những người thân nên lúc nào tôi cũng được hưởng được nhiều may mắn trong khi những người thân khác của tôi lại phải gặp nhiều rủi ro? Ý nghĩ này cứ ám ảnh tôi mãi.

Trong chuyến tản cư chạy Nhật năm 1944, gia đình tôi từ Thượng Hải xuôi qua Hồ Nam tới Quế Lâm và cuối cùng đến Trùng Khánh, thủ đô của Trung Hoa trong thời chiến. Ông thân tôi dự định ở luôn Trùng Khánh cho đến ngày cuộc chiến chấm dứt. Năm đó, tôi năm tuổi. Tôi ước rằng nhà tôi có một căn nhà với một khu vườn để trồng đậu. Nghe tôi ước, ông thân tôi mỉm

cười, nói nếu tôi ngoan thì điều ước của tôi sẽ biến thành sự thực. Ông vừa nói xong, tôi đã mặc cả thêm: Không phải nhà làm bằng đất bùn và rơm như những nhà khác mà là nhà gạch kìa! Ông thân tôi nhăn mày bảo rằng điều ước đó thật khó vì trong toàn vùng chẳng có chỗ nào bán gạch cả.

Rồi trong khi đào nền để xây nhà mới cho gia đình tôi, những người thợ làm nền đào đúng vào một kho gạch nằm ngay phía dưới mặt đất. Ông thân tôi giải thích rằng có lẽ nhiều năm trước một quả bom đã chôn luôn căn nhà bằng gạch phía dưới. Tôi tự hỏi chẳng hiểu mình đang lấy phước lộc của ai?

Căn nhà mới này cũng chính là nơi mà Cô Má đưa cô em tôi đến lần đầu trên một chiếc xe vận tải chỉ còn tạm chạy được. Tiểu Di bị cột chặt vào một bên thành xe để tránh tai nạn. Lúc chiếc xe đi qua đường núi dốc thì một chiếc bánh sút ra khiến tất cả hành khách và tài xế ngoại trừ Tiểu Di phải xuống xe đi tìm những con ốc dọc theo mé núi.

Thế là hai đứa bé sáu tuổi có dịp gặp nhau. Chúng tôi thân nhau ngay từ khi mới gặp và những chuyện nghịch ngợm của chúng tôi thường khiến những người lớn phải điên đầu gấp hai. Chúng tôi thích ngồi trên ngọn cây thay vì ngồi ghế và thích kể chuyện ma cho nhau nghe. Mỗi tối chúng tôi ngủ chung và tối nào cũng cãi nhau về chuyện đứa nào sẽ trốn và đứa nào sẽ tìm trong trò chơi năm mươi ngày mai. Chúng tôi sưu tầm những con côn trùng, sưu tầm tem, cùng nhau xem những con tơ tằm biến thành bướm và cùng ngồi với nhau ở một góc nhà mở tung một cái áo len mới để dạy nhau đan. Chúng tôi thích chạy đua lên đồi, thích ôm các tảng đá mát lạnh mỗi khi đổ mồ hôi. Chúng tôi cùng ghét ngủ trưa, cùng ghét chuột và cùng ghét những lúc các em nhỏ chúng tôi lúc nào cứ khóc đòi theo nhập cuộc. Ai cũng bảo rằng chúng tôi thật chẳng khác nào một đôi chị em song sinh.

Hai năm sau đó, cứ mỗi lần có ngày nghỉ là Tiểu Di lại đến ở nhà tôi vì nhà tôi là điểm giữa của hai nơi chỗ bố và mẹ cô làm việc. Ở Trùng Khánh, tất cả gia đình chúng tôi có dịp gặp nhau và cuộc gặp gỡ nào cũng rộn ràng đủ thứ trò chuyện, nhất là vào những tối khi chúng tôi thay phiên trình diễn ngay giữa phòng khách. Tất cả mọi người đều trình diễn trừ bà thân tôi. Bà nhất định không chịu hát, múa và cũng nhất định không chịu tham gia bất cứ màn trình diễn nào dù chỉ là ngâm ít câu thơ. Bà một mực nói rằng nếu không có bà làm khán giả thì buổi trình diễn không tài nào hoàn hảo được. Điều này thật đúng. Bà là người cười lâu nhất, dễ khóc nhất và vỗ tay to nhất. Tất cả chúng tôi hợp thành một gia đình nhỏ thật đầm ấm.

Kể từ ngày trở về Trung Hoa, tôi đã gặp cô em họ nhiều lần. Vào đầu xuân 1989 chúng tôi đã cùng sống với nhau cả tháng. Trước khi lên đường trở lại Hoa Kỳ tôi đã khuyên Tiểu Di không nên cố đi tàu lửa xuyên đêm để đi tiễn tôi. Nhưng cô em họ tôi vẫn có mặt ở trụ sở CBS. Lúc đó, vì quá mệt mỏi, tôi chỉ chào sơ cô em rồi đưa cô vào một góc phòng ngồi uống Coca-Cola với một đồng báo. Tôi đang bận rộn đến độ phải làm cả ba việc cùng một lúc — Làm vừa lòng những ký giả lúc nào cũng đòi hỏi tôi phải đưa ra những suy luận sâu sắc, điều khiển màn ảnh TV, bốc hết cú điện thoại này đến cú điện thoại khác, thay đổi ngôn ngữ liên liên, lúc thì nói tiếng Tàu, lúc thì nói tiếng

Anh. Tôi phải liên tục loan báo những tin tức quan trọng và thường thiếp ngủ luôn ngay trên bàn để có thể theo dõi luôn những biến chuyển vào lúc đêm.

Lúc trời gần tối, tôi đến chỗ Tiểu Di ngồi để xin lỗi. Tôi khuyên Tiểu Di nên về thẳng chỗ nhà bạn cô, nơi cô dự định sẽ ở qua đêm. Tuy giờ đó đang lúc giới nghiêm nhưng luật giới nghiêm vẫn chưa khắt khe lắm. Nghe tôi nhắc Tiểu Di rưng rưng nước mắt. Bất chợt tôi cảm thấy bất nhẫn vì đã đối xử không phải với Tiểu Di. Tôi đã vô tình khiến Tiểu Di cảm thấy tôi có ý hắt hủi cô.

Tôi quàng tay qua người cô em, kéo cô lên phòng ngủ và hứa rằng tôi sẽ lên ngay sau khi làm xong những công việc khẩn cấp cần thiết. Cô gật đầu, yên lặng nhưng tôi biết cô đang nghĩ đến Cô Má. Khi Cô Má qua đời, chỉ còn tôi là người Trung Hoa duy nhất biết cô từ ngày còn thơ ấu trước khi cha mẹ cô ly dị, lập gia đình trở lại và có những anh em cùng mẹ khác cha và cùng cha khác mẹ khác. Trước lúc gia đình cô bị khó khăn về vấn đề tài chánh, Tiểu Di thường bị buộc phải di chuyển qua lại giữa hai chỗ ở. Cô đã đánh mất cả những sự can đảm ngoài mặt và trở thành một thứ khách ở lâu hơn nơi mời muốn giữ. Cô ăn uống dè dặt, nói năng dè dặt và lúc nào cũng rón rén sợ mọi người không vừa ý.

Một giờ sau, khi mọi chuyện đã xong, tôi trở lại phòng ngủ, Tiểu Di hỏi xem tôi còn nhớ lúc cô đến gặp tôi lần đầu ở Trùng Khánh như thế nào không? Dĩ nhiên tôi còn nhớ. Cô hỏi thêm: Em thường nghĩ chẳng hiểu nếu lúc đó chiếc xe vận tải cà rịch, cà tang đó lăn luôn xuống đồi thì chẳng hiểu có gì khác lạ xảy ra không? Tôi nhắc cô rằng xe không hề lật. Tiểu Di dường như không nghe câu trả lời của tôi. Cô tự trả lời câu hỏi của mình: *“Dù xe có lật đi nữa thì cũng chẳng có chuyện gì xảy ra cả.”* Chẳng hiểu sao lúc nào em cũng chỉ là một đứa vô tích sự!

Tôi đề nghị cô gọi nói chuyện với ông bà thân tôi ở Hoa Kỳ. Cô cười. Trong khi cô nói chuyện với ông bà thân tôi, tôi nghĩ về tất cả những điều cô em họ tôi đã làm mà có lẽ tôi chẳng bao giờ làm được:

Ngày còn ở đại học cô đã bị buộc phải học ngành kim khí. Trong suốt bốn tháng, ngoài giờ học, cô phải làm thêm 8 tiếng với một người thầy 60 tuổi. Mỏ than chỗ cô làm việc đã được Anh Quốc khi phá vào thế kỷ thứ 18 và sâu có đến cả ngàn mét. Ở đáy mỏ, các đường hầm hắt ra những làn ánh sáng phát quang xanh mờ mờ. Vậy mà Tiểu Di không chút sợ sệt. Cô hầm hờ gia nhập phong trào nâng cao tổng sản lượng quốc gia. Mỗi ngày cô đào 30 thùng than qua ánh sáng đèn pin trong khi chuột bộ bu quanh khẩu phần hai khúc bánh mì khô của cô. Ở mỏ than, tai nạn xảy ra rất thường xuyên. Những thanh gỗ chắn các bức tường trong đường hầm thường hay sụp. Có lần một cục lửa khổng lồ xém nuốt chửng Tiểu Di. Cô thoát nạn bằng cách hụp mặt xuống một ống cống đầy sinh. Một lần khác, trong khi Tiểu Di đang làm việc thì bỗng có một mùi khét khác lạ. Mọi người dục Tiểu Di nên rời chỗ làm việc ngay, nhưng cô lại quay vào để tìm ông thầy. Thầy cô mắng cô thậm tệ về tội ngu dốt. Ông hỏi cô có biết rằng chỉ cần một tia lửa nhỏ cũng có thể thiêu hủy cả nguyên chỗ làm việc hay không? Ông mắng cô chẳng nhẽ lại không

hiếu chuyện thà chết một còn hơn chết cả hai người?

Sau khi đã hoàn thành lớp thực tập mổ than, cô tiếp tục theo học. Ngày nào cô cũng phải chạy 1500 mét cùng với những sinh viên khác và phải canh tác trồng khoai để phụ thêm vào khẩu phần ăn quá ít ỏi.

Tuy rằng mỗi đêm cô chỉ ngủ có 5 tiếng và phải ngủ ngay trong những chỗ toàn là sâu bọ xung quanh, Tiểu Di vẫn vui vẻ với cuộc sống cộng đồng.

Tiểu Di cũng lập gia đình với người bạn cùng lớp giống tôi. Nhưng khác tôi, cuộc đời cô đau khổ hơn. Người cô yêu bị liệt vào loại phản động, bị đuổi học và bắt làm phu mỏ, khi mỏ than sập, anh ta bị chôn sống luôn trong đó.

Chồng cô là một người tốt bụng. Khi còn là sinh viên, anh là người đầu tiên mắc chứng phù thũng vì lúc nào cũng chia khẩu phần của mình cho những bạn bè khác cùng lớp. Lòng rộng lượng của anh khiến mọi người đều cảm mến và tự nhiên anh trở thành người lãnh đạo. Tuy thế, những người lạ chỉ thấy anh là một người quê mùa mặc áo quá chật, quần quá ngắn, không biết nhảy nhót, ca hát hoặc gia nhập các cuộc vui. Lúc nào anh cũng chỉ đứng ngoài, ngoài trừ những lúc có việc cần làm.

Sau ngày thành hôn, vợ chồng Tiểu Di cùng dọn về quê chồng, một vùng quê ở miền núi có con sông đổ từ miền Đông Bắc cắt ngang. Vì sinh trưởng ở đây, chồng Tiểu Di vẫn còn giữ những phong tục địa phương. Anh gọi vợ là "*cô nuôi*" để nhấn mạnh vai trò của cô là người nội trợ chuyên chăm sóc miếng ăn, miếng uống cho cả gia đình. Anh không bao giờ ngồi, đi bộ hay nói chuyện với vợ trước công chúng; mỗi lần có khách đến anh ăn uống tiếp đãi khách và để mặc cho vợ đứng đợi ngoài cửa.

Trong hai năm đầu, vì không có chỗ ở riêng, họ sống ở hai chỗ nội trú riêng biệt và chỉ gặp nhau vào ngày chủ nhật trong căn phòng dành riêng cho những đôi vợ chồng gặp gỡ. Cuối cùng khi họ có chỗ ở riêng, Tiểu Di hiểu rõ hoàn cảnh cô đơn của một người không có gia đình nên cứ một mực khẳng khẳng bắt mẹ chồng phải rời làng cùng đến ở chung với vợ chồng cô.

Vấn đề phải chung sống với mẹ chồng không phải là một vấn đề dễ dàng. Mẹ cô không biết đọc, không biết viết và gia đình cô lại quá nghèo không có đủ tiền mua Radio. Hơn nữa, mẹ chồng cô lại là một người đàn bà đã có lần cột đá vào chân, bước xuống sông để tự tử khi biết chồng đã có con với một người đàn bà khác. Rồi trước khi tự tử, bà lại nghĩ đến đứa con trai mới 4 tuổi và đổi ý. Nhưng sau khi trở về, lòng bà lúc nào cũng nghi ngờ đứa con trai duy nhất rồi đây cũng sẽ bội bạc bỏ bà như bố nó. Bà nghi ngờ mọi người và ít khi đặt chân ra khỏi cửa.

Tuy vậy, bà vẫn nói chuyện với Tiểu Di mỗi khi cô làm việc ở mỏ than về. Bà thường nói chuyện với Tiểu Di cho đến 7 giờ. Rồi khi nghe có tiếng xe lửa đáp xuống chỗ nhà ga gần đó thì bà chạy ngay đến chỗ sưởi ngồi xếp bằng hút thuốc, mắt nhìn ra cửa chờ đợi. Và khi nghe rõ tiếng bước chân con trai thì bà lại làm ra vẻ đau khổ như thể có ai vừa làm buồn lòng bà để hy vọng nghe

được tiếng vỗ về của con.

Nhưng chồng Tiểu Di lại chẳng còn hơi sức để chú ý đến mẹ. Mới 5 giờ sáng anh đã phải lên đường làm việc khi nhiệt độ còn ở 5 độ C. Sau đó anh phải làm việc quần quật cả ngày để trám những vết rạn ở đầu mũi khoan than. Lúc nào anh cũng lo dành dụm khẩu phần bánh mì cho gia đình và đến giờ đó ngoài đến bát súp cải nóng bốc khói trên bàn anh chẳng còn thời giờ để chú ý thêm chuyện gì khác. Anh thường ngủ gục trên bàn và mẹ anh lại cảm thấy bà bị bỏ rơi.

Mỗi khi có ngày lễ nghỉ, Tiểu Di cố tìm cách nói chuyện riêng với chồng bằng cách xin cho cô cùng đi với anh để mua ít kim găm ngoài tiệm tạp hóa. Nhưng nếu chồng Tiểu Di đồng ý thì những người hàng xóm lại chê cười anh là một người đi đâu cũng phải có “*cô nuôi*” đi theo. Bởi thế, câu trả lời lúc nào cũng là không.

Trong suốt 16 năm, cô ngủ chung giường với chồng một bên, mẹ chồng một bên và cô chẳng thể làm gì khác hơn ngoài việc nhắm mắt chấp nhận số phận...

Khi còn sống trong ký túc xá, Tiểu Di hạ sinh một đứa con gái. Mỗi ngày cô phải cột đứa bé trên lưng và trèo núi suốt một giờ đồng hồ để đến nơi làm việc. Cô đã nghe rằng người ta chẳng thể có mang nếu còn đang cho con bú nhưng cô vẫn có thai. Vì quá nghèo và không thể nuôi thêm một đứa bé nữa, cô đã nghĩ đến chuyện phá thai nhưng cuối cùng lại thôi vì thân thể quá yếu và vẫn chưa hoàn toàn lại sức sau lần sinh đứa con đầu.

Sau khi đứa bé thứ hai sanh được ít lâu thì cả hai đứa đều bị bệnh. Bác sĩ đề nghị nên cho cả hai vào nhà thương. Nhưng làm sao cô có đủ tiền? Trong túi cô chỉ có được vài quan. Nghe chuyện cô xong, một người làm cùng sở thương hại cho cô mượn tiền.

Thế là Tiểu Di và mẹ chồng mỗi người bế một đứa bé lên xe lửa đến nhà thương. Khi đến nơi, bác sĩ ở nhà thương nói rằng tuy Tiểu Di có thể tự săn sóc thuốc thang cho đứa bé thứ hai, đứa lớn nhất cần phải giải phẫu. Tiểu Di đành phải ra xe lửa quay về, để mẹ chồng ở lại nhà thương chăm sóc đứa con gái lớn. Tiểu Di vừa về đến chỗ ở thì nhà thương gọi cho biết có biến chứng trong cuộc giải phẫu. Con cô chết ngay khi bác sĩ đang mổ cổ họng.

Tiểu Di chẳng biết phải an bày đứa con cả thế nào cho hợp lẽ. Phong tục địa phương cấm không cho mang thi thể đứa bé về nhà. Phong tục cũng cấm không cho chôn trẻ em. Nên bỏ thi thể đứa bé trong rừng cho chó sói? Nên ném đứa bé xuống sông? Nên để xác đứa bé trên những mỏm đá cho điều hâu rửa xác hay nên bỏ chung với những rác rưởi khác mà vứt đi? Tiểu Di chẳng tìm được câu trả lời nào cả. Cô chỉ biết rõ một điều: Từ nay, cô chẳng còn làm được bất cứ điều gì cho con cô được nữa, dù chỉ là một việc hết sức nhỏ nhặt như quét mộ cho con.

Cô vừa cố kiên nhẫn chăm sóc đứa bé thứ hai cho bình phục lại, vừa cố an

ủi chồng, vừa cố an ủi mẹ chồng.

Đến ngày giỗ đầu của đứa bé, Tiểu Di sụt 15 ký. Nếu bác sĩ không sớm tìm ra căn nguyên sự mệt mỏi của cô là do chứng đau gan thì có lẽ cô vẫn tiếp tục lê thân đi làm các công việc ở nhà, ở xưởng giữa mùa đông rét cắt da với món cơm dưa thường xuyên. Năm đó ngay cả lò sưởi cũng khó đốt vì lệnh chính phủ chỉ cho phép mua than từ Bắc Hàn và than Bắc Hàn là một loại than rất khó đốt.

Tiểu Di chỉ có thể bình phục nếu cô được sống ở một chỗ nào khác tương đối đỡ hơn. Bởi thế, cô sửa soạn lên đường về Thiên Tân để sống với mẹ ruột cô. Trước đêm cô rời nhà trời đổ mưa dữ dội. Biết rằng chồng cô quên dù, sáng đó cô vội vàng đến nhà ga. Hôm đó gió thật mạnh và mặc dù đã có dù, và nhà ga chỉ cách nhà cô khoảng 5 phút đi bộ mà quần cô từ đầu gối trở xuống dày dếp đều ướt nhẹp. Khi cô đứng chờ chuyển xe lửa, cảm giác tội lỗi vì phải bỏ con cho mẹ chồng và chồng trông nom khiến cô cảm thấy hoa mắt, nhức đầu. Chồng cô trong suốt năm đó chỉ có được 3 ngày nghỉ và nếu nghỉ cho cùng thì chính chồng cô mới là người cần được nghỉ ngơi chứ không phải cô.

Một phút sau khi xe lửa dừng lại, chỗ bến đáp những người phu mỗ đứng đông nghẹt. Tiểu Di nhìn mãi mà chẳng phân biệt được rõ nét mặt họ. Mặt người nào cũng đen thui vì nhỏ, chỉ thấy mỗi đôi mắt trắng dã và hàm răng qua dưới màn ánh sáng xanh mờ mờ của bầu trời đang mưa. Mãi đến khi chồng cô bước đến gần sát bên cô mới nhận ra để đưa dù cho chồng. Chồng cô nhận dù một cách lơ đãng, không một tiếng chào chứ đừng nói đến chuyện giới thiệu cô với những bạn bè đang đứng nói chuyện với anh. Anh rảo bước, bỏ mặc vợ lủi thủi lội bộ một mình về giữa cơn mưa tầm tã...

Lúc bước xuống ga ở Thiên Tân, Tiểu Di nhìn thấy ánh mắt kinh ngạc của mẹ cô khi hai người đưa mắt nhìn nhau. Sau hai tuần lễ Cô Má hết sức chăm sóc, Tiểu Di vẫn chưa dậy nổi một mình. Đã đến lúc Cô Má lại phải trở về trường để tiếp tục dạy học như những tất cả các giáo viên khác. Sáng đó, Tiểu Di thức dậy và nhìn thấy một người thanh niên vừa cao, vừa đẹp trai nhìn cô mỉm cười. Cô dụi mắt cho tỉnh ngủ hẳn. Anh ta biến mất. Tiểu Di nghĩ thầm: Đây chắc hẳn là một giấc mơ. Trong khi đó thì người đàn ông quay lại miệng vẫn mỉm cười, tay cầm ly nước. Đến lúc đó Tiểu Di mới nhận ra rằng cổ cô đang khô khan tột độ. Người thanh niên vẫn không nói một câu, chỉ cúi xuống nhẹ nâng đầu cô và từ từ nghiêng ly cho nước rót vào miệng cô. Lúc nào anh ta cũng mỉm cười.

“Anh là ai?” Cô hỏi.

Anh gật đầu.

“Anh làm gì ở đây? Làm sao anh vào đây được? Anh có phải là bạn của bà cụ tôi không?”

Anh ta vẫn chẳng nói gì, chỉ mỉm cười. Tuy rằng ly nước đã cạn mà cô vẫn chẳng đẩy anh ra, cô cũng chẳng thấy khó chịu khi cô hỏi lại mà anh ta vẫn chỉ

đáp lời bằng nụ cười và sự im lặng.

Anh từ từ đứng lên và lui ra cửa.

Tiểu Di chẳng thể mở mắt. Khi cô mở mắt lại lần thứ hai thì mặt trời đã chiếu xuyên xuống quá nền nhà. Cô mỉm cười vì nhớ lại giấc mơ và cố ngồi dậy. Lòng cô không khỏi có chút hoang mang khi nhìn thấy cái ly trống nằm bên cạnh giường. Phía dưới là một tờ giấy nhỏ có ghi chữ. Nét chữ thật đẹp nhưng không phải là nét chữ của bất cứ người quen nào cô biết.

“Tôi sẽ mang điểm tâm cho cô. Lúc này tôi không trả lời cô được là vì tôi không nói được. Tôi vừa cảm, vừa điếc. Bạn bè gọi tôi là Hữu. Tôi đang trên đường về nhà sau buổi làm ca đêm tối qua thì gặp Cô giáo Bao. Cô bảo rằng con gái cô đang bệnh và không người chăm sóc nên tôi tình nguyện đến để chăm sóc đỡ.”

Trong mùa xuân đó, Tiểu Di được biết lúc trước Hữu là một người thợ lau sàn tàu cho một chiếc tàu Anh Quốc. Trong thời gian săn sóc Tiểu Di thì anh đang là thợ sơn của một xí nghiệp. Hữu rất thích bơi và có thể bơi hàng giờ giữa những chỗ nước lạnh như băng. Anh tự mình may lấy tất cả quần áo, kể cả từ chiếc khuy áo trở đi. Chiếc khuy nào anh cũng khắc hình cái neo. Có lần một người tài xế cán nát chiếc xe đạp của Hữu vì anh không chịu di chuyển sang chỗ khác khi người tài xế bóp còi. Lần đó, anh đã kéo người tài xế ra khỏi chiếc xe vận tải, lái chiếc xe ra khỏi tỉnh để vứt bỏ. Trong số tất cả những người Tiểu Di biết từ trước đến nay, Hữu là người hiền từ chất phác nhất. Anh thích đọc tất cả mọi loại sách, và thích làm thơ. Hữu nói với Tiểu Di anh có ý muốn lập gia đình với Tiểu Di để được làm bố những đứa con cô.

Sau khi cảm thấy đỡ hơn, Tiểu Di lại trở về quê. Cô kể lại chuyện Hữu và hỏi chồng cô nghĩ cô nên đối xử với Hữu ra sao? Chồng cô rướm nước mắt vì hối hận, xin cô tha lỗi cho anh và ở lại... Con gái Tiểu Di là Lệ Lệ bị kết án tù bốn tháng năm cô 17 tuổi. Lệ Lệ đến thăm một người bạn vào lúc người tình của cô ta đang say và đang xông vào nhà hãm dọa cô. Bạn của Lệ Lệ vừa mới cắt đứt quan hệ tình cảm với anh ta. Mới đầu thì đôi bên cãi vã sau đó xảy ra cuộc ẩu đả. Người tình cũ vật cô bạn của Lệ Lệ xuống và liên tục đánh vào mặt cô ta. Lệ Lệ cố kéo anh ta ra nhiều lần nhưng anh ta xô cô mạnh vào tường. Nếu anh ta không dừng tay, Lệ Lệ biết chắc cô bạn thế nào cũng bị thương vì thế cô chạy vào bếp lấy dao đâm thẳng vào vai anh ta.

Cảnh sát không hề hỏi nguyên do của vụ đâm chém, mà lại nói Lệ Lệ đáng nhẽ phải lên tiếng cầu cứu. Hơn nữa, họ còn nói thêm rằng cô là người *“lúc nào cũng sẵn sàng gây sự”* và ẩu đả. Chưa học xong trung học, cô đã sớm chọn đường *“đi làm”*. Lệ Lệ thường bán những vật dụng tạp hóa ngoài chợ và đã nhiều lần bị bắt vì tội đánh những đứa bé hơn. Mỗi lần bị bắt như thế cô lại khai rằng những đứa bị đánh là những đứa cố tình ăn cắp hàng của cô.

Theo luật lệ địa phương thì mỗi khi xảy ra những việc tương tự như vụ Tiểu Di, cha mẹ thường phải chạy tiền cho cảnh sát hoặc dùng những đường dây quen biết xoay sở cho đứa bé thoát khỏi tù tội. Nhưng Tiểu Di nhất quyết

không làm như vậy. Cả hai vợ chồng cô đều khinh bỉ chuyện hối lộ. Cả hai đều nhất quyết không chịu thua cuộc dù rằng sự bướng bỉnh của họ sẽ khiến con gái họ bị tù bốn tháng.

Vì thế mỗi ngày Tiểu Di lại đến tù thăm con. Cô mang cho con sách vở và những món ăn ngon hơn những món của chính vợ chồng cô ăn ở nhà. Rồi cứ mỗi lần hết giờ thăm thì người khóc lại là Tiểu Di.

Sau khi nói chuyện với ông bà thân tôi ở Hoa Kỳ xong, tinh thần Tiểu Di có vẻ phấn chấn hơn. Khuya đó, lúc chúng tôi cùng nhau ăn tối, cô thắc mắc chẳng hiểu bao lâu nữa chúng tôi mới có dịp gặp lại.

Tôi trả lời: *“Chắc chắn là không phải sau 27 năm như lần đầu. Biết đâu chúng ta lại gặp nhau ngay trong mùa thu này cũng nên.”*

Tiểu Di nói tiếp: *“Có lẽ lần sau, khi chị đến Trung Hoa chị em mình có thể cùng đến Trùng Khánh đi chơi với nhau.”*

Tôi gật: *“Ừ, thì đi nhưng về Trùng Khánh làm gì? Chỗ đó xấu lắm.”*

“Em thấy đâu có xấu. Em vẫn còn nhớ căn nhà gạch đỏ rõ lắm... Chị có còn nhớ đêm bố mẹ em cùng hát bài ru con với nhau không? Chẳng bao giờ em quên được khung cảnh đêm đó chị ạ!”

Nói xong, cô em họ tôi vừa cười vừa kéo tay tôi như kéo tay một đứa bé gái vào giữa phòng. Cô bỗng cất tiếng hát. Giọng hát nghe ngọt ngào và dịu dàng chẳng khác nào bàn tay một người mẹ đang khẽ đặt vào trán một đứa con đang lên cơn sốt.

SỐ MỆNH
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

CHIẾC ĐIỀU ĐUÔI DÀI

NGÀY 3 THÁNG 5, NĂM 1989... HÀNG CHỤC NGÀN QUÂN LÍNH TIẾN VỀ BẮC KINH. ĐẦU TIÊN HỌ BỊ HÀNG RÀO NGƯỜI CỦA DÂN CHÚNG CẢN LẠI. SAU ĐÓ BỘ BINH VÀ XE TĂNG BẮN THẮNG VÀO DÂN CHÚNG ĐỂ TIẾN VÀO CÔNG TRƯỜNG. NHỮNG NGƯỜI SINH VIÊN CUỐI CÙNG RÚT LUI. BINH LÍNH CHIẾM ĐÓNG CÔNG TRƯỜNG VÀ ĐẬP NÁT TƯỢNG NỮ THẦN DÂN CHỦ.

Nhiều giờ sau khi công trường bị tẩy thanh, điện thoại trong phòng khách sạn Manhattan của tôi reng. Có tiếng im lặng thật lâu ở phía đầu dây bên kia rồi thình lình có tiếng khóc. Rồi lại im lặng trước khi tôi nghe một giọng nói quen thuộc khác từ điện thoại ở Bắc Kinh. C_ chắc chắn đã đưa điện thoại cho D_. Khác hẳn với giọng của cô, giọng của anh thật là trầm tĩnh. Trầm tĩnh đến độ khó thể tưởng tượng.

“Xin nói với người Hoa Kỳ rằng sau khi tiếng súng ngừng và các tia lửa tắt, người Trung Hoa sẽ phải chấp nhận một số phận nghiệt ngã hơn gấp bội. Đảng chưa bao giờ có kinh nghiệm tiến hành cải cách từ trước đến nay. Đảng đang lún mò để tìm những bước đi cho đúng nhịp trên suốt chặng đường cải cách, nhưng một khi cuộc đấu tranh chấm dứt, đảng sẽ thu thập được kinh nghiệm của cả một đời.”

“Hãy nhắc người Hoa Kỳ đề cao cảnh giác và đừng bị mắc bẫy. Nhắc họ đừng xét đoán dựa trên những điều họ nghe hoặc thấy ở Trung Hoa. Những kẻ đầu não là những kẻ tổ chức đại tài khéo che dấu mọi sự vì tất cả chỉ là một bức màn yên lặng vô hình.”

Tôi tự hỏi chẳng biết bao giờ mình mới có thể gặp lại bạn bè. Trước đây đã có quá nhiều người bị tù. Trước đây đã có quá nhiều người đã bị án khổ sai. Chưa có gia đình nào trải qua cuộc Cách Mạng Văn Hóa hoàn toàn bình yên. Tôi lo sợ cho tất cả bạn bè.

Trên Ti Vi tôi thấy hình ảnh những thường dân đưa mình ra trước lưỡi lê và nghe tiếng súng nổ. Tại sao những người đó cứ tiếp tục đổ ra làm hàng rào, khi đã biết rõ quân đội vũ trang súng máy sẽ cắt đứt hàng rào của họ chẳng khác nào chiếc kéo cắt đứt một tấm băng?

Có lẽ vì họ là cha, là mẹ, là con cái và là những người đã biết rõ cuộc sống sẽ ra sao khi giới lãnh đạo đã bị quyền lực hủ hóa, chỉ còn biết đeo đuổi những mục đích cuối cùng bất kể phương tiện: Và chính vì thế mà họ phải hy sinh, dù rằng hy sinh cả tính mạng.

Cho đến ngày nay tôi mới hiểu rõ được câu chuyện cổ về quyền lực của Trung Hoa:

Có lần một bậc hiền giả đi qua chỗ nghĩa địa và thấy một người đàn bà đầu bạc trắng đang kêu gào thật bi ai. Nhà hiền giả dừng lại hỏi: *“Ở sao bà lại khóc?”*

Người đàn bà trả lời: *“Trong vùng này có một con cạp ăn thịt người. Hai tháng trước con cả tôi bị nó ăn thịt. Tháng vừa rồi, đứa con thứ hai của tôi bị nó ăn thịt và tháng này thì đứa con út của tôi cũng bị ăn thịt nốt.”*

“Thế sao bà không bỏ vùng này mà đi?”

“Vì những vụ quan lại tham nhũng còn khủng khiếp hơn là vụ cạp ăn thịt người!”

Hôm sau tôi vội vã đến phòng tin tức của CBS, khi xe tắc xi đi chậm lại qua chỗ đường 57, tôi bỗng thấy một đứa bé đang cầm bong bóng. Cậu bé thật may mắn biết bao! Được thả bộ với bố vào lúc chiều còn nắng mà không phải lo làm những bài tập trường cho về nhà. Tôi cố chuyển tất cả mọi ý nghĩ về phía cậu bé. Nhưng đầu óc lại không chịu làm như ý muốn.

Tôi nhớ lại câu chuyện của một đứa bé khác và ông bố.

Bố cậu bé ngày nào cũng hút từ 4–5 gói thuốc từ ngày được tha về sau các phong trào cải cách của Đặng Tiểu Bình. Cả vợ anh lẫn bác sĩ đều hết sức khuyên nhủ mà anh vẫn nhất định không bỏ bớt thói quen đó. Một hôm anh nhận được bức thư của con trai anh năn nỉ xin anh đừng hút nữa. Anh lập tức dụi ngay điều thuốc đang hút dở và thề rằng điều đó là điều chót. Anh giải thích: *“Tôi cũng là một người bố như bao nhiêu người bố khác. Nhưng khác với những đứa con của các ông bố khác, con tôi cho tôi một món quà trị giá bằng cuộc sống, không chỉ một ngày mà thành khẩn biểu tôi hàng ngày món quà đó. Con tôi có xin gì tôi cũng phải chiều.”*

Khi con anh mới 7 tuổi thì anh bị giam giữ bất thành linh ở văn phòng. Anh bị giam ở đó suốt từ năm này sang năm khác mà vẫn chẳng hiểu mình phạm tội gì hoặc khi nào mình sẽ được tha. Anh cũng chẳng biết thế giới bên ngoài biến đổi thế nào và những người thân thích của anh lúc đó ra sao. Đã rất nhiều đêm anh định tự tử nhưng có một chuyện khiến anh từ bỏ ý định. Mỗi ngày vào lúc rạng đông — suốt cả bốn mùa xuân, hạ, thu, đông — anh đều có thể nhìn qua khe hở của một cái cửa sổ để nhìn thấy một chiếc điều tí hon, nhiều màu trông tựa một con sâu trên bầu trời. Có lúc con điều ở ngay tầm mắt, có lúc con điều bay thẳng lên cao như đang đâm sâu vào thình không. Có lúc con điều nhỏ đến độ gần như chỉ còn là một điểm chấm lơ lơ vô hình. Hình ảnh con điều lúc nào cũng kích lệ tinh thần anh cực kỳ mãnh liệt. Hình ảnh con điều nhắc nhở anh rằng bên ngoài vẫn còn có người đang ngấm ngấm nhẩn nhủ, đang kiên nhẫn chờ đợi và đang suy nghĩ về anh.

Và vì thế anh mới có đủ nghị lực để cố sống bám víu vào cuộc đời chặt như thể anh đã có lần dạy con anh cầm chặt sợi chỉ của con điều.

Khi đến văn phòng tin tức của CBS, tôi nhìn thấy một mẫu hình của một người đàn ông lưng quay về phía ống kính, mắt nhìn vào đoàn xe tăng đang tiến vào con lộ Thiên An. Có thể anh là một trong những người bạn của tôi. Tự đứng tôi bỗng mơ mình có được một con điều đuôi dài.

CHIẾC ĐIỀU ĐUÔI DÀI
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA

ĐIỆP KHÚC

CHỦ NHẬT NGÀY 1 THÁNG 10, 1989... TRUNG HOA TỔ CHỨC LỄ KỶ NIỆM 40 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUỐC GIA CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA.

Tôi đang ở đang ở tỉnh Jackson Hole, tiểu bang Wyoming viết sách thì nhận được một cuộn băng. Cuốn băng được chuyển đến qua hệ thống bưu

điện nội địa Hoa Kỳ nhưng những sự kiện ghi lại đã được người kể thu thanh ở Trung Hoa vào tháng tám. Vì quá hồi hộp, tôi quên cả cách bật máy và phải nhờ con tôi giúp. Con tôi đang loay hoay thì tôi gọi giật, nhắc con tôi đổi máy radio sang máy nghe băng vì tôi chẳng nghe được gì ngoài những câu hát của một người Mỹ đang hát dân ca.

Trong lúc con tôi điều chỉnh máy, tôi luôn miệng hò hét dặn dò: *“Con phải cẩn thận đấy, nhớ xóa nhầm thì chết. Cuốn băng này quan trọng lắm nhá, cẩn thận đấy.”*

Cuối cùng tôi cũng nghe được tiếng bạn tôi.

Cho đến mãi hôm sau tôi mới để ý đến bài nhạc. Khi nghe cuộn băng lần đầu, tôi tưởng anh bạn thu bài nhạc chỉ để phòng hồ trường hợp có nhân viên quan thuế nghi ngờ nghe thử. Và ngay cả khi đã nghe hết cuộn băng, tôi vẫn chưa nghe trọn được lời nhạc. Điệp ngữ *“quê nhà”* trong các đoạn nhạc vẫn còn làm tôi xúc động. Bản nhạc phản ánh thật đúng con người bạn tôi. Bản nhạc đó đã diễn tả trọn vẹn cảm tưởng của anh khi tôi trở về Hoa Kỳ. Lời nhạc quả là một khúc mở đầu đầy ý nghĩa đối với những điều bạn tôi nhắc nhủ.

Chiều hôm nhận băng, tôi sửa soạn máy viết để chép lại toàn thể cuốn băng. Trong khi chờ máy hoạt động, tôi bật lại bài nhạc. Lại một lần nữa tôi không cầm được nước mắt. Lần này tôi xúc động vì nghe người ca sĩ mơ hồ nói đến bốn bức tường xám.

Hôm sau, vì dự định ghi luôn bản nhạc vào chuyện, tôi bắt đầu nghe kỹ để chép lại nguyên văn bản nhạc. Đến lúc này tôi mới biết bài hát của anh bạn chẳng phải là về vấn đề tôi trở lại Hoa Kỳ hoặc về những bức tường xám. Tới lúc này tôi mới nghe rõ điệp khúc cuối cùng của bài hát về một gốc sồi già...

*Tĩnh lý quê nhà trông vẫn thế
 Khi tôi rời xe lửa bước vào ga
 Thấy mẹ tôi đứng đợi ngoài xa
 Và thấp thoáng bóng em tôi mừng rỡ
 Trong hôn tôi vịn đóa hoa chợt nở
 Lòng hân hoan chân hớn hở bước vào
 Bờ cỏ xanh dịu hiền tĩnh lý*

*Cả gia đình tôi cùng ủa ra đón
 Mở rộng vòng tay, rạng rỡ nụ cười
 Tôi thấy hôn nở vịn đóa hoa
 Lòng hân hoan khi chân rảo bước qua
 Bờ cỏ xanh dịu hiền tĩnh lý*

*Căn nhà cũ vẫn còn đứng đó
 Dù lớp vôi vàng đã nứt nẻ khô cằn*

*Kìa bóng cây sồi già tôi vẫn thường đùa nghịch
 Tôi và em tôi cùng soãi nhịp bước chân
 Tóc em óng, môi anh đào thật thắm
 Tôi thấy hồn nở vụn đóa hoa
 Lòng hân hoan khi chân nhịp bước qua
 Bờ cỏ xanh dịu hiền tĩnh lý*

*Rồi tôi bừng tỉnh và nhìn quanh lần nữa
 Vào bốn bức tường màu xám quanh tôi
 Tôi bỗng chợt nhận ra rằng tôi chỉ mơ thôi
 Vì quanh tôi chỉ có ông cha tuyên úy buồn và người lính gác
 Lúc này là giờ giải lao hàng ngày và chúng tôi đang nắm tay dạo mát
 Tôi lại nhịp chân để xuôi nhịp bước qua
 Bờ cỏ xanh dịu hiền tĩnh lý*

*Quả thật gia đình tôi có đến
 Đón tôi dưới bóng mát cây sồi già to lớn đằng kia
 Để đặt tôi nằm xuống
 Giữa bờ cỏ xanh dịu hiền tĩnh lý*

Tuy chúng ta đã chia tay nhau lâu rồi mà tôi tưởng như vẫn chỉ mới hôm qua. Tôi đã quen nói chuyện với bà cho đến độ những ý tưởng của tôi, bất kể tốt, xấu cũng đều khiến tôi nhớ đến chỗ văn phòng nhỏ lúc nào cũng thấp sáng của bà. Tôi nhớ đến những tách cà phê bốc khói, đến những chiếc bánh ngọt nhỏ chúng ta vẫn thường nhâm nhi trong câu chuyện. Bầu không khí đó thật là thoải mái.

Giờ đây khung cảnh đã hoàn toàn khác hẳn. Thực sự thì cuộc sống của tôi cũng chẳng có gì căng thẳng. Tôi không hề sợ sệt, không hề nôn nóng, không hề cảm thấy bị áp lực của cuộc sống gò bó. Nhưng mỗi khi đêm về, hễ cứ nhắm mắt là tôi lại bị những cơn ác mộng căng thẳng, đầy sợ hãi nặng nề ám ảnh.

Đã có lần người Trung Hoa mơ xây dựng một quốc gia theo mô hình xã hội chủ nghĩa để tô điểm thêm cho cuộc sống. Nhưng giờ đây họ lại tự hỏi chẳng biết họ sinh ra để làm gì? Họ đã không đủ phương tiện để sống một cuộc sống đầy đủ ý nghĩa mà cũng chẳng có được một lý tưởng nào đáng để họ cống hiến cuộc đời. Chẳng qua họ chỉ là những con vật tiêu thụ thời gian.

Ít nhất là năm người bạn của chúng tôi đang bị giam ở ngục Thanh Thành, một trại tù trực tiếp nằm dưới sự giám sát của các ủy ban đưa ra thiết quân luật. Các nhân viên thẩm vấn tù nhân ở đó không phải là những nhân viên thẩm vấn của Bắc Kinh mà là những kẻ thẩm vấn đã được tuyển ở khắp các nơi trong nước. W_ đang bị giam ở một nhà tù khác còn khủng khiếp hơn ngục Thanh Thành, nhà tù đó được dành riêng cho các phạm nhân mang đại tội chứ không phải một nhà tù chính trị. Trong lúc thời tiết đang nóng như nung như lúc này mà 16 tù nhân phải sống chung trong một khoảng diện tích không quá 14 thước vuông.

Số người bị bắt càng ngày càng nhiều.

Những cú điện thoại vô danh tố cáo các phạm nhân lúc này lên đến 160,000. Đã có tổng cộng 5000 người bị bắt sau khi bị tố cáo bằng điện thoại. Đa số những cú điện thoại đều nhằm mục đích làm nghẽn các đường dây và phá rối chính quyền. Một số các cú điện thoại khác gọi đến chỉ để cảnh sát leo cây tìm những phạm nhân vô hình. Trong số 5000 người bị bắt chỉ có khoảng 1000 người có liên quan trực tiếp đến vụ biểu tình yêu cầu dân chủ. Số còn lại bị bắt chỉ do những tin tức vô căn hoặc do tư thù cá nhân. Kể từ ngày Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt cho đến nay, người ta thường tìm cách giải quyết những xích mích cá nhân riêng với nhau để khỏi phải thông qua tổ, nhóm, tòa án hoặc bất cứ người thứ ba nào khác. Ngày nay cách giải quyết xích mích dễ dàng nhất là chụp mũ người kia rồi gọi báo với nhà chức trách. Ngay cả khi các nhân viên thanh tra không tìm thấy chứng cứ, nạn nhân vẫn phải khốn khổ vì các thủ tục.

Tôi không hiểu rõ vai trò của gã “*Hoạt Náo Viên*”, nhưng tôi biết rõ rằng trong thời gian biểu tình, cảnh sát tất cả những chuyến đến, đi ở nhà riêng của hắn đều được báo cáo tường tận với cảnh sát. Có nhiều cách để giải thích vấn đề đó. Thứ nhất, chính hắn là kẻ đã báo cáo mọi chuyện kể từ lúc đầu. Như vậy thì chính hắn là nhân viên ngầm của công an. Có thể công an đã lấy nhà hắn làm một mạng lưới ngầm để điều tra hàng xóm xung quanh, bắt những người đến chỗ hắn và vờ cho hắn thoát ra ngoài để theo dõi những người ủng hộ dân chủ đã thoát ra ngoại quốc. Đây không phải là một giả thuyết khó tin.

Bà đã biết thái độ của tôi đối với hắn. Chính bản thân tôi chưa bao giờ tin hắn cả.

Vì sao sinh viên và những người biểu tình khác lại được phép tiếp tục biểu tình lâu đến thế? Tôi cho rằng đây là một câu hỏi cần được bàn luận thêm. Phải chăng nhà cầm quyền đã tổ chức một cuộc bố ráp kể từ lúc đầu? Trong suốt thời gian sinh viên biểu tình T_ chẳng bao giờ đến công trường Thiên An Môn. Anh chỉ đến Thiên An Môn sau khi tất cả các bạn bè anh đều đã tham gia cuộc tuyệt thực. Lúc gặp các bạn anh ở một căn lều nhỏ gần chỗ chân đài tưởng niệm liệt sĩ, T_ khuyên họ đừng nên biểu tình vì làm thế chẳng có ích gì. Sau này phòng Công An Nhân Dân điện thoại khen anh biết giữ tác phong. T_ rùng mình. Họ làm cách nào để biết anh có mặt ở công trường Thiên An Môn? Họ làm cách nào để nghe rõ được tất cả những điều anh đã nói với bạn bè?

Khi hồi tưởng lại, T_ nhận thấy trong số những người giúp đỡ sinh viên lúc đó có nhiều người đã quá già hoặc khó thể thực lòng giúp đỡ như họ đã làm.

Trong thời gian sinh viên biểu tình, bà cụ tôi cũng đến công trường. Cụ chỉ đi một mình chứ không đi chung với nhóm nào cả. Chắc bà cũng biết rõ bà cụ thân tôi. Cụ nào phải là người tích cực tham gia hoạt động hoặc hăng hái gì cho cam! Và ngay cả lúc đến công trường cụ cũng chẳng làm điều gì

đáng chú ý. Cụ chỉ đi ngang qua. Vậy mà sở công an cũng cho biết họ có thu được một cuộn phim có cả hình cụ hiện diện ở Thiên An Môn.

Trong một khúc phim chiếu trên TV, có đoạn chiếu cảnh một thanh niên đứng ra tuyên bố: Chúng ta khó thể dùng những biện pháp ôn hòa để đòi hỏi chính phủ đáp ứng những mục tiêu chúng ta đề ra. Hiển nhiên cuộn phim không nói gì đến bất kỳ giải pháp nào khác mà người thanh niên đó đưa ra, người thuyết trình cuộn phim đã suy diễn hộ anh để nói rõ với khán thính giả. Câu tuyên bố của người thanh niên quả là nguy hiểm khôn lường. Tôi không thể tưởng tượng có người dám tuyên bố như thế, trừ khi anh đang nói với những người mà anh hết lòng tin tưởng, trừ khi anh đang nói với những người đã gần gũi đến độ anh dám đặt cả cuộc đời vào sự tin tưởng họ. Vậy mà anh lại bị quay phim.

Thế thì nhà chức trách hẳn phải quay phim tất cả. Tại sao vậy?

Phải chăng nhà cầm quyền Trung Hoa đã cố ý dùng bảy tuần lễ vừa qua để tung một mẻ lưới bắt trọn tất cả? Giới bảo thủ hẳn nhiên đã cho đối phương quá nhiều thời giờ để tự đưa mình ra trước ánh sáng. Công an đã có quá nhiều thời giờ để thu thập tất cả những chứng cứ rõ rệt cho từng người một trước khi mở cuộc bố ráp để bắt trọn tất cả. Đây là một chiến thuật cổ điển. Những người trẻ tuổi trưởng thành trong thập niên tương đối cởi mở vừa qua chưa hề trải qua kinh nghiệm đó. Những người lớn tuổi hơn thì lại không tin chính phủ có thể áp dụng lại một chiến thuật vô nhân đạo như vậy. Nếu tổng kết vấn đề và nhìn lại thì những năm vừa qua thật chẳng khác nào một giấc mơ.

Ngạn ngữ bảo rằng: Kẻ nào khóc vì sử Trung Hoa, không sớm thì muộn cũng sẽ phát điên. Bởi những biến cố xảy ra vẫn quá thật chẳng có gì mới mẻ. Vào năm 1987 sinh viên xuống đường và Hồ Diệu Bang đổ nhưng vẫn còn Triệu Tử Dương. Năm nay sinh viên xuống đường, Triệu Tử Dương đổ và vào lúc này thì còn ai nữa?

Tội nghiệp thay cho những sinh viên Trung Hoa! Vì chẳng còn đường nào khác, họ lại đi vào vết xe đổ để làm những điều họ đã được dạy. Họ tin rằng họ có thể thay đổi Trung Hoa bằng cách xuống đường và chiếm lấy công trường. Buồn thay, họ chỉ biết có thế! Chẳng hiểu vì lẽ gì họ lại có thể quên được rằng những con người cách mạng đã một lần dùng kế sách dẫn dụ tập thể này chính là những con người sắt đá đã từng cầm súng?

Sử gia thường phân tích những sự thay đổi của Trung Hoa trong quá khứ qua hai chu kỳ. Chu kỳ thứ nhất là nông dân nổi loạn để đẩy Trung Hoa lùi vào quá khứ. Những người lãnh đạo cách mạng thành công trở thành những hoàng đế mới và thống trị với uy quyền còn độc tài hơn những hoàng đế cũ. Chu kỳ thứ hai là một hoàng đế kém uy quyền dẹp được những nhóm nổi loạn để củng cố quyền bính rồi áp dụng chính sách của chính những kẻ nổi loạn làm quốc sách. Tuy thế, lúc ông ta thực sự nắm quyền thì thời gian đã quá trễ để có thể thay đổi sứ mệnh Thiên Tử của mình.

Giờ đây những trận đổ máu và càn quét theo sau cuộc biểu tình ở công trường Thiên An Môn lại khiến tôi nhớ đến những biến cố sau ngày Cách Mạng Văn Hóa. Trong những ngày đó các đảng phái chính trị tự phân hóa thành nhiều nhóm khác biệt. Nhóm nào cũng cho rằng chỉ có nhóm của họ mới thực lòng ủng hộ chủ tịch. Nhóm nào cũng cố triệt hạ những nhóm khác. Có lẽ chẳng nhóm nào hiểu rõ được chủ ý của Mao Trạch Đông. Tôi tin rằng chẳng một ai hiểu rõ được Mao Trạch Đông, cho dù người đó là sinh viên hoặc thuộc giới lãnh đạo, cán bộ hoặc Đặng Tiểu Bình, hoặc Triệu Tử Dương, quân nhân hoặc sĩ quan. Họ chẳng thể nào hiểu rõ được những gì đã xảy ra về trước, trong, hoặc sau ngày bố ráp. Chẳng có gì ngoài sự hỗn loạn. Hơn nữa, khi sự hỗn loạn đó chuyển vào quần chúng thì mức độ hỗn loạn còn gia tăng nhiều hơn vì những tin đồn trong dư luận, nhất là khi những tin đồn đó lại hoàn toàn mâu thuẫn.

Người Bắc Kinh ít bàn luận những biến cố thời sự nhưng ở những chỗ khác, gần như tất cả mọi người đều bàn luận các tin tức thời sự. Họ khen những người ở thủ đô. Vào những tháng 4, tháng 5 và cả tháng 6 khi những người xuống đường đang bị tàn sát và xúc động đang dâng cao mà ở Bắc Kinh vẫn chẳng có nạn cướp bóc, chẳng có dinh thự nào của chính phủ bị phá hoại, chẳng có gia đình nào bị làm khó làm dễ. Tôi thật tự hào mình là người Bắc Kinh! Giữa những người Bắc Kinh chúng tôi lúc nào cũng biết tôn trọng các phong tục văn minh.

Nhiều tiểu ban của đảng đứng đầu trông coi các cơ xưởng, nghiệp đoàn và hội đoàn đã đóng góp thêm tiền niên liêm để trợ giúp các nhóm biểu tình hoặc còn mang cả bích chương khi diễn hành. Giờ đây đảng lại phải nhờ chính những người của các tiểu ban kiểm soát đó giúp họ chấn chỉnh hàng ngũ của các thành viên trong các hội đoàn và thanh tra để thanh lọc hàng ngũ của các tổ mà họ kiểm soát. Tất cả chỉ là một màn hài kịch.

Những sĩ quan quân sự đã đọc diễn văn ở Thiên An Môn cho những đại biểu của các hội đoàn. Họ mở đầu ra sao? *“Binh lính của tôi không phải là những người đã dùng súng bắn vào nhân dân.”*

Chẳng một ai, dù là cán bộ cao cấp hay một anh lính hạng bét, có thể tin lời tuyên bố chính thức của chính phủ. Sau hai tháng nổi sọ thật tử mĩ và chu đáo, chính quyền đã thành công trong việc bắt dân chúng nhái lại những đường lối của đảng mỗi khi có cuộc họp chính trị. Nhưng họ chẳng thể cấm không cho dân chúng nghi ngờ chính phủ. Hậu quả của vấn đề này rồi sẽ ra sao?

Tôi cho rằng người ta chẳng thể cứ mãi dối trá để sống một cuộc đời hai mặt. Đây là một vấn đề khó thể chấp nhận. Chẳng ai có thể chịu đựng mãi khung cảnh khó chịu của một cuộc sống mà trong đó người ta bị buộc phải vừa là mình lại vừa không phải là mình. Chẳng ai có thể chấp nhận một lối sống kỳ quặc đến độ người ta bị buộc phải suy nghĩ bằng ý tưởng riêng của mình mà lại phải phát biểu bằng cảm nghĩ của một người khác. Phải chăng người dân Trung Hoa chỉ vừa mới có dịp phát biểu thực lòng sự suy nghĩ của

mình chỉ trong tháng 5 vừa qua? Giờ đây họ lại bị buộc phải làm quen trở lại với những khuôn mặt đạo đức giả.

Chẳng có gì có thể gọi là an toàn ở Trung Hoa vào giờ phút này. Người nào cũng dối trá. Người nào cũng cho là đường dây điện thoại của mình bị theo dõi.

Bởi thế chính cách nói chuyện của tôi với bà cũng khiến tôi thắc mắc. Cứ mỗi lần nói chuyện xong tôi lại hối hận đã nói những điều mình không nên phát biểu. Trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa, chính bản thân tôi cũng đã bị bắt vì những câu chuyện điện thoại. Thế mà giờ đây tôi vẫn tiếp tục lặp lại những lỗi lầm tôi đã phải trả giá cực đắt khi trước.

Vì sao lúc bà ở đây tôi có thể nói chuyện hoàn toàn tự do? Vì sự hiện diện của bà khiến tôi an tâm. Giờ đây chẳng còn ai có thể cho tôi cảm giác đó nữa. Ngay cả người bạn thân cũ H_ cũng vậy. Giờ đây tôi sợ gặp bà ta hết sức. Vì sự thân cận giữa tôi với bà ấy đã biến hai chúng tôi thành gần như một. Tôi chẳng hiểu nếu một trong hai chúng tôi bị bắt và bị hỏi cung về người kia thì sự thể sẽ ra sao? Chúng tôi sẽ phải nói dối hay nói thật? Nếu nói dối thì sự dối trá đó còn khiến sự lo lắng của chúng tôi tăng lên một mức. Nếu chúng tôi nói dối họ có thể dừng ngay chuyện nói dối đó để bắt người kia hay chẳng?

Tôi đã quá quen với cách lấy khẩu cung của họ. Họ chẳng bao giờ trực tiếp hỏi hoặc trực tiếp lên án các phạm nhân. Họ chỉ bắt các tù nhân báo cáo tất cả những chuyện đã làm trong quá khứ và nói rõ có những ai có mặt ở đó lúc chuyện xảy ra. Thế thì tôi phải viết ra sao về bà bạn H_ và bà ta phải viết thế nào về tôi?

Lúc này tôi dành hầu hết thì giờ ở nhà để nghe nhạc cổ điển. Nhạc hiện đại khó nghe quá và hay làm tôi xao lãng tinh thần. Tôi muốn đưa mình vào quên lãng trong một khoảng thời gian nào đó khác. Nhưng lúc nào tôi cũng thất bại. Tôi muốn có một cô gái nhỏ làm bạn, một người nào đó chẳng biết tí gì về tôi và cũng chẳng để ý gì đến những điều tôi lo nghĩ. Tôi chỉ muốn nói chuyện với cô bạn nhỏ đó về những vấn đề nhỏ nhặt trong đời sống hàng ngày. Tôi chẳng muốn nói chuyện gì về mình nữa.

Tôi muốn hòa mình vào thiên nhiên, vào cây cỏ, vào núi đồi. Tuần rồi tôi đến Hạ Cung vào lúc rạng đông và đi bộ suốt bốn tiếng giữa vùng bao la đó. Trong lúc đi bộ tâm hồn tôi hoàn toàn thoải mái. Tôi không còn phải sợ liệu có một con mắt thứ hai nào đó đang dòm ngó mình không? Tôi không còn phải đề phòng liệu có đôi tai thứ ba nào nghe ngóng mình không? Tôi được một phút vô tư lự, không còn lo có ai bắt mình để thẩm vấn.

Tôi cũng chẳng hiểu liệu bà có hiểu được cảm giác thực sự của tôi như thế nào không? Những biến cố lần này khác hẳn những biến cố của các lần trước đây. Lần này chẳng ai thực sự muốn tố cáo hoặc làm khổ người khác. Bạn bè không còn tụ họp thường xuyên như dạo trước tháng 7 nữa, nhưng mỗi lần tụ họp, họ vẫn phát biểu cảm tưởng rất thực lòng chứ không giả dối như trong giai đoạn Cách Mạng Văn Hóa lúc trước. Ngày nay bạn bè không còn phải sợ

nhau.

Thật sự thì tôi cũng chẳng biết diễn tả tâm trạng tôi thế nào để bà hiểu rõ. Tôi đã thực sự cảm thấy mệt mỏi tột độ. Đúng ra, tôi không nên nói chuyện với bà thế này, nhưng bà lúc nào cũng cố hiểu người Trung Hoa như tôi. Và cuộc sống của tôi là một cuộc sống diễn hình.

Khi tôi gọi điện thoại nói chuyện với F_, chúng tôi vẫn lấy những vấn đề khó nghĩ để làm trò cười.

“À, dạo này thế nào? Còn ăn bắp với râu ngô chứ hả?”

“Chưa. Buồn thiệt, vẫn chưa có ai đến mời mình đi ăn tiệc như thế mới khổ chứ.”

“Ai biết ông thế nào, nhưng tôi thì lúc nào cũng nghĩ đến chuyện đó!”

Bà có thể tưởng tượng những người đã sống tất cả những quãng đời đáng kể trong tù như chúng tôi quan niệm thế nào về đời sống bên ngoài của chúng tôi lúc này không? Có lẽ chẳng có ngôn từ nào đủ để diễn tả cho những người ngoại cuộc hiểu được trọn vẹn mức độ kinh hoàng.

Trong các cuộc họp chính trị, người nào cũng phải nhắc lại đường lối của nhà nước mà trong thâm tâm lại lợm giọng vì tất cả những điều mình nói. Tôi đã cố gắng tránh tất cả các buổi họp vì sợ chẳng biết mình sẽ hành động ra sao. Đã hẳn là tôi không có đủ can đảm để nói ngược lại đường lối của đảng. Nhưng có thể tôi sẽ đặt câu hỏi. Nếu biến cố vừa qua thực sự chỉ là mưu mô của một nhóm đầu não thì tại sao lại có đến một triệu người xuống đường?

Trong bài diễn văn cuối cùng, Triệu Tử Dương, mặt đầy nước mắt đã ngậm loan báo rằng sự nghiệp chính trị của ông đã chấm dứt. Ông tuyên bố với sinh viên: *“[chính trị] không còn là việc của tôi nữa.”* Kể từ đó, lời phát biểu của Triệu Tử Dương đã trở thành câu nói phổ thông của mọi người. Tất cả đều đã nghe giọng nói Hồ Nam và nhớ rõ cách phát biểu của Triệu Tử Dương trong bài diễn văn lần cuối.

Đương nhiên vẫn có một số cán bộ, như những bạn bè của bà, tự nhiên hiện diện khắp nơi, khóc trên TV, viết báo, niêm nở bắt tay ở các buổi tiệc, miệng vẫn bô bô rằng những chuyện quá khứ quả thật khủng khiếp nhưng những chuyện hiện tại thật hợp lý biết bao. Họ làm tôi kinh tởm đến độ buồn nôn.

Ngày nào tôi cũng tự hỏi tại sao tôi lại muốn sang Hoa Kỳ hoặc tôi đến Hoa Kỳ để làm gì? Tôi chẳng còn biết trả lời cách nào cho rõ hơn là trả lời rằng tôi phải cần có không khí để thở. Ở đây không có không khí. Đầu óc tôi lúc nào cũng hỗn loạn đủ mọi thứ chuyện.

Ngày nay cứ mỗi lần tôi không trả lời điện thoại thì hết người này đến người khác gọi nhau để hỏi phải chăng tôi đã bị bắt?

Vì sao lại có chuyện kỳ lạ như vậy? Tại sao họ cứ xem tôi như một chính khách? Sự suy nghĩ của họ thật là khó hiểu. Chính trị đối với tôi là gì? Tôi chỉ biết chính trị qua quan niệm của sử, của triết và chẳng hề có lấy một tí khát vọng tham gia chính trị chứ đừng nói đến có các mục tiêu chính trị! Mâu thuẫn thay, lúc nào tôi cũng cho là Trung Hoa chẳng bao giờ có thể thay đổi một cách nhanh chóng — ít nhất thì tôi cũng tin là Trung Hoa chẳng thể thay đổi nhanh chóng ngay trong thời gian tôi còn sống.

Cho tới khi nào người Trung Hoa mới được giải phóng? Cho tới khi nào họ mới thoát khỏi những tư tưởng tuyên truyền của nhiều thập niên rằng đảng, chính phủ và quốc gia là một và không thể phân chia được? Có lẽ họ chỉ có thể thoát khỏi ảnh hưởng của những điều tuyên truyền đó khi họ nhận thức được rằng đảng, chính phủ và quốc gia là những quan niệm hoàn toàn độc lập và riêng biệt. Vì chỉ khi đó họ mới có thể gạt bỏ tất cả những điều mà cho đến nay họ vẫn cho là chân lý: Nếu cán bộ không tốt thì đảng không tốt, chính phủ không tốt và như thế thì là cả nước đều không tốt — và rồi trong sự thất vọng sâu xa đó, kết luận rằng cả quốc gia đều chẳng có hy vọng gì cả.

Quả thật tôi chỉ xem trọng nghệ thuật, vậy mà chẳng ai chịu coi tôi là nghệ sĩ. Tại sao bạn bè lúc nào cũng chỉ đến gặp tôi chỉ để hỏi về chính trị? Đường như họ chẳng bao giờ chán nghe tôi bàn chuyện thời sự. Chính vì thế nên tuy tôi quả thật khinh bỉ chính trị, tuy tôi chỉ muốn dành hết thời giờ để tìm hiểu nghệ thuật mà lúc nào tôi cũng vẫn bị các vấn đề chính trị bao trùm. Đây là tấn thảm kịch của tôi: Tôi chẳng thể trốn thoát được chính trị.

Hạnh phúc thay là những lúc người ta có thể nhàn đàm với ông bà thân, hoặc với vợ con. Những lúc đó bầu không khí không đến nỗi nặng nề hoặc phải mang màu sắc chính trị. Tất cả những đề tài về mình hoặc của mình đều rõ rệt. Cuộc sống của mình chẳng có gì u tối hoặc phức tạp. Vì thế tôi thường xuyên nghĩ đến bà, nghĩ đến nụ cười của bà. Tôi nghĩ về đôi mắt xanh của chồng bà. Đôi mắt xanh đó toát ra một vẻ thực thà mà vào lúc này có lẽ chẳng còn người đàn ông Trung Hoa nào ở tuổi ông ta còn giữ được.

Tôi chẳng phân biệt rõ được đâu là sự khác biệt giữa bầu trời Hoa Kỳ và bầu trời Trung Hoa, nhưng tôi cảm thấy hai bầu trời đó chắc chắn chẳng thể giống nhau.

Tôi chẳng biết tôi đã nói gì và cũng đã quá mệt, chẳng buồn nghe lại xem mình đã nói gì.

Tôi ước mình có được một cô bạn người Mỹ không hề biết tí gì về Trung Hoa cả. Tôi ước cô bạn đó sẽ dạy tôi tiếng Anh để tôi có dịp được nói đến cha, mẹ, nhà cửa, vườn tược và cây cỏ.

Tôi chẳng biết nghĩ gì. Tôi chẳng biết làm gì. Ở đây chẳng ai có thể hiểu tôi, chẳng ai có thể khuyên tôi, tuy rằng tôi đã quá hiểu mình và thực sự chẳng còn cần phải có người để khuyên bảo tôi nữa.

Trời ơi! tôi thật hết sức muốn được nghe giọng nói của bà, nhưng tôi vẫn

phải nghe mãi giọng nói của chính mình.

Tôi chẳng biết phải nghĩ về mọi chuyện sao cho rành mạch và khúc chiết. Tôi đã 39 tuổi rồi mà vẫn chưa hiểu đời, hiểu mình. Trong tất cả các tác phẩm của tôi, kể cả những tác phẩm tôi viết từ trước mùa xuân vừa rồi, chưa có tác phẩm nào vừa ý tôi. Giờ đây, nghệ thuật lại được đặt dưới sự kiểm soát của Bộ Tuyên Vận. Và những hy vọng của tôi về vấn đề sáng tác do đó còn mơ hồ hơn.

Vì sao nghệ thuật lúc nào cũng là mục tiêu của sự đàn áp? Trong suốt 40 năm Cộng Sản nắm chính quyền, tại sao một nước có truyền thống có nhiều văn sĩ như Trung Hoa vẫn chưa sản xuất được một nhà văn nào xuất sắc? Vào lúc này, thật chẳng ai lại dại dột chọn nghề viết văn như tôi. Càng ngày tôi lại càng mâu thuẫn với chính mình nhiều hơn.

Về mặt cải cách cũng thế. Muốn thực hiện cải cách thì phải có thực quyền. Nhưng Trung Hoa hễ được thả lỏng thì loạn mà hễ không có dân chủ thì lại chẳng thể tiến lên được.

Tôi vẫn còn mù tịt về mọi sự. Dường như tôi đã mù tịt trong suốt cả cuộc đời. Có lẽ đây chẳng qua cũng chỉ là vấn đề số phận. Ngoài chuyện oán trời, trách đất tôi còn làm gì hơn được?

Tôi hy vọng nhận được điện thoại của bà thường xuyên hơn. Buồn thay khoảng thời gian xa cách giữa chúng ta đang càng ngày càng dài. Chẳng những thế, cuộc sống của chúng ta lại thay đổi về hai hướng hoàn toàn trái ngược. Liệu trong tương lai chúng ta còn có thể nói chuyện dễ dàng với nhau hoặc còn thông cảm được nhau sâu xa như trước nữa không?

Tôi chúc bà có được nhiều sáng tác mới. Tôi chúc hai ông bà cụ thân của bà luôn được khoẻ mạnh. Tôi chúc ông nhà được vui trong công việc. Tôi còn chúc được điều gì cho bà nữa nhỉ?

Bà đang ở trong một thế giới khác.

Còn vài tháng nữa là tôi rời Hoa Kỳ. Giáng sinh đã qua nhưng Tết vẫn chưa đến. Vào một ngày không có gì đặc biệt, một người bạn bỗng dừng đến thăm và mang cho tôi một món quà. Bên ngoài gói quà không giấy bọc màu mà cũng không thắt nơ. Chính anh tự tay mở dần miếng giấy báo bọc bên ngoài rồi khế nâng lên một miếng vải trông như một miếng vải thô đã sờn. Miếng vải có lẽ đã bị giặt đến cả trăm lần.

Tôi vừa đưa tay toan đỡ lấy miếng vải thì anh bạn lắc đầu, miệng cười như thể anh vẫn thường cười với tôi mỗi khi chúng tôi cùng nhìn thấy nhau ở xa nhưng không có dịp nói chuyện với nhau ngay được: *“Trước khi nhận món quà này, bà phải hứa với tôi một điều.”*

“Tôi phải hứa thế nào?”

“Bà phải hứa rằng nếu nhận món quà này, bà sẽ không bao giờ nhìn vào đấy mà buồn cho tôi. Bà phải cố tìm cách sao cho món quà có thể mang cho bà một

niềm vui như chính niềm vui nó đã đem đến cho tôi trong suốt 10 năm qua.”

Nghe anh bạn nhắc đến 10 năm, tôi biết chắc rằng anh đang nói đến khoảng đời từ 18 đến 28 của anh lúc đang tù tội. Về sau chính quyền đã thú nhận rằng anh không hề phạm tội. Tôi gật đầu và cố gượng cười.

“Đây là tấm vải tôi dùng đắp lên người trước khi đắp chăn trong những ngày tù. Tấm vải vẫn còn nguyên, vẫn còn sạch. Tấm vải vừa chẳng có giá trị gì cả, vừa vô giá. Trong nhiều trường hợp, cố giữ một tấm vải sạch sẽ như vậy là một công việc khó khăn đến độ thánh cũng phải rùng mình. Có khi tôi chỉ nhận được một tách nước để dùng cho cả ngày và thông thường tôi chỉ nhận được một muống cà phê xà bông để dùng mỗi tháng. Vì không có kim tôi đã phải dùng kim giấy thắt lưng để khâu. Vì không có chỉ tôi đã phải lấy chỉ ngay từ áo sơ mi của mình. Sau 10 năm tù, vào ngày được tha, nhìn tấm vải trắng vẫn còn tinh nguyên, chưa hề rách nát, lòng tôi hân hoan thật không sao tả xiết.”

“Tôi muốn bà giữ tấm vải nhỏ này để nhắc bà rằng bất kể mai hậu tương lai tôi có ra sao tôi vẫn có cách tìm được niềm sung sướng.”

ĐIỆP KHÚC
CÂU CHUYỆN TRUNG HOA